BAOVIET



KHÁT VỌNG VƯƠN MÌNH

BÁO CÁO TÍCH HỢP

2024

NEXT

BAOVIET

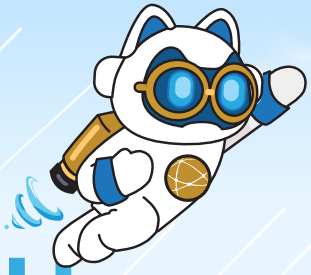
60

1965
2025

GIỮ TRỌN NIỀM TIN

TỰ HÀO 60 NĂM
TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM LÂU ĐỜI NHẤT TẠI VIỆT NAM

BAOVIET Holdings BAOVIET Insurance BAOVIET Life BAOVIET Fund BAOVIET Invest BAOVIET Securities BAOVIET Bank



LỜI MỞ ĐẦU

Năm 2024 được đánh giá là một năm chuẩn bị bắt đầu vào kỷ nguyên mới của toàn dân tộc: ***"Kỷ nguyên vươn mình"***. Đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Hòa chung vào tinh thần của dân tộc, Bảo Việt đánh dấu 60 năm thành lập và phát triển bằng việc thể hiện

KHÁT VỌNG VƯƠN MÌNH

trong kỷ nguyên mới.

Thông điệp chủ đạo **"Khát vọng vươn mình"** thể hiện rõ tinh thần đổi mới, khát khao vươn lên và quyết tâm nâng cao năng lực kinh doanh và quản trị, nhằm xây dựng một tương lai phát triển bền vững, vững vàng vượt qua mọi thử thách, nắm bắt cơ hội trong thời đại mới.

Với nền tảng vững chắc sau 60 năm hình thành và phát triển, Bảo Việt không ngừng nỗ lực tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm, đồng thời củng cố hệ thống quản trị theo các chuẩn mực quốc tế. Những thành quả mà Bảo Việt đạt được không chỉ được đo bằng các con số ấn tượng mà còn bởi sự đổi mới và tinh thần vươn lên không ngừng, khẳng định sự kiên định trong việc tạo dựng giá trị bền vững cho khách hàng, đối tác, cổ đông và cộng đồng.

Năm 2024, trong bối cảnh thị trường tài chính và kinh tế có nhiều biến động, Tập đoàn Bảo Việt đã và đang triển khai những giải pháp chiến lược quan trọng, chú trọng vào việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra những trải nghiệm dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, đồng thời gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Chủ đề **"Khát vọng vươn mình"** cũng phản ánh quyết tâm mạnh mẽ của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống Bảo Việt, khi chúng tôi không chỉ tập trung vào việc phát triển và duy trì sự ổn định, mà còn thúc đẩy sự sáng tạo, khả năng đổi mới, khả năng thích ứng trong một môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp. Đây là lời khẳng định về cam kết của Bảo Việt trong việc thúc đẩy sự chuyển mình mạnh mẽ, phát triển bền vững và nâng cao giá trị của doanh nghiệp trong suốt hành trình dựng xây.

Báo cáo thường niên 2024 là một bức tranh sinh động đa chiều, khắc họa những thành tựu đạt được trong năm qua, đồng thời minh chứng cho những chiến lược dài hạn mà Bảo Việt đã và đang triển khai để xây dựng nền tảng vững mạnh cho sự phát triển trong tương lai. Với tinh thần **"Khát vọng vươn mình"**, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, khẳng định vị thế dẫn đầu, mở rộng các cơ hội hợp tác và tiếp tục đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam.

NỘI DUNG

BÁO CÁO TÍCH HỢP 2024

03 Lời mở đầu
04 Nội dung báo cáo tích hợp 2024
05 Điểm nhấn báo cáo tích hợp 2024
06 Điểm nhấn đầu tư

KHÁT VỌNG VƯƠN MÌNH



11 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

13 Báo cáo được đảm bảo bởi kiểm toán nội bộ
14 Thông điệp của Quyền Chủ tịch HĐQT
16 Thông điệp của Tổng Giám đốc
19 Thông điệp của cổ đông chiến lược Sumitomo Life
21 Tổng quan Tập đoàn Bảo Việt
24 Cơ cấu quản trị Tập đoàn Bảo Việt
25 10 Dấu ấn năm 2024
26 Giải thưởng tiêu biểu 2024
27 Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs)

HỢP LỰC



28 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

30 Môi trường kinh doanh: Cơ hội và thách thức
35 Mô hình hoạt động kinh doanh và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng
40 Gắn kết các bên liên quan
46 Xác định các lĩnh vực trọng yếu
49 Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt
59 Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

ĐỔI MỚI



70 HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

72 Tổng quan kinh tế Việt Nam
73 Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành
120 Đánh giá của Hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động của Bảo Việt
123 Báo cáo hoạt động của các đơn vị thành viên
126 Báo cáo hoạt động Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
133 Báo cáo hoạt động Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
142 Báo cáo hoạt động Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
145 Báo cáo hoạt động Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt
148 Báo cáo hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

HIỆU QUẢ



155 QUẢN TRỊ CÔNG TY

158 Tổng quan về QTCT tại Tập đoàn Bảo Việt
171 Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên
183 Báo cáo của HĐQT
200 Báo cáo hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT
214 Báo cáo của Ban Kiểm soát
220 Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, BKS
222 Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp theo thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN
247 Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ
264 Quản lý rủi ro
279 Pháp chế và tuân thủ
282 Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

CHUYỂN ĐỔI KÉP



289 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

292 Tổng quan hoạt động phát triển bền vững tại Bảo Việt
296 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
300 Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động
318 Sự kiện và hoạt động thuộc trọng tâm phát triển bền vững của Bảo Việt

MINH BẠCH



349 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

351 Báo cáo tài chính hợp nhất theo VAS
413 Báo cáo tài chính riêng theo VAS (tóm tắt)
417 Báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt dựa theo IFRS (tóm tắt)

PDF

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Báo cáo này đã được xuất bản dưới dạng PDF tương tác, cho phép người xem dễ dàng tiếp cận báo cáo nhanh chóng và dễ dàng bằng cách click vào **Tên chương, Tiêu đề trang** bên trên để di chuyển đến các trang cần quan tâm.

Gắn kết 17 mục tiêu phát triển bền vững củaThế giới vào Hoạt động của Bảo Việt

ESG
Tích hợp ESG trong Chiến lược, Quản trị điều hành hướng đến phát triển bền vững

Sử dụng phiên bản video, hình ảnh hóa dữ liệu

Được đảm bảo bởi Kiểm toán nội bộ với các chỉ tiêu Phi tài chính

Báo cáo tích hợp theo chuẩn mực IIRC quốc tế

Điểm nhấn

BÁO CÁO TÍCH HỢP
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
2024



Truy cập vào website: **baoviet.com.vn**
Chúng tôi mong muốn lắng nghe ý kiến từ các Quý vị để nâng cao chất lượng nội dung báo cáo.

Vui lòng liên hệ Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư
E/ thongtin@baoviet.com.vn
T/ (+84) 24 3928 9999

TÍCH HỢP ĐA NỀN TẢNG
CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI
THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG
TÍCH HỢP ESG
BÁO CÁO TƯƠNG TÁC

Scan để xem phiên bản trực tuyến

Báo cáo phát triển bền vững theo Gri standards

Ứng dụng GRI digital platform trong việc lập báo cáo

IFRS
Báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt

Nâng cao trải nghiệm người đọc trên ứng dụng đa nền tảng

CSI
Bộ tiêu chuẩn đánh giá, xếp hạng Doanh nghiệp bền vững Việt Nam

Điểm nhấn đầu tư

Vị thế khác biệt và vượt trội

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Bảo Việt có lịch sử lâu đời với 60 năm phát triển, thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường.

Vai trò tạo lập và phát triển thị trường

Bảo Việt tích cực tham gia tạo lập thị trường bảo hiểm và thị trường vốn trên thị trường tài chính Việt Nam.

Tiềm năng tăng trưởng lớn

Luôn thuộc nhóm dẫn đầu các tổ chức tài chính có tỷ lệ sinh lời ROE, ROA cao nhất.

Cổ phiếu BVH hấp dẫn nhà đầu tư

Tập đoàn Bảo Việt là công ty niêm yết có vốn hóa thị trường lớn, cổ phiếu BVH đóng vai trò dẫn dắt trong nhóm ngành bảo hiểm

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ



1

VỊ THẾ KHÁC BIỆT VÀ VƯỢT TRỘI

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Bảo Việt có lịch sử lâu đời với 60 năm phát triển, thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm nhất trên thị trường tài chính bảo hiểm với hơn 220.000 cán bộ, đại lý, tư vấn viên.

Mạng lưới phân phối quy mô lớn, gồm 180 chi nhánh, hơn 1000 phòng giao dịch bảo hiểm bao phủ rộng khắp các tỉnh thành của Việt Nam mà không một tập đoàn tài chính - bảo hiểm nào tại Việt Nam có thể so sánh được.

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm dẫn đầu các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác với tổng doanh thu hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ năm 2024 đạt 11.928 tỷ đồng; tổng doanh thu lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đạt 43.551 tỷ đồng, tiếp tục thuộc top dẫn đầu về thị phần tổng doanh thu phí cả lĩnh vực nhân thọ và phi nhân thọ.

Cung cấp đa dạng sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ đáp ứng nhu cầu của cá nhân và doanh nghiệp. Nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của bảo hiểm trong quản lý rủi ro.

Đóng góp vào ngân sách Nhà nước và các hoạt động đầu tư, hỗ trợ các chương trình an sinh xã hội.



Bảo Việt tích cực tham gia tạo lập thị trường bảo hiểm và thị trường vốn trên thị trường tài chính Việt Nam.

Bảo Việt luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm vi mô...

Bảo Việt liên tục nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua ứng dụng Công nghệ và tối ưu hóa quy trình hoạt động thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh trong ngành bảo hiểm.

VAI TRÒ TẠO LẬP VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

2

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

Bảo Việt đã xây dựng nền tảng tạo đà
cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai và chuẩn bị
sẵn sàng khai thác các cơ hội lớn trên thị trường tài chính
bảo hiểm Việt Nam.

Kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững, hiệu quả.

Bảo Việt đạt kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận
ổn định vững chắc qua các năm trên các mảng Bảo hiểm
– Đầu tư – Tài chính – Ngân hàng.

Luôn thuộc nhóm dẫn đầu các tổ chức tài chính có tỷ lệ
sinh lời ROE, ROA cao nhất.

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG LỚN

3



ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

4

CỔ PHIẾU BVH HẤP DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Tập đoàn Bảo Việt là công ty niêm yết có vốn hóa thị trường lớn, cổ phiếu BVH đóng vai trò dẫn dắt trong nhóm ngành bảo hiểm, thanh khoản cao và luôn nằm trong danh mục sở hữu của các quỹ ETFs nước ngoài tại Việt Nam.

Thuộc nhóm dẫn đầu trong các tổ chức tài chính có tỷ lệ cổ tức bằng tiền ổn định qua các năm.





KHÁT VỌNG VƯƠN MÌNH

Cột mốc 60 năm không chỉ khẳng định giá trị và uy tín, mà còn là minh chứng thể hiện khát vọng mãnh liệt trong việc tiếp tục kiến tạo giá trị tích cực, bền vững và góp phần xây dựng một Việt Nam vững mạnh

KHÁT VỌNG VƯƠN MÌNH

Được thành lập từ năm 1965, Bảo Việt tự hào với hành trình 60 năm không ngừng phấn đấu vì sứ mệnh "Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng". Cột mốc 60 năm không chỉ khẳng định giá trị và uy tín, mà còn là minh chứng thể hiện khát vọng mãnh liệt trong việc tiếp tục kiến tạo giá trị tích cực, bền vững và góp phần xây dựng một Việt Nam vững mạnh.

180 CHI NHÁNH
Hệ thống phân phối quy mô lớn

>1.000 PHÒNG GIAO DỊCH
tại các tỉnh thành trên toàn quốc

100 SẢN PHẨM
Bảo hiểm phi nhân thọ

30 SẢN PHẨM
Bảo hiểm nhân thọ

18 TRIỆU
Khách hàng

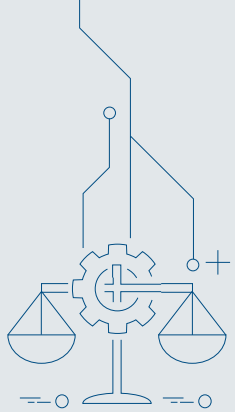
>220.000
Đại lý và tư vấn viên

~6.500
Cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống

Trong **TOP 50**
Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam

Tập đoàn Bảo Việt là
"Thương hiệu bảo hiểm giá trị nhất Việt Nam"
với giá trị thương hiệu đạt
731 TRIỆU USD

Báo cáo được đảm bảo bởi kiểm toán nội bộ



BAOVIET Holdings
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Số: ... /2025/TĐBV-KTNB
V/v: Đảm bảo một số chỉ tiêu Phát triển bền vững

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Tập đoàn Bảo Việt

Để đảm bảo độ tin cậy của một số chỉ tiêu trên Báo cáo Phát triển bền vững năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện đảm bảo có giới hạn một số chỉ số Phát triển bền vững năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo Phát triển bền vững năm 2024 theo Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI). Đồng thời Ban Điều hành chịu trách nhiệm về việc thiết kế và thực thi các kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo sự hợp lý của thông tin, số liệu trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt.

Trách nhiệm của Khối Kiểm toán nội bộ

Khối Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm đưa ra các ý kiến đánh giá độc lập, khách quan về các chỉ số Phát triển bền vững được lựa chọn tại Báo cáo Phát triển bền vững năm 2024 của Tập đoàn dựa trên quy trình, phương pháp đã được quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ, Quy chế/Quy trình Kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt. Quy định này yêu cầu các kiểm toán viên của Khối Kiểm toán nội bộ tuân thủ Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, phương pháp đánh giá dựa trên rủi ro cho các bước tiến hành từ khâu lập kế hoạch, triển khai nhằm đưa ra kết luận.

Việc triển khai dịch vụ đảm bảo được tiến hành chủ yếu thông qua phương pháp phỏng vấn, thực hiện rà soát và đối chiếu thông tin, dữ liệu.

Kết quả đảm bảo đã được thảo luận với lãnh đạo các Ban chức năng/đơn vị có liên quan.

Phạm vi rà soát và đảm bảo

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, Khối Kiểm toán nội bộ cung cấp dịch vụ đảm bảo có giới hạn cho 05 chỉ số Phát triển bền vững tại Báo cáo Phát triển bền vững năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của GRI bao gồm:

- **GRI 2-7:** Nhân viên;
- **GRI 202-1:** Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng;
- **GRI 405-1:** Sự đa dạng của cấp quản trị và nhân viên;
- **GRI 413-1:** Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển;
- **GRI G4-FS7:** Giá trị (bằng tiền) của sản phẩm và dịch vụ được thiết kế phục vụ một lợi ích xã hội nhất định cho từng lĩnh vực kinh doanh phân theo mục đích.

Kết luận

Dựa trên các thủ tục đảm bảo đã nêu trên, Khối Kiểm toán nội bộ nhận thấy các chỉ tiêu Phát triển bền vững được lựa chọn trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt đã được trình bày trung thực và phù hợp trên các khía cạnh trọng yếu theo quy định tại Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của GRI.

KT. GIÁM ĐỐC KHỐI KIỂM TOÁN NỘI BỘ
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG VINH



Thông điệp của Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cán mốc

2.000 TỶ ĐỒNG

Chúng tôi tin tưởng rằng khi có niềm tin và cùng chung một chí hướng **"Đoàn kết – Chia sẻ – Hợp lực – Đổi mới – Tiên phong"**, chúng tôi sẽ vượt qua mọi thách thức để cùng đưa Bảo Việt vươn xa, phát triển hiệu quả, bền vững và hiện thực hóa tầm nhìn tới 2030 của Bảo Việt là "Bền vững là Tập đoàn uy tín, lớn nhất trong lĩnh vực Tài chính – Bảo hiểm tại Việt Nam".

THÔNG ĐIỆP CỦA QUYỀN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2024 đã khép lại với những thành tựu đáng tự hào và những thách thức mới. Kinh tế thế giới tiếp tục chứng kiến những biến động nhanh chóng: cạnh tranh kinh tế và địa chính trị gia tăng, biến đổi khí hậu, cùng với áp lực chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng, khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường tài chính - bảo hiểm tại Việt Nam, hướng tới vươn tầm quốc tế.

Năm 2024, Bảo Việt đã gặt hái những kết quả ấn tượng với các đơn vị thành viên vẫn duy trì vị thế thuộc Top dẫn đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, quản lý quỹ và chứng khoán. Các tổ chức uy tín trong và ngoài nước tiếp tục vinh danh Bảo Việt với những giải thưởng danh giá, khẳng định giá trị thương hiệu và vị thế tiên phong trên thị trường.

Bên cạnh việc tăng trưởng kinh tế, Bảo Việt tiếp tục cam kết với sứ mệnh phát triển bền vững, đặc biệt là trong các lĩnh vực chủ chốt: bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội và quản trị doanh nghiệp theo chuẩn quốc tế. Việc thích ứng và đầu tư vào tài chính xanh, cùng đồng hành với doanh nghiệp và khách hàng trong quá trình chuyển đổi bền vững là những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn của Bảo Việt.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của các cơ quan quản lý, sự đồng lòng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên, Bảo Việt cam kết tiếp tục phát huy nội lực, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển hệ sinh thái tài chính – bảo hiểm số toàn diện nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Đổi mới - Vươn xa

Bước vào năm 2025, Bảo Việt xác định đây là thời điểm bản lề để tăng tốc thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2030. Với hai chiến lược trụ cột Chuyển đổi số và Chuyển đổi xanh, Bảo Việt đặt mục tiêu không chỉ tối ưu hóa hoạt động kinh doanh mà còn lan tỏa những giá trị bền vững đến cộng đồng và nền kinh tế.



Sẽ tiếp tục được đẩy mạnh nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, hiện đại hóa quy trình vận hành và phát triển các sản phẩm tài chính – bảo hiểm trọn gói, tích hợp, thông minh, tạo lợi thế cạnh tranh trong kỷ nguyên số.

Sẽ được triển khai sâu rộng thông qua việc đầu tư vào các danh mục tài chính bền vững, phát triển các giải pháp bảo hiểm gắn với trách nhiệm môi trường, đồng hành cùng cộng đồng và doanh nghiệp trong hành trình hướng tới một tương lai xanh.

Những thành tựu đã đạt được là động lực để Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong của một tập đoàn tài chính – bảo hiểm hàng đầu Việt Nam. Với sự sáng tạo, quyết tâm và nỗ lực không ngừng, Bảo Việt sẽ chinh phục những tầm cao mới, đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế và cộng đồng, đưa thương hiệu Bảo Việt vươn xa hơn trên trường quốc tế.



Bảo Việt – Vững vàng phát triển – Khát vọng vươn mình!

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
QUYỀN CHỦ TỊCH

Trần Thị Diệu Hằng

Thông điệp của Tổng Giám đốc

KHÁT VỌNG *VƯƠN MÌNH*

Kiến tạo không chỉ đơn giản là việc thích nghi với môi trường mới, mà còn là việc chủ động định hình và tạo ra những cơ hội mới. Bảo Việt sẽ không ngừng đầu tư vào năng lực và tài nguyên để phát triển những giải pháp tài chính và bảo hiểm đột phá, mang lại giá trị thiết thực cho cả khách hàng và cộng đồng

Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám Đốc

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Thân gửi các quý cổ đông, khách hàng và đồng nghiệp,

Năm 2024 khép lại với nhiều khó khăn, thách thức có ảnh hưởng kéo dài từ biến đổi khí hậu toàn cầu bất thường, căng thẳng địa chính trị gia tăng và các cuộc xung đột leo thang ở Ukraine và Trung Đông. Tuy nhiên, 2024 cũng là năm với nhiều điểm sáng với các chỉ số kinh tế vĩ mô của Việt Nam duy trì ở mức độ tích cực, có nhiều tín hiệu lạc quan về tăng trưởng và triển vọng phát triển của nền kinh tế nước Việt Nam trong thời gian tới.

Thị trường bảo hiểm trong giai đoạn 2023-2024 gặp nhiều khó khăn và biến động. Tuy nhiên, các doanh nghiệp bảo hiểm đã quyết liệt triển khai các giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động, chú trọng đến chất lượng tăng trưởng, nhờ đó tuy tốc độ phục hồi còn chậm nhưng đã có những tín hiệu hồi phục khả quan nên. Kết thúc năm 2024, tổng tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm ước đạt 1.007.204 tỷ đồng (tăng 10,88% so với cùng kỳ năm trước); Tổng nguồn vốn chủ sở hữu ước đạt 210.124 tỷ đồng (tăng 6,45%); Tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt 227.495 tỷ đồng (giảm 0,26%; Chi trả bảo hiểm ước đạt 93.906 tỷ đồng (tăng 17,94%). Trong năm 2024, các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt 850.075 tỷ đồng (tăng 13,17% so với cùng kỳ năm trước) và gia tăng tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm 13,26%, ước đạt 676.265 tỷ đồng, đặc biệt, các doanh nghiệp bảo hiểm tăng 17,94% số tiền chi trả quyền lợi bảo hiểm, ước đạt 93,906 tỷ đồng.

Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt đã phối hợp với các đơn vị thành viên triển khai nhiều giải pháp quan trọng, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững, trong đó trọng tâm là nghiên cứu và triển khai các ứng dụng công nghệ hiện đại, phát triển công cụ hỗ trợ bán hàng cho đại lý nhằm mang đến các trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường; tiếp tục triển khai mạnh mẽ và hiệu quả dự án hợp lực bán chéo sản phẩm giữa Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Tập đoàn Bảo Việt cũng đang đẩy mạnh hoàn thiện cơ bản hệ thống các quy định nội bộ phù hợp với các quy định mới của pháp luật, tạo hành lang quản trị thống nhất, toàn diện để đảm bảo sự quản lý tập trung xuyên suốt từ Tập đoàn tới các đơn vị thành viên trong các lĩnh vực then chốt là nhân sự, tài chính, đầu tư, xây dựng trụ sở, thương hiệu, công nghệ thông tin, tạo điều kiện cho các đơn vị thành viên tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, tối ưu hóa lợi thế mạng lưới và tính chuyên nghiệp của từng đơn vị thành viên trong toàn Tập đoàn



Tổng tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2024 ước đạt

1.007.204 TỶ ĐỒNG

tăng 10,88% so với cùng kỳ năm trước

Tổng doanh thu phí bảo hiểm năm 2024 ước đạt

227.495 TỶ ĐỒNG

Chi trả bảo hiểm ước đạt 93.906 tỷ đồng (tăng 17,94%).

Song song với hiện đại hóa công nghệ, Bảo Việt không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng các kênh phân phối, mang lại niềm tin và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Chính vì vậy, trong năm vừa qua Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước vinh danh với nhiều giải thưởng danh giá; giá trị thương hiệu của Bảo Việt tiếp tục được khẳng định trên thị trường tài chính – bảo hiểm Việt Nam.

THÔNG ĐIỆP CỦA QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

2025 - "Khát vọng vươn mình"

Chuyển mình cùng cuộc cách mạng công nghệ và sự biến đổi toàn cầu diễn ra với tốc độ chóng mặt, người Bảo Việt không chỉ là những người chứng kiến mà còn là những người tiên phong định hình tương lai. Bước vào năm 2025, với việc lựa chọn "Khát vọng vươn mình" là thông điệp xuyên suốt Báo cáo thường niên năm nay, Tập đoàn Bảo Việt khẳng định và cam kết về sự chuyển mình mạnh mẽ, không ngừng đổi mới, quyết tâm nâng cao năng lực kinh doanh và quản trị, nhằm xây dựng một tương lai phát triển bền vững, vững vàng vượt qua mọi thử thách và vững bước đồng hành cùng dân tộc trong Kỷ nguyên mới.



Bảo Việt sẽ tăng cường thúc đẩy hợp tác mạnh mẽ giữa lĩnh vực phi nhân thọ và nhân thọ trong việc phát triển sản phẩm mới tạo sự khác biệt cạnh tranh trên thị trường; cải thiện hiệu quả trong hoạt động đầu tư nhằm gia tăng tỷ suất lợi nhuận cho khách hàng, cổ đông và nhà đầu tư, từng bước phát triển bền vững hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025 tiến tới đạt các mục tiêu chiến lược cả giai đoạn 2021 – 2030 đề ra.

Kiến tạo không chỉ đơn giản là việc thích nghi với môi trường mới, mà còn là việc chủ động định hình và tạo ra những cơ hội mới. Bảo Việt sẽ không ngừng đầu tư vào năng lực và tài nguyên để phát triển những giải pháp tài chính và bảo hiểm đột phá, mang lại giá trị thiết thực cho cả khách hàng và cộng đồng

Trên nền tảng công nghệ đã được trang bị, phát huy sức mạnh trí tuệ con người Bảo Việt, tôi tin rằng Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục là doanh nghiệp tiên phong trong việc định hình tương lai, không chỉ trong lĩnh vực tài chính-bảo hiểm mà còn trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững chung của toàn xã hội.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt, tôi xin trân trọng cảm ơn các Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác, các cơ quan quản lý Nhà nước cùng toàn thể cán bộ nhân viên, đại lý, tư vấn viên trong toàn hệ thống đã luôn đồng hành cùng Bảo Việt trong suốt thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới. Cùng nhau, chúng ta sẽ kiến tạo một tương lai tươi sáng, Bảo Việt - nơi người dân an tâm hơn về tài chính và tương lai của mình.

Kính chúc toàn thể Quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn.

Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám Đốc
Tập đoàn Bảo Việt

Thông điệp của Cổ đông chiến lược Sumitomo Life



Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo Life là đối tác chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt.

Để hiện thực hóa triết lý quản lý cơ bản của Tập đoàn Sumitomo Life, đó là trở thành một "Tập đoàn bảo hiểm không ngừng đóng góp cho Well-being của Nhật Bản, thế giới và tương lai của hành tinh", chúng tôi đã xây dựng một tầm nhìn tới năm 2030: trở thành "Tập đoàn bảo hiểm không thể thiếu" đóng góp vào Well-being.

Để đạt được mục tiêu này, Sumitomo Life sẽ không chỉ tập trung vào các lĩnh vực đáp ứng nhu cầu của khách hàng như "bảo hiểm", "tăng cường sức khỏe", mà còn tích cực tham gia vào các hoạt động giải quyết các vấn đề xã hội như "hồi sinh khu vực", "môi trường toàn cầu", cũng như thúc đẩy các sáng kiến hỗ trợ Well-being của tất cả các bên liên quan, bao gồm cả các đối tác kinh doanh và nhân viên của chúng tôi. Bên cạnh đó, các giá trị tiên tiến của Sumitomo Life đều tập trung vào Vitality - một loại hình bảo hiểm giúp tăng cường sức khỏe của Sumitomo Life, qua đó, chúng tôi mong muốn góp phần mang lại "Cuộc sống tốt đẹp hơn" cho càng nhiều người càng tốt và đạt được một tương lai bền vững.

Năm 2024, Sumitomo Life đã mua lại toàn bộ Singlife, một công ty bảo hiểm nhân thọ có trụ sở tại Singapore. Khoản đầu tư này thể hiện niềm tin mạnh mẽ của chúng tôi vào tiềm năng của thị trường bảo hiểm Đông Nam Á. Chúng tôi tiếp tục dành sự kỳ vọng cao đối với thị trường bảo hiểm Việt Nam nói chung và Bảo Việt nói riêng, và cam kết sẽ hỗ trợ cho quá trình phát triển của các công ty.

Kể từ năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt và Sumitomo Life đã không ngừng xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược vững chắc. Sumitomo Life đã tăng cường hiểu sự biết lẫn nhau thông qua việc cử nhiều nhân sự là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và chuyên gia kỹ thuật, cũng như giao lưu trao đổi giữa hai quốc gia, để hỗ trợ cho sự phát triển hơn nữa của Tập đoàn Bảo Việt.

Bên cạnh đó, trong năm 2019, Sumitomo Life đã tăng vốn cho Bảo Việt, góp phần củng cố tiềm lực tài chính của Bảo Việt, đồng thời cử nhân sự mới về Tập đoàn Bảo Việt để tăng cường hỗ trợ xây dựng chiến lược trung hạn trong giai đoạn tiếp theo, cũng như hỗ trợ đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ. Trong hành trình này, với tư cách là đối tác chiến lược, chúng tôi rất vinh dự được tham dự buổi Lễ kỷ niệm trọng đại nhân dịp 60 năm thành lập của Bảo Việt.

Năm 2024 là năm Việt Nam đã chịu thiệt hại nặng nề do cơn bão Yagi gây ra. Sumitomo Life xin gửi lời chia buồn đến các nạn nhân của cơn bão và đánh giá rất cao sự phản hồi chân thành và kịp thời của đội ngũ nhân viên, tư vấn viên của Bảo Việt đối với khách hàng.

Trong bối cảnh thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam phải đối mặt với một môi trường đầy thách thức vào năm 2024, Bảo Việt vẫn khẳng định vững chắc vị thế thương hiệu số một trên thị trường bảo hiểm Việt Nam bằng cách từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh, tập trung vào kênh đại lý bán hàng và thực hiện quản lý kinh doanh một cách ổn định, phát triển theo hướng bền vững. Điều này rất đáng được khích lệ.

Sumitomo Life tin tưởng rằng, phương châm và mục tiêu "Trở thành một công ty không thể thiếu trong việc đóng góp cho well-being của khách hàng, xã hội" của chúng tôi đang được Bảo Việt chia sẻ. Sumitomo Life sẽ thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác và cùng phát triển với Bảo Việt!

TAKADA YUKINORI
Tổng Giám đốc Sumitomo Life

THÔNG ĐIỆP CỦA CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC SUMITOMO LIFE

Xếp hạng tín nhiệm Moody's S&P

A1 A+

Năm thành lập:
tháng 5 năm 1907

Trụ sở chính:
Tokyo và Osaka, Nhật Bản

Mạng lưới tại Nhật Bản:
92 văn phòng chi nhánh, 1.531 văn phòng quận

Trên thế giới:
Các công ty bảo hiểm nhân thọ tại Mỹ, Việt Nam, Indonesia, Singapore và Trung Quốc

Các văn phòng đại diện tại:
New York, London, Hà Nội, Singapore và Bắc Kinh





252,3 TỶ USD
Tổng tài sản
(Chưa hợp nhất)

13,0 TỶ USD
Tổng tài sản thuần
(chưa hợp nhất)

14,3 TỶ USD
Tổng doanh thu
phí bảo hiểm

10.429 NGƯỜI
Số lượng nhân viên

32.082 NGƯỜI
Số lượng tư vấn viên

Tổng quan Tập đoàn Bảo Việt



TÀI CHÍNH | ĐẦU TƯ | BẢO HIỂM Nhân thọ & Phi nhân thọ | NGÂN HÀNG

Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu với lịch sử 60 năm tiên phong khai mở và đồng hành cùng sự phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam

Tên giao dịch: **Tập đoàn Bảo Việt**
Địa chỉ: **Số 8, Phố Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**

VỐN ĐIỀU LỆ
7.423.227.640.000 VNĐ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt được đăng ký thay đổi 15 lần với lần thứ 15 được thực hiện vào ngày 12/7/2022.

DANH MỤC SẢN PHẨM

100	30	
Sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ	Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ	Cung cấp tất cả các dịch vụ bảo hiểm, chứng khoán, quản lý quỹ, ngân hàng

- Thành lập ngày **15/01/1965**
- **~6.500** Cán bộ toàn hệ thống Bảo Việt (tính đến 31/12/2024)
- **220.000** Đại lý và tư vấn viên (tính đến 31/12/2024)
- **18.000.000** Khách hàng
- **180** Chi nhánh
- **1.000+** PGD tại các tỉnh thành trong cả nước

TỔNG QUAN TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tầm nhìn

Bền vững là Tập đoàn uy tín, lớn nhất
trong lĩnh vực Tài chính - Bảo hiểm tại Việt Nam



Giá trị cốt lõi

Tinh thần trách nhiệm:
Minh bạch và trung thực; thể hiện tinh thần trách nhiệm với khách hàng, cộng đồng và đồng nghiệp.

Tinh thần hợp tác:
Thể hiện tinh thần hợp tác và tôn trọng đồng nghiệp.

Năng động:
Luôn năng động và sẵn sàng tiếp nhận các ý tưởng, cơ hội mới.

Chất lượng:
Tăng cường chất lượng hiệu quả công việc và hướng tới chuẩn mực cao hơn.

Dễ tiếp cận:
Tạo phong cách làm việc gần gũi, dễ tiếp cận và phục vụ khách hàng chu đáo như phục vụ chính mình.

Sứ mệnh

Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài
cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng

TỔNG QUAN TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

HÀNH TRÌNH GIỮ TRỌN NIỀM TIN

60 1965 2025

1965 2024

1960s

1965
Công ty Bảo hiểm Việt Nam chính thức đi vào hoạt động ngày 15/01/1965.

1989
Công ty Bảo hiểm Việt Nam chuyển đổi thành Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.

1996
Thành lập công ty bảo hiểm nhân thọ đầu tiên trên thị trường.

Trở thành công ty bảo hiểm hỗn hợp đầu tiên tại Việt Nam.

1999
Thành lập Công ty Chứng khoán Bảo Việt, là công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường.

2000s

2005
Thành lập Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.

2007
IPO và thành lập Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.

HSBC Insurance mua 10% cổ phần tại Bảo Việt.

2008
Thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

2009
Cổ phiếu BVH được niêm yết trên HOSE.

Thành lập Công ty Đầu tư Bảo Việt.

HSBC Insurance tăng vốn góp tại Bảo Việt lên 18%.

2010s

2010
Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới.

2011
Tập đoàn Bảo Việt tăng vốn điều lệ lên 6.805 tỷ đồng thông qua phát hành riêng lẻ cho các cổ đông hiện hữu.

2012
Sumitomo Life trở thành cổ đông chiến lược của Bảo Việt.

Ngân hàng Bảo Việt hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.

2013
Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng.

2014
Tổ chức các hoạt động chào mừng 50 năm thành lập Bảo Việt

2015
Hoàn thành Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt giai đoạn 2011-2015.

2016
Tập đoàn tài chính - bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam vượt mốc doanh thu 1 tỷ USD.

2017
Khai trương Siêu thị Tài chính đầu tiên của Bảo Việt, tái định vị thương hiệu để vươn tầm quốc tế

2018
Tiên phong trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

2019
Thực hiện thành công dự án Phát hành riêng lẻ với đối tác Sumitomo Life, nâng tổng số vốn điều lệ của Bảo Việt lên mức 7.423 tỷ đồng, giúp Tập đoàn hoàn thành chiến lược tăng vốn 2016-2020.

2020s

2020
Hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh trong điều kiện dịch bệnh Covid ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn toàn cầu.

2021
Thích ứng an toàn trong đại dịch, tổng doanh thu hợp nhất vượt 2 tỷ USD.

2022
Chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 30,261% (tương đương hơn 2.246 tỷ đồng), là mức cao kỷ lục trong lĩnh vực bảo hiểm.

2023
Hoàn thành xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2035 của Tập đoàn Bảo Việt

2024

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cán mốc

2.000
TỶ ĐỒNG











Cơ cấu quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Tập đoàn Bảo Việt
(Tại thời điểm 31/12/2024)



10 dấu ấn năm 2024

Năm 2024 là trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn thời cơ, một năm tiền đề cho sự phát triển vượt bậc với hầu hết các ngành kinh tế nói chung và Bảo Việt nói riêng. Chúng ta hãy cùng nhìn lại một năm 2024 thông qua việc điểm lại 10 dấu ấn tiêu biểu, thể hiện kết quả đáng tự hào của toàn hệ thống.

1.
Bảo Việt tự hào Hành trình 60 năm Giữ trọn niềm tin

2.
Tổng doanh thu hợp nhất đạt 56.875 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất cán mốc 2.000 tỷ đồng

3.
Bảo Việt khẳng định vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm nhân thọ; giữ vị thế dẫn đầu trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ

4.
Lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, quản lý quỹ đạt kết quả khả quan

5.
Bảo Việt tiếp tục đạt nhiều bước tiến công nghệ - chuyển đổi số trong thời đại công nghệ số 4.0

6.
Đơn vị thành viên ra mắt các sản phẩm dịch vụ mới ưu việt, triển khai các chương trình tri ân khách hàng, lấy khách hàng làm trung tâm

7.
Hợp lực bán chéo phát huy sức mạnh lợi thế hệ sinh thái Bảo Việt nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, đóng góp 1.000 tỷ đồng doanh thu





9.
Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế thương hiệu hàng đầu với nhiều danh hiệu, giải thưởng danh giá

8.
Công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Tập đoàn Bảo Việt đạt nhiều kết quả quan trọng

10.
Bảo Việt tích cực đóng góp cho các hoạt động an sinh xã hội, vì một tương lai phát triển bền vững

Các giải thưởng tiêu biểu năm 2024

Trong năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã đạt được nhiều giải thưởng danh giá, thể hiện sự ghi nhận của các tổ chức uy tín trong và ngoài nước đối với định chế tài chính – bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.



1.

Thủ tướng Chính phủ **Phạm Minh Chính** trao biểu trưng

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM 2024

cho Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ Bảo Việt và Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ Bảo Việt.

2. Bảo Việt được vinh danh Top 10 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam

3. Bảo Việt 12 năm liên tiếp trong Danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam

4. Bảo Việt là doanh nghiệp bảo hiểm duy nhất của Việt Nam lần đầu tiên được xếp hạng trong Fortune Đông Nam Á 500

5. Bảo Việt - Doanh nghiệp Việt 3 năm liên tiếp trong bảng Xếp hạng doanh nghiệp bền vững trong nhóm Chỉ số Dow Jones Sustainability Indices

6. Bảo Việt được vinh danh trong Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm tài chính

7. Bảo Việt đạt giải Báo cáo phát triển bền vững trình bày ấn tượng nhất

8. Giải Bạch Kim danh giá nhóm ngành Tài chính - Bảo hiểm cho cả Báo cáo thường niên và Báo cáo Phát triển bền vững, Top 5 Báo cáo thường niên xuất sắc nhất của Việt Nam, Giải Vàng cho Báo cáo xuất bản nội bộ và Giải Báo cáo ứng dụng công nghệ xuất sắc; Xếp hạng 17/100 Báo cáo thường niên tốt nhất thế giới (LACP, Hoa Kỳ)

9. Bảo Việt Nhân thọ: 8 năm dẫn đầu Top 10 Công ty bảo hiểm nhân thọ uy tín Việt Nam, Top 10 Thương hiệu tiêu biểu Châu Á - Thái Bình Dương, Công ty bảo hiểm nhân thọ tốt nhất Việt Nam 2024, Công ty bảo hiểm nhân thọ mang tới sự hài lòng và hạnh phúc cho khách hàng

10. Bảo hiểm Bảo Việt: Top 10 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam 2024 ngành Bảo hiểm phi nhân thọ, Top 500 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam 2024, doanh nghiệp "60 năm thành tựu xuất sắc - Ngành Bảo hiểm Việt Nam" (Global Banking & Finance Review)

11. Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam 2024 (Tạp chí International Finance)

12. Công ty Chứng khoán Bảo Việt: Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam khối doanh nghiệp vừa, Top 10 Doanh nghiệp niêm yết thực hiện quản trị công ty tốt nhất năm 2023-2024, Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2024.

Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs)

Đơn vị: tỷ đồng

HỢP NHẤT

251.286
Tổng tài sản

23.566
Vốn chủ sở hữu

56.875
Tổng Doanh thu

43.506
Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm

2.663
Lợi nhuận trước thuế

2.194
Lợi nhuận sau thuế

7.423
Vốn điều lệ

9,3%
ROE

29,6%
ROCC

	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Tổng Doanh thu	Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ	ROE	ROCC
Công ty Mẹ	18.266	18.071	1.693	-	1.180	1.180	7.423	6,5%	15,9%
Bảo hiểm Bảo Việt	14.864	3.394	11.928	11.350	363	298	2.900	8,8%	10,3%
Bảo Việt Nhân thọ	223.039	9.786	43.551	32.163	1.851	1.510	6.000	15,4%	25,2%
Quản lý Quỹ Bảo Việt	213	182	175,8	-	90,8	72,6	100	40,0%	72,6%
Đầu tư Bảo Việt	284	210	272	-	11,4	8,8	200	4,2%	4,4%
Chứng Khoán Bảo Việt (*)	5.629	2.475	993,4 Doanh thu TH2024: 949,3 tỷ đồng	-	241 LNST TH2024: 247,4 tỷ đồng	200 LNST TH2024: 206,4 tỷ đồng	722	8,34% LNST thực hiện/ VCSH là: 8.61%	28,6%

(*): Số liệu của BVSC là số liệu Doanh thu/Lợi nhuận thực hiện.

HỢP LỰC



Sức mạnh hợp lực đó giúp Bảo Việt có thể phát huy sức mạnh tổng thể trên một nền tảng bền vững và đạt được mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2030 của Tập đoàn Bảo Việt

HỢP LỰC

Bảo Việt định hướng tầm nhìn nhìn đến năm 2035: "Bền vững là Tập đoàn uy tín, lớn nhất trong lĩnh vực Tài chính - Bảo hiểm tại Việt Nam". Với vị thế dẫn đầu ngành, các đơn vị thành viên trong Bảo Việt đã hợp lực tận dụng và phát huy những ưu thế sẵn có về mạng lưới, nguồn lực tạo nên những sản phẩm chung, ưu việt, có khả năng cạnh tranh, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và khai thác hiệu quả hơn về nguồn lực, chi phí. Sức mạnh hợp lực đó giúp Bảo Việt có thể phát huy sức mạnh tổng thể trên một nền tảng bền vững và đạt được mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2030 của Tập đoàn Bảo Việt là:



- Duy trì thuộc nhóm dẫn đầu về thị phần doanh thu phí bảo hiểm, khác biệt hoá trong cung cấp sản phẩm và dịch vụ tài chính cá nhân
- Có hệ thống bán hàng và dịch vụ sau bán hàng đa dạng và lớn nhất tại Việt Nam
- Đến năm 2025, xây dựng được cơ bản Hệ sinh thái số của Bảo Việt để cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đa dạng, thân thiện, dễ tiếp cận.
- Đến năm 2030, đầu tư được và có lợi nhuận tốt từ chuỗi dịch vụ phụ trợ của ngành bảo hiểm hướng đến hoàn thiện Hệ sinh thái Bảo Việt.

10-11 %/NĂM
Tổng tài sản hợp nhất tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030

10-11 %/NĂM
Tổng doanh thu hợp nhất tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030

6-7 %/NĂM
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030

Môi trường kinh doanh cơ hội và thách thức

Cơ hội, thách thức và rủi ro đến năm 2025

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và thị trường tài chính toàn cầu biến động khó lường, môi trường kinh doanh trong nước cũng tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp như dịch bệnh, thiên tai và các rủi ro khó dự báo, Bảo Việt đã chủ động triển khai công tác phân tích, dự báo và đánh giá toàn diện các thay đổi của môi trường kinh doanh. Trên cơ sở đó, Tập đoàn kịp thời nhận diện các cơ hội và thách thức trong ngắn, trung và dài hạn, làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược ứng phó, đảm bảo ổn định và phát triển hoạt động kinh doanh đến năm 2025

1.
Bối cảnh kinh tế vĩ mô







3.
Hội nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới

4.
Yếu tố dân số xã hội

2.
Tái cơ cấu thị trường tài chính - bảo hiểm





Cơ hội và thách thức trong dài hạn

Triển vọng kinh tế toàn cầu dự báo có nhiều khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro khó đoán định, tốc độ hồi phục kinh tế sẽ tiếp tục ở mức khiêm tốn do những khó khăn, thách thức vẫn còn nhiều. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt nhận diện các cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đến năm 2025 bao gồm:

Yếu tố tác động chính	Các nhân tố ảnh hưởng	Lĩnh vực bảo hiểm	Lĩnh vực đầu tư	Lĩnh vực dịch vụ tài chính
Bối cảnh kinh tế vĩ mô	Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công tuy nhiên giảm đầu tư các dự án mới		✓	✓
	DN hồi phục sau giai đoạn gặp nhiều khó khăn	✓	✓	✓
	Kiểm soát lạm phát	✓	✓	✓
	Mặt bằng lãi suất thấp	✓	✓	✓
	Gia tăng tiết kiệm và giảm thiểu chi tiêu	✓		✓
	Trục lợi và nợ phí bảo hiểm	✓		
	Biến động tỷ giá	✓	✓	✓
	Thắt chặt tín dụng và tiền tệ			✓
	Nợ xấu tăng cao			✓
Tái cơ cấu thị trường tài chính- bảo hiểm	Áp lực tăng vốn, yêu cầu chặt chẽ hơn trong quy định giám sát của cơ quan quản lý	✓	✓	✓
	Lành mạnh hóa thị trường theo hướng minh bạch và chuyên nghiệp hơn	✓	✓	✓
	Tái cơ cấu ngành tài chính		✓	✓
Hội nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới	Gia tăng cạnh tranh với DN nước ngoài	✓	✓	✓
	Thúc đẩy hoạt động thương mại	✓	✓	✓
	Gia tăng dòng vốn đầu tư nước ngoài		✓	✓
Yếu tố dân số xã hội	Tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm/GDP thấp	✓		
	Cơ cấu dân số vàng, tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng	✓	✓	✓
	Nhận thức và hiểu biết của người dân về bảo hiểm ngày càng tăng	✓		
	Áp lực nghiên cứu kỹ thị trườn	✓	✓	✓

Các rủi ro chủ yếu

Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và hiệu quả cùng với thông điệp năm 2024 "Khát vọng vươn mình", Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con luôn chú trọng nhận diện, quản lý các rủi ro chủ yếu, rủi ro mới phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Dưới đây là một số rủi ro chủ yếu và các rủi ro mới phát sinh được quản lý, kiểm soát hiệu quả trong năm qua:



Chú thích: **Mức độ:** ● Rủi ro cao ● Rủi ro trung bình ● Rủi ro thấp **Xu hướng: (dự báo)** ↑ Rủi ro tăng ↔ Rủi ro ổn định ↓ Rủi ro giảm

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Rủi ro	Nhận diện	Giám sát và Quản lý rủi ro
Rủi ro bảo hiểm	• Những thay đổi của quy định pháp luật, chính sách, kinh tế vĩ mô; • Chi phí bồi thường bảo hiểm có biến động mạnh do yếu tố lạm phát; • Các giả định tính phí chưa phù hợp dẫn đến phí bảo hiểm tính toán không bù đắp được nghĩa vụ chi trả các sự kiện bảo hiểm phát sinh; • Rủi ro định phí và Rủi ro thảm họa, thiên tai, lũ lụt	• Đánh giá rủi ro trong thiết kế sản phẩm bảo hiểm mới, khai thác, giám định và trả tiền/bồi thường bảo hiểm; đánh giá và thiết lập các hạn mức rủi ro tích tụ theo từng nghiệp vụ, nhóm sản phẩm... • Thường xuyên rà soát các giả định quan trọng (bảng tỷ lệ tử vong, lãi suất kỹ thuật; số liệu về tổn thất); rà soát các rủi ro chấp nhận bảo hiểm và đối tượng bảo hiểm; chuyển giao rủi ro thông qua nghiệp vụ tái bảo hiểm; • Duy trì chính sách quản lý dòng tiền, đảm bảo duy trì được thanh khoản, đáp ứng nhu cầu chi bồi thường và tận dụng tối đa nguồn tiền nhàn rỗi để sinh lợi; • Áp dụng các phương pháp, mô hình tiên tiến dự báo các chỉ số kinh tế vĩ mô, rủi ro bảo hiểm; duy trì nguồn vốn đủ mạnh và dần tiếp cận với tiêu chuẩn Vốn dựa trên rủi ro (RBC) theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022.
Rủi ro tín dụng	• Rủi ro phát sinh từ việc suy giảm mức độ tín nhiệm, tình hình tài chính của các đối tác; • Rủi ro phát sinh các khoản nợ xấu hoặc các khoản đầu tư trái phiếu, tiền gửi quá hạn; • Rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động giao dịch ký quỹ.	• Xây dựng các quy định nội bộ về đánh giá tín nhiệm, thiết lập các hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro; • Đánh giá năng lực tài chính của khách hàng trước khi chấp nhận bảo hiểm, đầu tư, quản lý chặt chẽ các khoản nợ phải thu từ khách hàng, thực hiện các chính sách thu hồi nợ hiệu quả, đồng thời đầu tư vào các công cụ tài chính an toàn; • Định kỳ đánh giá tài sản đảm bảo của trái phiếu doanh nghiệp.
Rủi ro thị trường	• Tác động của kinh tế thế giới, kinh tế vĩ mô; • Các biến động lãi suất tiền gửi, lãi suất trái phiếu chính phủ; • Biến động giá cổ phiếu, tỷ giá và/ hoặc giá của các hàng hoá khác. • Sự gia tăng đối thủ, áp lực về giá, sản phẩm hoặc mô hình kênh phân phối mới	• Xây dựng chính sách đầu tư an toàn và đa dạng sản phẩm, thiết lập các hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro; quy trình giám sát trước, trong và sau đầu tư; • Áp dụng mô hình phân tích, dự báo, quản lý, đo lường bằng thước đo Value at risk (VaR), phân tích độ nhạy lãi suất PVO1, phân tích kịch bản, kiểm tra áp lực;. • Giám sát thông qua các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý. • Bám sát mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện dịch vụ khách hàng;
Rủi ro thanh khoản	• Các rủi ro gây mất cân đối về kỳ hạn của dòng tiền để thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến trạng thái cân đối thanh khoản: tỷ lệ nợ phải trả/nguồn tiền, tỷ lệ thanh toán quá hạn tăng.... • Nguồn tài chính đáp ứng thanh khoản, thanh toán trong ngắn hạn.	• Theo dõi dòng tiền tài sản và trách nhiệm theo từng kỳ hạn, tỷ lệ tài sản thanh khoản của các tài sản. • Quản lý bằng hạn mức thanh khoản, chỉ số GAP thanh khoản, và phân tích kịch bản. • Duy trì các tài sản có khả năng thanh khoản cao để luôn đáp ứng nghĩa vụ thanh toán.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Rủi ro	Nhận diện	Giám sát và Quản lý rủi ro
Rủi ro hoạt động	• Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh; an toàn thông tin... • Rủi ro phát sinh trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật và nội bộ. • Rủi ro từ môi trường bên ngoài, dịch bệnh, thiên tai.	• Xây dựng và diễn tập các kịch bản ứng phó với các kịch bản gián đoạn hoạt động kinh doanh; Kế hoạch dự phòng đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh • Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố rủi ro đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh. • Giám sát, theo dõi bằng các chỉ số hoạt động (KPI), báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý. • Quản lý bằng Khung quản lý rủi ro hoạt động, các quy định về an ninh bảo mật, an toàn thông tin và các quy trình, thủ tục giám sát, kiểm tra kiểm soát nội bộ. • Tăng cường nhận diện, thiết lập cơ chế giám sát các rủi ro tấn công từ bên ngoài vào hệ thống công nghệ thông tin, tuân thủ quy định pháp luật về an toàn thông tin.
Rủi ro danh tiếng	• Rủi ro phát sinh khi các phương tiện thông tin đại chúng đưa các thông tin bất lợi hoặc các sản phẩm, dịch vụ chưa đáp ứng kỳ vọng của khách hàng, nhà đầu tư. • Các hoạt động của doanh nghiệp, các hành vi, thái độ của nhân viên hoặc bên thứ ba làm ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh doanh nghiệp.	• Quản lý bằng các quy trình, thủ tục, sổ tay hướng dẫn, Quy chế xử lý khủng hoảng truyền thông. • Giám sát, theo dõi bằng các tin, bài viết từ cơ quan báo chí, khách hàng và người lao động. • Luôn đảm bảo tuân thủ về công bố thông tin theo quy định pháp luật, minh bạch thông tin. • Tổ chức đào tạo và truyền thông về Xử lý khủng hoảng truyền thông và rủi ro danh tiếng.
Rủi ro chiến lược	• Kế hoạch kinh doanh xây dựng hàng năm có thể chưa gắn kết với các mục tiêu chiến lược đã đặt ra. • Chưa dự báo, đánh giá đầy đủ các yếu tố của môi trường kinh doanh. • Ảnh hưởng của kinh tế thế giới, kinh tế vĩ mô đến hoạt động đầu tư, hoạt động bảo hiểm.	• Xây dựng chiến lược trung và dài hạn, xây dựng bộ chỉ số qản trị chiến lược. • Theo dõi bằng hệ thống báo cáo phân tích hàng tháng, hàng quý các nhân tố tế vĩ mô, kết quả kinh doanh, kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược hàng năm. • Phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh như thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, chính sách pháp luật, văn hóa, kinh tế, v.v. để đưa ra quyết định chiến lược phù hợp và đưa ra dự báo về các rủi ro có thể xảy ra. • Đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, an toàn và hiệu quả.
Rủi ro phát triển bền vững	• Các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững trong hệ thống Bảo Việt; • Các rủi ro của môi trường, xã hội tác động đến Bảo Việt; • Các rủi ro từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt tác động đến môi trường, xã hội.	• Chiến lược phát triển kinh doanh luôn ưu tiên các mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng số, tăng trưởng xanh. • Theo dõi định kỳ các chỉ số tài chính và phi tài chính. • Quản lý bằng quy trình, quy chế; thực hiện kiểm toán nội dung Phát triển bền vững bởi Kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ. • Nghiên cứu các sản phẩm ứng dụng công nghệ xanh, sử dụng tài nguyên bền vững. • Hợp tác với tổ chức, chính phủ để thúc đẩy phát triển bền vững.

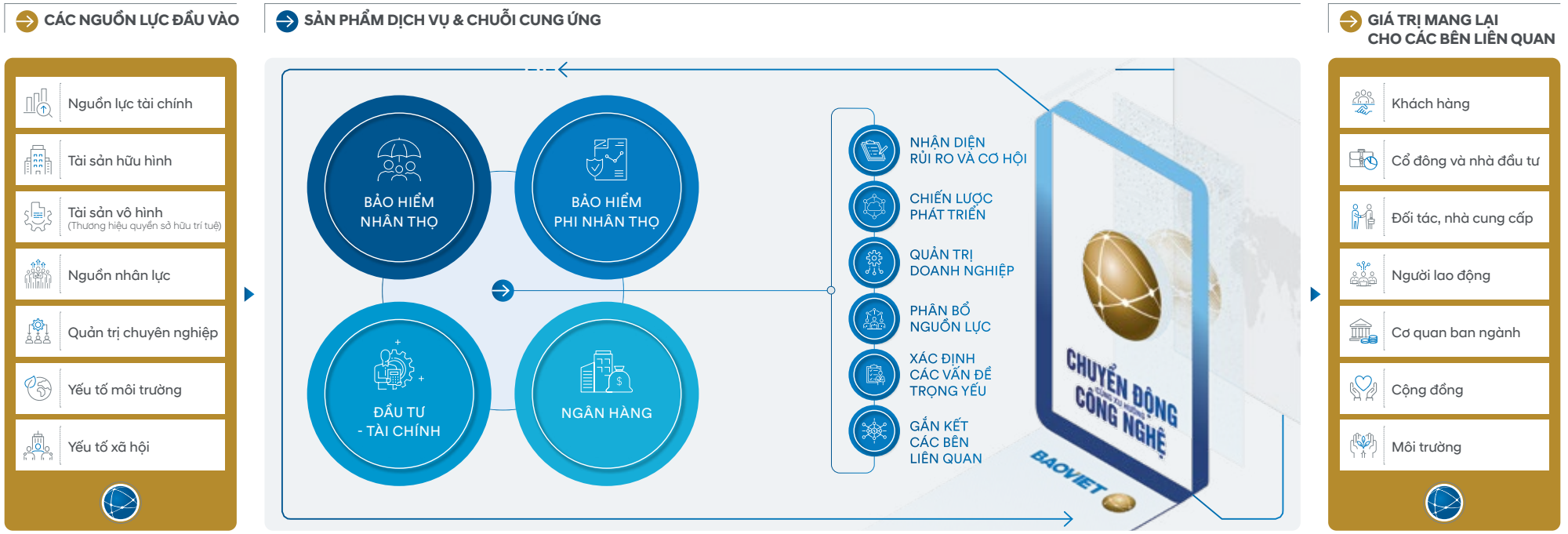
Mô hình hoạt động kinh doanh và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng

Trên chặng đường 60 năm phát triển, Bảo Việt xác định doanh nghiệp chỉ có thể thực hiện chiến lược phát triển bền vững khi thực hiện kết hợp mục tiêu tăng trưởng, lợi nhuận kinh tế với thực hiện phát triển xã hội, bảo vệ môi trường. Trên cơ sở nhận diện các vấn đề trọng yếu và mối quan tâm của các bên liên quan, Bảo Việt đã xây dựng mô hình kinh doanh nhằm khai thác tối đa hiệu quả của các yếu tố nội lực (nguồn nhân lực, vốn, sở hữu trí tuệ, uy tín thương hiệu...) và các yếu tố bên ngoài như xu hướng phát triển bền vững, nhân khẩu học, trách nhiệm xã hội nhằm tạo ra các giá trị đầu ra bao gồm các sản phẩm dịch vụ, các giá trị kinh tế (doanh thu, lợi nhuận, cổ tức) nhằm mang lại giá trị gia tăng cho các bên liên quan.



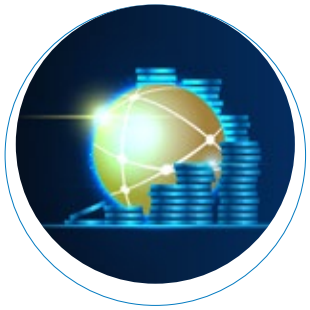
MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

Mô hình hoạt động kinh doanh



Các yếu tố tạo động lực tăng trưởng

Yếu tố nội lực
Yếu tố bên ngoài



NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

Tiềm lực tài chính vững mạnh; Khai thác cơ hội thị trường.



NGUỒN LỰC SẢN XUẤT VÀ TÀI SẢN HỮU HÌNH

Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại; Hệ thống phân phối quy mô lớn.



TÀI SẢN VÔ HÌNH VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Năng lực phát triển sản phẩm tích hợp; Hỗ trợ kỹ thuật từ cổ đông chiến lược.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Năng lực quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quản trị quốc tế.



YẾU TỐ XÃ HỘI

Cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững và yếu tố nhân khẩu học.



YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG

Biến đổi khí hậu và xanh hóa hoạt động kinh doanh.

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

Tối ưu hóa các yếu tố tạo động lực tăng trưởng với Bảo Việt

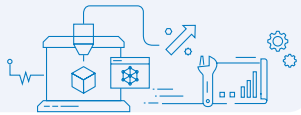
Đối với một doanh nghiệp, cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào sao cho hiệu quả là nhân tố quyết định đến việc tạo ra giá trị và giá trị bao gồm:

- **Giá trị kinh tế** (tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông)
- **Giá trị gia tăng cho khách hàng** (sản phẩm và dịch vụ vượt trội)
- **Giá trị vật chất và tinh thần cho Người lao động** (phúc lợi, môi trường làm việc, thu nhập)
- **Lợi ích cho các bên liên quan khác** (xã hội, môi trường,...)

Để doanh nghiệp đưa ra quyết định phù hợp liên quan đến phân bổ hoặc tập trung nguồn lực vào phát triển những yếu tố nào để thúc đẩy sự phát triển của Doanh nghiệp, thì việc xác định các yếu tố tạo động lực tăng trưởng đối với doanh nghiệp là vô cùng quan trọng.



MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

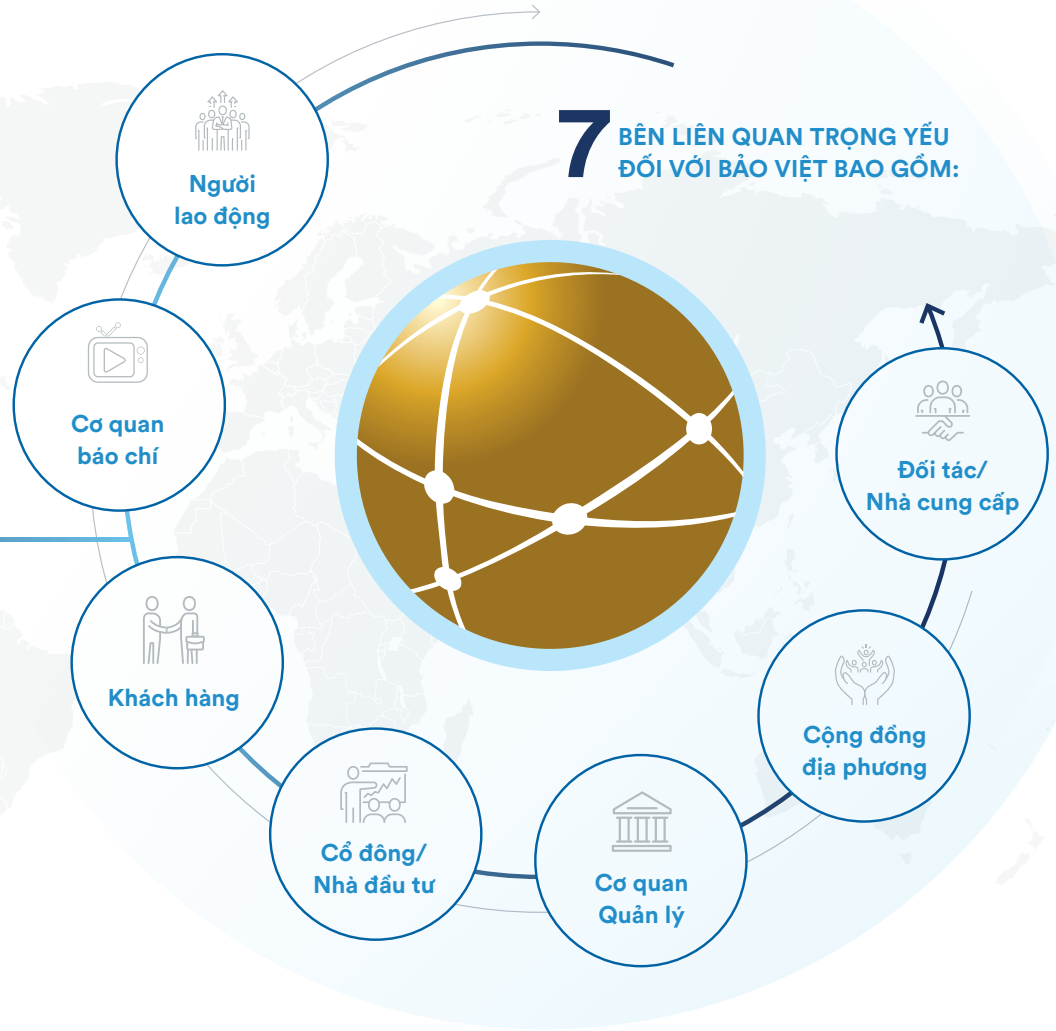
Các yếu tố đầu vào	Cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào trong quá trình hoạt động kinh doanh để tạo ra giá trị	Các yếu tố đầu ra (kết quả kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ,...)	Gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan
NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH • Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông); • Vốn từ nguồn dự phòng phí bảo hiểm (chủ hợp đồng bảo hiểm).	• Sử dụng vốn hiệu quả thông qua việc đầu tư vào các tài sản an toàn (tỷ trọng trái phiếu chính phủ và tiền gửi luôn chiếm trên 90% tổng danh mục đầu tư); • Tìm kiếm các kênh đầu tư mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.	• Đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định và vững chắc về doanh thu, lợi nhuận qua các năm; • Chi trả cổ tức với tỷ lệ 10,037%/ mệnh giá cổ phiếu; • Năng lực tài chính vững mạnh, tăng cường đầu tư trở lại nền kinh tế; Đóng góp trên 31.000 tỷ đồng vào ngân sách Nhà nước kể từ sau cổ phần hóa.	• Cổ đông/Nhà đầu tư; • Chủ hợp đồng bảo hiểm; • Khách hàng đang sử dụng các dịch vụ tài chính khác; • Cơ quan quản lý nhà nước; • Người lao động.
NGUỒN NHÂN LỰC • Cán bộ, tư vấn viên; • Văn hóa doanh nghiệp.	• Đầu tư cho hoạt động đào tạo (theo bản đồ học tập), phát triển nguồn nhân lực; • Nâng cao chất lượng của đội ngũ tư vấn viên/đại lý bảo hiểm; • Tuyển dụng và thu hút nhân tài; • Bồi dưỡng nhân tài, tăng cường sự gắn kết của người lao động; • Chính sách phúc lợi ưu việt, cơ hội thăng tiến theo năng lực.	• Xây dựng môi trường gắn kết - văn hóa vững mạnh; • Tạo được sự gắn kết người lao động trong các hoạt động doanh nghiệp; • Bổ sung nhiều chương trình phúc lợi mới (K-care, Hưu trí) nhằm mang lại quyền lợi cao hơn cho người lao động; các chương trình bảo hiểm, tiết kiệm, tích lũy và gia tăng giá trị từ đầu tư tài chính.	• Người lao động; • Đại lý, tư vấn bảo hiểm 
NGUỒN LỰC SẢN XUẤT VÀ TÀI SẢN HỮU HÌNH • Dữ liệu và công nghệ; Mô hình quản trị và quy trình vận hành, thị trường và sự thay đổi hành vi khách hàng.	• Chuyển đổi số và Ứng dụng công nghệ: Triển khai các nền tảng số để nâng cao trải nghiệm khách hàng, tự động hóa quy trình xử lý bồi thường và tối ưu hoạt động bán hàng. • Phát triển sản phẩm và Cá nhân hóa dịch vụ: Sử dụng dữ liệu lớn và AI để phân tích nhu cầu khách hàng, từ đó thiết kế các sản phẩm bảo hiểm phù hợp với từng đối tượng. • Mở rộng hệ sinh thái bảo hiểm: Hợp tác với các nền tảng tài chính, y tế, ngân hàng để tạo ra các gói sản phẩm bảo hiểm tích hợp, gia tăng giá trị cho khách hàng. • Tối ưu hóa và tự động hóa quy trình nghiệp vụ: Ứng dụng RPA (Robotic Process Automation) và AI để tự động hóa các nghiệp vụ bảo hiểm như giám định, phát hành hợp đồng, giải quyết bồi thường nhằm giảm thời gian xử lý và tối ưu chi phí vận hành. • Phát triển kênh phân phối đa dạng: Áp dụng mô hình bán bảo hiểm trực tuyến, liên kết với các nền tảng thương mại điện tử, ứng dụng di động nhằm tiếp cận khách hàng hiệu quả hơn.	• Tăng trưởng doanh thu và Hiệu quả kinh doanh: Gia tăng doanh số từ sản phẩm bảo hiểm cá nhân hóa, mở rộng tệp khách hàng và nâng cao tỷ lệ giữ chân khách hàng. • Cải thiện trải nghiệm khách hàng: Cung cấp dịch vụ bảo hiểm nhanh chóng, minh bạch, tiện lợi trên các nền tảng số, giúp khách hàng tiếp cận sản phẩm dễ dàng hơn. • Cung cấp sản phẩm và Dịch vụ mới: Xây dựng các gói bảo hiểm linh hoạt, tích hợp với các dịch vụ tài chính, y tế, đầu tư để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.	• Khách hàng; • Đối tác. 
TÀI SẢN VÔ HÌNH VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ • Dẫn đầu thị trường về năng lực phát triển SP; • Giá trị thương hiệu; • Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực từ các cổ đông chiến lược nước ngoài.	• Đầu tư phát triển sản phẩm đa dạng, phù hợp với nhu cầu của nhiều phân khúc khách hàng khác nhau; • Ra mắt các sản phẩm bảo hiểm mới và nhiều sản phẩm tài chính tích hợp; • Nâng cao giá trị thương hiệu thông qua các giải thưởng uy tín; • Tận dụng thế mạnh của cổ đông chiến lược để tạo nên sức mạnh cộng hưởng trong quản trị, điều hành và các mảng kinh doanh cốt lõi.	• Cung cấp giỏ sản phẩm đa dạng với 100 sản phẩm phi nhân thọ và 25 sản phẩm nhân thọ, ra mắt các sản phẩm mới chuyên biệt, ưu việt và áp dụng công nghệ mới trong kinh doanh: Ứng dụng tích hợp quản lý giải pháp Bảo hiểm số - Baoviet Direct; ứng dụng My BVLife; MyDoc, sản phẩm "An Khang Hạnh Phúc" với các nhóm quyền lợi ưu việt; • Thương hiệu Bảo Việt nằm trong top các thương hiệu bảo hiểm tốt nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương; • Triển khai hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, giám sát tuân thủ, nâng cao năng lực khai thác bảo hiểm với sự hỗ trợ từ cổ đông chiến lược Sumitomo Life.	• Cổ đông • Khách hàng • Đối tác 

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

Các yếu tố đầu vào	Cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào trong quá trình hoạt động kinh doanh để tạo ra giá trị	Các yếu tố đầu ra (kết quả kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ,...)	Gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP • Mô hình quản trị theo thông lệ quốc tế; Hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ được chuẩn hóa.	• Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế (Thẻ điểm quản trị ASEAN, Nguyên tắc quản trị công ty của OECD phiên bản 2023...); Cẩm nang quản trị công ty phiên bản 2025; • Tăng cường vai trò Kiểm soát nội bộ, Quản lý rủi ro tuân thủ, phát huy sức mạnh hợp lực và nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành.	• Tăng cường vai trò của Công ty mẹ, tăng cường hợp lực giữa các ĐVTV. Công ty Mẹ đóng vai trò điều phối, là hạt nhân của cả hệ thống Tập đoàn, chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành hoạt động toàn Tập đoàn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.	• Cổ đông; • Người lao động.
YẾU TỐ XÃ HỘI • Các mối quan hệ xã hội; • Các yếu tố nhân khẩu học; • Xu hướng phát triển bền vững; • Trách nhiệm xã hội.	• Các yếu tố nhân khẩu học (cơ cấu dân số vàng, tốc độ già hóa dân số nhanh) mở ra cơ hội phát triển các sản phẩm mới; • Nắm bắt cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững: Đầu tư có trách nhiệm, nghiên cứu phát triển các sản phẩm tài chính xanh; • Thực hiện trách nhiệm xã hội: Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ; Phát triển cộng đồng địa phương; Tri ân người có công, xóa đói giảm nghèo.	• Cung cấp các sản phẩm hưu trí tự nguyện, ung thư kết hợp các lợi ích bảo vệ, tích lũy, đảm bảo sự an tâm cho người lao động khi về già; • Phát triển các sản phẩm y tế, chăm sóc sức khỏe phục vụ nhu cầu ngày càng gia tăng của xã hội: *Life Care – sản phẩm chuyên biệt dành cho ung thư và đột quỵ, K-Care sản phẩm chuyên biệt dành cho bệnh ung thư, One Storm - Bảo hiểm bão nhiệt đới, bảo hiểm cá nhân và hộ gia đình;* • Đầu tư xây dựng trạm y tế, trường học, xóa đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng bền vững.	• Các bên liên quan (cơ qua quản lý); • Cộng đồng dân cư; • Môi trường.
YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG • Biến đổi khí hậu; • Giảm phát thải và hiệu ứng nhà kính.	• Giảm khí thải nhà kính thông qua các dự án trồng cây xanh; • Giảm phát khí thải nhà kính từ các tòa nhà văn phòng, điều hòa và tủ lạnh; • Giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc, triển khai thực hành 5S (Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Săn sóc - Sẵn sàng).	• Triển khai hoạt động quan trắc định kỳ hàng quý tại trụ sở làm việc; • Xanh hóa hoạt động kinh doanh: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, giảm rác thải nhựa trong văn phòng; • Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; • Tiết giảm nước thải và tiết kiệm năng lượng.	• Môi trường kinh doanh; • Môi trường sống.

Gắn kết các bên liên quan

60 năm hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, Bảo Việt hiểu rằng các bên liên quan không chỉ là đối tác mà còn là những nhân tố đồng hành, góp phần định hình chiến lược phát triển của Bảo Việt. Chúng tôi coi phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá trong hành trình phát triển và củng cố hoạt động của doanh nghiệp. Với mỗi nhóm đối tượng, Bảo Việt sử dụng cách thức tiếp cận thông tin khác nhau. Phản hồi từ các bên được chúng tôi thận trọng xem xét, nghiên cứu và nỗ lực để đưa các phản hồi này vào các chính sách.



Các bên liên quan trọng yếu đối với Bảo Việt

Bảo Việt xác định các bên liên quan dựa trên sự quan tâm và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của Doanh nghiệp.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nguyên tắc xác định các bên liên quan

Nguyên tắc đánh giá trọng yếu kép (Double materiality assessment) lần đầu tiên được đề xuất chính thức bởi Ủy ban Châu Âu (European Commission) trong Hướng dẫn Báo cáo Phi tài chính: Bổ sung Báo cáo Thông tin Liên quan đến Khí hậu xuất bản vào tháng 6 năm 2019. Nguyên tắc này khuyến khích các doanh nghiệp đánh giá các vấn đề trọng yếu từ hai góc độ để có cái nhìn toàn diện về tác động qua lại giữa hoạt động của mình và các yếu tố xung quanh:

TÁC ĐỘNG BÊN NGOÀI

Tác động của các bên liên quan, vấn đề trọng yếu (bao gồm Môi trường, Xã hội) đến sự phát triển, hiệu suất và vị thế của doanh nghiệp.



BẢO VIỆT



NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ TRỌNG YẾU KÉP

MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG



TÁC ĐỘNG TRỞ LẠI

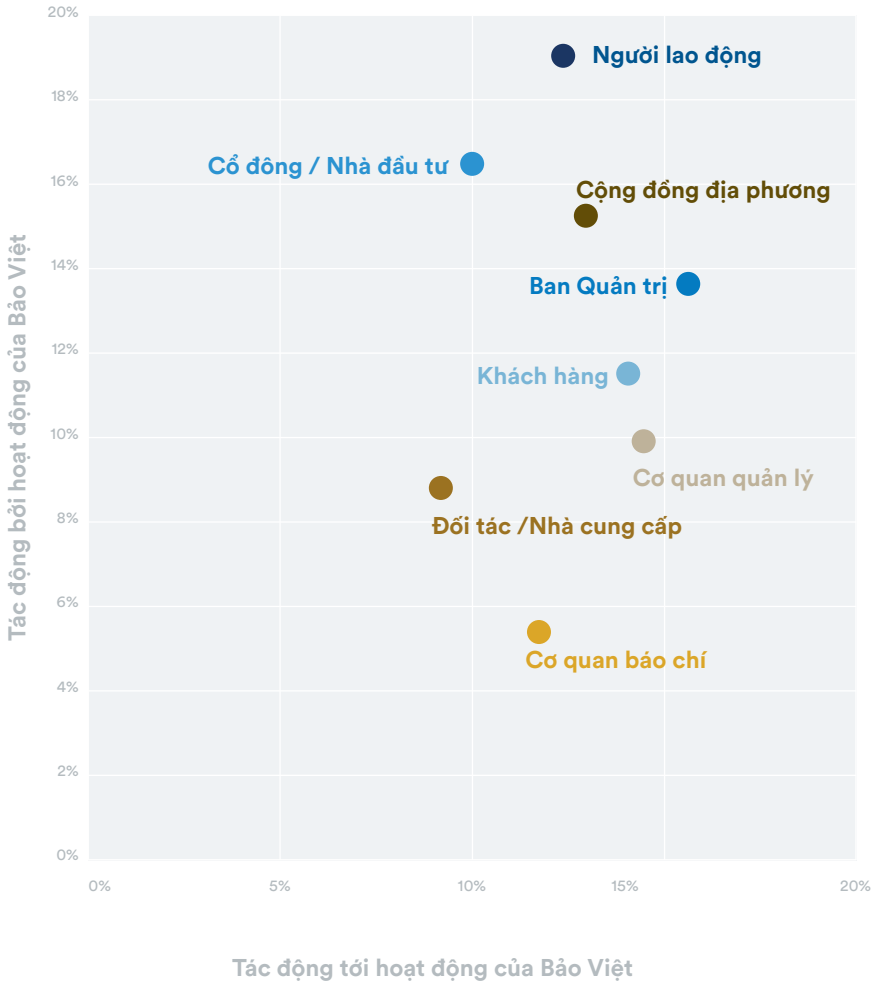
Tác động của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đến các bên liên quan, vấn đề trọng yếu (bao gồm Môi trường, Xã hội).

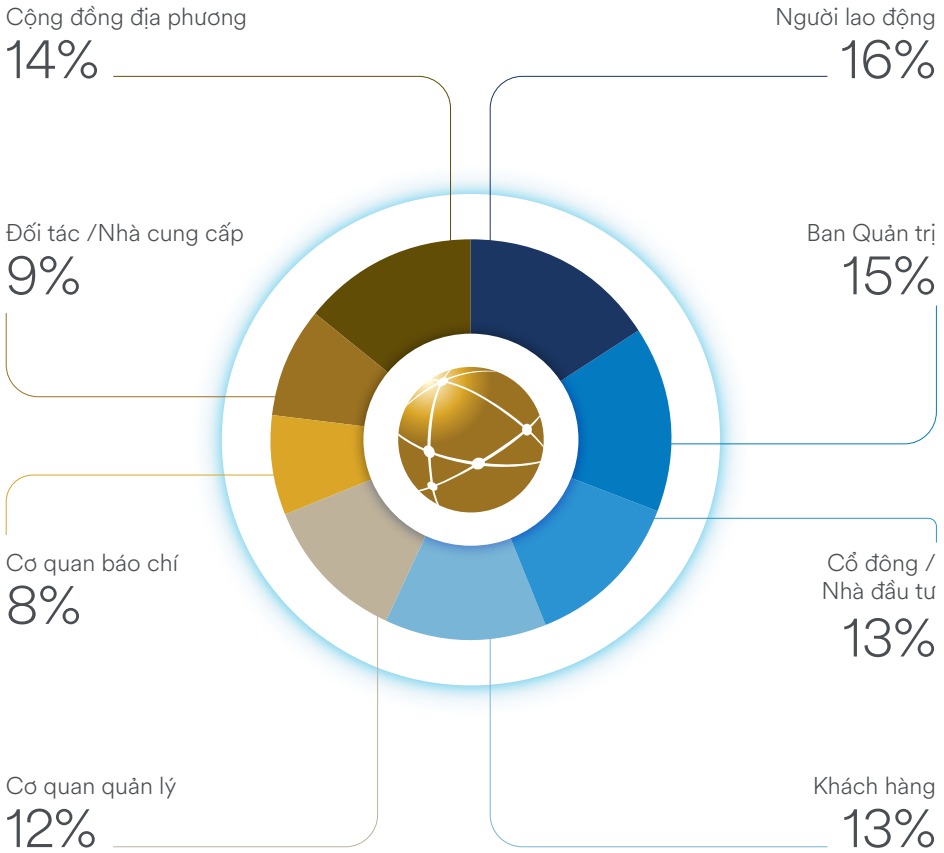
Căn cứ vào Nguyên tắc đánh giá trọng yếu kép, Bảo Việt xác định các bên liên quan trọng yếu dựa vào mức độ ảnh hưởng thông qua hai chiều tác động: Tác động của các bên lên Bảo Việt và tác động của Bảo Việt lên các bên. Biểu đồ đầu tiên minh họa mức độ ảnh hưởng của từng nhóm đối tượng như người lao động, ban quản trị, cộng đồng, cơ quan quản lý, cổ đông, nhà cung cấp và khách hàng. Biểu đồ thứ hai cung cấp tỷ trọng mức độ ảnh hưởng của mỗi nhóm.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bảo Việt xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Bảo Việt theo tỷ trọng và các yếu tô như sau:

Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan:





GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Hoạt động gắn kết của Bảo Việt với các bên liên quan

Bảo Việt tiếp tục gắn kết các bên liên quan thông qua các kênh thông tin đa chiều qua đó các vấn đề phát triển bền vững trong năm 2024 được Bảo Việt đề cập sâu hơn nhằm lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến Kinh tế - Xã hội - Môi trường.

Bên liên quan nội bộ

- **Người lao động** — Hội nghị Người lao động thường niên, sự kiện nội bộ/ấn phẩm nội bộ: Kênh Workplace, các chương trình đào tạo.
- **Ban Quản trị** — Liên tục trao đổi thông tin và cập nhật về hoạt động quản trị kinh doanh để đảm bảo sự thống nhất và đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp với mục tiêu ngắn, trung, dài hạn của Bảo Việt.
- **Cổ đông/Nhà đầu tư** — Gặp gỡ trực tiếp Nhà đầu tư/ Đại hội đồng Cổ đông; Bản tin IR newletters; Website Bảo Việt; Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu Nhà đầu tư thực hiện trực tiếp và trực tuyến.

Bên liên quan bên ngoài

- **Khách hàng** — Đội ngũ đại lý, tư vấn viên tiếp xúc trực tiếp với Khách hàng; Trung tâm chăm sóc Khách hàng và số hotline hoạt động 24/7; Kênh giải đáp Khách hàng tích hợp trên hệ thống website.
- **Cơ quan quản lý** — Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Chính phủ, Bộ tổ chức; Tham gia các tổ chức, Hiệp hội: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam; Hội đồng Doanh nghiệp Vì sự phát triển bền vững; Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam...
- **Cơ quan báo chí** — Tổ chức các hoạt động trao đổi, hợp tác báo chí, thông cáo báo chí về hoạt động doanh nghiệp thường xuyên trên toàn quốc.
- **Cộng đồng địa phương** — Phối hợp với Chính quyền địa phương tiếp xúc, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.
- **Đối tác /Nhà cung cấp** — Gặp gỡ trao đổi trực tiếp: Bổ sung trong quy chế đấu thầu, hợp đồng hợp tác với Nhà cung cấp.

Năm 2024, chúng tôi tiến hành lấy ý kiến rộng rãi trên mạng xã hội của Bảo Việt thông qua phiếu khảo sát về phát triển bền vững tại chuyên mục Phát triển bền vững/Khảo sát các bên liên quan. Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của Bảo Việt. Đây cũng là cơ sở để chúng tôi xây dựng nội dung của Báo cáo Phát triển bền vững 2024. Đồng thời, thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề được các bên liên quan quan tâm, chúng tôi có thể đưa ra các quyết sách đầu tư, phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



Sự tham gia của các bên liên quan



CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ

Chủ đề được các bên quan tâm

- Hoạt động kinh doanh tăng trưởng hiệu quả, bền vững;
- Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông;
- Thông tin minh bạch.

Hành động của Bảo Việt năm 2024

- Thực thi chính sách bình đẳng giữa các cổ đông lớn và cổ đông nhỏ về cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho mọi cổ đông thực hiện quyền biểu quyết;
- Chi trả cổ tức đầy đủ, công bố thông tin minh bạch.

Kết quả

- Tổ chức 02 Đại hội đồng cổ đông trong năm 2024
- Tổ chức các hội nghị/cuộc họp trực tuyến với khoảng 90 lượt nhà đầu tư;
- Tham gia 02 Hội thảo qua zoom với các nhà đầu tư lớn tại thị trường trong nước và quốc tế;
- Trên 110 cuộc gọi, trao đổi, gặp gỡ từ nhà đầu tư cá nhân được giải quyết;
- Chi trả cổ tức với tỷ lệ 10,037%/mệnh giá cổ phiếu.



KHÁCH HÀNG

Chủ đề được các bên quan tâm

- Uy tín doanh nghiệp, chất lượng sản phẩm, dịch vụ;
- Sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Hành động của Bảo Việt năm 2024

- Xây dựng các sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng khách hàng; bảo vệ khách hàng trước các rủi ro, đem đến cho khách hàng các cơ hội để hiện thực hóa ước mơ, đảm bảo sự bình an và thịnh vượng cho khách hàng;
- Ứng dụng AI (Artifi cial Intelligence) và machine learning để xây dựng AdviserBot phục vụ khách hàng;
- Tổ chức khảo sát lấy ý kiến khách hàng online và tại quầy dịch vụ khách hàng.

Kết quả

- Ra mắt 03 sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, chứng chỉ quỹ và các sản phẩm tích hợp tài chính, ngân hàng khác.
- Triển khai ưu đãi phí cho khách hàng khi tham gia các gói bảo hiểm, Triển khai chương trình Customer Loyalty;
- Gần 1.350 khách hàng phản hồi tích cực qua kênh online, fanpage, tổng đài 24/7 và quầy dịch vụ khách hàng Bảo Việt



NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chủ đề được các bên quan tâm

- Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp;
- Gia tăng quyền lợi, phúc lợi cho người lao động;
- Chế độ đãi ngộ và cơ hội thăng tiến.

Hành động của Bảo Việt năm 2024

- Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, thái độ, làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại;
- Tổ chức các phong trào rèn luyện sức khỏe.

Kết quả

- Triển khai mua bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm bệnh ung thư cho cán bộ nhân viên;
- Khoảng 6.500 cán bộ được tham gia đào tạo chuyên môn nghiệp vụ;
- Xây dựng phòng tập Yoga, Zumba; duy trì hoạt động câu lạc bộ chạy, xe đạp, yoga, nhiếp ảnh, đi bộ, chạy online... tạo điều kiện cho cán bộ tập luyện ngoài giờ;
- Duy trì chương trình tập thể dục giữa giờ.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

CƠ QUAN QUẢN LÝ

Chủ đề được các bên quan tâm

- Thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của chính phủ;
- Chung tay cùng cơ quan quản lý thực hiện các chính sách nhằm hỗ trợ cho sự phát triển của nên kinh tế, thị trường, cộng đồng dân cư.

Hành động của Bảo Việt năm 2024

- Thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của Chính phủ;
- Chung tay cùng cơ quan quản lý thực hiện các chính sách nhằm hỗ trợ cho sự phát triển của nên kinh tế, thị trường, cộng đồng dân cư.

Kết quả

- Tăng cường tuyển dụng lao động địa phương, gia tăng việc làm và thu nhập cho người dân tại địa bàn nơi Bảo Việt đang hoạt động hoặc các địa bàn khó khăn.

CƠ QUAN BÁO CHÍ

Chủ đề được các bên quan tâm

- Cung cấp, chia sẻ thông tin cởi mở, chủ động, thường xuyên để báo chí có thể phản ánh chân thực, khách quan về hoạt động của doanh nghiệp đến công chúng.

Hành động của Bảo Việt năm 2024

- Kết nối chặt chẽ với cơ quan báo chí, đảm bảo tin tức hoạt động của Bảo Việt được cập nhật kịp thời và phản ánh một cách chân thực, khách quan;
- Tăng cường số lượng thông tin gửi tới báo chí thông qua các thông cáo báo chí, tin tức, các bài viết phân tích chuyên sâu nội bộ gửi tới các cơ quan báo chí.

Kết quả

- Thực hiện các bài viết cung cấp thông tin về Bảo Việt đến công chúng định kỳ, chủ động, đăng tải trên các cơ quan truyền thông đại chúng uy tín;
- Khoảng 300 tin, bài viết về kết quả kinh doanh, giải thưởng, hoạt động cộng đồng, phát triển bền vững của Bảo Việt được đăng tải trên các cơ quan báo chí.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Chủ đề được các bên quan tâm

- Hỗ trợ người dân nâng cao các điều kiện sống cơ bản.
- Hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương.

Hành động của Bảo Việt năm 2024

- Hỗ trợ cộng đồng thông qua đóng góp xây dựng các điều kiện sống căn bản, giúp người dân tập trung lao động sản xuất, đảm bảo kinh tế gia đình, qua đó thúc đẩy kinh tế địa phương, tạo ra các cơ hội phát triển kinh doanh cho Bảo Việt;
- Đánh giá tác động môi trường; Giảm tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính.

Kết quả

- Tổ chức nhiều chương trình khám chữa bệnh, tặng quà cho bà con vùng núi; tặng sách vở và quần áo, học bổng cho các em học sinh, sinh viên;
- Đầu tư 14 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội trong 2024;
- Thực hiện báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý tại trụ sở chính Bảo Việt.

ĐỐI TÁC/NHÀ CUNG CẤP

Chủ đề được các bên quan tâm

- Đối xử bình đẳng với các nhà cung cấp.

Hành động của Bảo Việt năm 2024

- Bổ sung 02 tiêu chí đánh giá và rà soát về môi trường và xã hội trong Quy trình đầu tư dự án và Quy trình đầu tư góp vốn cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt.

Kết quả

- Áp dụng bộ tiêu chí đánh giá nhà cung cấp trên 5 phương diện trong đó có yếu tố môi trường;
- Các nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu quản lý, tuân thủ yêu cầu pháp luật và quá trình hoạt động không gây tổn hại đến môi trường và xã hội.

Xác định các lĩnh vực trọng yếu

Trên cơ sở việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt xây dựng "Ma trận các vấn đề trọng yếu" nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan.

1.
Xác định các lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt







3.
Xác định các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt

4.
Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm

2.
Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm





Quy trình xác định lĩnh vực trọng yếu

Đánh giá lĩnh vực trọng yếu là nguyên tắc yêu cầu báo cáo nhưng đồng thời là quá trình xác định nội dung trọng tâm phù hợp với Chiến lược PTBV đã được xây dựng. Quá trình thực hiện đánh giá trọng yếu tại Bảo Việt được tiến hành theo đúng các bước của quy trình và phương pháp luận đánh giá lĩnh vực trọng yếu theo GRI Standards.

Trên cơ sở phân tích tác động theo các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường cho các hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt, chúng tôi xác định các lĩnh vực trong yếu quy chiếu theo GRI Standards. Chúng tôi thực hiện tổng hợp mức độ quan tâm theo các lĩnh vực đã được xác định đối với từng bên liên quan chủ yếu dựa trên kết quả gắn kết tham vấn các bên liên quan. Sau đó, chúng tôi tổng hợp đánh giá lĩnh vực trọng yếu trên ma trận theo các kết quả đánh giá mức độ quan trọng với các bên liên quan và doanh nghiệp.

XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Xác định các lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt

- Nghiên cứu, rà soát các thông tin từ thị trường và ngành;
- Phân tích thông tin báo chí;
- Đánh giá, khảo sát từ khách hàng Thông tin từ các Hiệp hội ngành;
- Các thảo luận nội bộ với người lao động;
- Các buổi tiếp xúc với lãnh đạo địa phương.

Xây dựng Bộ tập hợp các vấn đề có liên quan đến phát triển bền vững (Tham chiếu theo tiêu chuẩn GRI Standards)

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm

Sàng lọc các lĩnh vực quan trọng cần được ưu tiên;

Xác thực lĩnh vực trọng yếu từ Lãnh đạo cấp cao;

Lựa chọn các vấn đề được coi là trọng yếu với Bảo Việt.

Phân loại các lĩnh vực trọng yếu theo 3 nội dung:



Xác định các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới Bảo Việt

Phân tích ảnh hưởng tới các bên liên quan

- Xác định trọng số của các bên liên quan;
- Đánh giá mức ảnh hưởng của vấn đề lên các bên;
- Tính điểm trung bình theo trọng số và mức ảnh hưởng các bên.

Phân tích các ảnh hưởng đến hoạt động của Bảo Việt

- Đánh giá cho điểm ảnh hưởng lên doanh số chi phí các quy định, uy tín doanh nghiệp.

Lựa chọn các vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm



Đánh giá và rà soát nội bộ

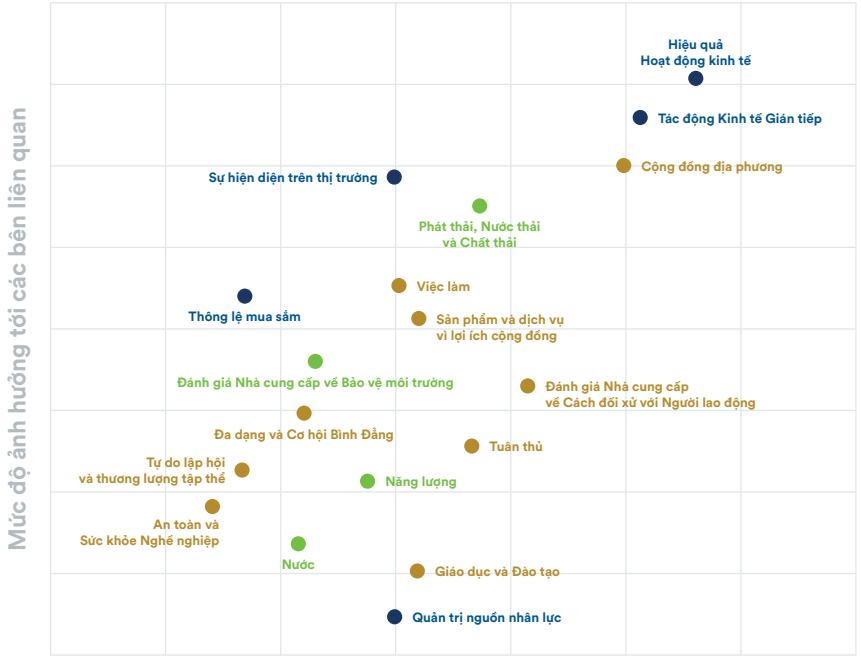


XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Xác định lĩnh vực trọng yếu

Bảo Việt thực hiện tham khảo ý kiến của những chuyên gia trong lĩnh vực, triển khai các phân tích chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp và môi trường kinh doanh ngành đối với các vấn đề trọng yếu mà Bảo Việt cần phải xem xét tại thời điểm hiện tại. Đồng thời, chúng tôi cũng cân nhắc đến ý kiến của các bên liên quan đối với các vấn đề đó thông qua việc rà soát các đề xuất, bình luận trên kênh nội bộ, mạng xã hội và kết quả từ Phiếu khảo sát công khai trên website.

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các lĩnh vực xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp trong năm 2024, Bảo Việt xây dựng "Ma trận các lĩnh vực trọng yếu" nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



Đánh giá về sự phù hợp của phương pháp quản trị đối với các lĩnh vực trọng yếu

Các vấn đề trọng yếu đã được nhận diện và đánh giá theo hướng tích hợp mối quan tâm của các bên liên quan và của Bảo Việt cụ thể theo 5 lĩnh vực: Kinh tế, Xã hội, Môi trường, Quản trị, An toàn và Sức khỏe khách hàng, từ đó Bảo Việt có thể phân bổ nguồn lực hợp lý, đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Nội dung liên quan đến các vấn đề trọng yếu nêu trên được phân tích và trình bày chi tiết tại Báo cáo Phát triển bền vững năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt được lập theo Bộ tiêu chuẩn GRI Standards.

Truy cập vào website:
baoviet.com.vn/ BVH_SR2024_VN

Quét mã QR code để xem báo cáo



Các xu hướng thế giới ảnh hưởng đến chiến lược của Bảo Việt



XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ

tác động đến ngành bảo hiểm

Agentic AI

Responsible AI

AI Governance Platform

Trong bối cảnh khoa học công nghệ liên tục phát triển và sự kết nối ngày càng tăng, các công ty bảo hiểm đang phải đối mặt với áp lực ngày càng gia tăng để thực hiện chuyển đổi số toàn diện nhằm duy trì và củng cố vị thế cạnh tranh của mình. Để duy trì lợi thế cạnh, các công ty bảo hiểm, bao gồm Bảo Việt, cần tập trung vào việc nghiên cứu, áp dụng các công nghệ tiên tiến để tạo ra những đột phá trong ngành và mở ra các cơ hội mới nhằm tối ưu hóa hiệu suất hoạt động, giảm chi phí, nâng cao trải nghiệm cho khách hàng.

Theo báo cáo của Gartner, AI tác nhân (Agentic AI), AI có trách nhiệm (Responsible AI) và nền tảng quản trị AI (AI Governance Platforms) là ba xu hướng công nghệ quan trọng trong năm 2025. Những công nghệ này sẽ định hình lại cách doanh nghiệp bảo hiểm ứng dụng AI vào hoạt động:

- **Agentic AI:** AI tác nhân giúp hệ thống có khả năng tự học hỏi, ra quyết định và thực hiện các nhiệm vụ phức tạp một cách độc lập, từ thẩm định hồ sơ, xử lý yêu cầu bồi thường đến quản lý hợp đồng, nâng cao hiệu suất và giảm thiểu sai sót.
- **Responsible AI:** Đảm bảo tính minh bạch, công bằng và tuân thủ quy định, giúp AI đưa ra quyết định chính xác, không thiên vị và phù hợp với các tiêu chuẩn đạo đức.
- **AI Governance Platform:** Đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát, kiểm soát và đảm bảo AI vận hành an toàn, tuân thủ các quy định pháp lý và giảm thiểu rủi ro.

Sự kết hợp của ba xu hướng này không chỉ giúp doanh nghiệp bảo hiểm tối ưu hóa vận hành, cá nhân hóa dịch vụ và phát hiện gian lận mà còn tạo dựng lòng tin với khách hàng và cơ quan quản lý, đặt nền móng cho sự phát triển bền vững trong thời đại số.

Cơ hội và rủi ro từ xu hướng công nghệ đến ngành bảo hiểm và Bảo Việt

Cơ hội

Xu hướng công nghệ mới mang đến cơ hội lớn cho ngành bảo hiểm khi giúp doanh nghiệp chuyển đổi mạnh mẽ, cải thiện mô hình vận hành và phân phối. Công nghệ số không chỉ tăng khả năng tiếp cận và tương tác với khách hàng mà còn thay đổi hoàn toàn hành trình trải nghiệm bảo hiểm, hướng đến các sản phẩm dịch vụ cá nhân hóa và tối ưu hơn. Việc ứng dụng AI, dữ liệu lớn... tạo nền tảng cho sự đổi mới, nâng cao hiệu suất và mở rộng thị trường.



Thách thức

Đi kèm với các cơ hội cũng là những rủi ro, thách thức cho ngành bảo hiểm. Sự phát triển của InsurTech và các tập đoàn công nghệ lớn khiến thị trường cạnh tranh gay gắt hơn. Nguy cơ an ninh mạng gia tăng do lượng dữ liệu lớn và sự phụ thuộc vào công nghệ. Ngoài ra, chuyển đổi số đòi hỏi đầu tư lớn và khả năng thích ứng nhanh để tránh bị tụt hậu. Cuối cùng, các quy định pháp lý về dữ liệu và bảo mật ngày càng chặt chẽ, tạo áp lực tuân thủ. Để duy trì vị thế dẫn đầu, Bảo Việt cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đồng thời xây dựng chiến lược quản trị rủi ro hiệu quả.

Hành động của Bảo Việt đã thực hiện để nắm bắt xu hướng trong năm 2024

Trước sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, Bảo Việt đang chuyển mình và tập trung xây dựng, hoàn thiện Hệ sinh thái số nhằm tối ưu hóa dữ liệu, quy trình làm việc và gia tăng giá trị cho khách hàng, đối tác cũng như hệ thống nội bộ. Việc tận dụng công nghệ hiện đại giúp Bảo Việt tích hợp các sản phẩm, dịch vụ trên cùng một nền tảng, từ đó mở rộng quy mô và nâng cao lợi thế cạnh tranh.

Các hành động trọng tâm của Bảo Việt trong Chuyển đổi số toàn diện:

1.

Phát triển và hoàn thiện Hệ sinh thái số

Bảo Việt ứng dụng công nghệ và tài nguyên số để kết nối các sản phẩm, dịch vụ trên một nền tảng chung, giúp tối ưu vận hành và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.

Thúc đẩy hợp tác công nghệ

Tìm kiếm cơ hội hợp tác với các công ty và startup công nghệ, đẩy nhanh quá trình số hóa, phát triển ứng dụng mới và tạo lợi thế cạnh tranh khác biệt.

3.

Nâng cao trải nghiệm khách hàng

Xây dựng hệ thống chăm sóc khách hàng thông minh với chatbot AI, quy trình bồi thường tự động và dịch vụ trực tuyến hiện đại, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận sản phẩm bảo hiểm.

4.

Đa dạng hóa kênh tương tác

Phát triển mô hình tiếp cận đa kênh (omni-channel), kết hợp công nghệ xác thực định danh điện tử (eKYC), hợp đồng điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và hóa đơn điện tử nhằm nâng cao sự tiện lợi và an toàn trong giao dịch.

5.

Đẩy mạnh thương mại điện tử và cá nhân hóa sản phẩm

Mở rộng phân phối sản phẩm bảo hiểm trên nền tảng số, đồng thời thử nghiệm AI và Big Data để cá nhân hóa phí bảo hiểm và các dịch vụ đi kèm.

6.

Số hóa quy trình quản trị nội bộ

Triển khai bộ giải pháp số hóa gồm hệ thống quản lý quy trình BVPM giúp tự động hóa quy trình nghiệp vụ, văn phòng điện tử BVOffice ứng dụng chữ ký số và quản lý tài liệu số cùng hệ thống lưu trữ điện tử BVSA, đảm bảo dữ liệu an toàn, giúp tối ưu hóa vận hành và hỗ trợ làm việc linh hoạt.

7.

Tăng cường an toàn thông tin

Xây dựng Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng (Bảo Việt Cyber Security Incident Response Team), tham gia các liên minh an ninh mạng, tổ chức diễn tập thực chiến để nâng cao khả năng ứng phó và bảo vệ hệ thống trước các mối đe dọa an ninh mạng.

Những nỗ lực trên không chỉ giúp Bảo Việt nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu trải nghiệm khách hàng mà còn tạo nền tảng vững chắc để tiếp tục đổi mới, thích ứng với sự thay đổi của thị trường và công nghệ trong tương lai.

Kế hoạch 2025 và định hướng đến 2030 đối với hoạt động công nghệ thông tin của Bảo Việt

Định hướng công nghệ thông tin (CNTT) của Bảo Việt đến năm 2030 là trên cơ sở tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của Tập đoàn ứng dụng CNTT một cách linh hoạt nhằm thích ứng với sự thay đổi công nghệ để phát triển bền vững, triển khai các hệ thống CNTT tiên tiến, hiện đại đẩy mạnh việc chuyển đổi số toàn diện trong mọi hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt

Bảo Việt sẽ tiếp tục đẩy mạnh đổi mới và ứng dụng các công nghệ hiện đại, thúc đẩy việc tăng cường tích hợp CNTT trong quy trình quản lý, điều hành của Tập đoàn Bảo Việt, tăng khả năng kết nối, liên thông, tích hợp và chia sẻ thông tin, thực sự đưa CNTT là thế mạnh của Bảo Việt nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trong thời đại mới, thời đại của cách mạng công nghiệp 4.0 với định hướng cụ thể như sau:

- Tập trung vào việc triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ cho 3 đối tượng: khách hàng, đại lý và đối tác, bám sát các xu thế công nghệ mà có thể ứng dụng hiệu quả cho hoạt động kinh doanh, nâng cao các thế mạnh của Tập đoàn Bảo Việt.

- Xây dựng được hệ thống quản trị tập trung của toàn Tập đoàn trên nền tảng công nghệ 4.0.

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh (BCP – Business continuous plan) đồng thời ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro gián đoạn, đảm bảo tính liên tục trong vận hành và nâng cao khả năng phục hồi hệ thống trước mọi tình huống.

- Hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị tiên tiến, phù hợp với chuẩn mực hoạt động theo thông lệ quốc tế, phấn đấu đến năm 2030, đạt trình độ phát triển công nghệ thuộc nhóm các công ty dẫn đầu trong ngành Tài chính – Bảo hiểm Việt Nam; đáp ứng tốt nhu cầu dịch vụ tài chính bảo hiểm của nền kinh tế.



CÁC XU HƯỚNG THẾ GIỚI ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHIẾN LƯỢC CỦA BẢO VIỆT

Các giải pháp trọng tâm Bảo Việt đang và sẽ thực hiện trong thời gian tới là:

1. Chuẩn bị tốt nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

- Thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực CNTT theo quy định của pháp luật để tuyển dụng đội ngũ cán bộ CNTT có đủ năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.
- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ CNTT có năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có khả năng làm chủ công nghệ, tính chuyên nghiệp cao đáp ứng yêu cầu của môi trường làm việc quốc tế.

2. Xây dựng và triển khai chiến lược về dữ liệu

- Xây dựng nền tảng dữ liệu hợp lực tích hợp toàn diện thông tin về hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư và các lĩnh vực khác, tạo nền tảng vững chắc cho quản trị và phát triển Tập đoàn.
- Chuẩn hóa và tối ưu hóa cơ sở dữ liệu khách hàng trên toàn hệ thống, nâng cao khả năng khai thác dữ liệu nhằm hiểu rõ nhu cầu khách hàng, từ đó cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính – bảo hiểm phù hợp. Đồng thời, dữ liệu được phân tích chuyên sâu để hỗ trợ công tác quản trị rủi ro và ra quyết định chiến lược.
- Hoàn thiện và phát triển hệ thống quản trị dữ liệu linh hoạt, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu khai thác và cung cấp thông tin kịp thời cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên, thúc đẩy quản trị doanh nghiệp dựa trên dữ liệu.

3. Tăng cường chuyển đổi số

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp các hệ thống công nghệ thông tin hiện có.
- Hoàn thiện và phát triển Hệ sinh thái số toàn diện của Bảo Việt
- Tập trung hoàn thiện các hệ thống nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, đại lý
- Đa dạng hóa kênh tương tác với khách hàng, đại lý.
- Đẩy mạnh việc ứng dụng các nền tảng, kiến trúc công nghệ tiên tiến theo đúng xu thế trên thế giới cho các hệ thống phần mềm của Bảo Việt để tăng cường hiệu năng ứng dụng, phát triển nhanh và đảm bảo an toàn bảo mật.
- Đẩy mạnh việc áp dụng các công nghệ mới như: Trí tuệ nhân tạo, học máy, học sâu, xử lý dữ liệu lớn vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, tự động hóa các quy trình đánh giá rủi ro, giám định, bồi thường để nâng cao năng suất lao động.
- Nghiên cứu tìm kiếm cơ hội hợp tác với các công ty/startup công nghệ để đẩy nhanh tiến trình số hóa của Bảo Việt, hướng đến cung cấp sản phẩm, dịch vụ số; Hợp tác phát triển các ứng dụng, tạo lợi thế cạnh tranh mới và khác biệt cho Bảo Việt.

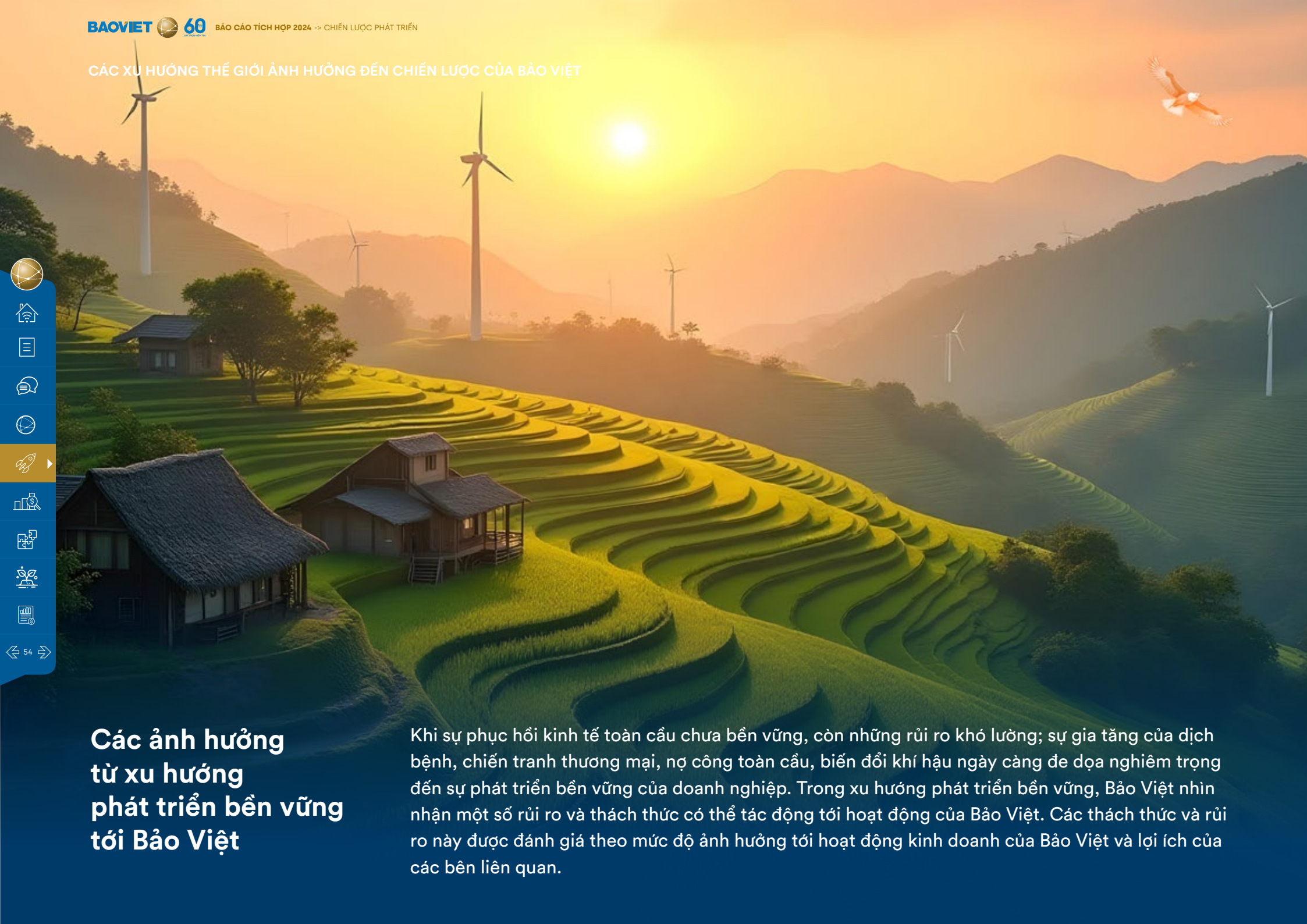
4. Cơ sở hạ tầng

- Tối ưu và chuyển đổi hạ tầng CNTT theo chiến lược Smart Cloud, kết hợp linh hoạt Private Cloud, Public Cloud, Native Cloud với mô hình Hybrid/Multi Cloud nhằm nâng cao hiệu suất vận hành, đáp ứng linh hoạt nhu cầu kinh doanh và tối ưu chi phí.
- Tăng cường ứng dụng các nền tảng công nghệ tiên tiến trong vận hành hệ thống CNTT nhằm nâng cao năng suất, tối ưu quy trình triển khai, và đẩy nhanh việc tích hợp phần mềm vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, nâng cao bảo mật trong quản lý ứng dụng CNTT và hệ thống mạng, đảm bảo an toàn trước các mối đe dọa an ninh mạng.

5. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- Nghiên cứu, ứng dụng các mô hình tiên tiến trong đảm bảo an toàn thông tin, bao gồm bảo vệ theo chiều sâu và Zero Trust, thông qua nguyên tắc SecDevOps. Đồng thời, tìm hiểu và triển khai các giải pháp tự động hóa an toàn thông tin như EDR, XDR để nâng cao khả năng phòng thủ.
- Tăng cường hiệu quả hoạt động của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng thông qua hoạt động tham gia các liên minh, diễn đàn chuyên môn, chủ động tìm kiếm mối đe dọa và tổ chức diễn tập thực chiến nhằm nâng cao năng lực ứng phó và xử lý sự cố tấn công mạng.
- Chủ động săn lùng mối đe dọa, chủ động tìm kiếm thông tin bị rò rỉ trên không gian mạng phối hợp với việc giám sát, cảnh báo và theo dõi các nguy cơ có khả năng gây rủi ro cao để phòng ngừa. Thực hiện kiểm tra và đánh giá hệ thống định kỳ để cập nhật, xử lý ngăn chặn lỗ hổng bảo mật.
- Nghiên cứu, tìm hiểu các văn bản pháp luật về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân được ban hành mới, sửa đổi bổ sung để thực hiện tuân thủ.
- Tiếp tục triển khai phân loại hệ thống và thực hiện các phương án bảo vệ theo cấp độ đã xác định.

CÁC XU HƯỚNG THẾ GIỚI ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHIẾN LƯỢC CỦA BẢO VIỆT



Các ảnh hưởng từ xu hướng phát triển bền vững tới Bảo Việt

Khi sự phục hồi kinh tế toàn cầu chưa bền vững, còn những rủi ro khó lường; sự gia tăng của dịch bệnh, chiến tranh thương mại, nợ công toàn cầu, biến đổi khí hậu ngày càng đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong xu hướng phát triển bền vững, Bảo Việt nhìn nhận một số rủi ro và thách thức có thể tác động tới hoạt động của Bảo Việt. Các thách thức và rủi ro này được đánh giá theo mức độ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Bảo Việt và lợi ích của các bên liên quan.

CÁC XU HƯỚNG THẾ GIỚI ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHIẾN LƯỢC CỦA BẢO VIỆT

Tác động của biến đổi khí hậu đạt mốc kỷ lục mới trong năm 2024 gây nhiều hậu quả nghiêm trọng

Thách thức từ biến đổi khí hậu
Việt Nam hứng chịu nhiều tác động từ thảm họa thiên nhiên

Theo Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO), tác động của biến đổi khí hậu đã đạt mốc kỷ lục mới trong năm 2024 gây nhiều hậu quả nghiêm trọng, không thể đảo ngược. Đồng thời, báo cáo cũng nhấn mạnh cả những thiệt hại về kinh tế và xã hội mà các hiện tượng thời tiết cực đoan gây ra.

Báo cáo Khí hậu toàn cầu năm 2024 của WMO xác nhận 2024 là năm đầu tiên ghi nhận mức nhiệt độ trung bình thế giới vượt giới hạn 1,5 độ C so với thời tiền công nghiệp. Cụ thể, mức tăng nhiệt độ ghi nhận toàn cầu được xác định là khoảng 1,55 ± 0,13°C so với mức trung bình 1850-1900. Đây là năm có nhiệt độ cao nhất được ghi nhận trong 175 năm.

Báo cáo WMO đồng thời cung cấp một vài số liệu đáng lưu ý, trong đó năm qua cũng là năm ghi nhận nồng độ CO_2 trong không khí cao nhất trong suốt 800.000 năm.

Theo số liệu toàn cầu, nồng độ carbon dioxide vào năm 2023 là 420,0 ± 0,1 phần triệu (ppm), cao hơn 2,3 ppm so với năm 2022 và bằng 151% mức trước thời kỳ công nghiệp (năm 1750). Trong đó, các chuyên gia lưu ý 420 ppm tương đương 3,276 nghìn tỷ tấn CO_2 trong khí quyển.

Dữ liệu thời gian thực từ các địa điểm cụ thể cho thấy nồng độ của ba loại khí nhà kính chính này tiếp tục tăng vào năm 2024. CO_2 vẫn tồn tại trong khí quyển qua nhiều thế hệ và khiến mức nhiệt nóng lên.

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề do biến đổi khí hậu, trong đó thiên tai, lũ ống, lũ quét và sạt lở đất gây thiệt hại lớn nhất và ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt là ở các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc. Báo cáo cho biết những năm gần đây, thiên tai có chiều hướng gia tăng về số lượng, tần suất, diễn biến khó lường và tính tàn phá cũng ngày càng khốc liệt hơn do biến đổi khí hậu.

Nếu như 1 thế kỷ nữa, nhiệt độ nước biển tại Việt Nam tăng 3 độ C. Mực nước biển vùng ĐBSCL tăng từ 55 – 75 cm, sẽ khiến cho 40% tổng diện tích ĐBSCL bị ngập nước. Việc nước biển dâng, xâm mặn sẽ khiến cho 45% diện tích vùng ĐBSCL bị nhiễm mặn vào năm 2030.



Tại Phiên họp cấp cao trong khuôn khổ Hội nghị COP29, đại diện Việt Nam chia sẻ: Năm 2024 là năm ấm nhất được ghi nhận. Hạn hán, sóng nhiệt, cháy rừng, lũ lụt, xoáy thuận nhiệt đới xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới, trong đó có Việt Nam và tác động tiêu cực đáng kể đến nền kinh tế toàn cầu.

Việt Nam đã lồng ghép các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thực hiện NDC vào Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật khác, chiến lược dài hạn, chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và thực hiện nhiều biện pháp để tăng cường khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu. Theo hướng dẫn từ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), Việt Nam đã xây dựng và triển khai Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (NAP) vào năm 2020, triển khai Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu ở cấp quốc gia.

NAP xác định các nhiệm vụ, giải pháp ưu tiên cụ thể cho 7 lĩnh vực dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu là tài nguyên và môi trường; nông nghiệp và phát triển nông thôn; kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; phát triển đô thị và nhà ở; du lịch; sức khỏe cộng đồng và công thương.

CÁC XU HƯỚNG THẾ GIỚI ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHIẾN LƯỢC CỦA BẢO VIỆT

KINH TẾ TUẦN HOÀN
Kiến tạo giá trị bền vững từ hôm nay

Trong 60 năm đồng hành và phát triển cùng sự phát triển của đất nước, Bảo Việt không chỉ khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm mà còn vững vàng với sứ mệnh lan tỏa các giá trị phát triển bền vững đến cộng đồng.





Khi thế giới đang từng bước chuyển mình mạnh mẽ để đối mặt với khủng hoảng tài nguyên, biến đổi khí hậu và bất bình đẳng xã hội, kinh tế tuần hoàn là một giải pháp tất yếu, thông minh. Đây không chỉ là mô hình tái sử dụng tài nguyên, giảm phát thải, mà còn là biểu tượng của tư duy đổi mới – chuyển rác thải thành tài nguyên, chuyển thách thức thành cơ hội. Bảo Việt nhận thức rằng: Đổi mới vì tương lai không thể chờ đợi. Tập đoàn đã và đang tích cực ứng dụng các nguyên tắc của kinh tế tuần hoàn vào chiến lược phát triển như: Số hóa quy trình để giảm thiểu tiêu thụ tài nguyên; Thiết kế sản phẩm dịch vụ xanh, thân thiện với môi trường; Thúc đẩy tinh thần tiêu dùng có trách nhiệm trong nội bộ và ngoài xã hội.

Phát triển bền vững không chỉ là cam kết, mà còn là cách để doanh nghiệp tạo dựng giá trị lâu dài – không chỉ cho cổ đông, mà cho cả cộng đồng và hành tinh. Đó là cách chúng ta vừa gìn giữ sự sống hôm nay, vừa kiến tạo tương lai ngày mai.

Theo Ủy ban Kinh doanh và Phát triển Bền vững, việc thực hiện các Mục tiêu Toàn cầu có thể mở ra cơ hội thị trường trị giá hơn 12 nghìn tỷ USD – một con số không chỉ mang ý nghĩa kinh tế, mà còn là minh chứng cho tiềm năng khi doanh nghiệp đặt môi trường và xã hội vào trung tâm chiến lược. Chuyển đổi từ kinh tế tuyến tính sang kinh tế tuần hoàn không còn là xu hướng, mà là điều tất yếu. Các thành phố thông minh, công nghệ sạch, fintech, proptech, di chuyển xanh... đều là minh chứng cho sự phát triển tất yếu của một nền kinh tế biết học hỏi từ tự nhiên và hoàn trả lại cho tự nhiên.

Trong bối cảnh hiện nay, việc chuyển đổi từ kinh tế thẳng sang kinh tế tuần hoàn là thiết yếu đối với tất cả các quốc gia trên thế giới, không ngoại trừ Việt Nam. Bốn lý do chính mà bắt buộc diễn ra sự chuyển đổi này bao gồm:

- Sự gia tăng nhu cầu về nguyên liệu thô, trong khi nguồn nguyên liệu này ngày càng cạn kiệt, đặc biệt đối với nguồn tài nguyên khoáng sản, nguồn tài nguyên không thể tái tạo được;
- Tác động đến sự biến đổi khí hậu (phát thải các khí nhà kính, đặc biệt là CO_2) làm gia tăng quá trình biến đổi khí hậu cực đoan, gây nên các hậu quả cực kỳ nghiêm trọng;
- Sự phụ thuộc vào các nước khác, đặc biệt các quốc gia phụ thuộc nước khác về nguyên liệu thô. Sự phụ thuộc này dẫn đến căng thẳng về chính trị toàn cầu;
- Sự chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn với mục tiêu sử dụng năng lượng bền vững sẽ làm giảm quá trình biến đổi khí hậu;
- Tạo ra các cơ hội kinh tế, đặc biệt đối với doanh nghiệp và khoa học trong lĩnh vực việc đổi mới, thiết kế, tái chế và sáng tạo.

Bảo Việt luôn gắn liền Tăng trưởng kinh tế với Bảo vệ môi trường và Trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng ta từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này.

Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng tôi từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này. Và để làm được, chúng tôi cũng cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm bù đắp lại những thiếu hụt về nguồn lực tài nguyên mà con người đã khai thác quá mức trong quá khứ và trong hiện tại.

HÀNH ĐỘNG NHỎ LỚN CHO THAY ĐỔI



Bảo Việt đồng hành cùng việt nam trong thực hiện mục tiêu của hội nghị COP29



Hội nghị Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP) là hội nghị thường niên tổ chức trong khuôn khổ Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) nhằm đánh giá quá trình đương đầu với biến đổi khí hậu, Việt Nam đã có những cam kết mạnh mẽ cùng gần 200 quốc gia thực hiện giảm thiểu sản xuất và sử dụng nhiên liệu hóa thạch như dầu khí và than đá, để đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Trong hội nghị COP29 vừa qua, tuyên bố COP29 về Hành động Kỹ thuật số Xanh với hơn 75 chính phủ và hơn 1.100 thành viên trong cộng đồng công nghệ số đã ủng hộ tuyên bố sử dụng các công cụ kỹ thuật số để giảm phát thải và tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.

Trong năm 2024, để chủ động thích ứng và hiện thực hóa cam kết thành hành động trong việc ứng dụng công nghệ nhằm giảm phát thải trong hoạt động kinh doanh, Bảo Việt đã đã tập trung xây dựng Hệ sinh thái số, mang lại giá trị tăng thêm cho khách hàng bằng cách tối ưu hóa dữ liệu và quy trình làm việc từ các bộ phận, công cụ, hệ thống nội bộ, cũng như với khách hàng, nhà cung cấp và đối tác bên ngoài. Với những hành động cụ thể, Bảo Việt đang phát triển và hoàn thiện Hệ sinh thái số của riêng mình bằng cách tận dụng các giải pháp công nghệ, tài nguyên số để tích hợp các sản phẩm và dịch vụ vào cùng một nền tảng từ đó giúp Bảo Việt mở rộng quy mô kinh doanh, tăng lợi thế cạnh tranh và đảm bảo giảm thiểu các tác động đến môi trường.

Biến đổi khí hậu tác động gián tiếp lên sức khỏe con người thông qua nguồn gây bệnh, làm tăng khả năng bùng phát và lan truyền các bệnh dịch, gây ra các rủi ro từ gói bảo hiểm y tế và bảo hiểm sức khỏe của Bảo Việt. Các rủi ro về con người, tài sản cũng ảnh hưởng tới Bảo Việt với các chi phí bồi thường gia tăng.

Những thiệt hại của biến đổi khí hậu đối với nền kinh tế của quốc gia gây ra rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Bảo Việt xét ở khía cạnh thu nhập của người dân giảm và các ưu tiên dành cho bảo hiểm có thể được thay thế cho những nguy cơ khác cấp bách hơn của khách hàng nhằm phục vụ cho các mục tiêu ngắn hạn.

Việc thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề mang tính toàn cầu nhưng đây cũng có thể là cơ hội nếu biết khai thác, tận dụng. Bảo Việt nhìn nhận trách nhiệm của mình trong việc chung tay giải quyết các thách thức thông qua việc phát triển các sản phẩm chuyên biệt như One-storm – bảo hiểm bão nhiệt đới, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm cây lúa... góp phần giảm nhẹ thiệt hại và hậu quả của biến đổi khí hậu.

Bảo Việt đã triển khai một loạt các giải pháp đồng bộ để nâng cao trải nghiệm của khách hàng, đại lý và tư vấn viên trên cơ sở hoàn thiện nâng cấp hệ thống core, kết nối liên thông giữa các hệ thống trong nội bộ và tăng cường hợp tác với các đối tác công nghệ, đối tác thanh toán, các hệ sinh thái khác để hình thành một hệ sinh thái số hoàn chỉnh cho Tập đoàn Bảo Việt.

CÁC XU HƯỚNG THẾ GIỚI ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHIẾN LƯỢC CỦA BẢO VIỆT

Gắn kết mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) trong hoạt động của doanh nghiệp

Hưởng ứng lời kêu gọi tại Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp quốc về Phát triển bền vững thông qua Chương trình nghị sự 2030 với trọng tâm là các Mục tiêu Phát triển bền vững cho giai đoạn 2021 - 2030, theo đó các doanh nghiệp trên toàn thế giới được kêu gọi đánh giá tác động của mình, đặt ra những mục tiêu tham vọng với quyết tâm mạnh mẽ và công bố kết quả thực hiện một cách minh bạch.



Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, Bảo Việt đã phân tích, lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững đến năm 2030 của doanh nghiệp. Để điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp với Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu, Bảo Việt không chỉ lồng ghép các mục tiêu vào quá trình lập kế hoạch chiến lược, phát triển kinh doanh mà còn vào mọi khía cạnh trong hoạt động của doanh nghiệp. Việc áp dụng một phương pháp tích hợp toàn diện này sẽ mở rộng tầm nhìn chiến lược của doanh nghiệp, thúc đẩy các quyết định và các hoạt động của doanh nghiệp với kỳ vọng mang lại lợi ích trong dài hạn cho các bên liên quan.

Chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

Nhận diện các ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn, Bảo Việt đã gắn kết các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035 trên cơ sở đánh giá các hoạt động đã triển khai và phân tích các tác động đối với Bảo Việt.



Định hướng

Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Bảo Việt.

Bảo Việt luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

Cam kết từ Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Chiến lược phát triển của doanh nghiệp gắn liền với sự cam kết và quyết định của Ban lãnh đạo. Tại Bảo Việt, việc định hướng và cam kết thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, cũng như việc gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh nhận được sự đồng thuận từ cấp Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, lãnh đạo quản lý cấp trung đến cán bộ nhân viên.



Hiện thực hóa chiến lược thông qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả

Bảo Việt công bố định hướng phát triển bền vững trong chiến lược phát triển của Bảo Việt với sự cam kết của Lãnh đạo cấp cao về việc đảm bảo thực hiện 3 mục tiêu kinh tế - xã hội và môi trường. Định hướng chiến lược này được hiện thực hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng Trung tâm/Ban chức năng và đơn vị thành viên. Các mục tiêu này được lượng hóa theo chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs), trong đó bao gồm các chỉ tiêu tài chính (kinh tế) và phi tài chính (môi trường và xã hội). Tại mỗi đơn vị, định hướng chiến lược, kế hoạch hành động, mục tiêu phát triển của đơn vị được phổ biến, thống nhất tới cán bộ nhân viên thông qua các cuộc họp triển khai nhiệm vụ kinh doanh, họp hội nghị người lao động, các khóa đào tạo, phổ biến tới toàn thể cán bộ.

Theo dõi và chỉ đạo các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững

Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tại các cuộc họp này, Tổng Giám đốc, các Ủy ban trực thuộc HĐQT và các cán bộ quản lý báo cáo về các vấn đề trọng tâm liên quan đến kinh tế – xã hội – môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. HĐQT sẽ xem xét và có những đánh giá, định hướng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm: đánh giá tình hình kinh tế xã hội để có những sự thay đổi chiến lược kinh doanh hợp lý chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên; triển khai thực hiện các chương trình an sinh xã hội. Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo Nghị quyết của HĐQT được ban hành sau các cuộc họp.

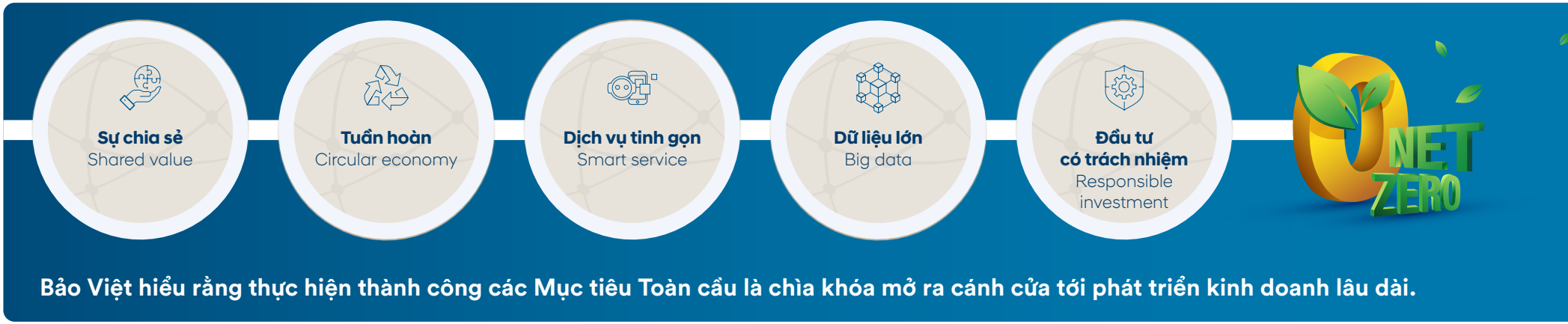
HĐQT giám sát việc triển khai chiến lược của Bảo Việt, trong đó bao gồm chiến lược phát triển bền vững. HĐQT có trách nhiệm phê duyệt chủ trương thực hiện và phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định trước khi trình đhđCđ xem xét thông qua lần cuối. hội đồng quản trị giao Ban điều hành và Bộ phận chịu trách nhiệm về phát triển bền vững chuẩn bị, xây dựng nội dung phù hợp với chuẩn mực quốc tế về phát triển bền vững và phù hợp với pháp luật, thông lệ và điều kiện Việt Nam.

Bảo Việt cũng cử đại diện tham gia Ban Điều hành Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) nhiệm kỳ 2023-2026, qua đó Bảo Việt có cơ hội cập nhật các xu hướng mới về phát triển bền vững để gắn kết trong chiến lược và hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn, đồng thời cam kết sẽ chung tay cùng Ban Điều hành VBCSD trong các hoạt động thường niên về phát triển bền vững nhằm thúc đẩy kinh doanh theo hướng phát triển bền vững; Thúc đẩy nhân rộng áp dụng bộ chỉ số bền vững trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng thành lập Tổ thường trực về phát triển bền vững gồm 45 thành viên, trong đó Ban chỉ đạo bao gồm Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Quyền Tổng Giám đốc và Lãnh đạo các Khối/Ban chức năng/Văn phòng, trong đó có sự phân quyền rõ ràng cho các thành viên đối với từng nhóm mục tiêu căn cứ trên 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc và các lĩnh vực mà Bảo Việt có thể tác động lớn nhất khi triển khai các mục tiêu đó.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

Trong quá trình định hình các cơ hội thị trường do các Mục tiêu Toàn cầu về phát triển bền vững mang lại trên nền tảng các triết lý kinh doanh dựa trên:



Bảo Việt hiểu rằng thực hiện thành công các Mục tiêu Toàn cầu là chìa khóa mở ra cánh cửa tới phát triển kinh doanh lâu dài.

Mục tiêu chiến lược phát triển bền vững đến 2030

- Thuộc nhóm dẫn đầu về thị phần doanh thu phí bảo hiểm, khác biệt hoá trong cung cấp sản phẩm và dịch vụ tài chính cá nhân tại Việt Nam.
- Có hệ thống bán hàng và dịch vụ sau bán hàng đa dạng và lớn nhất tại Việt Nam.
- Đến 2025, xây dựng được cơ bản Hệ sinh thái số của Bảo Việt để cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đa dạng, thân thiện, dễ tiếp cận.
- Đến năm 2030, đầu tư được và có lợi nhuận tốt từ chuỗi dịch vụ phụ trợ của ngành bảo hiểm hướng đến hoàn thiện Hệ sinh thái Bảo Việt.
- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, nhà đầu tư và người lao động; đóng góp vào ngân sách Nhà nước thông qua nộp thuế và cổ tức, đóng góp gián tiếp cho việc thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội của Chính phủ.
- Duy trì vị trí hàng đầu trong việc tái đầu tư trở lại nền kinh tế từ nguồn phí bảo hiểm.
- Phát triển, mở rộng hoạt động kinh doanh, tích cực đóng góp cho kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương tại các địa bàn Bảo Việt đang hoạt động.

Giải pháp phát triển bền vững ngắn - trung và dài hạn

Để điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp với Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu, Bảo Việt không chỉ lồng ghép các mục tiêu vào quá trình lập kế hoạch chiến lược, đổi mới phát triển kinh doanh mà còn vào mọi khía cạnh trong hoạt động của doanh nghiệp, từ đầu tư, vận hành hoạt động đến marketing, truyền thông thương hiệu, quản lý và phát triển nguồn nhân lực... Việc áp dụng một phương pháp tích hợp toàn diện này sẽ mở rộng tầm nhìn chiến lược của doanh nghiệp, thúc đẩy các quyết định và các hoạt động đầu tư với kỳ vọng mang lại lợi ích trong dài hạn khi xu hướng phát triển bền vững trở thành xu hướng tất yếu và bước vào chu kỳ tăng tốc.

Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, Bảo Việt đã phân tích, lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững đến năm 2025 của doanh nghiệp bao gồm:



Giải pháp

- Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu phát triển dài hạn trong mọi hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- Tiếp tục duy trì mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến theo thông lệ quốc tế, minh bạch, hiệu quả; cơ cấu tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
- Đảm bảo nguồn nhân lực đủ số lượng, cơ cấu hợp lý, có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và năng lực ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý và kinh doanh.
- Tập trung đầu tư cho công nghệ thông tin, coi chuyển đổi số là con đường ngắn nhất để Bảo Việt phát triển các lĩnh vực kinh doanh ổn định và bền vững, là một trong các động lực quan trọng nhất cho sự tăng trưởng, tăng năng suất lao động.
- Thúc đẩy tăng trưởng thông qua các hoạt động hợp lực đa dạng theo chuỗi giá trị giữa các đơn vị trong Tập đoàn, tận dụng tối đa năng lực từng thành viên trong Bảo Việt, củng cố và phát triển năng lực cốt lõi, xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững.
- Tăng cường công tác quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Khai thác tối ưu, nâng cao hiệu quả kênh phân phối truyền thống đại lý (năng lực cốt lõi của Tập đoàn), tập trung nguồn lực để phát triển kênh số.
- Phát triển các sản phẩm bảo hiểm-tài chính tích hợp trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai các chương trình bảo hiểm vi mô cho người có thu nhập thấp, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm sức khỏe trong đó chú trọng bảo hiểm chuyên biệt cho các bệnh hiểm nghèo...

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

Tăng trưởng kinh tế bền vững



Gắn kết SDGs



Tiêu chuẩn GRI





Ngắn hạn (2022-2025)

- Giữ vị trí hàng đầu trên thị trường bảo hiểm
- Đảm bảo chính sách chi trả cổ tức đều đặn, tối thiểu 50% lợi nhuận sau thuế
- Chiến lược đầu tư thận trọng đảm bảo an toàn tài sản trên nguyên tắc vốn đầu tư phân bổ theo hiệu quả và khả năng sinh lời của các đơn vị
- Triển khai nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các dự án đầu tư
- Mở rộng hoạt động kinh doanh, đóng góp cho kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương tại các địa bàn Bảo Việt đang hoạt động
- Đẩy mạnh mô hình sản phẩm tài chính - bảo hiểm tích hợp, thúc đẩy tiêu dùng có trách nhiệm

Dài hạn (2025 - 2030)

- Tăng cường chuyển đổi số trên nền tảng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng hỗ trợ nâng cao hiệu quả kinh doanh
- Phát triển gói sản phẩm dịch vụ tài chính - bảo hiểm mới đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư, khách hàng, cộng đồng
- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận; tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt trên 8%, đảm bảo quyền lợi cổ tức cho cổ đông vượt cam kết
- Quản lý rủi ro, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh
- Đóng góp vào ngân sách nhà nước thông qua nộp thuế và cổ tức, đóng góp gián tiếp cho việc thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội của Chính phủ
- Duy trì vị trí hàng đầu trong việc tái đầu tư trở lại nền kinh tế từ nguồn phí bảo hiểm.

Giải pháp

- Hoàn thiện Hệ sinh thái số bằng cách tận dụng các giải pháp công nghệ, tài nguyên số để tích hợp các sản phẩm và dịch vụ vào cùng một nền tảng
- Chú trọng đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính, đón đầu nhu cầu thị trường
- Triển khai ứng dụng AI trong bài toán nhận diện quang học - OCR nhằm tự động hoá một số quy trình từ đó nâng cao năng suất lao động; triển khai eKYC (định dạng khách hàng điện tử)
- Tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm - đầu tư - tài chính - ngân hàng

Đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội

Gắn kết SDGs



Tiêu chuẩn GRI





Ngắn hạn (2022-2025)

- Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn thông qua việc đầu tư tại các địa bàn khó khăn, tập trung cho các huyện nghèo vùng cao.
- Hỗ trợ các điều kiện sống cơ bản cho người dân vùng khó khăn nhằm giúp họ tập trung lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình tốt hơn.
- Đầu tư phát triển các gói sản phẩm bảo hiểm vi mô và sản phẩm đáp ứng các nhu cầu bảo vệ cho khách hàng thông qua gói sản phẩm đa dạng với tính năng ưu việt, linh hoạt.
- Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến.
- Đầu tư cho công tác giáo dục, phát triển thế hệ trẻ, góp phần xây dựng thế hệ tri thức tương lai của đất nước.

Dài hạn (2025 - 2030)

- Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn;
- Đầu tư hỗ trợ các huyện nghèo xây dựng cơ sở hạ tầng, từng bước đem lại điều kiện sống tốt và cuộc sống khỏe mạnh hơn cho người dân;
- Đảm bảo lợi ích và môi trường làm việc cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống và thu nhập cho tư vấn viên để tăng sự gắn bó lâu dài;
- Đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển thế hệ trẻ, hỗ trợ công tác khuyến học.

Giải pháp

- Triển khai các hoạt động xóa nghèo, đầu tư xây thêm các nhà bán trú dân nuôi, trạm y tế, trường học tại các địa phương khó khăn;
- Tổ chức các chương trình mang thông điệp “He for She” - Nam giới vì Phụ nữ tại công sở nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và quyền phụ nữ
- Dành ngân sách 1% lợi nhuận sau thuế cho các hoạt động cộng đồng khác như đầu tư cho thế hệ trẻ, khắc phục hậu quả thiên tai và tri ân anh hùng liệt sỹ;
- Đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;
- Hoàn thiện cơ chế đánh giá và trả lương theo hiệu quả;
- Gắn kết người lao động trong các hoạt động vì cộng đồng thông qua tổ chức các sự kiện đi bộ gây quỹ, mang hơi ấm tới vùng cao, trồng cây xanh,...

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

Chung tay bảo vệ môi trường



Gắn kết SDGs



Tiêu chuẩn GRI



Ngắn hạn (2022-2025)

- Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm số hóa các giao dịch hoạt động, giảm lượng giấy thải ra môi trường
- Sử dụng năng lượng hiệu quả tại các tòa nhà văn phòng thông qua việc sử dụng hợp lý, có ý thức các nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên.
- Tăng cường sử dụng các sản phẩm tái chế và sử dụng các thiết bị được dán nhãn "xanh". Tạo sự chuyển biến từ ý thức bảo vệ môi trường đến việc đồng hành cùng Bảo Việt trong các hoạt động vì môi trường đối với khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên.
- Thực hiện đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp căn cứ trên các cam kết trách nhiệm đối với xã hội và môi trường.
- Áp dụng các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các dự án đầu tư, nhằm đảm bảo thực hiện chuỗi giá trị bền vững của Bảo Việt.

Dài hạn (2025 - 2030)

- Giảm thiểu việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính;
- Giảm 10% lượng xăng và điện tiêu thụ;
- Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững: áp dụng 100% chỉ tiêu đo lường năng lượng và nước tiêu thụ trên toàn hệ thống;
- Tiết kiệm văn phòng phẩm, giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc;
- Giảm tối đa lượng rác thải nhựa trong sinh hoạt văn phòng.
- Giảm thiểu các hoạt động gây phát sinh chất thải và ô nhiễm môi trường, góp phần cải tạo môi trường và sức khỏe của con người.

Giải pháp

- Số hóa các quy trình và sản phẩm hướng tới một Bảo Việt không giấy tờ (paperless)
- Giảm phát khí thải nhà kính thông qua giảm tiêu thụ năng lượng các tòa nhà văn phòng do Bảo Việt quản lý;
- Thực hiện kiểm soát hệ thống xử lý chất thải tại các tòa nhà của Bảo Việt - đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường cho phép;
- Thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng;
- Thay thế việc sử dụng các bình đun nước nóng cục bộ bằng việc sử dụng các trung tâm cấp nước nóng sử dụng dầu D.O;
- Tăng tỷ lệ rà soát và thỏa thuận về môi trường xã hội với nhà cung cấp và dự án đầu tư.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu chiến lược đến năm 2024

Trong giai đoạn 2021-2024, nền kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng gặp nhiều bất ổn, đặc biệt sau đại dịch Covid. Thị trường bảo hiểm còn chịu thêm tác động kép do khủng hoảng niềm tin khách hàng, các quy định xiết chặt kênh bancassurance cùng với nhiều tổn thất lớn xảy ra do thiên tai, lũ lụt, trong đó cơn bão Yagi đã gây tổn thất nặng nề với mức bồi thường lớn chưa từng có (tổng số tiền thiệt hại của các doanh nghiệp bảo hiểm lên tới gần 11.600 tỷ đồng, chủ yếu là các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ). Chi phí bồi thường gia tăng đột biến từ cơn bão Yagi đã khiến một số doanh nghiệp phải điều chỉnh giảm kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của năm 2024 như ABIC, MIC, BIC, Bảo Minh... Theo ước tính của Bộ Tài chính, năm 2024, doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường giảm -0,26% so với năm 2023 do thị trường bảo hiểm nhân thọ vẫn chịu ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng kênh bancassurance với mức giảm -5%, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ước tăng trưởng 10,2%. Tính chung cả giai đoạn 2021-2024, doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường chỉ tăng trưởng bình quân 5,1%/năm, thấp hơn nhiều so với mức tăng bình quân 21,7%/năm của giai đoạn 2016-2020 và mục tiêu của Chính phủ.

Trong giai đoạn 2021-2025, Tập đoàn Bảo Việt định hướng phát triển bền vững các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, trong đó BVNT và BHBV tiếp tục là đơn vị nòng cốt, trụ cột phát triển lĩnh vực kinh doanh truyền thống cho Bảo Việt. Do vậy, ưu tiên đầu tư hàng đầu của Tập đoàn là tập trung nguồn lực để tăng cường năng lực tài chính cho BVNT và BHBV – đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của các đơn vị.

Với mô hình Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm, Bảo Việt có sự khác biệt về mô hình kinh doanh so với các doanh nghiệp hoạt động trong cùng ngành tại Việt Nam, đó là khả năng cung cấp cho khách hàng chuỗi sản phẩm bảo hiểm & dịch vụ tài chính tích hợp, trọn gói (khoảng 130 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ và dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, quỹ, bất động sản). Đây là điểm khác biệt của Bảo Việt so với các doanh nghiệp bảo hiểm khác trên thị trường bảo hiểm Việt Nam. Chiến lược của Tập đoàn Tài chính-Bảo hiểm Bảo Việt trong giai đoạn tới là chiến lược đa dạng hóa theo chuỗi giá trị, nhằm phát huy thế mạnh của các Công ty con trong Tập đoàn, tận dụng tối đa năng lực của từng công ty thành viên trong Tập đoàn, củng cố và phát triển năng lực cốt lõi, xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững.

Hợp lực bán chéo là một trong những nhiệm vụ/giải pháp chiến lược trọng tâm của Bảo Việt. Với những nỗ lực và quyết tâm của Ban Lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống, Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được mức tăng trưởng và phát triển ổn định, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024 đặt ra, tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trên cả hai mảng kinh doanh chính là bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ nhờ chiến lược kinh doanh linh hoạt, tối ưu hóa các cơ hội cũng như nhờ sự đồng lòng, quyết tâm và nỗ lực của toàn hệ thống trong việc ứng dụng và triển khai các giải pháp, sản phẩm công nghệ, giúp tận dụng cơ hội đầu tư và phát huy tối đa sức mạnh hợp lực toàn Tập đoàn.

Toàn thị trường bảo hiểm

15% Mục tiêu tăng trưởng của Chính phủ giai đoạn 2021-2025

5,1% Ước tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025*

TTBH nhân thọ

16-18% Mục tiêu tăng trưởng của Chính phủ giai đoạn 2021-2025

3,2% Ước tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025*

3% Dự báo tăng trưởng năm 2025*

TTBH phi nhân thọ

7-9% Mục tiêu tăng trưởng của Chính phủ giai đoạn 2021-2025

9,2% Ước tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025*

*Ghi chú: * Ước tăng trưởng BQ giai đoạn 2021-2024 dựa trên số liệu ước tính năm 2024 của Bộ Tài chính (theo đó, doanh thu phí toàn thị trường ước giảm -0,26%, thị trường bảo hiểm nhân thọ giảm -5%, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ước tăng 10,2%). Năm 2025, Bộ Tài chính dự báo thị trường bảo hiểm nhân thọ tăng trưởng 3% so với năm 2024.*

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

Bảo Việt thuộc nhóm dẫn đầu về thị phần doanh thu phí bảo hiểm, khác biệt hoá trong cung cấp sản phẩm và dịch vụ tài chính cá nhân và có hệ thống bán hàng và dịch vụ sau bán hàng đa dạng và lớn nhất tại Việt Nam



56.875 TỶ ĐỒNG

Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn

250.000 ĐẠI LÝ VÀ TƯ VẤN VIÊN

Hoạt động ở cả thị trường BHNT và phi nhân thọ

200 CHI NHÁNH

1.000 PGD

Mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành

Bảo Việt là đơn vị duy nhất trên thị trường bảo hiểm Việt Nam có mạng lưới sâu rộng trên toàn quốc bao phủ khắp 63 tỉnh, thành phố, cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính toàn diện, bao gồm bảo hiểm, ngân hàng, quản lý quỹ, chứng khoán và đầu tư cho khách hàng. Bảo Việt hoạt động ở cả thị trường bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ với khoảng 250.000 đại lý và tư vấn viên, mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành (hơn 200 chi nhánh và 1.000 phòng giao dịch), đang phục vụ khoảng 20 triệu khách hàng một năm, tương đương gần 20% dân số Việt Nam.

Năm 2024 là một năm đầy thách thức, khó khăn đối với thị trường tài chính – bảo hiểm trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới đều không thuận lợi. Thị trường bảo hiểm vẫn bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng niềm tin khách hàng từ năm 2023, cùng với nhiều tổn thất lớn xảy ra vào cuối năm, đặc biệt là cơn bão Yagi từ tháng 9/2024. Trong bối cảnh đó, nhờ kịp thời triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp, tăng cường áp dụng công nghệ, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã rất nỗ lực, ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2024 tăng trưởng tốt so cùng kỳ, hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra. Toàn Tập đoàn tổng doanh thu hợp nhất năm 2024 đạt 56.875 tỷ đồng, tăng 13,6% so với thời điểm 31/12/2023. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất lần lượt đạt 2.663 tỷ đồng và 2.194 tỷ đồng, tăng trưởng 17,7% và 16,6%, vượt kế hoạch cả năm ở mức cao. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm tiếp tục thuộc top dẫn đầu về thị phần tổng doanh thu phí cả lĩnh vực nhân thọ và phi nhân thọ.

Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, Bảo Việt tự hào là thương hiệu doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ nội địa duy nhất cạnh tranh với 18 đối thủ là các tập đoàn tài chính - bảo hiểm quốc tế. Với quy mô doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ lớn nhất thị trường (năm 2024 đạt hơn 32.161 tỷ đồng, chiếm 21,7% thị phần), tỷ lệ hủy hợp đồng thấp so với các đối thủ, BVNT đã tạo lòng tin, uy tín thương hiệu cho người dân, là thước đo về chất lượng sản phẩm bảo hiểm nhân thọ của Việt Nam khi so sánh với các đối thủ nước ngoài tại thị trường Việt Nam. Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) tiếp tục giữ vị trí số 1 thị trường cả về thị phần tổng doanh thu phí (21,7%) và thị phần doanh thu khai thác mới (16,5%), khoảng cách khá xa so với đối thủ đứng thứ 02 là Prudential (thị phần TDT phí và doanh thu khai thác mới lần lượt là 16% và 14,9%) và thứ 03 là Manulife (16% và 9,5%). Với phương châm lấy trải nghiệm khách hàng làm trung tâm, BVNT đã đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ để nâng cao chất lượng dịch vụ. Ứng dụng MyBVLife được hoàn thiện và phát triển, cho phép khách hàng dễ dàng tra cứu thông tin hợp đồng, quyền lợi bảo hiểm, quá trình đóng phí, giá trị hợp đồng và kết quả giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Ngoài ra, khách hàng có thể thanh toán phí bảo hiểm trực tuyến thông qua ứng dụng này. Bên cạnh đó, BVNT đã triển khai nhiều chương trình chăm sóc khách hàng như "Bảo vệ cả nhà - Vi vu thả ga", "Thay lời muốn nói - Gói trọn yêu thương", "Xuân mới rước An – Tròn năm hạnh phúc", "Gia tăng bảo vệ - Sống khỏe An Vui" . Các hoạt động an sinh xã hội như "Quà vui tới trường", "Vì một Việt Nam tươi đẹp", "Ngày quốc tế Yoga", "Quỹ xe đạp chở ước mơ" cũng được BVNT tích cực thực hiện, tạo giá trị cho cộng đồng. Những thành tựu này phản ánh cam kết của BVNT trong việc không ngừng đổi mới, ứng dụng công nghệ để mang đến trải nghiệm thuận tiện, dễ dàng và nhanh chóng hơn cho khách hàng, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT



Trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo Việt là doanh nghiệp lớn thứ 2 thị trường với

10.457
TỶ ĐỒNG

Doanh thu phí gốc, chiếm 13,2% thị trường trong năm 2024

Hiện nay, BHBV đang xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái bảo hiểm sức khỏe với hệ thống bảo lãnh viện phí lớn nhất Việt Nam (hơn 200 bệnh viện, phòng khám...), hệ sinh thái bảo hiểm xe cơ giới với mạng lưới liên kết với các gara, nhà cung cấp phụ tùng xe rộng khắp cả nước với chất lượng dịch vụ sau bán hàng được đánh giá thuộc nhóm dẫn đầu thị trường.

Trong năm 2024, Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ số vào hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý và giám định bồi thường. Baoviet Direct đã được nâng cấp với giao diện thân thiện hơn, bổ sung các chức năng quản lý hợp đồng bảo hiểm sức khỏe, gửi yêu cầu bồi thường trực tuyến và theo dõi tiến độ xử lý ngay trên điện thoại. Tính đến cuối năm 2024, số lượng người dùng ứng dụng đã đạt hơn 500.000, tăng 25% so với năm trước. Hệ thống giám định và bồi thường số eClaim & Merimen: Hệ thống này tiếp tục được hoàn thiện, tích hợp thêm các tính năng AI hỗ trợ phân tích hình ảnh và định giá tổn thất nhanh chóng, chính xác hơn trong bảo hiểm xe cơ giới. Trong năm 2024, hơn 15.000 yêu cầu bồi thường đã được xử lý thông qua hệ thống này, giảm thời gian xử lý trung bình từ 5 ngày xuống còn 2 ngày. Chương trình bảo hiểm vật chất ô tô ứng dụng công nghệ Telematics (BAOVIET GO): Sau một năm triển khai từ tháng 7/2023, chương trình BAOVIET GO đã ghi nhận kết quả tích cực với số lượng hợp đồng tăng trưởng ổn định và phản hồi tích cực từ khách hàng. Trong năm 2024, chương trình được mở rộng phạm vi triển khai trên toàn quốc, đồng thời tích hợp thêm các chỉ số phân tích hành vi lái xe để cá nhân hóa mức phí bảo hiểm. Hơn 10.000 khách hàng đã tham gia chương trình này, với 85% trong số đó nhận được mức giảm phí bảo hiểm dựa trên hành vi lái xe an toàn. Chuyển đổi ứng dụng khám bệnh trực tuyến: Kể từ ngày 7/3/2024, BHBV chính thức chuyển đổi ứng dụng khám bệnh trực tuyến từ Doctor Anywhere sang AiHealth, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Ra mắt giao diện website mới: Ngày 30/07/2024, BHBV chính thức ra mắt giao diện website mới tại địa chỉ https://baovietonline.com.vn/, đánh dấu bước tiến quan trọng trong chiến lược chuyển đổi số của doanh nghiệp. Những bước tiến này không chỉ thể hiện năng lực công nghệ vượt trội của BHBV mà còn khẳng định cam kết của doanh nghiệp trong việc chuyển đổi số toàn diện, nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng.





CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

Xây dựng cơ bản Hệ sinh thái số - Hợp lực của Bảo Việt để cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đa dạng, thân thiện

Bảo Việt hướng đến xây dựng hệ sinh thái số từ nền tảng hệ sinh thái hiện nay để tận dụng thế mạnh hợp lực của toàn Tập đoàn, lấy khách hàng là trung tâm trong mọi hoạt động và triển khai mô hình kinh doanh số "1 khách hàng, đa sản phẩm". Với lợi thế về sản phẩm tích hợp (ngân hàng - chứng khoán - quỹ - bảo hiểm - chăm sóc sức khỏe) và dịch vụ khác biệt, mô hình "1 khách hàng, đa sản phẩm" sẽ tăng cường trải nghiệm khách hàng, thúc đẩy doanh thu và chuyển dịch khách hàng hiện hữu, khách hàng mới từ offline sang online.

Về hợp lực bán chéo bảo hiểm, mục tiêu là khai thác tiềm năng và năng lực cốt mà Bảo Việt có lợi thế duy nhất trên thị trường, đó là hoạt động ở cả thị trường bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ với khoảng 250.000 đại lý và tư vấn viên, mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành. Bình quân doanh thu bán chéo hàng năm đạt khoảng 1.000 tỷ đồng, góp phần tăng thu nhập cho đại lý/tư vấn viên.



Duy trì vị trí hàng đầu trong việc tái đầu tư trở lại nền kinh tế từ nguồn phí bảo hiểm



Với vị thế dẫn đầu ngành bảo hiểm, Bảo Việt là doanh nghiệp có số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế đứng đầu trong ngành, tỷ trọng bình quân khoảng 27% của toàn thị trường bảo hiểm Việt Nam năm 2024. Bảo hiểm đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, giúp bảo vệ quyền lợi cho doanh nghiệp và người dân khi gặp phải rủi ro. Là doanh nghiệp đứng đầu trong ngành về thị phần doanh thu phí bảo hiểm (đặc biệt là thị trường bán lẻ), tổng số tiền bồi thường và chi trả quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng và người dân của Bảo Việt cũng cao nhất trong ngành bảo hiểm, luôn chiếm tỷ trọng khoảng ¼ tổng số tiền bồi thường và chi trả quyền lợi bảo hiểm của thị trường. Tính chung cả lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, tổng số tiền bồi thường và chi trả quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng và người dân của BVNT và BHBV năm 2024 chiếm tỷ trọng bình quân khoảng 27% toàn thị trường bảo hiểm.

Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, nhà đầu tư và người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và chi trả cổ tức cho cổ đông, trong đó Bộ Tài chính là cổ đông lớn nhất.

Trong năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt (BVH) đã chi trả cổ tức (của năm tài chính 2023) bằng tiền mặt với tỷ lệ 10,037% trên mệnh giá cổ phiếu, tương đương 1.003,7 đồng cho mỗi cổ phiếu. Với hơn 742,3 triệu cổ phiếu đang lưu hành, tổng số tiền chi trả cổ tức hơn 745 tỷ đồng. Việc chi trả cổ tức này thể hiện cam kết của Bảo Việt trong việc gia tăng giá trị cho cổ đông, đồng thời phản ánh kết quả kinh doanh tích cực của Tập đoàn trong năm tài chính 2024. Với tiềm lực tài chính mạnh, quy mô vốn và tài sản hàng đầu trong số các doanh nghiệp bảo hiểm, cổ phiếu BVH luôn đóng vai trò dẫn dắt nhóm cổ phiếu ngành bảo hiểm. Với giá trị vốn hóa lớn và khối lượng giao dịch luôn duy trì ở mức cao đã giúp cổ phiếu BVH trở thành điểm đến của dòng tiền từ các nhà đầu tư dài hạn và các quỹ đầu tư quốc tế.

Bên cạnh việc tạo ra công ăn việc làm cho khoảng 6.500 cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống, Bảo Việt cũng tạo thêm thu nhập, công việc cho khoảng 300.000 người là đại lý, tư vấn viên bình quân hàng năm. Trong giai đoạn 2021-2024, bình quân hàng năm, BVNT đã tuyển dụng khoảng 250.000 đại lý (chiếm khoảng 25% số lượng đại lý toàn thị trường bảo hiểm nhân thọ) và BHBV đã tuyển dụng khoảng 40.000 đại lý hàng năm (chiếm khoảng 45% số lượng đại lý, tư vấn viên của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ).

Bảo Việt luôn hưởng ứng và tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội của Nhà nước nói chung và các địa phương trong cả nước nói riêng.

Tập đoàn Bảo Việt đã dành nguồn kinh phí 14 tỷ đồng trong năm 2024 cho các hoạt động an sinh xã hội, tập trung cho các hạng mục tài trợ cho giáo dục công lập, y tế công lập, xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo, khắc phục hậu quả thiên tai và phòng chống dịch bệnh, tri ân các anh hùng liệt sỹ, các gia đình chính sách, người có công...

Bảo Việt đã đạt được mức tăng trưởng và phát triển ổn định, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024 đặt ra, tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trên cả hai mảng kinh doanh chính là bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ. Đặc biệt, năm 2024, mảng kinh doanh bảo hiểm nhân thọ của Bảo Việt vươn lên dẫn đầu thị trường.





ĐỔI MỚI

Bảo Việt khẳng định vị trí dẫn đầu thị trường trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ, tiếp nối niềm tin đã dựng xây được trong 60 năm qua.

ĐỔI MỚI

Bảo Việt khẳng định vị trí dẫn đầu thị trường trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ, tiếp nối niềm tin đã dựng xây được trong 60 năm qua. Trong xu thế phát triển mạnh mẽ và dưới áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp như hiện nay, Bảo Việt tin rằng "Đổi mới" là "kim chỉ nam" để Bảo Việt có thể gia tăng năng lực cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển lâu dài. Trong 60 năm xây dựng và phát triển một Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, Bảo Việt luôn nỗ lực huy tư duy đột phá để tiếp tục ghi dấu cho chặng đường tiếp theo với những dấu ấn mới trong lịch sử phát triển.

Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ tiếp tục dẫn đầu về tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ và doanh thu khai thác mới.

43.551 TỶ ĐỒNG
Tổng doanh thu

1.510 TỶ ĐỒNG
Lợi nhuận sau thuế,
tăng 33,7% so với năm 2023

Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ ghi dấu một năm kết quả khả quan với tổng doanh thu đạt

11.928 TỶ ĐỒNG
tăng trưởng 1,3% so cùng kỳ

Lĩnh vực Dịch vụ tài chính và khác: tổng doanh thu đạt trên

2.100 TỶ ĐỒNG
đóng góp 4%
vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn

- Hệ số an toàn vốn/tỷ lệ an toàn tài chính của các thành viên trong Tập đoàn luôn đảm bảo mức an toàn cao
- Năm 2024, Bảo Việt chi hơn 745 tỷ đồng trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông (tương đương với tỷ lệ 10,037% trên mệnh giá cổ phiếu), đây là mức cổ tức ổn định bằng tiền mặt trên thị trường.
- Tập đoàn phát huy vai trò trung tâm quản lý, điều phối hoạt động đầu tư, gắn kết yếu tố ESG trong hoạt động đầu tư

Quốc hội thông qua mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8% trở lên

(Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội khóa XV thông qua ngày 19/2/2025)

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)

8% TRỞ LÊN

Quy mô GDP

>500 Tỷ USD

GDP bình quân đầu người

>5.000 USD

Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân

>4,5-5%



Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

Đánh giá về tình hình kinh tế thế giới, khu vực và vùng



Kinh tế vĩ mô thế giới năm 2024: Phục hồi trong thách thức

Trên thế giới, giai đoạn 2021-2024 thế giới đã chứng kiến sự chống chịu của nền kinh tế toàn cầu trước cú sốc lớn như như đại dịch, xung đột địa chính trị và thời tiết cực đoan. Những yếu tố này đã gây ra gián đoạn chuỗi cung ứng và khủng hoảng năng lượng, lương thực. Tuy nhiên, nền kinh tế toàn cầu vẫn giữ được sự ổn định, dù sự phục hồi giữa các khu vực rất không đồng đều. Từ đầu đại dịch, chính sách tiền tệ đã được thắt chặt rõ rệt, trong khi chính sách tài khóa ở một số quốc gia lớn, đặc biệt là Hoa Kỳ, lại nới lỏng. Điều này đã dẫn đến sự mất cân bằng trong chính sách vĩ mô, với lãi suất điều hành thực tế hiện tại cao hơn đáng kể so với lãi suất tự nhiên, dẫn đến việc kìm hãm hoạt động kinh tế và cố gắng đưa lạm phát trở lại mục tiêu.

Năm 2024 đầy biến động, nền kinh tế thế giới giữ vững nhịp tăng trưởng tốt mặc dù sự tăng trưởng diễn ra không đồng đều.

Theo báo cáo mới nhất của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu trong năm 2024 đạt khoảng 3,2%, cao hơn so với 3,1% của năm 2023. Đặc biệt, tốc độ tăng trưởng này diễn ra trong bối cảnh lạm phát toàn cầu đang giảm tốc đáng kể, mang lại hy vọng về một môi trường kinh tế vĩ mô ổn định hơn. Còn theo báo cáo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) công bố vào tháng 10/2024, lạm phát toàn cầu năm 2024 được dự báo sẽ giảm xuống mức 5,8%, so với mức 6,7% của năm 2023. Xu hướng này được kỳ vọng sẽ tiếp tục khi IMF dự đoán lạm phát sẽ hạ nhiệt còn 4,3% vào năm 2025.

Những yếu tố đã ảnh hưởng đến kinh tế năm 2024:

(1) Căng thẳng địa - chính trị leo thang: Căng thẳng địa chính trị chiến sự Nga – Ukraine, Israel- Palestine đi kèm các bất ổn về kinh tế tiếp diễn sẽ gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế toàn cầu.

(2) Sự đảo chiều trong chính sách lãi suất của nhiều nền kinh tế lớn, báo hiệu một giai đoạn điều chỉnh quan trọng sau thời kỳ thắt chặt tiền tệ kéo dài.

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã thực hiện ba lần cắt giảm lãi suất trong năm 2024. Động thái này phản ánh nỗ lực điều chỉnh chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh áp lực lạm phát giảm dần. Với nền kinh tế Mỹ tiếp tục duy trì sự vững mạnh, các nhà hoạch định chính sách đã linh hoạt chuyển hướng, từ việc tập trung kiểm soát lạm phát sang thúc đẩy tăng trưởng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người tiêu dùng tiếp cận nguồn vốn rẻ hơn.

Tại châu Âu, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã thực hiện bốn lần cắt giảm lãi suất liên tiếp và có khả năng tiếp tục theo đuổi chính sách nới lỏng tiền tệ trong thời gian tới. Điều này nhằm ứng phó với tình trạng suy yếu trong sản xuất công nghiệp và tác động từ bất ổn chính trị tại khu vực. Chính sách này không chỉ thúc đẩy quốc gia thành viên trong việc kích thích đầu tư và tiêu dùng, mà còn góp phần duy trì sự ổn định tài chính trong khu vực Eurozone.

Đáng chú ý, Trung Quốc đã chính thức bước vào chu kỳ nới lỏng tiền tệ lần đầu tiên với nỗ lực thúc đẩy thanh khoản trong hệ thống tài chính, kích thích tiêu dùng nội địa.

(3) Sự phát triển nhanh của chuyển đổi số nhờ Cách mạng công nghiệp 4.0 đang tiếp diễn sẽ tạo ra những đột phá mới hỗ trợ đà tăng trưởng của kinh tế toàn cầu. Chi tiêu cho công nghệ thông tin có xu hướng tăng

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

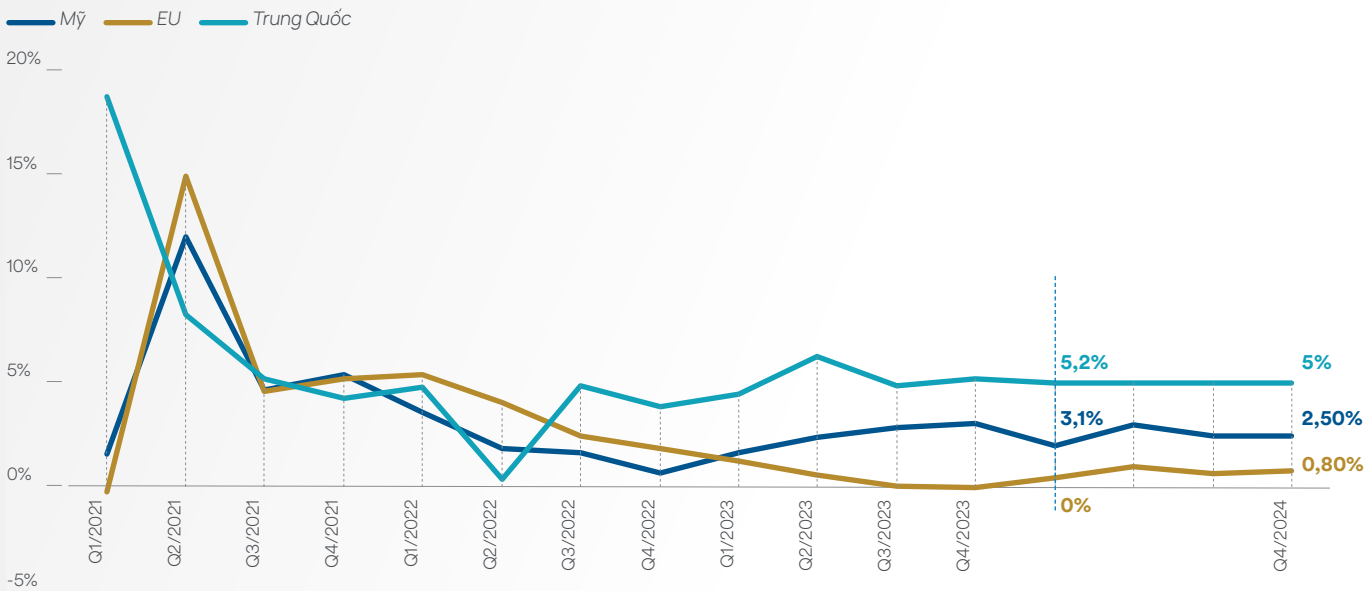
Theo báo cáo từ Công ty nghiên cứu và tư vấn công nghệ thông tin Gartner (Mỹ), lĩnh vực công nghệ thông tin chứng kiến mức tăng trưởng chi tiêu khoảng 9% trong năm 2024. Xu hướng này được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng tăng đối với các ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ đột phá, như trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây và tự động hóa. Cụ thể, AI được kỳ vọng sẽ trở thành lĩnh vực công nghệ có tốc độ phát triển nhanh nhất, với mức đầu tư toàn cầu vượt 200 tỷ USD vào năm 2024.

Tuy nhiên, doanh thu thực tế từ các ứng dụng AI, như chatbot, học máy và phân tích dữ liệu vẫn chưa đạt được sự bùng nổ như kỳ vọng, chủ yếu do lo ngại về rủi ro đạo đức, pháp lý và sự thiếu hụt nhân lực có kỹ năng. Ngoài ra, chi phí triển khai hệ thống AI và công nghệ cao khác cũng là một thách thức lớn, nhất là đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong tương lai gần, sự giám sát chặt chẽ từ cơ quan quản lý sẽ tiếp tục định hình sự phát triển của ngành công nghệ này.

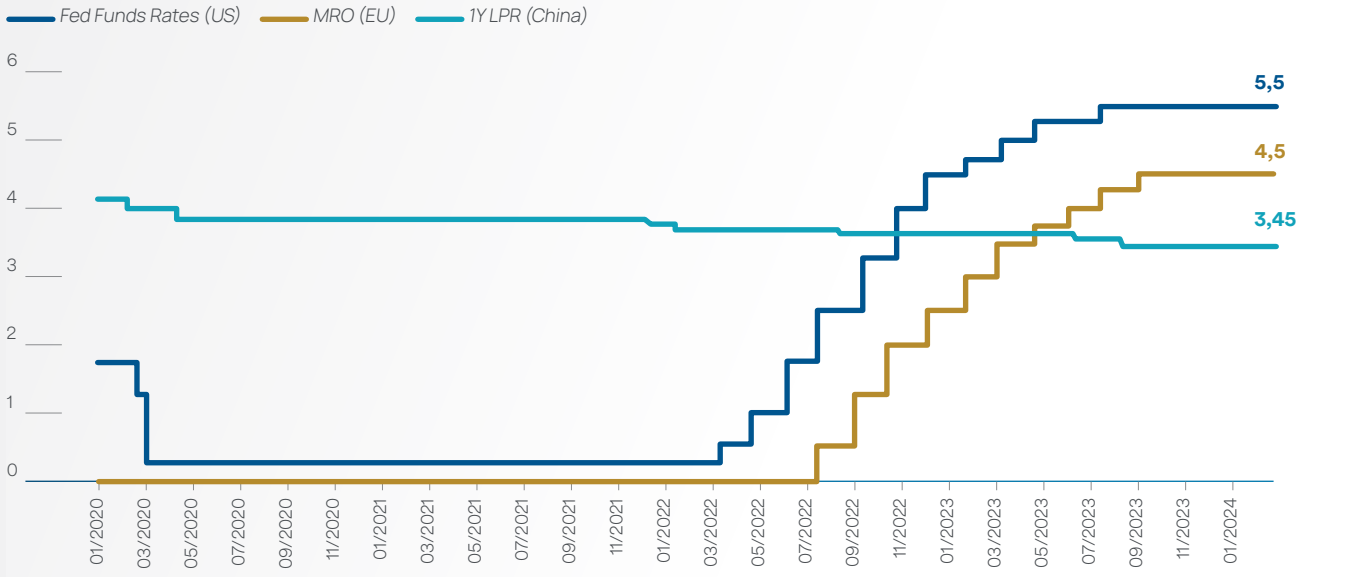


Nguồn: Bvresearch tổng hợp

Tăng trưởng GDP tại 3 nền kinh tế chính (%YoY)



Diễn biến lãi suất điều hành tại 3 nền kinh tế lớn



Triển vọng kinh tế thế giới năm 2025

Giai đoạn 2025-2030, sự phát triển của công nghệ là nhân tố có thể mang đến sự đột phá, tác động sâu rộng trong tất cả các lĩnh vực tạo ra những khả năng hoàn toàn mới, làm thay đổi sâu sắc mọi mặt của kinh tế, xã hội, chính trị... trên thế giới. Tiến bộ của khoa học công nghệ có thể làm thay đổi bản chất của thương mại và đầu tư toàn cầu, khiến cho các khâu sản xuất có thể chuyển ngược lại các quốc gia phát triển, hạn chế dòng dịch chuyển vốn toàn cầu.

Năm 2025 được dự báo sẽ là một năm đầy biến động, song không ít cơ hội khi nền kinh tế thế giới tiếp tục chịu tác động từ thách thức và xu hướng mới. Biến chuyển sâu rộng trong kinh tế, chính trị và công nghệ sẽ tiếp tục định hình triển vọng tăng trưởng cũng như sự ổn định của các khu vực. Kinh tế toàn cầu sẽ duy trì đà tăng trưởng ổn định. Theo báo cáo mới nhất của OECD, tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo đạt 3,3% vào năm 2025, tăng nhẹ từ mức 3,2% trong năm 2024 và duy trì ổn định ở mức 3,3% vào năm 2026. Báo cáo cũng nhấn mạnh sự khác biệt rõ nét về triển vọng tăng trưởng giữa các nền kinh tế trên thế giới. Cụ thể: Tại Mỹ, GDP được kỳ vọng tăng 2,8% trong năm 2025. Trong khi đó, khu vực Eurozone dự kiến đạt mức tăng trưởng 1,3% vào năm 2025 và 1,5% vào năm 2026, nhờ sự phục hồi thu nhập thực của hộ gia đình, thị trường lao động thắt chặt và lãi suất giảm. Ở châu Á, Trung Quốc được dự báo đạt tăng trưởng GDP khoảng 4,7% trong năm 2025

Các xu thế tất yếu dự báo sẽ tiếp tục tác động mạnh mẽ đến triển vọng kinh tế thế giới giai đoạn 2025-2030 bao gồm:

1. Xu thế cắt giảm đầu tư do cầu yếu, chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc;
2. Căng thẳng địa - chính trị khó lường, nhiều rủi ro cho nền kinh tế thế giới;
3. Thay đổi nhân khẩu học: già hóa dân số, đô thị hóa và tầng lớp trung lưu gia tăng;
4. Tiến bộ công nghệ có thể làm thay đổi bản chất của thương mại, đầu tư và lao động toàn cầu, tạo cơ hội cho các nước đi sau tăng tốc phát triển nhưng cũng có thể khiến cho các khâu sản xuất có thể chuyển ngược trở lại các quốc gia phát triển, làm hạn chế dòng dịch chuyển vốn toàn cầu;
5. Biến đổi môi trường và khí hậu, suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới khiến nhu cầu về thực phẩm và nước tăng cao;
6. Cơ hội kinh tế mới, đặc biệt trong các lĩnh vực chuyển đổi công nghệ, năng lượng tái tạo và ứng phó với biến đổi khí hậu. Về chuyển đổi công nghệ và AI, công nghệ AI sẽ tiếp tục là động lực chính thúc đẩy sự đổi mới trong nhiều ngành công nghiệp. Cơ hội kinh tế sẽ đến từ việc ứng dụng AI trong tự động hóa sản xuất, y tế, tài chính và giao thông. Trí tuệ nhân tạo sẽ giúp tăng năng suất lao động, tối ưu hóa quy trình và tạo ra sản phẩm mới.



Dự báo tăng trưởng GDP 2025

Đơn vị: %

	Toàn cầu	Mỹ	Eurozone	Trung Quốc	Đức
OECD	3,3	2,4	1,3	4,7	0,7
IMF	3,2	2,2	1,2	4,5	0,8
Goldman Sachs	2,7	2,5	0,8	4,5	0,3
S&P Global	3	2	1,2	4,1	0,9

Kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam



Kinh tế Việt Nam 2024: Trên đà phục hồi mạnh mẽ

Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%. Theo đó, quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD; GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,88%.

Theo đó, có 3 động lực hỗ trợ tăng trưởng nền kinh tế:

Thứ nhất, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2024 ước tăng 8,4% so với năm trước (năm 2023 tăng 1,3%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,6% (năm 2023 tăng 1,5%), đóng góp 8,4 điểm phần trăm vào mức tăng của GDP trong năm 2024.

Thứ hai, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tính chung cả năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước. Điểm đáng lưu ý về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2024, Mỹ trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 119,6 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 144,3 tỷ USD.

Thứ ba, thu hút FDI là điểm sáng của khu vực. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,23 tỷ USD, giảm 3,0% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2024 ước đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm 2024.

Ngoài ra, hoạt động của khu vực doanh nghiệp có dấu hiệu "ấm dần" khi Chính phủ quyết liệt cải cách thể chế, môi trường kinh doanh. NHNN điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, giữ ổn định vĩ mô và kiềm chế lạm phát. Năm 2024, Ngân hàng Nhà nước điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thị trường bảo hiểm dần phục hồi và phát triển theo định hướng, mục tiêu đề ra. Thị trường chứng khoán hoạt động ổn định, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu tăng 20,6% so với cuối năm 2023, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tính cả năm 2024, tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Chỉ số giá vàng bình quân cả năm 2024 tăng 28,64%. Chỉ số giá đô-la Mỹ bình quân năm 2024 tăng 4,91%.

Vốn đầu tư phát triển có nhiều điểm sáng, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 3.692,1 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm 2023, cao hơn so với mức tăng 6,6% của năm trước đã phản ánh sự phục hồi tích cực của hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2024 ước đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước, đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

Những thách thức của nền kinh tế Việt Nam

1. Thứ nhất, tiêu dùng trong nước tuy có gia tăng, nhưng tăng nhẹ, khiến tổng cầu yếu. Tính cả năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 6.391 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với năm trước (năm 2023 tăng 9,4%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,9% (năm 2023 tăng 6,8%).

2. Thứ hai, tỷ giá USD - VND biến động khó lường. Nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh từ nhu cầu tiêu dùng của Mỹ, với sản xuất hàng xuất khẩu phục hồi tích cực, nhưng dễ tổn thương trước sự suy giảm chi tiêu hộ gia đình Mỹ và thay đổi chính sách thương mại nhằm ngăn chặn nhập khẩu hàng hóa Trung Quốc qua các nền kinh tế trung gian. Việt Nam có tốc độ tăng xuất khẩu cao nhất vào thị trường Mỹ, dẫn đầu là hàng dệt may, giày dép, đồ nội thất bằng gỗ và máy móc. Với việc Tổng thống mới đắc cử Donald Trump lên nắm quyền, các chính sách liên quan đến thương mại và hàng rào thuế quan có thể là những thách thức cho tăng trưởng thương mại trong tương lai gần.



3. Thứ ba, huy động vốn đầu tư, nhất là phục vụ gia tăng đầu tư công nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế sẽ gặp khó khăn do cân đối thu - chi ngân sách còn hạn chế, dẫn đến số dư cho đầu tư còn ít. Điều này dẫn đến tiết kiệm của khu vực công, từ số dư của thu ngân sách so với chi ngân sách, gần như rất thấp, làm thiếu hụt nguồn lực cho đầu tư phát triển.

4. Thứ tư, thuế quan và các biện pháp phi thuế quan đều đang được áp dụng ngày càng nhiều trong thương mại quốc tế. Điều này càng gây khó khăn cho xuất khẩu của Việt Nam đến thị trường lớn thế giới. Năm 2024 ghi nhận 26 vụ điều tra phòng vệ thương mại từ nước ngoài, tăng cao nhất trong giai đoạn 2020 - 2024, mà trong đó, Mỹ chiếm gần 50% tổng số vụ việc.

5. Thứ năm, thu nhập tăng chậm hơn giá nhà ở đặt ra thách thức lớn. Trong năm 2024, giá bất động sản liên tục gia tăng mạnh, dẫn đến kéo dãn khoảng cách giữa giá bất động sản so với mức thu nhập bình quân của người dân. Giá bất động sản gia tăng còn kéo theo giá thuê nhà tăng dẫn đến khả năng của các hộ gia đình tìm kiếm được một căn hộ phù hợp để thuê dài hạn thay vì mua ngay sẽ càng trở nên khó khăn hơn. Và khi nhu cầu nhà ở không được đáp ứng, ổn định xã hội sẽ chịu ảnh hưởng và tiềm ẩn các nguy cơ cho các vấn đề xã hội khác.

Các chỉ số của nền kinh tế



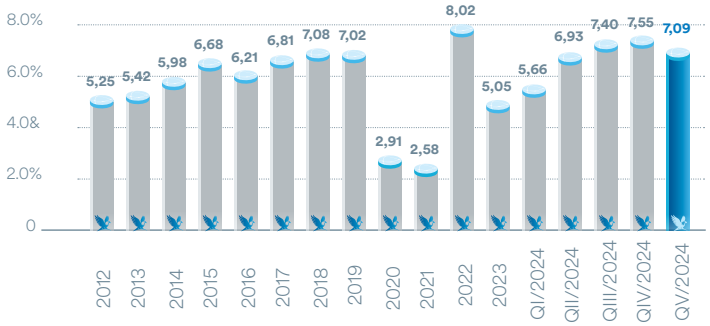
Tăng trưởng GDP 2024

GDP

7,09%

so với cùng kỳ 2023

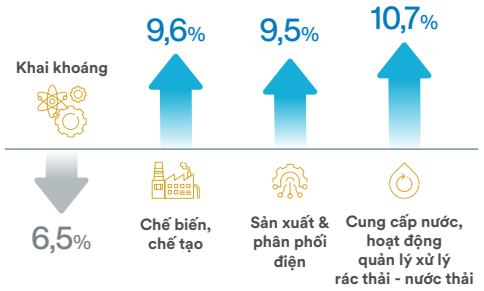
Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2013-2024



Sản xuất công nghiệp 2024

8,4%

so với cùng kỳ 2023



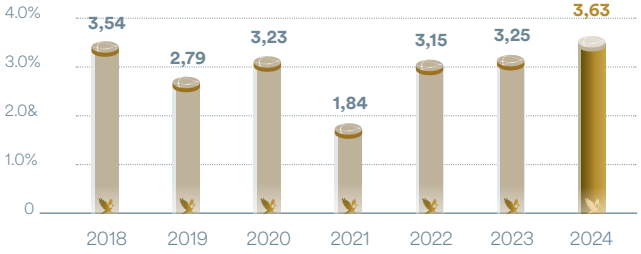
Giá tiêu dùng tháng 12/2024

CPI

2,94%

so với cùng kỳ 2023

Biến động chỉ số CPI so với cùng kỳ năm trước, từ năm 2018 đến nay



Xuất nhập khẩu 2024

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu

786,29

Tỷ USD

Xuất siêu

24,77 Tỷ USD



14,3%

so với cùng kỳ 2023

16,7%

so với cùng kỳ 2023

Nguồn: Bvresearch tổng hợp

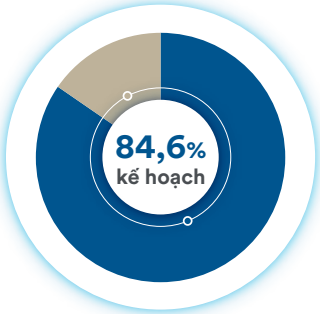
Các chỉ số của nền kinh tế



Đầu tư công 2024

661,3
Nghìn tỷ đồng

3,3% ↑
so với cùng kỳ 2023



Đăng ký doanh nghiệp

So với cùng kỳ 2023

DN đăng ký thành lập mới & quay trở lại	233.400	7,1% ↑
DN rút lui khỏi thị trường	197.900	14,7% ↑

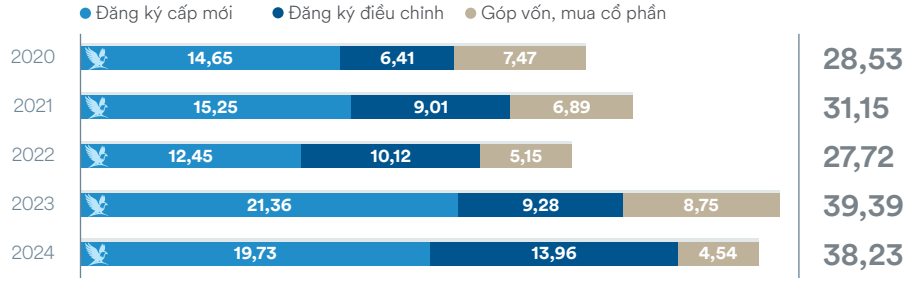
Thu chi ngân sách (Tỷ đồng)

So với cùng kỳ 2023

Thu ngân sách Nhà nước	2.037.500	119,8% dự toán năm
Chi ngân sách Nhà nước	1.830.800	86,4% dự toán năm

Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Vốn FDI vào Việt Nam đến ngày 31/12 các năm 2020 - 2024 (tỷ USD)



Khách quốc tế đến Việt Nam

17.583,9 nghìn
Lượt khách quốc tế

39,5% ↑
so với cùng kỳ 2023

Châu Mỹ
1.000,1
10,7% ↑
so với cùng kỳ năm trước

Châu Âu
1.995,7
36,8% ↑
so với cùng kỳ năm trước

Châu Á
13.997
43,1% ↑
so với cùng kỳ năm trước

Châu Phi
50,9
69,1% ↑
so với cùng kỳ năm trước

Châu Đại Dương
540,2
26,2% ↑
so với cùng kỳ năm trước

Nguồn: Bvresearch tổng hợp

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

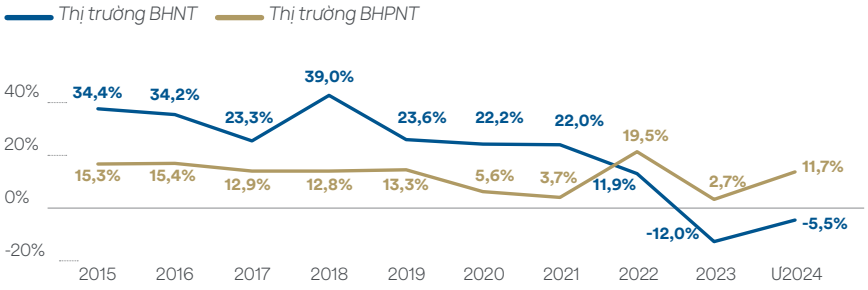
Thị trường bảo hiểm



Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, thị trường bảo hiểm đã dần phục hồi trong năm 2024

Năm 2024, thị trường bảo hiểm Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức nhưng cũng ghi nhận những dấu hiệu phục hồi tích cực sau cuộc khủng hoảng niềm tin khách hàng trong năm 2023. Đây là giai đoạn chuyển mình của ngành bảo hiểm với sự điều chỉnh về chiến lược kinh doanh, cải thiện chất lượng dịch vụ và tăng cường các biện pháp nhằm nâng cao tính minh bạch.

Tăng trưởng thị trường bảo hiểm giai đoạn 2015-2023



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Bên cạnh đó, bối cảnh kinh tế vĩ mô cũng có những tác động đáng kể đến ngành bảo hiểm. Mặc dù nền kinh tế vẫn còn chịu ảnh hưởng của suy giảm tăng trưởng toàn cầu, chính sách tiền tệ linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước, các gói kích thích kinh tế và sự điều chỉnh của thị trường tài chính đã góp phần giúp thị trường bảo hiểm từng bước lấy lại đà tăng trưởng. Đặc biệt, sự hồi phục của ngành ngân hàng và chứng khoán cũng có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH).

Thị trường bảo hiểm hiện có 85 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm (trong đó có 32 DNBH phi nhân thọ, 19 DNBH nhân thọ, 02 doanh nghiệp tái bảo hiểm và 32 DN môi giới bảo hiểm). Theo số liệu ước tính đến hết năm 2024 của Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Bộ Tài chính, tổng tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm ước đạt 1.007.204 tỷ đồng (tăng 10,88% so với cùng kỳ năm trước); Tổng nguồn vốn chủ sở hữu ước đạt 210.124 tỷ đồng (tăng 6,45%); Tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt 227.495 tỷ đồng (giảm 0,26%; Chi trả bảo hiểm ước đạt 93.906 tỷ đồng (tăng 17,94%). Trong năm 2024, các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt 850.075 tỷ đồng (tăng 13,17% so với cùng kỳ năm trước) và gia tăng tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm 13,26%, ước đạt 676.265 tỷ đồng. Đặc biệt, các doanh nghiệp bảo hiểm tăng 17,94% số tiền chi trả quyền lợi bảo hiểm, ước đạt 93,906 tỷ đồng.

Tiếp nối năm 2023, trong năm 2024, cơ quan quản lý Nhà nước đã nỗ lực tập trung xây dựng và hoàn thiện thể chế về hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm đã trình Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2024/TT-BTC ngày 29/11/2024 quy định về việc thi, cấp, thu hồi, cấp đổi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm; hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, thay thế Nghị định số 98/2013/NĐ-CP và các Nghị định sửa đổi, bổ sung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Đồng thời, bãi bỏ các nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm tại Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28/8/2013 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21/3/2018, Nghị định số 80/2019/NĐ-CP ngày 1/11/2019 và Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ).

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tổng tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm ước đạt

1.007.204 TỶ ĐỒNG

tăng 10,88% so với cùng kỳ năm trước

Tổng nguồn vốn chủ sở hữu ước đạt

210.124 TỶ ĐỒNG

tăng 6,45% so với cùng kỳ năm trước

Trong năm 2024, các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt

850.075 TỶ ĐỒNG

tăng 13,17% so với cùng kỳ năm trước

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế sâu rộng, cơ quan quản lý Nhà nước không chỉ tập trung vào việc củng cố hệ thống pháp lý và tăng cường giám sát thị trường bảo hiểm trong nước mà còn đặc biệt chú trọng đến việc mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này. Việc tham gia các diễn đàn hợp tác khu vực và quốc tế giúp Việt Nam học hỏi những kinh nghiệm quý báu từ các nước phát triển, đồng thời tạo cơ hội để doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và gia tăng chất lượng dịch vụ. Trong nhiều năm qua, tiến trình hợp tác tài chính – bảo hiểm trong khu vực ASEAN đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao tính minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường bảo hiểm bền vững. Hai hoạt động hợp tác quan trọng trong lĩnh vực bảo hiểm khu vực là Hội nghị các nhà quản lý bảo hiểm ASEAN (ASEAN Insurance Regulators' Meeting – AIRM) và Hội nghị Hội đồng bảo hiểm ASEAN (ASEAN Insurance Council – AIC). Các hội nghị này đóng vai trò trung tâm trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình hợp tác, tăng cường trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, đồng thời tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao chuyên môn cho các bên liên quan trong lĩnh vực bảo hiểm.

Bước sang năm 2024, thị trường bảo hiểm tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức lớn sau khủng hoảng niềm tin trong năm 2023. Các doanh nghiệp bảo hiểm, đặc biệt là các công ty bảo hiểm nhân thọ, đã chủ động triển khai hàng loạt giải pháp đồng bộ nhằm phục hồi thị trường, nâng cao trải nghiệm khách hàng và đảm bảo sự phát triển bền vững. Các DNBH đã phối hợp với các cơ quan quản lý giải quyết dứt điểm các khiếu nại liên quan đến khủng hoảng bảo hiểm nhân thọ năm 2023, đảm bảo quyền lợi khách hàng được thực thi đầy đủ và công bằng; Triển khai các biện pháp gia tăng minh bạch trong quy trình tư vấn bảo hiểm như ghi âm, ghi hình toàn bộ quá trình tư vấn, giúp khách hàng có đầy đủ thông tin trước khi ký hợp đồng; Ra mắt các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ phiên bản tóm tắt, dễ hiểu hơn để tránh những hiểu lầm không đáng có; Rà soát chặt chẽ hoạt động của kênh bancassurance theo các quy định mới, đảm bảo nhân viên ngân hàng có đầy đủ chuyên môn khi tư vấn bảo hiểm; Chuẩn hóa quy trình tuyển dụng và đào tạo đại lý, đảm bảo chất lượng đội ngũ tư vấn viên. Bên cạnh đó, các DNBH tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ hành trình khách hàng; Xây dựng các nền tảng kỹ thuật số cho phép khách hàng mua bảo hiểm, quản lý hợp đồng và yêu cầu bồi thường trực tuyến một cách thuận tiện, nhanh chóng; Cung cấp hành trình bảo hiểm số từ đầu đến cuối, cho phép khách hàng tham gia bảo hiểm mà không cần tiếp xúc trực tiếp với đại lý; Phát triển các công cụ hỗ trợ chatbot tư vấn bảo hiểm thông minh, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để nâng cao trải nghiệm dịch vụ khách hàng.

Các DNBH nhân thọ tiếp tục tập trung mở rộng mảng bảo hiểm sức khỏe (BHSK) – một trong những phân khúc có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất hiện nay. Các công ty như Prudential, Manulife đã ra mắt hàng loạt sản phẩm sức khỏe dành riêng cho kênh số. Các DNBH quy mô nhỏ lựa chọn chiến lược tập trung vào bảo hiểm sức khỏe như một hướng đi đột phá để gia tăng thị phần.

Các DNBH phi nhân thọ đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào phát triển sản phẩm số và tối ưu hóa quy trình bồi thường trực tuyến. Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) ra mắt sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới ứng dụng công nghệ telematics – BAOVIET GO, giúp theo dõi hành vi lái xe và tính phí bảo hiểm linh hoạt theo mức độ rủi ro thực tế. Các công ty bảo hiểm phi nhân thọ như BIC, PTI, PJICO cũng đẩy mạnh quy trình bồi thường trực tuyến, giúp khách hàng có thể yêu cầu và nhận bồi thường nhanh chóng chỉ trong vài ngày. Một số DNBH đã được nâng xếp hạng tín nhiệm quốc tế, thể hiện sự ổn định về tài chính và năng lực chi trả bồi thường: PVI được nâng hạng năng lực tài chính từ B++ (Tốt) lên A- (Xuất sắc), BIC và PJICO giữ nguyên mức B++ (Tốt), cho thấy sự ổn định trong quản lý rủi ro.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

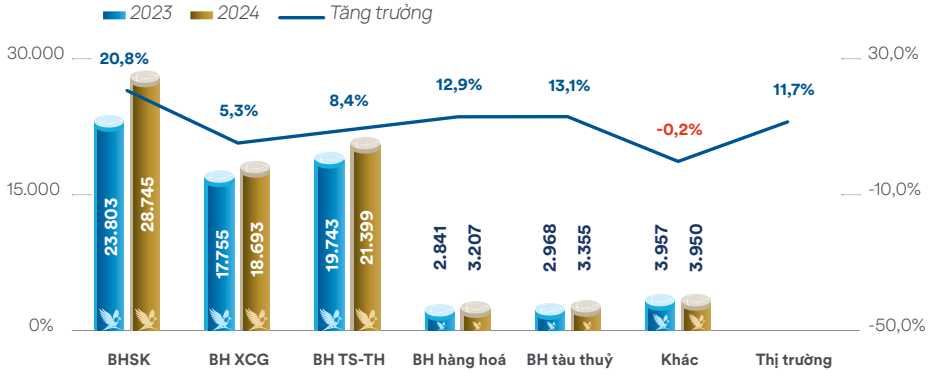
Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng khả quan trong năm 2024. Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục duy trì vị trí thứ 2 thị trường về thị phần, tỷ lệ bồi thường được cải thiện mạnh.

Năm 2024 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng mạnh trở lại, đạt 11,7% so với mức thấp lịch sử 2,7% của năm 2023. Đầu tư công được đẩy mạnh giúp mảng nghiệp vụ bảo hiểm tài sản – thiệt hại tăng trưởng tích cực (8,4%). FDI và hoạt động xuất nhập khẩu tích cực hỗ trợ bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm tàu tăng trưởng lần lượt 12,9% và 13,1%.

Theo Aon, chi phí y tế tại Việt Nam tăng từ 5,5% năm 2022 lên 6,7% năm 2024, tính trung bình 3 năm 2022-2024, tỷ lệ gia tăng của chi phí y tế cao hơn 1,6 lần so với tỉ lệ lạm phát kinh tế), dẫn đến nhu cầu BHSK tiếp tục tăng cao. Nhờ đó, nghiệp vụ BHSK tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao, đạt 20,8%, là động lực tăng trưởng chính của thị trường. Tuy nhiên, cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt, rủi ro trục lợi bảo hiểm vẫn lớn và khó kiểm soát.

Chính phủ giảm lệ phí trước bạ từ tháng 9-11/2024 và nỗ lực kích cầu của các doanh nghiệp đã thúc đẩy doanh số bán xe ô tô. Nhờ đó, nghiệp vụ BH xe cơ giới trong năm 2024 tăng trưởng 5,3%, sau giai đoạn tăng trưởng thấp trước đó.

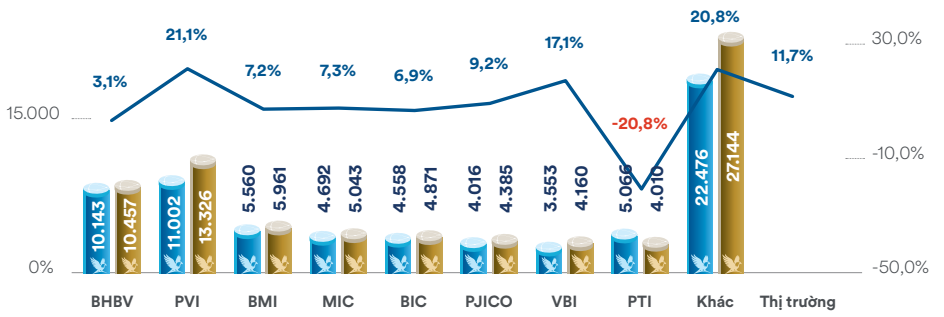
DTP gốc theo nghiệp vụ (tỷ đồng) và tăng trưởng năm 2024



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Năm 2024 chứng kiến sự thay đổi lớn trong bảng xếp hạng thị phần các DNBH Top đầu. Với mức giảm trưởng mạnh -20,8%, PTI đã xuống vị trí thứ 8, nhường chỗ cho MIC, BIC, PJICO và VBI. Bảo hiểm Bảo Việt tăng trưởng 3,1%, đứng thứ 2 về thị phần. PVI tăng trưởng cao 21,1% và cũng là DN duy nhất trong Top 5 tăng trưởng cao hơn mức bình quân thị trường, thị phần tăng mạnh.

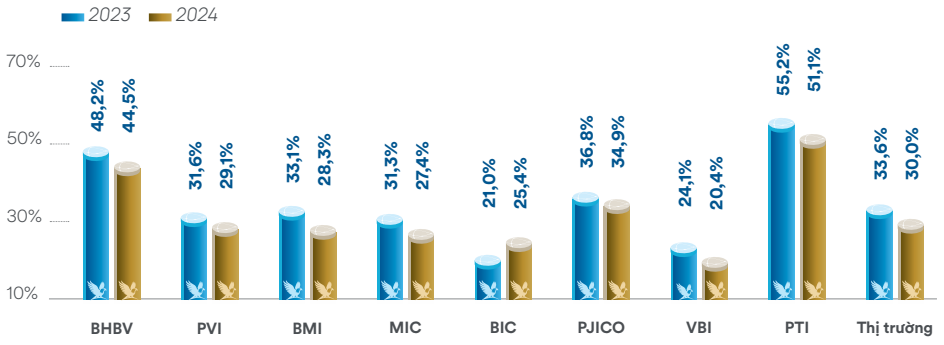
DTP gốc các DBBH Top đầu (tỷ đồng) tăng trưởng năm 2024



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Cơn bão Yagi gây tổn thất lớn với số tiền bồi thường thiệt hại người và tài sản, các DNBH phi nhân thọ ghi nhận thiệt hại ước tính 11.465 tỷ đồng, tổng số tiền đã tạm ứng 678,5 tỷ đồng. Chi phí bồi thường tăng vọt trong Quý III và Quý IV/2024 do bão Yagi khiến một số DNBH phi nhân thọ phải điều chỉnh kế hoạch năm 2024. Mặc dù vậy, các DNBH phi nhân thọ đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ từ ứng dụng công nghệ số, kiểm soát gian lận, tối ưu hóa quy trình bồi thường, đến điều chỉnh chính sách sản phẩm nhằm tối ưu hóa hoạt động giám định, bồi thường và kiểm soát rủi ro.

Tỷ lệ bồi thường BH gốc của các DNBH Top đầu



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Kết quả, tỷ lệ bồi thường gốc của hầu hết các DNBH đều giảm mạnh trong năm 2024, ngoại trừ BIC có sự gia tăng do năm 2023 có tỷ lệ bồi thường ở mức rất thấp. Bình quân thị trường đã giảm xuống 30% từ con số 33,6% của năm 2023. Bảo hiểm Bảo Việt cải thiện mạnh từ 48,2% năm 2023 xuống còn 44,5% năm 2024.

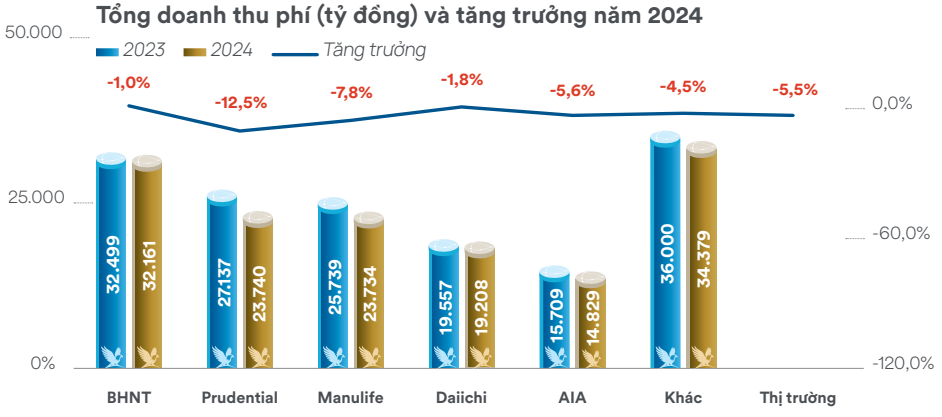
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Thị trường bảo hiểm nhân thọ tiếp tục giảm trưởng tuy nhiên đã cải thiện hơn hẳn so với năm 2023. Bảo Việt Nhân thọ đứng đầu thị trường về thị phần tổng doanh thu phí lẫn doanh thu khai thác mới.

Năm 2024, thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng niềm tin khách hàng trong năm 2023, đặc biệt là những hệ lụy từ kênh bancassurance. Tuy nhiên, với mức giảm trưởng -5,5%, đây là sự cải thiện đáng kể so với mức giảm trưởng -12% của năm 2023.



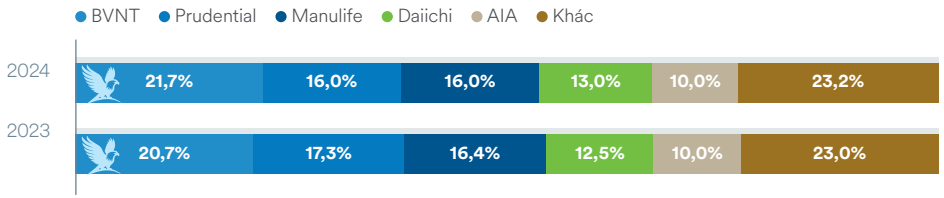
Tổng doanh thu phí (tỷ đồng) và tăng trưởng năm 2024



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Trong bối cảnh thị trường biến động mạnh, Bảo Việt Nhân Thọ (BVNT) lại được hưởng lợi thế nhất định nhờ mô hình phân phối tập trung chủ yếu vào kênh đại lý. Với định hướng khai thác bền vững và tập trung vào chất lượng tư vấn, BVNT ít chịu ảnh hưởng từ sự sụt giảm của kênh bancassurance, giúp tổng doanh thu phí của BVNT chỉ giảm nhẹ -1%, thấp nhất trong nhóm 5 DNBH nhân thọ hàng đầu thị trường. Nhờ đó, BVNT vẫn duy trì được vị thế dẫn đầu với 21,7% thị phần tổng doanh thu phí, bỏ xa các đối thủ cạnh tranh. Đứng ở vị trí thứ hai là Prudential với 16% thị phần, theo sát bởi Manulife.

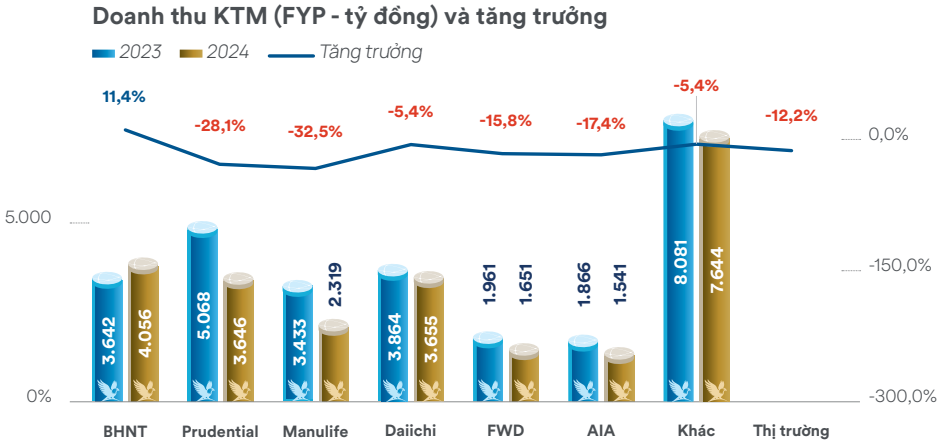
Thị phần tổng doanh thu phí



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Về doanh thu khai thác mới, BVNT là DN duy nhất trong nhóm Top DNBH nhân thọ dẫn đầu có mức tăng trưởng dương, đạt 11,4% trong năm 2024, vượt xa các đối thủ còn lại, thị phần đứng số 1 thị trường. Prudential đứng thứ 2 thị phần với mức giảm trưởng -28,1%. Manulife tiếp tục ở vị trí thứ 4 thị phần với mức giảm trưởng cao nhất Top 5. Kết quả này cho thấy dù thị trường gặp khó khăn, BVNT vẫn giữ được sự ổn định nhờ định hướng kinh doanh vững chắc, chú trọng vào chất lượng dịch vụ và sự minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

Doanh thu KTM (FYP - tỷ đồng) và tăng trưởng



Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Thị trường Ngân hàng - Tài chính - Tiền tệ

Trong năm 2024, Ngân hàng Nhà nước đã định hướng chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng, đồng thời chủ động ứng phó linh hoạt với diễn biến kinh tế thế giới và trong nước để thực thi các chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, phục hồi sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, an toàn hoạt động của hệ thống tổ chức tín dụng.

Trong điều hành lãi suất, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất tái chiết khấu, tái cấp vốn ở mức thấp tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay trên thị trường. Theo báo cáo lãi suất của các ngân hàng thương mại, mặt bằng lãi suất cho vay đến tháng 12/2024 giảm khoảng 0,96%/năm so với cuối năm 2023. Chính sách tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng Nhà nước cùng với việc Ngân hàng Dự trữ liên bang Mỹ (FED) giảm lãi suất đã góp phần đưa mặt bằng mức lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại duy trì ở mức thấp ổn định trong năm 2024.



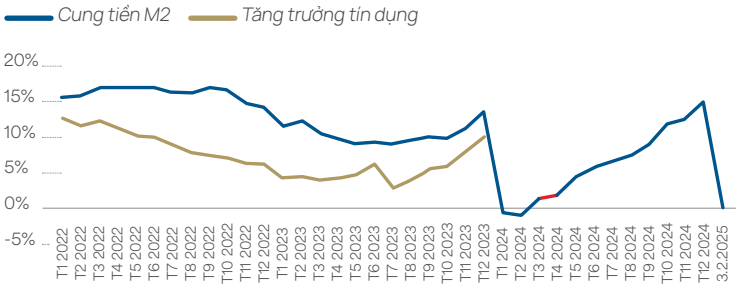
Tăng trưởng tín dụng hồi phục đáng kể bắt đầu từ tháng 05/2024, trong khi tăng trưởng huy động ở mức thấp so với tăng trưởng tín dụng và chính nó trong quá khứ. Tính đến cuối tháng 12/2024, tăng trưởng tín dụng ước đạt 15,08% YTD (cùng kỳ 2023: khoảng +13,8% YTD), tăng trưởng huy động ước đạt +9,1% YTD (cùng kỳ 2023: khoảng +13,2% YTD). Đây là lý do khiến mặt bằng lãi suất huy động trên thị trường một đã có xu hướng tạo đáy và tăng dần qua các tháng kể từ quý 2/2024. Tuy nhiên, ở mặt tích cực, lãi suất cho vay được duy trì ở nền thấp (thấp hơn cả giai đoạn dịch COVID-19.

Tín dụng cấp ra nền kinh tế đã tập trung vào sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng đẩy mạnh triển khai các chương trình tín dụng như: Chương trình 120.000 tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư; Các giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3.

Tỷ giá USD/VND trung bình năm 2024 tăng khoảng 5% y/y do: (1) Chỉ số DXY duy trì ở mức cao bởi việc cắt giảm lãi suất chậm hơn của FED



Tín dụng phục hồi trở lại



Nguồn: Bvresearch tổng hợp

so với các Ngân hàng Trung ương lớn khác trên toàn cầu, cũng như kỳ vọng đồng USD mạnh lên đến từ chính sách của ông Donald Trump; (2) Nhu cầu USD trong nước phục vụ cho hoạt động thương mại tăng vọt kể từ cuối quý 2/2024; (3) Giá Vàng tăng, nguồn cung Vàng trong nước hạn chế.

Để ổn định lại tỷ giá cũng như thị trường vàng, NHNN đã thực hiện các biện pháp sau: (1) Điều hành chính sách tiền tệ theo hướng linh hoạt, điều tiết thanh khoản trên thị trường mở; (2) Bán ngoại tệ giao ngay và can thiệp trên thị trường Vàng. Ước tính, đến hết năm 2024, NHNN đã bán 9.1 tỷ USD, đưa mức dự trữ ngoại hối về khoảng 80 tỷ USD.

Tỷ giá VND sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi: (1) Thặng dư thương mại duy trì mức cao, (2) FDI và kiều hối ổn định đến từ dòng vốn FDI giải ngân duy trì khá tốt (3) Dự trữ ngoại hối vở mức cao; (4) kỳ vong FED tiếp tục CSTT nới lỏng (dù có thể chậm hơn kỳ vọng). Chênh lệch tốc độ cắt giảm lãi suất giữa FED và các Ngân hàng Trung ương lớn trên toàn cầu thu hẹp; (5) Du lịch tiếp tục tăng trưởng.

Thị trường trái phiếu



Năm 2024, Kho bạc Nhà nước đã phát hành thành công trên 330.375 tỉ đồng trái phiếu Chính phủ, hoàn thành 83% kế hoạch năm.

Tuy nhiên, áp lực huy động vốn trong năm 2025 sẽ tăng đáng kể khi Bộ Tài chính giao đơn vị này huy động tới 50.000 tỉ đồng, gấp 1,7 lần, nhằm thúc đẩy đầu tư công và đạt mục tiêu tăng trưởng GDP 8%-10%.

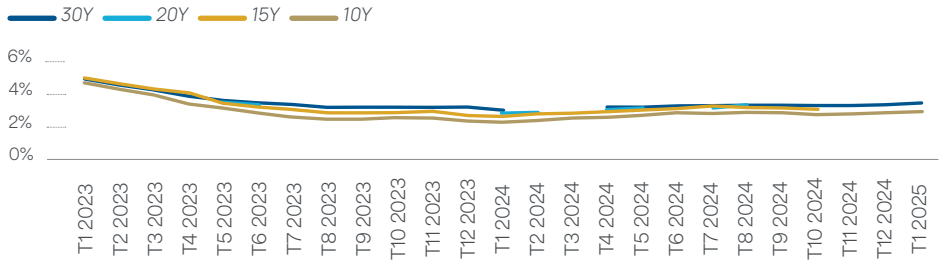
Để đạt được mục tiêu đề ra, Kho bạc Nhà nước sẽ chủ động triển khai kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ ngay từ đầu năm và điều chỉnh kế hoạch theo tháng thay vì theo quý.

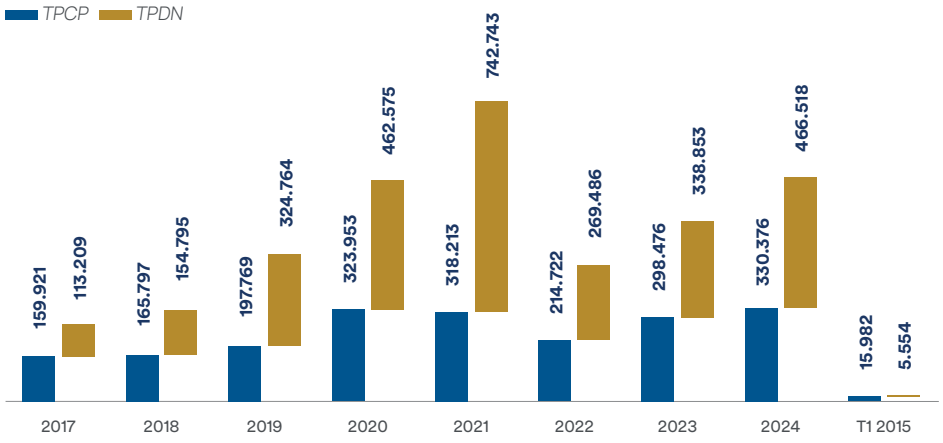
Lợi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ trong tháng 12 đã tăng đáng kể so với tháng trước, với mức tăng từ 0,07-0,14% ở hầu hết các kỳ hạn. Đặc biệt, lợi suất kỳ hạn 5 năm và 10 năm đã đạt mức 2,06% và 2,77%, trong khi kỳ hạn 15 năm lại không có giao dịch thành công.

Sự tăng mạnh của lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm phản ánh kỳ vọng của nhà đầu tư về một chu kỳ tăng lãi suất kéo dài trong tương lai, đồng thời cho thấy những lo ngại về lạm phát và áp lực lên ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó, dòng vốn đầu tư nước ngoài đổ vào trái phiếu Chính phủ có giá trị mua ròng hơn 2.653 tỉ đồng tính chung cả năm, góp phần tăng thanh khoản và ổn định thị trường.

Lãi suất trúng thầu





Nguồn: HNX, VBMA

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Năm 2024 ghi nhận tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt 443.700 tỷ đồng, tăng gần 27% so với năm trước, trong đó phát hành riêng lẻ chiếm đến 92%. Hoạt động phát hành sôi động nhất vào hai quý cuối năm, phản ánh nhu cầu vốn tăng cao khi kinh tế dần hồi phục. Với đà tăng trưởng tích cực, thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được dự báo sẽ tiếp tục bứt phá mạnh mẽ trong năm 2025.

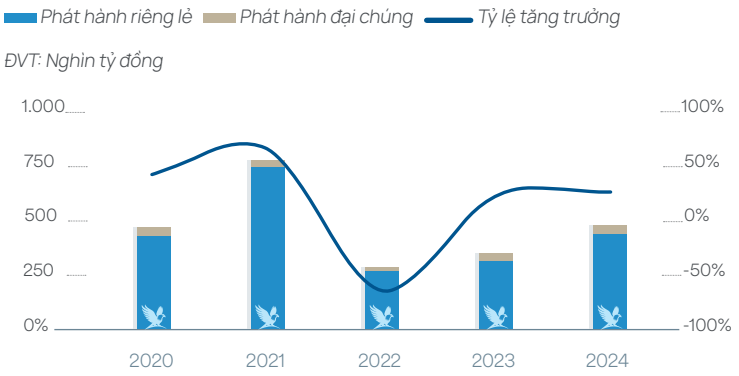
Tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt

443.700 TỶ ĐỒNG

tăng gần 27% so với năm trước

Trong đó, phát hành riêng lẻ chiếm đến

92 %

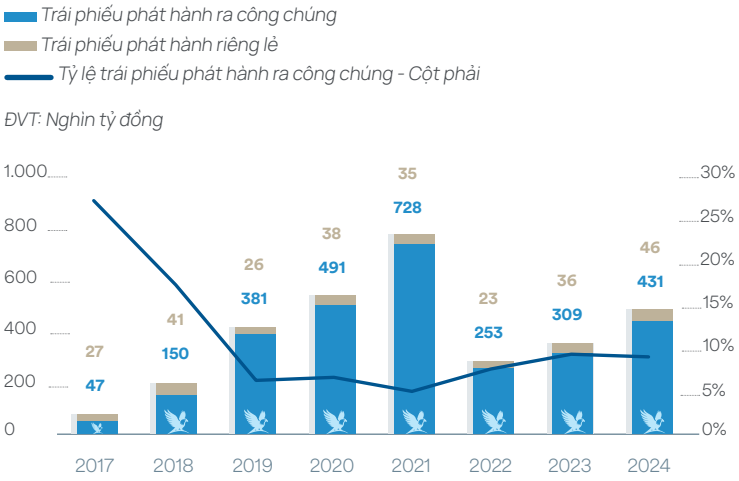


Trong giai đoạn thị trường TPDN gặp khủng hoảng với nhiều tổ chức phát hành gặp tình trạng chậm trả trái phiếu, khối lượng phát hành của năm 2022 và năm 2023 giảm khá mạnh về mức thấp hơn so với năm 2019. Tuy nhiên trong năm 2024 thị trường bắt đầu phục hồi và phát hành trái phiếu riêng lẻ đã có tăng trưởng trở lại so với năm 2019 trước Covid-19.

So sánh giữa năm 2024 và 2019, điểm đáng chú lớn nhất về xu hướng phát hành TPDN riêng lẻ là sự chuyển dịch theo hướng tập trung vào nhóm các ngân hàng thương mại. Trong năm 2024, khối ngân hàng chiếm tới gần 70% tổng lượng TPDN phát hành riêng lẻ trong khi nhóm ngành bất động sản dân cư xếp thứ hai chỉ chiếm 17%. Tỷ trọng phát hành của hai nhóm ngành này trong năm 2019 là xấp xỉ bằng nhau ở mức 32%. Chúng tôi cho rằng, trong thời gian tới, nguồn cung TPDN từ hai nhóm ngành này sẽ tiếp tục đóng vai trò chủ đạo.

Các ngân hàng thương mại sẽ tiếp tục phát hành lượng lớn trái phiếu để củng cố nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng cao trong năm 2025 dự kiến ở mức 16%, đồng thời tuân thủ các tỷ lệ an toàn của Ngân hàng Nhà nước.

Với ngành bất động sản, kỳ vọng sự phục hồi sẽ diễn ra mạnh hơn vào nửa đầu 2025 khi được tháo gỡ pháp lý trên diện rộng hơn trong việc triển khai các dự án mới, nhờ đó nhu cầu vốn cũng sẽ gia tăng trong thời gian tới.



Nguồn: VIS Rating

Nguồn: HNX, VBMA, VISrating

Thị trường chứng khoán

Năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng gần 12% trên VN-Index nhưng phần lớn đà tăng diễn ra trong quý I. Cả 3 quý còn lại thị trường gần như chỉ dao động với nhiều lần không vượt qua được ngưỡng 1.300 điểm. Diễn biến thị trường kém tích cực tương phản với mức tăng trưởng kinh tế vĩ mô, tăng rất ấn tượng với GDP quý III/2024 tăng 7,4%, lũy kế 9 tháng tăng 6,82%, cả năm ước tăng 7%. Diễn biến VN-Index cũng không song hành với tăng trưởng hiệu quả của doanh nghiệp, khi lợi nhuận doanh nghiệp toàn thị trường quý III tăng 18,8% so với cùng kỳ, lũy kế 9 tháng tăng 14% cùng kỳ...

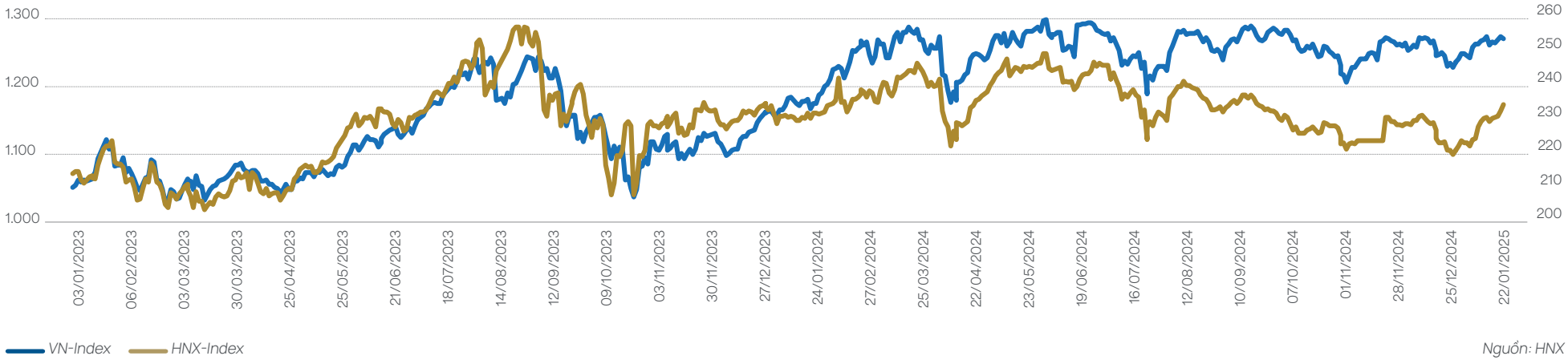
Năm 2024 chứng kiến làn sóng bán ròng kỷ lục của nhóm nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường cổ phiếu Việt Nam. Thống kê đến giữa tháng 12/2024, tổng giá trị bán ròng đã lên tới gần 90.000 tỷ đồng, gấp gần 4 lần năm 2023. Đồng USD tăng giá mạnh và xu hướng bảo hộ được dự báo sẽ tăng hiệu quả của các doanh nghiệp tại thị trường Mỹ. Chỉ số S&P 500 năm 2024 đã tăng trưởng 27%, Bitcoin tăng 149%, vàng thế giới tăng 30% trong khi VN-Index chỉ tăng khoảng 12%. Không chỉ riêng Việt Nam, dòng vốn đầu tư khắp châu Á và các thị trường mới nổi cũng bị rút về các thị trường phát triển, đặc biệt là Mỹ trong bối cảnh các đồng nội tệ sụt giảm giá trị mạnh mẽ.

Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên đến từ các tác động bên ngoài, trong đó đà tăng giá của đồng USD khiến tỷ giá trong nước tăng mạnh và Ngân hàng nhà nước phải nhiều đợt phát hành tín phiếu và bán USD can thiệp. Kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ cũng đem lại nhiều bất định trong hoạt động thương mại toàn cầu.



Tiếp nối xu hướng diễn ra từ cuối 2023, năm 2024, nhiều công ty chứng khoán tiếp tục phát hành chứng khoán thành công, thực hiện tăng vốn thông qua nhiều hình thức khác nhau, trong đó nổi bật là SSI, VCI, VIX, VND, LPBS... Thống kê trong năm 2024 đã có khoảng 22 công ty chứng khoán phát hành tăng vốn. Với gần 2,5 tỷ chứng khoán được chào bán, phát hành, các công ty chứng khoán đã huy động thêm gần 25.000 tỷ đồng để củng cố tiềm lực vốn cho kinh doanh. Việc các công ty chứng khoán đẩy mạnh tăng vốn cho thấy sự chủ động nguồn lực để đón cơ hội mới từ hệ thống công nghệ thông tin mới vận hành, nâng hạng... sẽ tạo ra bước ngoặt phát triển mới của thị trường chứng khoán 2025.

Diễn biến chỉ số VN-Index và HNX index năm 2024



Nguồn: HNX

Thị trường bất động sản

Năm 2024, một năm thị trường bất động sản (BĐS) phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn. Nhưng cuối năm đã xuất hiện những điểm sáng, tạo bước đệm cho thị trường có khởi sắc trong những năm tới.

Cuối quý đầu năm 2024, thị trường đón nhận một lượng lớn các môi giới BĐS, sàn giao dịch BĐS quay trở lại "vận hành" thị trường khi các chủ đầu tư bắt đầu kích hoạt triển khai hàng loạt dự án với quy mô ngày càng lớn. Tiếp đó quý II năm 2024, đà phục hồi của thị trường BĐS tiếp tục được duy trì, nguồn cung và lượng giao dịch trong quý tăng trưởng mạnh,. Đặc biệt, thông tin Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và khoản 2, điều 209 của Luật Các tổ chức tín dụng sẽ có hiệu lực sớm trước 5 tháng, càng tiếp thêm niềm tin cho các chủ thể hoạt động trong lĩnh vực BĐS "sẵn sàng tái nhập cuộc". Sang đến quý III, các quy định pháp lý về nhà ở, đất đai và kinh doanh BĐS được chính thức có hiệu lực. Thị trường cũng bắt đầu ghi nhận những dấu hiệu thể hiện sự "tăng nhiệt". Qua đến quý cuối năm, trước sự "ấm" lên của thị trường, nhiều chủ đầu tư BĐS thay đổi kế hoạch, "tung" hàng sớm hơn dự kiến, kèm nhiều chính sách ưu đãi, giúp nguồn cung nhà ở "vượt" dự báo.



Triển vọng thị trường năm 2025

Tập đoàn Bảo Việt nhận diện kinh tế vĩ mô và thị trường có tác động đến hoạt động kinh doanh của Bảo Việt như sau:

Kinh tế vĩ mô

Theo Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

Quốc hội thông qua mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8% trở lên

(Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội khóa XV thông qua ngày 19/2/2025)

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	Quy mô GDP	GDP bình quân đầu người	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân
8% TRỞ LÊN	>500 Tỷ USD	>5.000 USD	>4,5-5%



Nguồn: Quốc hội

Dự báo kinh tế vĩ mô năm 2025

Việt Nam đang theo đuổi cuộc cách mạng sâu rộng về thể chế, nhân lực và kết cấu hạ tầng cho mục tiêu tăng trưởng GDP 2 con số:

Cải cách thể chế, các luật quan trọng bao gồm Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Nhà ở, Luật Đất đai (có hiệu lực từ tháng 8/2024), Luật Các tổ chức tín dụng (có hiệu lực từ tháng 7/2024) giúp tạo sự minh bạch cho thị trường và tháo gỡ những nút thắt khó khăn hiện tại. Luật Đầu tư theo hình thức Đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Quy hoạch và Luật Đấu thầu, đều có hiệu lực từ 15/1/2025, nhằm mục đích cải thiện môi trường đầu tư, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và giúp rút ngắn thời gian triển khai các dự án.

Nhân lực, công tác tinh gọn bộ máy và sáp nhập tỉnh thành tăng hiệu quả hoạt động đang trở thành tâm điểm và là cuộc cách mạng có ảnh hưởng sâu rộng đến kinh tế xã hội của Việt Nam trong nhiều năm tới.

Hạ tầng, Việt Nam đã đầu tư nâng cấp đường cao tốc và điện hạt nhân cũng đã được Quốc hội thông qua.

Năm 2025, động lực chính cho tăng trưởng GDP kỳ vọng đến từ các động lực tăng trưởng (1) nội tại, bao gồm thúc đẩy đầu tư công (875 nghìn tỷ đồng, tương đương 36 tỷ USD; +37,7% YoY), thúc đẩy đầu tư tư nhân (96 tỷ USD; +18% YoY), sản xuất công nghiệp (IIP: +9,5% YoY), tiêu dùng (+12% YoY) và khách du lịch (lượng khách quốc tế: + từ 25%-30,7% YoY); (2) Về các động lực bên ngoài, trong bối cảnh chiến tranh thương mại, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 tăng 12% trở lên; thặng dư thương mại khoảng 30 tỷ USDvà FDI khoảng 28 tỷ USD, nhờ vào nỗ lực đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và tận dụng các hiệp định thương mại của Việt Nam.



Đánh giá các yếu tố tác động đến kinh tế Vĩ mô 2025

Tiêu dùng nội địa và đầu tư công/đầu tư tư nhân là động lực tăng trưởng chính

Trong năm 2024, **tiêu dùng nội địa** (với tiêu dùng dùng tư nhân chiếm chủ yếu) đóng góp hơn 60% vào cấu phần tăng trưởng GDP, năm nay tiêu dùng nội địa tiếp túc là động lực tăng trưởng kinh tế hỗ trợ tăng trưởng kinh tế tên 8%.

Năm nay mục tiêu của chính phủ, tăng trưởng tiêu dùng là 12%. Sự hồi phục của bán lẻ tiêu dùng trong thời gian tới, nhờ vào: 1) Kinh tế tiếp tục tăng trưởng; 2) Gia hạn việc giảm 2 điểm phần trăm thuế giá trị gia tăng đến hết tháng 6/2025; 3) Bộ Tài chính tiếp tục đề xuất chính sách miễn, giảm, giãn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất để hỗ trợ sản xuất kinh doanh năm 2025; 4) Các chính sách kích cầu nhằm thúc đẩy du lịch và sự phục hồi của ngành du lịch.

Tuy nhiên, sự phục hồi chậm lại của lĩnh vực bất động sản có thể ảnh hưởng đến hành vi mua sắm của người tiêu dùng.

Đối với đầu tư công: Chính phủ điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trong 2025 lên khoảng 875.880 tỷ đồng (cao hơn so với kế hoạch đã giao trước đó là 790.700 tỷ đồng), tăng 37,7% so với vốn đầu tư công giải ngân trong 2024 và phấn đấu đạt mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 đạt kết quả cao nhất (trên 95%).

Kinh tế tư nhân – động lực quan trọng nhất cho tăng trưởng kinh tế. Khu vực kinh tế tư nhân chiếm khoảng 42-45% GDP của Việt Nam và có xu hướng tiếp tục gia tăng. Thúc đẩy kinh tế tư nhân sẽ hỗ trợ thúc đẩy đầu tư tư nhân (96 tỷ USD; +18% YoY), ngày 6/3/2025, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng đã ký quyết định thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Đề án phát triển kinh tế tư nhân. Mục đích của Ban Chỉ đạo là xây dựng Đề án Phát triển kinh tế tư nhân để trình Bộ Chính trị, nhằm định hướng và thúc đẩy sự phát triển của khu vực này trong nền kinh tế quốc dân. kinh tế tư nhân.

Xuất khẩu chịu tác động từ bên ngoài, bù lại Việt Nam vẫn là điểm đến của dòng vốn FDI tạo đã hỗ trợ tăng trưởng

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 127,07 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, xuất khẩu tăng 8,4%; nhập khẩu tăng 15,9%. Điểm sáng là Việt Nam vẫn duy trì được thặng dư thương mại 1,47 tỷ USD trong 2 tháng.

Xuất khẩu trong năm 2025 kỳ vọng duy trì tăng trưởng với những nỗ lực của Chính phủ trong việc tăng cường mối quan hệ với các đối tác thương mại chính và gần đây là mở rộng quan hệ với các quốc gia khác.

Tập trung vào cải thiện cơ sở hạ tầng

Tập trung vào cung cấp điện hướng đến tương lai năng lượng bền vững, với mục tiêu tăng gấp đôi công suất phát điện lên 150GW vào năm 2030;

Thành lập Quỹ hỗ trợ đầu tư (182/2024/NĐ-CP) vào cuối năm 2024, bao gồm cơ chế hỗ trợ cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, đặc biệt là chip và chất bán dẫn.

Năm 2025 đối mặt với lạm phát gia tăng, tuy nhiên sản xuất công nghiệp được kỳ vọng cải thiện nhờ chính sách hỗ trợ của chính phủ, sự hồi phục nhu cầu nội địa và dòng vốn đầu tư nước ngoài

Năm 2025, Bộ Công Thương đặt mục tiêu tăng trưởng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) khoảng 9-10% so với năm 2024. Mục tiêu thách thức tuy nhiên kỳ vọng các yếu tố hỗ trợ: 1) mở rộng các chính sách hỗ trợ sản xuất và kinh doanh trong năm 2025; và 2) nhu cầu tiếp tục đối với các sản phẩm xuất khẩu chủ lực ngoài ra thu hút FDI kỳ vọng sẽ góp phần cải thiện hơn nữa hoạt động sản.

Rủi ro chính cần chú ý

1. Sự chậm lại ở các thị trường xuất khẩu chính;
2. Sự bất ổn từ các chính sách của Trump, các rào cản thuế quan;
3. Chi phí tỷ giá và chi phí logistic: đồng USD mạnh lên làm hàng hóa Việt Nam kém cạnh tranh.

Năm 2025: Các cơn gió ngược trong ngắn hạn như Thuế tối thiểu toàn cầu hay chính sách thương mại của ông Donald Trump có thể gây ra những tác động tiêu cực trong ngắn hạn đối với dòng vốn FDI. Về trung dài hạn, Những nỗ lực của Việt Nam nhằm tiếp tục thu hút dòng vốn FDI, trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu và đa dạng hóa chuỗi cung ứng trong bối cảnh chiến tranh thương mại, bao gồm:



Tín dụng

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 16% YoY cho năm 2025 (so với mục tiêu trước đó là 15% YoY), phù hợp với việc điều chỉnh tăng mục tiêu tăng trưởng GDP lên 8% YoY.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Năm 2025, thị trường bảo hiểm được hỗ trợ bởi các cơ hội đến từ kinh tế vĩ mô, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP >8%, phấn đấu tăng 2 con số; Hoạt động xuất nhập khẩu, thu hút FDI được kỳ vọng tích cực. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đầu tư công được kỳ vọng sẽ hỗ trợ tăng trưởng doanh thu các nghiệp vụ BH tài sản, xây dựng, hàng hóa... Tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm đến cuối năm 2023 là 2,3%, giảm so với mức 2,7% năm 2021 do tác động của cuộc khủng hoảng kênh bancassurance dẫn đến tăng trưởng giảm mạnh, điều này đồng nghĩa với cơ hội và dư địa thị trường lớn trong giai đoạn tới. Nhận thức về bảo hiểm và rủi ro của người dân tiếp tục nâng cao, tỷ lệ gia tăng của chi phí y tế khiến khách hàng ngày càng quan tâm đến BHSK. Hành lang pháp lý ngành bảo hiểm được hoàn thiện, cơ quan quản lý sẽ sớm ban hành hướng dẫn cụ thể về hoạt động bancassurance, các DNBH cũng chuẩn bị cho sự phục hồi của kênh bancassurance. Các DNBH tăng cường ứng dụng công nghệ số, ứng dụng AI, Big Data... để tối ưu hóa các quy trình hoạt động, tiếp tục tận dụng kênh phân phối nội bộ và đối tác hợp tác để tạo lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy bán chéo, bán kèm... Kênh online, mobile, hợp tác liên kết... tiếp tục được cũng cố, mở rộng, giúp đại lý dễ dàng tiếp cận khách hàng. Nhiều sản phẩm bán lẻ, bán kèm được đơn giản hóa và số hóa để cung cấp qua những kênh này.

Bên cạnh những cơ hội, thị trường bảo hiểm năm 2024 vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức, tác động của biến động của kinh tế - chính trị thế giới, căng thẳng thương mại toàn cầu thời kỳ Trump 2.0. Mặt bằng lãi suất năm 2025 duy trì ở mức thấp, lãi suất TPCP ở mức thấp dẫn đến rủi ro tái đầu tư cho DNBH. Áp lực tăng chi phí vẫn lớn; Xu hướng người dân tiếp tục thắt chặt chi tiêu. Rủi ro trục lợi bảo hiểm, nhất là các nghiệp vụ bán lẻ vẫn lớn. Niềm tin của khách hàng cần thời gian để phục hồi hoàn toàn. DNBH tiếp tục gặp khó khi nhà tái bảo hiểm thực hiện việc giảm hoa hồng, cũng như thắt chặt điều kiện; Hình thức cạnh tranh bằng công cụ giảm phí, tăng chi phí vẫn phổ biến. DNBH nhân thọ vẫn chịu ảnh hưởng từ dư âm của khủng hoảng truyền thông và những thay đổi trong quy định pháp luật (về sản phẩm, đại lý...). Rủi ro thiên tai, bão lũ, dịch bệnh... ngày càng phức tạp, ảnh hưởng lớn đến hoạt động của DNBH, nhất là DNBH phi nhân thọ. Luật Kinh doanh bảo hiểm mới và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn kèm theo với nhiều quy định mới, thắt chặt quản lý toàn diện hoạt động kinh doanh bảo hiểm, các DNBH cần rà soát, điều chỉnh lại hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quản lý rủi ro, cơ cấu lại giỏ sản phẩm, củng cố kênh phân phối... nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật mới..

Trên cơ sở triển vọng kinh tế vĩ mô năm 2025 và diễn biến thị trường bảo hiểm trong năm 2024 và các tháng đầu năm 2025, thị trường bảo hiểm năm 2024 được kỳ vọng tiếp tục phục hồi dù vẫn đối mặt với nhiều khó khăn. **Theo dự kiến của Bộ Tài chính, thị trường bảo hiểm nhân thọ năm 2025 tăng trưởng 3%, Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam dự kiến thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2025 tăng trưởng tương đương năm 2024.**



THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG

Với chính sách điều hành linh hoạt của NHNN, thị trường tiền tệ dự báo tiếp tục ổn định trong năm 2025

Năm 2025, mặt bằng lãi suất huy động tại Việt Nam dự kiến sẽ duy trì ở mức ổn định và thấp, tiếp nối xu hướng năm 2024. Chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát lạm phát và ổn định hệ thống ngân hàng.

Cần theo dõi chặt chẽ các yếu tố tác động đến thị trường: (i) áp lực lạm phát; (ii) mức độ biến động tỷ giá và (iii) chính sách điều hành tiền tệ của NHNN.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Thị trường TPCP: Trên thị trường trái phiếu chính phủ, tâm lý thận trọng gia tăng khi lợi suất trái phiếu đạt mức cao nhất kể từ tháng 11/2023. Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm tăng lên mức 2,97%, do nhà đầu tư lo ngại rủi ro từ căng thẳng thương mại và lộ trình hạ lãi suất còn nhiều thách thức của Fed. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp vẫn khá trầm lắng, với 2,15 nghìn tỷ đồng được mua lại trước hạn và không có giao dịch phát hành mới – điều thường thấy trong giai đoạn đầu năm.

Trong năm 2025, lợi suất suất đấu thầu có thể chịu áp lực tăng trong bối cảnh lo ngại lạm phát khiến giữ lợi suất trái phiếu ở mức cao do các nhà đầu tư yêu cầu phần bù rủi ro cao hơn trong bối cảnh bất ổn gia tăng. Ngoài ra, kế hoạch huy động 500 nghìn tỷ đồng thông qua phát hành trái phiếu chính phủ trong năm 2025 của Kho bạc Nhà nước – tăng 25% so với mục tiêu năm 2024 và cao hơn 50% so với lượng phát hành thực tế năm 2024 – nhằm bổ sung cho ngân sách nhà nước gia tăng áp lực lên lợi suất.

Thị trường TPDN: Trong hai tháng đầu năm 2025, thị trường trái phiếu doanh nghiệp vẫn chưa ghi nhận nhiều dấu hiệu khởi sắc. Nguyên nhân chính có thể đến từ sự thận trọng của nhà đầu tư cũng như doanh nghiệp trong bối cảnh yêu cầu minh bạch hóa thông tin phát hành ngày càng chặt chẽ hơn.

Năm 2024 cũng ghi nhận sự sụt giảm mạnh trong tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp so với các năm trước. Nhiều doanh nghiệp chọn cách tìm kiếm nguồn vốn từ các kênh khác như Vay ngân hàng hoặc phát hành cổ phiếu thay vì phát hành trái phiếu.

Dự báo trong thời gian tới, thị trường trái phiếu doanh nghiệp có thể phục hồi nếu các yếu tố hỗ trợ như lãi suất giảm, chính sách tiền tệ ổn định và niềm tin của nhà đầu tư được củng cố.



THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Dự báo trong năm 2025, khi các chính sách mới bắt đầu đi vào thực tế, thị trường bất động sản sẽ dần ổn định. Các dự án mới sẽ được triển khai mạnh mẽ, cung cấp nguồn cung dồi dào, giúp điều chỉnh giá cả và cân bằng cung cầu. Điều này tạo cơ hội cho người dân tiếp cận nhà ở dễ dàng hơn, đồng thời giúp các doanh nghiệp bất động sản mở rộng quy mô và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. Về nguồn vốn, mặt bằng lãi suất cho vay kỳ vọng tiếp tục giảm về mức thấp và các chính sách ưu đãi cho vay của Ngân hàng thương mại với người mua nhà có thể giúp nhu cầu cải thiện, tăng khả năng thanh khoản của thị trường. Bên cạnh đó, giảm lãi vay cũng kỳ vọng giảm áp lực tài chính, từ đó phục hồi hoạt động kinh doanh của chủ đầu tư bất động sản.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Dựa trên bối cảnh kinh tế toàn cầu và trong nước, cùng các yếu tố vĩ mô, chính sách và xu hướng thị trường, triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025:

(1) Động lực từ cuộc cách mạng "thể chế, nhân lực, kết cấu": Những cải cách quan trọng về thể chế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, và đầu tư mạnh mẽ vào kết cấu hạ tầng đang tạo ra nền móng vững chắc cho sự phát triển kinh tế. Các dự án quy mô lớn như sân bay Long Thành và cao tốc Bắc - Nam nâng cao sức hấp dẫn của thị TTCK;

(2) Đà hồi phục kinh tế vĩ mô và môi trường lãi suất thấp: Bên cạnh những dấu hiệu phục hồi rõ rệt của nền kinh tế vĩ mô, lạm phát được kiểm soát ổn định và lãi suất duy trì ở mức thấp tiếp tục là yếu tố thuận lợi, tạo điều kiện cho dòng vốn vào TTCK;

(3) Triển vọng nâng hạng: Việt Nam đang từng bước giải quyết các vấn đề còn tồn tại nhằm đáp ứng tiêu chí nâng hạng lên thị trường mới nổi sơ cấp của FTSE. Thông tu 68/TT-BTC đã tháo gỡ nút thắt về prefunding. Song song với đó, Luật Chứng khoán sửa đổi, hệ thống giao dịch mới và giải quyết room ngoại.



Các yếu tố rủi ro từ vĩ mô toàn cầu cần theo dõi:

(1) Xung đột Nga-Ukraine kéo dài tiếp tục làm suy giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế châu Âu;

(2) Dòng vốn chảy mạnh vào thị trường Mỹ, dẫn đến sự rút vốn đáng kể đối với phần còn lại của thế giới;

(3) Chính sách thuế quan mới trong nhiệm kỳ thứ 2 của Tân Tổng thống Donald Trump có khả năng sẽ làm gia tăng rủi ro thương chiến lan rộng ra toàn cầu;

(4) Hoạt động sản xuất trì trệ trên các nền kinh tế lớn, đặc biệt là các ngành công nghiệp tại châu Âu và Trung Quốc;

(5) Lạm phát dai dẳng tại thị trường Mỹ và Châu Âu cho thấy lộ trình giảm hóa lãi suất có thể gặp nhiều biến động.

Tuy nhiên, kế hoạch hành động của Chính phủ cho năm 2025 với các cải cách và giải pháp tăng trưởng kinh tế mang tính đột biến cùng với mục tiêu nâng hạng lên thị trường mới nổi sẽ hỗ trợ tăng trưởng thị trường chứng khoán trong năm 2025. **Dự báo thị trường sẽ duy trì mức tăng 10%-15% so với cuối năm 2024.**

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh của Bảo Việt

Năm 2024, hướng tới kỷ niệm 60 năm ngày thành lập, Bảo Việt đã nỗ lực thúc đẩy hoạt động kinh doanh trên toàn hệ thống, tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam có nhiều thách thức, cùng với các diễn biến khó lường và rủi ro gia tăng trên thị trường tài chính, bảo hiểm, với chiến lược kinh doanh linh hoạt, sự đồng lòng và nỗ lực của toàn hệ thống, Tập đoàn đã tận dụng tốt các cơ hội, tăng cường hợp tác và phát huy sức mạnh tổng hợp nhằm duy trì tăng trưởng bền vững.

ĐVT: Tỷ đồng

56.875
Tổng doanh thu hợp nhất của toàn Tập đoàn

2.194
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất

39.823
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

12.689
Doanh thu hoạt động tài chính

251.286
Tổng tài sản hợp nhất của toàn Tập đoàn

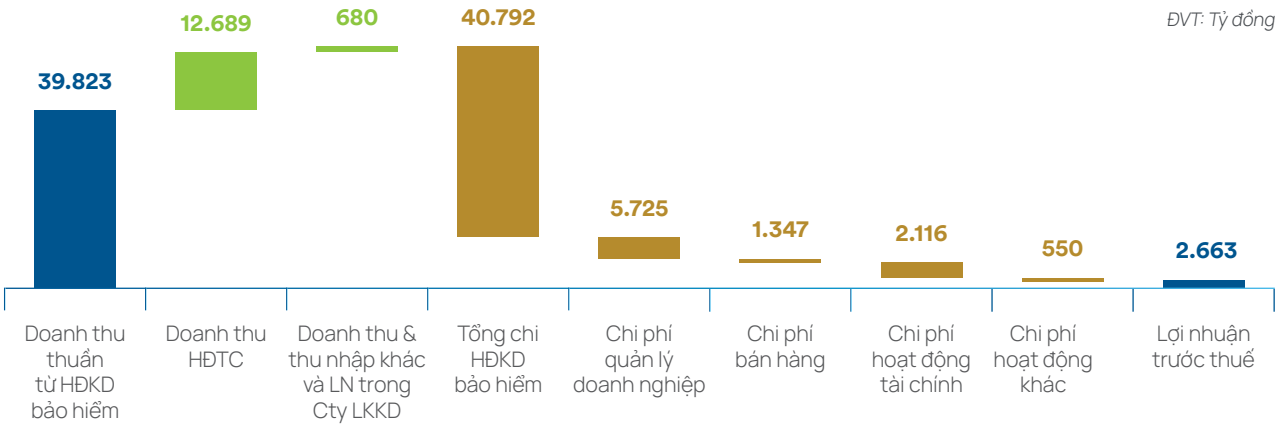
Tổng quan về kết quả kinh doanh toàn Tập đoàn trong năm 2024

Năm 2024, trước những tác động từ các biến động phức tạp của thị trường thế giới, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận nhiều khó khăn, bao gồm sự biến động mạnh của thị trường tài chính và ảnh hưởng kéo dài từ cuộc khủng hoảng niềm tin trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ do ảnh hưởng từ kênh bancassurance. Điều này đã khiến môi trường kinh doanh còn nhiều biến động khó lường, trong khi mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng, tạo áp lực lớn cả về giá cả và dịch vụ. Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn đó, Tập đoàn Bảo Việt vẫn nỗ lực hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra cả về Doanh thu và Lợi nhuận, với Tổng Doanh thu đạt gần 57.000 tỷ đồng, vượt 1,4% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 2.663 tỷ đồng và 2.194 tỷ đồng, vượt kế hoạch tương ứng là 17,7% và 16,6%.

Là một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu, Bảo Việt tiếp tục khẳng định vai trò cốt lõi của hoạt động bảo hiểm trong việc mang lại kết quả kinh doanh tích cực với doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2024 đạt 39.823 tỷ đồng. Tập đoàn duy trì vị thế trong nhóm dẫn đầu trên cả thị trường bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ.

Bên cạnh lĩnh vực bảo hiểm, hoạt động tài chính trong năm 2024 tiếp tục duy trì hiệu quả cao với Doanh thu đạt 12.689 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 10.574 tỷ đồng, tương đương năm 2023, phản ánh kết quả tích cực trong bối cảnh thị trường nhiều biến động. Thành công này góp phần quan trọng vào kết quả kinh doanh ấn tượng chung của Tập đoàn.





Kết quả kinh doanh hợp nhất toàn Tập đoàn

DOANH THU
Ghi nhận dấu ấn khả quan trong mọi lĩnh vực kinh doanh

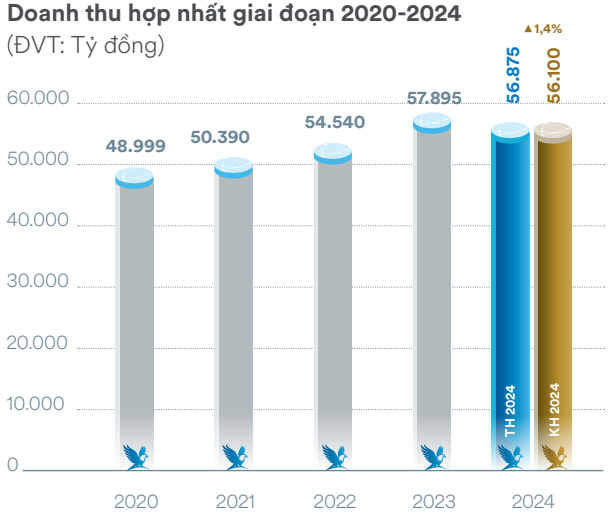
Năm 2024, nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính - bảo hiểm nói riêng tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ các bất ổn chính trị, kinh tế toàn cầu và trong nước, cũng như những hậu quả của đại dịch Covid và cuộc khủng hoảng niềm tin từ phía khách hàng. Tiếp nối thành công của những năm trước, Tập đoàn tiếp tục phát huy nền tảng công nghệ thông tin và hệ sinh thái số đã được đầu tư trong thời gian qua, đồng thời nhận diện kịp thời những khó khăn trong năm nay. Toàn Tập đoàn đã nỗ lực triển khai hàng loạt giải pháp kinh doanh linh hoạt, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và sản phẩm, cùng với kênh phân phối, để đạt được kết quả kinh doanh đáng ghi nhận trong năm 2024. Tổng doanh thu hợp nhất của toàn Tập đoàn đạt 56.875 tỷ đồng, vượt 1,4% so với kế hoạch đề ra, trong khi các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi đều ghi nhận kết quả khả quan. Cụ thể:

Tổng doanh thu hợp nhất của toàn Tập đoàn đạt

56.875 TỶ ĐỒNG

vượt 1,4% so với kế hoạch đề ra

Doanh thu hợp nhất giai đoạn 2020-2024
(ĐVT: Tỷ đồng)



Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đã ghi nhận một năm 2024 với kết quả tích cực, trong bối cảnh thị trường tiếp tục chịu ảnh hưởng từ những khó khăn lớn của cuộc khủng hoảng niềm tin của khách hàng kéo dài từ năm 2023 và tác động dai dẳng của đại dịch Covid. Trong khi tổng doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm nhân thọ giảm 5,5% và doanh thu khai thác mới sụt giảm 12,8% so với năm 2023, Bảo Việt vẫn khẳng định vững chắc vị thế dẫn đầu thị trường. Tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt trên 32.160 tỷ đồng, trong đó doanh thu khai thác mới tăng trưởng 11,4% – một kết quả ấn tượng trong bối cảnh thị trường chung suy giảm.

Tuy nhiên, thị trường lãi suất năm 2024 kém thuận lợi hơn so với năm trước đã ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính. Dù vậy, với việc chủ động nhận diện sớm những thách thức của thị trường tài chính – bảo hiểm trong quá trình xây dựng kế hoạch năm, Bảo Việt đã có sự chuẩn bị và ứng phó hiệu quả. Nhờ đó, tổng doanh thu từ lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ năm 2024 đạt 43.551 tỷ đồng, hoàn thành tốt kế hoạch đề ra và tiếp tục đóng góp lớn nhất vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn, chiếm tỷ trọng 76%.

Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ cũng ghi nhận kết quả tích cực trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn. Năm 2024, tổng doanh thu lĩnh vực này đạt 11.928 tỷ đồng, tăng 1,3% so với cùng kỳ và vượt 2,2% so với kế hoạch đề ra. Doanh thu phí bảo hiểm gốc tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng, đạt 10.435 tỷ đồng, tăng 2,7% so với năm trước. Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục duy trì vững chắc vị trí trong nhóm dẫn đầu thị trường suốt nhiều năm liền. Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ đóng góp 20% vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn, thể hiện vai trò quan trọng trong cơ cấu hoạt động kinh doanh của Bảo Việt.

Doanh thu phí bảo hiểm gốc tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng

10.435 TỶ ĐỒNG

tăng 2,7% so với năm trước

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Lĩnh vực Dịch vụ tài chính và các hoạt động khác tiếp tục ghi nhận kết quả khả quan trong năm 2024, với tổng doanh thu đạt hơn 2.140 tỷ đồng, đóng góp khoảng 4% vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn. Nhờ kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong lĩnh vực đầu tư và chứng khoán, các đơn vị thành viên của Bảo Việt đã đạt được kết quả kinh doanh tích cực.

Cụ thể, lĩnh vực kinh doanh chứng khoán ghi nhận tổng doanh thu 993 tỷ đồng, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước; trong đó doanh thu thực hiện đạt 949 tỷ đồng, tăng trưởng 9,1%. Lĩnh vực quản lý quỹ cũng duy trì được đà tăng trưởng ấn tượng, với doanh thu đạt 175,8 tỷ đồng, tăng 11,8% so với cùng kỳ. Tổng tài sản quản lý ròng bởi Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đến cuối năm 2024 đạt 140.235 tỷ đồng, tăng 11,9% so với cuối năm 2023, tiếp tục khẳng định vị thế uy tín của Bảo Việt trong lĩnh vực quản lý tài sản.

Tổng doanh thu Lĩnh vực Dịch vụ tài chính và các hoạt động khác đạt

2.140 TỶ ĐỒNG

đóng góp khoảng 4% vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn

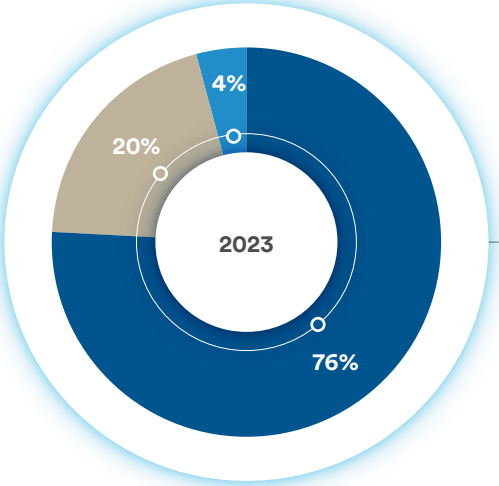
Tổng doanh thu hoạt động quản lý và cho thuê văn phòng, xây lắp và kinh doanh bất động sản

272 TỶ ĐỒNG

góp phần tích cực vào kết quả kinh doanh chung của toàn Tập đoàn

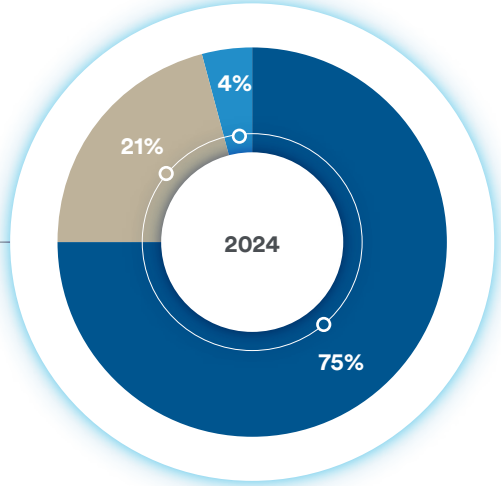
Hoạt động quản lý và cho thuê văn phòng, xây lắp và kinh doanh bất động sản trong năm 2024 được duy trì ổn định, với tổng doanh thu đạt 272 tỷ đồng, góp phần tích cực vào kết quả kinh doanh chung của toàn Tập đoàn. Lĩnh vực này tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ vững chắc trong cơ cấu hoạt động đa ngành, góp phần tạo nền tảng ổn định cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt.





Doanh thu theo các lĩnh vực cốt lõi năm 2023-2024
(ĐVT: %)

- Bảo hiểm nhân thọ
- Bảo hiểm phi nhân thọ
- Dịch vụ tài chính và khác



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

LỢI NHUẬN HỢP NHẤT tăng trưởng ấn tượng nhờ khai thác hiệu quả hệ sinh thái và nắm bắt cơ hội thị trường

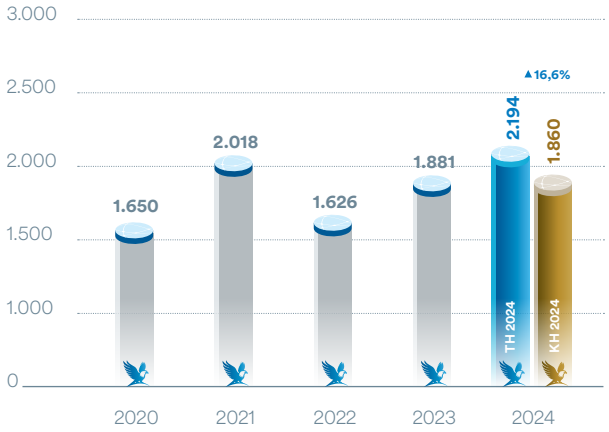
Trong bối cảnh môi trường kinh doanh đầy thách thức, đặc biệt là ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng niềm tin của khách hàng đối với thị trường bảo hiểm, Tập đoàn Bảo Việt đã kịp thời nhận diện các khó khăn ngay từ giai đoạn xây dựng kế hoạch năm 2024, chủ động hoạch định giải pháp hợp lý và linh hoạt nắm bắt nhanh các cơ hội trên thị trường. Nhờ đó, Bảo Việt đã thành công vượt qua thách thức và khép lại năm 2024 với kết quả lợi nhuận ấn tượng. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 2.194 tỷ đồng, tăng trưởng 16,6% so với cùng kỳ, trong đó tất cả các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi đều ghi nhận mức tăng trưởng tích cực. Cụ thể từng lĩnh vực như sau:

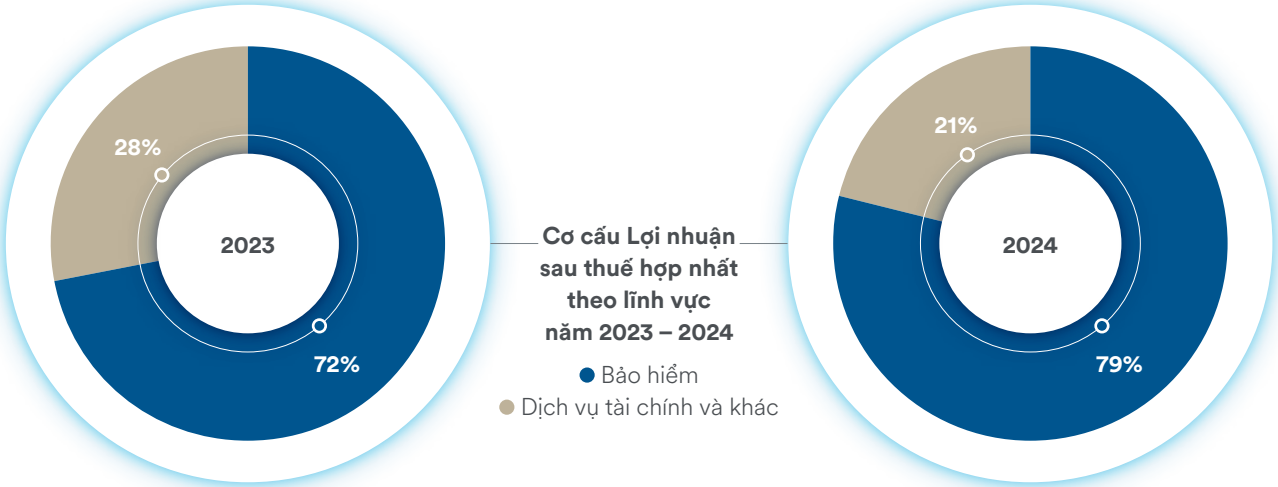
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt

2.194 TỶ ĐỒNG

tăng trưởng 16,6% so với cùng kỳ

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất giai đoạn 2020-2024
(ĐVT: Tỷ đồng)





Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm của Tập đoàn Bảo Việt kết thúc năm 2024 với một kết quả lợi nhuận rất ấn tượng. Toàn Tập đoàn tiếp tục phát huy hiệu quả hệ sinh thái số và công nghệ đã xây dựng trong nhiều năm, đồng thời nhanh chóng nắm bắt các cơ hội trên thị trường tài chính - bảo hiểm. Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đạt mức lợi nhuận xuất sắc 1.510 tỷ đồng, tăng trưởng 33,7% so với cùng kỳ và vượt 20,8% kế hoạch đề ra. Cùng với đó, lợi nhuận từ lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ đạt 298 tỷ đồng, tăng trưởng 2,9% so với cùng kỳ, vượt 2,6% kế hoạch. Lĩnh vực bảo hiểm tiếp tục đóng góp 79% vào lợi nhuận hợp nhất toàn Tập đoàn, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu lợi nhuận của Tập đoàn.

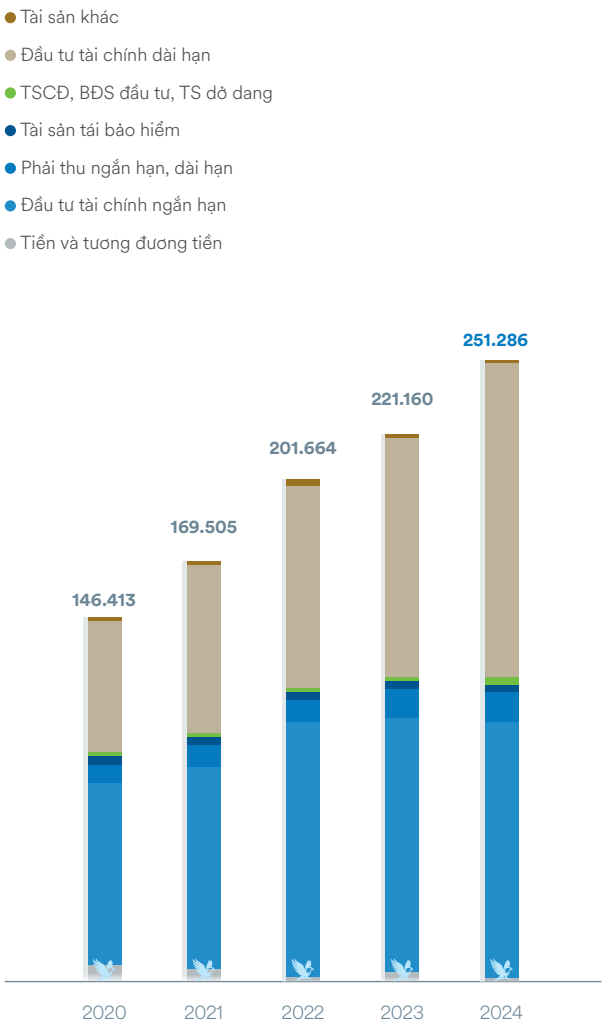
Lĩnh vực dịch vụ tài chính và các hoạt động khác đã mang về cho Tập đoàn lợi nhuận sau thuế lên đến 468 tỷ đồng, đóng góp 21% vào lợi nhuận Hợp nhất năm 2024. Thị trường chứng khoán vào cuối năm đã có sự hồi phục tốt, giúp các lĩnh vực tài chính của Tập đoàn đạt kết quả khả quan, góp phần tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận hợp nhất so với cùng kỳ.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TÀI SẢN HỢP NHẤT

Năm 2024, tổng tài sản hợp nhất của toàn Tập đoàn đạt 251.286 tỷ đồng. Tiền gửi và trái phiếu tiếp tục duy trì là kênh đầu tư chủ đạo, vừa tận dụng tốt các diễn biến của thị trường tài chính, vừa đảm bảo các trách nhiệm dài hạn của doanh nghiệp bảo hiểm.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất giai đoạn 2020-2024
(ĐVT: Tỷ đồng)



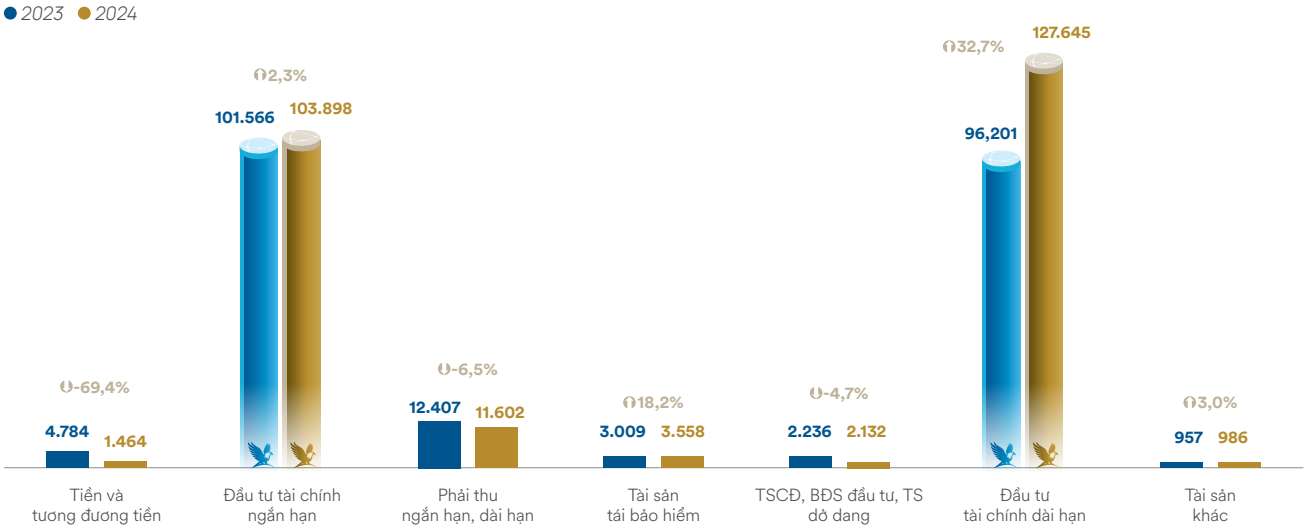
Quy mô tài sản hợp nhất:

So với năm 2023, Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2024 tăng 30.127 tỷ đồng *(tương ứng với 13,6%)*, chủ yếu nhờ nguồn tiền từ hoạt động bảo hiểm. Phần tài sản tăng lên chủ yếu tập trung ở danh mục đầu tư tài chính dài hạn *(đạt hơn 127.645 tỷ đồng, tăng trưởng 32,7% so với năm 2023)*.

Đối với khoản mục đầu tư tài chính dài hạn, nhằm đảm bảo cân đối giữa trách nhiệm bảo hiểm của doanh nghiệp và quyền lợi của người được bảo hiểm *(cân đối trách nhiệm và tài sản dài hạn - đặc thù của doanh nghiệp hoạt động bảo hiểm)*, trái phiếu dài hạn tiếp tục là kênh đầu tư trọng yếu - đạt 95.288 tỷ đồng, tăng hơn 16.250 tỷ đồng *(tương đương 20,6%)* so với năm 2023. Tiền gửi dài hạn cũng tăng mạnh, đạt 28.256 tỷ đồng, tăng 14.987 tỷ đồng *(tương đương 12,9%)* so với năm trước.

Đối với khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn, tiền gửi ngắn hạn vẫn duy trì là kênh đầu tư trọng yếu song quy mô có giảm nhẹ so với năm 2023, phù hợp với diễn biến của thị trường. Trong bối cảnh mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp trong năm 2024, các khoản đầu tư tiền gửi ngắn hạn trở nên kém hấp dẫn. Do đó, Tập đoàn đã chuyển dịch sang đầu tư các tài sản tài chính dài hạn nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đồng thời đảm bảo trách nhiệm chi trả quyền lợi bảo hiểm đối với khách hàng.

Tài sản hợp nhất 2024 theo khoản mục chính (Tỷ đồng)



Cơ cấu tài sản hợp nhất

Cơ cấu tài sản hợp nhất năm 2024 về cơ bản không có nhiều biến động so với năm 2023, với các tài sản đầu tư tài chính luôn chiếm tỷ trọng cao nhất. Tuy nhiên, do diễn biến thị trường, cơ cấu đầu tư tài chính có sự dịch chuyển nhẹ từ đầu tư tài chính ngắn hạn sang đầu tư tài chính dài hạn: tỷ trọng đầu tư tài chính ngắn hạn giảm từ 46% còn 41% trong khi tỷ trọng đầu tư tài chính dài hạn tăng từ 43% lên 51%.

Mặt bằng lãi suất giảm mạnh trong năm 2023 và duy trì thấp trong năm 2024 đã làm giảm tính hấp dẫn của các khoản đầu tư ngắn hạn, khiến việc chuyển dịch sang các khoản đầu tư dài hạn trở nên phù hợp hơn. Sự thay đổi, chuyển dịch cơ cấu này thể hiện nỗ lực của Tập đoàn trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư sinh lời tối ưu, đồng thời cho thấy sự linh hoạt và khả năng thích ứng của Tập đoàn với môi trường kinh doanh đầy biến động.

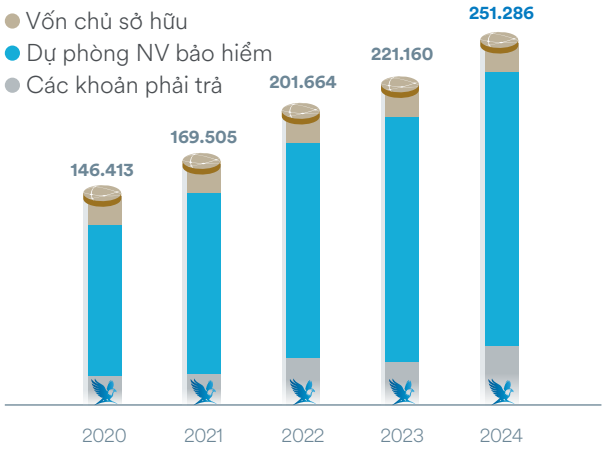




NGUỒN VỐN HỢP NHẤT

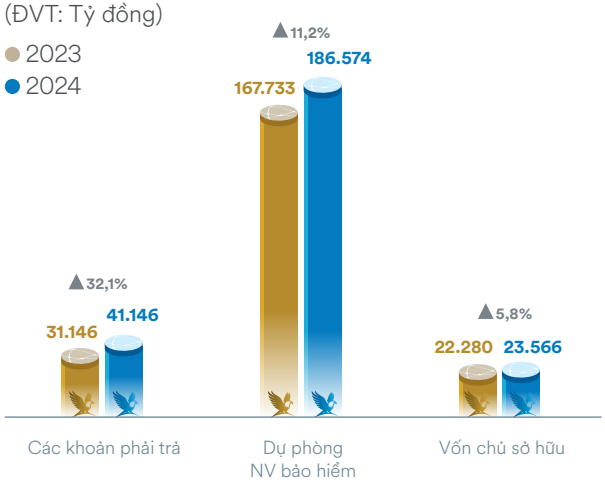
Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2020-2024

(ĐVT: Tỷ đồng)



Nguồn vốn hợp nhất theo các khoản mục chính

(ĐVT: Tỷ đồng)



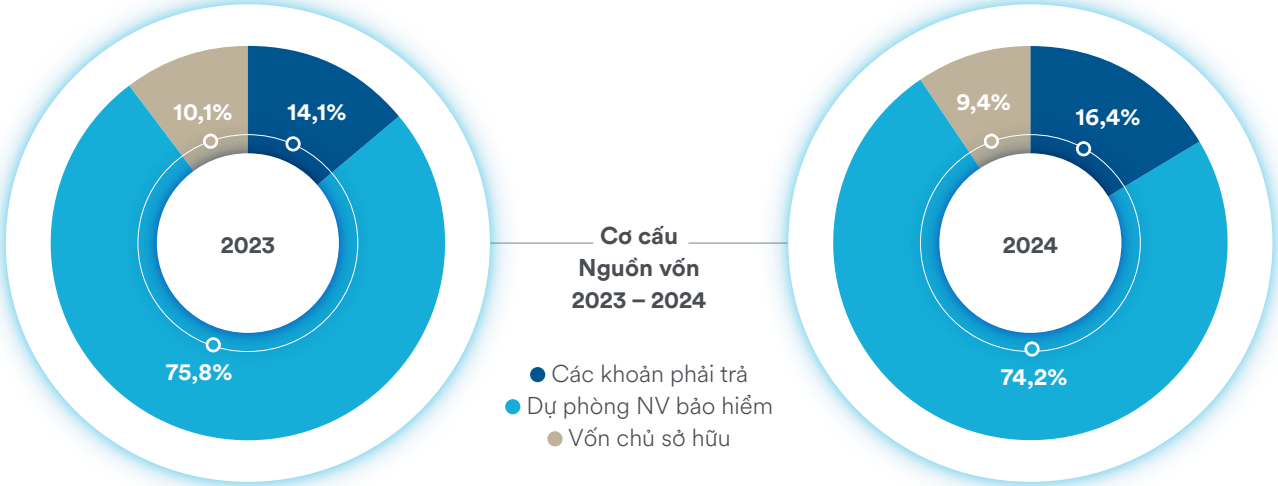
Quy mô Nguồn vốn

Năm 2024 tổng nguồn vốn hợp nhất của Tập đoàn đạt 251.286 tỷ đồng, tăng 13,6% so với năm 2023. Trong đó, quy mô quỹ dự phòng nghiệp vụ tăng 18.841 tỷ đồng (11,2%); riêng tại Bảo Việt Nhân thọ, quỹ dự phòng tăng 18.061 tỷ đồng (11,3%), phản ánh sự tăng trưởng của doanh thu bảo hiểm. Sự gia tăng của quỹ dự phòng nghiệp vụ khẳng định cam kết của doanh nghiệp trong việc đảm bảo nghĩa vụ bảo hiểm, đồng thời góp phần giảm thiểu tác động của các tổn thất tài chính có thể xảy ra trong tương lai.

Bên cạnh đó, các khoản phải trả tăng gần 10.000 tỷ đồng (32,1%) chủ yếu từ các giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ với mức tăng khoảng 10.000 tỷ đồng. Nguồn vốn chủ sở hữu cũng ghi nhận mức tăng 1.286 tỷ đồng so với năm 2023 *(tương đương 5,8%)*, chủ yếu đến từ Quỹ Đầu tư phát triển và nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, góp phần vào mức tăng chung của Tổng Nguồn vốn.

Cơ cấu Nguồn vốn

Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn năm 2024 không có nhiều biến động so với năm 2023. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 74,2% tổng nguồn vốn, thể hiện năng lực và nền tảng tài chính vững chắc và sự gia tăng không ngừng nhằm đảm bảo quyền lợi ổn định, lâu dài cho khách hàng của Bảo Việt. Bên cạnh đó, do sự mở rộng của hoạt động mua bán lại trái phiếu Chính phủ, tỷ trọng các khoản phải trả cũng tăng nhẹ từ 14,1% lên 16,4%. Trong khi đó, Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ tỷ trọng từ 10,1% xuống còn 9,4%, chủ yếu do sự gia tăng quy mô của Tổng Nguồn vốn.

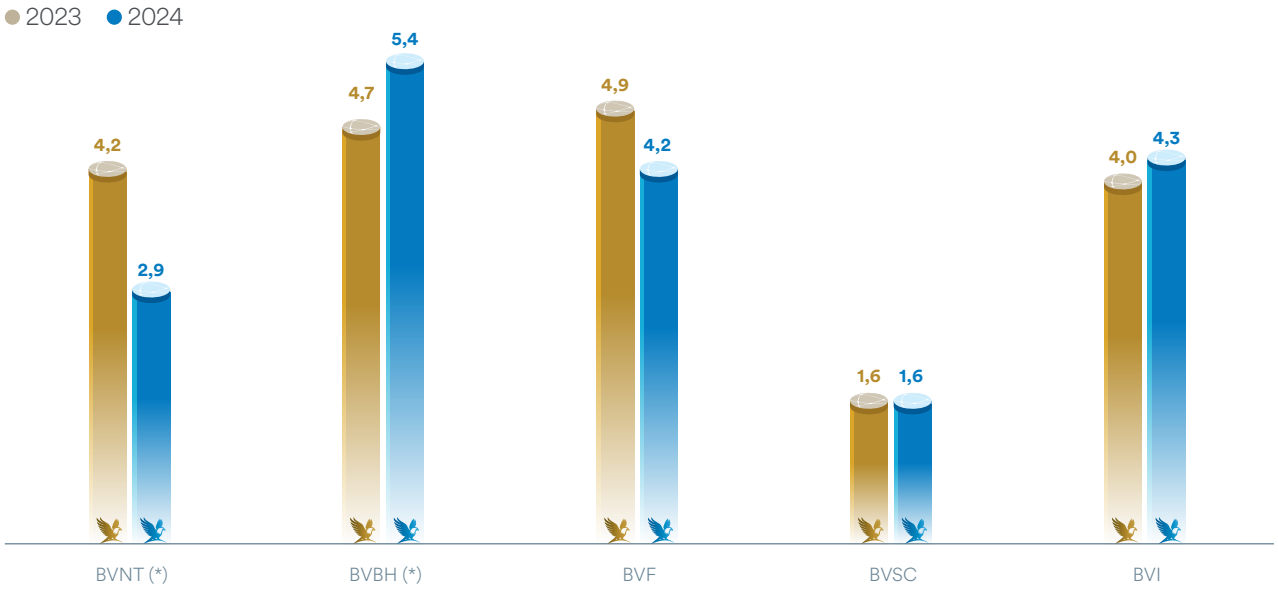


Luôn đảm bảo vượt mức các quy định về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán của các đơn vị luôn được duy trì ở mức cao, hầu hết đều tăng so với năm 2023, đảm bảo tốt nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn.

Hệ số thanh toán năm 2024

(ĐVT: Lần)



(*): Đối với Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, nợ ngắn hạn dùng để tính hệ số thanh toán đã loại trừ Dự phòng nghiệp vụ.

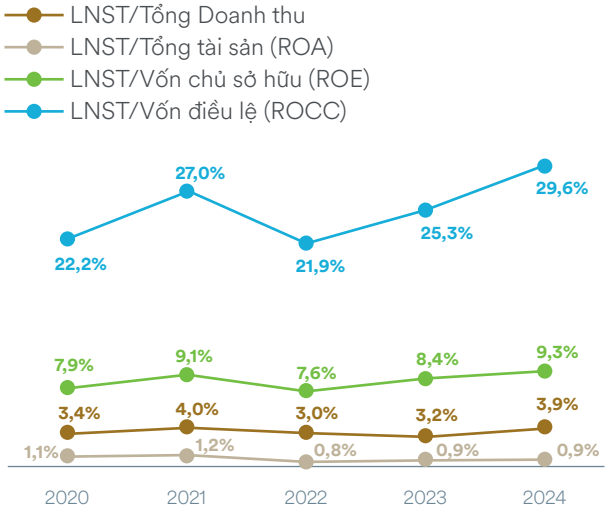
Việc mở rộng của hoạt động mua bán lại trái phiếu Chính phủ trong năm 2024 của Bảo Việt Nhân thọ phù hợp với diễn biến thị trường nhưng đã dẫn đến sự gia tăng của nợ ngắn hạn so với năm 2023. Điều này khiến hệ số thanh toán giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn duy trì ở mức an toàn cao.

Tại ngày 31/12/2024, hệ số an toàn vốn và tỷ lệ an toàn tài chính của các thành viên trong Tập đoàn luôn duy trì ở mức cao, tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật. Đặc biệt, Công ty Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt ghi nhận tỷ lệ an toàn vốn khả dụng lần lượt đạt 678% và 427%, vượt xa mức quy định (180%).

Tương tự, tại thời điểm cuối năm 2024, tỷ lệ biên khả năng thanh của Bảo hiểm Bảo Việt đạt 145% và Bảo Việt Nhân thọ đạt 104%, đều duy trì ở mức an toàn và cao hơn mức quy định của Bộ Tài chính (100%).

Vượt qua khó khăn, Bảo Việt duy trì hiệu quả hoạt động nhờ tối ưu mọi nguồn lực và cơ hội

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2024 có nhiều biến động không thuận lợi, Tập đoàn Bảo Việt đã chủ động thích ứng, linh hoạt nắm bắt thời cơ, đồng thời phát huy sức mạnh hợp lực. Bằng việc ứng dụng công nghệ hiện đại, Bảo Việt đã không chỉ vượt qua khó khăn mà còn tối ưu hóa các cơ hội, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm duy trì và gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.



Nhìn chung, các chỉ số sinh lời của Tập đoàn luôn được duy trì ổn định ở mức cao. Năm 2024, Lợi nhuận sau thuế tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng tích cực so với năm 2023, tạo điều kiện cho mức tăng cao của các chỉ số sinh lời, đặc biệt là chỉ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ - đạt 29,6% - là mức cao nhất trong trong giai đoạn 5 năm 2020 – 2024.

Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ

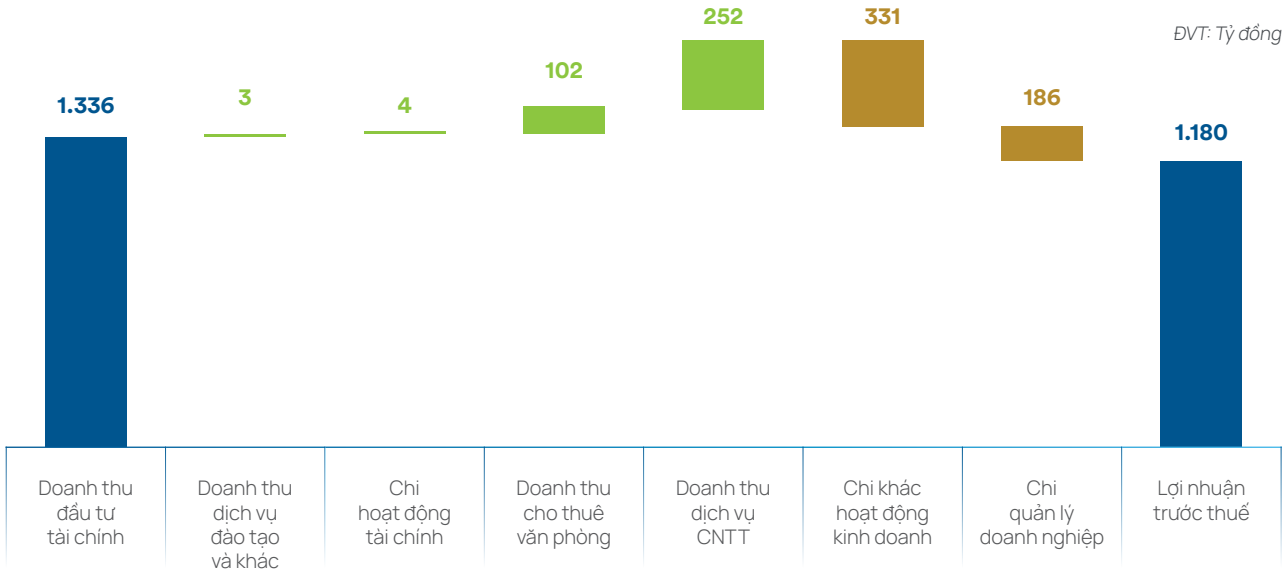
Tổng quan về kết quả kinh doanh Công ty Mẹ trong năm 2024

Năm 2024, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng chịu nhiều tác động từ các biến động chính trị và bất ổn vĩ mô, tạo ra không ít thách thức và khó khăn, đặc biệt đối với ngành tài chính – bảo hiểm. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, Công ty Mẹ vẫn đạt kết quả kinh doanh khả quan, với các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận trước và sau thuế đều hoàn thành tốt kế hoạch và ghi nhận mức tăng trưởng so với năm 2023.

Tổng doanh thu năm 2024 đạt 1.693 tỷ, hoàn thành vượt kế hoạch được giao, tăng trưởng tốt 7,5% so với năm trước. Trong đó, doanh thu tài chính đóng góp mức lớn nhất (79%) đạt 1.336 tỷ, tiếp tục duy trì mức tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tổng doanh thu.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của chuyển đổi số, Công ty Mẹ Tập đoàn không ngừng ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu hóa nguồn lực và tiết giảm chi phí, qua đó góp phần hoàn thành tốt các mục tiêu kinh doanh. Kết thúc năm 2024, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã vượt kế hoạch đề ra, đạt 1.180 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, ghi nhận mức tăng trưởng tích cực gần 6% so với năm trước.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

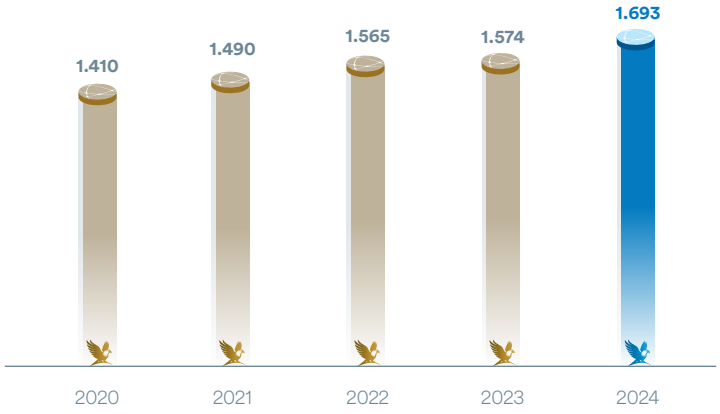
Bất chấp những thách thức từ thị trường tài chính – bảo hiểm, Lợi nhuận sau thuế năm 2024 hoàn thành vượt kế hoạch đề ra, duy trì mức tăng trưởng tích cực

Năm 2024, thị trường tài chính – bảo hiểm tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức: lãi suất tiền gửi và trái phiếu duy trì ở mức thấp, thị trường bảo hiểm chịu ảnh hưởng nặng nề từ thiệt hại do cơn bão Yagi, trong khi khủng hoảng truyền thông đối với bảo hiểm nhân thọ vẫn chưa hoàn toàn lắng dịu. Những yếu tố này đã tạo ra không ít khó khăn, tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt. Tuy nhiên, nhờ khai thác hiệu quả các khoản đầu tư góp vốn tốt cùng với sự thuận lợi của thị trường chứng khoán, kết quả kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt khá tích cực, với lợi nhuận đạt 1.180 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra và duy trì đà tăng trưởng so với năm trước.

Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin, nhằm tối ưu hóa hoạt động kinh doanh cốt lõi. Doanh thu từ dịch vụ công nghệ thông tin tiếp tục giữ vững vị thế quan trọng, chiếm tỷ trọng lớn (15%), đứng thứ hai trong cơ cấu doanh thu của Tập đoàn, chỉ sau doanh thu từ hoạt động tài chính (79%).

Năm 2024, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ của Công ty Mẹ đạt 15,9% – mức cao nhất trong vòng 5 năm qua. Con số này còn vượt mức của năm 2018, thời điểm trước khi Công ty Mẹ thực hiện tăng vốn điều lệ (2019), phản ánh rõ nét hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời bền vững.

Tổng Doanh thu Công ty Mẹ giai đoạn 2020 - 2024

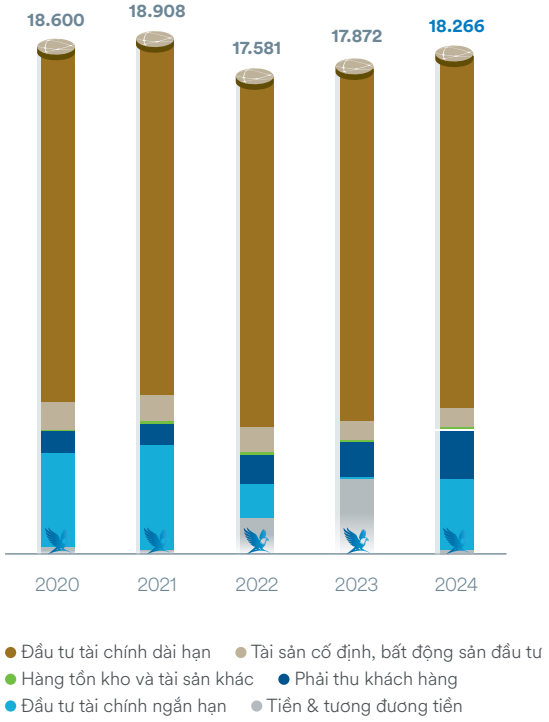


Quy mô tài sản Công ty Mẹ

Năm 2024, tổng tài sản của Công ty Mẹ ghi nhận mức tăng nhẹ so với năm 2023, với giá trị tăng thêm gần 400 tỷ đồng, chủ yếu đến từ khoản phải thu liên quan đến hoạt động đầu tư. Trong vai trò là Công ty Mẹ của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm, các khoản đầu tư tài chính dài hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản, tập trung chủ yếu vào các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và liên kết.

Năm 2022, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện chi trả cổ tức hơn 2.246 tỷ đồng bằng tiền, khiến quy mô tài sản từ năm 2022 giảm nhẹ so với các năm trước.

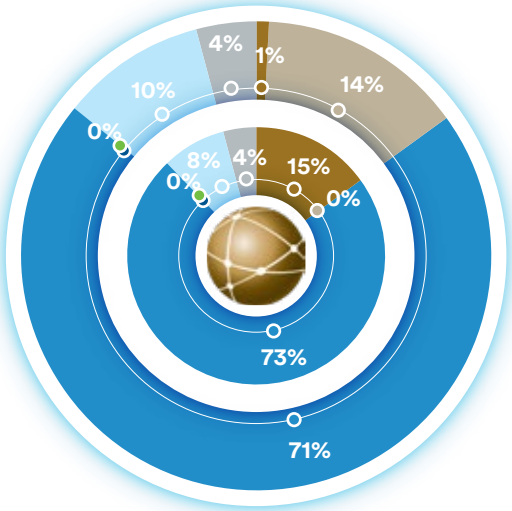
Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2020-2024
(ĐVT: Tỷ đồng)



Cơ cấu tài sản Công ty Mẹ

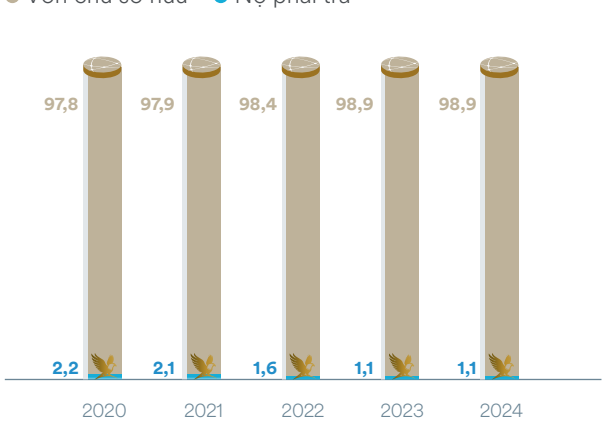
Về cơ cấu kỳ hạn, tài sản dài hạn tiếp tục chiếm ưu thế trong tổng tài sản của Công ty Mẹ, với tỷ trọng lên tới 75%, trong đó phần lớn là các khoản đầu tư tài chính dài hạn, đặc biệt là đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và liên kết.

Xét theo danh mục đầu tư, các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết vẫn là hạng mục chủ lực, giữ vị trí dẫn đầu về giá trị và tỷ trọng với gần 13.000 tỷ đồng, tương đương khoảng 71% tổng giá trị tài sản. Trong năm 2024, cơ cấu tài sản cũng ghi nhận sự điều chỉnh nhất định với sự chuyển dịch tỷ trọng từ tiền mặt và tương đương tiền sang tiền gửi, nhằm tận dụng cơ hội từ biến động lãi suất và đảm bảo cân đối dòng tiền phục vụ nhu cầu thanh toán của Công ty Mẹ.

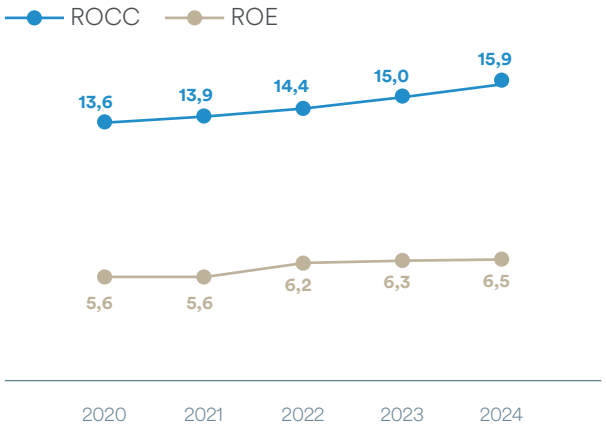


NGUỒN VỐN

Cơ cấu nguồn vốn Công ty Mẹ giai đoạn 2020-2024
(ĐVT: %)



Các tỷ suất sinh lời Công ty Mẹ giai đoạn 2020-2024
(ĐVT: %)



Tiềm lực tài chính của Công ty Mẹ tiếp tục được củng cố vững chắc, thể hiện qua tỷ lệ Vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn luôn được duy trì ổn định ở mức cao, khẳng định nền tảng tài chính bền vững và khả năng đáp ứng các cam kết dài hạn.

Trong bối cảnh thị trường bảo hiểm và nền kinh tế - tài chính đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn trong năm 2024, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt vẫn tiếp tục củng cố sức mạnh tài chính, bảo toàn và duy trì tỷ lệ Vốn chủ sở hữu ở mức cao trong cơ cấu vốn. Tại 31/12/2024, tổng nguồn vốn của Công ty Mẹ đạt 18.266 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ Vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn chiếm 98,9%, giữ vững mức cao nhất, đồng thời tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu đạt mức thấp nhất trong vòng 5 năm qua.

Các khoản nợ *(bao gồm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn)* chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty Mẹ và có xu hướng giảm dần qua các năm. Tại 31/12/2024, số dư khoản nợ này còn khá nhỏ, trong đó phần nợ dài hạn là không đáng kể, tỷ lệ Nợ dài hạn/Vốn Chủ sở hữu và tỷ lệ Nợ dài hạn/Vốn điều lệ của Công ty Mẹ chỉ còn tương ứng là 0,01% và 0,02%. Tỷ lệ nợ phải trả *(bao gồm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn)*/Tổng nguồn vốn năm 2023 cũng giảm còn 1,1% so với 1,6% của năm 2022, cho thấy tiềm lực tài chính vững mạnh và liên tục được củng cố của Công ty Mẹ.

Khả năng thanh toán của Công ty Mẹ luôn duy trì ở mức an toàn cao

Nợ ngắn hạn của Công ty Mẹ được duy trì ở mức thấp và luôn chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu nguồn vốn, trong khi quy mô danh mục tài sản ngắn hạn không ngừng tăng trưởng qua các năm, do đó hệ số thanh toán luôn ổn định ở mức cao, đảm bảo tốt khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn của Công ty Mẹ.

Các tỷ suất sinh lời duy trì khả quan

Cùng với Tập đoàn, các chỉ tiêu sinh lời của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt luôn duy trì ổn định ở mức cao nhiều năm qua. Năm 2024, dù nền kinh tế đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tốt so với cùng kỳ, tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (ROCC) và Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) của Công ty Mẹ lần lượt đạt 15,9% và 6,5% - mức cao nhất trong vòng 5 năm trở lại. Đáng chú ý, Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (ROCC) thậm chí đã cao hơn mức của năm 2018 (15,0%) – trước khi thực hiện tăng vốn điều lệ năm 2019. Điều này cho thấy hiệu quả kinh doanh của Công ty Mẹ luôn được duy trì tích cực, ổn định và bền vững, ngay cả trong bối cảnh nền kinh tế năm 2024 gặp nhiều thách thức từ các ảnh hưởng của nền kinh tế, địa chính trị toàn cầu.

Kết thúc năm 2024, với sự đồng lòng và nỗ lực không ngừng trên toàn hệ thống, trên tinh thần hướng tới kỷ niệm 60 năm thành lập và thực hiện thông điệp năm "Khát vọng vươn mình", Tập đoàn Bảo Việt đã vượt qua các bất ổn và thách thức của nền kinh tế để tiếp tục khẳng định vai trò đầu tàu trên thị trường Tài chính – Bảo hiểm Việt Nam, đồng thời ghi nhận sự đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của ngành, của nền kinh tế chung với nhiều thành tựu đáng kể: duy trì vị thế dẫn đầu; đạt kết quả tích cực trong các lĩnh vực đầu tư và chứng khoán nhờ chủ động tận dụng tốt các cơ hội đầu tư. Trong bối cảnh nền kinh tế vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức và bất ổn, các thành công này sẽ là nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn trong tương lai.

Ảnh hưởng từ chênh lệch tỷ giá đến hoạt động kinh doanh

Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Năm 2024, với giả định các yếu tố khác không đổi, tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác biến động khoảng (+/-) 10% thì lợi nhuận trước thuế hợp nhất biến động khoảng (+/-) 22 tỷ đồng.

Báo cáo thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Ngày	Nội dung	Chủ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	15/10/2007	Hoàn thành cổ phần hóa	Bộ Tài chính	444.300.000	77,54%
			HSBC Insurance (Asia Paci-fic) Holdings Limited	57.302.661	10,00%
			Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	20.400.000	3,56%
			Các cổ đông khác	51.023.944	8,90%
				573.026.605	**100%**
2	19/01/2010	Phát hành riêng lẻ cho HSBC	Bộ Tài chính	444.300.000	70,89%
			HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	112.807.635	18,00%
			Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước [1]	20.400.000	3,26%
			Các cổ đông khác	49.201.444	7,85%
				626.709.079	**100%**
3	14/01/2011	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Bộ Tài chính	482.509.800	70,91%
			HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited	122.509.091	18,00%
			Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	22.154.400	3,26%
			Các cổ đông khác	53.298.143	7,83%
				680.471.434	**100%**
4	26/06/2018	Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	Bộ Tài chính	482.509.800	68,84%
			Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life) [2]	122.509.091	17,48%
			Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	22.154.400	3,16%
			Các cổ đông khác	73.713.143	10,52%
				700.886.434	**100%**
5	18/12/2019	Phát hành riêng lẻ	Bộ Tài chính	482.509.800	65,00%
			Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life)	163.945.421	22,09%
			Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	22.154.400	2,98%
			Các cổ đông khác	73.713.143	9,93%
				742.322.764	**100%**

(1): Ngày 23/09/2009, ĐHĐCĐ Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua việc chuyển giao cổ phần của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam tại Bảo Việt cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).
(2): Ngày 26/03/2013, Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life) đã hoàn tất việc mua 18% số cổ phần từ HSBC và trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của Tập đoàn Bảo Việt với tỷ lệ sở hữu là 18% vốn điều lệ.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Đánh giá về tình hình đầu tư tài chính

Bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2021 - 2025 của Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục phát huy vai trò trung tâm quản lý, điều phối hoạt động đầu tư toàn Tập đoàn thông qua các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động đầu tư và quản lý rủi ro nhằm tạo hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ Tập đoàn, đáp ứng yêu cầu kinh doanh khi thị trường biến động. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng, từ đó đảm bảo an toàn, hiệu quả cho hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn và của từng đơn vị.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH TOÀN TẬP ĐOÀN 2024

Tại 31/12/2024, tổng nguồn vốn đầu tư toàn Tập đoàn đạt

233.095 TỶ ĐỒNG

tăng 15,2% so với thời điểm 31/12/2023.
Trong đó:

1. Đầu tư lãi suất cố định (tiền gửi, trái phiếu) đạt **221.223** TỶ ĐỒNG chiếm 94,9% tổng nguồn vốn đầu tư và tăng 15,3% so với năm 2023.
2. Đầu tư cổ phần, góp vốn đạt **7.743** TỶ ĐỒNG chiếm 3,3% tổng nguồn vốn đầu tư và tăng 13,7% so với năm 2023.
3. Đầu tư tài chính khác đạt **4.129** TỶ ĐỒNG chiếm 1,8% tổng nguồn vốn đầu tư và tăng 8,0% so với năm 2023.



Cơ cấu danh mục đầu tư toàn Tập đoàn tại 31/12/2024

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2023		So sánh 2024/2023
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
I.	**Đầu tư lãi suất cố định**	**221.223**	**94,9%**	**191.787**	**94,7%**	**15,3%**
1.	Tiền gửi	125.854	54,0%	112.306	55,5%	12,1%
2.	Trái phiếu	95.369	40,9%	79.481	39,3%	20,0%
II.	**Đầu tư cổ phần, góp vốn**	**7.743**	**3,3%**	**6.808**	**3,4%**	**13,7%**
III.	**Đầu tư tài chính khác**	**4.129**	**1,8%**	**3.823**	**1,9%**	**8,0%**
	Tổng cộng	**233.095**	**100%**	**202.418**	**100%**	**15,2%**

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024



Tình hình đầu tư tài chính Công ty Mẹ 2024

Tại 31/12/2024,
tổng nguồn vốn đầu tư của Công ty Mẹ là

15.797 TỶ ĐỒNG

giảm 0,2% so với 31/12/2023

Tổng doanh thu hoạt động đầu tư
năm 2024 đạt

1.335 TỶ ĐỒNG

Trong năm Công ty Mẹ đã thực hiện
chi trả hơn

745 TỶ ĐỒNG

cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10,037%
trên mệnh giá cổ phiếu.

Cơ cấu danh mục đầu tư Công ty Mẹ tại 31/12/2024

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2023		So sánh 2024/2023
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
I.	**Đầu tư lãi suất cố định**	**2.724**	**17,2%**	**2.755**	**17,4%**	**-1,1%**
1.	Tiền gửi	2.724	17,2%	2.755	17,4%	-1,1%
2.	Trái phiếu	0	0,0%	0	0,0%	
II.	**Đầu tư cổ phần, góp vốn**	**13.073**	**82,8%**	**13.073**	**82,6%**	**0%**
	Tổng cộng	**15.797**	**100%**	**15.828**	**100%**	**-0,2%**

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2024



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tập đoàn tiếp tục ưu tiên tập trung vào các ngành nghề cốt lõi. Tính đến hết 31/12/2024, tổng giá trị đầu tư vào 04 Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ đạt 9.201 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 58,2% tổng nguồn vốn đầu tư của công ty Mẹ. Giá trị đầu tư vào từng công ty con cụ thể như sau:

Hoạt động đầu tư vào 04 Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ: Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi

ĐVT: Tỷ đồng

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Bảo Việt	Tổng cộng
Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)
6.000	2.900	100	201	9.201

Bảo Việt là doanh nghiệp có cả dịch vụ bảo hiểm nhân thọ và dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ hai lần liên tiếp được vinh danh Thương hiệu quốc gia, thể hiện vị thế của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam;



Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục lần thứ 8 là đơn vị dẫn đầu **TOP 10 Công ty bảo hiểm nhân thọ uy tín Việt Nam 2024** theo đánh giá của Vietnam Report và được vinh danh với cú đúp giải thưởng **"Doanh nghiệp xuất sắc 2024"** và **"Thương hiệu truyền cảm hứng 2024"** tại Lễ trao giải Doanh nghiệp Châu Á – Thái Bình Dương 2024. Ngoài ra, Bảo Việt Nhân thọ còn được Global Banking and Finance Review trao tặng giải thưởng: **"Công ty Bảo hiểm nhân thọ tốt nhất Việt Nam 2024"** và **"Công ty Bảo hiểm nhân thọ mang tới sự hài lòng và hạnh phúc cho khách hàng"**.





Bảo hiểm Bảo Việt đã vinh dự nhận giải thưởng **"60 Years of Excellence Awards Insurance Vietnam 2024"** từ Global Banking & Finance Review. Đây là một trong những giải thưởng danh giá trong lĩnh vực tài chính toàn cầu, nhằm tôn vinh các tổ chức có thành tích vượt trội và ảnh hưởng tích cực trên thị trường trong suốt nhiều thập kỷ hoạt động.

Danh mục các dự án góp vốn của Công ty Mẹ tại 31/12/2024

Các dự án góp vốn của Công ty mẹ tập trung vào những nhóm ngành chính là bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán và quản lý quỹ; chiếm tỷ trọng 91,5% danh mục đầu tư cổ phần, góp vốn.

Ngành	Vốn góp (Tỷ đồng)		Tỷ trọng	
	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2023
Bảo hiểm	9.117	9.117	69,7%	69,7%
Ngân hàng	1.564	1.564	12,0%	12,0%
CK, QLQ	1.277	1.277	9,8%	9,8%
BĐS	426	426	3,3%	3,3%
Khác	691	691	5,3%	5,3%
Tổng cộng	**13.074**	**13.074**	**100%**	**100%**

Kết quả đầu tư Công ty Mẹ tại 31/12/2024

Lợi nhuận được nhận từ 04 công ty con năm 2024 đạt

1.081,1 TỶ ĐỒNG

vượt 3% kế hoạch năm 2024.

Hoạt động đầu tư tự doanh: Vượt kế hoạch

Năm 2024, hoạt động đầu tư tự doanh của Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được những kết quả khả quan, với mức tăng trưởng cao về doanh thu, góp phần quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021 - 2025.

Hoạt động đầu tư lãi suất cố định

Tập đoàn đã bám sát diễn biến lãi suất thị trường, kế hoạch dòng tiền để thực hiện tái đầu tư nguồn vốn nhàn rỗi với kỳ hạn phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư;

Doanh thu đầu tư lãi suất cố định đạt 104 tỷ đồng, vượt 4% kế hoạch năm 2024.

Hoạt động đầu tư cổ phần, góp vốn

Doanh thu đầu tư cổ phần, góp vốn đạt 151 tỷ đồng, vượt 5% kế hoạch năm 2024.

Tập đoàn phát huy vai trò trung tâm quản lý, điều phối hoạt động đầu tư

Bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2021 - 2025 của Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động đầu tư theo chuỗi giá trị và quản lý rủi ro nhằm tạo hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, quy định nội bộ Tập đoàn, đồng thời gia tăng độ mở cho các lớp tài sản của Tập đoàn, đáp ứng yêu cầu kinh doanh khi thị trường biến động. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng tiếp tục tái cơ cấu danh mục đầu tư tài chính và triển khai mô hình đầu tư theo chuỗi giá trị nhằm tận dụng được thế mạnh của từng đơn vị và lợi thế quy mô nguồn vốn của toàn Tập đoàn, phát huy lợi thế cạnh tranh của Bảo Việt.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Với quy mô tổng tài sản hàng đầu trên thị trường bảo hiểm, Tập đoàn Bảo Việt tăng cường đầu tư trở lại nền kinh tế với định hướng đầu tư tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và các bên liên quan.

Danh mục đầu tư cổ phần, góp vốn của Bảo Việt tập trung vào các ngành bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính, đây cũng là những ngành nghề thân thiện với môi trường. Trong năm qua, Bảo Việt luôn tuân thủ các tiêu chí liên quan đến vấn đề Quản trị - Xã hội - Môi trường trong quá trình quản lý dự án đầu tư và đầu tư cổ phần, góp vốn.

Là doanh nghiệp tiên phong trong phát triển bền vững, Bảo Việt tin rằng các vấn đề về cơ chế quản trị công ty, môi trường và xã hội là một phần quan trọng để đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn. Do đó, bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả, Bảo Việt cũng luôn chú trọng tới các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình thẩm định, lựa chọn phương án đầu tư và tiếp tục duy trì việc áp dụng Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm khi rà soát các dự án đầu tư vốn lớn.

Tháng 12/2024, Bảo Việt một lần nữa ghi dấu ấn khi được công nhận trong Bảng xếp hạng tính bền vững doanh nghiệp toàn cầu (CSA) do S&P Global thực hiện. Để được đánh giá trong bảng xếp hạng DJSI, Bảo Việt cần đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt trên nhiều yếu tố như: sức khỏe tài chính doanh nghiệp, giá trị cổ phiếu, tính minh bạch, hoạt động bền vững của doanh nghiệp...

Năm 2024, Bảo Việt đã cải thiện 3 bậc trong bảng điểm đánh giá so với năm 2023 và đạt điểm cao hơn 67% các doanh nghiệp khác trong nhóm ngành bảo hiểm (gồm 234 doanh nghiệp toàn cầu đủ điều kiện tham gia). Những nỗ lực cải thiện trong năm của Bảo Việt bao gồm: Chiến lược giảm phát thải khí nhà kính, Quản trị rủi ro, Quản trị an toàn bảo mật trong công nghệ thông tin; Đánh giá các vấn đề trọng yếu của doanh nghiệp và các hoạt động chăm sóc người lao động, chăm sóc khách hàng. Những điểm cải thiện này đã được các chuyên gia của S&P Global đánh giá cao và đưa vào cơ sở dữ liệu để xem xét cho các danh mục đầu tư bền vững tiềm năng.

Trong thời gian tới, Bảo Việt tiếp tục định hướng ưu tiên phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi - vừa để đảm bảo sự phát triển bền vững của Bảo Việt, vừa góp phần giảm thiểu những tác động gây hại tới môi trường.

GẮN KẾT YẾU TỐ

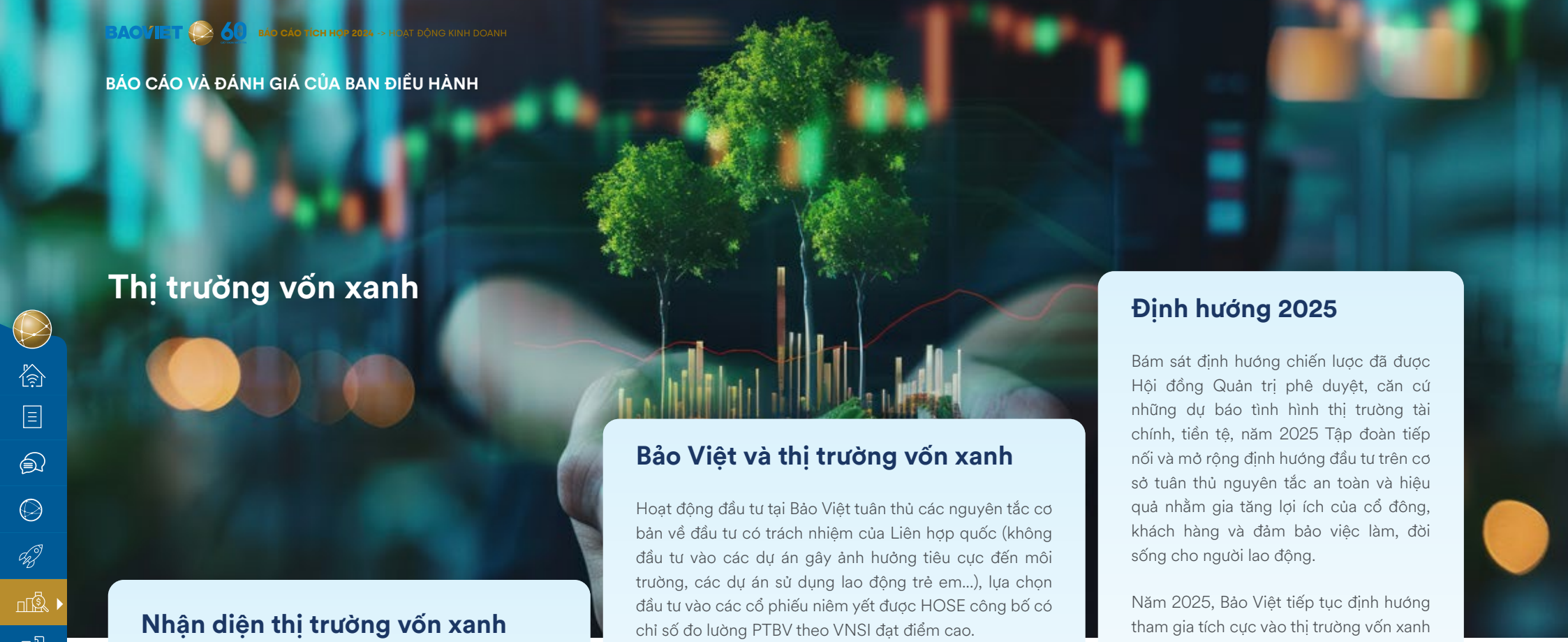


trong hoạt động đầu tư

5 nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm mà Bảo Việt đang áp dụng cho các dự án đầu tư bao gồm:

- **Nguyên tắc 1**: Gắn kết vấn đề ESG trong các quy trình phân tích đầu tư và đưa ra quyết định đầu tư
- **Nguyên tắc 2**: Gắn kết ESG trong các vấn đề liên quan đến quyền lợi của chủ đầu tư
- **Nguyên tắc 3**: Xây dựng quy chế công bố thông tin phù hợp đối với vấn đề ESG tại các doanh nghiệp mà Bảo Việt đầu tư
- **Nguyên tắc 4**: Hợp tác với các tổ chức tài chính khác để đẩy mạnh hiệu quả triển khai
- **Nguyên tắc 5**: Thực hiện báo cáo các hoạt động triển khai

Thị trường vốn xanh



Nhận diện thị trường vốn xanh

Tăng trưởng xanh được xác định là điểm nhấn quan trọng trong chính sách phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới nhằm hướng tới sự phát triển bền vững. Không đứng ngoài nỗ lực này, thị trường tài chính Việt Nam đang nỗ lực nghiên cứu chính sách, tìm kiếm các giải pháp khả thi nhằm thúc đẩy phát triển thị trường vốn xanh. Sự chuyển dịch từ các thị trường vốn truyền thống sang thị trường vốn xanh được xem là bước tiến quan trọng, nhằm tạo ra kênh tài chính có sức ảnh hưởng lớn phục vụ tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam và hướng tới phát triển bền vững.

Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp lớn tiên phong nghiên cứu và tìm kiếm các cơ hội hỗ trợ về tài chính hướng đến tăng trưởng xanh thông qua việc cắt giảm khí phát thải nhà kính, ô nhiễm môi trường, sản xuất xanh...

Bảo Việt và thị trường vốn xanh

Hoạt động đầu tư tại Bảo Việt tuân thủ các nguyên tắc cơ bản về đầu tư có trách nhiệm của Liên hợp quốc (không đầu tư vào các dự án gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, các dự án sử dụng lao động trẻ em...), lựa chọn đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết được HOSE công bố có chỉ số đo lường PTBV theo VNSI đạt điểm cao.

Bảo Việt mong muốn tham gia cùng Ủy Ban chứng khoán và các bên liên quan xây dựng và triển khai được một khuôn khổ định hướng về tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh cho các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, để doanh nghiệp vừa duy trì được hoạt động kinh doanh hiệu quả, vừa đảm bảo lợi ích môi trường và xã hội. Trên cơ sở đó giúp thị trường vốn xanh phát triển bền vững.

Với tư cách là thành viên trong Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA), Bảo Việt cam kết tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, hội thảo liên quan đến thị trường trái phiếu xanh và mong muốn cộng tác cùng các bên liên quan nghiên cứu sửa đổi các chính sách để thị trường trái phiếu xanh ngày càng phát triển hơn.

Định hướng 2025

Bám sát định hướng chiến lược đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt, căn cứ những dự báo tình hình thị trường tài chính, tiền tệ, năm 2025 Tập đoàn tiếp nối và mở rộng định hướng đầu tư trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động.

Năm 2025, Bảo Việt tiếp tục định hướng tham gia tích cực vào thị trường vốn xanh thông qua việc cân nhắc lựa chọn các sản phẩm, công cụ tài chính xanh như: đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết được HOSE công bố có chỉ số đo lường PTBV theo VNSI đạt điểm cao, đầu tư xây dựng các tòa nhà xanh.... Định hướng này nhằm khẳng định mạnh mẽ cam kết của Bảo Việt trong việc đồng hành cùng khách hàng, cổ đông và cộng đồng trên hành trình xây dựng một tương lai bền vững cho tất cả. Bảo Việt không chỉ là người bảo vệ tài chính, mà còn là người kết nối giữa cộng đồng và thiên nhiên, cùng nhau lan tỏa ý thức gìn giữ bản sắc tự nhiên, gìn giữ môi trường vì một cộng đồng khỏe mạnh, vì một hành tinh xanh.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chính sách phát triển

Nguồn nhân lực

Bảo Việt luôn trân trọng và ý thức rằng những giá trị do mỗi thành viên tạo ra đều đóng góp vào thành công chung của doanh nghiệp nên chú trọng cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách phát triển nguồn nhân lực, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Chúng tôi không phân biệt vị trí, độ tuổi, giới tính, trình độ, địa vị xã hội, tính cách, phong cách sống, quá trình tư duy, kinh nghiệm làm việc, nguồn gốc dân tộc, tôn giáo...của người lao động. Triết lý và định hướng trong quản trị điều hành đó là nền tảng để Bảo Việt xây dựng một môi trường làm việc năng động, minh bạch, công bằng và thân thiện. Mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, cống hiến, được tổ chức ghi nhận, học tập, rèn luyện, khẳng định bản thân để thành công và phát triển sự nghiệp tại Bảo Việt.



Lực lượng lao động tại Bảo Việt



Năm 2024, số lượng lao động của Bảo Việt là

6.470 NGƯỜI

Cơ cấu lao động đảm bảo cân đối, hợp lý về giới tính và độ tuổi; tiếp tục duy trì đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu

Năm 2024, số lượng lao động của Bảo Việt là 6.470 người, ổn định, tương đương năm 2023 (6.481 người). Cơ cấu lao động đảm bảo cân đối, hợp lý về giới tính và độ tuổi; tiếp tục duy trì đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, trong đó: Trình độ đại học và trên đại học chiếm 91,9%, còn lại là cao đẳng, trung cấp 8,1%. Lao động làm việc trong các phòng ban, bộ phận liên quan đến các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ, tin học (STEM - Science, Technology, Engineering, Mathamatics) là: 214 người, chiếm 3,3% tổng số lao động, tương đương năm 2023.

Cơ cấu cán bộ quản lý trong tổng số lao động của Bảo Việt duy trì ở mức hợp lý, phù hợp với yêu cầu kinh doanh, mô hình cơ cấu tổ chức và thông lệ thị trường. Số lượng cán bộ quản lý của Bảo Việt là 1.887 người, chiếm 29,2% tổng số lao động, trong đó: cán bộ quản lý cấp cao là 46 người, chiếm 0,7%, cán bộ quản lý cấp trung là 521 người, chiếm 8,1%, cán bộ quản lý khác là 1.320 người, chiếm 20,4%; cán bộ giữ chức vụ quản lý trong các phòng ban, bộ phận trực tiếp tạo ra doanh thu là 952 người, chiếm 14,7% tổng số lao động.

THỐNG KÊ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO CÁC TIÊU CHÍ

Các tiêu chí		Số lượng cán bộ	Tỷ lệ
Dân tộc	Kinh	6.357	98,3%
	Thiểu số	113	1,7%
Quốc gia	Việt Nam	6.470	100%
	Nước ngoài	0	0%
Trình độ đào tạo	Trên Đại học	594	9,2%
	Đại học	5.349	82,7%
	Cao đẳng	236	3,6%
	Khác	291	4,5%
Giới tính	Nam	3.306	51,1%
	Nữ	3.164	48,9%
Độ tuổi	Dưới 30	849	13,1%
	30 đến 50	4.727	73,1%
	Trên 50	895	13,8%
Khu vực	Bắc	3.398	52,5%
	Trung	1.240	19,2%
	Nam	1.832	28,3%
Cấp quản lý	Quản lý cấp cao	46	0,7%
	Quản lý cấp trung	526	8,1%
	Quản lý khác	1.329	20,4%
	Quản lý trong phòng/ ban tạo ra doanh thu	952	14,7%
	Nhân viên	4.573	70,7%
Lĩnh vực STEM	Trong đó:	214	3,3%
	Nữ	58	0,9%
	Nam	156	2,4%

Tuyển dụng lao động

Trong thời đại công nghệ 4.0, xu hướng và phương thức tìm kiếm việc làm của lực lượng lao động trẻ thay đổi, Bảo Việt đã chủ động thích ứng, đa dạng hóa các kênh tuyển dụng gắn với chuyển đổi số, cải tiến, tối ưu hóa quy trình tuyển dụng để tiếp cận, sàng lọc, đánh giá và lựa chọn ứng viên nhanh chóng, thực tế và hiệu quả hơn.

Năm 2024, Bảo Việt tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác tuyển dụng đội ngũ cán bộ trẻ, có trình độ chuyên môn cao, có thái độ và hành vi phù hợp với yêu cầu công việc, bổ sung đội ngũ quản lý cấp thực thi, chuyên viên nghiệp vụ, môi giới, tư vấn viên tài chính để thúc đẩy hoạt động quản lý, phát triển, bán hàng và hỗ trợ kinh doanh, nghiệp vụ môi giới tài chính, bảo hiểm phù hợp với định hướng chiến lược và mục tiêu kinh doanh của Bảo Việt, các vị trí tuyển dụng khác chủ yếu là bổ sung thay thế các cán bộ nghỉ việc, hưu trí và/hoặc cán bộ có hiệu quả làm việc chưa đạt yêu cầu.



Trong năm, Bảo Việt tuyển dụng được 326 người, giảm 36 người, tương ứng 5,2% so với tổng số lao động năm 2024, bằng 90,1% so với năm 2023. Trong đó, số cán bộ được tuyển dụng từ nguồn bên ngoài Bảo Việt là 284 người, chiếm 87%, từ nguồn nội bộ là 42 người, chiếm 13%. Cơ cấu tuyển dụng phù hợp với yêu cầu của vị trí tuyển dụng, trong đó: 97% lao động là dân tộc Kinh, 3% lao động là dân tộc thiểu số; Nam chiếm 55%, Nữ chiếm 45%; lao động trẻ có tuổi đời dưới 30 tuổi chiếm đa số với 54%, lao động trong độ tuổi từ 30 đến 50 tuổi chiếm 44%, 2% là lao động trên 50 tuổi. Tính theo vùng miền, các đơn vị thuộc miền Bắc tuyển dụng nhiều nhất, chiếm 49%, tiếp đến là miền Nam 33% và miền Trung là 17%. Số cán bộ quản lý được tuyển dụng trong năm là 21 người, tương ứng 6% tổng số lao động được tuyển dụng. Tổng chi phí tuyển dụng của Bảo Việt năm 2024 là 700 triệu đồng, tương đương năm 2023, bao gồm: chi phí đăng tin tuyển dụng trên website và các nền tảng mạng xã hội, chi phí quảng cáo và chi phí ngày hội việc làm.

Ngoài ra, Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) - đơn vị thành viên của Tập đoàn tiếp tục đẩy mạnh xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng để có thể thu hút được nhiều ứng viên có chất lượng hơn trong công tác tuyển dụng. Theo đó, Công ty đã đẩy mạnh việc hợp tác với các trường Đại học thông qua các hoạt động như: Ký kết Biên bản Hợp tác MOU với Trường Đại học Văn Lang và tổ chức Workshop "Kích hoạt tương lai" dành cho hơn 500 sinh viên Đại học Văn Lang; năm thứ 3 liên tiếp BVSC đồng hành cùng chương trình Ngày hội việc làm 2024 tại trường Đại học Tôn Đức Thắng; Tổ chức Workshop "Mở khóa ngành Ngân hàng - Tài chính - Đón bước tương lai" dành cho các sinh viên năm thứ tư của Học viện Ngân hàng; Tham gia Sự kiện Career Fair tại Đại học Ngoại thương; Tổ chức các buổi office tour dành cho các sinh viên trường Đại học Thương Mại, Đại học Luật Hà Nội, Đại học Kinh tế quốc dân, Cao đẳng Việt Mỹ, học viên của SAPP Acadamy,... Năm 2024, BVSC tiếp tục tham gia chương trình khảo sát "Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam" do Anphabe tổ chức, và đây là năm thứ 4 liên tiếp BVSC được vinh danh TOP 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam - khối doanh nghiệp vừa.



Biến động lao động

Năm 2024, số lao động thôi việc tại Bảo Việt là 329 người, chiếm tỷ lệ 5,2% so với tổng số lao động, thấp hơn 0,1% so với năm 2023 khi tình hình kinh doanh của toàn hệ thống đã ổn định, tiếp tục cho thấy các chính sách thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực của Bảo Việt có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu kinh doanh và chiến lược phát triển bền vững của hệ thống.

Tỷ lệ thôi việc		Số lượng lao động thôi việc năm 2024		Số lượng lao động thôi việc năm 2023	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Độ tuổi	<30	65	1,0%	69	1,1%
	30-50	174	2,8%	191	2,9%
	>50	90	1,4%	82	1,3%
Giới tính	Nam	206	3,3%	188	2,9%
	Nữ	123	1,9%	154	2,4%
Khu vực	Bắc	136	2,2%	163	2,5%
	Trung	68	1,1%	63	1,0%
	Nam	125	2,0%	116	1,8%
Cấp quản lý	Cao	4	0,1%	0	0,0%
	Trung	28	0,4%	0	0,0%
	Khác	45	0,7%	48	0,7%
Tổng		**329**	**5,2%**	**342**	**5,3%**

Hệ thống chính sách của Bảo Việt

Bảo Việt luôn nỗ lực cải thiện hệ thống chính sách phúc lợi, đem tới môi trường làm việc bình đẳng, thân thiện, chuyên nghiệp và nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn lao động và an toàn tài chính cho đội ngũ cán bộ nhân viên, cụ thể:

- Các loại hình bảo hiểm Phi nhân thọ để bảo vệ sức khỏe và an toàn tài chính trước các rủi ro về sức khỏe cho cán bộ nhân viên và người thân bao gồm: Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm kết hợp con người (Healthcare), Bảo hiểm sức khỏe cho người thân, Bảo hiểm kết hợp con người và Bảo hiểm Bệnh ung thư (K-Care).
- Các loại hình bảo hiểm Nhân thọ đã triển khai bao gồm: Bảo hiểm An nghiệp thành công, Bảo hiểm An phát trọn đời và Hưu trí vững nghiệp tại Tập đoàn Bảo Việt và một số đơn vị thành viên nhằm thu hút, duy trì, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, đảm bảo nguồn nhân lực của Tập đoàn phát triển bền vững, gắn bó lâu dài, yên tâm phát triển sự nghiệp tại Tập đoàn, đồng thời giúp cho người được bảo hiểm nâng cao đời sống, có thêm thu nhập bổ sung ổn định ngoài phần lương hưu, đảm bảo cuộc sống thư thái, độc lập về tài chính, có khả năng tiếp tục trợ giúp người thân sau khi nghỉ hưu và bảo vệ trước những rủi ro trong cuộc sống và trong quá trình làm việc.

Năm 2024, Bảo Việt vẫn tiếp tục thể hiện sự quan tâm đến sức khỏe của người lao động thông qua việc thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các cơ sở khám, chữa bệnh uy tín và có chất lượng dịch vụ cao tại Phòng khám đa khoa Nhật Bản T-Matsuoka

Với thế mạnh về sản phẩm bảo vệ khách hàng trước các rủi ro về sức khỏe, Bảo Việt thường xuyên tổ chức các chương trình tư vấn với sự tham gia của các chuyên gia và bác sỹ dành cho khách hàng nội bộ và cán bộ nhân viên nhằm tăng cường các kiến thức bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là đối với lao động nữ.

Đối với các cán bộ đã nghỉ hưu, ngoài việc tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp Quốc tế Người cao tuổi 10/10; Tết Nguyên Đán, Bảo Việt vẫn duy trì mua bảo hiểm kết hợp con người hàng năm với mức trách nhiệm bồi thường là 20.000.000 đồng/người.

Chế độ nghỉ thai sản dành cho người lao động

Bảo Việt áp dụng chính sách nghỉ thai sản đối với người lao động (cả nam và nữ) tuân thủ quy định của pháp luật lao động và vận dụng chính sách khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm sức khỏe và các loại bảo hiểm gia tăng khác; đồng thời người lao động vẫn được bình xét thi đua hằng năm, xét nâng lương định kỳ và được đánh giá hiệu quả làm việc làm cơ sở xét thưởng hiệu quả làm việc hằng năm và các chế độ phúc lợi có liên quan.



Năm 2024, số lao động thực tế nghỉ thai sản là 183 người, trong đó: lao động Nam có vợ sinh con được nghỉ thai sản là 32 người, lao động Nữ nghỉ sinh con là 151 người. Tính đến hết ngày 31/12/2024, 180 lao động đã quay trở lại làm việc, tương ứng 98,4% tổng số lao động nghỉ thai sản. Bảo Việt cam kết và luôn đảm bảo việc làm đầy đủ cho số lao động nghỉ thai sản được trở lại làm việc tại vị trí cũ sau khi kết thúc thời gian nghỉ.

Ngoài việc đảm bảo cho người lao động yên tâm nghỉ ngơi và phục hồi sức khỏe sau khi sinh và để có đủ sức khỏe cần thiết để tiếp tục làm việc theo yêu cầu của tổ chức sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản, chính sách nghỉ thai sản còn giúp người lao động yên tâm về tài chính và tạo điều kiện tốt nhất hỗ trợ người lao động chăm sóc con cái.

Bên cạnh đó, để tạo điều kiện tối đa cho người lao động có thời gian chăm sóc con cái, sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản và đi làm lại, lao động nữ được Bảo Việt tạo điều kiện rút ngắn thời gian làm việc 1 giờ/ngày so với các lao động khác đến khi nuôi con đủ 12 tháng tuổi. Lao động nữ có thể đăng ký đi làm muộn hoặc về sớm so với thời gian làm việc tiêu chuẩn theo quy định của Bảo Việt và đảm bảo rằng tổng số giờ đi muộn và/hoặc về sớm không vượt quá 1 giờ theo quy định của Bảo Việt và pháp luật lao động.

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về mọi mặt hoạt động của Bảo Việt

Năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục thực hiện triển khai chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2035. Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng Giám đốc, sự nỗ lực của tập thể Ban Điều hành, Tập đoàn Bảo Việt với tinh thần hợp lực, đoàn kết, cùng các ĐVTV quyết liệt triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp, tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại để đạt được những thành quả tích cực trong năm 2024. Bảo Việt tiếp tục khẳng định Thương hiệu số 1 trên thị trường Tài chính bảo hiểm Việt Nam, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế Quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành.



Đánh giá công tác điều hành hoạt động kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2024

56.875 TỶ ĐỒNG

hoàn thành 101,4% kế hoạch

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất

2.194 TỶ ĐỒNG

hoàn thành 118,0% kế hoạch năm

Tổng doanh thu Công ty Mẹ năm 2024

1.693 TỶ ĐỒNG

hoàn thành 102,8% kế hoạch năm

Về kết quả kinh doanh hợp nhất

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt đạt 56.875 tỷ đồng, hoàn thành 101,4% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 2.194 tỷ đồng, hoàn thành 118,0% kế hoạch năm, tăng 16,6% so năm 2023.



Về kết quả kinh doanh Công ty Mẹ

Tổng doanh thu Công ty Mẹ năm 2024 đạt 1.693 tỷ đồng, hoàn thành 102,8% kế hoạch năm, tăng trưởng 7,5% so với năm 2023; Lợi nhuận sau thuế đạt 1.180 tỷ đồng, hoàn thành 102,6% kế hoạch năm, tăng trưởng 5,7% so với năm 2023; Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt 15,9%. Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn đều hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh được giao.

Năm 2024 là một năm đầy thách thức, khó khăn đối với thị trường tài chính – bảo hiểm trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô trong, ngoài nước đều không thuận lợi. Thị trường bảo hiểm còn chịu thêm tác động kép từ bất ổn do khủng hoảng niềm tin khách hàng, cùng với nhiều tổn thất lớn xảy ra vào cuối năm. Trong bối cảnh này, nhờ kịp thời triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp, tăng cường áp dụng công nghệ, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã rất nỗ lực, ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2024 tăng trưởng tốt so cùng kỳ, hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm tiếp tục thuộc top dẫn đầu về thị phần tổng doanh thu phí cả lĩnh vực nhân thọ và phi nhân thọ.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra trong năm 2024

Bên cạnh những kết quả đạt được về các chỉ tiêu kinh doanh, năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt đã quyết liệt thực hiện những giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả của các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tăng cường hợp tác nội bộ, nâng cao tính chuyên nghiệp và khẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu của Bảo Việt.

Các kết quả đã đạt được trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 như sau:

- Hoàn thành các nhiệm vụ năm 2024 đã đề ra theo hướng hiệu quả, bền vững; Nâng cao năng lực tài chính cho Tập đoàn và các ĐVTV.
- Đề án hợp lực với trọng tâm là dự án bán chéo bảo hiểm, hợp lực cung cấp/sử dụng sản phẩm, dịch vụ nội bộ, các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, trụ sở dùng chung, và truyền thông thương hiệu đã phát huy hiệu quả tích cực, đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của toàn Tập đoàn.
- Hoà cung xu thế cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Bảo Việt đã hiện đại hóa hệ thống giao tiếp với khách hàng trên nền tảng công nghệ số, trực tuyến, tạo ra những khác biệt về dịch vụ, sản phẩm. Tiếp tục phát triển các phần mềm, đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ công tác quản trị, điều hành.
- Hoạt động truyền thông thương hiệu, marketing hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động bán hàng, quản lý tốt khủng hoảng truyền thông. Đặc biệt, Tập đoàn và các đơn vị nhận được nhiều giải thưởng danh giá trong và ngoài nước.
- Bộ máy tổ chức được hoàn thiện theo hướng hiệu quả, chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao, thực hiện đánh giá hiệu quả công việc bằng các chỉ tiêu KPI, xây dựng chính sách lương, thưởng công bằng, hiệu quả.
- Đa dạng hóa sản phẩm; Phát huy hiệu quả các kênh phân phối truyền thống, đẩy mạnh phát triển kênh phân phối mới: trực tuyến, thương mại điện tử, telesales, bán chéo...; Mở rộng mạng lưới; Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, tạo sự khác biệt.

Định hướng hoạt động trong năm 2025

Trong năm 2025, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, vượt qua các khó khăn, thử thách do thiên tai, đại dịch gây ra, hướng tới phát triển hiệu quả và bền vững, bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2035 thông qua việc triển khai các giải pháp trọng tâm sau:



1. Tất cả các đơn vị hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh doanh năm 2025 đã đề ra theo định hướng phát triển bền vững, hiệu quả;

2. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng điểm, chú trọng triển khai các Dự án Chuyển đổi số để đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành và phát triển kinh doanh dựa trên nền tảng dữ liệu; phát triển các phần mềm trong bán hàng, dịch vụ khách hàng

3. Nâng cao vai trò quản trị, quản lý của HĐQT, Ban Điều hành; vai trò tham mưu tư vấn của các Ủy ban, Hội đồng.
   - Xây dựng văn hóa, môi trường doanh nghiệp hiện đại, tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo về quản trị doanh nghiệp
   - Hoàn thiện hành lang pháp lý: Điều lệ, hệ thống Quy chế, quy trình nội bộ
   - Nâng cao vai trò của Tập đoàn đối với các đơn vị để hoàn thành các mục tiêu chung.

4. Phủ kín hình ảnh Bảo Việt thống nhất trên toàn quốc; Đẩy mạnh Marketing, truyền thông hỗ trợ hoạt động kinh doanh. Tiếp tục phát triển, gia tăng giá trị thương hiệu Bảo Việt.

5. Tái cơ cấu tổ chức bộ máy tinh gọn hiệu quả; tăng cường điều động, luân chuyển, xây dựng đội ngũ kế cận; xây dựng cơ chế lương, thưởng phù hợp; tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

6. Phát triển sản phẩm mới, đa dạng, ưu việt, phát triển hệ thống kênh phân phối đa dạng.

Báo cáo hoạt động Đơn vị thành viên



BAOVIET Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ
TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BAOVIET Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

BAOVIET Invest
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT
CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

BAOVIET Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Dấu ấn 2024



TỔNG CÔNG TY

Bảo hiểm Bảo Việt

- Khẳng định vị trí hàng đầu về thị phần, doanh thu phí bảo hiểm và hiệu quả năm 2024
- Tăng trưởng các nghiệp vụ chủ đạo: Bảo hiểm y tế sức khỏe và bảo hiểm con người tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu, đặc biệt bảo hiểm học sinh vẫn duy trì thị phần vững chắc. Bảo hiểm tài sản kỹ thuật đã đạt được nhiều thành tựu, đặc biệt trong lĩnh vực dầu khí, hàng không
- Khẳng định ưu thế về quy mô mạng lưới, đưa dịch vụ thân thiện đến gần hơn với khách hàng; Tạo dựng hệ sinh thái bảo hiểm trọn vẹn cho khách hàng cá nhân và tổ chức
- Xử lý tổn thất bão Yagi: Đảm bảo quyền lợi của khách hàng và uy tín của Bảo hiểm Bảo Việt, thể hiện sứ mệnh và vị thế của doanh nghiệp bảo hiểm lâu đời nhất Việt Nam
- Đẩy mạnh phát triển, mở rộng các kênh phân phối mới, nhiều tiềm năng

TỔNG CÔNG TY

Bảo Việt Nhân thọ

- Duy trì vị trí dẫn đầu thị trường về thị phần doanh thu phí bảo hiểm, doanh thu khai thác mới
- Triển khai hệ thống quản lý kênh phân phối MyBVLDMS, ứng dụng công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu suất quản lý, theo dõi và cải thiện các quá trình kinh doanh
- Được vinh danh với 7 giải thưởng bởi các tổ chức uy tín trong và ngoài nước. Đặc biệt trong đó BVNT được công nhận là "Thương hiệu quốc gia" tại Lễ công bố sản phẩm đạt Thương hiệu quốc với chủ đề "Vươn mình tiến vào kỷ nguyên Xanh".
- Ký hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển với CTCP Di chuyển Xanh và thông minh Green Smart Mobility - đơn vị cho thuê phương tiện giao thông xanh và đặt xe điện đa nền tảng đầu tiên trên thế giới.
- Đồng hành cùng người dân khắc phục hậu qua do bão Yagi, BVNT đã quyên góp 430 triệu đồng chuyển tới Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, chủ động thăm hỏi, động viên các gia đình và khẩn trương thực hiện các thủ tục để giải quyết quyền lợi bảo hiểm với tổng số tiền gần 3,2 tỷ đồng cho 11 khách hàng gặp rủi ro.

CÔNG TY

Quản lý Quỹ Bảo Việt

- Hoạt động đầu tư được triển khai hiệu quả, kết quả đầu tư vượt trội, đáp ứng kỳ vọng của khách hàng
- Quy mô tổng tài sản quản lý tăng trưởng ấn tượng (~12%), đạt 140.235 tỷ đồng (tương đương 5 tỷ USD).
- Giao dịch quỹ mở sôi động, thu hút thêm nhiều nhà đầu tư cá nhân – dần khẳng định vị trí của kênh đầu tư thời đại mới
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao tính chuyên nghiệp trên mọi mảng hoạt động
- Đạt giải thưởng "Best Fund Management Company - Vietnam 2024" (Công ty quản lý quỹ Tốt nhất Việt Nam 2024) do Tạp chí International Finance trao tặng

CÔNG TY TNHH MTV

Đầu tư Bảo Việt

- Quản lý và vận hành các toà nhà của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt trên cả nước
- Khai thác, phát triển nguồn lực bất động sản của Tập đoàn Bảo Việt
- Thi công xây lắp, quản lý các công trình, dự án
- Hợp tác kinh doanh, hợp tác đầu tư trong lĩnh vực bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN

Chứng khoán Bảo Việt

- Tập trung đầu tư vào chất lượng dịch vụ, gia tăng trải nghiệm khách hàng và công tác chăm sóc khách hàng trên nền tảng số.
- Tăng cường hoạt động đào tạo, tuyển dụng thế hệ trẻ và xây dựng chính sách lương thưởng và đãi ngộ toàn diện cho người lao động.
- Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trong các lĩnh vực quản lý và vận hành khác nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm chi phí vận hành và hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh; song song chú trọng đầu tư hệ thống CNTT đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

TỔNG CÔNG TY
Bảo hiểm Bảo Việt

Tổng doanh thu (ĐVT: Tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (ĐVT: Tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (ĐVT: Tỷ đồng)	Doanh thu phí bảo hiểm gốc (ĐVT: Tỷ đồng)
11.928	363	298	10.435
KH 2025: 12.636	KH 2025: 376	KH 2025: 301	KH 2025: 11.187

Quy mô mạng lưới phân phối, cơ sở khách hàng (tính đến 31/12/2024)

Số lượng Chi nhánh: **79**
Số lượng phòng giao dịch: **800+**
Số lượng đại lý/tư vấn viên: **78.000+**
Số lượng sản phẩm: **>100 sản phẩm**
Số lượng khách hàng: **>10 triệu**
Năm thành lập: **1965**

TỔNG CÔNG TY
Bảo Việt Nhân thọ

Tổng doanh thu (ĐVT: Tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (ĐVT: Tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (ĐVT: Tỷ đồng)	Doanh thu phí bảo hiểm gốc (ĐVT: Tỷ đồng)
43.551	1.851	1.510	32.160
KH 2025: 43.130	KH 2025: 2.115	KH 2025: 1.700	KH 2025: 32.450

Quy mô mạng lưới phân phối, cơ sở khách hàng (tính đến 31/12/2024)

Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch: **76**
Số lượng văn phòng khu vực: **370**
Số lượng đại lý/tư vấn viên: **143.000**
Số lượng sản phẩm: **27**
Số lượng khách hàng: **6,4 triệu**
Năm thành lập: **1996**

CÔNG TY
Quản lý Quỹ Bảo Việt

Tổng doanh thu (ĐVT: Tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (ĐVT: Tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (ĐVT: Tỷ đồng)	Tổng tài sản quản lý (ĐVT: Tỷ đồng)
175,8	90,8	72,6	140.235
KH 2025: 190	KH 2025: 93,8	KH 2025: 75,1	(tương đương 5 tỷ USD)

Quy mô mạng lưới phân phối, cơ sở khách hàng (tính đến 31/12/2024)

Số lượng Chi nhánh: **01** Trụ sở chính tại HN, **01** văn phòng đại diện tại TP.HCM
Số lượng Quỹ: **03** quỹ mở, **01** quỹ ETF, **01** quỹ đóng
Số lượng nhà đầu tư (có số dư): **2.363**
Năm thành lập: **2005**

CÔNG TY TNHH MTV
Đầu tư Bảo Việt

Tổng doanh thu (ĐVT: Tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (ĐVT: Tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (ĐVT: Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (ĐVT: Tỷ đồng)
272	11,4	8,76	200
KH 2025: 218	KH 2025: 11,1	KH 2025: 8,8	KH 2025: 200

Quy mô mạng lưới phân phối, cơ sở khách hàng (tính đến 31/12/2024)

Sản phẩm dịch vụ: **Đầu tư bất động sản, khai thác và dịch vụ quản lý bất động sản, Thương mại Dịch vụ, Thi công Xây lắp và Quản lý dự án**
Số lượng chi nhánh: **03**
Năm thành lập: **2009**

CÔNG TY CỔ PHẦN
Chứng khoán Bảo Việt (*)

Tổng doanh thu (ĐVT: Tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (ĐVT: Tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (ĐVT: Tỷ đồng)	Thị phần (ĐVT: %)
949	247	206	2,18%
KH 2025: 845	KH 2025: 221	KH 2025: 177	KH 2025: 2,39%

Quy mô mạng lưới phân phối, cơ sở khách hàng (tính đến 31/12/2024)

Số lượng chi nhánh: **01**
Số lượng Phòng giao dịch: **08**
Số tài khoản giao dịch chứng khoán: **87.157**
Năm thành lập: **1999**

(*): Số liệu của BVSC là số liệu Doanh thu/Lợi nhuận thực hiện.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Báo cáo hoạt động

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Khẳng định vai trò là nhà bảo hiểm phi nhân thọ lâu đời và luôn dẫn đầu thị trường, Bảo hiểm Bảo Việt tiên phong trong việc xây dựng các chiến lược kinh doanh dài hạn, hiệu quả và định hướng xu thế. Những năm qua, Bảo hiểm Bảo Việt đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kinh doanh và quản trị, hướng tới xây dựng một hệ sinh thái số toàn diện, mang lại trải nghiệm thuận tiện hơn cho khách hàng và đối tác. Nhờ đó, Bảo hiểm Bảo Việt liên tục được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước, cùng khách hàng và đối tác, đánh giá cao về uy tín, tốc độ tăng trưởng, tính bền vững và khả năng dẫn dắt thị trường.



Ông **Nguyễn Hồng Tuấn**
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Giới thiệu tổng quan



Là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đầu tiên tại Việt Nam, với hơn 60 năm phát triển mạnh mẽ và liên tục giữ vững vị thế hàng đầu về doanh thu và thị phần, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt luôn tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ và các thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ thông tin. Không chỉ tập trung vào khâu bán hàng, quản lý nghiệp vụ, quản lý bồi thường, Bảo hiểm Bảo Việt còn chú trọng nâng cao trải nghiệm và tương tác nhằm mang lại sự thuận tiện tối đa cho khách hàng.

Với định hướng phát triển bền vững, mang lại sự an tâm cho khách hàng, Bảo hiểm Bảo Việt triển khai chiến lược chuyển đổi số trên tất cả các quy trình và giao dịch, giúp việc tra cứu, truy cập thông tin nhanh chóng, hiệu quả và tiết kiệm thời gian hơn. Hệ thống dữ liệu được quản lý chặt chẽ, tăng cường bảo mật và dự phòng an toàn.

Sở hữu mạng lưới kinh doanh rộng khắp trên toàn quốc, Bảo hiểm Bảo Việt không ngừng mở rộng các kênh tương tác số, trong đó có trang bán hàng trực tuyến (baovietonline.com.vn), các nền tảng đối tác số và ngân hàng, nhằm mang đến nhiều lựa chọn tối ưu cho khách hàng. Với năng lực tài chính vững mạnh, danh mục sản phẩm đa dạng, chất lượng dịch vụ vượt trội và đội ngũ nhân sự chuyên môn cao, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam.

Năm 2024, Bảo hiểm Bảo Việt nhận được rất nhiều các giải thưởng uy tín, trong đó có: Thương hiệu Quốc gia 2024 cho các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, Top 10 Bảo hiểm phi nhân thọ uy tín nhất Việt Nam, Top 10 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam năm 2024 ngành Bảo hiểm... Bảo hiểm Bảo Việt luôn trong vị trí Top đầu trên bảng danh sách mảng bảo hiểm phi nhân thọ và là sự lựa chọn của hàng chục triệu người dân Việt. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Bảo hiểm Bảo Việt luôn khẳng định vai trò là nhà bảo hiểm đóng vai trò dẫn dắt và kiến thiết thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam, với nguồn lực mạnh mẽ và thực hiện đúng cam kết của mình trước khách hàng, nhằm mang lại các lợi ích cao nhất cho khách hàng và cộng đồng.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Hoạt động kinh doanh năm 2024

Năm 2024, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục giữ vững vị trí hàng đầu trên thị trường, đảm bảo hiệu quả kinh doanh, cũng như được đánh giá là doanh nghiệp phát triển bền vững và uy tín nhất trên thị trường ngành. Cụ thể:

Tổng doanh thu năm 2024
(ĐVT: Tỷ đồng)

11.928

Doanh thu tài chính
(ĐVT: Tỷ đồng)

556

Lợi nhuận trước thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

363

Lợi nhuận sau thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

298

Doanh thu phí bảo hiểm gốc
(ĐVT: Tỷ đồng)

10.435

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ
(ĐVT: %)

10,26%

Thị phần
(ĐVT: %)

13,2%

Tổng doanh thu bán chéo năm 2024
(ĐVT: Tỷ đồng)

779

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Năm 2024 với thông điệp kinh doanh xuyên suốt "Chuẩn mực - Thích nghi - Tăng trưởng", BHBV tập trung kiểm soát rủi ro, sàng lọc dịch vụ để đảm bảo tăng trưởng một cách an toàn, đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả. Kết quả thực tế trong năm cho thấy tỷ lệ chi phí kết hợp đã giảm dưới 100%, tỷ lệ bồi thường bảo hiểm trong vòng kiểm soát. Bên cạnh đó, BHBV tiếp tục duy trì chính sách tái bảo hiểm để san sẻ rủi ro, đóng góp vào việc quản trị hiệu quả của BHBV nói riêng, cũng như của Tập đoàn nói chung.

Nghiên cứu các sản phẩm mới, phát triển và cải tiến các sản phẩm có hiệu quả: Bảo hiểm vi mô, Bảo Việt Tâm Bình, CI37, CI10, Kcare hay Bảo Việt An Gia.

Thúc đẩy triển khai các kênh bán đa dạng từ trực tiếp đến gián tiếp để khách hàng dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu và chủ động lựa chọn các gói bảo hiểm phù hợp.

Tạo dựng hệ sinh thái bảo hiểm trọn vẹn với các chương trình đa dạng dành cho cá nhân (như bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm du lịch, bảo hiểm xe cơ giới...), dành cho doanh nghiệp (như bảo hiểm tài sản, bảo hiểm nhà, bảo hiểm trách nhiệm...) để mang lại sự an tâm tới khách hàng trên mọi phương diện.

Hoạt động hợp lực bán chéo giữa Bảo hiểm Bảo Việt và các đơn vị trong hệ thống, đặc biệt là Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục khẳng định định hướng đúng đắn. Tổng doanh thu bán chéo năm 2024 ước đạt 779 tỷ đồng, mang lại những giá trị bền vững cho doanh nghiệp và cho thị trường ngành.

Liên tiếp mở rộng hợp tác bảo lãnh với rất nhiều các đối tác trong lĩnh vực y tế: Năm 2024, Bảo hiểm Bảo Việt đã tiếp tục mở rộng hợp tác bảo lãnh với 17 cơ sở y tế trên 10 địa bàn tỉnh/ thành, trong đó nhiều bệnh viện công lớn như: Bệnh viện Nhiệt đới TW cơ sở 2, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội cơ sở 2, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Nam Cu Ba Đồng Hới...), nâng tổng số cơ sở y tế bảo lãnh lên thành 250 đơn vị trên toàn quốc.

Năm 2024, Bảo hiểm Bảo Việt và Công ty TNHH Kinh doanh thương mại và dịch vụ Vinfast đã ký Biên bản ghi nhớ hợp tác chiến lược với mục tiêu: Bảo Việt sẽ thúc đẩy và ủng hộ Chương trình "Mãnh liệt tinh thần Việt Nam – Vì tương lai xanh" và chiến lược "Chuyển đổi xanh" của VinFast và hệ sinh thái của Tập đoàn Vingroup. VinFast thúc đẩy, hỗ trợ thực hiện triển khai các hoạt động liên quan, đồng thời ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ do Bảo Việt cung cấp.

Luôn sẵn sàng đổi mới và hợp tác để chinh phục khách hàng cũng như thích ứng với sự phát triển không ngừng của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt liên tục được các tổ chức trong và ngoài nước ghi nhận là thương hiệu bảo hiểm uy tín, sở hữu chất lượng dịch vụ tốt nhất châu Á.

Trước những thách thức của nền kinh tế toàn cầu và trong nước, cũng như sự biến động của thị trường bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt không chỉ kiên định với tôn chỉ "Khách hàng là trung tâm" mà còn biến thách thức thành động lực phát triển, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu đề ra. Với sứ mệnh của một doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu, Bảo hiểm Bảo Việt cam kết mang đến sự an tâm và bền vững cho các thế hệ gia đình Việt cũng như cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước.



Giữ vững vị trí dẫn đầu về doanh thu và phát triển bền vững

Nhiều năm liên tiếp, Bảo hiểm Bảo Việt khẳng định vai trò nhà bảo hiểm số 1 trên thị trường với tổng doanh thu tăng trưởng bền vững qua các năm tài chính. Bảo hiểm Bảo Việt luôn trong Top 5 Doanh nghiệp lớn toàn ngành với thị phần năm 2024 đạt hơn 13,2%. Các nghiệp vụ bảo hiểm đều đạt mức tăng trưởng nhất định, trong đó phải kể đến bảo hiểm y tế vẫn là một trong những trọng tâm phát triển của Bảo hiểm Bảo Việt trong năm 2024.

Tính đến hết năm 2024, tổng doanh thu của Bảo hiểm Bảo Việt đạt mức 11.928 tỷ đồng, duy trì mức tăng trưởng ổn định trong nhiều năm gần đây. Bảo hiểm Bảo Việt hiện được các tổ chức đánh giá uy tín ghi nhận là doanh nghiệp bảo hiểm có năng lực tài chính vững mạnh, sản phẩm đa dạng, chất lượng dịch vụ vượt trội và đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT



Khẳng định ưu thế về quy mô mạng lưới, đưa dịch vụ thân thiện đến gần hơn với khách hàng

Bảo hiểm Bảo Việt khẳng định ưu thế vượt trội về mạng lưới kinh doanh, với tổng số công ty thành viên trên toàn hệ thống là 79, cùng trên 3.000 nhân viên, gần 80.000 đại lý và hơn 800 phòng bảo hiểm khu vực trải rộng khắp các tỉnh, thành phố trên toàn quốc – là doanh nghiệp bảo hiểm có quy mô lớn nhất trên thị trường ngành tính đến thời điểm hiện tại. Bảo hiểm Bảo Việt không những là đơn vị bảo hiểm số 1 đối với khách hàng cá nhân hộ gia đình mà còn là nhà bảo hiểm hàng đầu cung cấp các giải pháp bảo hiểm trọn gói, tổng thể, chương trình quản lý rủi ro, hạn chế thấp nhất những thiệt hại cho các khách hàng tổ chức và doanh nghiệp. Với những thay đổi mạnh mẽ hướng đến hệ sinh thái số đa dạng, toàn diện, thân thiện với khách hàng, Bảo hiểm Bảo Việt đã và đang mang đến cho khách hàng một hành trình trải nghiệm mới hơn, tốt hơn với quy trình bảo hiểm dễ hiểu hơn bao giờ, được khách hàng nhiệt tình đón nhận.

Năm 2024, Bảo hiểm Bảo Việt đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong các hoạt động kinh doanh, quản trị, từ đó nâng cao uy tín thương hiệu, tính bền vững và khả năng dẫn dắt thị trường; đảm bảo hiệu quả trong doanh thu và lợi nhuận đóng góp vào bức tranh chung của Tập đoàn.



Môi trường làm việc "Tốt nhất Việt Nam" đảm bảo phát triển và lộ trình thăng tiến

Song song với các hoạt động thúc đẩy kinh doanh, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt cũng luôn đi đầu trong việc tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, mang đến cơ hội phát triển, thăng tiến và chế độ đãi ngộ tốt đối với toàn thể hơn 3.000 cán bộ nhân viên của Bảo hiểm Bảo Việt. Xuất phát từ việc luôn luôn lắng nghe để thấu hiểu những quan tâm của nhân viên, Bảo hiểm Bảo Việt đã xây dựng một tiêu chuẩn mới về nơi làm việc lý tưởng, nơi mà tất cả nhân viên nhận được cam kết quan tâm toàn diện và phát triển tối đa trong một lộ trình nghề nghiệp cá nhân, tương thưởng xứng đáng cho những đóng góp, thông qua những trải nghiệm đa dạng, những thử thách trong công việc, cơ hội học hỏi để hoàn thiện và phát triển bản thân. Năm 2024, Bảo hiểm Bảo Việt vinh dự nhận giải thưởng Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024 - Ngành bảo hiểm.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Mục tiêu và định hướng kinh doanh năm 2025

Mục tiêu kinh doanh năm 2025

Trong kỷ nguyên vươn mình của Đất nước, Bảo hiểm Bảo Việt chọn định hướng kinh doanh của 2025: **"Vững tầm vị thế - Quản trị hiệu quả"** để khẳng định vị thế người tiên phong, với mục tiêu triển khai các nghiệp vụ cốt lõi, là thế mạnh của doanh nghiệp một cách hiệu quả.

Để thực hiện được điều này, Bảo hiểm Bảo Việt hiểu rằng toàn hệ thống cần hiểu rõ vị thế, lợi thế của Doanh nghiệp bảo hiểu dẫn đầu, để phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng ngày một thay đổi. Luôn coi khách hàng là trung tâm. Phát triển vì nhu cầu và phục vụ nhu cầu của khách hàng đúng và trúng. BHBV tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng trưởng doanh thu, song hành với củng cố nguồn lực nội tại, áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào các hoạt động kinh doanh, quản trị cũng như các công tác liên quan đến chất lượng dịch vụ, công tác sau bán để cung cấp cho Khách hàng những sản phẩm, dịch vụ có khả năng đáp ứng nhu cầu cao nhất theo đúng định hướng "Khách hàng là trung tâm", giữ vững vị thế là doanh nghiệp bảo hiểm uy tín trên thị trường, cụ thể:

Tổng doanh thu 2025
(ĐVT: Tỷ đồng)

12.636

Lợi nhuận sau thuế 2025
(ĐVT: Tỷ đồng)

301

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ 2025
(ĐVT: %)

10,37%

Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu 2025
(ĐVT: %)

8,85%



Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025

Để đạt các mục tiêu trên, BHBV xây dựng các giải pháp đồng bộ và xuyên suốt, cụ thể như sau:

Quản lý tập trung, quản trị rủi ro

Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý tập trung dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin, đồng thời rà soát, điều chỉnh các quy trình, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh nhằm kiểm soát và giảm thiểu rủi ro. Công tác giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật được tăng cường, nâng cao tính minh bạch và kỷ luật trong hoạt động kinh doanh.

Phát triển kinh doanh – Quản lý và nâng cao hiệu quả nghiệp vụ, lấy khách hàng làm trung tâm

Bảo hiểm Bảo Việt đẩy mạnh phân tích dữ liệu và ứng dụng vào việc xây dựng cơ chế chào phí, chính sách linh hoạt theo từng nhóm khách hàng, từng địa bàn và đặc thù kinh doanh của đơn vị. Các cơ chế, chính sách nghiệp vụ tiếp tục được ban hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khai thác, đặc biệt là các sản phẩm bảo hiểm hiệu quả, sản phẩm mới và kênh phân phối mới. Bên cạnh đó, công ty hoàn thiện các ứng dụng trực tuyến để nâng cao trải nghiệm khách hàng trên toàn bộ hành trình sử dụng dịch vụ. Việc phát triển và cải tiến các sản phẩm bán lẻ, đặc biệt là nhóm khách hàng cá nhân có hiệu quả cao, được đẩy mạnh, đồng thời điều chỉnh sản phẩm phù hợp với từng kênh phân phối.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Giám định bồi thường – Quản lý hiệu quả

Mô hình giám định và bồi thường tiếp tục được điều chỉnh để nâng cao hiệu quả phối hợp và sử dụng nguồn lực, đảm bảo chất lượng dịch vụ. Công tác giám định hiện trường, xác minh và tra cứu lịch sử tổn thất được tăng cường nhằm kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ chi bồi thường và giảm thiểu trục lợi bảo hiểm. Quy trình phối hợp giữa các công ty thành viên trong hoạt động giám định bồi thường được rà soát, đảm bảo sự thống nhất về chất lượng dịch vụ trên toàn hệ thống. Đồng thời, hệ thống dữ liệu hỗ trợ quá trình duyệt bồi thường được hoàn thiện, giúp nâng cao hiệu suất xử lý. Công tác rà soát và đàm phán định kỳ với các nhà cung cấp dịch vụ phụ trợ cũng được chú trọng nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ với chi phí hợp lý.

Công nghệ thông tin

Bảo hiểm Bảo Việt tập trung triển khai mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, đảm bảo vận hành ổn định phần mềm lõi InsureJ (áp dụng cho các sản phẩm Xe cơ giới, Hàng hải, Tài sản kỹ thuật) và nâng cấp nền tảng công nghệ phần mềm lõi BVCare (áp dụng cho các sản phẩm Y tế, Sức khỏe, Con người). Đồng thời, công ty tiếp tục phát triển, nâng cấp và triển khai các phần mềm hỗ trợ, xây dựng công cụ kết nối nhằm hoàn thiện hệ sinh thái công nghệ thông tin. Ứng dụng công nghệ để tự động hóa quy trình nghiệp vụ được đẩy mạnh, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung phục vụ công tác kinh doanh, quản trị và chăm sóc khách hàng. Công tác đảm bảo an toàn thông tin cũng được chú trọng, nâng cao tính bảo mật và ổn định trong vận hành hệ thống.

Phát triển kênh phân phối

Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng củng cố kênh đại lý chuyên nghiệp phi nhân thọ thông qua các chương trình đào tạo, thi đua và ứng dụng phần mềm quản lý đại lý. Đồng thời, công ty tăng cường kiểm soát, cảnh báo kịp thời các hoạt động không tuân thủ quy định của đại lý. Kênh bán chéo tiếp tục được đẩy mạnh với các điều chỉnh về sản phẩm và chi phí nhằm tối ưu hiệu quả. Ngoài ra, công ty tập trung phát triển các kênh có tiềm năng lớn như môi giới, Bancassurance, kênh trực tuyến, telesales, đồng thời mở rộng các kênh phân phối mới như kênh đối tác, kênh vi mô. Đặc biệt, công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ vào việc phát triển và tối ưu hóa các kênh phân phối này.

Tài chính – Chính sách linh hoạt, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ

Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện giao và điều chỉnh định mức chi phí bán hàng theo từng sản phẩm, tính toán hiệu quả kinh doanh theo từng nghiệp vụ. Công tác quản lý tài chính được siết chặt với việc đôn đốc xử lý công nợ, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi ngoài bồi thường như chi phí hoạt động, quản lý và bán hàng. Bên cạnh đó, công ty phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ để rà soát danh mục đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư, đồng thời tìm kiếm và triển khai các giải pháp tài chính tối ưu nhằm gia tăng lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh.

Phát triển nguồn nhân lực – xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và phát triển năng lực

Tuyển dụng, thu hút cán bộ khai thác giỏi trên thị trường. Khai thác sử dụng nguồn lực phù hợp, đảm bảo chất lượng lao động, tiết kiệm chi phí; tiếp tục mở rộng việc triển khai áp dụng KPI để nâng cao năng suất lao động của cán bộ, nhân viên; thực hiện giao đơn giao tiền lương theo hướng ưu tiên tỷ trọng hiệu quả nghiệp vụ.

Môi trường làm việc

Xây dựng các hoạt động kết nối hệ thống: duy trì văn hoá doanh nghiệp tốt đẹp của Bảo hiểm Bảo Việt, và lan toả để mỗi cá nhân đều tự hào mình là một đại sứ của thương hiệu Bảo Việt.

Marketing, truyền thông – Củng cố vị thế thương hiệu, nâng cao hình ảnh doanh nghiệp

Tập trung các hoạt động xúc tiến bán hàng với nhóm khách hàng mục tiêu; Xây dựng quan hệ hợp tác với các đối tác điện tử nhằm: giới thiệu và xúc tiến việc bán hàng trên các kênh truyền thông đến khách hàng cá nhân; triển khai các chiến dịch truyền thông về sản phẩm, dịch vụ mang lại hiểu biết và thông tin đa dạng tới khách hàng. Bên cạnh đó, Bảo hiểm Bảo Việt gia tăng trải nghiệm của khách hàng và công tác chăm sóc sau bán hàng khi khách hàng sử dụng dịch vụ sản phẩm của Bảo hiểm Bảo Việt. Hoàn thiện và tối ưu hóa các tính năng mua và quản lý bảo hiểm trên trang bán hàng trực tuyến. Khách hàng có thể chủ động theo dõi và yêu cầu bồi thường bảo hiểm với các thao tác đơn giản, mọi lúc mọi nơi, và trọn vẹn trong một nền tảng.

Báo cáo hoạt động

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ



Năm 2024 – Đồng hành cùng kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục phát huy vai trò của doanh nghiệp tiên phong, khai mở thị trường, là tấm khiên bảo vệ của hàng triệu khách hàng trên khắp đất nước Việt Nam. Chúng tôi mang lại sự an tâm và điểm tựa tài chính vững chắc cho mọi gia đình và cá nhân thông qua các sản phẩm bảo hiểm linh hoạt và phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng. Cùng với đội ngũ cán bộ, tư vấn viên giàu kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc về thị trường, chúng tôi không ngừng nỗ lực trong công tác đổi mới, phát triển để mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng, dịch vụ đồng thời phát huy giá trị nhân văn của ngành bảo hiểm nhân thọ và đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội. Mục tiêu của chúng tôi là kiến tạo tương lai tài chính bền vững, xây dựng những mối quan hệ lâu dài dựa trên sự tin cậy và tôn trọng đối với khách hàng.

Ông **Nguyễn Quang Phi**
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Giới thiệu tổng quan



Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ là Công ty thành viên 100% vốn của Tập đoàn Bảo Việt - Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) luôn tiên phong mở đường trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam, từng bước gây dựng tiềm lực tài chính ổn định, vững mạnh và trở thành công ty bảo hiểm nhân thọ duy nhất trên thị trường sở hữu hệ thống mạng lưới các chi nhánh, các văn phòng khu vực trải dài khắp toàn quốc, luôn là thương hiệu uy tín, tin cậy của người dân Việt Nam.

Quy mô mạng lưới phân phối

- Số lượng chi nhánh: 76
- Số lượng văn Phòng khu vực: 370
- Số lượng đại lý/Tư vấn viên: trên 143.000

Được thành lập năm 1996, qua gần ba thập kỷ hình thành và phát triển, BVNT không ngừng khẳng định vị thế dẫn đầu. Đặc biệt, trong bối cảnh ngành bảo hiểm vẫn đang phục hồi sau những thách thức của thị trường, Bảo Việt Nhân thọ đã ghi nhận kết quả kinh doanh vượt trội trong năm 2024, tiếp tục đứng đầu về doanh thu khai thác mới cũng như tổng doanh thu phí bảo hiểm.

Kiên tâm với sứ mệnh "Bảo vệ Gia đình Việt - Bảo vệ lợi ích Việt", nhưng đồng thời mang khát vọng đổi mới, phát triển, chào đón kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, BVNT luôn trung thành với triết lý lấy khách hàng làm trọng tâm, không ngừng nỗ lực nhằm mang đến cho khách hàng những lợi ích và trải nghiệm tốt nhất, góp phần xây dựng một cộng đồng khỏe mạnh, an lành và thịnh vượng. Để làm được điều đó, BVNT thấu hiểu sự đổi mới nội tại, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh là mục tiêu tất yếu. Với sự quyết tâm và nỗ lực không ngừng nghỉ vì lợi ích của khách hàng, vì mục tiêu phát triển bền vững của xã hội, trong năm 2024 BVNT đã được các tổ chức trong, ngoài nước ghi nhận và trao tặng những giải thưởng, danh hiệu uy tín như:

- Đơn vị duy nhất có các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ được vinh danh thương hiệu quốc gia tại Lễ công bố sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2024 với chủ đề "Vươn mình tiến vào kỷ nguyên Xanh".
- 8 năm liên tiếp dẫn đầu danh sách Top 10 Công ty Bảo hiểm nhân thọ uy tín do CTCP Vietnam Report công bố.
- Được vinh danh tại 2 hạng mục giải thưởng "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á" và "Doanh nghiệp quan tâm và chăm sóc Người lao động tốt nhất" do Tạp Chí Nguồn Nhân lực Châu Á bình chọn. Đây cũng là năm thứ 6 BVNT được bình chọn giải thưởng "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á".
- Được Tạp chí Tài chính và Ngân hàng toàn cầu của Anh Quốc bình chọn là "Công ty Bảo hiểm nhân thọ tốt nhất Việt Nam và Công ty bảo hiểm nhân thọ mang lại sự hài lòng và hạnh phúc nhất cho khách hàng năm 2024", Hai giải thưởng này được bình chọn dựa trên những tiêu chí như:
  - Doanh nghiệp cung cấp các giải pháp bảo hiểm chất lượng và dịch vụ tận tâm cho khách hàng.
  - Doanh nghiệp luôn sẵn lòng lắng nghe, tư vấn, hỗ trợ và đồng hành cùng khách hàng một cách toàn diện.
  - Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các trách nhiệm với khách hàng.
  - Doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội với nhiều hoạt động ý nghĩa, thiết thực hướng tới cộng đồng
  - Doanh nghiệp có chiến lược phát triển bền vững và có hiệu suất kinh doanh ổn định trong nhiều năm.
- Được vinh danh với hai danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc năm 2024" và "Thương hiệu truyền cảm hứng năm 2024" tại lễ trao giải Asia Pacific Enterprise Awards 2024.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Hoạt động kinh doanh năm 2024

Năm 2024 thị trường bảo hiểm nhân thọ bước vào giai đoạn phục hồi sau những ảnh hưởng từ những biến động trong năm 2023, tuy nhiên tốc độ phục hồi của thị trường còn chậm, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường giảm 5% so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh đó, BVNT tiếp tục trung thành với triết lý kinh doanh lấy khách hàng là trọng tâm, không ngừng đổi mới, phát triển, hướng tới mục tiêu chuyển đổi kép, công nghệ hóa, hiện đại hóa đi đôi với phát triển xanh, phát triển bền vững. Với định hướng kinh doanh vững vàng, BVNT đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh, giữ vững vị trí trên thị trường. Cụ thể:

Tổng doanh thu năm 2024
(ĐVT: Tỷ đồng)

43.551

Trong đó:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 32.160 tỷ đồng, BVNT tiếp tục duy trì vị trí DẪN ĐẦU thị trường về thị phần Doanh thu phí bảo hiểm với 22% thị phần.

Doanh thu khai thác mới qua kênh Đại lý đạt 4.055 tỷ đồng, DẪN ĐẦU thị trường với 16,5% thị phần.

Doanh thu tài chính đạt 11.359 tỷ đồng, hoàn thành 107,8% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

1.851

Lợi nhuận sau thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

1.510

hoàn thành 120,8% kế hoạch

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ

25,17%

Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu

15,43%



Thành công từ kết quả kinh doanh giúp BVNT tăng cường tiềm lực tài chính với **tổng tài sản hơn 223 nghìn tỷ đồng**, tăng trưởng **15%** so với năm 2023.

Để đạt được kết quả trên, BVNT đã nỗ lực phát huy toàn diện các thế mạnh của doanh nghiệp, kiên tâm với tầm nhìn, sứ mệnh kinh doanh đồng thời thực hiện trách với nhiệm xã hội. Không chỉ mang đến những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cho khách hàng, BVNT luôn quan tâm, xây dựng một môi trường làm việc hạnh phúc cho đội ngũ nhân viên và đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Phát triển hệ thống và mạng lưới kinh doanh

BVNT tự hào là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có hệ thống phân phối đa kênh với Đại lý truyền thống là kênh phân phối mũi nhọn. Với sự tin tưởng của khách hàng, mạng lưới kinh doanh của BVNT tiếp tục được mở rộng. Tính đến hết 31/12/2024, BVNT sở hữu hệ thống 76 công ty thành viên, và 370 văn phòng khu vực trải rộng khắp 63 tỉnh thành. Mạng lưới kinh doanh trên luôn là cầu nối giữa BVNT và khách hàng để sẵn sàng phục vụ, đem lại trải nghiệm hàng đầu cho khách hàng.

Giữ vững vị trí doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ tiên phong và khai mở thị trường, cùng với định hướng phát triển kênh đại lý truyền thống là kênh phân phối chủ đạo, BVNT đã tập trung nguồn lực nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ tư vấn viên lớn mạnh với các kỹ năng ngày càng được nâng cao. Tính đến thời điểm cuối năm 2024, tổng số tư vấn viên toàn hệ thống đạt hơn 143.000 người, sẵn sàng tư vấn, hoạch định kế hoạch bảo vệ tài chính phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng để khách hàng luôn yên tâm, tận hưởng cuộc sống an khang, như ý.

Bên cạnh kênh phân phối truyền thống, BVNT cũng liên tục đẩy mạnh khai thác thông qua hệ thống phân phối đa kênh: Bancassurance, telesales, digital sales, online, các tổ chức tài chính và phi tài chính... nhằm đa dạng hóa hình thức bán hàng cũng như tăng cường tư vấn cho các khách hàng về các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

Tính đến thời điểm hiện tại, BVNT đang hợp tác với hơn 13 ngân hàng và các tổ chức phi tín dụng khác, hứa hẹn mở ra cơ hội để BVNT tiếp cận và mang đến nhiều lợi ích hơn cho khách hàng.

Đặc biệt hơn, với thế mạnh là đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, Tập đoàn Tài chính – bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, BVNT hợp tác chặt chẽ với các đơn vị khác trong Tập đoàn Bảo Việt, phát huy tinh thần đoàn kết và sức mạnh thương hiệu Bảo Việt để đem đến cho khách hàng không chỉ các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ mà còn là các dịch vụ tài chính toàn diện, tiện nghi, đáp ứng nhu cầu phức tạp của khách hàng. Khi sử dụng dịch vụ của BVNT, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Ngân hàng Bảo Việt, khách hàng đều có thể đồng thời tiếp cận với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, dịch vụ tài chính ngân hàng chất lượng hàng theo nhu cầu cá nhân, đem lại sự thuận tiện cho khách hàng.

Tài chính - Chính sách linh hoạt, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ

BVNT hiểu rõ rằng chuyển đổi số và phát triển bền vững là ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới và năm 2024 là bước tiến tiếp trong hành trình số hóa của BVNT. Với việc ứng dụng công nghệ hiện đại vào mọi hoạt động, từ quản lý nội bộ đến chăm sóc khách hàng. BVNT không chỉ nâng cao hiệu quả vận hành mà còn cam kết giảm thiểu tác động môi trường, hướng tới phát triển xanh, phát triển bền vững. Với chiến lược đổi mới mạnh mẽ, BVNT tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong ngành bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam.

Trong công tác phát triển kinh doanh

Trong năm 2024, BVNT đã triển khai hệ thống quản lý kênh phân phối với tên gọi MyBVLDMS, ứng dụng các công nghệ hiện đại như công nghệ điện toán đám mây, hứa hẹn giúp BVNT tối ưu hóa quy trình vận hành, nâng cao hiệu suất và tăng cường bảo mật dữ liệu theo tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống này cho phép quản lý tập trung, tự động hóa nhiều quy trình từ tuyển dụng, đào tạo đến giám sát hiệu suất của đội ngũ kinh doanh, mang lại sự minh bạch và chính xác trong quản lý. Đồng thời, giao diện thân thiện giúp người dùng dễ dàng tra cứu thông tin, theo dõi tiến độ và cải thiện chất lượng dịch vụ. Việc áp dụng công nghệ hiện đại là chìa khóa giúp BVNT nâng cao năng lực cạnh tranh mà và cải thiện trải nghiệm khách hàng.

Trong công tác vận hành quản trị

Hiện tại, BVNT đã thành công triển khai và sử dụng hệ thống phần mềm văn phòng điện tử BVOffice, đây là nỗ lực của BVNT trong quá trình hướng đến mục tiêu số hóa và hiện đại hóa hoạt động quản lý. Hệ thống này giúp giảm thiểu tối đa việc sử dụng hồ sơ giấy tờ, góp phần bảo vệ môi trường và xây dựng một môi trường làm việc xanh, hiệu quả. Nhờ ứng dụng công nghệ tiên tiến, toàn bộ quy trình xử lý tài liệu, phê duyệt và lưu trữ được thực hiện trực tuyến, đảm bảo tính bảo mật, nhanh chóng và chính xác. Đồng thời, hệ thống giúp nâng cao khả năng phối hợp giữa các phòng ban, tối ưu hóa thời gian xử lý công việc và tăng cường hiệu suất làm việc. Việc triển khai văn phòng điện tử không chỉ thể hiện cam kết của BVNT đối với phát triển bền vững mà còn mang lại sự tiện lợi, hiện đại cho nhân viên và đối tác.

Đồng thời, trong năm 2024, BVNT và CTCP Di chuyển Xanh và thông minh Green Smart Mobility - đơn vị cho thuê phương tiện giao thông xanh và đặt xe điện đa nền tảng đầu tiên trên thế giới đã ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển đánh dấu bước tiến quan trọng trong cam kết bảo vệ môi trường. Sự hợp tác này giúp giảm khí thải carbon, thúc đẩy sử dụng phương tiện xanh và nâng cao ý thức cộng đồng về phát triển bền vững, góp phần xây dựng một tương lai xanh hơn.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Trong công tác dịch vụ khách hàng

Tiếp tục định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng trải nghiệm cho khách hàng, BVNT luôn chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư và ứng dụng công nghệ hiện đại trong quy trình vận hành và hoạt động kinh doanh để mang đến sự hài lòng và tiện lợi cho khách hàng, cán bộ, tư vấn viên của BVNT.

Năm 2024 bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện, nâng cao tiện ích cho khách hàng sử dụng dịch vụ hiện tại, BVNT đã tiến hành cải tiến quy trình, phát triển và mang đến các tiện ích mới, đơn giản hóa các thủ tục để phục vụ khách hàng tốt hơn:

- Hoàn thiện và triển khai quy trình ghi âm quá trình tư vấn khai thác bảo hiểm, đáp ứng yêu cầu của pháp luật, nâng cao tính minh bạch trong quá trình tư vấn bảo hiểm và đảm bảo lợi ích và an toàn thông tin cá nhân của khách hàng;

- Đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng online, tiếp tục hoàn thiện nâng cấp các hệ thống: giao nhận hồ sơ kiểm tra sức khỏe online, dịch vụ khách hàng online, giải quyết quyền lợi bảo hiểm, thay đổi thông tin khách hàng, chat bot AI.

- Triển khai thu, nộp phí bảo hiểm qua tất cả các hình thức thanh toán hiện có tại Việt Nam.

- Hoàn thiện quy trình, nâng cấp hệ thống MyBVLife, tiếp tục phát triển và kỳ vọng MyBVLife trở thành công cụ hiệu quả, tiện lợi để khách hàng thực hiện mọi yêu cầu, đẩy nhanh tốc độ xử lý, tiết kiệm thời gian, công sức cho khách hàng.



Truyền thông, gia tăng sức mạnh thương hiệu

Nhằm gửi lời cảm ơn chân thành tới khách hàng và thể hiện mong muốn được tiếp tục đồng hành, bảo vệ và hỗ trợ khách hàng xây dựng cuộc sống an yên, bền vững, BVNT triển khai hàng loạt chương trình tri ân khách hàng trên toàn quốc cùng với thông điệp "Trao hơn cả cam kết". Thông qua các sản phẩm bảo hiểm, BVNT vinh hạnh trao đi sự thấu hiểu, sẻ chia để mỗi gia đình KH đều được bảo vệ trọn vẹn. Thông qua chất lượng dịch vụ, BVNT trao đến KH sự tận tâm, trung thực và nhiệt thành. Không chỉ thực hiện vẹn tròn các cam kết trong từng hợp đồng với khách hàng mà Bảo Việt Nhân thọ còn là người đồng hành với người thân của khách hàng và luôn nỗ lực để trao đi nhiều hơn những giá trị tốt đẹp cho cộng đồng:

- Chương trình tri ân đặc biệt "Bảo vệ cả nhà – Vi vu thả ga". Các giải thưởng hướng tới lối sống xanh với tổng giá trị gần 5 tỷ đồng gồm: 3 xe ôtô điện Vinfast VF5 plus, 60 xe máy điện Vinfast Feliz S và nhiều giải thưởng giá trị khác. Chương trình diễn ra từ ngày 01/08/2024 đến hết ngày 31/10/2024.

- Các chương trình tri ân khách hàng gắn với các thời điểm quan trọng trong năm như: CTKM tri ân tháng tôn vinh người phụ nữ VN "Thay lời muốn nói, Gói trọn yêu thương" với 4.000 bộ quà tặng; CTKM "Gia tăng bảo vệ, Sống khỏe an vui" - bộ túi thể thao cao cấp kèm các phụ kiện rất thiết thực cho khách hàng trong việc sử dụng tập luyện thể thao hàng ngày.

- Hướng tới 60 năm thành lập Tập đoàn Bảo Việt, BVNT triển khai CTKM nội bộ"Người Bảo Việt dùng hàng Bảo Việt" lần 1, 2, 3 với quà tặng giảm phí đóng và bộ áo dài Sen Vàng của nhà thiết kế nổi tiếng. Chương trình thay lời tri ân, lời động viên tinh thần của Bảo Việt Nhân thọ gửi tới cán bộ và tư vấn viên của Bảo Việt.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Các hoạt động cộng đồng xã hội

Nối tiếp hành trình 20 năm thực hiện sứ mệnh "Bảo vệ lợi ích Việt - Bảo vệ tương lai Việt", trong năm 2024, Bảo Việt Nhân thọ đã trao 2.500 chiếc xe đạp, 8.000 chiếc cặp sách với tổng kinh phí hơn 10 tỷ đồng cho các em học sinh hiếu học trên cả nước. Mỗi sự kiện trao học bổng luôn được BVNT tổ chức trang trọng gắn kết với các hoạt động an sinh giáo dục ý nghĩa dành cho trẻ em tại địa phương. Có thể kể tới sự kiện phát động "Tháng hành động vì trẻ em 2024" có Phó thủ tướng Trần Hồng Hà tại tỉnh Thừa Thiên Huế; sự kiện kết hợp biểu diễn nghệ thuật tại Thái Bình, Thanh Hóa, Hưng Yên có lãnh đạo TW và địa phương, nghệ sĩ Xuân Bắc tham dự. Khi bão Yagi tàn phá nhiều tỉnh thành, nhiều trường học thiệt hại nặng nề, các em học sinh bị hư hỏng đồ dùng học tập, BVNT đã đến trực tiếp các trường học bị thiệt hại nặng, trao những chiếc ba lô mới cho các em học sinh cũng như một số trang thiết bị để hỗ trợ trường học khắc phục hậu quả sau bão. Đặc biệt, chào đón năm học mới 2024-2025, các công ty thành viên của BVNT đồng loạt trao học bổng trên toàn quốc, tạo thành "Ngày hội đến trường" cùng BVNT, lan tỏa mạnh mẽ hình ảnh thương hiệu Quốc gia luôn hành động vì lợi ích của người Việt. Các suất học bổng được trao tặng không chỉ là món quà, mà còn là người bạn đồng hành cùng các em mỗi ngày đến trường, mang theo niềm hy vọng về một tương lai tươi sáng hơn, nơi những ước mơ được chắp cánh bay xa.

Tháng 9/2024 khi siêu bão Yagi đổ bộ vào đất liền, nhiều tỉnh thành miền Bắc chìm trong mưa lớn, lũ quét, nhiều địa phương bị cô lập hoàn toàn bởi nước lũ, gây thiệt hại nghiêm trọng về con người và của cải, vật chất. Đồng cảm với người dân vùng lũ lụt và chia sẻ mất mát với bà con, Tổng Công ty BVNT đã quyên góp 1 ngày công lao động với số tiền gần 430 triệu đồng chuyển tới Mặt trận tổ quốc VN. Nhiều đơn vị thành viên đã tổ chức trao tặng những thiết bị, nhu yếu phẩm cần thiết, nhanh chóng giúp người dân sớm ổn định cuộc sống. Trong cơn bão, có 11 khách hàng của BVNT không may gặp rủi ro, BVNT đã chủ động thăm hỏi, động viên các gia đình và khẩn trương thực hiện các thủ tục để giải quyết quyền lợi bảo hiểm với tổng số tiền gần 3,2 tỷ đồng, đồng hành cùng gia đình khách hàng vượt qua giai đoạn khó khăn này.

Ngoài ra, màu áo xanh BVNT với những trái tim tràn đầy nhiệt huyết đã mang sự tận tâm, tận tụy đi đến khắp các tỉnh thành trong chương trình tri ân, khám bệnh miễn phí, tặng quà cho hàng chục nghìn người dân trong diện gia đình chính sách và có công với cách mạng. Các hoạt động tôn tạo di tích lịch sử, giáo dục truyền thống cách mạng cũng luôn được Bảo Việt Nhân thọ chú trọng, để những hy sinh của các thế hệ trước sẽ luôn được các thế hệ sau ghi nhớ.

Công tác giám định bồi thường

Trong từng giai đoạn của cuộc đời, BVNT luôn ở bên, cùng khách hàng xây dựng các giải pháp tài chính linh hoạt và vững chắc để bảo vệ bản thân và những người thân yêu. Với tinh thần "Niềm tin vững chắc – Cam kết vững bền", BVNT luôn kịp thời thực hiện trách nhiệm đã cam kết với khách hàng. Năm 2024, BVNT đã thực hiện chi trả quyền lợi cho khách hàng với số tiền là 15.061 tỷ đồng, trong đó chi trả quyền lợi rủi ro là 1.332 tỷ đồng và quyền lợi đáo hạn là 2.980 tỷ đồng.



Môi trường làm việc

Với triết lý con người là tài sản vô giá, BVNT không ngừng hoàn thiện hệ thống chính sách đãi ngộ, phúc lợi toàn diện để tạo ra môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, hiện đại và cơ hội phát triển cho cán bộ nhân viên của BVNT. Bên cạnh đó, BVNT đặc biệt chú trọng xây dựng lộ trình đào tạo bài bản trong và ngoài bản đồ học tập để nâng cao kỹ năng của từng cán bộ, nhân viên, tư vấn viên, đồng hành phát triển sự nghiệp cùng BVNT.

100% cán bộ nhân việc của BVNT được đại diện bởi tổ chức Công đoàn và được đóng góp ý kiến đối với thỏa ước lao động tập thể, các chính sách lao động, điều kiện lao động của BVNT. Nhờ đó, lợi ích của người lao động luôn được đảm bảo, BVNT luôn lắng nghe ý kiến của cán bộ nhân viên để cải thiện môi trường và tăng cường an toàn lao động.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Mục tiêu và định hướng kinh doanh năm 2025

Mục tiêu kinh doanh 2025

Với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, và sự tin tưởng, đồng hành của Quý khách hàng, BVNT định hướng đồng hành cùng kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, hướng tới mục tiêu kép chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, gia tăng chất lượng chăm sóc và tư vấn, đảm bảo các quyền lợi cho khách hàng, giữ vững vị thế là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu trên thị trường, cụ thể:

Tổng doanh thu
(ĐVT: Tỷ đồng)

43.130

Lợi nhuận sau thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

1.700

Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu

14,59%

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025

Để đạt các mục tiêu trên, BVNT xây dựng các giải pháp đồng bộ và xuyên suốt dựa trên phát huy truyền thống của doanh nghiệp Việt Nam tiên phong khai mở thị trường nhân thọ Việt Nam và nền tảng hợp lực Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể:



Củng cố và mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển hệ thống phân phối đa kênh

Năm 2025, BVNT đặt mục tiêu phát triển hệ thống phân phối đa kênh, mở rộng mạng lưới tiếp cận khách hàng một cách linh hoạt và hiệu quả hơn. BVNT sẽ tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ đại lý, đào tạo chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực tư vấn và mang đến dịch vụ chuyên nghiệp, tận tâm. Đồng thời, BVNT sẽ tăng cường hợp tác nội bộ, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị khác trong hệ sinh thái của Tập đoàn Bảo Việt để tối ưu nguồn lực, đẩy mạnh hợp lực và khai thác cơ hội bán chéo sản phẩm. Qua đó, khách hàng sẽ được tiếp cận các giải pháp tài chính toàn diện, kết hợp giữa bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ và dịch vụ ngân hàng, giúp gia tăng giá trị và sự an tâm cho mỗi kế hoạch tài chính trong tương lai. Đồng thời sẵn sàng điều chỉnh, gia cố để bắt kịp những thay đổi của thị trường và xu hướng công nghệ.

Phát triển sản phẩm mới

Định hướng phát triển danh mục sản phẩm theo hướng đa dạng, đơn giản và dễ hiểu, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận và lựa chọn giải pháp phù hợp với nhu cầu. Năm 2025, BVNT tập trung cá nhân hóa và cá biệt hóa sản phẩm theo từng kênh phân phối, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng. Các sản phẩm sẽ được thiết kế linh hoạt, nhu cầu tài chính của từng nhóm khách hàng khác nhau. Đồng thời, BVNT tận dụng công nghệ để phân tích dữ liệu, từ đó cung cấp sản phẩm phù hợp với từng đối tượng qua các kênh đại lý, bancassurance hay nền tảng số. Với chiến lược này, BVNT không chỉ nâng cao tính cạnh tranh mà còn mang đến giải pháp bảo hiểm toàn diện, tối ưu lợi ích cho khách hàng.

Chiến lược đầu tư hiệu quả

BVNT sẽ thực hiện chiến lược đầu tư linh hoạt, tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư với các diễn biến của thị trường tài chính để mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, đảm bảo cam kết với chủ hợp đồng. Đồng thời, để tiếp tục đóng góp cho sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam, BVNT cũng tích cực đầu tư trở lại nền kinh tế và tham gia vào thị trường trái phiếu chính phủ. Chú trọng xây dựng và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm đầu tư hiệu quả; thiết lập mạng lưới thông tin, hợp tác đồng bộ, có hệ thống, phát huy sức mạnh tập thể trong Tập đoàn Bảo Việt, đảm bảo hiệu quả danh mục đầu tư.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, tập trung nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua các tiện ích, ứng dụng công nghệ và số hóa quy trình để đơn giản hóa các thủ tục, gia tăng tiện ích cho khách hàng. BVNT sẽ tập trung số hóa các văn phòng khu vực tại các tỉnh, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận dịch vụ nhanh chóng, thuận tiện hơn. Hệ thống quản lý hợp đồng, giải quyết quyền lợi bảo hiểm và tư vấn trực tuyến sẽ được nâng cấp, đảm bảo tính minh bạch, chính xác và rút ngắn thời gian xử lý. Đồng thời sửa đổi, bổ sung tài liệu/mẫu biểu trong hồ sơ bảo hiểm, hoàn thiện quy trình, quy định, tài liệu hướng dẫn để tăng tính minh bạch của hợp đồng.

Tối ưu hóa ứng dụng công nghệ hiện đại

Đồng hành cùng Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, hướng đến mục tiêu chuyển đổi kép (chuyển đổi số và chuyển đổi xanh), BVNT cam kết đẩy mạnh chuyển đổi số, hướng tới phát triển xanh và bền vững. Việc triển khai hệ thống văn phòng điện tử và các nền tảng công nghệ tiên tiến giúp BVNT tối ưu hóa quy trình vận hành, giảm thiểu hồ sơ giấy tờ, góp phần bảo vệ môi trường. Đồng thời, BVNT không ngừng đổi mới để nâng cao trải nghiệm khách hàng, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý. Với chiến lược số hóa toàn diện, BVNT cam kết đồng hành cùng cộng đồng xây dựng tương lai bền vững.

Đẩy mạnh hoạt động hợp lực toàn Tập đoàn

Định hướng phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt để phát huy sức mạnh hợp lực, nâng cao tinh thần "Một Bảo Việt". Đây là lợi thế độc nhất trên thị trường, giúp BVNT mang đến hệ sinh thái dịch vụ tài chính toàn diện, kết hợp bảo hiểm, ngân hàng, đầu tư và quỹ hưu trí. Sự hợp tác này không chỉ tối ưu hóa lợi ích cho khách hàng mà còn giúp khách hàng tiếp cận các giải pháp tài chính đồng bộ, phù hợp với từng giai đoạn cuộc sống.

Công tác giám định bồi thường

BVNT cam kết mạnh mẽ đến với quý khách hàng rằng sẽ luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ cam kết bồi thường theo điều khoản hợp đồng, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và minh bạch, đảm bảo khách hàng nhận được sự hỗ trợ tốt nhất trong mọi tình huống. Với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và sự cam kết không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, BVNT luôn sẵn lòng và nhanh chóng giải quyết mọi yêu cầu giải quyết quyền lợi của khách hàng, giúp khách hàng an tâm và tin tưởng vào sự lựa chọn của mình.

Công tác phát triển nguồn nhân lực, xây dựng môi trường làm việc

Không chỉ đảm bảo cam kết với khách hàng, BVNT luôn luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ, nhân viên toàn hệ thống và nỗ lực thực hiện phương châm "Con người là tài sản vô giá". Là doanh nghiệp dẫn đầu ngành bảo hiểm nhân thọ, BVNT tập trung vào các yếu tố tạo dựng nên sự gắn kết thực sự của Người lao động với Doanh nghiệp, tạo động lực cho từng cá nhân Người lao động trong công việc và đề cao tính kết nối, văn hóa làm việc nhóm trong doanh nghiệp, các yếu tố trên chính là cốt lõi để BVNT xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp; chế độ phúc lợi xứng đáng và văn hóa doanh nghiệp đề cao tinh thần kết nối, sẻ chia và nhân ái.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Công tác an sinh xã hội

Hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững, BVNT tin rằng sứ mệnh của một doanh nghiệp không chỉ là tạo ra lợi nhuận mà còn là thúc đẩy sự phát triển bền vững cho xã hội. BVNT sẽ tiếp tục quyết tâm đẩy mạnh hoạt động cộng đồng, bằng cách hỗ trợ các dự án và chương trình xã hội, thúc đẩy giáo dục, y tế, môi trường và các lĩnh vực khác để tạo ra một tương lai tốt đẹp cho người dân Việt Nam.

Cụ thể, trong năm 2025, BVNT dự kiến tổ chức các chương trình an sinh cụ thể như:



- Tháng 4 tại tỉnh Cao Bằng – nơi khởi nguồn km số 0 của đường mòn Hồ Chí Minh, BVNT phối hợp cùng Hội đồng Đội Trung ương xây dựng kế hoạch tổ chức chương trình "Thắp sáng ước mơ thiếu nhi Việt Nam" với chủ đề "Tự hào Việt Nam" - nhằm tìm hiểu về bản sắc văn hóa, lịch sử tại các địa phương. Nội dung chương trình gồm các hoạt động: Trao tặng công trình măng non dành cho thiếu nhi; kỷ lục Việt Nam về số lượng thiếu nhi hát Quốc ca đông nhất Việt Nam; Cuộc thi "Nhà sử học nhỏ tuổi".



- Sự kiện ở Cao Bằng sẽ kickoff cho hành trình "Quỹ xe đạp chở ước mơ" và "Quà vui tới trường" năm 2025. BVNT sẽ dành nguồn lực để hỗ trợ học bổng nhiều nhất có thể cho các em học sinh hiếu học có hoàn cảnh khó khăn trên cả nước. Dự kiến bên cạnh việc các đơn vị thành viên chủ động tổ chức sự kiện trao xe, TCT sẽ tổ chức một số chương trình trọng điểm ở một vài tỉnh thành. Chương trình trọng điểm sẽ kết hợp với nghệ sĩ Xuân Bắc - Đại sứ Quỹ bảo trợ trẻ em mang màu sắc trẻ trung, phù hợp với xu hướng hiện nay. Thương hiệu BVNT gắn với các hoạt động khuyến học khuyến tài sẽ được đẩy mạnh lan tỏa trên các nền tảng xã hội, các kênh truyền thông báo chí chính thống.

Báo cáo hoạt động

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF) khẳng định vị thế là một trong những nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp hàng đầu tại Việt Nam, luôn tiên phong trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng và xây dựng chiến lược đầu tư hiệu quả. Với vai trò là một trong ba trụ cột kinh doanh chính của Tập đoàn Bảo Việt, năm 2024, công ty ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ, nâng tổng tài sản quản lý lên hơn 140.235 tỷ đồng, đồng thời đạt kết quả kinh doanh ấn tượng. Những nỗ lực không ngừng của BVF được thể hiện qua sự tin tưởng của khách hàng ủy thác, nhà đầu tư và sự ghi nhận từ các tổ chức quốc tế thông qua nhiều giải thưởng danh giá.



Ông **Nguyễn Thừa Nhật**
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Giới thiệu tổng quan

Hướng đến mục tiêu trở thành công ty quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam về quy mô tài sản quản lý và chất lượng dịch vụ, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt cam kết mang lại hiệu quả đầu tư tối ưu, đáp ứng các tiêu chuẩn cạnh tranh quốc tế. Trải qua gần 20 năm phát triển, công ty đã không ngừng mở rộng quy mô, nâng tổng tài sản quản lý lên 140.235 tỷ đồng (tương đương 5 tỷ USD), tăng gấp 7 lần so với 10 năm trước.

Hiện nay, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đang quản lý 05 danh mục đầu tư, 03 quỹ mở, 01 quỹ ETF và 01 quỹ thành viên, tất cả đều đạt kết quả khả quan, đáp ứng kỳ vọng của khách hàng. Bên cạnh đó, với tiềm năng và triển vọng phát triển của thị trường quản lý quỹ tại Việt Nam, BVF luôn chú trọng nghiên cứu và phát triển các sản phẩm đầu tư mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của các nhà đầu tư trên thị trường.

Với những nỗ lực không ngừng, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã liên tục nhận được các giải thưởng danh giá và sự đánh giá cao từ các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế như Global Banking & Finance, Alpha Southeast Asia, International Finance Magazine...

Hoạt động kinh doanh năm 2024

Tổng doanh thu năm 2024
(ĐVT: Tỷ đồng)

175,8

Lợi nhuận trước thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

90,8

Lợi nhuận sau thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

72,6

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ

72,6%

Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu

40%



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Mục tiêu và định hướng kinh doanh năm 2025

Mục tiêu kinh doanh năm 2025

Tổng doanh thu
(ĐVT: Tỷ đồng)

184,6

Lợi nhuận sau thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

75

Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ
(ĐVT: %)

75%

Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu
(ĐVT: %)

40,8%

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025

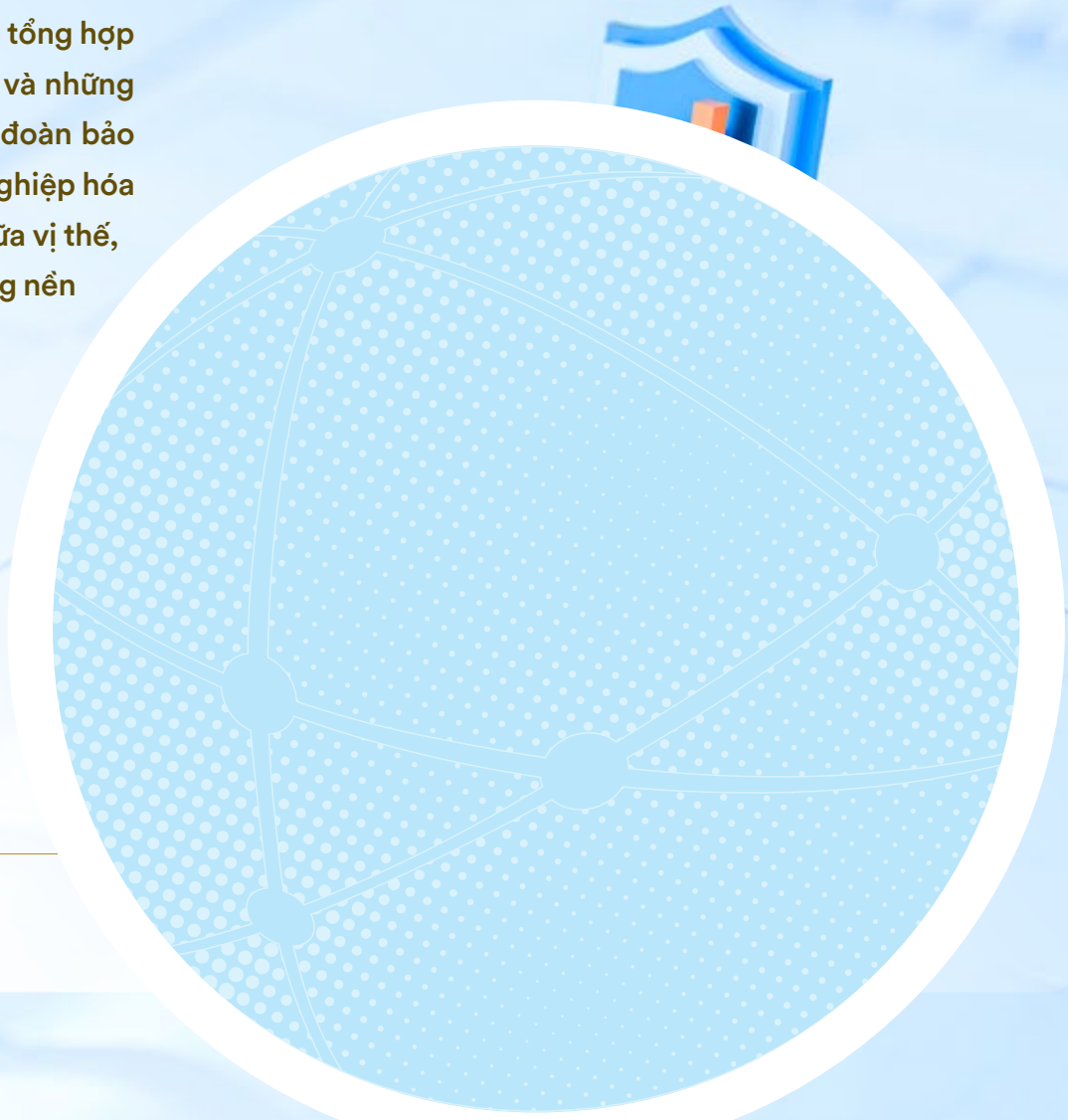
- Duy trì vị thế tiên phong trên thị trường với tăng trưởng quy mô tổng tài sản quản lý
- Phát triển sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu khách hàng cũng như xu hướng của thị trường.
- Nâng cấp, hoàn thiện kênh bán hàng kết hợp với công tác hợp lực, bán chéo trong hệ thống Bảo Việt.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào từng hoạt động theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực.
- Nâng cao trải nghiệm của khách hàng thông qua nền tảng giao dịch chứng chỉ quỹ trực tuyến và ứng dụng hiện đại, thân thiện trên di động.
- Mở rộng mạng lưới phân phối, tìm kiếm và lựa chọn những đối tác có năng lực phân phối hiệu quả để hợp tác chiến lược.



Báo cáo hoạt động

Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt

Công ty Đầu tư Bảo Việt (ĐTBV) được thành lập trên cơ sở tổng hợp các nguồn lực tài chính, con người, chức năng, nhiệm vụ và những thành tựu to lớn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng của Tập đoàn bảo Việt với bề dày lịch sử 60 năm qua. Với mục tiêu chuyên nghiệp hóa quản lý, khai thác, đầu tư bất động sản để phát huy hơn nữa vị thế, vai trò của một tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu trong nền kinh tế quốc dân.



Ông **Nguyễn Anh Tuấn**
Q. Tổng Giám đốc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Giới thiệu tổng quan

Là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm - Bảo Việt, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Công ty Đầu tư Bảo Việt được thành lập trên cơ sở tổng hợp các nguồn lực tài chính, con người, chức năng, nhiệm vụ và những thành tựu to lớn trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng của Tập đoàn Bảo Việt, nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động đầu tư, xây dựng để phát huy hơn nữa vị thế, vai trò của một Tập đoàn Nhà nước trong nền kinh tế quốc gia.

Hoạt động kinh doanh năm 2024

Tổng doanh thu năm 2024
(ĐVT: Tỷ đồng)

272

Lợi nhuận trước thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

11,4

Lợi nhuận sau thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

8,76

Tỷ suất LNST/ Vốn điều lệ

4,4%

Mục tiêu và định hướng kinh doanh năm 2025

Mục tiêu kinh doanh năm 2025

Tổng doanh thu năm 2024
(ĐVT: Tỷ đồng)

218

Lợi nhuận trước thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

11,1

Lợi nhuận sau thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

8,8

Tỷ suất LNST/ Vốn điều lệ

4,4%

Tỷ suất LNST/ Vốn chủ sở hữu

4,2%

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025

"Quản trị hiệu quả,
Hợp lực vươn xa"

- Tăng cường công tác quản lý, phát triển và khai thác sử dụng hiệu quả các cơ sở nhà, đất cho mục đích làm trụ sở văn phòng làm việc, phục vụ cho nhu cầu nội bộ của Tập đoàn,...
- Phối hợp với Tập đoàn và Tổng Công ty BHBV, Tổng Công ty BVNT tập trung hoàn thiện hồ sơ pháp lý quyền sở hữu của quỹ đất mà Tập đoàn và BHBV, BVNT hiện đang quản lý, sử dụng. Đối với các cơ sở nhà, đất không có nhu cầu sử dụng, phối hợp với Tập đoàn và 2 Tổng Công ty thực hiện theo phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công,...
- Cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản (toà nhà văn phòng, chung cư, khu đô thị) đối với các khách hàng nằm ngoài hệ thống Tập đoàn Bảo Việt nhằm phát huy năng lực về kinh nghiệm và bộ máy nhân sự, gia tăng doanh thu và lợi nhuận của ĐTBV trong lĩnh vực quản lý bất động sản,...
- Thực hiện hoạt động xây lắp, tư vấn quản lý dự án đối với các công trình trong và ngoài hệ thống Bảo Việt, đảm bảo hiệu quả và bảo toàn vốn.
- Thực hiện các hoạt động thương mại dịch vụ với các đối tác nội bộ và đối tác mới, đảm bảo hiệu quả và an toàn sử dụng vốn.
- Nghiên cứu thực hiện cung cấp các dịch vụ phục vụ hoạt động kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.
- Phối với với Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt, Công ty Chứng khoán Bảo Việt, Ngân hàng Bảo Việt và các đơn vị trong Tập đoàn để tìm kiếm, nghiên cứu, lựa chọn, thực hiện đầu tư khi có cơ hội, đảm bảo phù hợp với chiến lược, kế hoạch của ĐTBV, cân bằng giữa rủi ro và hiệu quả.



- Nghiên cứu đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái tại các văn phòng làm việc của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn khi đáp ứng đủ tiêu chí về pháp lý, kinh tế và kỹ thuật nhằm tối ưu hiệu quả khai thác tài sản.
- Tập trung giải quyết các tồn đọng về công nợ khó đòi, thanh khoản các bất động sản tồn kho để bổ sung nguồn vốn lưu động.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, quy trình để nâng cao hiệu quả quản trị, nâng cao năng suất lao động của cán bộ nhân viên.

Báo cáo hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam. Công ty cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

Ông **Nhữ Đình Hòa**
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT



Giới thiệu tổng quan

Với sứ mệnh trao "Niềm tin vững chắc" cho nhà đầu tư, doanh nghiệp bằng "Cam kết vững bền", trong suốt 25 năm qua, BVSC đã liên tục củng cố hoạt động, đầu tư mạnh mẽ cho hệ thống công nghệ thông tin, con người và nâng cao chất lượng dịch vụ để duy trì vị thế là công ty chứng khoán uy tín trên thị trường.

Hiện nay, BVSC có mạng lưới hoạt động tại 02 thành phố lớn nhất là Hà Nội và TP. HCM với 01 Chi nhánh và 08 phòng giao dịch. BVSC luôn cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất thông qua đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán.

Trong những năm qua, BVSC liên tiếp được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá cao của các tổ chức lớn có uy tín trong và ngoài nước và của các Cơ quan quản lý.

Hoạt động kinh doanh năm 2024

Trong năm 2024, bên cạnh các yếu tố tích cực bao gồm môi trường chính trị, xã hội ổn định, tăng trưởng kinh tế cao; Tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp hồi phục mạnh mẽ; Mặt bằng lãi suất trong nước tiếp tục được duy trì ở mức thấp đã giúp dòng tiền trong nước duy trì sự ổn định; Nhiều Luật, Pháp lệnh được thông qua như Luật chứng khoán sửa đổi, Thông tư 68/2024/TT-BTC loại bỏ yêu cầu ký quỹ trước đối với NĐT quốc tế (non-prefunding)... một số thách thức đến từ thị trường có thể kể đến như là áp lực tỷ giá gia tăng tạo thách thức cho việc điều hành chính sách tiền tệ trong nước; nhà đầu tư nước ngoài liên tục bán ròng mạnh trên thị trường chứng khoán với tổng giá trị bán ròng kỷ lục lên tới 90 nghìn tỷ đồng trên HOSE, tăng gấp 4 lần so với 2023.

Trong bối cảnh đó, năm 2024 xu hướng chủ đạo của thị trường chứng khoán Việt Nam là đi ngang với các nhịp sóng ngắn tăng giảm đan xen. Về chỉ số, VnIndex tăng mạnh trong 3 tháng đầu năm vượt lên trên mức 1.300 điểm, mức tăng hơn 150 điểm so với mức đóng cửa năm 2023. Tuy nhiên từ tháng 4 tới cuối năm, thị trường chuyển sang dao động trong kênh giá đi ngang trong vùng từ 1.188-1.325 điểm. Và đóng cửa tại 31/12/2024 ở mức 1266,78 điểm, tăng 136,85 điểm (tương đương 12%) so với năm 2023. HnxIndex đóng cửa tại 227,43 điểm tại 31/12/2024, giảm 3,61 điểm (tương đương 1,56%) so với năm 2023. Về thanh khoản, giá trị giao dịch bình quân trên cả 3 sàn duy trì ở mức cao trong 6 tháng đầu năm ở mức gần 24,6 nghìn tỷ/phiên, tuy nhiên bắt đầu có sự sụt giảm đáng kể từ tháng 7 về mức 17 nghìn -19 nghìn tỷ/phiên. Giá trị giao dịch trung bình phiên cả năm 2024 trên cả 3 sàn đạt 21.018 tỷ đồng/phiên, tăng 19% so với bình quân năm 2023.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Trước các cơ hội & thách thức từ thị trường, áp lực cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt về chính sách phí môi giới, chính sách lãi suất và các chính sách lương thưởng đãi ngộ cho đội ngũ môi giới... công ty đã tập trung triển khai nhiều giải pháp linh hoạt về phát triển nguồn nhân lực, công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, quản trị rủi ro để hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh đề ra. Cụ thể như sau:



Tổng doanh thu và thu nhập khác
(ĐVT: Tỷ đồng)

993,4

Bằng 113,3% so với kế hoạch và 106,1% so cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

Doanh thu thực hiện là 949,3 tỷ đồng bằng 114,6% so với kế hoạch và bằng 109,1% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận trước thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

240,9

Bằng 106,5% so với kế hoạch và 101,3% so cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

Lợi nhuận trước thuế thực hiện là là 247,4 tỷ đồng bằng 120% so với kế hoạch và bằng 126,9% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận sau thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

200

Bằng 110,5% so với kế hoạch và bằng 101,1% so cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 206,4 tỷ đồng, bằng 125,1% kế hoạch và bằng 129,2% so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện/ Vốn điều lệ

28,6%

tăng 29,2% so với cùng kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện/ Vốn chủ sở hữu

8,34%

tăng 20,9% so với cùng kỳ năm trước.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Một số hoạt động nổi bật trong năm 2024



Tập trung đầu tư vào chất lượng dịch vụ gia tăng trải nghiệm khách hàng

Năm 2024, Công ty đã cho ra mắt nền tảng ứng dụng di động hoàn toàn mới "BVSC Invest" thay thế ứng dụng "BVSC Mobile". "BVS Invest" với giao diện trực quan hiện đại, dễ dàng thao tác, hệ thống bảo mật đa tầng và nhiều tính năng được nâng cấp gồm đặt lệnh siêu tốc, bảng giá chứng khoán thông minh với tốc độ vượt trội, đa dạng thông tin thị trường, doanh nghiệp cập nhật liên tục...giúp nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ trực tuyến của công ty.

Việc thành lập Trung tâm CSKH giúp nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Thông qua Tổng đài CSKH 19001081 và các nền tảng online Công ty đẩy mạnh việc tương tác với khách hàng và nhà đầu tư trên các kênh online Zalo OA, Facebook page, Workplace, Google... Bên cạnh đó, công ty liên tục nghiên cứu và triển khai các chương trình ưu đãi dành cho khách hàng xuyên suốt cả năm, gồm: "Tài khoản năm Rồng - Trăm đồng tiền lộc", "Chào mùa hạ tới - Ưu đãi phơi phới!", "Margin T+ 5 ngày miễn lãi", "Nạp tiền siêu tốc - Bứt tốc đầu tư" ...



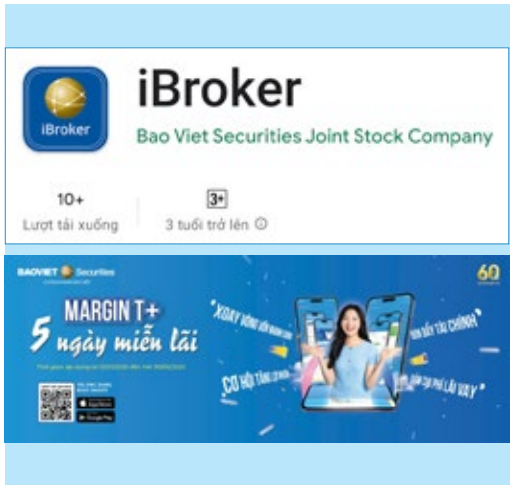
Tăng cường các hoạt động chăm sóc khách hàng trong hệ sinh thái Bảo Việt

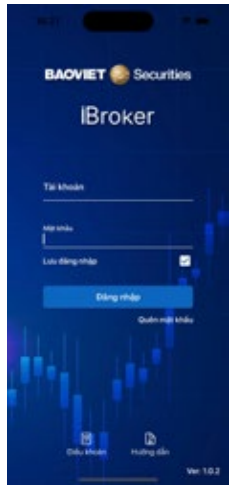
Thông qua các chương trình thúc đẩy bán hàng hợp lực chung giữa các đơn vị thành viên nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập Bảo Việt (15/01/1965 - 15/01/2025) gồm: Chương trình Người Bảo Việt Ưu tiên dùng Hàng Bảo Việt với Chương trình dành riêng cho CBNV tại các đơn vị thành viên và Chương trình MEGA SALE lớn nhất năm dành cho tất cả khách hàng trên toàn quốc mang tên "60 năm giữ trọn niềm tin - Mừng sinh nhật vàng, hàng ngàn quà tặng".

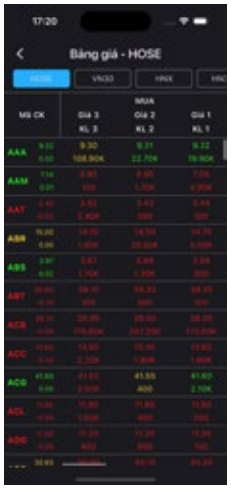
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong triển khai nghiệp vụ kinh doanh và vận hành của Công ty, song song chú trọng đầu tư hệ thống CNTT đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống.









Trong năm 2024, công tác chuyển đổi số tiếp tục được Công ty chú trọng triển khai từ nâng cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng đến các giải pháp hỗ trợ nghiệp vụ kinh doanh và hỗ trợ công tác quản lý. Các dự án điển hình gồm xây dựng và đưa vào vận hành ứng dụng di động mới BVSC Invest; mở rộng mạng lưới Thu – chi hộ điện tử Fmoney với ngân hàng BIDV, Baovietbank; triển khai cổng kết nối hỗ trợ đặt lệnh cho khách hàng quốc tế; xây dựng ứng dụng ibroker hỗ trợ môi giới chăm sóc khách hàng, cùng nhiều hệ thống quản lý văn phòng khác cũng được số hóa như hệ thống quản lý đặt phòng họp online... Công ty cũng đang thực hiện các bước tiếp cận chiến lược áp dụng AI trong văn hóa và hoạt động của doanh nghiệp nhằm nâng cao hàm lượng AI trong các dịch vụ sản phẩm cung cấp cho nội bộ và khách hàng.

Song song với các hoạt động đẩy nhanh tốc độ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, công tác đảm bảo an toàn công nghệ thông tin luôn là mối quan tâm hàng đầu tại BVSC trong nhiều năm trở lại đây. Trong năm 2024, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nâng cao bảo mật an toàn thông tin. Nổi bật là việc triển khai các lớp tường lửa chuyên dụng bảo vệ các tầng Cơ sở dữ liệu, máy chủ, truy cập web của khách hàng. Công ty đã triển khai giải pháp phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (DDOS) cho toàn bộ dịch vụ trực tuyến. Đặc biệt, công ty đã hoàn tất triển khai trung tâm giám sát điều hành về an ninh mạng 24/7 để phản ứng tức thời trước các sự kiên về an toàn bảo mật trong hệ thống và Lựa chọn Tập đoàn Viettel là đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), hỗ trợ xử lý sự cố về an toàn thông tin. Do đó, hệ thống CNTT luôn được vận hành thông suốt, không có sự cố về an ninh bảo mật hay sự cố gây gián đoạn hệ thống kéo dài. An ninh, an toàn của hệ thống được nâng cấp, giúp việc ngăn chặn các cuộc tấn công mạng, bảo vệ dữ liệu khách hàng và thông tin nội bộ được thực hiện hiệu quả hơn. Ngân sách để đầu tư cho công nghệ thông tin tăng 200% so với năm 2023.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Mục tiêu và định hướng kinh doanh năm 2025

Mục tiêu kinh doanh năm 2025

Tổng doanh thu
(ĐVT: Tỷ đồng)

1.068,5

Doanh thu thực hiện
(ĐVT: Tỷ đồng)

1.025

Lợi nhuận sau thuế
(ĐVT: Tỷ đồng)

194,8

Lợi nhuận sau thuế thực hiện
(ĐVT: Tỷ đồng)

180

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025

Đẩy mạnh hoạt động môi giới

Công ty tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới là hoạt động cốt lõi của Công ty với mục tiêu tăng trưởng thị phần và doanh thu trong năm 2025 thông qua các giải pháp đồng bộ và linh hoạt về sản phẩm, dịch vụ, nguồn vốn, con người, công nghệ thông tin và quản trị rủi ro. Trong đó tập trung phát triển các nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn, tăng cường các hoạt động trao đổi và phát triển khách hàng mới tại các thị trường Thái, Singapore, Hongkong...đồng thời, đẩy mạnh khai thác nhóm khách hàng thuộc hệ sinh thái Bảo Việt.



Tập trung vào các hoạt động mang lại giá trị cao như tư vấn thu xếp vốn cho doanh nghiệp, tư vấn sáp nhập doanh nghiệp... đồng thời đẩy mạnh mảng hoạt động tư vấn đăng ký Công ty đại chúng, tư vấn IPO và niêm yết cho các Tập đoàn, Doanh nghiệp có nhu cầu huy động vốn và niêm yết/ đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; Tăng cường kiểm soát rủi ro trong hoạt động tư vấn.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Áp dụng chiến lược đầu tư linh hoạt trong hoạt động tự doanh.



Năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán bằng chiến lược đầu tư linh hoạt, bám sát diễn biến của thị trường và dòng tiền để đưa ra các thời điểm giải ngân phù hợp, mang lại hiệu quả cho danh mục đầu tư. Hoạt động trading dự kiến sẽ được chú trọng và đẩy mạnh hơn trong năm 2025. Bên cạnh đó Công ty sẽ chú trọng hơn vào việc triển khai các dịch vụ hỗ trợ các Công ty quản lý quỹ trong hoạt động Rebalancing quỹ ETF, đặc biệt là hoạt động giao dịch redemption/creation ETF và các giao dịch khác.

Tiếp tục đẩy nhanh hoạt động chuyển đổi số và ứng dụng AI trong doanh nghiệp, đồng thời triển khai các giải pháp nhằm nâng cao an toàn bảo mật trong hệ thống công nghệ thông tin

Năm 2025, Công ty tiếp tục chú trọng đẩy mạnh áp dụng chuyển đổi số trong doanh nghiệp, áp dụng công nghệ AI trong nhiều lĩnh vực như dịch vụ khách hàng, quản lý quan hệ khách hàng, quản trị vận hành... nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ, tối ưu hóa quy trình quản lý và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Để ứng dụng AI hiệu quả và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số nhanh chóng, Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển dài hạn, trong đó không những đầu tư phát triển về công nghệ mà còn triển khai các chương trình đào tạo về AI nhằm thay đổi tư duy quản trị và nâng cao nhận thức kỹ năng cho người lao động; qua đó khai thác tối đa tiềm năng của trí tuệ nhân tạo trong hoạt động kinh doanh.



Trong bối cảnh cách mạng 4.0, chuyển đổi số, an toàn thông tin và bảo mật được coi như là một xu hướng quan trọng và là vấn đề trọng yếu mỗi doanh nghiệp. Bên cạnh việc nâng cấp hệ thống để đáp ứng với sự phát triển của thị trường, và khách hàng, trong năm 2025, Công ty tiếp tục tập trung triển khai các giải pháp sâu hơn nữa về an toàn thông tin hướng đến đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế trong mảng này. Ngoài ra, công ty còn dự kiến thực hiện nâng cấp thay thế cụm máy chủ cơ sở dữ liệu, máy chủ phụ trợ; nâng cấp bổ sung phần mềm cơ sở dữ liệu cốt lõi đã hết niên hạn sử dụng để duy trì tính ổn định và an toàn hệ thống giao dịch... Ngân sách để đầu tư cho công nghệ thông tin dự kiến tăng 250% so với năm 2024.

Phát triển nguồn nhân lực: Chương trình Next Gen năm 2025



Tiếp nối sự thành công của Chương trình Next Gen năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai chương trình Next Gen 2025 tại cả Hà Nội và TP.HCM. Chương trình hướng đến hoạch định nguồn cung nhân sự toàn diện tại tất cả các vị trí trong Công ty được tuyển chọn và đào tạo kỹ lưỡng có chất lượng, có khả năng thích ứng và chuyển đổi nhằm tạo nên một thế hệ nhân sự kế cận đáp ứng nhu cầu hiện tại và chiến lược phát triển lâu dài của công ty.



HIỆU QUẢ

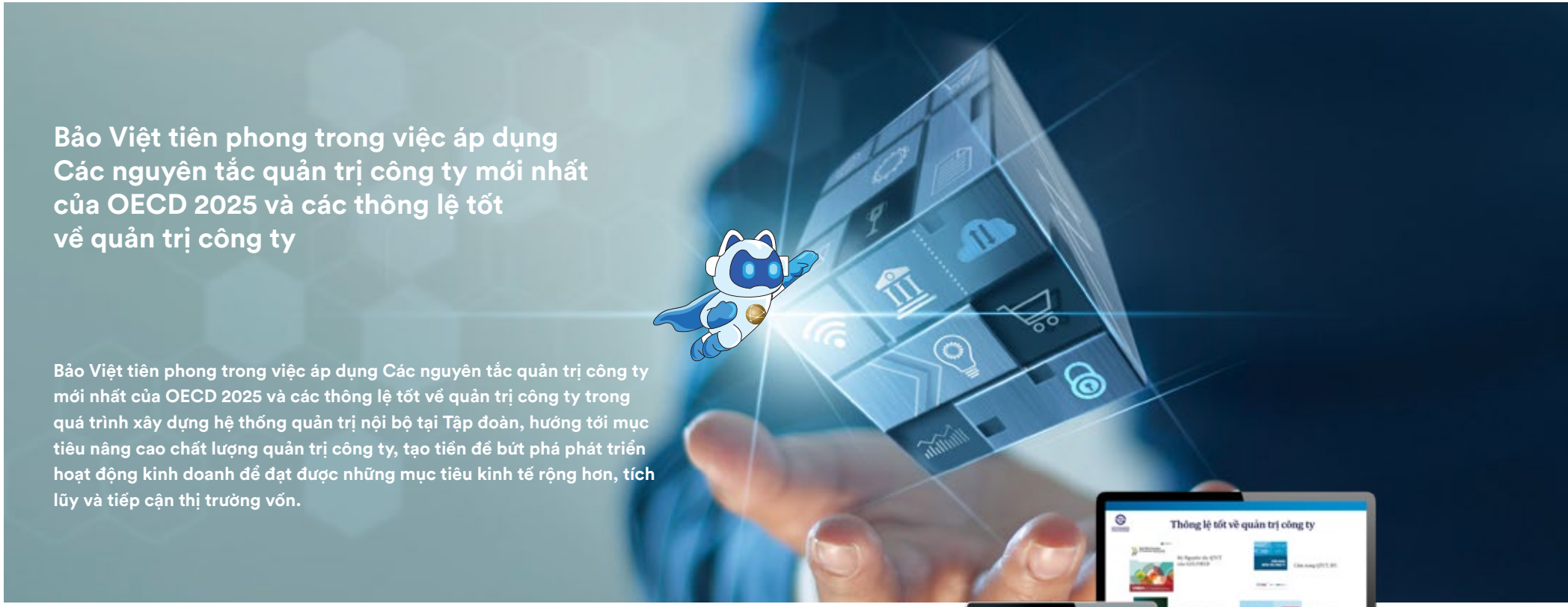
HIỆU QUẢ

Bản lĩnh của Người Tiên phong của Bảo Việt đã được khẳng định trong suốt 60 năm qua, không chỉ là doanh nghiệp khai mở thị trường Tài chính - Bảo hiểm, Bảo Việt cũng là doanh nghiệp đầu tiên áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty, tạo tiền đề phát triển bền vững, ổn định trong dài hạn.

- Nền tảng cơ cấu quản trị công ty vững chắc với đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết
- Áp dụng chuẩn mực quản trị quốc tế với việc tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về Quản trị công ty của OECD, Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN và mô hình quản trị tiên tiến trên cơ sở vận dụng mô hình của các đối tác chiến lược nước ngoài
- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho công ty niêm yết tại Việt Nam
- Áp dụng mô hình quản trị thống nhất trên toàn Tập đoàn nhằm đảm bảo tính nhất quán trong mọi hoạt động
- Đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi cổ đông
- Bảo Việt đưa các tiêu chí ESG, các quy trình, tiêu chí về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu vào hoạt động quản trị để đảm bảo doanh nghiệp tăng trưởng bền vững



Bảo Việt tiên phong trong việc áp dụng Các nguyên tắc quản trị công ty mới nhất của OECD 2025 và các thông lệ tốt về quản trị công ty



Bảo Việt tiên phong trong việc áp dụng Các nguyên tắc quản trị công ty mới nhất của OECD 2025 và các thông lệ tốt về quản trị công ty trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tập đoàn, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh để đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn, tích lũy và tiếp cận thị trường vốn.

Tiêu chuẩn quản trị tại Cẩm nang quản trị công ty phiên bản 2025 sẽ trở thành nền tảng quan trọng của thị trường vốn Việt Nam, đóng vai trò là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế liên tục của đất nước. Cụ thể là tăng cường minh bạch và báo cáo tài chính và phi tài chính; tăng cường quản lý rủi ro và tuân thủ quy định; nâng cao tiêu chuẩn quản trị và phát triển bền vững.

Các nguyên tắc quản trị công ty mới nhất của OECD

Các nguyên tắc quản trị công ty mới nhất của OECD, được cập nhật vào năm 2023, đã có một số thay đổi quan trọng so với phiên bản trước, tập trung vào việc tăng cường khả năng chống chịu của các công ty, quản lý rủi ro bền vững, và sử dụng công nghệ kỹ thuật số để cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Phiên bản 2023 bao gồm một chương mới tập trung vào việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội, cũng như khả năng chống chịu của các công ty. Chương này phản ánh sự gia tăng của các thách thức mà các công ty phải đối mặt trong việc quản lý rủi ro liên quan đến khí hậu và các vấn đề bền vững khác. Các nguyên tắc hiện nay tích hợp các vấn đề liên quan đến Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) vào khuôn khổ quản trị công ty, nhằm giúp các công ty quản lý rủi ro và cơ hội một cách hiệu quả hơn. Các nguyên tắc nhấn mạnh việc cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị công ty, bao gồm cả việc công bố thông tin một cách đầy đủ và chính xác. Cùng với việc khuyến khích việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số để tăng cường sự tham gia của cổ đông và minh bạch trong các cuộc họp cổ đông, nguyên tắc còn khuyến khích các nhà đầu tư tổ chức thực hiện vai trò của mình một cách có trách nhiệm hơn trong việc thúc đẩy quản trị công ty tốt.



Tổng quan về quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

Quản trị công ty theo thông lệ tốt là điều kiện không thể thiếu để đảm bảo sự phát triển bền vững; do đó Bảo Việt tiên phong áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tập đoàn, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy và tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh.

1. Tính bền vững và khả năng chống chịu



2. Tích hợp các tiêu chuẩn ESG

3. Sử dụng Công nghệ Kỹ thuật số

4. Khung khổ Pháp lý và Quy định

5. Vai trò của các nhà đầu tư tổ chức



6. Cấu trúc nguyên tắc

7. Quy trình xem xét và cập nhật



Nguyên tắc và giá trị cốt lõi của quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt

Trong những năm vừa qua, dưới sự định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị (HĐQT), Tập đoàn Bảo Việt đã áp dụng Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất dành cho các Công ty đại chúng tại Việt Nam và cập nhật các tiêu chí theo phiên bản 2025), như một kim chỉ nam nhằm xác định một lộ trình cải thiện các chuẩn mực và thông lệ quản trị, giảm thiểu rủi ro và hướng đến sự phát triển bền vững và thịnh vượng lâu dài của doanh nghiệp.

Tập đoàn Bảo Việt chủ động tham chiếu Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty 2025 trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tập đoàn, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy, tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn Tập đoàn.



TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Theo nguyên tắc quản trị công ty mới nhất của OECD, Tập đoàn Bảo Việt đã bổ sung các tiêu chí và hoạt động phù hợp với bản cập nhật của các nguyên tắc quản trị công ty mới nhất trong đó tập trung phân tích bổ sung các vấn đề về:

1 Tính bền vững và khả năng chống chịu

Trong đó có 1 chương tập trung vào việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội, cũng như khả năng chống chịu của các công ty. Chương này phản ánh sự gia tăng của các thách thức mà các công ty phải đối mặt trong việc quản lý rủi ro liên quan đến khí hậu và các vấn đề bền vững khác.

2 Tích hợp các tiêu chuẩn ESG

Các nguyên tắc hiện nay tích hợp các vấn đề liên quan đến Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) vào khuôn khổ quản trị công ty, nhằm giúp Bảo Việt quản lý rủi ro và cơ hội một cách hiệu quả hơn.

3 Sử dụng Công nghệ Kỹ thuật số

Ứng dụng kỹ thuật số cho các cuộc họp cổ đông: Phiên bản mới khuyến khích việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số để tăng cường sự tham gia của cổ đông và minh bạch trong các cuộc họp cổ đông.

4 Khung khổ Pháp lý và Quy định

Cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm giải trình: Các nguyên tắc nhấn mạnh việc cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị công ty, bao gồm cả việc công bố thông tin một cách đầy đủ và chính xác.

5 Vai trò của các nhà đầu tư tổ chức

Khuyến khích các nhà đầu tư tổ chức thực hiện vai trò của mình một cách có trách nhiệm hơn trong việc thúc đẩy quản trị công ty tốt.

6 Cấu trúc nguyên tắc

Cấu trúc của các nguyên tắc vẫn được giữ nguyên, nhưng có nhiều khuyến nghị mới được tích hợp vào các chương hiện có.

7 Quy trình xem xét và cập nhật

Quá trình cập nhật các nguyên tắc này đã được thực hiện thông qua một quá trình tham vấn rộng rãi, bao gồm cả các cuộc tham vấn công khai và tham gia của các chuyên gia từ các tổ chức quốc tế.

Tóm lại, Bảo Việt tiên phong áp dụng phiên bản mới của các nguyên tắc quản trị công ty OECD tập trung vào việc tăng cường khả năng chống chịu của Bảo Việt, quản lý rủi ro bền vững, và sử dụng công nghệ kỹ thuật số để cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



Các nguyên tắc quản trị tại Tập đoàn Bảo Việt

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả
2. Đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông
3. Đảm bảo vai trò, quyền lợi của các bên liên quan
4. Đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động của doanh nghiệp
5. Đảm bảo Hội đồng quản trị và ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp có hiệu quả
6. Đảm bảo sự phát triển bền vững và bền bỉ

BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY G20/OECD 2023

Các điểm thay đổi chính so với phiên bản năm 2015

Tăng cường khả năng tiếp cận tài chính

- Khung quản trị rõ ràng cho Công ty mô hình tập đoàn
- Áp dụng bộ quy tắc quản trị dành cho nhà đầu tư (stewardhip code) và yêu cầu nhà đầu tư tổ chức công bố chính sách tham gia và biểu quyết
- Tầm quan trọng của trái chủ trong cơ chế quản trị
- Công bố xung đột lợi ích của các bên uỷ thác đầu tư, tổ chức xếp hạng và cung cấp dữ liệu ESG, và nhà cung cấp chỉ số, đồng thời minh bạch hoá phương pháp luận của họ.

Trách nhiệm giải trình của HĐQT và BĐH

- Xem xét lợi ích của các bên hữu quan trong quá trình ra quyết định kinh doanh
- Linh hoạt thành lập các uỷ ban chuyên trách thuộc HĐQT
- Quản lý tủi ro, bao gồm cả quản lýkhủng hoảng
- Cân nhắc yêu tố đa dạng trong cơ cấu HĐQT và ban điều hành cấp cao
- Áp dụng cơ chế “Vùng an toàn pháp lý” cho hành động của Ban điều hành và HĐQT
- Thù lao điều hành, bao gồm việc sử dụng các chỉ số KPI liên quan đến phát triển bền vững

Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư

- Quyền cơ bản mới của cổ đông liên quan đến việc lựa chọn kiểm toán viên độc lập
- Tham dự đại hội cổ đông từ xa với quyền tiếp cận và tham gia bình đẳng
- Công bố cấu trúc công ty và các thoả thuận kiểm soát
- Bảo vệ quyền của nhà đầu tư trong các hợp đồng nợ vay

Bền vững và bên bỉ

Công bố thông tin

- Khái niệm trọng yếu trong công bố thông tin
- Áp dụng các chuẩn mực được quốc tế công nhận nhằm tạo điều kiện so sánh
- Sử dụng các chỉ số đáng tin cậy khi doanh nghiệp công bố mục tiêu liên quan đến phát triển bền vững
- Bảo đảm bên ngoài đối với các thông tin công bố liên quan đến phát triển bền vững

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

- Xem xét các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững

Cổ đông và các bên hữu quan

- Đối thoại về các quyết định quan trọng của doanh nghiệp liên quan đến phát triển bền vững

Nguồn: Bộ Nguyên tắc QTCT G20/OECD 2023

CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

1 **Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả**



TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

- Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT
- Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp
- Đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của HĐQT
- Thiết lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT
- Bảo đảm Hoạt động Hiệu quả của HĐQT
- Thiết lập và duy trì Văn hóa đạo đức Bảo Việt

2 **Đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông**



MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

- Thiết lập khung Quản lý rủi ro và Môi trường kiểm soát vững mạnh

3 **Đảm bảo vai trò, quyền lợi của các bên liên quan**



CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

- Tăng cường hoạt động Công bố thông tin của Bảo Việt

4 **Đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động của doanh nghiệp**



QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

- Thiết lập Khuôn khổ để Thực hiện Hiệu quả Quyền của cổ đông

5 **Đảm bảo Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp có hiệu quả**



QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các Bên có quyền lợi liên quan

6 **Đảm bảo sự phát triển bền vững và bền bỉ**



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ BỀN BỈ

- Cung cấp các động lực để các công ty và nhà đầu tư đưa ra quyết định và quản lý rủi ro theo cách có thể góp phần vào sự phát triển bền vững và khả năng chống chịu của doanh nghiệp

BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY G20/OECD 2023

Nguyên tắc 6 - Phát triển bền vững và bền bỉ

Nguyên tắc

Khung Quản trị Công ty cần cung cấp các động lực để các công ty và nhà đầu tư của họ đưa ra quyết định và quản lý rủi ro theo cách có thể góp phần vào sự bền vững và khả năng chống chịu của doanh nghiệp.

Thiết lập 1 Hệ thống thông tin MT - XH chất lượng cao	Các thông tin liên quan đến môi trường kinh tế vĩ mô và các yêu cầu phát triển bền vững phải nhất quán, có thể so sánh và đáng tin cậy.
Thiết lập 2 Kênh đối thoại xuyên suốt với bên hữu quan	Kênh liên lạc thường xuyên giữa công ty, cổ đông và các bên hữu quan để trao đổi về các vấn đề bền vững.
Thiết lập 3 Đánh giá của HĐQT với Biến đổi Khí hậu	HĐQT đánh giá toàn diện các rủi ro và cơ hội bền vững quan trọng, bao gồm cả rủi ro khí hậu và chuyển đổi, trong vai trò giám sát.
Thiết lập 4 Tham gia của các bên hữu quan	Đảm bảo quyền và lợi ích của các bên hữu quan, đồng thời thúc đẩy hợp tác tích cực nhằm tạo ra giá trị, sự bền vững và khả năng chống chịu của công ty.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA BẢO VIỆT ĐƯỢC THỰC HIỆN DỰA TRÊN 5 giá trị cốt lõi

MINH BẠCH

Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề quan trọng liên quan tới doanh nghiệp bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu, và các cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện một cách kịp thời và chính xác.

TRÁCH NHIỆM

Công nhận quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo duy định của pháp luật và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm và đảm bảo tính bền vững về mặt tài chính của Bảo Việt.

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Đảm bảo việc cung cấp định hướng chiến lược cho công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu lực từ HĐQT, đảm bảo việc giải trình của HĐQT trước công ty và các cổ đông.

CÔNG BẰNG

Bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông nhỏ lẻ và các cổ đông nước ngoài.

BỀN VỮNG

Đảm bảo mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho cổ đông và đảm bảo hài hòa các yếu tố quản trị liên quan đến phát triển kinh tế-xã hội và môi trường.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT ĐƯỢC THỰC HIỆN DỰA TRÊN CÁC SỰ KẾT HỢP HÀI HÒA GIỮA CÁC YẾU TỐ SAU:

Nền tảng cơ cấu quản trị công ty vững chắc

Cơ cấu quản trị của Bảo Việt có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban trực thuộc HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành...).

Chuẩn mực quản trị quốc tế

Tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về Quản trị công ty của OECD, Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN và mô hình quản trị tiên tiến trên cơ sở vận dụng mô hình của các đối tác chiến lược nước ngoài.

Phù hợp thông lệ và Pháp luật Việt Nam

Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho công ty niêm yết tại Việt Nam, điều chỉnh, rà soát thay đổi thích nghi với điều kiện tại Việt Nam.

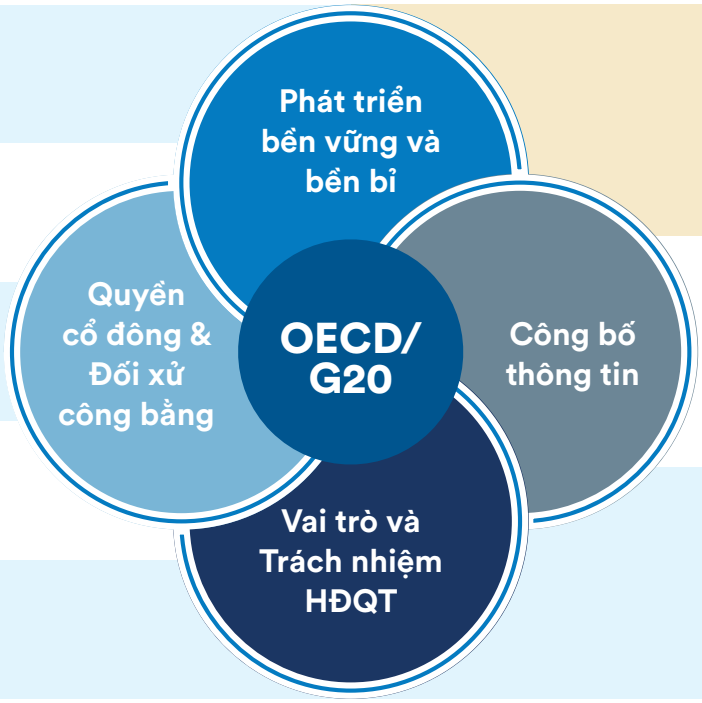
Áp dụng thống nhất trên toàn Tập đoàn

Xây dựng và phát triển mô hình quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn nhằm đảm bảo tính thống nhất và nhất quán trong mọi hoạt động.

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CÁC RỦI RO

- Rủi ro Biến đổi khí hậu
- Rủi ro Địa chính trị
- Rủi ro Môi trường kinh tế vĩ mô
- Rủi ro Số hoá và AI
- Rủi ro Kiểm soát nội bộ



CÁC MỤC TIÊU

Bắt buộc (Thực hiện hoặc Giải thích) hay **Tự nguyện?**

Bảo vệ Nhà đầu tư và Các bên hữu quan

Bảo vệ Môi trường và Xã hội

Áp dụng các thông lệ Quản trị công ty tốt trên thế giới

Nguyên tắc quản trị công ty

ĐIỀU 40 | **Luật Chứng khoán 2019**

Nguyên tắc QTCT áp dụng đối với công ty đại chúng

1. Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
2. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;
3. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
4. Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
5. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
6. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

Khung quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt bao gồm các cấu phần sau:



1

Thành phần & Cơ cấu của HĐQT

- Thành phần và tổ chức
- Hướng dẫn và đào tạo
- Thù lao cho HĐQT
- Kế hoạch kế nhiệm

(Tham chiếu Nội dung Chương IV: Báo cáo của HĐQT và Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát)



2

Hoạt động & Hiệu quả của HĐQT

- Đạo đức và mối quan hệ của các thành viên HĐQT
- Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO)
- Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm
- Ủy ban Chiến lược và Đầu tư
- Ủy ban Kiểm toán

(Tham chiếu nội dung Chương IV: Báo cáo của HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT)



3

Chiến lược, Kế hoạch & Giám sát

- Tầm nhìn và sứ mệnh
- Kế hoạch chiến lược, kế hoạch kinh doanh
- Giám sát hiệu quả hoạt động của Tập đoàn và hiệu quả quản trị
- Chiến lược CNTT
- Quản lý nhân lực

(Tham chiếu báo cáo tại Chương II của Báo cáo thường niên)



4

Các quy trình quản lý rủi ro & Tuân thủ hiệu quả

- Hệ thống quản lý rủi ro
- Hệ thống kiểm soát nội bộ

(Tham chiếu nội dung Chương IV: Hệ thống kiểm soát nội bộ)



5

Minh bạch & Công bố thông tin

- Báo cáo tài chính
- Tăng cường công tác báo cáo

(Tham chiếu nội dung tại Chương VI Báo cáo thường niên)



6

Trách nhiệm của Tập đoàn Bảo Việt (xã hội, đạo đức & môi trường)

- Quy tắc ứng xử
- Đạo đức kinh doanh
- Quan hệ giữa các nhân viên/ An toàn và sức khỏe
- Trách nhiệm xã hội

(Tham chiếu nội dung tại Chương V Báo cáo thường niên)

Tích hợp ESG trong quản trị hướng đến phát triển bền vững

Các hiện tượng thiên nhiên ngày càng cực đoan đã khiến gia tăng tầm quan trọng của việc ứng phó với các vấn đề liên quan đến ESG. Nhận thức được những thách thức và cơ hội đó, Bảo Việt đã thực hiện bổ sung các tiêu chí ESG, đưa thêm những quy trình, tiêu chí về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu vào trong hoạt động quản trị và vận hành hoạt động kinh doanh của mình để đảm bảo doanh nghiệp tăng trưởng, nhưng sự phát triển này phải bền vững. Dưới góc nhìn của một Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, đầu tư, chúng tôi cũng nhận định danh mục đầu tư ESG sở hữu ít rủi ro hơn trước các biến động môi trường - xã hội, trong khi mang lại lợi suất tốt trong dài hạn, nhất là khi các vấn đề biến đổi khí hậu ngày càng trở nên nghiêm trọng.



Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng triển khai báo cáo tích hợp theo thông lệ quốc tế, theo đó thông tin tài chính và phi tài chính được tổng hợp phân tích và báo cáo theo mô hình quản lý các nguồn lực để tạo ra giá trị cho doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Trong định hướng phát triển bền vững, Bảo Việt đã tuyên bố sự cam kết của Lãnh đạo cấp cao (từ cấp HĐQT, Ban Điều hành) về việc đảm bảo thực hiện 3 mục tiêu kinh tế - xã hội và môi trường (ESG) trong Chiến lược phát triển của Bảo Việt. Định hướng chiến lược này được hiện thực hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng Ban chức năng và đơn vị thành viên. Các mục tiêu này được lượng hóa theo chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs), trong đó bao gồm các chỉ tiêu tài chính (kinh tế) và phi tài chính (môi trường và xã hội).



1 **Tính cam kết thực hiện quản trị, môi trường và xã hội theo các chuẩn mực tốt (cam kết từ lãnh đạo và văn hóa công ty)**

Công ty và các cổ đông thể hiện rõ cam kết trong việc triển khai thực hiện các thông lệ chuẩn mực cao về QTCT, trong đó bao gồm cả các chính sách, thủ tục về quản trị môi trường và xã hội.

2 **Cơ cấu và chức năng hoạt động của hội đồng quản trị (HĐQT)**

HĐQT có được cơ cấu một cách phù hợp và có đầy đủ năng lực để giám sát chiến lược, ban điều hành và năng lực hoạt động của công ty hay không.

3 **Môi trường kiểm soát**

Các hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty, chức năng kiểm toán nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro, chức năng tuân thủ có được xây dựng đúng và đủ để bảo đảm việc theo dõi quản lý các tài sản, tính hiệu quả của hoạt động kinh doanh, tính chính xác trong báo cáo cũng như tính tuân thủ với các chính sách, quy trình thủ tục và các quy định pháp lý có liên quan.

4 **Công bố và minh bạch thông tin**

Các công bố tài chính và phi tài chính của công ty có phù hợp, trung thực, kịp thời và quan trọng cho cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan hay không.

5 **Đối xử với cổ đông thiểu số**

Các quyền của cổ đông thiểu số và các bên có quyền lợi liên quan có được tôn trọng, được thực hiện theo đúng luật và đối xử công bằng hay không.

6 **Quản trị mối quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan**

Việc công ty quản trị các mối quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan có được thực hiện một cách đúng đắn, đặc biệt là việc giám sát phân loại, đưa ra các chính sách đối xử và cơ chế khiếu nại đối với các bên có quyền lợi liên quan.

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



Đánh giá năng lực và cách thức triển khai liên quan đến phát triển bền vững

Bảo Việt triển khai định hướng phát triển bền vững từ Lãnh đạo cấp cao đến các Ban thực hiện đánh giá các KPIs này và báo cáo lên Hội đồng Quản trị. Có thể nói, hoạt động kinh doanh của Bảo Việt gắn kết ngày một chặt chẽ hơn với các vấn đề xã hội và môi trường.

Các định hướng chiến lược và kế hoạch hành động liên quan đến vấn đề kinh tế – xã hội – môi trường được đưa ra tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức hàng năm. Theo đó, HĐQT tổ chức triển khai các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Ban điều hành chỉ đạo cụ thể hóa thành các hành động thông qua hoạt động tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên. Các Giám đốc Ban có trách nhiệm cụ thể hóa.

Thực hiện rà soát các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến Kinh tế – Xã hội – Môi trường

Trong các văn bản chỉ đạo, HĐQT thường xuyên yêu cầu Ban Điều hành tập trung công tác dự báo, cập nhật và theo dõi sát sao diễn biến thực tiễn về tình hình kinh tế, xã hội và môi trường trong hoạt động kinh doanh, để chủ động điều chỉnh linh hoạt và kịp thời đưa ra các định hướng, quyết sách, giải pháp cho phù hợp, hiệu quả, đảm bảo chỉ đạo triển khai thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm và chiến lược kinh doanh.

Giám sát việc tổ chức triển khai các quyết định, nghị quyết và chính sách của Tập đoàn do Hội đồng Quản trị ban hành liên quan đến phát triển bền vững và các vấn đề môi trường, xã hội.

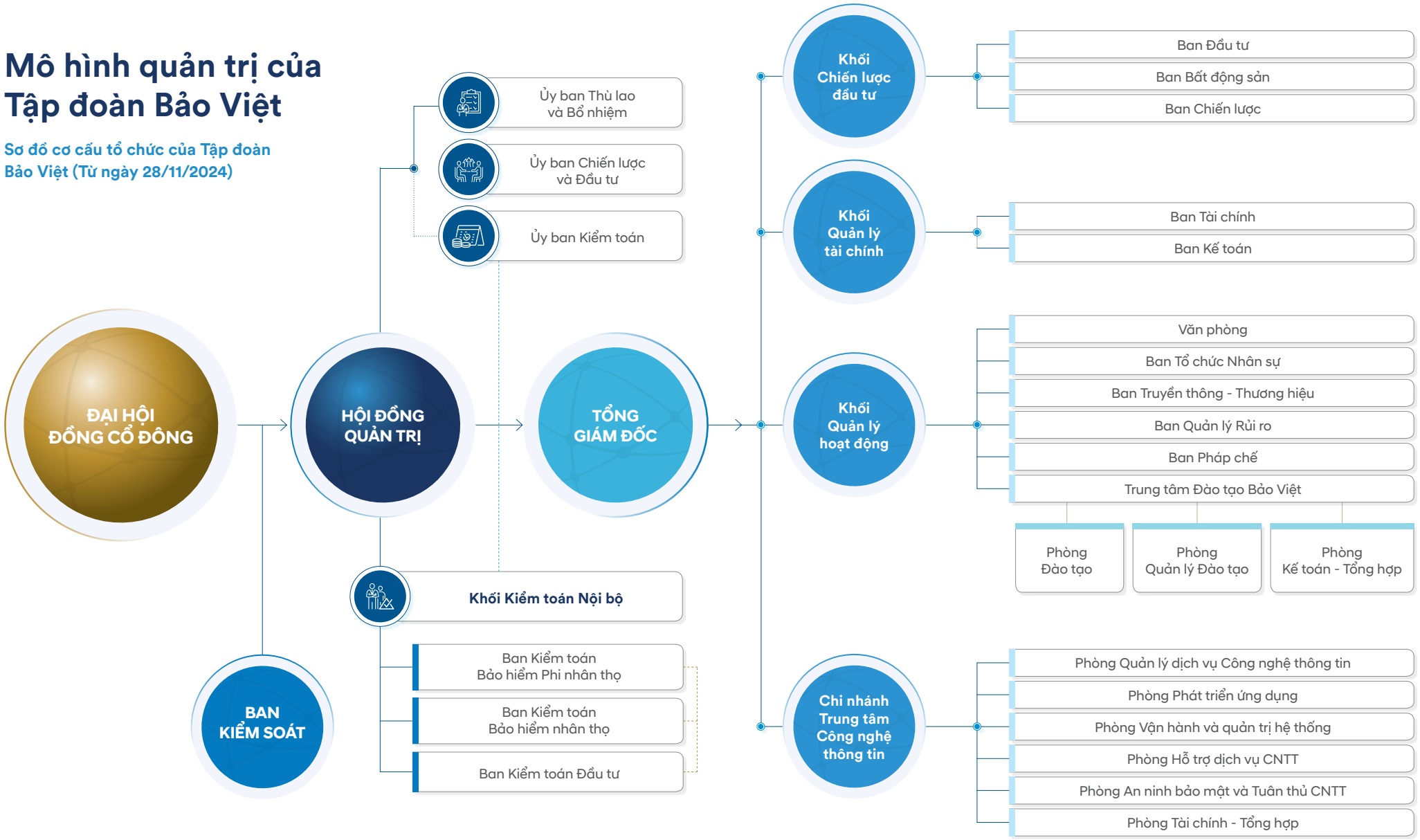
Chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển bền vững và báo cáo phát triển bền vững

HĐQT giám sát việc triển khai chiến lược của Bảo Việt, trong đó bao gồm chiến lược phát triển bền vững. HĐQT có trách nhiệm phê duyệt chủ trương thực hiện và phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua. Hội đồng Quản trị giao Ban điều hành và Bộ phận chịu trách nhiệm về báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo xây dựng nội dung phù hợp với chuẩn mực thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam.

Mô hình quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt và giới thiệu các thành viên

Mô hình quản trị của Tập đoàn Bảo Việt

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Tập đoàn Bảo Việt (Từ ngày 28/11/2024)



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
VÀ GIỚI THIỆU CÁC THÀNH VIÊN

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

(Tại thời điểm 31/12/2024)



Bà TRẦN THỊ DIỆU HẰNG

Quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm, kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán Tập đoàn Bảo Việt
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Chức vụ công tác đã qua:

- Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng phòng Phát triển thị trường, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính
- Trưởng phòng Quản lý, giám sát bảo hiểm phi nhân thọ, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính



Ông NGUYỄN ĐÌNH AN

Phó chủ tịch - Thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý, chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCK Nhà nước cấp ngày 25/12/2017

Kinh nghiệm: 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Chủ nhiệm Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Chức vụ công tác đã qua:

- Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.
- Trưởng Ban Thư ký - Tổng hợp, Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT VÀ GIỚI THIỆU CÁC THÀNH VIÊN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT (Tại thời điểm 31/12/2024)



Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt,
Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy, Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại

Kinh nghiệm: 28 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 27/11/2024)
- Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm Tập đoàn
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Chức vụ công tác đã qua:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Trưởng ban Phát triển ứng dụng 2, Khối Công nghệ thông tin (nay là Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin), Tập đoàn Bảo Việt



Ông NGUYỄN THỪA NHẬT

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 19...

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật và Cử nhân Kinh tế
Kinh nghiệm: 14 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, quản trị hoạt động

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ

Chức vụ công tác đã qua:

- Thư ký Hội đồng quản trị Ngân hàng Bảo Việt
- Trợ lý Kiểm toán - Phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng Bảo Việt
- Chuyên viên chính - Trung tâm tác nghiệp tín dụng Ngân hàng Bảo Việt
- Trợ lý HĐQT - Văn phòng HĐQT Ngân hàng Bảo Việt
- Phó Chánh Văn phòng Ban điều hành Ngân hàng Bảo Việt
- Chánh Văn phòng HĐQT Ngân hàng Bảo Việt
- Giám đốc Khối Văn phòng và Quản trị hoạt động Ngân hàng Bảo Việt
- Giám đốc điều hành, phụ trách Khối Pháp chế và tuân thủ Ngân hàng Bảo Việt
- Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc khối Quản lý rủi ro Ngân hàng Bảo Việt
- Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành Ngân hàng Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt
- Quyền Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT VÀ GIỚI THIỆU CÁC THÀNH VIÊN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT (Tại thời điểm 31/12/2024)



Ông NGUYỄN QUANG PHI

Thành viên Hội đồng quản trị BVH

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế bảo hiểm

Kinh nghiệm: 29 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Giám đốc Ban Trù bị thành lập Công ty Bảo hiểm sức khỏe Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng: Bảo hiểm Tàu thủy, Marketing - Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc PJICO, PTI



Ông INAMI RYOTA

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1970
Quốc tịch: Nhật Bản
Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành lịch sử hiện đại
Kinh nghiệm: Trên 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm
Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Chiến lược và đầu tư, Tập đoàn Bảo Việt;
- Chủ nhiệm Hội đồng Chiến lược và đầu tư, Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Chức vụ công tác đã qua tại Sumitomo Life:

- Phó giám đốc Khối Kế hoạch doanh nghiệp kiêm Trưởng phòng Kế hoạch vốn;
- Trợ lý cao cấp của Giám đốc Khối Kế hoạch doanh nghiệp;
- Trợ lý cao cấp của Giám đốc Khối Quan hệ đối ngoại và công bố thông tin;
- Trợ lý của Giám đốc Khối Kinh doanh quốc tế (làm việc tại Hà Nội);
- Trợ lý của Giám đốc Khối Kinh doanh quốc tế và Ủy ban xúc tiến kinh doanh tại Trung Quốc
- Trợ lý của Trưởng bộ phận Kinh doanh quốc tế;
- SLI Europe (làm việc tại London)
- Merrill Lynch Investment Managers (làm việc tại London);
- Phòng đầu tư vốn
- Chi nhánh Hakata



Ông IGARASHI TAKAFUMI

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1967

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương Mại
Kinh nghiệm: : trên 20 năm trong lĩnh vực bảo hiểm và ngân hàng
Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Bảo hiểm nhân thọ PT BNI (công ty liên kết của Sumitomo Life tại Indonesia);
- Cố vấn cấp cao (GBF) Khối kinh doanh quốc tế, Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo Life

Chức vụ công tác đã qua tại Sumitomo Life:

- Giám đốc điều hành khu vực Viễn Đông, Công ty Reviti Limited for Philip Morris International Inc;
- Giám đốc Công ty AIG Japan Holdings KK;
- Thành viên Hội đồng Quản trị, Công ty American Home Assurance and AIG Fuji Life

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT VÀ GIỚI THIỆU CÁC THÀNH VIÊN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT (Tại thời điểm 31/12/2024)



Bà NGÔ THỊ THU TRANG

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1963

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 34 năm trong lĩnh vực quản trị, điều hành tài chính, kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)

Chức vụ công tác đã qua:

- Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bảo Việt;
- Giám đốc Điều hành Dự án, Giám đốc Điều hành Tài chính, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng thuộc Công ty cổ phần Sữa Việt Nam
- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Kế toán thống kê thuộc Công ty cổ phần Sữa Việt Nam



Ông DƯƠNG TRÍ THÀNH

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1961

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị khai thác hàng không

Kinh nghiệm: 34 năm trong lĩnh vực quản trị, điều hành ngành hàng không.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)

Chức vụ công tác đã qua:

- Thành viên HĐQT, Cố vấn cao cấp Ban điều hành thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Phó Tổng Giám đốc thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Giám đốc Văn phòng khu vực miền Nam thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Trưởng ban Tiếp thị hành khách thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Phó Trưởng ban Kế hoạch thị trường thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam



Ông TRỊNH HỒNG QUANG

Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1963

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: : 32 năm trong lĩnh vực quản trị, điều hành ngành hàng không.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Công ty CP Hàng không Jestar Pacific Airlines
- Phó Tổng Giám đốc thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air
- Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Tiếp thị hành khách, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tin học Viễn thông hàng không, Chủ tịch Công ty CP Dịch vụ hàng không Sân bay Nội Bài thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam
- Phó trưởng, quyền Trưởng ban, Trưởng ban Tiếp thị hành khách thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
VÀ GIỚI THIỆU CÁC THÀNH VIÊN

Thành viên Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt

(Tại thời điểm 31/12/2024)



Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT

Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 28 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024 - 2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Chủ nhiệm Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm Tập đoàn
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Tái bảo hiểm quốc gia (VinaRe)

Chức vụ công tác đã qua:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Trưởng ban Phát triển ứng dụng 2, Khối Công nghệ thông tin (nay là Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin), Tập đoàn Bảo Việt



Ông NGUYỄN XUÂN HÒA

Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 24 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 13/01/2016)
- Ủy viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn
- Trưởng Ban Tài chính Tập đoàn
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Đầu tư Bảo Việt
- Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc

Chức vụ công tác đã qua:

- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt
- Giám đốc Ban Kế toán Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng ban Tài chính, Kế hoạch – Tài chính Tập đoàn Bảo Việt
- Phó Trưởng ban Kế hoạch – Tài chính Tập đoàn Bảo Việt

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
VÀ GIỚI THIỆU CÁC THÀNH VIÊN

GIÁM ĐỐC KHỐI, TRUNG TÂM

(Tại thời điểm 31/12/2024)



Ông ÔNG TIẾN HÙNG

Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động, Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1964

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật, Cử nhân Kế toán

Kinh nghiệm: 34 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thanh tra, kiểm soát nội bộ

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động, Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua:

- Trưởng ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt
- Giám đốc Ban Tổ chức Nhân sự; Giám đốc Ban/Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Kiểm tra nội bộ và Quản lý rủi ro - Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt
- Phó trưởng phòng, Thanh tra viên chính, Thanh tra viên – Thanh tra Bộ Tài chính



Ông PHẠM VIỆT HÙNG

Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật

Kinh nghiệm: 11 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt
- Giám đốc Sở giám Giao dịch Ngân hàng TMCP Bảo Việt
- Giám đốc Điều hành, Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành Ngân hàng TMCP Bảo Việt
- Chánh Văn phòng Ngân hàng TMCP Bảo Việt kiêm Chánh Văn phòng Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Bảo Việt



Ông TRƯƠNG TUẤN LÂM

Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Cử nhân tin học kinh tế

Kinh nghiệm: 28 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 05/02/2021)
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC.

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 08/3/2018 đến 05/02/2021)
- Phó Giám đốc Chi nhánh Trung tâm CNTT, Tập đoàn Bảo Việt
- Phó Giám đốc Khối CNTT, Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng ban Vận hành và Quản trị hệ thống CNTT, Tập đoàn Bảo Việt

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
VÀ GIỚI THIỆU CÁC THÀNH VIÊN

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

(Tại thời điểm 31/12/2024)



Ông VŨ THANH HẢI

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kiểm toán, Chứng chỉ Kiểm toán viên, Bộ Tài chính

Kinh nghiệm: 18 năm trong lĩnh vực kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Trưởng ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024-2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Trưởng nhóm Kiểm toán bảo hiểm phi nhân thọ, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua:

- Trưởng nhóm Kiểm toán bảo hiểm phi nhân thọ, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 29/6/2019)
- Kiểm toán viên Ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Kiểm toán viên, trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – chi nhánh Hà Nội



Ông ĐINH HOÀI LINH

Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Kinh nghiệm: 18 năm trong lĩnh vực kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024-2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Phó Trưởng ban Kiểm toán bảo hiểm nhân thọ, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua:

- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2021-2023 (từ ngày 29/6/2021)
- Phó Trưởng ban Kiểm toán bảo hiểm nhân thọ, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng ban nghiệp vụ, Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Đà Lạt
- Trưởng nhóm kiểm toán, Công ty TNHH Honda Việt Nam



Bà DƯƠNG THỊ THU THỦY

Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt

Năm sinh: 1989

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán, kiểm toán và phân tích; Cử nhân Luật (văn bằng 2); Chứng chỉ kiểm toán viên, Bộ Tài chính; Chứng chỉ Kiểm toán viên nội bộ công chứng (CIA), ACCA

Kinh nghiệm: Trên 14 năm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024-2029 (từ ngày 26/12/2024)
- Phó trưởng Ban Kiểm toán Đầu tư, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

Chức vụ công tác đã qua:

- Chuyên viên Ban Kiểm toán Đầu tư, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Chuyên viên Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO, hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Trợ lý kiểm toán, Công ty TNHH KPMG Việt Nam

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
VÀ GIỚI THIỆU CÁC THÀNH VIÊN

Thành viên của các Hội đồng ủy ban

(Tại thời điểm 31/12/2024)

ỦY BAN KIỂM TOÁN



Bà TRẦN THỊ DIỆU HẰNG

Thành viên HĐQT, Chủ nhiệm Ủy ban

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm, kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2018-2023 (từ ngày 27/6/2018);
- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt



Ông NGUYỄN QUANG VINH

Phó Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ, Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm: 35 năm trong lĩnh vực thanh tra tài chính, kiểm toán và bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó Trưởng Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ, Ủy viên thường trực Ủy ban Kiểm toán



Ông INAMI RYOTA

Thành viên HĐQT, Ủy viên

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Lịch sử hiện đại

Kinh nghiệm: Trên 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT VÀ GIỚI THIỆU CÁC THÀNH VIÊN

THÀNH VIÊN CỦA CÁC HỘI ĐỒNG ỦY BAN (Tại thời điểm 31/12/2024)

ỦY BAN THÙ LAO BỔ NHIỆM



Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT

Chủ nhiệm Ủy ban

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Công nghệ Chế tạo máy

Kinh nghiệm: Trên 28 năm trong lĩnh vực tài chính – bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Chủ tịch Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam
- Thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt



Ông TRẦN NHUẬN AN

Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: Trên 20 năm trong lĩnh vực quản trị nhân sự và trên 15 năm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó Giám đốc Ban Tổ chức Nhân sự Tập đoàn



Ông NGUYỄN XUÂN NGHĨA

Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tin học

Kinh nghiệm: 31 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Chuyên gia của Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng điều hành Ngân hàng TMCP Bảo Việt.



Bà ĐÀO LINH PHƯƠNG

Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Kinh nghiệm: 10 năm trong lĩnh vực quản trị nhân sự, tài chính

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT VÀ GIỚI THIỆU CÁC THÀNH VIÊN

THÀNH VIÊN CỦA CÁC HỘI ĐỒNG ỦY BAN (Tại thời điểm 31/12/2024)

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ



Ông NGUYỄN ĐÌNH AN

Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt, Chủ nhiệm Ủy ban

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Kinh nghiệm: 18 năm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên HĐQT/ Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên HĐTV/ Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia
- Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt



Ông NGUYỄN XUÂN HÒA

Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt - Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Kinh nghiệm: 24 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt kiêm Giám đốc Ban Tài chính;
- Ủy viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt;
- Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty Bảo Việt Âu Lạc;
- Thành viên Ban Đại diện Quỹ BVIF.



Ông INAMI RYOTA

Thành viên HĐQT Tập đoàn - Ủy viên

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Kinh nghiệm: Trên 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Ủy viên Ủy ban Kiểm toán, Ủy viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
VÀ GIỚI THIỆU CÁC THÀNH VIÊN

THÀNH VIÊN CỦA CÁC HỘI ĐỒNG ỦY BAN
(Tại thời điểm 31/12/2024)

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN



Bà LƯƠNG THỊ BÍCH NGỌC

Người phụ trách Quản trị Công ty/Thư ký Công ty

Năm sinh: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính ngân hàng, Cử nhân tài chính doanh nghiệp, Chứng chỉ Kiểm toán viên, Bộ Tài chính

Kinh nghiệm: 20 năm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, thư ký công ty

Chức vụ đang đảm nhiệm:
- Người Phụ trách quản trị Tập đoàn kiêm Thư ký Tập đoàn
- Phó Chánh Văn phòng Tập đoàn

Chức vụ công tác đã qua:
- Trưởng Ban, Phó Trưởng ban phụ trách Ban Thư ký - Tổng hợp Tập đoàn; Phó Chánh Văn phòng Tập đoàn;
- Chuyên viên Ban Đầu tư/Đầu tư dự án/Đầu tư chiến lược Tập đoàn;
- Kiểm toán viên - Công ty cổ phần kiểm toán tư vấn thuế (ATC).



Bà NGUYỄN THANH HOA

Người phụ trách Quản trị Công ty

Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: TThạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Ngân hàng-tài chính, Cử nhân tiếng Anh thương mại

Kinh nghiệm: 20 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, thư ký công ty

Chức vụ đang đảm nhiệm:
- Trưởng Ban Truyền thông – Thương hiệu kiêm Người phụ trách quản trị công ty

Chức vụ công tác đã qua:
- Giám đốc Ban Truyền thông Thương hiệu, Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 04/2014 -9/2023) kiêm Người phụ trách quản trị Công ty (từ 11/07/2021)
- Trưởng Ban Thư ký Tập đoàn, Tập đoàn Bảo Việt
- Phó Trưởng Ban Thư ký Tập đoàn, Tập đoàn Bảo Việt

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Năm 2024, Hội đồng quản trị đã phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2024; triển khai kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021 – 2030 của toàn Tập đoàn và các chiến lược thành phần; đồng thời tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của toàn Tập đoàn, đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp hướng tới thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững.



Cơ cấu thành phần Hội đồng Quản trị

Danh sách thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt tại thời điểm 31/12/2024

STT	Họ và tên	Chức danh	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn Bảo Việt	Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty Cổ phần khác tại Việt Nam
1	Bà Trần Thị Diệu Hằng	Quyền Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách	**18%** (Trong đó: Sở hữu phần vốn NN:133.618.098, Sở hữu cá nhân: 0) Phụ trách HĐQT từ 24/8/2022 đến 29/6/2024 Quyền Chủ tịch HĐQT từ 27/11/2024 đến nay	Không có
2	Ông Nguyễn Đình An	Phó Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách	**10%** (Trong đó: Sở hữu phần vốn NN: 74.232.277, Sở hữu cá nhân: 9.960) Phó Chủ tịch HĐQT từ 27/11/2024 đến này	Không có
3	Ông Nguyễn Xuân Việt	Thành viên HĐQT	Điều hành	**16,01%** (Trong đó: Sở hữu phần vốn NN: 118.771.643, Sở hữu cá nhân: 83.955)	Không có
4	Nguyễn Quang Phi	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**7,00%** Sở hữu phần vốn NN: 51.962.594, Sở hữu cá nhân: 20.000 Thành viên HĐQT từ ngày 26/12/2024	Không có
5	Nguyễn Thừa Nhật	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**7,00%** Sở hữu phần vốn NN: 51.962.594, Sở hữu cá nhân: 0 Thành viên HĐQT từ ngày 26/12/2024	Không có
6	Ông Igarashi Takafumi	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**11,04%** (Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn Sumitomo Life: 81.972.711 cổ phần Sở hữu cá nhân: 0)	Không có
7	Ông Inami Ryota	Thành viên HĐQT	Không điều hành	**11,04%** (Trong đó: Đại diện sở hữu phần vốn Sumitomo Life: 81.972.710 cổ phần Sở hữu cá nhân: 0)	Không có
8	Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành	**0%** Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 26/12/2024	Không có
9	Ông Trịnh Hồng Quang	Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành	**0%** Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 26/12/2024	Không có
10	Ông Dương Trí Thành	Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành	**0%** Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 26/12/2024	Không có

Hoạt động của HĐQT năm 2024

Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên và báo cáo xin ý kiến ĐHĐCĐ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ

Năm 2024, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã triệu tập 01 cuộc họp (ĐHĐCĐ) thường niên vào ngày 26/6/2024 và 01 cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường vào ngày 26/12/2024.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Báo cáo của Tổng Giám đốc về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2023 của Tập đoàn Bảo Việt đã được kiểm toán
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt tại ĐHĐCĐ thường niên 2024
- Kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2024 của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt tại ĐHĐCĐ thường niên 2024
- Tờ trình về việc chi trả thù lao đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên năm tài chính 2023 và đề xuất mức thù lao năm tài chính 2024
- Tờ trình về việc phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2023 và kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt
- Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 15)



ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt đã thảo luận và thông qua các nội dung:

- Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Tập đoàn Bảo Việt và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt
- Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024-2029Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024, 2025, 2026 của Tập đoàn Bảo Việt.

ĐHĐCĐ thường niên 2024 và ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt ("Đại hội") đã diễn ra theo đúng trình tự các bước quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt cũng như các quy định khác đối với công ty niêm yết. Trước khi tổ chức Đại hội, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện việc công bố thông tin về việc tổ chức Đại hội, thông báo chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội; thông báo mời họp; công bố các tài liệu sẽ trình tại Đại hội và thực hiện công bố Báo cáo tài chính theo đúng quy định.

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 và ĐHĐCĐ bất thường năm 2024, HĐQT đã triển khai thực hiện các vấn đề được ĐHĐCĐ thông qua.

Họp HĐQT định kỳ nhằm đánh giá tình hình hoạt động và đưa ra các định hướng phát triển của Tập đoàn Bảo Việt

Thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2024, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. HĐQT đã tổ chức 04 (bốn) cuộc họp định kỳ hàng quý. Ngoài ra, để giải quyết một số công việc cụ thể, HĐQT đã tiến hành họp vào ngày 27/11/2024 và 26/12/2024.

Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT hoặc ủy quyền cho các thành viên HĐQT dự họp và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong năm 2024

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	**Bà Trần Thị Diệu Hằng**	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 27/6/2018 Ngày bắt đầu là quyền Chủ tịch HĐQT: 27/11/2024	6/6	100%	
2	**Ông Nguyễn Đình An**	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 29/6/2020 Ngày bắt đầu là quyền Chủ tịch HĐQT: 27/11/2024	6/6	100%	
3	**Bà Thân Hiền Anh**	Thành viên HĐQT	Ngày không còn là t/v HĐQT: 05/01/2024	0	0%	Không còn là thành viên HĐQT từ ngày 05/01/2024
4	**Ông Nguyễn Xuân Việt**	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 27/6/2018	6/6	100%	
5	**Ông Nguyễn Thừa Nhật**	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 26/12/2024	1/1	100%	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 26/12/2024
6	**Ông Nguyễn Quang Phi**	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 26/12/2024	1/1	100%	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 26/12/2024
7	**Ông Arai Kazuhiko**	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 29/6/2021 Ngày không còn là t/v HĐQT: 26/12/2024	5/5	100%	Không còn là t/v HĐQT từ ngày 26/12/2024
8	**Ông Inami Ryota**	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 29/6/2022	6/6	100%	
9	**Ông Igarashi Takafumi**	Thành viên độc lập HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 26/12/2024	1/1	100%	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 26/12/2024
10	**Ông Dương Trí Thành**	Thành viên độc lập HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 26/12/2024	1/1	100%	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 26/12/2024
11	**Bà Ngô Thị Thu Trang**	Thành viên độc lập HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 26/12/2024	1/1	100%	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 26/12/2024
12	**Ông Trịnh Hồng Quang**	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 26/12/2024	1/1	100%	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT: 26/12/2024

Các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, ĐHĐCĐ bất thường năm 2024; xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2024 theo phê duyệt của ĐHĐCĐ; chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trên toàn hệ thống Bảo Việt và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, ĐHĐCĐ bất thường năm 2024... Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Tập đoàn hiệu quả.

Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT

Ngoài các phiên họp trực tiếp của HĐQT, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các sự vụ cụ thể thuộc thẩm quyền của HĐQT theo tờ trình của Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Ủy ban thuộc HĐQT. Trong năm 2024, HĐQT đã giải quyết 127 vấn đề có liên quan đến các định hướng lớn về quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện và ban hành các quy chế quản trị nội bộ, đầu tư phát triển nguồn nhân. lực, kiện toàn bộ máy lãnh đạo, định hướng hoạt động đầu tư tập trung trên toàn hệ thống v.v...; chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được ban hành dựa trên tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên Hội đồng Quản trị vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Các nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2024

(Bao gồm các Nghị quyết được thông qua tại các kỳ họp HĐQT định kỳ hàng Quý và các Nghị quyết thông qua theo phương thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản).

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/2024/NQ-HĐQT	05/1/2024	Phê duyệt chủ trương Hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan năm 2024
2	02/2024/NQ-HĐQT	12/1/2024	NQ Phiên họp Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt Quý IV năm 2023
3	03/2024/NQ-HĐQT	12/1/2024	Điều chỉnh kế hoạch và phân bổ kinh phí ASXH từ nguồn chi phí năm 2023 của TĐBV
4	04/2024/NQ-HĐQT	26/1/2024	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024
5	05/2024/NQ-HĐQT	06/01/2024	Nghị quyết về công tác quản lý lao động, tiền lương tại các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
6	06/2024/NQ-HĐQT	29/01/2024	NQ của HĐQT về công tác cán bộ thuộc khối QLHĐ
7	07/2024/NQ-HĐQT	20/02/2024	NQ của HĐQT về việc phê duyệt chủ trương các Hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan năm 2024
8	08/2024/NQ-HĐQT	23/2/2024	Kế hoạch KTNB TĐBV năm 2024
10	10/2024/NQ-HĐQT	5/3/2024	Tạm chi trả thù lao TV HĐQT, BKS năm 2024
11	11/2024/NQ-HĐQT	14/3/2024	Phê duyệt chủ trương các hợp đồng, giao dịch giữa TĐBV với người liên quan năm 2024 (do Chi nhánh TT CNTT làm đầu mối)
12	12/2024/NQ-HĐQT	14/3/2024	Phê duyệt chủ trương giao dịch giữa TĐBV và NLQ năm 2024
13	13/2024/NQ-HĐQT	26/3/2024	Tạm quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2023 của TĐBV

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
14	14/2024/NQ-HĐQT	26/3/2024	Thông qua quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2023 của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
15	15/2024/NQ-HĐQT	26/3/2024	NQ của HĐQT về việc chấp thuận nội dung uỷ quyền của Thành viên HĐQT.
16	16/2024/NQ-HĐQT	26/3/2024	NQ của HĐQT về việc thông qua quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
17	17/2024/NQ-HĐQT	28/03/2024	Thông qua quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2023 của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
18	18/2024/NQ-HĐQT	28/03/2024	Thông qua quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2023 của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
19	19/2024/NQ-HĐQT	28/3/2024	NQ của HĐQT về việc công tác nhân sự Hội đồng Thành viên Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
20	20/2024/NQ-HĐQT	29/3/2024	NQ của HĐQT về phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tập đoàn Bảo Việt theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được kiểm toán
21	21/2024/NQ-HĐQT	29/03/2024	NQ của HĐQT về phê duyệt Báo cáo tài chính riêng năm 2023 của Tập đoàn Bảo Việt theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được kiểm toán
22	22/2024/NQ-HĐQT	29/3/2024	Phê duyệt kế hoạch ASXH năm 2024 của TĐBV
23	23/2024/NQ-HĐQT	05/4/2024	Nghị quyết phiên họp HĐQT Tập đoàn Bảo Việt quý I năm 2024
24	24/2024/NQ-HĐQT	11/4/2024	NQ của HĐQT về việc Nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của BVSC
25	25/2024/NQ-HĐQT	23/4/2024	NQ của HĐQT về công tác nhân sự tại Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt.
26	26/2024/NQ-HĐQT	25/4/2024	NQ của HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024 của Tập đoàn Bảo Việt
27	27/2024/NQ-HĐQT	26/4/2024	Phê duyệt Báo cáo Tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt của Tập đoàn Bảo Việt cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 được lập dựa theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính quốc tế (IFRS)
28	28/2024/NQ-HĐQT	10/05/2024	NQ của HĐQT về việc Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tập đoàn Bảo Việt
29	29/2024/NQ-HĐQT	17/5/2024	Quy chế đầu tư của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.
30	30/2024/NQ-HĐQT	22/05/2024	Cử người đại diện vốn của Tập đoàn tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn
31	31/2024/NQ-HĐQT	23/5/2024	Phê duyệt phương án phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2023, tổng mức thù lao năm 2023 cho Hội đồng thành viên các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
32	32/2024/NQ-HĐQT	24/05/2024	Phê duyệt chủ trương giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt và người có liên quan đối với các hợp đồng quản lý toà nhà Bảo Việt
33	33/2024/NQ-HĐQT	24/05/2024	Điều chỉnh phân cấp quản lý cán bộ và quy trình xin ý kiến Tập đoàn trong công tác cán bộ tại các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
34	34/2024/NQ-HĐQT	24/5/2024	Phân loại chiến lược và đầu tư tài chính
35	35/2024/NQ-HĐQT		Công tác nhân sự Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
36	36/2024/NQ-HĐQT		Công tác nhân sự Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
37	37/2024/NQ-HĐQT	05/6/2024	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Tập đoàn Bảo Việt
38	38/2024/NQ-HĐQT	06/6/2024	Công tác nhân sự Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2021-2026
39	39/2024/NQ-HĐQT	14/6/2024	Nghị quyết liên quan đến văn phòng làm việc của Tập đoàn Bảo Việt
40	40/2024/NQ-HĐQT	18/6/2024	Phê duyệt giao dịch giữa Tạp đoàn Bảo Việt với các bên liên quan
41	40A/2024/NQ-HĐQT	24/6/2024	Phiên họp HĐQT Quý II năm 2024
42	41/2024/NQ-HĐQT	28/6/2024	Nghị quyết liên quan đến quy định về tiền lương tại Tập đoàn Bảo Việt
43	42/2024/NQ-HĐQT	02/07/2024	Công tác nhân sự thành viên HĐTV Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
44	43/2024/NQ-HĐQT	02/07/2024	Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất tóm lược giữa niên độ cho mục đích đặc biệt của TĐBV cho giai đoạn tài chính 3 tháng kết thúc ngày 31/03/2024 được lập theo chuẩn báo cáo tài chính Quốc ("IFRS")
45	44/2024/NQ-HĐQT	02/07/2024	Công tác cán bộ tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
46	45/2024/NQ-HĐQT	02/07/2024	Công tác nhân sự tại TĐBV
47	46/2024/NQ-HĐQT	12/7/2024	Nghị quyết liên quan đến đầu tư công nghệ thông tin
48	47/2024/NQ-HĐQT	12/7/2024	Công tác cán bộ tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
48	48/2024/NQ-HĐQT	12/7/2024	Công tác cán bộ tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
49	50/2024/NQ-HĐQT	23/7/2024	Công tác cán bộ tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
50	51/2024/NQ-HĐQT	25/7/2024	Hướng dẫn thực hiện Điều lệ của các Công ty con do TĐ sở hữu 100% VĐL
51	52/2024/NQ-HĐQT	30/7/2024	Trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng năm 2024 của TĐBV
52	53/2024/NQ-HĐQT	8/8/2024	Thông qua kế hoạch lao động tiền lương năm 2024 của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
53	54/2024/NQ-HĐQT	9/8/2024	Phê duyệt chủ trương giao dịch giữa TĐBV và người có liên quan
54	55/2024/NQ-HĐQT	20/8/2024	NQ của HĐQT về việc Chấp thuận chủ trương giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan
55	56/2024/NQ-HĐQT	27/8/2024	Nghị quyết liên quan đến đầu tư công nghệ thông tin
56	57/2024/NQ-HĐQT	29/8/2024	Phê duyệt BCTC riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc 30.6.2024 của TĐBV theo chuẩn mực kế toán Việt Nam đã soát xét
57	58/2024/NQ-HĐQT	30/8/2024	Thông qua Kế hoạch lao động tiền lương năm 2024 của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
58	59/2024/NQ-HĐQT	09/9/2024	Bảo lãnh cho Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
59	60/2024/NQ-HĐQT	10/9/2024	Thông qua Kế hoạch lao động tiền lương năm 2024 của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
60	61/2024/NQ-HĐQT	24/9/2024	Phê duyệt chủ trương Hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan năm 2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
61	62/2024/NQ-HĐQT	26/9/2024	Công tác cán bộ thuộc Tập đoàn Bảo Việt
62	63/2024/NQ-HĐQT	26/9/2024	Công tác cán bộ thuộc Tập đoàn Bảo Việt
63	64/2024/NQ-HĐQT	26/9/2024	Công tác nhân sự tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
64	65/2024/NQ-HĐQT	26/9/2024	Công tác nhân sự tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
65	66/2024/NQ-HĐQT	26/9/2024	Công tác nhân sự tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
66	67/2024/NQ-HĐQT	30/9/2024	Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất tóm lược giữa niên độ cho mục đích đặc biệt của Tập đoàn Bảo Việt cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 được lập dựa theo Chuẩn mực lập Báo cáo Tài chính Quốc tế ("IFRS")
67	68/2024/NQ-HĐQT	30/9/2024	Tổ chức ban hành Điều lệ sửa đổi Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
68	69/2024/NQ-HĐQT	10/10/2024	NQ phiên họp Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt Quý III năm 2024
69	70/2024/NQ-HĐQT	03/10/2024	Nghị quyết liên quan đến đầu tư công nghệ thông tin
70	71/2024/NQ-HĐQT	3/10/2024	Quy chế Đầu tư của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ (Sđ, bs lần thứ 1)
71	72/2024/NQ-HĐQT	7/10/2024	Phê duyệt Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực giữa Tập đoàn Bảo Việt và đối tác chiến lược
72	73/2024/NQ-HĐQT	11/10/2024	Công tác cán bộ tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
73	(Lưu cùng QĐ 1264)	15/10/2024	Thanh hoán cổ phiếu do Tập đoàn đầu tư
74	74/2024/NQ-HĐQT	23/10/2024	Công tác cán bộ tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
75	75/2024/NQ-HĐQT	23/10/2024	Công tác cán bộ tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
76	76/2024/NQ-HĐQT	24/10/2024	Công tác cán bộ tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
77	77/2024/NQ-HĐQT	8/11/2024	Phê duyệt chủ trương Hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan năm 2024
78	78/2024/NQ-HĐQT	8/11/2024	Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023 của Tập đoàn Bảo Việt
79	79/2024/NQ-HĐQT	14/11/2024	Phê duyệt BCTC riêng và hợp nhất 9 tháng năm 2024 theo VAS
80	80/2024/NQ-HĐQT	14/11/2024	Xếp bậc công việc và mức lương bổ sung
81	81/2024/NQ-HĐQT	14/11/2024	Giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt và Người có liên quan năm 2024
82	82/2024/NQ-HĐQT	14/11/2024	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt
83	83/2024/NQ-HĐQT	25/11/2024	Công tác cán bộ tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
84	84/2024/NQ-HĐQT	26/11/2024	Công tác cán bộ tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
85	85/2024/NQ-HĐQT	26/11/2024	Công tác cán bộ tại Tập đoàn Bảo Việt
86	86/2024/NQ-HĐQT	26/11/2024	Công tác cán bộ tại Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
87	88/2024/NQ-HĐQT	27/11/2024	Công tác nhân sự Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
88	89/2024/NQ-HĐQT	27/11/2024	Phiên họp HĐQT tháng 11 năm 2024
89	90/2024/NQ-HĐQT	28/11/2024	Công tác nhân sự TĐBV
90	91/2024/NQ-HĐQT	29/11/2024	Công tác nhân sự TĐBV
91	92/2024/NQ-HĐQT	12/05/2024	Kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt
92	93/2024/NQ-HĐQT	13/12/2024	Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt và các thành viên Hội đồng Quản trị năm 2024
93	94/2024/NQ-HĐQT	16/12/2024	Phê duyệt chủ trương Hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan năm 2024
94	95/2024/NQ-HĐQT	17/12/2024	Thông qua kế hoạch lao động tiền lương năm 2024 của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
95	97/2024/NQ-HĐQT	18/12/2024	Phê duyệt chủ trương Hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan năm 2024
96	98/2024/NQ-HĐQT	19/12/2024	Nghị quyết liên quan đến kiểm toán nội bộ
97	99/2024/NQ-HĐQT	19/12/2024	Phê duyệt Kế hoạch Giám sát tài chính năm 2025 của Tập đoàn Bảo Việt đối với các Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn
98	100/2024/NQ-HĐQT	19/12/2024	Tổ chức ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
99	96/2024/NQ-HĐQT	23/12/2024	Phê duyệt chủ trương Hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan năm 2024
100	101/2024/NQ-HĐQT	25/12/2024	Công tác cán bộ Tập đoàn Bảo Việt
101	103/2024/NQ-HĐQT	25/12/2024	Phê duyệt chủ trương chi tôn vinh, tri ân cán bộ, nhân viên nhân kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Bảo Việt tại Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 100% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế
102	102/2024/NQ-HĐQT	26/12/2024	Công tác cán bộ Tập đoàn Bảo Việt
103	109/2024/NQ-HĐQT	30/12/2024	Công tác cán bộ Tập đoàn Bảo Việt
104	110/2024/NQ-HĐQT	30/12/2024	Phê duyệt chủ trương Hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với Người có liên quan năm 2025
105	111/2024/NQ-HĐQT	30/12/2024	Nghị quyết liên quan đến văn phòng làm việc
106	112/2024/NQ-HĐQT	30/12/2024	Phê duyệt Báo cáo Tài chính hợp nhất tóm lược giữa niên độ cho mục đích đặc biệt của Tập đoàn Bảo Việt cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 được lập dựa theo Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế (IFRS)

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nghiêm túc thực hiện đánh giá hoạt động của HĐQT, của từng thành viên HĐQT, các ủy ban thuộc HĐQT năm 2024 theo các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới và khu vực

Nhằm nâng cao công tác đánh giá hoạt động của HĐQT theo các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới và khu vực, năm 2024, HĐQT đã triển khai Quy chế hoạt động của HĐQT, hoàn thành công tác đánh giá Quy trình và các Tiêu chí đánh giá cụ thể đối với hoạt động của HĐQT, của từng thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT, cụ thể như sau:

Tiêu chí đánh giá hoạt động của HĐQT bao gồm

40 tiêu chí đánh giá về:

(i) Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT;

(ii) Cơ cấu HĐQT;

(iii) Quy trình của HĐQT;

(iv) Kết quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT;

(v) Đánh giá thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và kế hoạch kinh doanh hàng năm.



Tiêu chí đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT bao gồm

17 tiêu chí đánh giá về:

(i) Mức độ tương tác giữa các thành viên HĐQT;

(ii) Chất lượng các ý kiến/đề xuất của các thành viên HĐQT;

(iii) Thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT;

(iv) Vai trò của Chủ tịch HĐQT.

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm và Thư ký Công ty chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT trong quá trình thực hiện đánh giá.

Các Tiêu chí đánh giá nêu trên được xây dựng trên cơ sở tham chiếu các chuẩn mực tại Phần E - Trách nhiệm của HĐQT tại Bộ câu hỏi cấp 1 - Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, Quy tắc Quản trị Công ty của OECD và tham khảo thông lệ về đánh giá hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT ở các nước phát triển trên thế giới.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong tháng 12 năm 2024, HĐQT đã thực hiện đánh giá kết quả hoạt động năm 2024 của HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT và các thành viên HĐQT với một số kết quả cụ thể như sau:

Kết quả đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT

Căn cứ 13 tiêu chí đánh giá về

3 nhóm vấn đề:

(i) Mức độ tương tác của các thành viên HĐQT;

(ii) Chất lượng các ý kiến/đề xuất của các thành viên HĐQT;

(iii) Thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT đã tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời đánh giá chéo hoạt động của các thành viên HĐQT khác.

05/05 các thành viên HĐQT đã thực hiện đánh giá hoạt động của cá nhân, của các thành viên HĐQT còn lại và hoạt động của HĐQT nói chung trong năm 2024. (Các thành viên HĐQT được bầu mới cho nhiệm kỳ 2024-2029 vào ngày 26/12/2024 không thực hiện đánh giá nội dung này)

Kết quả đánh giá: 05/05 thành viên HĐQT được đánh giá ở mức "Tốt", với mức đánh giá là 4,6 điểm.

Kết quả đánh giá hoạt động HĐQT và các ủy ban của HĐQT Yếu | TB/Cần cải thiện | Khá | Tốt | Rất tốt

STT	Nội dung đánh giá	Điểm TB	Xếp loại	Vấn đề cần cải thiện
1	Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT	4,5		
2	Thành phần và cơ cấu HĐQT	4,6		
3	**Quy trình HĐQT**	**4,4**		
	3.1. Họp và tham dự họp HĐQT	4,2		
	3.2. Tiếp cận thông tin	4,6		
	3.3. Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản	4,1		
	3.4. Bổ nhiệm và bầu lại HĐQT (nếu có)	4,6		
4	**Kết quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT**	**4,2**		
	4.1. Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm	3,9		• Thành viên trong Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm phần lớn là thành viên độc lập HĐQT (hơn 50%). • Chủ tịch Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là thành viên độc lập HĐQT
	4.2. Ủy ban Kiểm toán	3,9		• Ủy ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên độc lập HĐQT. • Chủ nhiệm của Ủy ban Kiểm toán là thành viên độc lập HĐQT
	4.3. Ủy ban Chiến lược & Đầu tư	4,7		
	4.4. Ủy ban Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO)	4,4		
5	**Đánh giá thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và kế hoạch kinh doanh hàng năm**	**4,5**		

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung về kết quả đánh giá hoạt động của HĐQT, các ủy ban thuộc HĐQT và các thành viên HĐQT

- HĐQT đã phát huy được vai trò và trách nhiệm của mình trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tập đoàn.
- HĐQT đã triển khai thực hiện nghiêm túc và hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2024.
- Các Ủy ban thuộc HĐQT đã góp phần quan trọng trong việc tham mưu cho HĐQT các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Ủy ban như: chiến lược, đầu tư, bổ nhiệm nhân sự cấp cao, thù lao lương thưởng, kiểm toán và quản lý tài sản nợ - tài sản có...
- Các thành viên HĐQT có mức độ chia sẻ thông tin rất tốt, chủ động đưa ra những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Tập đoàn.
- Chủ tịch HĐQT/Quyền Chủ tịch HĐQT phát huy vai trò trong việc triển khai hiệu quả các hoạt động của HĐQT, khuyến khích thành viên HĐQT tham gia ý kiến vào các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT; đảm bảo xây dựng các kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm tài chính và gửi tài liệu họp, tài liệu lấy ý kiến thành viên HĐQT tối thiểu 5 ngày trước ngày họp/ngày cho ý kiến.

Để tăng cường trách nhiệm của HĐQT, tuân thủ các chuẩn mực về Trách nhiệm của HĐQT tại Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN, HĐQT cần tiếp tục đẩy mạnh các công tác sau:

- Tiếp tục tăng cường truyền thông sứ mệnh/tầm nhìn của Tập đoàn, xem xét chiến lược kinh doanh hàng năm để phù hợp diễn biến mới.
- Xem xét bổ sung quy định về việc tổ chức cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành tại Quy chế Quản trị/Quy chế hoạt động của HĐQT
- Tiếp tục nâng cao chất lượng báo cáo, tham mưu cho HĐQT các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của các Ủy ban thuộc HĐQT;
- Tăng cường hơn nữa việc chia sẻ thông tin giữa các thành viên HĐQT qua việc tăng cường cung cấp, cập nhật các thông tin về lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn, về tình hình thị trường và các cơ hội phát triển kinh doanh; khuyến khích thành viên HĐQT có những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cung cấp những đề xuất có tính thực tiễn và khả thi đối với các vấn đề trong chương trình nghị sự để HĐQT thảo luận quyết định.

Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ hàng Quý theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025, thực hiện các vấn đề liên quan đến quản trị công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 trên toàn Tập đoàn, cụ thể như sau:

1. Triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, trong đó tập trung hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2025 và bám sát chiến lược giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035.

2. Tiếp tục phát huy những giá trị đã xây dựng và phát triển trong thời gian vừa qua, quyết liệt triển khai các giải pháp kinh doanh trong năm 2025, trong đó tập trung đến các vấn đề:

   (i) Hiện đại hóa hệ thống giao tiếp với khách hàng trên nền tảng công nghệ số, trực tuyến, tạo ra những khác biệt về dịch vụ, sản phẩm. Chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, điều hành;

   (ii) Tiếp tục thực hiện các bước Quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự cấp cao; Thực hiện luân chuyển nội bộ, tận dụng nguồn lực sẵn có; Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc bằng các chỉ tiêu KPI rõ ràng.

   (iii) Đa dạng hóa sản phẩm và các kênh phân phối, mở rộng mạng lưới, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, tạo sự khác biệt.

3. Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp;

4. Phối hợp với các cơ quan quản lý của nhà nước xây dựng hành lang pháp lý, phát triển thị trường, sản phẩm mới; tiếp tục chú trọng triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng theo chủ trương của Đảng và Chính phủ, là doanh nghiệp tiên phong trong công tác bảo vệ môi trường, hướng tới thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về ESGs



Tại Bảo Việt, Hội đồng quản trị hiểu rõ tầm quan trọng của ESG đối với doanh nghiệp. Việc triển khai ESG từ cấp cao nhất xuống toàn hệ thống giúp cho việc truyền cảm hứng đến cán bộ, đối tác, cộng đồng và tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh.

1. Hội đồng quản trị đưa ra chiến lược ESG, đánh giá kế hoạch triển khai hàng năm của Hội đồng quản trị
2. Cam kết giảm thải các bon, tiết kiệm nhiên liệu
3. Đưa chức năng liên quan tới ESG trong các Ủy ban
4. Hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng được cơ cấu lại, đảm bảo hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh

Việc triển khai ESG tại Bảo Việt được triển khai xuyên suốt từ chiến lược, xây dựng kế hoạch, tới hoạt động của các ủy ban, triển khai tới hoạt động của các công ty thành viên. Trong năm 2024 vừa qua, Bảo Việt đã thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động; chuyển đổi từ kinh doanh truyền thống sang kinh doanh có trách nhiệm, tập trung 5 lĩnh vực ưu tiên gồm:

1. Đầu tư có chọn lọc: đầu tư gắn với hài hoà lợi ích cộng đồng; đầu tư gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đầu tư tạo việc làm và chất lượng việc làm
2. Lao động: quan hệ lao động, điều kiện lao động, lao động phi chính thức, lao động trẻ em
3. Bảo vệ quyền nhóm dễ bị tổn thương
4. Bảo vệ môi trường: ô nhiễm môi trường và trách nhiệm xử lý sự cố môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, công khai thông tin môi trường
5. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ đối với người tiêu dùng, đặc biệt là các sản phẩm ảnh hưởng tới trẻ em và sức khoẻ của người tiêu dùng và các thông tin để kêu gọi người tiêu dùng có trách nhiệm với một số chỉ tiêu phát triển bền vững, bất cập trong quy định về bảo hành hàng hóa, bảo vệ thông tin người tiêu dùng, hoạt động kinh doanh trực tuyến, cơ chế khắc phục.

Đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị, đại diện cổ đông chiến lược về các lĩnh vực quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt

SUMITOMO LIFE

Quản trị doanh nghiệp ngày càng trở nên quan trọng hơn trên toàn thế giới. Với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời là đại diện của Sumitomo Life, đối tác chiến lược nước ngoài của Tập đoàn Bảo Việt, chúng tôi đánh giá cao hệ thống quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt. Sumitomo Life ngưỡng mộ và đánh giá cao nỗ lực của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và toàn thể các thành viên trong việc xây dựng Tập đoàn Bảo Việt trở thành một trong những định chế tài chính tốt nhất khu vực, không chỉ về hiệu quả kinh doanh mà còn về hệ thống kiểm soát và quản trị nội bộ.



Ông **IGARASHI TAKAFUMI**
Thành viên HĐQT, Tập đoàn Bảo Việt

Về quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và tuân thủ, chúng tôi đánh giá như sau:

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hành quản trị doanh nghiệp hiệu quả, góp phần vào sự tăng trưởng bền vững của công ty và nâng cao giá trị doanh nghiệp trong trung và dài hạn. Trong những năm gần đây, Tập đoàn Bảo Việt đã trở thành một trong những doanh nghiệp tiên phong trong việc áp dụng các thông lệ tốt nhất về Quản trị doanh nghiệp, như Bộ nguyên tắc Quản trị doanh nghiệp của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế ("OECD") và Thẻ điểm Quản trị doanh nghiệp khu vực ASEAN. Ví dụ, Tập đoàn Bảo Việt đã và đang nỗ lực đào tạo các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Thư ký thông qua các khóa đào tạo, huấn luyện về Thẻ điểm quản trị doanh nghiệp ASEAN. Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt đã liên tục thực hiện đánh giá lẫn nhau giữa các thành viên Hội đồng quản trị, và sử dụng hiệu quả trong việc xác định các vấn đề và cải tiến công tác quản trị doanh nghiệp. Tập đoàn Bảo Việt cũng quan tâm đầy đủ đến tính minh bạch đối với các bên liên quan nước ngoài bằng cách chuẩn bị chương trình nghị sự, biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên không chỉ bằng tiếng Việt mà còn bằng tiếng Anh, đăng tải trên trang web của công ty. Chúng tôi tin rằng những nỗ lực đó đã cải thiện rõ rệt công tác quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt.

QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ

Trong thời gian qua, Tập đoàn Bảo Việt đã không ngừng hoàn thiện chiến lược, chính sách và phương pháp quản trị rủi ro. Đối với lĩnh vực bảo hiểm, việc sửa đổi Luật Kinh doanh bảo hiểm đòi hỏi các phương pháp và hệ thống quản lý rủi ro tiên tiến hơn, và Tập đoàn Bảo Việt cũng đang đẩy mạnh nghiên cứu cho mục đích này. Tập đoàn Bảo Việt liên tục lập kế hoạch, cập nhật và rà soát các quy định ở cấp Tập đoàn và các công ty nhằm đảm bảo tính phù hợp trong việc thực hiện tuân thủ trên phạm vi toàn Tập đoàn. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức về tuân thủ của cán bộ nhân viên, Tập đoàn đã phối hợp với Trung tâm đào tạo triển khai đào tạo về tuân thủ pháp luật và quản trị rủi ro, đồng thời nâng cấp nội dung cho phù hợp. Sumitomo Life hài lòng với những thành tựu này và mong muốn cải thiện hơn nữa trong tương lai. Sumitomo Life đã và đang hỗ trợ Tập đoàn Bảo Việt trong các lĩnh vực này bằng cách cung cấp kiến thức và kinh nghiệm của chúng tôi, đồng thời sẽ tiếp tục hỗ trợ các sáng kiến của Bảo Việt để trở thành một công ty có hoạt động quản trị doanh nghiệp xuất sắc được công nhận trên toàn cầu.

Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ hàng Quý theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025, thực hiện các vấn đề liên quan đến quản trị công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 trên toàn Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, trong đó tập trung hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2025 và bám sát chiến lược giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035

- Tiếp tục phát huy những giá trị đã xây dựng và phát triển trong thời gian vừa qua, quyết liệt triển khai các giải pháp kinh doanh trong năm 2025, trong đó tập trung đến các vấn đề:

  (i) Hiện đại hóa hệ thống giao tiếp với khách hàng trên nền tảng công nghệ số, trực tuyến, tạo ra những khác biệt về dịch vụ, sản phẩm. Chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, điều hành;

  (ii) Tiếp tục thực hiện các bước Quy hoạch nhân sự cấp cao; Thực hiện luân chuyển nội bộ, tận dụng nguồn lực sẵn có; Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc bằng các chỉ tiêu KPI rõ ràng.

  (iii) Đa dạng hóa sản phẩm và các kênh phân phối, mở rộng mạng lưới, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, tạo sự khác biệt.

- Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp;

- Phối hợp với các cơ quan quản lý của nhà nước xây dựng hành lang pháp lý, phát triển thị trường, sản phẩm mới; tiếp tục chú trọng triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng theo chủ trương của Đảng và Chính phủ, là doanh nghiệp tiên phong trong công tác bảo vệ môi trường, hướng tới thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo quản trị công ty

Bà TRẦN THỊ DIỆU HẰNG
Quyền Chủ tịch HĐQT tham gia khóa:

Chương trình thạc sĩ Ủy ban Kiểm toán (Chứng chỉ QTCT 2015);

"Chứng nhận Thành viên HĐQT" (DCP) (Chứng chỉ VIOD);

Chứng chỉ Quản trị công ty (UBCKNN)

Ông NGUYỄN ĐÌNH AN
Phó Chủ tịch HĐQT

"Chứng nhận Thành viên HĐQT" (DCP) (Chứng chỉ VIOD);

Chứng chỉ Quản trị công ty (UBCKNN)

Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT
Thành viên HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc

Chứng chỉ QTCT 2015;

"Chứng nhận Thành viên HĐQT" (DCP) (Chứng chỉ VIOD);

Chứng chỉ Quản trị công ty (UBCKNN)

Tất cả các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Lãnh đạo Tập đoàn và các đơn vị thành viên, Người quản trị công ty đều được tham dự khóa đào tạo về Quản trị Công ty và được cấp chứng chỉ Quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Báo cáo hoạt động của các Ủy ban



ỦY BAN KIỂM TOÁN

ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ALCO)

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1

ỦY BAN KIỂM TOÁN



Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Kiểm toán (UBKT) là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, trực thuộc Hội đồng Quản trị (HĐQT), do HĐQT quyết định thành lập từ năm 2008. Đến nay, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của UBKT được sửa đổi phù hợp hơn với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt, nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ủy ban.

Theo đó, UBKT có chức năng tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc:

- Đảm bảo có được hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật một cách hiệu quả thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ.
- Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về báo cáo tài chính ra bên ngoài (gồm các yêu cầu áp dụng cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn) thông qua việc đánh giá các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (hoặc soát xét).

UBKT có các nhiệm vụ chính là:

1. Quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ (KTNB), bao gồm: việc xây dựng Kế hoạch kiểm toán hàng năm; các vấn đề về nghiệp vụ của KTNB trong báo cáo kết quả kiểm toán; Kiểm tra và giám sát kế hoạch kiểm toán nội bộ, tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ; Xem xét các kết quả trọng yếu thu được từ việc kiểm toán nội bộ và các phản hồi từ Tổng Giám đốc Tập đoàn, Lãnh đạo các Ban chức năng/Trung tâm của Tập đoàn và các Tổng Giám đốc Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn.

2. Đề xuất với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để đảm bảo KTNB có đủ nguồn lực tổ chức thực hiện việc kiểm toán.

3. Đánh giá các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt hàng năm và giữa niên độ về việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán, các quy định về niêm yết và các yêu cầu của pháp luật liên quan đến báo cáo tài chính trình Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt. Thực hiện việc phối hợp với Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt về công tác liên quan đến lập báo cáo tài chính và kiểm toán độc lập.

Thành phần của Ủy ban Kiểm toán

Năm 2024, UBKT tiếp tục hoạt động với thành phần bao gồm 01 Chủ nhiệm và 02 Ủy viên. Trong đó, Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên HĐQT; 01 Ủy viên là thành viên HĐQT, đại diện của Cổ đông chiến lược Sumitomo Life; 01 Ủy viên thường trực là Phó Giám đốc Khối KTNB. Các Ủy viên UBKT đều có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư.

Nhân sự Ủy ban Kiểm toán tại thời điểm 31/12/2024:



Bà TRẦN THỊ DIỆU HẰNG
Quyền Chủ tịch HĐQT,
Chủ nhiệm Ủy ban

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm, kiểm toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 27/6/2018);
- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán Tập đoàn Bảo Việt.



Ông NGUYỄN QUANG VINH
Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm:
35 năm trong lĩnh vực thanh tra tài chính, kiểm toán và bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó Giám đốc Khối KTNB, Ủy viên thường trực Ủy ban Kiểm toán.



Ông INAMI RYOTA
Ủy viên

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành Lịch sử hiện đại

Kinh nghiệm: trên 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 29/6/2022)
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Ủy viên Ủy ban Kiểm toán, Ủy viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.
- Chủ nhiệm Hội đồng chiến lược và đầu tư, Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN

Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán năm 2024

Năm 2024, UBKT đã tiến hành 79 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện các công việc chính theo chức năng và quyền hạn của mình như sau:

- Tham gia chỉ đạo việc lập kế hoạch KTNB và chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của Khối KTNB nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, hoàn thành 100% kế hoạch KTNB năm 2023 được HĐQT phê duyệt; Chỉ đạo Khối KTNB Tập đoàn thực hiện 37 cuộc kiểm toán, gồm 15 cuộc kiểm toán tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt, 12 cuộc kiểm toán tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ, 10 cuộc kiểm toán hoạt động Đầu tư. Các cuộc kiểm toán nội bộ đã phát hiện kịp thời những điểm yếu trong việc thực hiện các quy định nội bộ của Tập đoàn; quy chế, quy trình nghiệp vụ của các Tổng Công ty/Công ty, đưa ra các khuyến nghị phù hợp, khả thi. Bên cạnh đó KTNB còn có những đánh giá về việc thực hiện các quy định của nhà nước trong các lĩnh vực kinh doanh, giúp các đơn vị được kiểm toán tăng cường tính tuân thủ pháp luật. Thông qua kết quả kiểm toán, HĐQT/ Tổng Giám đốc Tập đoàn đã có những chỉ đạo kịp thời nhằm tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả quản lý.

- **Công tác soát xét Báo cáo tài chính:** Trong năm 2024, UBKT đã thực hiện phối hợp với Ban Kiểm soát, Công ty kiểm toán độc lập Ernst & Young đảm bảo các BCTC tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ công bố thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết. Đồng thời, UBKT tiến hành đánh giá/ tư vấn ý kiến lưu ý và trình HĐQT phê duyệt đối với các báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty Mẹ và Hợp nhất của Tập đoàn năm 2024 theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS).

- UBKT đưa ra ý kiến về một số báo cáo/tờ trình của Khối KTNB nhằm nâng cao chất lượng hoạt động KTNB;

- Tham gia ý kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Tập đoàn đối với các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của UBKT.

- Triển khai các hoạt động phối hợp của UBKT với các bộ phận của Công ty mẹ trong các công việc: tham gia ý kiến đối với các văn bản của Tập đoàn; tham gia ý kiến trong các cuộc họp RMC, ALCO và các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.



Định hướng hoạt động năm 2024

Năm 2024, với nền tảng kinh nghiệm trong nước và quốc tế về kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư, UBKT tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT với mục đích:

1. Đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả;
2. Chỉ đạo công tác chuyên môn của Khối KTNB đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2025 do HĐQT giao;
3. Thực hiện tốt nhiệm vụ liên quan đến Báo cáo tài chính và tổ chức kiểm toán độc lập;
4. Chỉ đạo công tác đảm bảo chất lượng KTNB: rà soát, cập nhật các văn bản quy định, quy trình đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Tập đoàn;
5. Phối hợp với các bộ phận của Công ty mẹ tham gia ý kiến trong các cuộc họp RMC, ALCO và các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

UBKT tiếp tục nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch công tác năm 2025 nhằm phát huy hơn nữa vai trò của UBKT trong việc tư vấn đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả, ngăn ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, góp phần tích cực trong việc đạt các mục tiêu kinh doanh năm 2025 của Tập đoàn.

2

ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM





Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do Hội đồng quản trị Tập đoàn quyết định thành lập để thực hiện các chức năng chính:

1 Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt;

2 **Kiến nghị Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt những vấn đề cơ bản về:**

- Mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị doanh nghiệp;
- Chính sách quản lý lao động và tiền lương của Tập đoàn;
- Chính sách quản lý cán bộ của Tập đoàn.
- Những vấn đề liên quan đến tiền lương, tiền thưởng, qui hoạch và bổ nhiệm cán bộ, kiện toàn nhân sự do Hội đồng quản trị quản lý...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN

Thành phần Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm

(tại thời điểm 31/12/2024)



Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT

Chủ nhiệm Ủy ban từ 20/8/2019

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế,
Kỹ sư Công nghệ Chế tạo máy

Kinh nghiệm:
28 năm trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Chủ tịch Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam
- Thành viên Hội đồng quản trị, Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn.
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.



Ông TRẦN NHUẬN AN

Ủy viên từ 14/05/2021

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm:
Trên 20 năm trong lĩnh vực quản trị nhân sự

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó Trưởng Ban, Phụ trách Ban Tổ chức Nhân sự Tập đoàn.

Ông NGUYỄN CÔNG NGHĨA

Ủy viên từ 08/03/2024

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Kĩ sư tin học

Kinh nghiệm:
31 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Chuyên gia của Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng điều hành Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Bà ĐÀO LINH PHƯƠNG

Ủy viên từ 08/03/2024

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân

Kinh nghiệm:
10 năm trong lĩnh vực quản trị nhân sự, tài chính

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN

Hoạt động của Ủy ban năm 2024

Trong năm 2024, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm đã tiến hành 55 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thẩm định, đánh giá các đề xuất của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, để đề xuất Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định những vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân sự cấp cao gồm:

1 Công tác tổ chức cán bộ:

- Cho ý kiến tham mưu Hội đồng quản trị trong công tác nhân sự thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn nhiệm kỳ 2024 – 2029
- Cho ý kiến tham mưu Hội đồng quản trị trong công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời hạn bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo từ cấp Kế toán trưởng trở lên tại Tập đoàn và các Công ty Con.

2 Công tác lương thưởng

- Cho ý kiến tư vấn, tham mưu Hội đồng quản trị trong việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách tiền lương của Tập đoàn; công tác xây dựng kế hoạch tiền lương, quyết toán tiền lương của Tập đoàn và các Công ty con;
- Cho ý kiến tư vấn, tham mưu Hội đồng quản trị trong việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tập đoàn, Hội đồng thành viên Công ty Con.

3 Các nội dung khác

- Cho ý kiến tư vấn, tham mưu Hội đồng quản trị về hoạt động chi tôn vinh tri ân cán bộ Hội đồng quản trị về hoạt động hợp lực của Tập đoàn và Công ty con.





Định hướng hoạt động năm 2025

Năm 2025, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục quan tâm đến chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt, tư vấn tham mưu cho Hội đồng Quản trị chính sách về quản trị nhân sự trong phạm vi toàn Tập đoàn.

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục chức năng và nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc hoàn thiện các chính sách chế độ, quy trình, quy định liên quan đến công tác quản trị nhân sự cấp cao, phù hợp với các quy định mới của Đảng và nhà nước trong đó có:

- **Công tác rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh Lãnh đạo cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2021 - 2026; quy hoạch giai đoạn 2026 -2031**
- **Kiện toàn nhân sự Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn.**

3

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ



Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là hỗ trợ cho Hội đồng quản trị Tập đoàn thông qua tư vấn và tham mưu các nội dung liên quan đến chiến lược và đầu tư, cụ thể:

- Tham mưu, tư vấn các vấn đề về chiến lược phát triển và chiến lược kinh doanh của toàn Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con.
- Tham mưu, tư vấn các vấn đề về chiến lược đầu tư, xây dựng chính sách và nguyên tắc đầu tư ngắn, trung và dài hạn; chiến lược, chính sách về quản lý rủi ro đầu tư; nghiên cứu, thẩm định, định giá các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Thành viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trong năm 2024 hoạt động với 01 Chủ nhiệm – là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt và là Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, 01 Ủy viên là đại diện của cổ đông Sumitomo Life; 01 Ủy viên là Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt. Các thành viên Ủy Ban đều có kinh nghiệm chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực xây dựng và quản trị chiến lược, triển khai thực hiện các dự án đầu tư, nâng cao vai trò tham mưu, tư vấn đề xuất HĐQT trong các quyết định liên quan tới chiến lược phát triển và các hoạt động đầu tư của Tập đoàn.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN

Nhân sự Ủy ban Chiến lược và Đầu tư làm việc tại thời điểm 31/12/2024



Ông NGUYỄN ĐÌNH AN
Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt,
Chủ nhiệm Ủy ban

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ kinh tế - tài chính, chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCK Nhà nước cấp ngày 25/12/2017

Kinh nghiệm:
18 năm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Phó chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt
- Chủ tịch HĐTV Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.
- Thành viên HĐTV Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
- Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia
- Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt



Ông NGUYỄN XUÂN HÒA
Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt,
Ủy viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm:
24 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt kiêm Giám đốc Ban Tài chính
- Ủy viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt
- Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt
- Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty Bảo Việt Âu Lạc
- Thành viên Ban Đại diện Quỹ BVIF.



Ông INAMI RYOTA
HĐQT Tập đoàn Bảo Việt,
Ủy viên

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành Lịch sử hiện đại

Kinh nghiệm:
Trên 30 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt nhiệm kỳ 2024-2029
- Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
- Ủy viên Ủy ban Kiểm toán, Ủy viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt
- Chủ nhiệm Hội đồng chiến lược và đầu tư, Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN



Hoạt động của Ủy ban năm 2024

Trong năm 2024, Ủy ban đã tiến hành 16 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản liên quan đến các nội dung sau:

1. Hoàn thiện Quy chế Đầu tư của Tập đoàn và các công ty con nhằm tăng cường hiệu quả đầu tư toàn hệ thống, phù hợp với sự thay đổi của các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư.

2. Cho ý kiến hoàn thiện chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2030 của Tập đoàn Bảo Việt và Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Bảo Việt giai đoạn 2021-2025.

3. Cho ý kiến đối với các khoản đầu tư chiến lược của công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt năm 2024.

4. Cho ý kiến về các hoạt động đầu tư khác liên quan đến hiệu quả hoạt động của các công ty con, các loại hình đầu tư theo thẩm quyền của HĐQT Tập đoàn...



Định hướng hoạt động năm 2025

Với vai trò và Ủy ban tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến chiến lược và đầu tư. Năm 2025, Ủy ban Chiến lược & Đầu tư sẽ tiếp tục tham mưu, cho ý kiến trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn đến 2035 của toàn Tập đoàn và các Đơn vị; cho ý kiến tư vấn đối với các khoản đầu tư chiến lược của Tập đoàn thuộc phân cấp của HĐQT theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt, cho ý kiến tham mưu đối với các hoạt động sửa đổi Quy chế, Điều lệ thuộc phân cấp của HĐQT theo quy định pháp luật và TĐBV.

4

ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ALCO)



Chức năng và nhiệm vụ

Ủy Ban ALCO có chức năng tham mưu và tư vấn cho Hội đồng Quản trị trong việc:

- Đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kết quả tài chính và việc phát triển kinh doanh, quản lý và phát triển vốn và tài sản tại Tập đoàn Bảo Việt và tại các Công ty Con.
- Đánh giá và khuyến nghị các chính sách, biện pháp quản lý hiệu quả cơ cấu, tính cân đối và tốc độ tăng trưởng của Tài sản Nợ và Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và của Tập đoàn Bảo Việt đối với các Công ty Con với mục đích phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính và đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn của doanh nghiệp cũng như đảm bảo các quy định về Biên khả năng thanh toán.
- Theo dõi môi trường bên ngoài và xác định tác động lên mức độ sinh lợi, Bảng Cân đối Kế toán và khả năng thanh toán theo các tình huống giả định.
- Đánh giá và đưa ra các biện pháp triển khai thực hiện quản lý các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới Bảng Cân đối Kế toán và kết quả kinh doanh tại Tập đoàn Bảo Việt và của Tập đoàn Bảo Việt đối với các Công ty Con.

Ủy ban ALCO thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Khuyến nghị về các chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ, Tài sản Có, quản lý rủi ro liên quan đến Tài sản Nợ, Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con cho từng thời kỳ khác nhau.
- Xem xét, đánh giá và khuyến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu Tài sản Nợ, Tài sản Có và cân đối tốc độ tăng trưởng của Bảng Cân đối Kế toán với kế hoạch và chiến lược phát triển kinh doanh, quy mô vốn chủ sở hữu.
- Xem xét, đánh giá và khuyến nghị về hiệu quả sử dụng Tài sản Nợ, Tài sản Có nhằm mục đích tối ưu hoá lợi nhuận và cân đối với rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con.
- Phân tích và đánh giá khả năng thanh toán của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con theo thực tế, theo quy định của Tập đoàn Bảo Việt và của Pháp luật (nếu có), bao gồm đánh giá tác động của các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của đơn vị; đánh giá tình hình đảm bảo an toàn vốn, cân đối giữa tài sản và trách nhiệm của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con.
- Đánh giá và khuyến nghị các giải pháp quản lý các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và Bảng Cân đối Kế toán của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con. Khuyến nghị về các hạn mức đầu tư, hạn mức sinh lời, hạn mức rủi ro và các chỉ tiêu khác đối với các cấp tại Tập đoàn Bảo Việt và tại các Công ty Con.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN

Thành phần Ủy ban ALCO

Ủy ban ALCO gồm các thành viên cơ cấu theo chức danh, trong đó: Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt là Chủ nhiệm Ủy ban, Trưởng Ban Tài chính Tập đoàn Bảo Việt là Thành viên Thường trực Ủy ban, Thư ký Ủy ban gồm ba (3) thành viên. Các thành viên còn lại đến từ các Khối/Ban chức năng trong Tập đoàn và đại diện của các đơn vị thành viên, trong đó mỗi công ty thành viên có ít nhất 01 đại diện *(Chủ nhiệm Ủy ban ALCO tại đơn vị)*.

Hoạt động của Ủy ban ALCO năm 2024

Trong năm 2024, báo cáo ALCO tiếp tục được triển khai dưới hình thức định kỳ trên Power PI, với nội dung chính là đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tập đoàn và các Công ty Con, các biến động liên quan đến Bảng cân đối kế toán, cơ cấu và tình hình Tài sản Nợ, Tài sản Có; đồng thời đánh giá các rủi ro thanh khoản và các rủi ro có thể ảnh hưởng tới sự phù hợp giữa Tài sản Nợ và Tài sản Có; đưa ra khuyến nghị nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản tại Công ty Mẹ và các Công ty Con.

Các báo cáo nhìn chung cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời cho công tác quản lý Tài sản Nợ - Có của Tập đoàn, hỗ trợ việc ra quyết định kinh doanh cho các cấp Lãnh đạo.

Định hướng hoạt động của Ủy ban ALCO năm 2025



Năm 2025, Ủy ban ALCO Tập đoàn Bảo Việt định hướng tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản, các khoản nợ của toàn Tập đoàn và tại các đơn vị thông qua việc cung cấp các thông tin quản trị đa dạng, hiệu quả, nhanh chóng và tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ phận có liên quan, cụ thể:

1. Đa dạng hóa các thông tin, nội dung báo cáo, đánh giá, cân đối tài sản Nợ - tài sản Có tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên trên nhiều báo cáo quản trị khác nhau.

2. Nâng cao hiệu quả của các báo cáo thông qua việc sử dụng dữ liệu báo cáo trên cơ sở hệ thống dữ liệu chung của Tập đoàn, đảm bảo các số liệu là thống nhất và cập nhật, đồng thời rút ngắn thời gian thu thập/ cập nhật dữ liệu.

3. Các Khối/Ban chức năng, đơn vị có liên quan thường xuyên trao đổi trực tiếp hoặc trực tuyến, hợp lực thực hiện các đánh giá và đề xuất khuyến nghị về chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên cho từng thời kỳ khác nhau; trên cơ sở xem xét, cập nhật các thay đổi trong kinh tế vĩ mô cũng như môi trường kinh doanh và tình hình thực tế tại đơn vị.

4. Xem xét, đánh giá các yếu tố tác động và đưa ra khuyến nghị về các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu hợp lý của Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên Bảng Cân đối Kế toán đảm bảo trách nhiệm với khách hàng, phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh bền vững của Tập đoàn.

5. Ủy ban ALCO tăng cường thực hiện đa dạng hóa các phương thức thông tin trao đổi; thảo luận, xin ý kiến qua thư điện tử, Workchat, hệ thống mạng nội bộ...; tiếp tục và tăng cường việc ứng dụng Power BI vào công tác theo dõi, phân tích đánh giá và xây dựng báo cáo ALCO.

5

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY





Chức năng và nhiệm vụ

Người Phụ trách quản trị Tập đoàn (NPTQTTĐ) là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của NPTQTTĐ là hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn về các hoạt động sau:

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tham dự các cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và ghi chép biên bản;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp, các nội dung theo chỉ đạo của HĐQT;
- Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- Cung cấp các thông tin, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.
- Tham mưu HĐQT, BKS trong việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quản trị nội bộ theo các quy định của Pháp luật liên quan.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN

Người phụ trách Quản trị Tập đoàn

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn, Quy chế quản trị của Tập đoàn, HĐQT đã bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Tập đoàn theo quy định. Đến thời điểm ngày 31/12/2024, NPTQTTĐ là Lãnh đạo Văn phòng Tập đoàn, có kinh nghiệm về tài chính, đầu tư; tham mưu, tư vấn đề xuất HĐQT trong các hoạt động của Hội đồng quản trị, trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Nhân sự NPTQTTĐ làm việc tại thời điểm 31/12/2024:



Bà LƯƠNG THỊ BÍCH NGỌC

Năm sinh: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính ngân hàng, Cử nhân tài chính doanh nghiệp, Chứng chỉ Kiểm toán viên, Bộ Tài chính

Kinh nghiệm: 20 năm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, thư ký công ty

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Người Phụ trách quản trị Tập đoàn kiêm Thư ký Tập đoàn.
- Phó Chánh Văn phòng Tập đoàn.

Chức vụ công tác đã qua:

- Trưởng Ban, Phó Trưởng ban phụ trách Ban Thư ký - Tổng hợp Tập đoàn; Phó Chánh Văn phòng Tập đoàn
- Chuyên viên Ban Đầu tư/Đầu tư dự án/Đầu tư chiến lược Tập đoàn
- Kiểm toán viên - Công ty cổ phần kiểm toán tư vấn thuế (ATC).



Bà NGUYỄN THANH HOA

Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Ngân hàng-tài chính, Cử nhân tiếng Anh thương mại.

Kinh nghiệm: 20 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, ngân hàng, quản trị công ty, quan hệ nhà đầu tư và phát triển bền vững

- Chứng chỉ Quản trị công ty cho các Công ty Cổ phần Đại chúng, SSC (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) (2023)
- Chứng chỉ Công bố thông tin theo thẻ điểm quản trị Công ty ASEAN, VCGI (Vietnam Corporate Governance Initiative) (2017 - 2018)
- Chứng chỉ Thực hành báo cáo theo tiêu chuẩn GRI G4, GRI (Global Reporting Initiative) (2015)

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Trưởng Ban Truyền thông – Thương hiệu kiêm Người phụ trách quản trị công ty
- Thành viên Ban Điều hành Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD)

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc Ban Truyền thông Thương hiệu, Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 04/2014-9/2023) kiêm Người phụ trách quản trị Công ty (từ 11/07/2021)
- Trưởng Ban Thư ký Tập đoàn, Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Trưởng Ban Thư ký Tập đoàn, Tập đoàn Bảo Việt

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN

Hoạt động của Người phụ trách quản trị Tập đoàn năm 2024

Năm 2024, Người phụ trách quản trị Tập đoàn thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ và theo chỉ đạo, yêu cầu của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể như sau:

1. Tư vấn Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt trong việc tổ chức họp 2 lần Đại hội đồng cổ đông trong năm 2024 theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn Bảo Việt và cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông trong năm 2024 theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, phù hợp kế hoạch hoạt động của HĐQT, BKS năm 2024 và tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt;
3. Tham dự và ghi chép, lập biên bản các cuộc họp HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ thường niên Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2024;
4. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ phù hợp với luật pháp; Phối hợp tổ chức triển khai, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, thông báo, kết luận của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông đảm bảo thời hạn theo quy định;
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
6. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn;
7. Nghiên cứu, đề xuất các khóa đào tạo cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các Ủy viên Ủy ban trực thuộc HĐQT Tập đoàn;
8. Thực hiện công tác lưu trữ, bảo mật các tài liệu, công văn ban hành của ĐHĐCĐ, Hội đồng Quản trị và các văn bản khác theo quy định;
9. Tham mưu, đề xuất HĐQT, BKS trong việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quản trị nội bộ của Tập đoàn phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Tập đoàn;
10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.



Định hướng hoạt động năm 2025

Với vai trò là cơ quan tham mưu, tư vấn HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị, trong năm 2025, NPTQTTĐ sẽ tiếp tục chủ động tham mưu việc tổ chức các cuộc họp HĐQT hàng quý, các cuộc họp Ban Kiểm soát, tổ chức ĐHĐCĐ năm 2025 và các nội dung khác theo chức năng nhiệm vụ của NPTQTTĐ và theo chỉ đạo của HĐQT.

Báo cáo Ban Kiểm soát

Bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là nhiệm vụ trọng tâm của Ban Kiểm soát. Xác định được trọng trách của mình, Ban Kiểm soát đã không ngừng hoàn thiện các hoạt động để đáp ứng sự mong đợi của cổ đông và nhà đầu tư.



1. Ông ÔNG TIẾN HÙNG
2. Ông ĐINH HOÀI LINH
3. Bà DƯƠNG THỊ THU THỦY
4. Ông VŨ THANH HẢI

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Quyền và nghĩa vụ

Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (BKS) là một bộ phận trong mô hình quản trị doanh nghiệp, được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt bầu ra, hoạt động tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật, quy định nội bộ có liên quan.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt, BKS có các quyền và nghĩa vụ chính như sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc/Quyền Tổng giám đốc, người quản lý khác của Tập đoàn trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn.
- Thực hiện giám sát tình hình tài chính Tập đoàn, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và việc lập các BCTC.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, BCTC hàng năm và sáu tháng của Tập đoàn; Báo cáo đánh giá công tác quản lý hàng năm và sáu tháng của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tập đoàn.
- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của Tập đoàn.

Nhân sự của Ban Kiểm soát

Nhân sự của Ban kiểm soát trong năm 2024 gồm các thành viên sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày được bầu Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu BVH
1	**Ông Ông Tiến Hùng**	Trưởng Ban kiểm soát	Ngày 29/06/2019 được bầu Trưởng Ban Kiểm soát Ngày 26/12/2024 thôi là Trưởng Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên	0,005% (36.539 CP)
	Ông Vũ Thanh Hải	Kiểm soát viên	Ngày 29/06/2019 được bầu Kiểm soát viên Ngày 26/12/2024 được bầu lại Kiểm soát viên Ngày 26/12/2024 được bầu là Trưởng ban kiểm soát	0%
2	**Ông Đinh Hoài Linh**	Kiểm soát viên	Ngày 29/06/2021 được bầu Kiểm soát viên Ngày 26/12/2024 được bầu lại Kiểm soát viên	0%
3	**Bà Dương Thị Thu Thủy**	Kiểm soát viên	Ngày 26/12/2024 được bầu Kiểm soát viên	0%

BKS có 03 Kiểm soát viên, các Kiểm soát viên đều đủ tư cách và đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (Trưởng Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên đều có bằng tốt nghiệp đại học trở lên được đào tạo chuyên ngành kế toán, kiểm toán). Các Kiểm soát viên đều hoạt động độc lập, không phải là người quản lý Tập đoàn, không làm việc tại bộ phận Kế toán của Tập đoàn hoặc Kiểm toán viên độc lập kiểm toán BCTC của Tập đoàn, không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tập đoàn, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Trên cơ sở quyền và nghĩa vụ đã được quy định và kế hoạch hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐTN 2024 của Tập đoàn Bảo Việt thông qua, hoạt động của BKS trong năm 2024 đã đạt được các kết quả như sau:

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 phiên họp định kỳ với các nội dung chính như sau:

Ngày họp	Nội dung	Số KSV tham dự	Tỷ lệ
27/05/2024	**Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS từ ngày 16/12/2023 đến tháng 05/2024 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong quý III và quý IV năm 2024, gồm các nội dung hoạt động chính như sau:** • Tham gia chuẩn bị nội dung liên quan đến BKS tại Báo cáo Quản trị, Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững năm 2023. • Phối hợp với Ban Kế toán, Kiểm toán độc lập đôn đốc việc thực hiện lập và kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất năm 2023, các quý của năm 2024. • Thẩm định Dự thảo BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập của Tập đoàn Bảo Việt. • Tham gia ý kiến về Tờ trình của QuyềnTổng Giám đốc liên quan tới phê duyệt BCTC riêng và hợp nhất sau soát xét Quý I/2023, BCTC hợp nhất năm 2023 của Tập đoàn Bảo Việt theo Chuẩn mực BCTC Quốc tế (IFRS) của Tập đoàn Bảo Việt. • Tham gia vào Bên mời thầu, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định để lựa chọn Đơn vị trúng thầu gói thầu "Lựa chọn Đơn vị kiểm toán, kiểm toán BCTC năm 2024, 2025, 2026" của Tập đoàn. • Tham gia ý kiến vào một số nội dung công việc có liên quan đến hoạt động của HĐQT cũng như của Tập đoàn: Về giao dịch của Tập đoàn với Người có liên quan năm 2024 (BHBV, BVL, BVI, BVSC, BVI...); Về kiện toàn công tác cán bộ tại Tập đoàn, BVL...; Về quyết toán Quỹ tiền lương, trích lập quỹ Khen thưởng, phúc lợi của các Công ty con của Tập đoàn năm 2023; Tham gia ý kiến về sửa đổi Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn... • Phối hợp với Ban tổ chức ĐHĐCĐTN 2024 chuẩn bị tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐTN 2024. • Phối hợp với Ban tổ chức và các bộ phận có liên quan rà soát, hoàn thiện các khâu công việc chuẩn bị tốt cho kỳ họp ĐHĐCĐTN. • Thực hiện công tác đánh giá của BKS đối với BCTC riêng và hợp nhất bán niên 2024 đã được soát xét bởi kiểm toán. • Tham gia họp và trình Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐTN 2024, thông báo ĐHĐCĐ kết quả đấu thầu lựa chọn Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024, 2025, 2026: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY). • Xây dựng chương trình kế hoạch hoạt động của BKS giữa 2 kỳ ĐHĐCĐTN 2024-2025. • Thực hiện các công việc khác phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn trên cơ sở các Quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS và các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).	3/3	100%

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Ngày họp	Nội dung	Số KSV tham dự	Tỷ lệ
12/12/2024	**Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của BKS từ ngày 30/05/2024 đến ngày 12/12/2024 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong quý I và quý II năm 2025, gồm các nội dung hoạt động chính như sau:** • Phối hợp với Ban Kế toán, Kiểm toán độc lập đôn đốc việc thực hiện lập và kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất bán niên 2024, quý III và quý IV năm 2024, BCTC riêng và hợp nhất năm 2024. • Thẩm định Dự thảo BCTC riêng và hợp nhất bán niên 2024 đã được soát xét bởi Kiểm toán độc lập của Tập đoàn Bảo Việt. • Tham gia ý kiến về Tờ trình của Quyền Tổng Giám đốc liên quan tới Phê duyệt BCTC riêng và hợp nhất sau soát xét Quý III năm 2024, BCTC hợp nhất tóm lược giữa niên độ năm 2024 theo Chuẩn mực BCTC Quốc tế (IFRS) của Tập đoàn Bảo Việt. • Giám sát việc thực hiện Nghị quyết 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 26/06/2024 của ĐHĐCĐTN 2024. • Tham gia ý kiến vào một số nội dung công việc có liên quan đến hoạt động của HĐQT cũng như của Tập đoàn như: Trang bị nâng cấp, thay thế các thiết bị mạng Tập đoàn Bảo Việt, Quy chế trả lương của Tập đoàn, Trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt, Chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên và Ban Kiểm soát tại các Công ty con, Điều lệ BVF... • Phối hợp với Ban điều hành thực hiện các công việc để phục vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 26/12/2024 trong đó có nội dung bầu Thành viên HĐQT và Thành viên BKS cho nhiệm kỳ 2024-2029. • Phối hợp với Ban Kế toán, Kiểm toán độc lập đôn đốc thực hiện lập và soát xét BCTC riêng và hợp nhất quý I, quý II năm 2025. • Giám sát việc thực hiện kiến nghị của BKS tại các văn bản liên quan đến việc nhận xét đánh giá của BKS đối với BCTC riêng và hợp nhất đã phát hành và các nội dung kiến nghị khác (nếu có). • Thực hiện các công việc khác phù hợp với thực tế hoạt động của Tập đoàn trên cơ sở các quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).	3/3	100%
26/12/2024	Tổ chức họp BKS để bầu Trưởng BKS cho nhiệm kỳ 2024-2029 và kế hoạch công việc liên quan đến phân công nhiệm vụ các kiểm soát viên nhiệm kỳ 2024-2029	3/3	100%

Trong các cuộc họp, các Kiểm soát viên đều tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của BKS đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Quy chế hoạt động của BKS và các văn bản quản lý nội bộ khác có liên quan.

Bên cạnh đó, để thực hiện các công việc khác của BKS, ngoài các cuộc họp trực tiếp, Trưởng BKS đã tổ chức lấy ý kiến của các Kiểm soát viên qua thư điện tử để kịp thời tham gia ý kiến với HĐQT, TGĐ và Ban điều hành.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của BKS đối với Hội đồng quản trị (HĐQT), Quyền Tổng Giám đốc và Ban Điều hành năm 2024

Trên cơ sở quyền hạn và nghĩa vụ được quy định, BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc và Những người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn, cụ thể:

- Giám sát việc tổ chức các phiên họp của HĐQT (thường xuyên và bất thường), việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; việc tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2024 của Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám sát việc phê duyệt các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với người có liên quan theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn;
- Giám sát việc kiện toàn quy hoạch nhân sự chức danh chủ chốt tại Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐTN 2024, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2024;
- Giám sát việc xây dựng tạm giao và giao kế hoạch kinh doanh năm 2024 cho Công ty Mẹ Tập đoàn và các Công ty con;
- Giám sát các hoạt động của HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc, Người quản lý khác trong việc quản lý, điều hành Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2024.

Qua công tác giám sát, BKS thấy rằng các thành viên HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác đã rất nỗ lực để hoàn thành tốt trách nhiệm của mình trong công tác quản trị điều hành.

Năm 2024, nền kinh tế vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn và thách thức, đi kèm với các biến động bất lợi từ thị trường bảo hiểm trong nước, các vụ thiên tai, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bị ảnh hưởng đáng kể. Tuy nhiên, nhờ các nỗ lực triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp, nắm bắt xu hướng và cơ hội thị trường, Tập đoàn đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao năm 2024, cụ thể: Công ty Mẹ đã hoàn thành kế hoạch với tổng doanh thu là 1.693 tỷ đồng, vượt 2,9% so với kế hoạch, tăng trưởng 7,6% so với năm 2023; Lợi nhuận sau thuế TNDN là 1.181 tỷ đồng, vượt 2,7% so với kế hoạch, tăng trưởng 5,8% so với năm 2023.

Bên cạnh đó kết quả hợp nhất toàn Tập đoàn cũng đạt được kết quả khả quan, cụ thể: Doanh thu hợp nhất đạt 56.905 tỷ đồng, hoàn thành 101,4% kế hoạch năm đồng thời lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 2.193 tỷ đồng, hoàn thành 117,9% kế hoạch năm và tăng trưởng 16,5% so với năm 2023.

Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn qua số liệu báo cáo đều hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao.

Các Nghị quyết, Quyết định trong quản trị, điều hành của HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc ban hành phù hợp với các quy định quản trị nội bộ của Tập đoàn và pháp luật, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông được thực hiện đúng và đầy đủ.



Giám sát quá trình tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2024 và việc thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐTN 2024

Qua giám sát BKS thấy rằng việc tổ chức họp ĐHĐCĐTN và thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐTN 2024 tại Tập đoàn Bảo Việt đã tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐTN 2024

Tập đoàn đã thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐTN 2024 với các nội dung như sau:

- Năm 2024, Tập đoàn đã thực hiện vượt kế hoạch các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHĐCĐTN 2024 thông qua như các nội dung đã trình bày ở trên.
- Tập đoàn đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm tài chính 2023 theo tỷ lệ 10,037%/mệnh giá cổ phiếu tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 đồng với tổng số tiền đã chi trả là 745.069.358.227 đồng, đã trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 26/06/2024 của ĐHĐCĐTN 2024.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Thẩm định báo cáo tài chính (BCTC) và báo cáo tình hình kinh doanh

- Năm 2024, BKS đã thường xuyên trao đổi, phối hợp tốt với Ban Tài chính, Ban Kế toán, Kiểm toán viên độc lập và các bộ phận có liên quan để thẩm định việc lập, kiểm toán/soát xét BCTC riêng của Công ty Mẹ và BCTC hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2023 và bán niên 2024.

- Qua thẩm định các BCTC riêng, BCTC hợp nhất năm 2023 và bán niên 2024 của Tập đoàn đã được soát xét, kiểm toán bởi EY Việt Nam, BKS nhận thấy: 1) Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 và bán niên 2024 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, thận trọng và phù hợp các quy định, các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam; 2) Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 và bán niên 2024 đã được trình bày rõ ràng các thông tin về các sự kiện theo chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam; 3) BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 và bán niên 2024 đã được soát xét, kiểm toán bởi EY Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán; 4) BKS thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 và bán niên 2024 của Tập đoàn đã được EY Việt Nam soát xét, kiểm toán.

Sự phối hợp của Ban Kiểm soát

- BKS với HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tập đoàn và cổ đông, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và quy định nội bộ.

- Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, BKS thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng: Ủy ban Kiểm toán, Khối Kiểm toán nội bộ và các Khối/Ban/Văn phòng/Chi nhánh/Trung tâm của Tập đoàn để nắm bắt kịp thời các thông tin về việc quản trị, điều hành của HĐQT và Quyền Tổng Giám đốc.

Về đánh giá hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ

Trên cơ sở các thông tin, tài liệu được tiếp cận, BKS nhận thấy về cơ bản hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của Tập đoàn đã được thiết kế và vận hành một cách hiệu quả, phù hợp với quy mô, đặc thù hoạt động kinh doanh và các quy định pháp luật hiện hành, đáp ứng mục tiêu bảo vệ tài sản, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tập đoàn.



Phương hướng nhiệm vụ hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

Để hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao năng lực trong quản trị, điều hành, nâng cao tính minh bạch nhằm mang lại quyền lợi hợp pháp, tối đa cho Tập đoàn và cổ đông, trong năm 2025 BKS sẽ tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của BKS theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, Quy chế hoạt động của BKS và các quy chế nội bộ của Tập đoàn, trong đó tập trung công tác giám sát tình hình tài chính của Tập đoàn.

- Nghiên cứu, cập nhật kịp thời các cơ chế chính sách mới ban hành, giám sát, đề xuất, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Tiếp tục phối hợp tốt với HĐQT, Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và các Khối/Ban/Văn phòng/Chi nhánh/Trung tâm của Tập đoàn để kịp thời nắm bắt thông tin, tham gia ý kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành của Tập đoàn Bảo Việt.

Với trọng trách được cổ đông giao phó, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng với đội ngũ Lãnh đạo cấp cao có trình độ, giàu kinh nghiệm và năng lực trong quản trị, điều hành và nhiệt huyết, sáng tạo trong công việc cùng với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự năng động, quyết liệt của Ban điều hành, năm 2024 Tập đoàn đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã giao. Trên cơ sở kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2024, BKS tin tưởng rằng HĐQT, Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc và Ban điều hành sẽ tiếp tục lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt hoàn thành tốt các mục tiêu, kế hoạch mà ĐHĐCĐTN 2025 thông qua.

Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát



Về chế độ tiền lương

Tiền lương của Thành viên chuyên trách Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được xác định theo quy định của Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ. Theo đó, tiền lương được gắn với mức độ hoàn thành chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn.

Về chế độ tiền thưởng của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát

Tiền thưởng năm 2024 của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chi trả từ nguồn quỹ khen thưởng của người quản lý Tập đoàn. Quỹ khen thưởng của người quản lý Tập đoàn được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn và được ĐHĐCĐ thông qua tại nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 26/6/2024, bằng: 490,998 triệu đồng, tương đương 0,04% lợi nhuận sau thuế.

Về các chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát

Chế độ sử dụng ô tô của Tập đoàn

- Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Ban điều hành được sử dụng ô tô của Tập đoàn để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên tương ứng.
- Thành viên chuyên trách HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát được trang bị thẻ Taxi và/hoặc được cấp tài khoản Taxi công nghệ để phụ vụ đi lại giao dịch công tác theo định mức quy định của Tập đoàn

Chế độ sử dụng điện thoại

- Tập đoàn trang bị điện thoại di động, thanh toán cước điện thoại di động và khoán cước điện thoại theo mức quy định của Tập đoàn.

Chế độ công tác phí

- Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên khi đi công tác (trong nước hoặc quốc tế) được thanh toán chi phí sử dụng phương tiện đi lại (ô tô hoặc máy bay) và nghỉ tại khách sạn theo hạn mức quy định tại quy chế nội bộ của Tập đoàn.
- Ngoài các khoản chi phí nêu trên, Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên đi công tác được hưởng thêm phụ cấp lưu trú để hỗ trợ thêm theo quy định tại quy chế nội bộ của Tập đoàn.

Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác

- Ngoài tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát còn được tham gia Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm bệnh Ung thư, Bảo hiểm nhân thọ An Phát trọn đời, Hưu trí Tự nguyện, và bảo hiểm An nghiệp thành công.

Chế độ Khám sức khỏe định kỳ

- Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại bệnh viện y tế chất lượng cao tại Việt Nam và được chi trả theo quy định của Tập đoàn.

TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

Nguyên tắc chi trả thù lao

Việc chi trả thù lao hằng tháng đối với Thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên hằng năm của Tập đoàn Bảo Việt.

Quỹ thù lao kế hoạch năm 2024 của Thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát của Tập đoàn Bảo Việt do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt cụ thể như sau:

- Mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị: 20 triệu đồng/người/tháng;
- Mức thù lao của Thành viên Kiểm soát viên: 10 triệu đồng/người/tháng.

Quỹ thù lao thực hiện năm 2024 được xác định trên cơ sở số người quản lý không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc thực tế của từng thành viên và mức thù lao đảm bảo nguyên tắc không vượt quá 20% mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách Tập đoàn theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ.

Thù lao chi trả trong năm 2024

Trong năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện chi trả thù lao và các khoản phúc lợi khác cho Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 26/6/2024, cụ thể như sau:

Thù lao HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao theo tháng (VNĐ/tháng)	Số tháng/ngày	Tổng số tiền bao gồm thuế TNCN (VNĐ)
1	Trần Thị Diệu Hằng	Q. CT HĐQT	20.000.000	10 tháng và 26 ngày	217.333.333
2	Nguyễn Đình An	PCT HĐQT	20.000.000	10 tháng và 26 ngày	217.333.333
3	Nguyễn Xuân Việt	TV HĐQT	20.000.000	12 tháng	240.000.000
4	Inami Ryota	TV HĐQT	20.000.000	12 tháng	240.000.000
5	Igarashi Takafumi	TV HĐQT	20.000.000	9 tháng	180.000.000
6	Kazuhiko Arai	TV HĐQT	20.000.000	3 tháng	60.000.000
7	Nguyễn Quang Phi	TV HĐQT	20.000.000	6 ngày	3.870.968
8	Nguyễn Thừa Nhật	TV HĐQT	20.000.000	6 ngày	3.870.968
9	Ngô Thị Thu Trang	TV HĐQT	20.000.000	6 ngày	3.870.968
10	Dương Trí Thành	TV HĐQT	20.000.000	6 ngày	3.870.968
11	Trịnh Hồng Quang	TV HĐQT	20.000.000	6 ngày	3.870.968
12	Thân Hiền Anh	TV HĐQT	20.000.000	4 ngày	2.580.645
	Tổng cộng				**1.176.602.151**

Thù lao Ban Kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao theo tháng (VNĐ/tháng)	Số tháng/ngày	Tổng số tiền bao gồm thuế TNCN (VNĐ)
1	Vũ Thanh Hải	Kiểm soát viên	10.000.000	12 tháng	120.000.000
2	Đinh Hoài Linh	Kiểm soát viên	10.000.000	12 tháng	120.000.000
3	Dương Thị Thu Thủy	Kiểm soát viên	10.000.000	6 ngày	1.935.484
	Tổng cộng				**241.935.484**

Chế độ công tác phí

Ngoài các khoản thù lao nêu trên, Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên được hưởng chế độ di chuyển, lưu trú và phụ cấp tại nơi công tác theo quy định của Tập đoàn, nhằm hỗ trợ các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Chế độ Khám sức khỏe định kỳ

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được khám sức khỏe định kỳ hằng năm tại cơ sở y tế chất lượng cao tại Việt Nam và được chi trả theo quy định của Tập đoàn.

Báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích tình hình quản trị doanh nghiệp

Giới thiệu công tác quản trị công ty theo Dowjones - CSA ratings

Tập đoàn Bảo Việt đã và đang triển khai thực hiện đánh giá hiệu quả quản trị kinh doanh dựa trên việc tham chiếu các hệ thống đánh giá thẻ điểm tiêu chuẩn quốc tế khác, cụ thể, Tập đoàn Bảo Việt đã được công nhận và chấp thuận đánh giá hiệu quả công tác quản trị công ty bởi DowJones – CSA Ratings, từ đó, nâng cao chuẩn mực và thực tiễn thực hành quản trị của Tập đoàn Bảo Việt.

2022 – là năm đầu tiên Bảo Việt triển khai việc đánh giá theo CSA và đạt kết quả khả quan. Việc đánh giá chất lượng quản trị doanh nghiệp qua Dow Jones – CPS Ratings đem lại lợi ích về nâng cao hình ảnh thương hiệu Bảo Việt trên thị trường bảo hiểm – tài chính Việt Nam do BVH là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên chính thức được công nhận đánh giá xếp hạng Doanh nghiệp bền vững trong nhóm Dow Jone sustainabibility indices.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Dow Jones Sustainability Indexes

Trong các năm vừa qua, tiếp thu những khuyến nghị và đề xuất của Dow Jones, Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai rà soát, đổi mới và thực hiện được nhiều phát triển vượt trội về quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, những đánh giá này thể hiện được một lộ trình phát triển, đi lên nâng cao giá trị thương hiệu và chất lượng quản trị công ty vô cùng tích cực. Cụ thể:

- Bổ sung thành viên độc lập HĐQT vào đội ngũ quản trị, lãnh đạo của Tập đoàn;
- Tỷ lệ lãnh đạo nữ và lãnh đạo nam trong HĐQT được cải thiện so với mọi năm;
- Ban Kiểm soát được tăng cường nguồn nhân lực, tiếp tục duy trì tỷ lệ kiểm soát viên nam và nữ trong Ban,...

Với mong muốn tiếp tục phát triển và hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, mục tiêu phấn đấu của Tập đoàn Bảo Việt trong việc triển khai đánh giá hiệu quả quản trị kinh doanh có thể được xác định như sau:

- **Nâng cao nhận thức về quản trị doanh nghiệp:** Tập đoàn Bảo Việt sẽ tăng cường công tác truyền thông, đào tạo và nâng cao nhận thức của toàn bộ cán bộ và nhân viên về tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp hiệu quả.
- **Cải tiến hệ thống quản trị chất lượng:** Dựa trên các tiêu chí của DowJones – CSA Ratings và các hệ thống thẻ điểm quốc tế, Tập đoàn sẽ không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo đáp ứng các chuẩn mực cao nhất trong quản trị.
- **Tối ưu hóa quy trình đánh giá hiệu quả:** Tập đoàn sẽ triển khai các biện pháp hiệu quả để thực hiện đánh giá định kỳ về hiệu quả quản trị, từ đó định hướng điều chỉnh chính sách và chiến lược kinh doanh phù hợp.
- **Tăng cường đạt được các chứng nhận quốc tế:** Tập đoàn phấn đấu đạt được và duy trì các chứng nhận quốc tế khác liên quan đến quản trị doanh nghiệp, đảm bảo điều này trở thành một phần của văn hóa doanh nghiệp.
- **Đảm bảo minh bạch và trách nhiệm:** Tập đoàn sẽ cải thiện tính minh bạch trong quản trị, nâng cao trách nhiệm với các bên liên quan thông qua việc công bố thông tin và báo cáo định kỳ về hiệu quả quản trị.
- **Theo dõi và đánh giá hiệu quả liên tục:** Tập đoàn sẽ thiết lập một hệ thống theo dõi và đánh giá liên tục để đảm bảo các mục tiêu quản trị và kinh doanh được thực hiện hiệu quả, từ đó cải tiến liên tục các quy trình và hoạt động.

Bằng việc thực hiện những mục tiêu này, Tập đoàn Bảo Việt không chỉ nâng cao chuẩn mực và hiệu quả quản trị mà còn góp phần tạo dựng uy tín và niềm tin trong mắt các cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP,
PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Đánh giá hiệu suất CSA của Tập đoàn Bảo Việt

Trong giai đoạn 2023 - 2024, Tập đoàn Bảo Việt đã và đang triển khai đánh giá hiệu quả quản trị kinh doanh thông qua việc tham chiếu các hệ thống thẻ điểm tiêu chuẩn quốc tế. Đặc biệt, Bảo Việt đã được công nhận và chấp thuận đánh giá hiệu quả công tác quản trị công ty bởi Dow Jones – CSA Ratings, khẳng định cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp bền vững theo thông lệ quốc tế. Việc tham gia hệ thống đánh giá này không chỉ giúp Tập đoàn nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình mà còn tạo nền tảng vững chắc để cải thiện hiệu suất hoạt động, đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư và các bên liên quan.





Các vấn đề được đánh giá cao bởi Dow Jones - CSA Ratings

Trong quá trình đánh giá theo chỉ số CSA, Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được nhiều điểm số tích cực ở các lĩnh vực trọng yếu, thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với quản trị doanh nghiệp, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Đặc biệt, các tiêu chí liên quan đến minh bạch thông tin, quản trị rủi ro và báo cáo khí nhà kính được đánh giá cao, phản ánh sự nỗ lực của Bảo Việt trong việc áp dụng các thông lệ quốc tế và nâng cao tiêu chuẩn hoạt động. Dưới đây là các vấn đề nổi bật theo từng nhóm tiêu chí chính của Tập đoàn Bảo Việt được Dow Jones – CSA Ratings đánh giá cao:

Quản trị doanh nghiệp và Quản trị kinh doanh

Minh bạch thông tin và Báo cáo tài chính

- Hệ thống báo cáo tài chính của Bảo Việt đã tuân thủ chuẩn mực IFRS và GRI Standards.
- Bảo Việt đã công bố đầy đủ dữ liệu ESG, nâng cao điểm số về minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Quản trị rủi ro và tuân thủ

- Hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM) của Bảo Việt được tích hợp vào mô hình kinh doanh.
- Bảo Việt phát hành và công bố thông tin chính sách chống tham nhũng, bảo vệ cổ đông thiểu số, kiểm soát nội bộ được đánh giá cao.

Quản trị môi trường làm việc

Quản lý phát thải khí nhà kính (GHG) và báo cáo Carbon

- Bảo Việt đã công bố số liệu phát thải Phạm vi 1, 2, có chính sách giảm phát thải.
- Bước đầu áp dụng mô hình văn phòng xanh, tiết kiệm năng lượng.

Hiệu quả sử dụng tài nguyên

- Bảo Việt đã từng bước tiến hành chiến lược chuyển đổi số giúp giảm tiêu thụ giấy, điện năng trong hoạt động.
- Lan tỏa phong trào trong nội bộ và toàn hệ thống đơn vị thành viên về việc tiết kiệm tài nguyên điện và nước.

Quản trị nhân lực và hoạt động cộng đồng

Chính sách nhân sự và Phúc lợi tốt

- Bảo Việt đã có các chương trình đào tạo, phát triển nhân sự bài bản.
- Bảo Việt cung cấp các chính sách bảo hiểm, khám sức khỏe, chế độ đãi ngộ cho nhân viên ở mức cao.

Hoạt động cộng đồng và CSR

- Bảo Việt đã thực hiện các chương trình đầu tư cho giáo dục thế hệ trẻ, hỗ trợ khám và chữa bệnh và các chương trình xóa nghèo cho các gia đình chính sách đã đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của cộng đồng.

Các vấn đề cần cải thiện theo khuyến nghị của Dow Jones – CSA Ratings

Trước những thành tựu đạt được, Tập đoàn Bảo Việt cũng nhận diện rõ những lĩnh vực cần tiếp tục cải thiện để nâng cao xếp hạng CSA trong các năm tiếp theo. Một số hạn chế trong chiến lược ESG, quản trị chuỗi cung ứng và cam kết Net Zero vẫn cần có các biện pháp khắc phục mạnh mẽ. Dưới đây là bảng phân tích chi tiết các điểm còn hạn chế và các giải pháp đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Tập đoàn.

Khía cạnh	Điểm cần cải thiện	Giải pháp cải thiện
Quản trị doanh nghiệp và Quản trị kinh doanh	Báo cáo Phát triển bền vững có chiến lược về ESGs nhưng chưa tích hợp sâu vào chiến lược kinh doanh	Công bố lộ trình ESG dài hạn, gắn kết với chiến lược doanh nghiệp
	Hiện chưa có tiêu chí ESG bắt buộc đối với nhà cung cấp	Áp dụng tiêu chí đánh giá ESG vào quy trình chọn nhà cung cấp
	Công nghệ InsurTech, AI, Big Data vẫn còn rất nhiều khía cạnh chưa được khai thác và ứng dụng triệt để trong hoạt động kinh doanh	Đầu tư mạnh vào chuyển đổi số, tối ưu hóa quy trình vận hàn
	Lộ trình Net Zero của Bảo Việt hiện chưa có cam kết trung hòa carbon vào năm cụ thể	Xây dựng kế hoạch giảm phát thải dài hạn, công bố mục tiêu Net Zero đến 2050
Quản trị môi trường làm việc	Tỷ trọng đầu tư vào danh mục tài chính xanh chưa cao.	Đặt mục tiêu tăng tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu xanh, quỹ ESG
	Hiện chưa có chính sách về tái chế, giảm rác thải cụ thể.	Áp dụng chính sách Zero Waste, tăng cường tái chế và sử dụng tài nguyên tuần hoàn.
	Tỷ lệ nữ giới trong HĐQT, Ban điều hành còn thấp.	Đặt mục tiêu rõ ràng về tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, có lộ trình cụ thể.
Quản trị nhân lực và hoạt động cộng đồng	Chưa có báo cáo chi tiết về tai nạn lao động, sức khỏe nhân viên.	Công khai dữ liệu Lost Time Injury Rate (LTIR), triển khai chương trình an toàn lao động theo tiêu chuẩn quốc tế.

Từ các kết quả đánh giá của Dow Jones – CSA Ratings, bên cạnh việc doanh nghiệp đạt điểm cao ở các lĩnh vực như minh bạch thông tin, quản trị rủi ro và báo cáo khí nhà kính, Bảo Việt nhận thức rõ và đặt mục tiêu tập trung vào các vấn đề sau để cải thiện hoạt động của doanh nghiệp như:

- Tích hợp ESG vào chiến lược kinh doanh cùng KPIs cụ thể.
- Quản trị chuỗi cung ứng bền vững, bổ sung yêu cầu nhà cung cấp tuân thủ ESG.
- Xây dựng lộ trình Net Zero, làm rõ mục tiêu và cam kết giảm phát thải.
- Tăng đầu tư vào tài chính xanh, mở rộng danh mục đầu tư ESG.
- Nâng cao bình đẳng giới trong lãnh đạo, đặt mục tiêu cụ thể.

Trong những năm tới, Bảo Việt sẽ tập trung cải thiện các yếu tố trên nhằm nâng cao xếp hạng CSA, tăng tính cạnh tranh trong lĩnh vực tài chính và bảo hiểm bền vững.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP,
PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Giới thiệu về thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực Asean (ACGS)



Dưới sự định hướng và chỉ đạo của HĐQT, trong những năm vừa qua, bên cạnh việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo pháp luật Việt Nam, Bảo Việt đã chủ động áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới và trong khu vực nhằm thúc đẩy cải thiện thực tiễn quản trị tại Bảo Việt và nâng cao nhận thức của các cán bộ quản lý và cán bộ nhân viên trong hệ thống Bảo Việt về các thông lệ quản trị công ty tốt.

Trong giai đoạn 2018 – 2024, các chuẩn mực về Quản trị công ty theo quy định tại ACGS đã được Bảo Việt tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp của mình. Tập đoàn Bảo Việt đã cải thiện tích cực ở các tiêu chí sau:

1. Về tính độc lập của hội đồng quản trị thông qua việc bổ sung thành viên độc lập Hội Đồng Quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029 nhằm tiệm cận/đạt được yêu cầu về tỷ lệ thành viên độc lập trong HĐQT theo thông lệ quản trị tốt nhất và quy định pháp luật Việt Nam,

2. Kiện toàn nhân sự Ban Kiểm soát, đảm bảo sự cân bằng về kinh nghiệm, giới tính, vv. giữa các thành viên trong Ban Kiểm soát.

3. Sự đổi mới website Bảo Việt với giao diện và tính năng thân thiện hơn để cập nhật, công bố đầy đủ các thông tin cho các cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng tiếp cận.

4. Bảo Việt nỗ lực kiện toàn và tăng cường vai trò của Kiểm toán nội bộ, Quản lý rủi ro và Tuân thủ trong khung quản trị nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt với mục tiêu (i) đảm bảo hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác, (ii) góp phần quan trọng trong nâng cao thực hành quản trị doanh nghiệp và (iii) là các tuyến phòng thủ bảo vệ nguồn vốn đầu tư và kiến tạo các giá trị bền vững trong dài hạn cho cổ đông.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Đánh giá chung về thực hành quản trị công ty trong năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt được ghi nhận như sau:

Thực hành tốt Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
Về Quyền của cổ đông		
Quyền của cổ đông		Cổ đông được tham gia vào quá trình phê duyệt và thông qua Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt; phát hành cổ phiếu của Tập đoàn; bầu HĐQT và Kiểm soát viên; thông qua các vấn đề nghị sự thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
Biểu quyết vắng mặt		Cổ đông căn cứu các tài liệu Đại hội được đăng tải trên website để biểu quyết các vấn đề có liên quan và gửi về Tập đoàn Bảo Việt trước Đại hội, các biểu quyết này của cổ đông được coi là hợp lệ và được tính vào số phiếu tán thành/không tán thành/không có ý kiến khi kiểm phiếu tại Đại hội;
Chi trả cổ tức cho cổ đông		Đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày HĐQT ra Nghị quyết về chi trả cổ tức và trong vòng 06 tháng kể từ ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.
Cung cấp Thông báo họp và Tài liệu họp ĐHĐCĐ		Đã cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong tài liệu ĐHĐCĐ
Đề cử và bầu cử thành viên HĐQT		Cổ đông có quyền đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị bất kể là cổ đông lớn hay cổ đông thiểu số
Tham dự ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và cổ đông		Biên bản ĐHĐCĐ công bố đầy đủ về sự tham gia của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát. Tập đoàn Bảo Việt cũng khuyến khích sự tham gia của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông tổ chức
Công bố Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ		• Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin song ngữ Anh - Việt trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc Đại hội; Biên bản ghi nhận tất cả các câu hỏi của cổ đông và trả lời của Chủ tịch Đoàn trong phần thảo luận tại Đại hội; • Nghị quyết ĐHĐCĐ bao gồm đầy đủ các nội dung kết quả biểu quyết: số phiếu thông qua, phản đối và phiếu trống cho mỗi nội dung nghị quyết.
Thời hạn công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ		Tài liệu họp ĐHĐCĐ đã được công bố đầy đủ 21 ngày trước ngày họp

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
Về đối xử bình đẳng với cổ đông		
Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ		• Công bố thông báo họp và các tài liệu liên quan song ngữ Anh – Việt trên website của Bảo Việt; • Cung cấp đầy đủ cơ sở, thông tin và giải trình cho các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội;
Công bố thông tin về ứng viên HĐQT, chính sách chi trả cổ tức		Công bố đầy đủ trong tài liệu ĐHĐCĐ và Báo cáo thường niên
Chất lượng và thời gian công bố tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Anh		Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất đã được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu tiếng Việt.
Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao.		Công ty chưa có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông.
		Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích trong Điều lệ, Quy chế nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT
		Công ty quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hành tốt Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
Về vai trò của các bên có liên quan		
Báo cáo phát triển bền vững		Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục triển khai kiểm toán/đảm bảo Báo cáo Báo cáo phát triển bền vững 08 năm liên tiếp (từ năm 2016-2024) bởi Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ Tập đoàn. Các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ đã được cải thiện qua các năm, đảm bảo độ tin cậy của thông tin cung cấp trong báo cáo.
Tương tác với cộng đồng, trách nhiệm xã hội, và chính sách cho nhân viên		• Tập đoàn công bố chính sách và thực hành trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động, bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường và phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững. • Công bố chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, phúc lợi và chương trình đào tạo cho nhân viên.
Thông tin liên lạc cho cổ đông		Tập đoàn cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty và Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (như: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ.
Hệ thống /quy trình khiếu nại về hành vi không hợp pháp (Whistle-blowing system)		Bảo Việt đã xây dựng, ban hành, và công bố trên website Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, Quy chế phòng chống tham nhũng để định hướng văn hóa doanh nghiệp, chống các hành vi không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức. Ban Tổ chức Nhân sự, Khối Quản lý Hoạt động là đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận các khiếu nại về các hành vi này.
Các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu, bảo vệ quyền lợi của chủ nợ		Đã xây dựng và công bố chi tiết trong Báo cáo phát triển bền vững hàng năm
Chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn		Tập đoàn đã thực hiện phát hành ESOP cho cán bộ nhân viên với thời gian hạn chế chuyển nhượng trong 03 năm (05/2018-05/2021), tăng cường sự gắn kết của Người lao động và tri ân sự đóng góp của Người lao động đối với hoạt động kinh doanh của Bảo Việt.

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
Về Công bố thông tin và Minh bạch		
Báo cáo thường niên		• Bảo Việt cung cấp đầy đủ các thông tin về cổ đông, về cấu trúc sở hữu của Công ty, hệ thống công ty con, công ty liên kết của Bảo Việt và các thông tin tài chính và phi tài chính trên Báo cáo thường niên của Bảo Việt. • Chất lượng của Báo cáo thường niên: cung cấp đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, đạt nhiều giải trondg nước và quốc tế về bình chọn Báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững.
Công bố thông tin về GDBLQ và giao dịch cổ phiếu của người trong công ty thực hiện		Đã cung cấp thông tin chi tiết đối với các giao dịch bên liên quan trọng yếu và giao dịch cổ phiếu của người trong Tập đoàn tại các thời điểm phát sinh hợp đồng/ giao dịch theo Nghị quyết của HĐQT trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị công ty và trên Báo cáo thường niên.
Website		• Đăng tải các thông tin cập nhật song ngữ Anh – Việt. • Cung cấp thông tin định kỳ và bất thường (trong vòng 24 giờ kể từ khi phát sinh) cho các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước về tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên có thể được tải về, báo cáo và tài liệu ĐHĐCĐ, tài liệu về quản trị công ty (Điều lệ, Quy chế Quản trị, Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp).
Họp báo và thông cáo báo chí		Đã tổ chức các cuộc họp báo và công bố các thông báo cáo chí có liên quan đến chiến lược và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hành tốt Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
Về tăng cường Trách nhiệm của HĐQT		
Vai trò, trách nhiệm của thành viên HĐQT và quy định về quản trị công ty		Quy định chi tiết tại Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty.
Vai trò thành viên HĐQT tại các doanh nghiệp niêm yết khác		• Tập đoàn quy định giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác tại Quy chế Quản trị Tập đoàn. • Tập đoàn không có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 2 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết khác ngoài Tập đoàn
Cuộc họp HĐQT		• HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp trong năm 2024. • Tài liệu họp HĐQT được cung cấp cho các thành viên HĐQT 5 ngày trước ngày họp • Đã công bố thông tin về việc tham dự họp HĐQT của từng thành viên HĐQT trên báo cáo thường niên.
Tính độc lập của thành viên HĐQT		• Kiện toàn nhân sự thành viên độc lập HĐQT từ thời điểm 26/12/2024 (03 thành viên). • Chủ tịch HĐQT không phải thành viên độc lập HĐQT. • Không tổ chức cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm để đánh giá các mặt hoạt động liên quan đến hoạt động điều hành doanh nghiệp.
Các Ủy ban trực thuộc HĐQT		• Đã thành lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT theo khuyến nghị của ACGS (bao gồm Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm, Ủy ban Kiểm toán), có bộ phận Kiểm toán nội bộ. • Quy chế hoạt động của các Ủy ban và tình hình tham dự cuộc họp của các thành viên Ủy ban được công bố trong Báo cáo thường niên.
		• Sự tham gia của các thành viên độc lập HĐQT trong các Ủy ban còn hạn chế. Chủ nhiệm các Ủy ban thuộc HĐQT không phải là thành viên độc lập HĐQT. • Các Ủy ban họp chủ yếu thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản, không tiến hành họp trực tiếp.
Đánh giá thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT		• Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm và HĐQT đã thực hiện đánh giá hoạt động của HĐQT, Ủy ban thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT dựa trên các tiêu được HĐQT thông qua tại Quy chế hoạt động của HĐQT. • Kết quả đánh giá đã được công bố trên Báo cáo thường niên.
Chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới và quy hoạch các vị trí lãnh đạo cấp cao		• Thiếu các thông tin công bố liên quan đến xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGĐ và Quản lý chủ chốt; • Chưa xây dựng các chương trình định hướng và đào tạo dành riêng cho thành viên HĐQT mới.

Một số điểm Bảo Việt cần tiếp tục cải thiện để nâng cao thực hành quản trị công ty

Với mục tiêu tiên phong áp dụng và từng bước tiệm cận các chuẩn mực về quản trị công ty của khu vực và trên thế giới, trong thời gian tới Bảo Việt cần tiếp tục thực hiện một số công tác sau liên quan đến quản trị công ty:

KẾ HOẠCH NGẮN HẠN

Cải thiện các chuẩn mực liên quan đến "Công bố thông tin và minh bạch", và tăng cường "Vai trò của các Bên liên quan", cụ thể:

Tiếp tục duy trì việc tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin theo yêu cầu tại Thông tư 96/2015/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng và các chuẩn mực tại thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN; phấn đấu thực hiện tốt hơn các chuẩn mực quy định tại các quy định hiện hành và thông lệ quốc tế để cung cấp các thông tin đến cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Nghiên cứu xây dựng chính sách, quy trình tố giác/khiếu nại sai phạm của Công ty ngoài các vấn đề chung đã được quy định tại Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Bảo Việt.

Xây dựng kế hoạch kế nhiệm, các chương trình định hướng và đào tạo dành cho các thành viên HĐQT mới và các thành viên đương nhiệm để đảm bảo duy trì đội ngũ lãnh đạo kế cận của Bảo Việt có đủ kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết đảm nhận nhiệm vụ.

Tăng cường các cuộc họp HĐQT mở rộng ngoài các cuộc họp định kỳ để thảo luận các vấn đề trọng yếu liên quan đến định hướng hoạt động kinh doanh và giải pháp trọng tâm (Tổ chức ít nhất 06 cuộc/năm);

KẾ HOẠCH TRUNG VÀ DÀI HẠN

Tăng cường Trách nhiệm của HĐQT

Tăng cường sự tham gia của các thành viên độc lập trong các Ủy ban thuộc HĐQT nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy ban để tư vấn, tham mưu cho HĐQT; tăng cường tính độc lập của các Ủy ban thuộc HĐQT.

Nghiên cứu xây dựng/quy định một số chính sách liên quan đến phê duyệt của HĐQT đối với giao dịch với người có liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích của Tập đoàn, cụ thể:

- Chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm Thành viên độc lập HĐQT rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông;
- Chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch bên liên quan trọng yếu;
- Chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích.

Nghiên cứu thực hiện thuê bên thứ ba độc lập đánh giá hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT theo các thông lệ tốt về quản trị trên thế giới.

Về việc tổ chức Họp và tham gia Họp HĐQT:

- Xây dựng cơ chế có ít nhất một cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm để đánh giá các mặt hoạt động liên quan đến hoạt động điều hành doanh nghiệp.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP,
PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Đánh giá chi tiết về thực hành Quản trị Công ty của Tập đoàn Bảo Việt theo thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực Asean

Thẻ điểm Quản trị Doanh nghiệp ASEAN (ACGS) là sáng kiến của Diễn đàn Thị trường Vốn ASEAN nhằm cải thiện tiêu chuẩn và thực hành quản trị doanh nghiệp của các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán trong khu vực ASEAN, đồng thời nâng cao khả năng hiện diện quốc tế của các công ty ASEAN được quản trị tốt.

Phiên bản đầu tiên của ACGS được phát hành vào năm 2011 và lần đầu tiên được sửa đổi vào năm 2017. Sau đó, vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, phiên bản sửa đổi mới của ACGS đã được Hội nghị các Chủ tịch Diễn đàn thị trường vốn ASEAN thông qua, nhằm đáp ứng sự cập nhật của Nguyên tắc Quản trị Doanh nghiệp G20/OECD và xem xét những phát triển gần đây trong thị trường vốn cũng như các chính sách và thực hành quản trị doanh nghiệp. Phiên bản này bao gồm các tiêu chí mới và được cập nhật về quyền của cổ đông và đối xử công bằng, minh bạch và công bố thông tin, trách nhiệm của hội đồng quản trị, cùng với hạng mục mới về bền vững và khả năng phục hồi.

Giới thiệu về ACGS

Dự án đánh giá Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN (ACGS) là một trong những **sáng kiến quan trọng nhất của Diễn đàn Thị trường vốn ASEAN** (ACMF), được **khởi động vào năm 2011**, với các mục tiêu chính:

- Nâng cao tiêu chuẩn quản trị của các công ty niêm yết đại chúng (PLCs) trong khu vực ASEAN.
- Xây dựng một thị trường vốn hội nhập trong khu vực.
- Thúc đẩy các doanh nghiệp ASEAN trở thành những doanh nghiệp đầu tư có giá trị trên thị trường quốc tế.

Nguyên tắc xây dựng thẻ điểm ACGS:

- Nguyên tắc QTCT theo OECD
- Nguyên tắc QTCT theo ICGN
- Quy định luật pháp & thực hành thực tế tại các nước ASEAN

Bộ thẻ điểm QTCT ASEAN - ACGS 2023 đã được xây dựng và cập nhật theo Nguyên tắc QTCT OECD 2023

ACGS 2023 đã phản ánh thay đổi của các nguyên tắc QTCT CG20/OECD 2023 đặc biệt tại nguyên tắc #6



NGUYÊN TẮC 6
Bền vững và bền bỉ

ACGS 2023
+ 20 câu hỏi mới đánh giá

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP,
PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

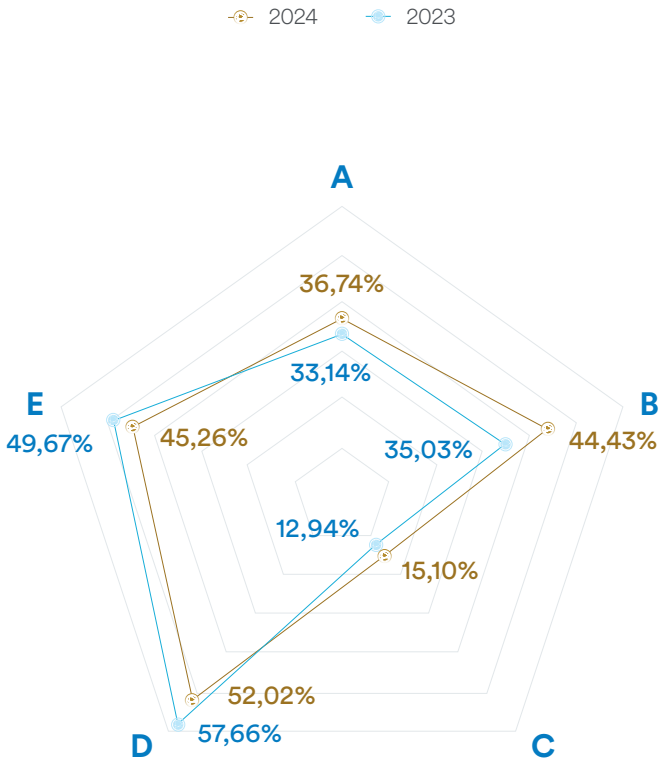
Thống kê điểm QTCT (%) theo từng cấu phần

E - Trách nhiệm của HĐQT

- ✓ Tổ chức họp HĐQT và báo cáo nội dung cuộc họp
- ✓ HĐQT thực hiện đánh giá Ban điều hành và CEO
- ✗ Tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập
- ✗ Chính sách cân bằng giới, đa dạng về thành phần
- ✗ Thành phần UB chuyên trách
- ✗ Chủ tịch là thành viên độc lập
- ✗ Tham gia đào tạo về QTCT
- ✗ Công bố về rủi ro & đánh giá tính hiệu quả của KSNB

D - Công bố thông tin và minh bạch

- ✓ Thông tin về sở hữu
- ✓ Tính độc lập của thành viên HĐQT
- ✓ Công bố báo cáo đúng thời hạn
- ✗ Tiểu sử thành viên HĐQT
- ✗ Các khoản thù lao, lương thưởng, lợi ích của HĐQT, BKS, BĐH



- ✓ Thực hiện tốt thông lệ
- ✓ Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ
- ✗ Chưa thực hiện theo thông lệ
- N/A Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

A - Quyền cổ đông

- ✓ Thời hạn họp ĐHĐCD
- ✓ Công bố giao dịch thuộc thẩm quyền ĐHĐCD
- ✗ Công bố tài liệu họp ĐHĐCD
- ✗ Phương thức họp và biểu quyết tại ĐHĐCD
- ✗ Sự tham gia của cổ đông đối với DN

B - Đối xử công bằng giữa các cổ đông

- ✗ Công bố tài liệu họp bằng Tiếng Anh

C - Vai trò các bên hữu quan

- ✗ Công bố tác động MT-XH thông qua chính sách và thực hành tương tác với bên hữu quan
- ✗ Bộ quy tắc đạo đức và thực hành báo cáo sai phạm
- ✗ Kênh liên lạc với các bên hữu quan

Nguồn: VLCA 2024

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện tốt thông lệ | Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ | Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN A

QUYỀN CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
A.1	**Quyền cơ bản của cổ đông**		
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?		
A.2	**Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi cơ bản của công ty**		
	Cổ đông có quyền tham gia		
A.2.1	Sửa đổi quy chế (Điều lệ) công ty?		Đã quy định tại Điều lệ Công ty
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?		
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?		
A.3	**Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, và phải được thông tin về quy định họp ĐHĐCĐ, bao gồm cả thủ tục biểu quyết**		
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành		Chương trình nghị sự ĐHĐCĐ thường niên đều thể hiện nội dung này.
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên HĐQT?		Đã quy định tại Điều lệ Công ty
A.3.3	Cổ đông có quyền bỏ phiếu cho từng ứng cử viên HĐQT.		Quy chế bầu cử thành viên HĐQT quy định thể lệ bầu cử rõ ràng cho cổ đông.
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục đề cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi đại hội tiến hành		Công bố tại Tài liệu họp ĐHĐCĐ trước ngày Đại hội và trước khi Đại hội được tiến hành
A.3.5	Biên bản họp có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và nêu vấn đề tại ĐHĐCĐ.		• Bảo Việt đã ghi nhận và công bố các câu hỏi và trả lời trong phần thảo luận trong Biên bản ĐHĐCĐ • Công bố Biên bản họp bằng tiếng Việt và tiếng Anh
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?		Công bố đầy đủ tại Nghị quyết ĐHĐCĐ

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện tốt thông lệ | Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ | Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN A

QUYỀN CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?		Công bố tại Biên bản họp ĐHĐCĐ
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGĐ có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?		Công bố tại Biên bản họp ĐHĐCĐ
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?		Ghi nhận tại Điều lệ và Quy chế tổ chức Đại hội
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?		Công bố tại Quy chế tổ chức Đại hội.
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?		Công bố tại ĐHĐCĐ, thể hiện trong Biên bản ĐHĐCĐ
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?		
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?		Bảo Việt đã công bố thông báo mời họp, các giấy tờ ủy quyền, chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 đảm bảo quy định
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?		• Tài liệu tại ĐHĐCĐ của Bảo Việt đã cung cấp đầy đủ thông tin và cơ sở về các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua. • Đã công bố các tài liệu bằng tiếng Anh.
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?		Cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi cho Hội đồng Quản trị, kể cả câu hỏi liên quan tới kiểm toán độc lập hàng năm, kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông, và đề xuất các giải pháp trong giới hạn hợp lý. Ghi nhận trong Biên bản ĐHĐCĐ.
A.4	**Thị trường giao dịch thâu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch**		
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thâu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?		Tại Bảo Việt chưa xảy ra trường hợp này.
A.5	**Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức**		
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?		Bảo Việt đã công bố rất chi tiết nội dung này trên báo cáo thường niên (mục quan hệ cổ đông, các chính sách về việc khuyến khích cổ đông thực hiện các quyền của mình, tạo điều kiện cho cổ đông tham dự bỏ phiếu, biểu quyết các vấn đề quan trọng).

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện tốt thông lệ | Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ | Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN B

ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
B.1	**Cổ phiếu và quyền biểu quyết**		
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết	✓	
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)?	✓	Bảo Việt công bố rõ nội dung "công ty chỉ có một loại cổ phiếu thường" trong thông báo chốt danh sách, website Bảo Việt, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên.
B.2	**Thông báo của ĐHĐCĐ**		
B.2.1	Mỗi một Nghị quyết được thông qua chỉ chứa một nội dung.	✓	
B.2.2	Tài liệu ĐHĐCĐ được dịch sang tiếng Anh và được công bố cùng ngày với tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Việt.	✓	Đã thực hiện đầy đủ từ ĐHĐCĐ thường niên 2016
	Thông báo của ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:		
B.2.3	Tài liệu ĐHĐCĐ có công bố tiểu sử của các ứng cử viên cho HĐQT (bao gồm các thông tin: tuổi, bằng cấp, lần bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và các vị trí HĐQT đang nắm giữ tại các công ty niêm yết khác).	✓	Bảo Việt đã thực hiện công bố SYLL của ứng viên.
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	✓	Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này theo Tờ trình ĐHĐCĐ về việc phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập.
B.2.5	Giấy ủy quyền ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng	✓	Đính kèm Thông báo Họp ĐHĐCĐ gửi cổ đông và up lên website Bảo Việt
B.3	**Phải cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân**		
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài	✓	Quy định tại Quy chế quản trị công ty và Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp
B.3.2	Thành viên HĐQT được yêu cầu báo cáo về giao dịch cổ phiếu của họ trong vòng 3 ngày làm việc.	✓	Bảo Việt đã thực hiện tiêu chí này theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.
B.4	**Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao**		
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	✓	Quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tập đoàn

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện tốt thông lệ | Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ | Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN B

ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
B.4.2	Công ty có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?		Theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ hiện hành của Tập đoàn Bảo Việt, HĐQT có thể thành lập các uỷ ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Thành viên của ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. HĐQT sẽ nghiên cứu việc thành lập/có một tiểu ban có chức năng rà soát GDBLQ trong đó có sự tham gia của TV độc lập HĐQT.
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?		Theo quy định tại Điều 30.11 của Điều lệ hiện hành của TĐBV, TV HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn. TV HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường		Theo quy định tại Khoản 4 Điều 40 của Điều lệ hiện hành, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Tập đoàn không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác không phải là cổ đông và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành của Tập đoàn mà Tập đoàn và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Khoản 5 Điều 40 Điều lệ hiện hành của Tập đoàn Bảo Việt.
B.5	**Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng**		
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?		Bảo Việt có nêu chính sách về việc đảm bảo công bằng và minh bạch trong giao dịch với các bên liên quan tại Báo cáo thường niên.
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.		Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện tốt thông lệ | Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ | Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN C

VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
C.1	**Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng**		
	Công ty có công bố chính sách và thực hành về:		
C.1.1	Công ty có công bố chính sách về bảo vệ lợi ích của khách hàng.	✓	Bảo Việt đã công bố chính sách này trên BCTN và Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	✓	Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này, chi tiết nêu trong báo cáo phát triển bền vững
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững ?	✓	Bảo Việt đã công bố chính sách này trong Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	✓	Bảo Việt đã công bố chiến lược và chính sách rõ ràng liên quan đến nội dung này trong Báo cáo phát triển bền vững
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	✓	Bảo Việt đã ban hành Quy tắc ứng xử và Quy chế Phòng chống rửa tiền. Đã ban hành bản tiếng Anh và tiếng Việt quy chế trên website.
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	✓	Bảo Việt sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu cho các hoạt động kinh doanh.
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	✓	Bảo Việt đã công bố chính sách này trên BCTN và Báo cáo phát triển bền vững
C.2	**Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm**		
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ	✓	Bảo Việt đã nêu rõ đầu mối liên lạc và bộ phận Quan hệ cổ đông trên Báo cáo thường niên và website Tập đoàn.
C.3	**Cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng**		
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	✓	Bảo Việt đã nêu rõ trong BCTN và Báo cáo phát triển bền vững hàng năm
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	✓	

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện tốt thông lệ | Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ | Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN C

VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?		Công ty đã thực hiện ESOP cho toàn thể cán bộ nhân viên trong Quý I/2018, hạn chế chuyển nhượng đến tháng 5/2021
C.4	**Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.**		
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên?		• Quy định tại Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp. Đã đăng tải bản Tiếng Anh và tiếng Việt Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website của Công ty. • Cần xây dựng quy trình cụ thể và chính sách bảo vệ người tố giác.
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức?		

PHẦN D

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.1	**Cấu trúc sở hữu minh bạch**		
D.1.1	Công bố thông tin sở hữu: danh tính cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên		Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo tóm tắt danh sách cổ đông gửi HOSE (sau mỗi lần chốt danh sách cổ đông); Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.
D.1.2	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà cổ đông lớn nắm giữ		
D.1.3	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên hội đồng quản trị nắm giữ		Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.
D.1.4	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên ban điều hành nắm giữ		
D.1.5	Công bố thông tin chi tiết của các công ty con, liên kết, liên doanh: cả tên và số cổ phần mà công ty nắm giữ ở các công ty này		Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên.
D.2	**Chất lượng của báo cáo thường niên**		
	Báo cáo thường niên có công bố:		
D.2.1	Mục tiêu của công ty		Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững, đăng tải trên website của Tập đoàn Bảo Việt
D.2.2	Các chỉ số tài chính, ví dụ như một trong các chỉ tiêu căn bản sau: ROI, ROS, ROE và EPS		
D.2.3	Các chỉ số phi tài chính, ví dụ như thị phần hoặc chỉ số hài lòng khách hàng		
D.2.4	Chính sách cổ tức, cụ thể về chính sách chi trả, tỷ lệ cổ tức dự kiến		
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT		

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện tốt thông lệ | Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ | Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN D

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm		Công bố trong chương Quản trị doanh nghiệp của Báo cáo thường niên.
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT		
	Tuyên bố khẳng định về quản trị công ty		
D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?		Bảo Việt đã tuyên bố thực thi các quy định về quản trị công ty trong phần Báo cáo quản trị/Báo cáo thường niên.
D.3	**Công bố giao dịch bên liên quan**		
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?		Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên và nội dung nghị quyết giao dịch với bên liên quan trong vòng 24 giờ từ khi Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương.
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?		
D.4	**Thành viên HĐQT và giao dịch cổ phiếu của công ty**		
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người người nội bộ của công ty thực hiện?		Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên.
D.5	**Kiểm toán độc lập và báo cáo kiểm toán**		
	Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phí phi kiểm toán		
D.5.1	Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?		
D.5.2	Công ty có phí phi kiểm toán nhiều hơn phí kiểm toán		Công ty không có phí phi kiểm toán.
D.6	**Phương tiện truyền thông**		
	Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:		
D.6.1	Báo cáo quý		Bảo Việt công bố rất đầy đủ .
D.6.2	Trang web công ty		Bảo Việt đã bổ sung các nội dung tiếng Anh tại website của Công ty song song với các nội dung tiếng Việt.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện tốt thông lệ | Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ | Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN D

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	✓	Đã thực hiện 02 Hội nghị chuyên gia phân tích trong năm 2024.
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/họp báo.	✓	Bảo Việt đã quảng bá thông tin về doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng.
D.7	**Nộp/công bố báo cáo thường niên/báo cáo tài chính đúng hạn**		
D.7.1	Báo cáo tài chính được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	✓	Bảo Việt thực hiện công bố báo cáo trong vòng 100 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	✓	Bảo Việt thực hiện công bố báo cáo trong vòng 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
D.7.3	Lời xác nhận trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất từ HĐQT và các cá nhân liên quan		
D.8	**Website của Công ty** **Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:**		
	Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:		
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quí gần nhất)	✓	Cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật thường xuyên.
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	✓	
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	✓	
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	✓	
D.8.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	✓	
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về	✓	
D.9	**Quan hệ nhà đầu tư**		
D.9.1	Công bố chi tiết liên hệ của nhân viên phụ trách Quan hệ cổ đông (điện thoại, fax và email)	✓	Bảo Việt đã công bố trên BCTN và website Công ty.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện tốt thông lệ | Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ | Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN E

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.1	**Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT**		
	Trách nhiệm của HĐQT và chính sách quản trị công ty được xác định rõ ràng		
E.1.1	Công ty có công bố Quy chế Quản trị công ty, điều lệ hoạt động HĐQT		Bảo Việt đã công bố Quy chế quản trị công ty lên website (Tiếng Việt và tiếng Anh).
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai		Các Nghị quyết của HĐQT định được công bố công khai theo luật định, đồng thời báo cáo tại Báo cáo tại Báo cáo quản trị Công ty và Báo cáo thường niên.
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của HĐQT có được quy định rõ ràng		Quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và báo cáo hàng năm tại Báo cáo thường niên.
	Tầm nhìn/sứ mệnh của công ty		
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật		Bảo Việt có công bố đầy đủ nội dung này trong Báo cáo thường niên.
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?		HĐQT Tập đoàn thực hiện rà soát chiến lược định kỳ hàng năm và được trình bày trong Báo cáo thường niên.
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?		Bảo Việt tuân thủ nội dung này, HĐQT chỉ đạo việc xây dựng chiến lược và giám sát việc thực hiện, rà soát chiến lược định kỳ tại các kỳ họp HĐQT.
E.2	**Cơ cấu HĐQT**		
	Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc ứng xử		
E.2.1	Công ty công bố chi tiết bộ Quy tắc đạo đức		Bảo Việt đã công bố nội dung Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website (tiếng Anh và tiếng Việt).
E.2.2	Công ty nêu rõ rằng: tất cả HĐQT, thành viên Ban điều hành và nhân viên được yêu cầu tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử		
E.2.3	Công ty nêu rõ cách thực thi và kiểm soát việc tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử		
	Thành phần và cơ cấu của HĐQT		
E.2.4	HĐQT có tối thiểu 50% thành viên độc lập		Bảo Việt có 30% thành viên độc lập.
E.2.5	*Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập?*		Đã được quy định tại Điều 26.2 Điều lệ hiện hành của TĐBV, theo đó, Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tập đoàn không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?		Đã được quy định tại Điều 11.3 Quy chế Quản trị hiện hành của TĐBV, theo đó, Thành viên HĐQT của Tập đoàn không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện tốt thông lệ | Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ | Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN E

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 2 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết khác ngoài tập đoàn		Bảo Việt không có trường hợp này.
	Tiểu ban Nhân sự		
E.2.8	Công ty có tiểu ban nhân sự		Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT.
E.2.9	Thành viên trong Tiểu ban nhân sự phần lớn là thành viên độc lập HĐQT (hơn 50%)		Tháng 4/2025, thành viên độc lập HĐQT đã tham gia vào các Tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.2.10	Chủ tịch tiểu ban nhân sự là thành viên độc lập HĐQT		
E.2.11	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban nhân sự		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.12	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban nhân sự		
	Tiểu ban Thù lao/ Tiểu ban Lương thưởng		
E.2.13	Công ty có tiểu ban lương thưởng		Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT.
E.2.14	Thành viên trong Tiểu ban lương thưởng phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)		Tháng 4/2025, thành viên độc lập HĐQT đã tham gia vào các Tiểu ban trực thuộc HĐQT.
E.2.15	Chủ tịch tiểu ban lương thưởng là thành viên HĐQT độc lập		
E.2.16	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban lương thưởng		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này trong Báo cáo thường niên.
E.2.17	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban lương thưởng		
	Tiểu ban Kiểm toán [1]		
E.2.18	Công ty có Tiểu ban kiểm toán		Bảo Việt có Ban Kiểm soát.
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có bao gồm toàn bộ thành viên không điều hành với đa số thành viên/ủy viên độc lập		
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có phải là thành viên độc lập		Tháng 4/2025, thành viên độc lập HĐQT đã tham gia vào các Tiểu ban trực thuộc HĐQT
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.22	Có ít nhất 1 thành viên độc lập của Tiểu ban có chuyên môn về kế toán (bằng cấp hoặc kinh nghiệm kế toán)		Cả 3 kiểm soát viên đều có chứng chỉ kế toán viên, kiểm toán viên.
E.2.23	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát		Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có nhiệm vụ chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập		

[1] *Tiêu chí này áp dụng cho Ban Kiểm soát đối với Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS (Theo tư vấn của Chuyên gia đánh giá ACGS của ASEAN)*

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện tốt thông lệ | Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ | Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN E

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.3	**Quy trình HĐQT**		
	Họp và tham dự họp HĐQT		
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước năm tài chính	✓	HĐQT đã thực hiện lập kế hoạch hoạt động, bao gồm lịch họp HĐQT trong năm trước năm tài chính kế tiếp
E.3.2	HĐQT họp ít nhất 6 lần trong năm	✓	Năm 2024 HĐQT Bảo Việt thực hiện 6 cuộc họp HĐQT trực tiếp. Đã báo cáo tại Báo cáo thường niên.
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT tham gia ít nhất 75% tổng số cuộc họp HĐQT trong năm đánh giá	✓	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.3.4	Công ty có yêu cầu tỉ lệ biểu quyết thông qua là tối thiểu 2/3 trong các quyết định của HĐQT?	✓	Hiện tại Bảo Việt đang thực hiện theo nguyên tắc đa số tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ,
E.3.5	Có ít nhất 1 cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm đánh giá	✗	Bảo Việt chưa thực hiện quy định này.
	Tiếp cận thông tin		
E.3.6	Tài liệu họp HĐQT được gửi tới các thành viên tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra	✓	Bảo Việt tuân thủ quy định này, cung cấp các tài liệu bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt.
E.3.7	Công ty có nêu rõ trách nhiệm quan trọng của thư ký công ty trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện vai trò của mình	✓	Bảo Việt đã nêu rõ trong Điều lệ và BCTN.
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	✓	Bảo Việt đảm bảo yêu cầu này.
	Bổ nhiệm và bầu lại HĐQT		
E.3.9	Công ty công bố tiêu chuẩn lựa chọn thành viên HĐQT mới	✓	Theo thông báo của HĐQT về việc bầu thành viên HĐQT mới tại các kỳ họp ĐHĐCĐ.
E.3.10	Công ty công bố quy trình bổ nhiệm thành viên HĐQT mới	✓	Bảo Việt có đưa ra quy chế bầu thành viên HĐQT.
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm một lần? *(Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011)*	✓	Nhiệm kỳ thành viên HĐQT tại Tập đoàn Bảo Việt là 05 năm.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện tốt thông lệ | Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ | Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN E

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
	Các vấn đề thù lao		
E.3.12	Công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) đối với t/v HĐQT điều hành và TGĐ.		Cung cấp tại Báo cáo thường niên.
E.3.13	Công bố cấu trúc thù lao của thành viên HĐQT ko điều hành		
E.3.14	Cổ đông và HĐQT có thông qua thù lao của ban điều hành		• HĐQT thông qua mức lương thưởng của Ban Điều hành. • ĐHĐCĐ phê duyệt quỹ thưởng hoàn thành Kế hoạch kinh doanh cho Ban Điều hành.
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deffered bonus)?		
	Kiểm toán nội bộ		
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt		Bảo Việt có Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ.
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?		Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này trong Báo cáo thường niên – công bố Giám đốc Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ, đồng thời đã thực hiện công bố thông tin lý lịch và người có liên quan của Giám đốc Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ.
E.3.18	Việc bổ nhiệm và bãi nhiệm của nhân viên kiểm toán nội bộ phải thông qua Tiểu ban Kiểm toán		Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này đối với việc bổ nhiệm Lãnh đạo Khối/Ban thuộc Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ.
	Giám sát rủi ro		
E.3.19	Công ty công bố quy trình kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thích hợp		
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?		Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này tại Báo cáo thường niên.
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?		
E.3.22	BCTN của công ty có lời xác nhận từ HĐQT hoặc BKS về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?		Cung cấp tại Báo cáo thường niên (Phần Hệ thống kiểm soát nội bộ).
E.4	**Nhân sự trong HĐQT**		
	Chủ tịch HĐQT		
E.4.1	Chủ tịch HĐQT và TGĐ không cùng 1 người đảm nhiệm		
E.4.2	Chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập		Bảo Việt chưa đáp ứng tiêu chí này.
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?		Bảo Việt không có tình trạng này.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thực hiện tốt thông lệ | Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ | Chưa thực hiện theo thông lệ | Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN E

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/Đề xuất cải thiện
E.4.4	Công ty công bố vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT		Bảo Việt công bố tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và Báo cáo thường niên.
	Trưởng Thành viên HĐQT độc lập		
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?		
	Kỹ năng và năng lực		
E.4.6	Công ty có thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động chính của công ty		Bảo Việt đáp ứng tiêu chí này.
E.5	**Hiệu quả HĐQT**		
	Phát triển thành viên HĐQT		
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới		Bảo Việt đã có bản đồ học tập cho từng vị trí chuyên môn, và hiện đang rà soát cập nhật bổ sung các chương trình dành cho t/v HĐQT mới và các chương trình đạo tạo dành riêng cho t/v HĐQT.
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích các thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn/quản trị cao hơn		
	Bổ nhiệm và hiệu quả của TGĐ/Ban điều hành		
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGĐ/ Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?		HĐQT có thực hiện các công tác này, tuy nhiên chưa công bố công khai.
E.5.4	HĐQT có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với TGĐ		
	Đánh giá HĐQT		*Quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của HĐQT, đã báo cáo kết quả đánh giá tại phần Báo cáo hoạt động của HĐQT tại BCTN 2020.*
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?		Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên.
	Đánh giá thành viên HĐQT		
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?		Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên.
	Đánh giá thành viên HĐQT		
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?		Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP,
PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Đánh giá những tác động của 2 nghị định và thông tư dưới đây đối với quản trị công ty: Nghị định 155/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (Nghị định 155) và Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

1 Việc quản trị công ty tại Tập đoàn Bảo Việt đã tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (Nghị định 155) và Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các quy định khác của pháp luật có liên quan theo các nguyên tắc sau: cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả; bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông; bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông; bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty; tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty; công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

2 **Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty**

Tập đoàn đã xây dựng Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua tuân thủ theo quy định Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155 và Thông tư số 116 và các văn bản pháp luật có liên quan.

3 **Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Phù hợp với quy định của Nghị định 155, hàng năm, Tập đoàn đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

4 Về tư cách và số lượng thành viên HĐQT tại Tập đoàn đã đáp ứng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Nghị định 155 về số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tập đoàn như sau: Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

5 **Các báo cáo quản trị công ty đại chúng**

Tập đoàn đã báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (bao gồm các báo cáo hoạt động của HĐQT, báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát) và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

6 Tránh xung đột lợi ích: giao dịch giữa Tập đoàn với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp, Người quản lý doanh nghiệp khác hoặc với những người có liên quan của các đối tượng này được trình Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận. Tập đoàn thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết về giao dịch liên quan trên cơ sở theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

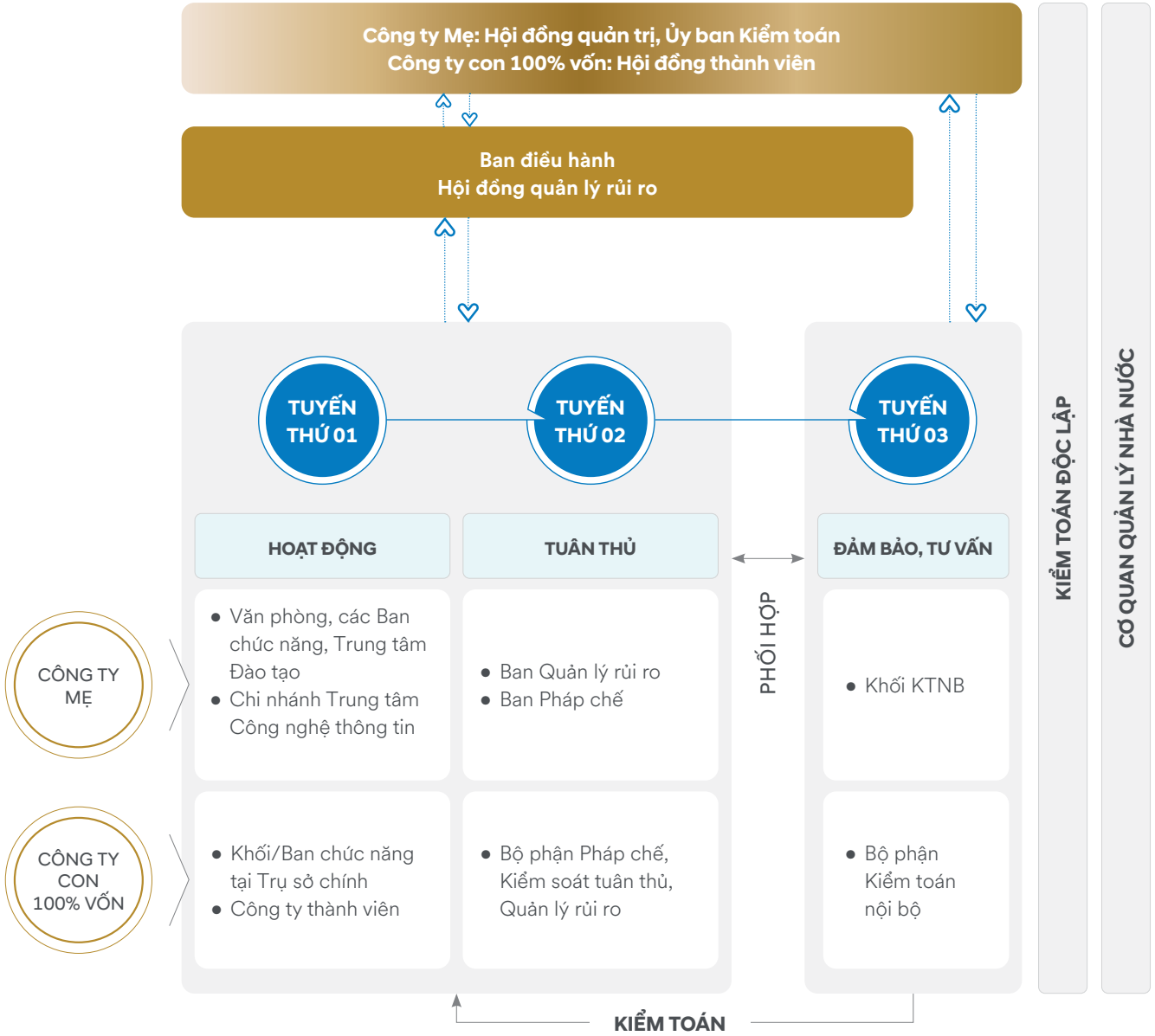
Hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm toán nội bộ

Vị trí của hệ thống kiểm soát nội bộ trong khung quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt



HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Tập đoàn Bảo Việt áp dụng mô hình "Ba tuyến bảo vệ" để đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro được vận hành một cách hiệu quả và chặt chẽ:



Trách nhiệm giải trình, báo cáo — *Ủy quyền, định hướng, giám sát* — *Phối hợp*

Tuyến thứ nhất là các bộ phận tác nghiệp, kinh doanh trực tiếp. Nhiệm vụ chính của các đơn vị này là xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác; bảo vệ lợi ích của đơn vị thông qua việc tự đánh giá, giám sát hiệu quả của biện pháp quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

Tuyến thứ hai là bộ phận pháp chế, kiểm soát tuân thủ, quản lý rủi ro. Nhiệm vụ của tuyến này là xây dựng chính sách và hướng dẫn về quản lý rủi ro và kiểm soát tuân thủ, cung cấp tư vấn, phản biện độc lập khách quan đối với Tuyến bảo vệ thứ nhất; quản lý rủi ro thông qua việc thiết lập khẩu vị rủi ro, hạn mức, xây dựng quy trình/hướng dẫn, theo dõi, cảnh báo sớm, quản lý danh mục rủi ro; thực hiện giám sát và kiểm tra tính tuân thủ thông qua hệ thống khung tuân thủ và biểu đồ tuân thủ của đơn vị.

Tuyến thứ ba là bộ phận Kiểm toán nội bộ. Đây là bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty Mẹ/ Hội đồng thành viên Công ty con 100% vốn, có nhiệm vụ kiểm tra độc lập, khách quan đối với tuyến thứ 1 và thứ 2 nhằm hỗ trợ các tuyến này cải thiện hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, qua đó, hỗ trợ Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, Ban điều hành cải thiện công tác quản trị doanh nghiệp, bảo vệ tài sản, danh tiếng và sự bền vững của Tập đoàn/ Công ty con.

Các bộ phận Kiểm toán nội bộ, kiểm soát tuân thủ, quản lý rủi ro, pháp chế tại Công ty Mẹ và các Công ty con là trợ thủ đắc lực của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban điều hành trong việc đảm bảo cho hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động một cách gắn kết, hiệu quả xuyên suốt toàn Tập đoàn.

Hệ thống kiểm soát nội bộ

Khái niệm Theo Quy chế Quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, kiểm soát nội bộ (KSNB) là quy trình do Tập đoàn Bảo Việt ban hành, được áp dụng trong phạm vi Tập đoàn Bảo Việt, được thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt.



Mục tiêu

Hoạt động

Hiệu quả và hiệu suất hoạt động, bao gồm kết quả hoạt động và kết quả tài chính, tài sản được bảo vệ

Báo cáo tài chính và phi tài chính

Các báo cáo tài chính và phi tài chính tin cậy, kịp thời, minh bạch

Tuân thủ

Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan và quy định nội bộ Tập đoàn

Các cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ Tập đoàn Bảo Việt và đánh giá của khối Kiểm toán nội bộ

Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt thực hiện đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn theo tất cả các cấp độ dựa trên 17 nguyên tắc tương ứng với 05 cấu phần của khung kiểm soát nội bộ COSO 2013.

(Bảng dưới đây mô tả phương pháp đánh giá của Khối Kiểm toán nội bộ. Kết quả đánh giá chỉ có tính chất minh họa)

Hiệu lực Khu vực cải thiện tiềm năng ☑ Có tồn tại/hiệu quả

Cấu phần và nguyên tắc			Đánh giá của Khối Kiểm toán nội bộ		
STT	**Nguyên tắc**	**Mô tả kiểm soát tại Tập đoàn Bảo Việt**	**Kiểm soát có tồn tại không?**	**Kiểm soát có hoạt động hiệu quả không?**	**Kết luận**
TÊN CẤU PHẦN: MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT					
1	Cam kết về tính chính trực và các giá trị đạo đức	Đã ban hành Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp.	☑	☑	Hiệu lực
2	Hội đồng quản trị độc lập với Ban điều hành và thực hiện giám sát việc xây dựng, triển khai và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ	Quy định rõ và thống nhất trách nhiệm kiểm soát nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các bộ phận, cá nhân trong Quy chế quản trị và các quy định có liên quan khác.	☑	☑	Hiệu lực
3	Ban điều hành, dưới sự giám sát của Hội đồng quản trị, thiết lập cơ cấu tổ chức, cơ chế báo cáo và phân định quyền hạn, trách nhiệm trong việc thực hiện mục tiêu		☑	☑	Khu vực cải thiện tiềm năng
4	Cam kết thu hút, phát triển và duy trì các cán bộ có năng lực phù hợp với mục tiêu của Tập đoàn	Ban hành và thống nhất áp dụng Quy chế tuyển dụng nhân sự, Quy chế đào tạo, Quy chế Quản lý cán bộ, Quy chế trả lương, Quy định về quản lý hiệu quả làm việc...	☑	☑	Hiệu lực
5	Đảm bảo các cá nhân chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ trong việc thực hiện mục tiêu	Tham chiếu nguyên tắc 2 và 3.	☑	☑	Hiệu lực
TÊN CẤU PHẦN: ĐÁNH GIÁ RỦI RO					
6	Xác định rõ các mục tiêu, làm cơ sở cho việc nhận diện và đánh giá các rủi ro liên quan đến mục tiêu	Ban hành Chiến lược quản lý rủi ro và thiết lập mục tiêu quản lý rủi ro hàng năm xuyên suốt từ Tập đoàn đến các Công ty con để đảm bảo hỗ trợ cho việc nhận diện, đánh giá, xử lý các rủi ro và đảm bảo tính gắn kết giữa mục tiêu và rủi ro ở mọi cấp độ (chiến lược, hàng năm, toàn Tập đoàn, từng đơn vị thành viên, từng bộ phận, quy trình, cá nhân).	☑	☑	Hiệu lực

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Hiệu lực Khu vực cải thiện tiềm năng ☑ Có tồn tại/hiệu quả

Cấu phần và nguyên tắc			Đánh giá của Khối Kiểm toán nội bộ		
STT	**Nguyên tắc**	**Mô tả kiểm soát tại Tập đoàn Bảo Việt**	**Kiểm soát có tồn tại không?**	**Kiểm soát có hoạt động hiệu quả không?**	**Kết luận**
7	Nhận diện rủi ro liên quan đến việc hoàn thành mục tiêu xuyên suốt toàn Tập đoàn và phân tích rủi ro làm cơ sở cho việc xác định cách thức quản lý rủi ro	Ban hành Quy chế quản lý rủi ro nhằm nhận diện, kiểm soát và báo cáo về các rủi ro chính, bao gồm: rủi ro bảo hiểm, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro danh tiếng, rủi ro chiến lược, rủi ro phát triển bền vững; Quy chế quản lý rủi ro quy định rõ cơ cấu tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm của các cấp trong công tác quản lý rủi ro; cách thức nhận diện các rủi ro trọng yếu và các chuẩn mực quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con Ban hành Chính sách quản lý rủi ro, Tuyên bố khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro chủ yếu của Tập đoàn Bảo Việt cho từng thời kỳ.	☑	☑	
8	Xem xét nguy cơ gian lận khi đánh giá rủi ro liên quan đến việc hoàn thành các mục tiêu	Rủi ro gian lận là một trong số các loại rủi ro được nhận diện, đánh giá trong Quy chế quản lý rủi ro, Chính sách quản lý rủi ro.	☑	☑	
9	Nhận diện và đánh giá các thay đổi có thể ảnh hưởng đáng kể đến hệ thống kiểm soát nội bộ	Các vấn đề liên quan đến rủi ro (ví dụ: các yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài như chính sách, cơ chế, chính trị...) được phản ánh trong các Báo cáo Ban điều hành đồng thời được phân tích, đánh giá và xử lý tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) và Ủy ban Tài sản Nợ - Tài sản có (ALCO).	☑	☑	
		TÊN CẤU PHẦN: HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT			
10	Lựa chọn và phát triển các hoạt động kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro ở mức độ có thể chấp nhận được	Các biện pháp kiểm soát được thiết lập và vận hành đối với mọi hoạt động tại tất cả các cấp, được lồng ghép trong các tác nghiệp hàng ngày ở tất cả các quy trình nghiệp vụ. Các loại hình kiểm soát chính bao gồm: Kiểm soát định hướng, Kiểm soát phòng ngừa, Kiểm soát phát hiện; Kiểm soát thủ công, Kiểm soát tự động. Trong đó kiểm soát tự động thông qua hệ thống CNTT đóng vai trò quan trọng nhằm hạn chế sai sót và tác động của con người tới hiệu quả của kiểm toán. Các biện pháp kiểm soát chính bao gồm: rà soát kết quả hoạt động của Ban điều hành cấp cao, từng phòng ban; thẩm định, phê duyệt; phân tích các chỉ số KPIs...	☑	☑	
11	Lựa chọn và phát triển các hoạt động kiểm soát chung về công nghệ thông tin để hỗ trợ thực hiện các mục tiêu		☑	☑	
12	Triển khai các hoạt động kiểm soát thông qua các chính sách và thủ tục		☑	☑	

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Hiệu lực Khu vực cải thiện tiềm năng ☑ Có tồn tại/hiệu quả

Cấu phần và nguyên tắc			Đánh giá của Khối Kiểm toán nội bộ		
STT	**Nguyên tắc**	**Mô tả kiểm soát tại Tập đoàn Bảo Việt**	**Kiểm soát có tồn tại không?**	**Kiểm soát có hoạt động hiệu quả không?**	**Kết luận**
TÊN CẤU PHẦN: THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					
13	Thu thập, tạo lập và sử dụng những thông tin thích hợp và có chất lượng để hỗ trợ cho hệ thống kiểm soát nội bộ	Các thông tin bên ngoài có liên quan hoặc ảnh hưởng đến Tập đoàn Bảo Việt được thường xuyên theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá và xử lý tại Ban Truyền thông - Thương hiệu.	☑	☑	Hiệu lực
14	Truyền thông trong nội bộ Tập đoàn các thông tin cần thiết, bao gồm thông tin về mục tiêu và trách nhiệm của các cá nhân đối với KSNB, nhằm hỗ trợ cho hệ thống kiểm soát nội bộ	Ban điều hành xây dựng một mạng xã hội chung (Workplace) trong toàn hệ thống Bảo Việt đảm bảo trao đổi thông tin cởi mở. Các thông tin cần thiết được truyền đạt một cách thông suốt, kịp thời và hiệu quả giữa các cấp, bộ phận và cá nhân có liên quan.	☑	☑	Khu vực cải thiện tiềm năng
15	Truyền thông với các bên liên quan bên ngoài Tập đoàn về những vấn đề ảnh hưởng đến hệ thống kiểm soát nội bộ	Các thông tin cung cấp ra bên ngoài cho khách hàng, đối tác, cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua Người được ủy quyền Công bố thông tin của Tập đoàn Bảo Việt.	☑	☑	Khu vực cải thiện tiềm năng
TÊN CẤU PHẦN: GIÁM SÁT					
16	Lựa chọn, phát triển và thực hiện đánh giá liên tục và/hoặc độc lập để xác nhận sự hiện hữu và sự vận hành của các cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ	Giám sát thường xuyên: lãnh đạo các bộ phận kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động kiểm soát của cán bộ, nhân viên dưới quyền trong các tác nghiệp hàng ngày.	☑	☑	Hiệu lực
17	Đánh giá và truyền thông kịp thời các điểm yếu của hệ thống kiểm soát nội bộ tới các bên chịu trách nhiệm thực hiện hành động khắc phục, bao gồm Ban điều hành và Hội đồng quản trị, nếu phù hợp	Xây dựng và triển khai hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo đầu tư real-time để giám sát thường xuyên tình hình kinh doanh và hoạt động đầu tư của Công ty Mẹ và các công ty con trong toàn hệ thống, hỗ trợ Ban điều hành trong việc ra quyết định. Giám sát độc lập/định kỳ: Việc giám sát định kỳ được thực hiện thông qua Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban Kiểm toán cung cấp cho Hội đồng quản trị các đánh giá về tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn, của bộ phận Kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các Đơn vị thành viên, và của Kiểm toán độc lập.	☑	☑	Khu vực cải thiện tiềm năng

Hoạt động kiểm toán nội bộ

"Năm 2024, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục cải tiến và áp dụng phương pháp kiểm toán liên tục vào nhiều lĩnh vực bên cạnh việc duy trì các cuộc kiểm toán theo phương pháp truyền thống. Công cụ phân tích số liệu được ứng dụng đa dạng và chuyên sâu hơn vào hoạt động kiểm toán trên cơ sở tận dụng các nguồn dữ liệu đã được thu thập và kết nối từ các phần mềm quản lý nghiệp vụ tại các đơn vị được kiểm toán. Phần mềm Power BI tiếp tục được sử dụng tại tất cả các Ban trong Khối, giúp đưa ra những phân tích sâu sắc và toàn diện hơn về hoạt động kinh doanh của các đơn vị kiểm toán qua các năm, giúp cho việc đánh giá rủi ro, lựa chọn đơn vị kiểm toán, lựa chọn phạm vi kiểm toán và việc đưa ra các cảnh báo, khuyến nghị hiệu quả hơn.".



Chức năng, nhiệm vụ

Cung cấp cho HĐQT những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán dựa trên hoạt động đảm bảo và tư vấn nhằm hỗ trợ Tập đoàn trong việc đạt được các mục tiêu.

Nguyên tắc hoạt động

ĐỘC LẬP

- Xây dựng, đề xuất với Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị phê chuẩn việc lựa chọn quy trình kiểm toán, đối tượng kiểm toán, phạm vi kiểm toán, tần suất kiểm toán, thời điểm kiểm toán
- Thực thi hoạt động kiểm toán, đưa ra các phát hiện, kết luận, phát hành báo cáo kiểm toán

KHÁCH QUAN

- Trung thực, công bằng, không định kiến khi thực hiện nhiệm vụ

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Cơ cấu tổ chức

Giám đốc/ Phó GĐ phụ trách Khối KTNB

Ban Kiểm toán Bảo hiểm Phi nhân thọ

Thực hiện kiểm toán tại Trụ sở chính Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (ngoại trừ hoạt động đầu tư tài chính) và 79 công ty thành viên.

Ban Kiểm toán Bảo hiểm Nhân thọ

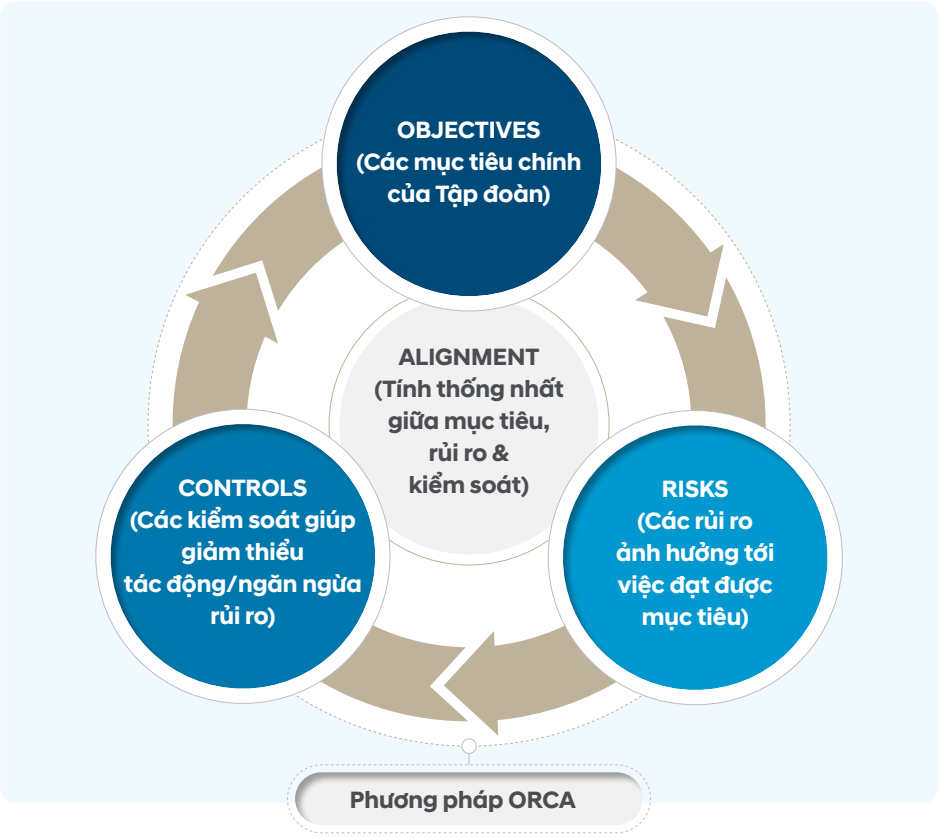
Thực hiện kiểm toán tại Trụ sở chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (ngoại trừ hoạt động đầu tư tài chính) và 76 công ty thành viên.

Ban Kiểm toán Đầu tư

Thực hiện kiểm toán tại Tập đoàn Bảo Việt, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt, Công ty Đầu tư Bảo Việt, hoạt động đầu tư tài chính tại Trụ sở chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (không bao gồm hoạt động tạm ứng từ giá trị giải ước) và Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Phương pháp tiếp cận

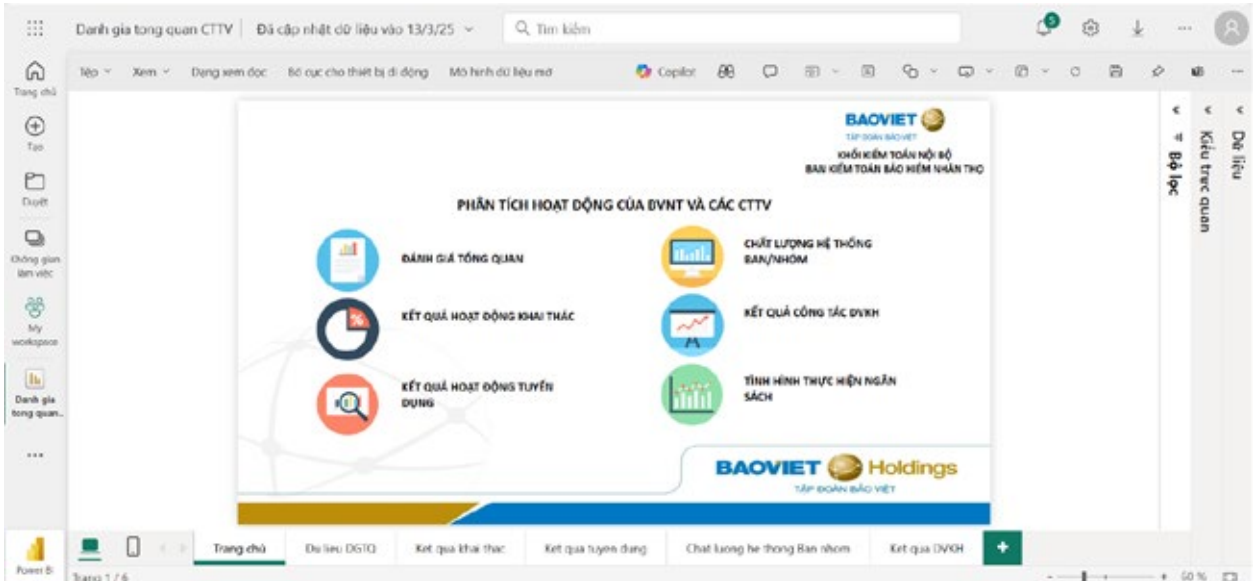
Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro để thực hiện các hoạt động kiểm toán, theo đó Khối Kiểm toán nội bộ căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro để xác định mục tiêu, đối tượng kiểm toán, phạm vi kiểm toán và cách thức thực hiện kiểm toán.



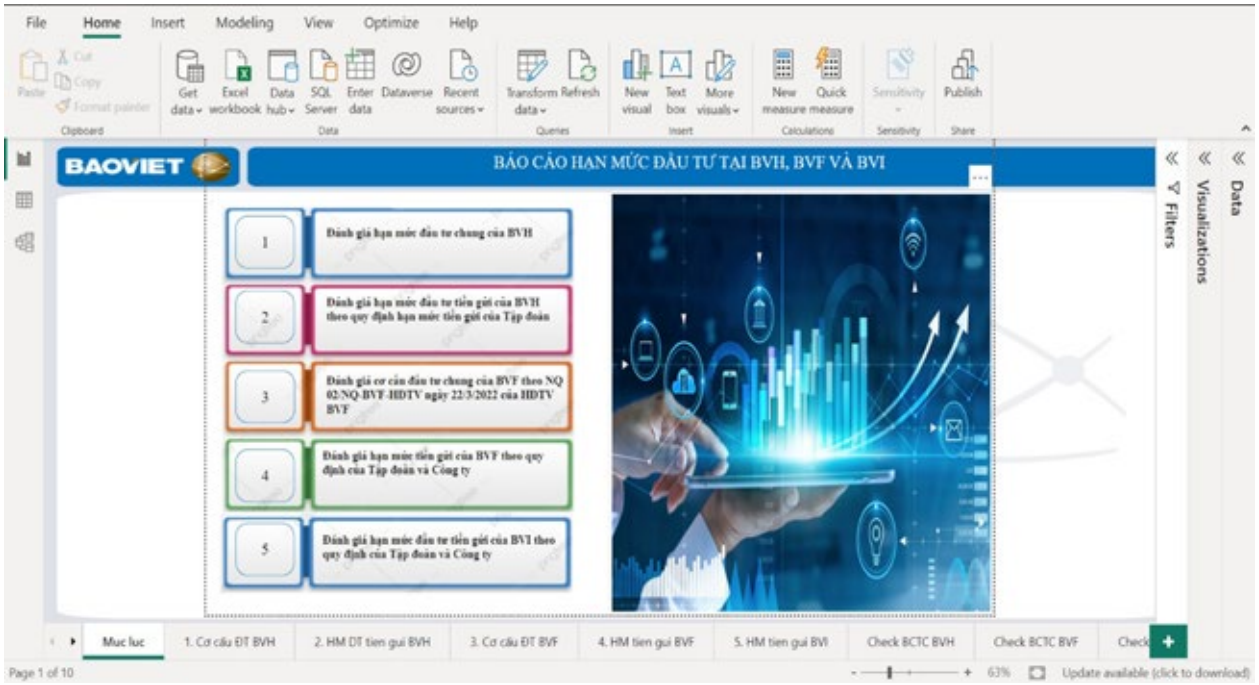
Dựa trên phương pháp ORCA, Khối Kiểm toán nội bộ sử dụng phần mềm Power BI để tổng hợp và phân tích thông tin các đơn vị, phục vụ việc đánh giá rủi ro tổng thể, lập kế hoạch kiểm toán hàng năm, đánh giá tổng quan đối tượng kiểm toán và hạn mức đầu tư. Ứng dụng này hỗ trợ thống kê số liệu qua nhiều năm, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và khoa học về các đơn vị kiểm toán, qua đó nâng cao hiệu quả nhận diện rủi ro, lựa chọn đơn vị và xác định phạm vi kiểm toán.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Báo cáo đánh giá tổng quan tất cả các đơn vị thuộc đối tượng kiểm toán



Báo cáo hạn mức đầu tư

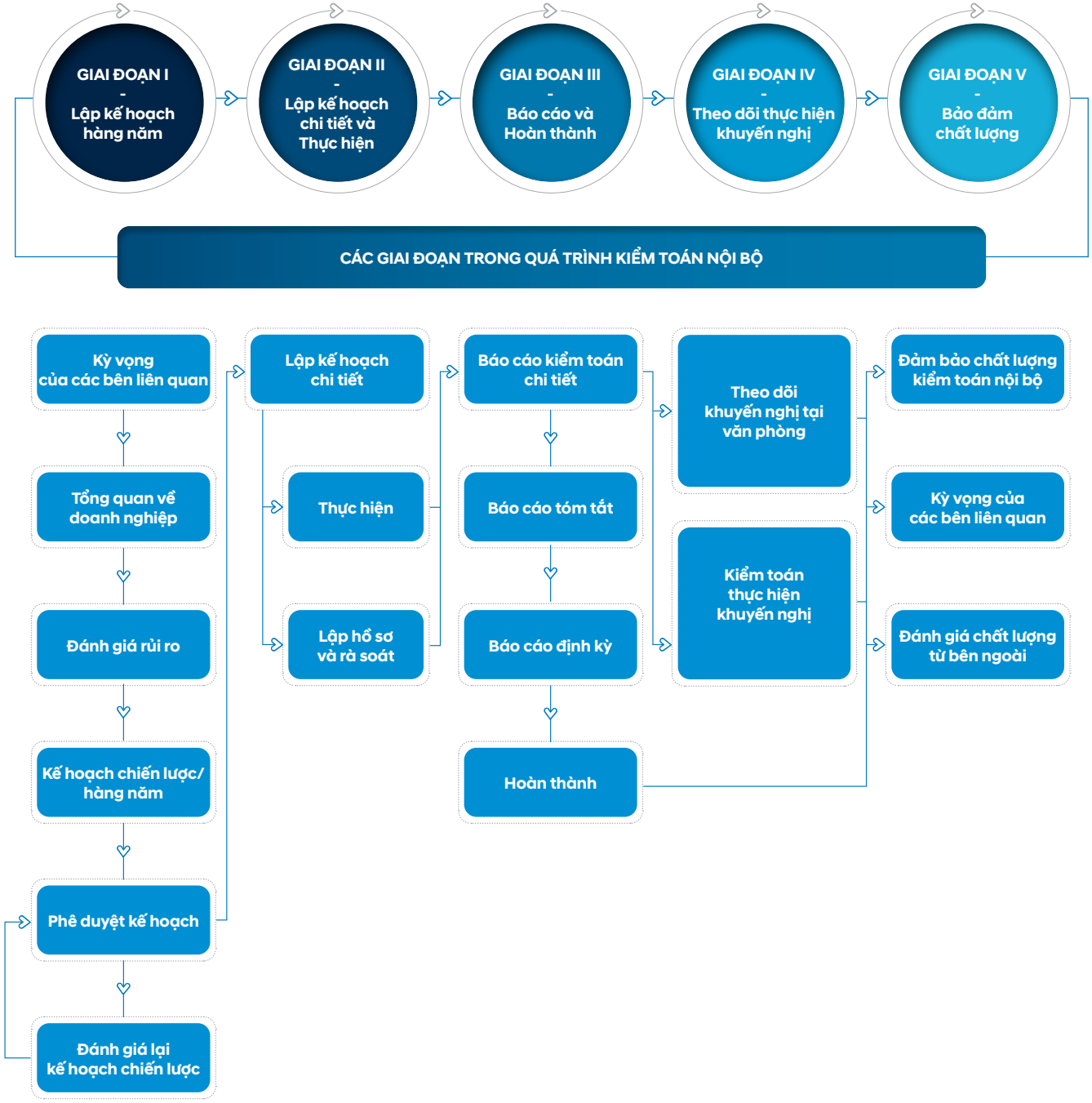


HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Quy trình kiểm toán nội bộ

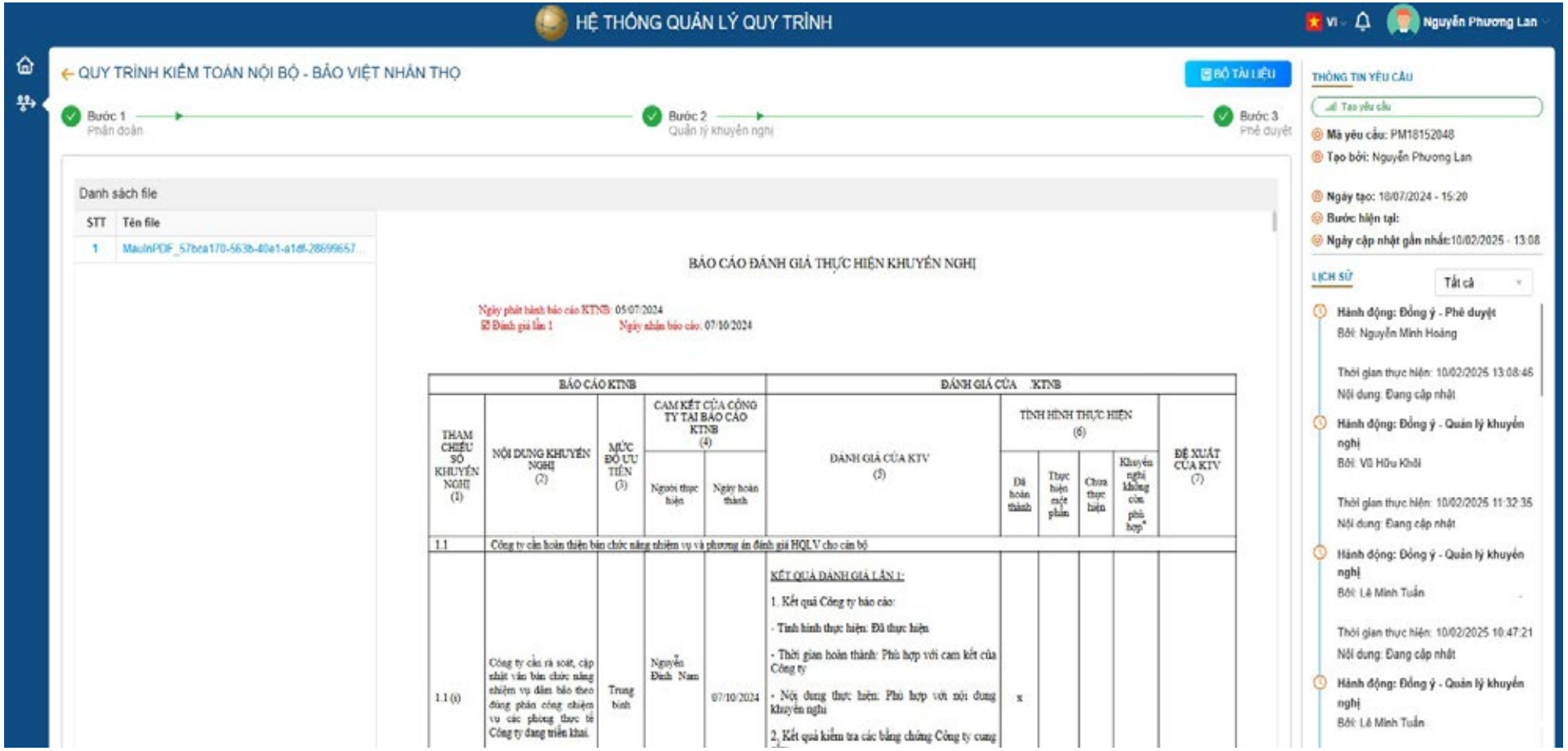
Khối Kiểm toán nội bộ định hướng tập trung vào loại hình kiểm toán hoạt động song song với kiểm toán tuân thủ. Nhằm đáp ứng xu thế kiểm toán nội bộ 3.0 và phù hợp với chiến lược số hóa của Tập đoàn, Khối đã nghiên cứu, sửa đổi và ban hành quy trình kiểm toán từ xa kết hợp với kiểm toán thực địa, đồng thời đang xây dựng quy trình theo dõi và đánh giá trực tuyến tình hình thực hiện khuyến nghị trên nền tảng BVPM.

Bên cạnh đó, Khối cũng đang tiến hành sửa đổi và bổ sung quy trình đánh giá việc thực hiện các khuyến nghị trong các Báo cáo kiểm toán đã phát hành. Hướng đến việc tăng cường tự rà soát và đánh giá của các đơn vị được kiểm toán, hoạt động này nhằm nâng cao nhận thức của các tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ hai trong công tác kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.



HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Trong năm 2024, Khối Kiểm toán nội bộ tiếp tục việc số hóa toàn bộ quy trình theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện khuyến nghị trên nền tảng BVPM đối với lĩnh vực kiểm toán bảo hiểm Nhân thọ và đang tiếp tục triển khai đối với lĩnh vực kiểm toán Phi nhân thọ và Đầu tư.



Chuẩn mực hoạt động

Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, hướng tới việc tuân thủ Khung thực hành nghề quốc tế chuyên nghiệp (International Professional Practices Framework – IPPF) của Viện Kiểm toán viên nội bộ Hoa Kỳ (The Institute of Internal Auditors – IIA).

Hầu hết các chuẩn mực kiểm toán nội bộ được quy định tại Thông tư số 08/2021/TT-BTC ngày 25/01/2021 đã được thực hiện bởi Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt. Dưới đây là minh họa việc thực hiện một số chuẩn mực:

Số hiệu chuẩn mực	Tiêu đề chuẩn mực	Thực hiện chuẩn mực
1000	**Mục đích, quyền hạn, và trách nhiệm**	Quy chế tổ chức hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt do Hội đồng quản trị ban hành đã quy định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đối tượng và phạm vi kiểm toán, nguyên tắc hoạt động (tính độc lập và tính khách quan), trách nhiệm báo cáo, tiêu chuẩn cho hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ.
1110	**Tính độc lập về tổ chức**	• Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ và các chức danh quản lý của Khối Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. • Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp tới cấp quản trị cao nhất của Tập đoàn – Hội đồng quản trị. • Kế hoạch kiểm toán, kế hoạch ngân sách, kế hoạch nguồn lực của Khối Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị phê duyệt.
1120	**Tính khách quan của người làm công tác kiểm toán nội bộ**	• Quy chế tổ chức hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành và Chuẩn mực đạo đức của Kiểm toán viên nội bộ do Ủy ban Kiểm toán ban hành đã quy định rõ về tính khách quan của Kiểm toán viên. • Tính khách quan của Kiểm toán viên được quản lý và giám sát chặt chẽ thông qua việc đào tạo nâng cao nhận thức và bố trí sắp xếp nhân sự cho các cuộc kiểm toán.

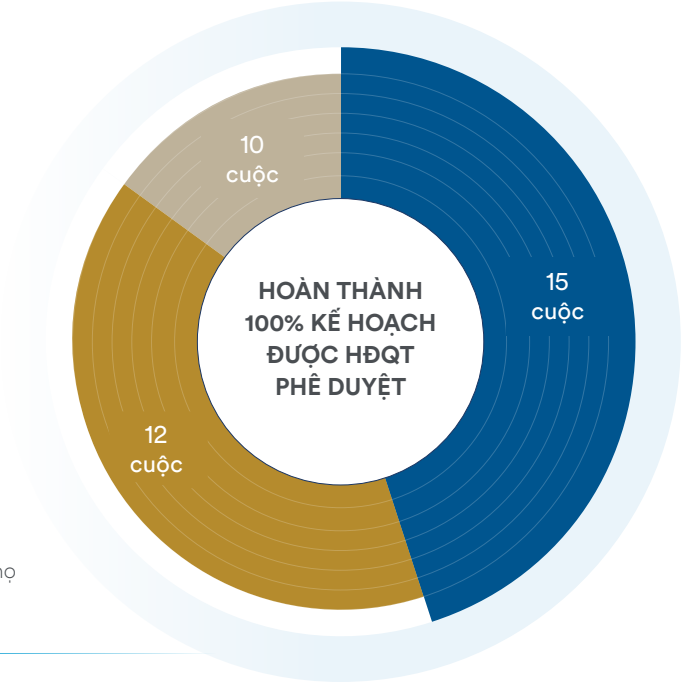
HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Số hiệu chuẩn mực	Tiêu đề chuẩn mực	Thực hiện chuẩn mực
1210	**Năng lực chuyên môn**	Bản đồ học tập chuyên môn nghiệp vụ của Khối Kiểm toán nội bộ được xây dựng và triển khai trên cơ sở tham khảo Khung năng lực Kiểm toán nội bộ toàn cầu của IIA. **Các hình thức đạo tạo cho đội ngũ Kiểm toán viên nội bộ:** • Đào tạo theo Bản đồ học tập chung của Tập đoàn; • Đào tạo thường xuyên 1-1 trên công việc; • Đào tạo tập trung cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ với các đối tác tư vấn, đào tạo uy tín thuộc các cơ quan quản lý nhà nước và Big 4. • Đào tạo thông qua các chứng chỉ nghề nghiệp (CIA, ANZIIF, LOMA, ACCA, CPIA, CPA Việt Nam...). • Tự đào tạo nội bộ cập nhật các rủi ro mới nổi, các xu hướng mới trong hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, quản trị doanh nghiệp, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực thuộc phạm vi kiểm toán của Khối Kiểm toán nội bộ.
1300	**Chương trình đảm bảo và cải tiến chất lượng**	• Đánh giá nội bộ thường xuyên thông qua tự đánh giá rút kinh nghiệm và khảo sát mức độ hài lòng của đơn vị được kiểm toán sau mỗi cuộc kiểm toán. • Đánh giá nội bộ định kỳ thông qua việc rà soát, báo cáo kết quả hoạt động hàng quý tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng quản trị.
2010	**Lập kế hoạch**	Kế hoạch kiểm toán thường niên và kế hoạch kiểm toán chi tiết (cho từng cuộc kiểm toán) được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tổng thể và kết quả đánh giá rủi ro chi tiết đối với từng đơn vị được kiểm toán có gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển trung và dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, danh mục rủi ro trọng yếu của Tập đoàn và đơn vị được kiểm toán.
2050	**Phối hợp với các bộ phận đảm bảo nội bộ và đảm bảo độc lập**	• Quy chế phối hợp giữa Khối Kiểm toán nội bộ với các bộ phận đảm bảo khác trong Tập đoàn (bao gồm Ban Kiểm soát, bộ phận Quản lý rủi ro, Pháp chế - Tuân thủ tại Công ty Mẹ; bộ phận Kiểm toán nội bộ tại các Công ty con 100% vốn; các Kiểm soát viên của Công ty Mẹ tại các Công ty con 100% vốn) đã được ban hành và triển khai. • Khối Kiểm toán nội bộ trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán độc lập của Tập đoàn.
2060	**Báo cáo Hội đồng quản trị và bộ phận quản lý cấp cao**	• Báo cáo kiểm toán của từng cuộc kiểm toán được phát hành tới Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn. • Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ định kỳ hàng quý báo cáo tình hình hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ cho Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn trong các phiên họp Hội đồng quản trị. • Các hạn chế về nguồn lực ảnh hưởng tới hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ được báo cáo tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng quản trị.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kết quả hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2024

Năm 2024, tiếp tục áp dụng phương pháp kiểm toán kết hợp, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành 100% số cuộc kiểm toán được Hội đồng quản trị giao với chất lượng được đảm bảo, tiết kiệm nguồn lực về thời gian và chi phí.



37
CUỘC KIỂM TOÁN

Trong 7 năm liên tiếp thực hiện đảm bảo có giới hạn Báo cáo phát triển bền vững theo Tiêu chuẩn GRI, Khối KTNB đã cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính chính xác, đầy đủ và thống nhất của số liệu trên Báo cáo Phát triển bền vững, qua đó thể hiện tính nghiêm túc và cam kết cao về Phát triển bền vững của Lãnh đạo Tập đoàn như thông điệp đưa ra. Trên cơ sở thực hiện các thủ tục, phương pháp được quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ, Quy chế và quy trình kiểm toán nội bộ của Tập đoàn và vận dụng Chuẩn mực 3000 - Hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ (ban hành kèm theo Thông tư số 66/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 của Bộ Tài chính), Khối KTNB đã đưa ra ý kiến đảm bảo có giới hạn về các chỉ tiêu Báo cáo phát triển bền vững được lựa chọn, đồng thời khuyến nghị các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng Báo cáo Phát triển bền vững hàng năm để phù hợp với Bộ tiêu chuẩn GRI và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của GRI.

Đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và thống nhất của số liệu
05
chỉ tiêu trong báo cáo PTBV năm 2024

Đối với báo cáo PTBV năm 2024, dựa trên bộ chuẩn mực GRI 2021 (áp dụng cho báo cáo PTBV từ ngày 1/1/2023) Khối KTNB thực hiện đảm bảo 05 chỉ tiêu tương ứng với các chủ đề Kinh tế - Môi trường - Xã hội như sau:

- **GRI 2-7** — Nhân viên
- **GRI 202-1** — Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng
- **GRI G4 - FS7** — Giá trị (bằng tiền) của sản phẩm và dịch vụ được thiết kế phục vụ một lợi ích xã hội nhất định cho từng lĩnh vực kinh doanh phân theo mục đích
- **GRI 405-1** — Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên
- **GRI 413-1** — Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Quy trình đảm bảo có giới hạn báo cáo phát triển bền vững

1. LẬP KẾ HOẠCH

- Họp khai mạc với các bên liên quan
- Xác nhận phạm vi đảm bảo có giới hạn và thời gian triển khai
- Thu thập và nghiên cứu tài liệu
- Thực hiện đánh giá rủi ro, xây dựng chương trình đảm bảo, kế hoạch triển khai chi tiết

2. THỰC HIỆN

Đánh giá tính đầy đủ và hiệu lực của các kiểm soát thiết lập đối với việc

- Lập Báo cáo PTBV
- Cập nhật nội dung dự thảo Báo cáo PTBV

3. PHÁT HÀNH BÁO CÁO VÀ THƯ ĐẢM BẢO

- Lập dự thảo Báo cáo PTBV và thư đảm bảo
- Trao đổi với các bên liên quan
- Phát hành báo cáo và thư đảm bảo

4. THEO DÕI THỰC HIỆN KHUYẾN NGHỊ

- Đánh giá việc thực hiện các khuyến nghị của Khối KTKTNB trong kỳ trước

Minh họa một số rủi ro có thể xảy ra trong quá trình lập Báo cáo Phát triển bền vững và một số biện pháp kiểm soát rủi ro trọng yếu:

Mô tả rủi ro	Thực hiện chuẩn mực
Thu thập thông tin, số liệu Thông tin, số liệu của các chỉ số PTBV không được thu thập đầy đủ, kịp thời	Thành lập Nhóm thực hiện báo cáo PTBV bao gồm đầy đủ các bộ phận, cá nhân liên quan của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên, trong đó có Nhóm thành viên chủ chốt chịu trách nhiệm điều phối toàn bộ quá trình lập báo cáo.
Kiểm soát, tổng hợp thông tin, số liệu Thông tin, số liệu cung cấp không được rà soát để đảm bảo tính chính xác và thống nhất trước khi trình bày báo cáo	Nhóm thành viên chủ chốt rà soát thông tin, số liệu thu thập được về tính đầy đủ, tính chính xác cơ học (cộng ngang, cộng dọc, tỷ lệ %), tính so sánh (so sánh số liệu năm hiện tại với năm liền trước để xác định biến động lớn hoặc bất thường), tính thống nhất (với thông tin, số liệu đã được báo cáo ra bên ngoài).
Lập và trình bày báo cáo Thông tin, số liệu được trình bày trên báo cáo PTBV không đầy đủ, không chính xác, không thống nhất, không rõ ràng	1. Nhóm thành viên chủ chốt thực hiện nghiên cứu, ban hành và tổ chức hướng dẫn các thành viên cách thức trình bày báo cáo đối với từng nội dung thông tin, từng chỉ số. 2. Nhóm thành viên chủ chốt thực hiện rà soát toàn bộ nội dung trình bày trên báo cáo để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, rõ ràng của các thông tin, số liệu trên báo cáo.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Trong năm vừa qua, Khối Kiểm toán nội bộ tiếp tục nâng cao vai trò tư vấn của mình thông qua việc đóng góp ý kiến cho các văn bản quy định pháp luật và các quy chế, quy trình, văn bản nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

TRÊN 50 VĂN BẢN CÓ Ý KIẾN THAM GIA CỦA KHỐI KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Dự thảo Quy chế tuân thủ, Quy chế Quản lý tài chính, Quy chế QLRR của Tập đoàn Bảo Việt (TĐBV), Quy chế Đầu tư, Quy chế thanh hoán cổ phần TCT BVNT

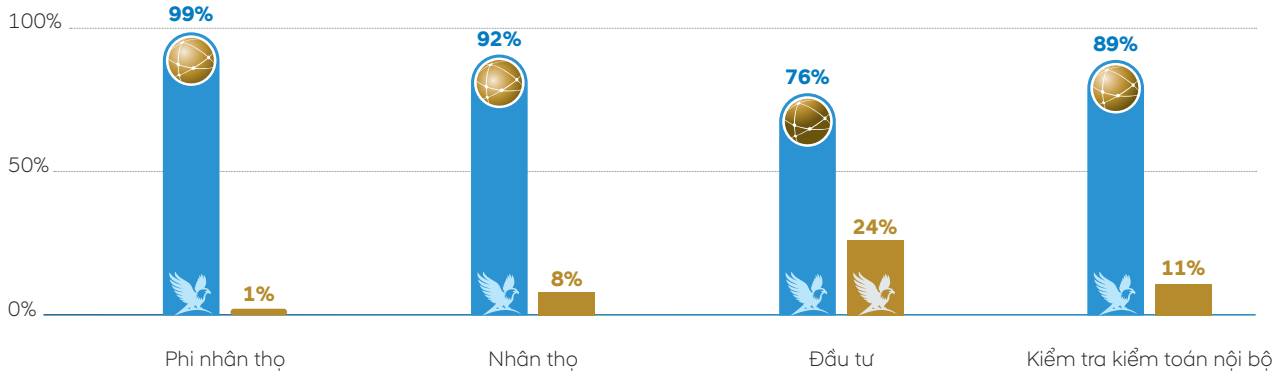
- Dự thảo Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn
- Các tờ trình HĐQT: ban hành Thang bảng lương, chuyển văn phòng TĐBV, thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá dự án trang thiết bị mạng
- Phân loại đầu tư chiến lược và đầu tư tài chính của TĐBV;
- Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông TĐBV năm 2023, Bộ câu hỏi phục vụ Đại hội đồng cổ đông 2023
- ...

Tình hình thực hiện khuyến nghị của đơn vị được kiểm toán:

89%

các khuyến nghị của Khối KTNB đã được hoàn thành, góp phần ngăn chặn/ giảm thiểu các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu của các đơn vị

- Tỷ lệ khuyến nghị đã hoàn thành (toàn bộ/một phần)
- Tỷ lệ khuyến nghị đang thực hiện



CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN

(Tổng số Kiểm toán viên đã hoàn thành hoặc đang theo học)

- 04 Certified Internal Auditor
- 04 CPA
- 04 ANZIIF
- 02 ACCA
- 01 CPIA The Certified Professional Internal Auditor
- 01 LOMA

Kế hoạch hoạt động năm 2025

Hoàn thành kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025 được Hội đồng quản trị giao, đồng thời tiếp tục từng bước chuyển đổi số trong hoạt động kiểm toán

Khối Kiểm toán nội bộ đẩy mạnh hoàn thành công tác chuyển đổi số trong các hoạt động kiểm toán như đánh giá khuyến nghị, đánh giá hệ thống KSNB. Đối với hoạt động thống kê, phân tích dữ liệu, hoàn thành hệ thống lưu trữ hồ sơ kiểm toán điện tử, Khối tiếp tục duy trì phát triển trên công cụ PowerBI.



Thích ứng với những thay đổi của chuẩn mực kiểm toán nội bộ quốc tế

Ngày 09/01/2024, bộ chuẩn mực Kiểm toán nội bộ Toàn cầu mới của Viện Kiểm toán viên nội bộ Hoa Kỳ đã được ban hành chính thức và sẽ bắt đầu có hiệu lực từ ngày 09/01/2025.

Ngoài việc tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật liên quan trong lĩnh vực kiểm toán nội bộ tại Việt Nam, với việc đồng thời hướng tới tuân thủ cả các chuẩn mực kiểm toán nội bộ quốc tế ngay từ những ngày đầu thành lập và đi vào hoạt động, trong năm 2025, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt sẽ áp dụng bộ chuẩn mực Kiểm toán nội bộ Toàn cầu mới nhằm hướng tới đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của các bên liên quan trong và ngoài tổ chức.

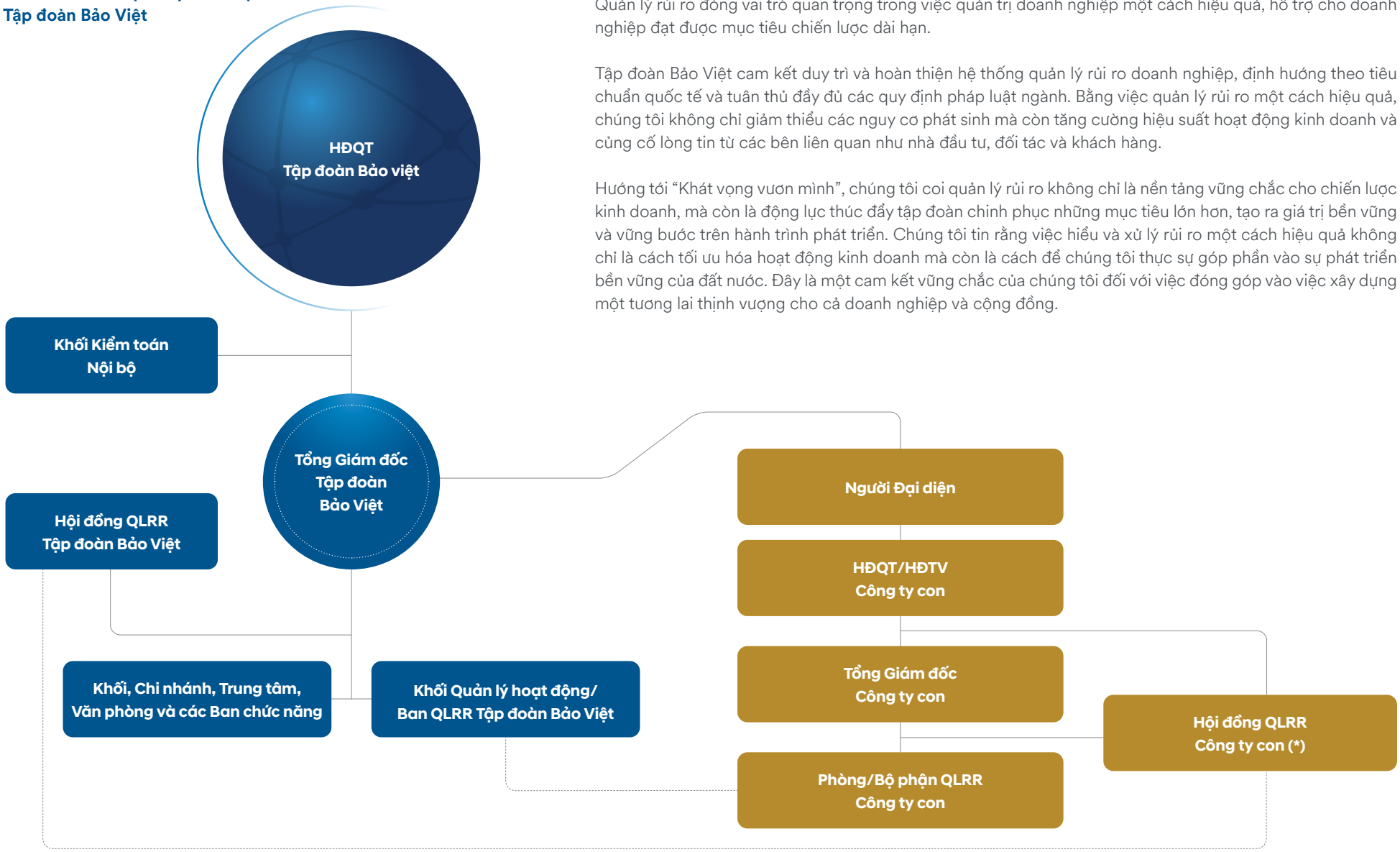
Tiếp tục hoàn thiện mô hình Kiểm toán liên tục

Trong năm 2025, Khối Kiểm toán nội bộ sẽ tiếp tục cập nhật, hoàn thiện mô hình Kiểm toán liên tục và áp dụng trong toàn bộ các lĩnh vực.



Quản lý rủi ro

Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt



Quản lý rủi ro đóng vai trò quan trọng trong việc quản trị doanh nghiệp một cách hiệu quả, hỗ trợ cho doanh nghiệp đạt được mục tiêu chiến lược dài hạn.

Tập đoàn Bảo Việt cam kết duy trì và hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp, định hướng theo tiêu chuẩn quốc tế và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật ngành. Bằng việc quản lý rủi ro một cách hiệu quả, chúng tôi không chỉ giảm thiểu các nguy cơ phát sinh mà còn tăng cường hiệu suất hoạt động kinh doanh và củng cố lòng tin từ các bên liên quan như nhà đầu tư, đối tác và khách hàng.

Hướng tới "Khát vọng vươn mình", chúng tôi coi quản lý rủi ro không chỉ là nền tảng vững chắc cho chiến lược kinh doanh, mà còn là động lực thúc đẩy tập đoàn chinh phục những mục tiêu lớn hơn, tạo ra giá trị bền vững và vững bước trên hành trình phát triển. Chúng tôi tin rằng việc hiểu và xử lý rủi ro một cách hiệu quả không chỉ là cách tối ưu hóa hoạt động kinh doanh mà còn là cách để chúng tôi thực sự góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước. Đây là một cam kết vững chắc của chúng tôi đối với việc đóng góp vào việc xây dựng một tương lai thịnh vượng cho cả doanh nghiệp và cộng đồng.

Ghi chú: (*) - tùy theo cơ cấu tổ chức QLRR của các Công ty con, HĐ QLRR công ty con có thể trực thuộc HĐQT/HĐTV hoặc trực thuộc Tổng giám đốc.

QUẢN LÝ RỦI RO

Nhiệm vụ quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt (RMC) là cơ quan giúp việc cho Tổng Giám đốc để triển khai công tác quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt, giám sát hoạt động quản lý rủi ro tại Công ty con và các doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt.

Chủ tịch RMC là Tổng Giám đốc, các thành viên là các Lãnh đạo Ban chức năng của Tập đoàn Bảo Việt và Chủ tịch RMC của các Công ty con. RMC tổ chức họp hàng quý theo kế hoạch được thông qua từ đầu năm.

Ban Quản lý rủi ro (thuộc Khối Quản lý Hoạt động) tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện công tác quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện việc hỗ trợ công tác quản lý rủi ro tại các Công ty con; là đầu mối xử lý báo cáo quản lý rủi ro từ các Hội đồng Quản lý rủi ro Công ty con.

Mô hình các tuyến phòng thủ quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt

Tập đoàn Bảo Việt thực hiện mô hình ba (03) tuyến phòng thủ quản lý rủi ro, bao gồm:

- Tuyến phòng thủ thứ nhất chịu trách nhiệm nhận diện, đánh giá, quản lý và kiểm soát rủi ro trực tiếp hoặc gián tiếp khi tiến hành các hoạt động, tác nghiệp của mình.
- Tuyến phòng thủ thứ hai gồm các bộ phận thực hiện chức năng kiểm soát.
- Tuyến phòng thủ thứ ba là Khối Kiểm toán nội bộ.

Quy trình Quản lý Rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt

1. Nhận diện, xác định rủi ro

Nhận diện, xác định rủi ro, nguyên nhân và ảnh hưởng của rủi ro.

2. Đo lường, đánh giá rủi ro

Xác định các phương pháp, mô hình để đo lường, đánh giá mức độ rủi ro.

3. Ghi nhận, theo dõi rủi ro

Các rủi ro đã được nhận diện, đánh giá được ghi nhận, xếp hạng để xác định mức độ ưu tiên quản lý.

4. Xử lý và báo cáo rủi ro

Xác định các biện pháp xử lý nhằm giảm các rủi ro xuống mức có thể chấp nhận được, lập báo cáo rủi ro.

5. Xem xét, đánh giá lại RR, phát hiện RR mới

Thực hiện các chính sách, quy trình để kiểm soát rủi ro.

Giám sát, rà soát hoạt động của hệ thống QLRR và cập nhật những thay đổi có thể ảnh hưởng đến hệ thống.

QUẢN LÝ RỦI RO

Kết quả nổi bật của hoạt động Quản lý rủi ro năm 2024

1 Bộ máy tổ chức Quản lý rủi ro:

- Tập đoàn Bảo Việt và Công ty con đã thiết lập bộ phận quản lý rủi ro độc lập với nhân sự có kinh nghiệm, chứng chỉ về quản lý rủi ro.
- Hệ thống bộ máy quản lý rủi ro được xây dựng thống nhất giữa Tập đoàn và các công ty con với 3 tầng phòng thủ độc lập.

2 Ban hành các văn bản nội bộ về Quản lý rủi ro:

- Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con rà soát, sửa đổi bổ sung Quy chế Quản lý rủi ro, Chính sách quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và Hạn mức rủi ro chủ yếu.
- Tập đoàn Bảo Việt sửa đổi, bổ sung Quy định về chấm điểm, phân loại ngân hàng thương mại và hạn mức đầu tư tiền gửi; Quy định về Quản lý rủi ro trong đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.
- Xây dựng Hồ sơ rủi ro, chấm điểm rủi ro hợp nhất toàn Tập đoàn.
- BHBV và BVNT ban hành các văn bản về Quy chế QLRR,Khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro; Kế hoạch dự phòng đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh; thực hiện báo cáo rủi ro định kỳ đến cơ quan quản lý Nhà nước.

3 Hội đồng Quản lý rủi ro của Tập đoàn và các Công ty con

- Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và Công ty con hàng quý theo kế hoạch phê duyệt.
- Hội đồng Quản lý rủi ro tham mưu cho Tổng Giám đốc Tập đoàn trong việc xây dựng các văn bản quy định quản lý rủi ro, hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro, xử lý, giảm thiểu các rủi ro.
- Biên bản các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro được báo cáo kịp thời đến Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên.

4 Quản lý các rủi ro chủ yếu

- Quản lý rủi ro bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, kiểm soát các rủi ro, hạn chế tổn thất phát sinh do bão Yagi gây ra.
- Triển khai và giám sát thực hiện chính sách an ninh bảo mật và giải pháp an toàn hệ thống công nghệ thông tin, nhận diện và phòng ngừa các rủi ro an ninh mạng từ bên ngoài.
- Mô hình chấm điểm, phân loại ngân hàng được cập nhật, rà soát, tiếp cận với thông lệ quốc tế và Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước về việc quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Tính toán, theo dõi, giám sát các chỉ số đo lường rủi ro, theo dõi tình hình tuân thủ hạn mức rủi ro, hạn mức đầu tư.

5 Hệ thống báo cáo rủi ro

- Báo cáo rủi ro, Bảng Đánh giá rủi ro được gửi đến Ban Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt, Lãnh đạo các Công ty con hàng tháng, quý.
- Các rủi ro được nhận diện, đánh giá và báo cáo để có phương án xử lý kịp thời.

6 Chuyển giao/Hỗ trợ hoạt động quản lý rủi ro

- Cổ đông chiến lược Sumitomo Life chuyển giao cho Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con các tài liệu về quản lý rủi ro, chia sẻ mô hình dự báo và các kinh nghiệm thực tế.
- Tập đoàn Bảo Việt luôn hỗ trợ các Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt xây dựng, hoàn thiện các quy định về quản lý rủi ro , tổ chức triển khai công tác quản lý rủi ro.

QUẢN LÝ RỦI RO

Hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt



Năm 2024, RMC Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã tổ chức 04 cuộc họp hàng quý theo kế hoạch phê duyệt.

RMC đã tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc đánh giá, giám sát thực hiện quản lý rủi ro trong toàn hệ thống, xây dựng các văn bản quy định về quản lý rủi ro, nhận diện, xử lý các rủi ro chủ yếu bảo đảm tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả.

Các vấn đề chủ yếu được đề cập, xử lý, thông qua tại cuộc họp RMC, bao gồm:

- RMC thảo luận nội dung mang tính chiến lược như: Quy chế Quản lý rủi ro, Chính sách quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và các Hạn mức rủi ro chủ yếu...
- RMC thông qua khẩu vị rủi ro, hạn mức đầu tư, hạn mức rủi ro, các công cụ/ mô hình đo lường rủi ro trước khi cấp có thẩm quyền ban hành.
- RMC rà soát, phân tích, đánh giá các rủi ro chủ yếu và đưa ra các biện pháp kiểm soát phù hợp đối với rủi ro bảo hiểm, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro chiến lược, rủi ro danh tiếng và một số rủi ro mới phát sinh.

Hoạt động kiểm soát rủi ro cũng được thực hiện thông qua việc phối hợp chặt chẽ giữa RMC với các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị tại Tập đoàn Bảo Việt cũng như giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Công ty con.

- Phối hợp với Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trao đổi thông tin, số liệu và đưa ra các kiến nghị, giải pháp liên quan đến quản lý rủi ro trong lĩnh vực chiến lược và đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt;
- Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán rà soát các rủi ro trọng yếu tiềm ẩn, đặc biệt là những rủi ro liên quan đến tuân thủ chính sách, chuẩn mực, quy trình và các quy định pháp luật có liên quan để kịp thời đưa ra phương án xử lý phù hợp; phối hợp xây dựng hệ thống chỉ số đo lường rủi ro.
- Phối hợp với Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) để trao đổi thông tin về rủi ro liên quan đến cân đối Tài sản Nợ - Tài sản Cótại các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro. Đại diện Hội đồng Quản lý rủi ro đã tham dự các cuộc họp định kỳ của ALCO để tham gia ý kiến và đưa ra các khuyến cáo về các rủi ro liên quan.
- Thành viên thường trực Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro các công ty con để hỗ trợ, tư vấn chuyên môn về quản lý rủi ro tại các đơn vị, đảm bảo hoạt động quản lý rủi ro thống nhất, hiệu quả trong toàn Tập đoàn.

Ngoài ra, công tác quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con nhận được hỗ trợ tư vấn từ đối tác cổ đông chiến lược Sumitomo Life trong hoạt động đầu tư, quản lý rủi ro...

Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt đang triển khai chiến lược chuyển đổi số bằng cách tập trung vào số hóa quy trình và sản phẩm để tạo ra một môi trường không giấy tờ. Chúng tôi sử dụng công nghệ OCR và trí tuệ nhân tạo để tăng cường năng suất lao động và triển khai các công nghệ mới như triển khai hệ thống DocAI có ứng dụng AI nhằm tăng năng suất lao động, eKYC (định danh khách hàng điện tử); ứng dụng công nghệ Big Data giúp phân tích dữ liệu và cải thiện trải nghiệm của khách hàng. Để đảm bảo hiệu suất kinh doanh, chúng tôi tiếp tục nâng cấp hệ thống phần mềm và áp dụng các công nghệ tự động hóa quy trình bằng robot (RPA) và giao diện lập trình ứng dụng (API) để tự động hóa quy trình nghiệp vụ, phân tích hành vi/thói quen tiêu dùng, mở rộng hệ sinh thái cung ứng sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số không thiếu những thách thức và rủi ro, Tập đoàn Bảo Việt đã nhận biết và đánh giá các rủi ro liên quan đến công nghệ, bao gồm: sự cải tiến không ngừng nghỉ của các công nghệ đặt ra yêu cầu một chiến lược lựa chọn hợp lý về tốc độ và quy mô số hóa; tính linh hoạt, liên tục nâng cấp, hoạt động 24/7 và đảm bảo an toàn dữ liệu của quá trình số hóa; sự đồng bộ giữa các hệ thống, từ nghiệp vụ lõi đến công nghệ AI và dữ liệu để tăng hiệu quả và giảm rủi ro trong quá trình chuyển đổi; Hacker ngày càng sử dụng AI và ML để tấn công tinh vi, khiến các hệ thống bảo mật truyền thống khó phát hiện và ứng phó, gây rủi ro lớn về tài chính và uy tín. AI còn giúp hacker thực hiện lừa đảo deepfake, tấn công mạng tự động và đánh cắp dữ liệu hiệu quả hơn. Dù AI, blockchain mang lại nhiều lợi ích, việc thiếu khung pháp lý cụ thể gây khó khăn trong tuân thủ.

QUẢN LÝ RỦI RO

Hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt

Trong năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục tập trung vào quản lý rủi ro công nghệ, thúc đẩy sử dụng điện toán đám mây và ứng dụng các công nghệ số để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro và đảm bảo an toàn cho dữ liệu, đồng thời chủ động bảo vệ hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và cơ sở hạ tầng không gian mạng như: *Tham gia liên minh Cyber Security Exercise (CYSEEX) với sự bảo trợ của Cục An toàn thông tin – Bộ TT&TT và Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam (VNISA)* để diễn tập thực chiến nâng cao khả năng ứng phó và xử lý sự cố tấn công mạng; chủ động săn lùng mối đe dọa, chủ động tìm kiếm thông tin lộ lọt trên không gian mạng phối hợp với việc giám sát, cảnh báo và theo dõi các nguy cơ có khả năng gây rủi ro cao để phòng ngừa ; nghiên cứu/thực hiện vận dụng, áp dụng các mô hình đảm bảo an toàn thông tin tiên tiến hiện nay như mô hình bảo vệ theo chiều sâu, mô hình zero trust thông qua các nguyên tắc secdevops và tìm hiểu các giải pháp tự động hóa an ninh toàn thông tin như EDR, XDR,...



Ngoài ra, Tập đoàn Bảo Việt nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc đánh giá và quản lý rủi ro từ biến đổi khí hậu và môi trường đối với hoạt động kinh doanh. Bảo Việt hiểu rằng các rủi ro từ biến đổi khí hậu và môi trường không chỉ ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên mà còn có tác động đến các doanh nghiệp và ngược lại. Các rủi ro này có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt, từ sự thiệt hại về tài sản đến ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của công ty. Đồng thời, Tập đoàn Bảo Việt cũng nhận thức rằng hoạt động kinh doanh của mình có thể góp phần vào sự biến đổi khí hậu và tác động đến môi trường, do đó việc quản lý rủi ro và hành động bảo vệ môi trường là điều cần thiết và không thể thiếu. Chúng tôi đã thực hiện các biện pháp như đánh giá rủi ro, phát triển sản phẩm bảo hiểm phù hợp, thúc đẩy ý thức và giáo dục, áp dụng công nghệ và phương pháp hiện đại, hợp tác với các bên liên quan, và đổi mới tích hợp bền vững để đảm bảo không chỉ đối phó với rủi ro mà còn đóng góp vào sự bền vững của môi trường và cộng đồng.

Dự báo các rủi ro có mức độ tác động lớn trên phạm vi toàn cầu trong thời gian tới:

- **Thông tin sai lệch và tin giả:** Thông tin sai lệch (có chủ ý hoặc không) được lan truyền rộng rãi qua các mạng lưới truyền thông, làm thay đổi đáng kể dư luận, gây mất lòng tin vào chính phủ, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) còn làm gia tăng mức độ tinh vi của các nội dung giả mạo, từ hình ảnh, video đến giọng nói.
- **Hiện tượng thời tiết cực đoan:** Mất mát về sinh mạng, thiệt hại đối với hệ sinh thái, hủy hoại tài sản và/hoặc tổn thất tài chính do các hiện tượng thời tiết cực đoan.
- **Xung đột vũ trang giữa các quốc gia:** Các hình thức xung đột bao gồm chiến tranh trực diện, chiến tranh ủy nhiệm, chiến tranh du kích, khủng bố và ám sát chính trị, gây bất ổn an ninh khu vực và toàn cầu.
- **Gián điệp mạng và chiến tranh mạng:** Các hoạt động mạng phòng thủ và tấn công diễn ra trong hoặc kích hoạt xung đột vũ trang, cũng như các cuộc tấn công mạng đánh cắp dữ liệu mật, nhạy cảm hoặc tài sản trí tuệ. Các quốc gia và tổ chức ngày càng đối mặt với nguy cơ từ các cuộc tấn công mạng có khả năng làm tê liệt cơ sở hạ tầng quan trọng, hệ thống tài chính và truyền thông.
- **Thiếu cơ hội kinh tế hoặc thất nghiệp:** Sự suy thoái về mặt cơ cấu việc làm hoặc tiêu chuẩn công việc và/hoặc những rào cản liên tục đối với việc hiện thực hóa tiềm năng kinh tế.

1. Quản lý rủi ro bảo hiểm



Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được triển khai tại hai Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ). Bảo hiểm là một trong những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn.



Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ

Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đóng góp doanh thu chủ yếu cho toàn toàn hệ thống, Chính vì vậy, công tác quản lý rủi ro tại Bảo Việt Nhân thọ được chú trọng trong lĩnh vực bảo hiểm và đầu tư.

Hệ thống khung quản lý rủi ro tại Bảo Việt Nhân thọ được xây dựng đồng bộ và thống nhất với Tập đoàn bằng hệ thống các văn bản quy định nội bộ được ban hành gồm Quy chế Quản lý rủi ro (bao gồm Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro), Chính sách Quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro chủ yếu, Hệ thống các báo cáo định kỳ.

Bảo Việt Nhân thọ luôn chú trọng nhận dạng, đo lường và giám sát rủi ro bảo hiểm trong quá trình hoạt động kinh doanh, cụ thể: nhận dạng rủi ro thông qua các nhóm yếu tố kỹ thuật; sử dụng các mô hình, giả định actuary tiên tiến để đo lường, theo dõi và so sánh kinh nghiệm thực tế với giả định để xác định phạm vi và mức độ rủi ro bảo hiểm, thực hiện thử nghiệm các mô hình định phí dựa trên các giả định khác nhau, phân tích độ nhạy của các ước tính trách nhiệm bảo hiểm đối với từng thay đổi cụ thể, thường xuyên theo dõi diễn biến, tác động của các thảm họa tới tỷ lệ tử vong, bệnh tật.

Bảo Việt Nhân thọ thực hiện quy định, quy trình chặt chẽ về thiết kế và quản lý sản phẩm; theo dõi kết quả triển khai; định kỳ đánh giá doanh số, lợi nhuận sản phẩm; phân tích kịch bản; kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thực tế khác với giả định.

Ngoài ra, Bảo Việt Nhân thọ xây dựng các hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình phê duyệt các giao dịch có liên quan đến hợp đồng mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức được ban hành cụ thể và chặt chẽ; đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ và xác định nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và thực hiện chia sẻ rủi ro.

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và quản lý rủi ro bảo hiểm. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp kiểm tra sức chịu đựng (stress testing). Các lý thuyết xác suất thống kê và toán học được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo bằng việc áp dụng giả định tương đối thận trọng để tránh các biến động bất lợi trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả xảy ra trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

QUẢN LÝ RỦI RO

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ là một trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Bảo Việt, doanh thu lĩnh vực này đến từ Bảo hiểm Bảo Việt.



Hệ thống khung quản lý rủi ro tại Bảo hiểm Bảo Việt được thiết lập đồng bộ và thống nhất với Tập đoàn bằng hệ thống các văn bản gồm Quy chế Quản lý rủi ro, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro, Chính sách Quản lý rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro, hệ thống các báo cáo định kỳ...

Hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt được thực hiện thông qua việc áp dụng các nguyên tắc và tuân thủ các quy trình trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, trong đó tập trung vào các công tác: rà soát các giả định quan trọng; rà soát các rủi ro nhận bảo hiểm và đối tượng bảo hiểm hợp lý đảm bảo hiệu quả; theo dõi các rủi ro có khả năng xảy ra cao, nguy cơ trục lợi bảo hiểm; đánh giá, điều chỉnh chương trình tái bảo hiểm hàng năm; theo dõi, đánh giá các rủi ro tích tụ.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, năm 2024, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục áp dụng tính phí bảo hiểm theo từng nhóm rủi ro dựa trên lịch sử tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Bảo hiểm Bảo Việt chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, gia tăng dòng tiền vào để sinh lợi ở hoạt động đầu tư tài chính.

Năm 2024, Bảo hiểm Bảo Việt luôn theo dõi sát sao để kiểm soát rủi ro bảo hiểm và các yếu tố tác động đến tỷ lệ chi phí kết hợp để duy trì hiệu quả kinh doanh.

2.

Quản lý rủi ro tín dụng



Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tiền gửi

Hoạt động đầu tư tiền gửi được quản lý rủi ro bằng quy định chấm điểm, phân loại và xác định hạn mức đầu tư tiền gửi đối với các ngân hàng thương mại và công ty tài chính, hoạt động này được rà soát định kỳ 2 lần/ năm.

Việc thực hiện hạn mức đầu tư tiền gửi tại Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con giúp hạn chế rủi ro tín dụng phù hợp với tình hình kinh tế, tài chính, chính sách vĩ mô và các quy định của pháp luật.

Rủi ro tín dụng được theo dõi, đánh giá thường xuyên và định kỳ trong các Báo cáo rủi ro để đưa ra hành động kịp thời khi đối tác xuất hiện các dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng.

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư trái phiếu

Trong hoạt động đầu tư trái phiếu, rủi ro tín dụng chủ yếu xuất phát từ danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp. Tuy nhiên, trái phiếu Chính phủ vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục đầu tư trái phiếu nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro thấp.

Tập đoàn Bảo Việt xây dựng quy định về quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản.

Quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động bảo hiểm

Rủi ro tín dụng trong hoạt động bảo hiểm chủ yếu phát sinh tại Bảo hiểm Bảo Việt. Để quản lý rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành các quy định, hướng dẫn và yêu cầu các bên liên quan tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về nợ phí bảo hiểm.

Để quản lý rủi ro tín dụng đối với các nhà nhận tái bảo hiểm, việc nhượng tái bảo hiểm chỉ được thực hiện đối với các công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động giao dịch ký quỹ

Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát nhóm các khách hàng có rủi ro tích tụ, tuân thủ theo hạn mức rủi ro BVSC đã ban hành.

Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch chứng khoán. Thường xuyên cập nhật thông tin cổ phiếu trên thị trường để sớm nhận diện và đưa ra cảnh báo sớm các mã có dấu hiệu mất thanh khoản, giảm giá kéo dài.

Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, thực hiện công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và tiến hành công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho BVSC trong quá trình cho vay ký quỹ.

3.

Quản lý rủi ro thị trường





Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái hay giá cả hàng hóa.

Nhân tố tác động	Lãi suất | Giá cổ phiếu | Tỷ giá hối đoái | Giá trị NAV chứng chỉ quỹ
Công cụ đo lường	Giá trị rủi ro ("VaR") | Phân tích độ nhạy (Sensitivity) | Phân tích kịch bản (Stress test)

Trong năm 2024, không có thay đổi trọng yếu đối với chính sách và thông lệ áp dụng trong việc quản lý rủi ro thị trường tại Tập đoàn Bảo Việt. Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với khẩu vị rủi ro của Tập đoàn. Chúng tôi sử dụng nhiều công cụ để giám sát và giảm thiểu rủi ro thị trường bao gồm phân tích độ nhạy, VaR và kiểm tra sức chịu đựng.

Rủi ro lãi suất

Lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính. Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai.

Năm 2024, lãi suất tiếp tục giảm so với năm 2023.

Tập đoàn Bảo Việt sử dụng các thước đo thời gian đáo hạn bình quân gia quyền (Duration) và Độ nhạy trên một điểm cơ bản (PVO1) để đánh giá độ nhạy của danh mục tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu đối với lãi suất. Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.



Tập đoàn Bảo Việt chú trọng công tác dự báo lãi suất thị trường, thường xuyên rà soát và lựa chọn chiến lược đầu tư, kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn bảo đảm mục tiêu lợi nhuận và bảo đảm tính thanh khoản của Tập đoàn và các Công ty con.

QUẢN LÝ RỦI RO

Rủi ro giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu toàn Tập đoàn bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động của thị trường chứng khoán.

Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết cũng có thể thay đổi theo điều kiện thị trường và tình hình tài chính của doanh nghiệp đầu tư. Danh mục cổ phiếu của Tập đoàn được đầu tư đa dạng hóa theo các ngành, lĩnh vực khác nhau đảm bảo theo quy định Tập đoàn về hạn mức đầu tư vào một ngành, một công ty hoặc nhóm công ty. Tại thời điểm ngày 31/12/2024, tỷ trọng cổ phiếu chiếm 1,5% danh mục đầu tư tài chính toàn Tập đoàn.

Đối với danh mục cổ phiếu niêm yết, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con sử dụng thước đo Giá trị rủi ro ("VaR") để ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động bất lợi trong khoảng thời gian nhất định (1 ngày, 1 tuần, 1 tháng), với mức độ tin cậy cho trước (95%) và phương pháp phân tích kịch bản "stress-testing" để mô phỏng tác động của các tình huống thị trường đối với danh mục.

Đối với danh mục cổ phiếu chưa niêm yết (OTC), Tập đoàn sử dụng phương pháp phân tích cơ bản, theo dõi, giám sát tình hình tài chính và phi tài chính của các doanh nghiệpmà Tập đoàn góp vốn đầu tư thông qua những Người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn tại các doanh nghiệp đó.

Các thước đo/phương pháp nêu trên sẽ được cập nhật trong Báo cáo rủi ro hàng tháng, là cơ sở giúp Ban lãnh đạo đưa ra các quyết định kịp thời.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của rủi ro này là thấp.

Trong danh mục nợ của Bảo hiểm Bảo Việt, một phần công nợ tái bảo hiểm được quy đổi và chốt theo đồng Đô la Mỹ. Hình thức thanh toán được áp dụng chủ yếu là thanh toán bù trừ và chỉ thực chi phần chênh lệch. Vì vậy, mức độ ảnh hưởng của biến động tỷ giá đối với kết quả kinh doanh của Bảo hiểm Bảo Việt là không đáng kể.

Rủi ro biến động giá trị NAV chứng chỉ quỹ

Các chứng chỉ quỹ mà Tập đoàn và các Công ty con đầu tư chủ yếu được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt và được rà soát, đánh giá thường xuyên. Giá trị Tài sản ròng (NAV) trên mỗi chứng chỉ quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào Giá trị Tài sản và những khoản thanh toán của Quỹ phát sinh tùy từng thời điểm trong quá trình hoạt động của Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại chứng khoán như trái phiếu, cổ phiếu mà Quỹ đã đầu tư. Khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến giá bán của chứng chỉ quỹ nếu thực hiện thanh hoán hoặc có thể phải trích lập dự phòng/dự phòng bổ sung khi duy trì nắm giữ trong danh mục.



Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện thông qua các nghiên cứu, thẩm định thận trọng và tuân thủ tiêu chí hoạt động của quỹ nhằm lựa chọn cơ hội đầu tư hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt luôn theo dõi chặt chẽ những biến động và xu hướng của nền kinh tế, cập nhật thường xuyên kết quả kinh doanh và đánh giá triển vọng trong tương lai để xác định những chiến lược đầu tư hiệu quả.

4.

Quản lý rủi ro thanh khoản, biên khả năng thanh toán



Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con quản lý cân đối các nguồn lực tài chính để duy trì biên khả năng thanh toán ở mức phù hợp, đáp ứng quy định hiện hành và nhu cầu kinh doanh. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con tiến hành phân tích dòng tiền ước tính, các nhu cầu thanh toán trong quá khứ để phát hiện những biến động và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ rà soát và báo cáo Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) nhằm đưa ra các biện pháp phù hợp.

Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt luôn duy trì biên khả năng thanh toán tuân thủ quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 và Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02/01/2019 của Bộ Tài chính.



5. Quản lý rủi ro tích tụ



Rủi ro tích tụ có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động đầu tư tài chính.

- Rủi ro tích tụ được đo lường bằng cơ cấu tài sản, tổng giá trị đầu tư, doanh thu phí bảo hiểm, giá trị chi trả/ bồi thường theo đối tượng khách hàng, theo địa bàn và/ hoặc lĩnh vực kinh doanh.
- Rủi ro tích tụ được giám sát bằng hệ thống báo cáo từ bộ phận kinh doanh tới Ban điều hành, RMC Tập đoàn và RMC Công ty con.
- Rủi ro tích tụ được quản lý bằng các hạn mức đầu tư, quy trình nghiệp vụ và thẩm quyền quyết định đầu tư.

Quản lý rủi ro tích tụ từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Tại Bảo hiểm Bảo Việt, rủi ro tích tụ bảo hiểm có thể phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm hàng hóa, ...) tập trung vào một khu vực địa lý/địa điểm cụ thể, và một thảm họa tự nhiên hoặc sự kiện khác xảy ra trong khu vực/địa điểm đó, thì công ty có thể phải đối mặt với một số lượng lớn các yêu cầu bồi thường dẫn đến các thiệt hại đáng kể. Bảo hiểm Bảo Việt đã có quy định về quản lý rủi ro tích tụ và mua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Tại Bảo Việt Nhân thọ, chiến lược khai thác bảo hiểm đảm bảo những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và quyền lợi bảo hiểm. Hoạt động khai thác bảo hiểm được triển khai ở tất cả các ngành, vùng lãnh thổ, đặc thù về sức khỏe, nghề nghiệp của những người làm việc trong từng ngành. Các vụ bồi thường thực tế và quy trình định giá các sản phẩm bảo hiểm, quy trình giải quyết bồi thường được rà soát thường xuyên. Đồng thời, các hạn mức khai thác bảo hiểm được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp.

Quản lý rủi ro tích tụ từ hoạt động đầu tư tài chính

Tập đoàn và các Công ty Con quản lý rủi ro tập trung bằng các hạn mức rủi ro, được cập nhật hàng năm. Nhằm giảm thiểu rủi ro tích tụ trong đầu tư, chiến lược đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên nguyên tắc đa dạng hóa danh mục đầu tư:

- Đa dạng hóa với nhiều loại tài sản đầu tư (ví dụ như đầu tư vào: cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi, chứng chỉ quỹ...);
- Đa dạng hóa với một loại tài sản (ví dụ đầu tư trái phiếu bao gồm: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp hoặc trái phiếu chính quyền địa phương...);
- Đa dạng hóa ngành nghề: mở rộng phạm vi đầu tư vào các công ty, lĩnh vực không có sự liên kết, sở hữu chéo với nhau...;
- Đa dạng hóa theo vốn hóa thị trường: Phân bổ danh mục đầu tư vào các cổ phiếu của công ty có quy mô khác nhau.

6. Quản lý rủi ro hoạt động



Báo cáo & Kiểm soát tài chính

Pháp lý, tuân thủ

Con người

Quy trình, quy chế

Hệ thống CNTT

Rủi ro hoạt động được ghi nhận và báo cáo thông qua bảng đánh giá rủi ro tại các cuộc họp RMC Tập đoàn và RMC Công ty con. Các tiêu chí nhận diện, đánh giá và xử lý rủi ro hoạt động được thực hiện để giảm thiểu tổn thất từ rủi ro này. Cụ thể:

- Thiết lập các hạn mức rủi ro hoạt động, giám sát, báo cáo định kỳ hàng tháng/ quý tại RMC Tập đoàn và/hoặc theo chỉ đạo của Lãnh đạo Tập đoàn.
- Rà soát, cập nhật các quy định mới để đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp.
- Đảm bảo các chính sách, quy trình và hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết lập và thực thi một cách hiệu quả.
- Theo dõi thường xuyên các phần mềm mới đưa vào sử dụng để xử lý kịp thời các rủi ro có thể phát sinh.
- Tăng cường bảo mật dữ liệu và an toàn hệ thống thông tin. Đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, hiệu quả nhằm theo kịp xu hướng phát triển và nhu cầu hội nhập quốc tế.
- Truyền thông, hướng dẫn người sử dụng và quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001 và áp dụng mô hình bảo mật Zero trust, đảm bảo hệ thống thông tin được bảo vệ trước các mối đe dọa mạng, giảm thiểu rủi ro rò rỉ dữ liệu và nâng cao nhận thức về bảo mật.

QUẢN LÝ RỦI RO

7.
Quản lý rủi ro danh tiếng



Tập đoàn Bảo Việt quản lý các rủi ro danh tiếng thông qua việc theo dõi thái độ, phản ứng của các bên liên quan gồm cơ quan quản lý, khách hàng, cơ quan truyền thông, báo chí và người lao động đối với uy tín, thương hiệu của Tập đoàn;

Rà soát, điều chỉnh các quy định nội bộ bảo đảm tuân thủ pháp luật và phù hợp với thực tiễn kinh doanh; xây dựng các biện pháp quản lý, kiểm soát an toàn hệ thống CNTT.

Tổ chức đào tạo và truyền thông cho các cán bộ và lãnh đạo trong Tập đoàn về Xử lý khủng hoảng truyền thông và các khóa đào tạo chuyên đề về quản lý rủi ro danh tiếng.

8.
Quản lý rủi ro chiến lược



Quản lý rủi ro chiến lược là một phần quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và khả năng thích ứng với các thay đổi trong môi trường kinh doanh. Tập đoàn Bảo Việt quản lý rủi ro chiến lược linh hoạt, chủ động và toàn diện để đảm bảo sự phát triển bền vững. Tăng cường công tác nghiên cứu chiến lược, rà soát, cập nhật thường xuyên các yếu tố có thể tác động đến việc thực hiện chiến lược của Tập đoàn để kịp thời đề xuất các giải pháp phù hợp.

Xây dựng các mục tiêu chiến lược cụ thể để giảm thiểu rủi ro và tăng cường khả năng quản trị rủi ro của doanh nghiệp.

Tăng cường và bảo toàn vốn lưu động để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con

Rủi ro chiến lược được theo dõi, giám sát định kỳ hàng quý tại cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro của Tập đoàn và các Công ty con.

QUẢN LÝ RỦI RO

Mục tiêu hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt năm 2025

- Tổ chức triển khai công tác quản lý rủi ro theo quy định pháp luật chuyên ngành và quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt;
- Hoàn thiện các văn bản nội bộ về quản lý rủi ro, tổ chức triển khai công tác quản lý rủi ro tại các công ty con đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và Quy chế Quản lý rủi ro của Tập đoàn;
- Tăng cường phối hợp hoạt động quản lý rủi ro giữa Tập đoàn và các Công ty con để nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý rủi ro toàn Tập đoàn;
- Tổ chức các cuộc họp RMC tại Tập đoàn và các Công ty con hàng quý theo kế hoạch;
- Duy trì và nâng cao hiệu quả của hệ thống báo cáo rủi ro để tham mưu, tư vấn cho Ban Điều hành ra quyết định trong hoạt động kinh doanh; bảo đảm các rủi ro trọng yếu được quản lý và xử lý kịp thời;
- Tập trung quản lý các rủi ro chủ yếu, nhận diện các rủi ro mới phát sinh, xây dựng các kịch bản ứng phó; tăng cường đào tạo nâng cao nhận thức, văn hóa quản lý rủi ro trên toàn hệ thống.



Pháp chế và tuân thủ



Pháp chế và tuân thủ là một cấu phần quan trọng giúp tối ưu hóa hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua việc xây dựng và thực thi các cơ chế để doanh nghiệp có thể kiểm soát và giảm thiểu các nguy cơ phát sinh rủi ro trong quá trình tổ chức, điều hành mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp.

Bộ phận pháp chế và tuân thủ có vai trò là tuyến phòng thủ thứ hai có trách nhiệm hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong hoạt động quản lý và kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt trong việc tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, từ đó giảm thiểu rủi ro pháp lý và bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của Tập đoàn.

PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ

Chức năng và nhiệm vụ

Công tác pháp chế

- Tham mưu với lãnh đạo Tập đoàn, các Khối/Chi nhánh, Trung tâm/Văn phòng/Ban chức năng các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành, kinh doanh của Tập đoàn trong các lĩnh vực đầu tư, bất động sản, hoạt động đấu thầu và các hoạt động kinh doanh khác của Tập đoàn.
- Chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tập đoàn, quy chế, quy định, hướng dẫn của Tập đoàn liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban Pháp chế; thẩm định pháp lý đối với các văn bản quy phạm nội bộ của Tập đoàn trước khi trình Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị ban hành.
- Chủ trì hoặc/và phối hợp soạn thảo các mẫu hợp đồng quan trọng liên quan đến hoạt động quản lý, kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt; tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng và/hoặc có ý kiến về mặt pháp lý đối với các giao dịch do các đơn vị thuộc Tập đoàn soạn thảo trước khi trình Lãnh đạo Tập đoàn.
- Chủ trì trình Tổng Giám đốc và/hoặc Hội đồng Quản trị Tập đoàn đối với Điều lệ của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ theo quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt và quy định pháp luật.
- Chủ trì, phối hợp các bộ phận liên quan tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, tổ chức gửi xin ý kiến; tổng kết, đánh giá pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể của Tập đoàn Bảo Việt phổ biến, tuyên truyền pháp luật, điều lệ, nội quy, quy chế của doanh nghiệp cho người lao động.
- Tham gia giải quyết tranh chấp, khiếu kiện, tham gia tố tụng hoặc tham mưu thuê luật sư tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Tập đoàn.
- Xây dựng bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế chuyên nghiệp, có trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm đáp ứng các yêu cầu của Tập đoàn và các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.



Công tác tuân thủ

- Xây dựng, trình Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị ban hành các quy định về công tác tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt, đầu mối có ý kiến đối với Quy chế tuân thủ của các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.
- Trình kế hoạch tuân thủ hàng năm của Tập đoàn, lập báo cáo về tình hình triển khai công tác tuân thủ theo định kỳ và/hoặc đột xuất, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Tổng Giám đốc Tập đoàn.
- Phối hợp để tổ chức đào tạo cho người lao động về tuân thủ.
- Cập nhật thường xuyên các quy định của pháp luật hiện hành để hoàn thiện hệ thống Khung tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt; Phối hợp với các Đơn vị thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật liên quan để các Đơn vị kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt và để bổ sung, sửa đổi hệ thống Khung tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám sát các đơn vị trong Tập đoàn và các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ trong công tác tuân thủ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro pháp lý và tính tuân thủ trong quản lý và kinh doanh theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.

Công tác pháp chế và tuân thủ năm 2024

**Với chức năng, nhiệm vụ như trên, trong năm 2024,
Ban Pháp chế, đã hoàn thành các nhiệm vụ pháp chế, tuân thủ chủ yếu như sau:**

Về công tác pháp chế

- Là đầu mối công tác văn bản với việc tham gia dự thảo hoặc thẩm định pháp lý văn bản và giao dịch, trong đó có những văn bản quan trọng như Điều lệ Tập đoàn, Điều lệ Công ty con, Quy chế Đầu tư, Quy chế Người đại diện vốn, Quy chế lựa chọn nhà thầu và các quy chế, quy định khác...
- Tham mưu với lãnh đạo Tập đoàn, các Khối/Chi nhánh, Trung tâm/Văn phòng/Ban chức năng các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành, kinh doanh của Tập đoàn trong các lĩnh vực đầu tư, bất động sản, hoạt động đấu thầu và các hoạt động kinh doanh khác của Tập đoàn.
- Hỗ trợ về pháp lý, phối hợp công việc với các Khối/Chi nhánh, Trung tâm/Văn phòng/Ban chức năng của Tập đoàn Bảo Việt, giải quyết yêu cầu công việc, sự vụ tư vấn pháp lý, kịp thời, đảm bảo quyền và lợi ích của Tập đoàn theo chức năng nhiệm vụ của Ban.
- Rà soát các Hợp đồng, giao dịch của Tập đoàn đảm bảo hạn chế tối đa các rủi ro tài chính như phạt hành chính, phạt vi phạm hợp đồng.
- Nghiên cứu, cập nhật kịp thời các quy định, chính sách mới để từ đó tư vấn cho lãnh đạo Tập đoàn, các Khối/Chi nhánh, Ban/Văn phòng/Trung tâm trước các vấn đề phát sinh.

Về công tác tuân thủ

- Xây dựng, ban hành, cập nhật các văn bản phục vụ việc triển khai công tác tuân thủ tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con trong năm 2024, bao gồm:
  i. Báo cáo tình hình triển khai công tác tuân thủ năm 2023 và Trình Tổng Giám đốc phê duyệt Kế hoạch tuân thủ, Khung tuân thủ năm 2024 của Tập đoàn Bảo Việt.
  ii. Tiếp nhận Báo cáo và Kế hoạch tuân thủ từ các Công ty con.
  iii. Cập nhật Khung tuân thủ, xây dựng, tiếp nhận và có ý kiến đối với Bảng kiểm tuân thủ của các Khối/Chi nhánh, Ban/Văn phòng/Trung tâm tại Tập đoàn.
- Tiếp nhận và giải quyết các báo cáo về tuân thủ của các Đơn vị trong Tập đoàn theo Quy chế tuân thủ hiện hành.
- Ban hành các bản tin pháp lý và truyền thông đến các cán bộ nhân viên Tập đoàn Bảo Việt thông qua Workplace.

Nhiệm vụ trọng tâm năm 2025

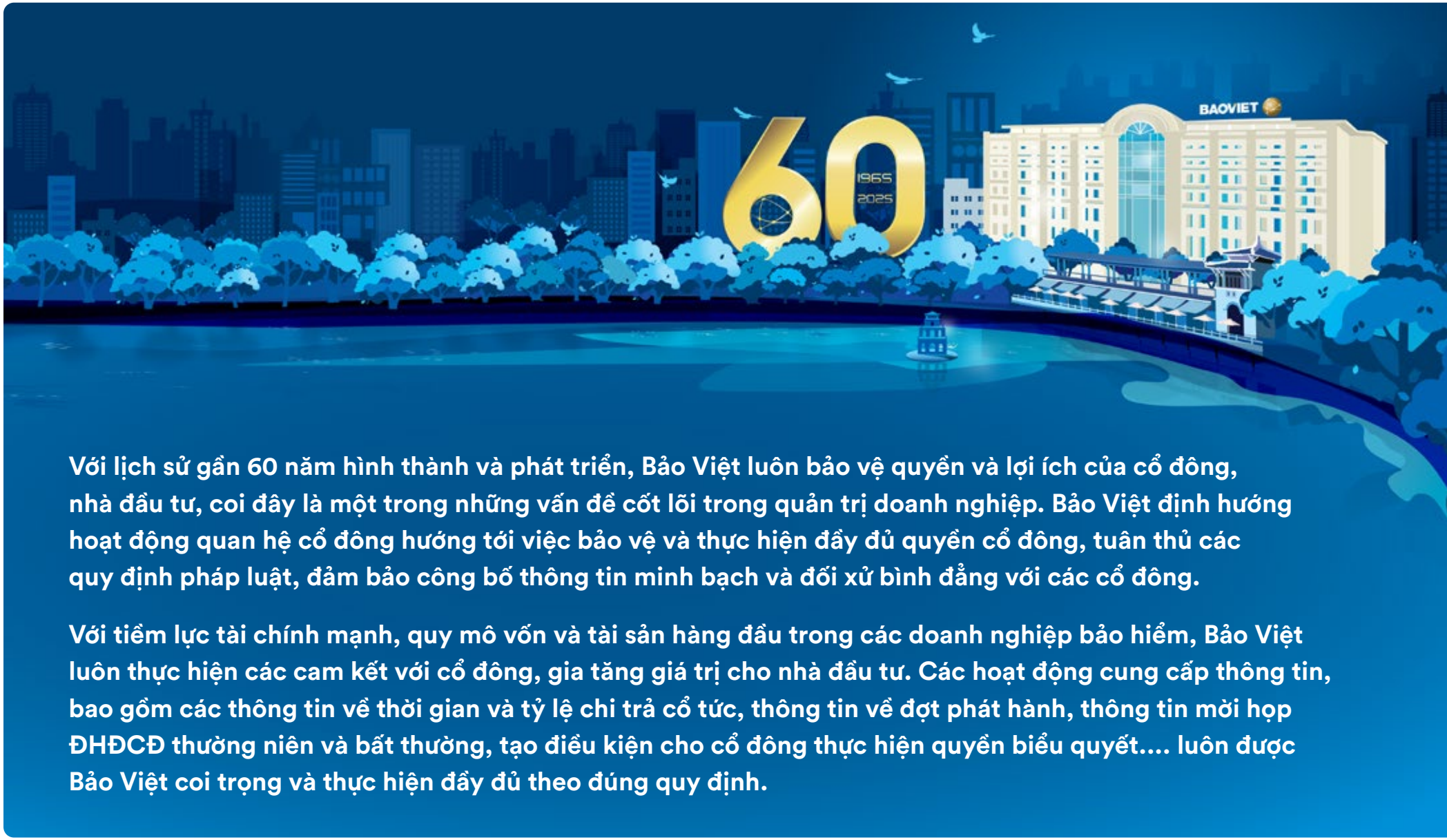
Trong năm 2025 sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Phối hợp với các Khối/Chi nhánh, Ban/Văn phòng/Trung tâm của Tập đoàn Bảo Việt có liên quan trong việc hoàn thiện và ban hành đối với các văn bản quan trọng của Tập đoàn Bảo Việt như Điều lệ, Quy chế Người đại diện vốn, Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn Bảo Việt, Quy chế tổ chức hoạt động của các Khối tại Tập đoàn Bảo Việt và các quy chế, quy định nội bộ của Tập đoàn thuộc Kế hoạch rà soát ban hành văn bản năm 2025 do các Công ty con, các Khối/Ban/Trung tâm/Văn phòng/Tổ Dự án gửi xin ý kiến.

Tham mưu với lãnh đạo Tập đoàn, các Khối/Chi nhánh, Trung tâm/Văn phòng/Ban chức năng các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành, kinh doanh của Tập đoàn trong các lĩnh vực đầu tư, bất động sản, hoạt động đấu thầu và các hoạt động kinh doanh khác của Tập đoàn.

Cập nhật kịp thời các quy định, chính sách mới để từ đó tư vấn cho lãnh đạo Tập đoàn, Khối/Chi nhánh, Trung tâm/Văn phòng/Ban trước các vấn đề pháp lý phát sinh; thực hiện đào tạo pháp lý.

Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông



Với lịch sử gần 60 năm hình thành và phát triển, Bảo Việt luôn bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư, coi đây là một trong những vấn đề cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp. Bảo Việt định hướng hoạt động quan hệ cổ đông hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông, tuân thủ các quy định pháp luật, đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông.

Với tiềm lực tài chính mạnh, quy mô vốn và tài sản hàng đầu trong các doanh nghiệp bảo hiểm, Bảo Việt luôn thực hiện các cam kết với cổ đông, gia tăng giá trị cho nhà đầu tư. Các hoạt động cung cấp thông tin, bao gồm các thông tin về thời gian và tỷ lệ chi trả cổ tức, thông tin về đợt phát hành, thông tin mời họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện quyền biểu quyết.... luôn được Bảo Việt coi trọng và thực hiện đầy đủ theo đúng quy định.

Chuẩn hóa quy trình tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành và các thông lệ quốc tế

Trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty hiện nay như Thẻ điểm quản trị quản trị Công ty, Nguyên tắc quản trị công ty của OECD và IFC, Bảo Việt tiếp tục chuẩn hóa quy trình về trình tự, thủ tục triệu tập họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, bố trí thời gian và địa điểm họp ở trung tâm, thuận tiện cho giao thông, đồng thời công bố đầy đủ tài liệu họp theo quy định trên website trước khi tổ chức họp 21 ngày và hướng dẫn cổ đông truy cập các tài liệu làm cơ sở thảo luận và biểu quyết thông tại Đại hội.

Bên cạnh đó, Bảo Việt luôn khuyến khích các cổ đông ý thức hơn về các quyền của mình bao gồm Quyền biểu quyết, quyền nhận cổ tức, quyền được đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, quyền thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyền tiếp cận các thông tin về hoạt động của Bảo Việt.

Đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư

Thông tin là nền tảng của mọi quyết định đầu tư vì vậy Bảo Việt luôn nỗ lực đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các kênh cung cấp thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông và nhà đầu tư được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời về định hướng chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình quản trị doanh nghiệp...

Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Bảo Việt còn chủ động công bố kịp thời các thông tin được đánh giá là trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

Việc duy trì phát hành Bản tin Nhà đầu tư (IR Newsletter) song ngữ Việt – Anh với nhiều thông tin phân tích về các chỉ tiêu nghiệp vụ đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ nhà đầu tư và chuyên gia phân tích do cung cấp cái nhìn cận cảnh về hoạt động kinh doanh tại Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.

Duy trì chính sách cổ tức bằng tiền mặt đều đặn qua các năm

Bảo Việt đồng hành và thấu hiểu nhà đầu tư và cổ đông thông qua chính sách cổ tức bằng tiền mặt đều đặn từ khi niêm yết. Năm 2024, với việc dành hơn 745 tỷ đồng chi trả cổ tức đã nâng tổng số tiền cổ tức Bảo Việt đã chi trả cho cổ đông kể từ khi niêm yết đến nay lên đến hơn 13.140 tỷ đồng. Điều này thể hiện sức khỏe tài chính của Bảo Việt cũng như sự tôn trọng quyền được nhận cổ tức của cổ đông.

Bảo Việt đã thực hiện chuẩn hóa quy trình chi trả cổ tức với thủ tục đơn giản, cung cấp đầy đủ thông tin giúp cổ đông hiểu rõ thủ tục chi trả cổ tức, sử dụng công ty chứng khoán chuyên nghiệp làm dịch vụ chi trả cổ tức nhanh và đúng hạn đối với các cổ phiếu chưa lưu ký, tạo điều kiện cho cổ đông nhận tiền mặt trực tiếp hoặc nhận qua chuyển khoản với thủ tục đơn giản.

Quy trình chi trả cổ tức tại Tập đoàn Bảo Việt

Bảo Việt đã thực hiện chuẩn hóa quy trình chi trả cổ tức với thủ tục đơn giản, cung cấp đầy đủ thông tin giúp cổ đông hiểu rõ các thủ tục chi trả cổ tứ, sử dụng công ty chứng khoán chuyên nghiệp làm dịch vụ chi trả cổ tức nhanh và đúng hạn đối với các cổ phiếu chưa lưu ký, tạo điều kiện cho cổ đông nhận cổ tức với thủ tục đơn giản nhất.



Nâng cao tính minh bạch và mức độ tin cậy của thông tin cung cấp ra thị trường

Nhằm nâng cao mức độ tin cậy của số liệu, Bảo Việt đã duy trì việc lập Báo cáo tài chính theo hai chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Bên cạnh việc tuân thủ quy định về việc lập và soát xét đối với Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm, Bảo Việt còn thực hiện soát xét đối với báo cáo quý để đảm bảo mức độ tin cậy của các số liệu cung cấp ra thị trường.

Không chỉ thực hiện kiểm toán các thông tin tài chính - điều mà hầu hết các doanh nghiệp hiện nay đang làm, Bảo Việt còn tiên phong thực hiện kiểm toán đối với các chỉ tiêu phi tài chính để nâng cao mức độ tin cậy của thông tin khi được đảm bảo bởi Kiểm toán nội bộ.

Các hoạt động IR đã triển khai trong năm 2024
nhằm nâng cao tính minh bạch và mức độ tin cậy của thông tin

Nâng cao mức độ tin cậy của số liệu

- Duy trì việc lập BCTC theo hai chuẩn mực VAS và IFRS
- Soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm
- Thực hiện soát xét đối với báo cáo quý

Công bố thông tin chủ động, minh bạch

- CBTT theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC
- Công bố kịp thời các thông tin được đánh giá là trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư
- Thường xuyên cập nhật chuyên mục dành riêng cho cổ đông trên website bằng tiếng Anh và tiếng Việt

Tăng cường đối thoại với nhà đầu tư

- Tăng cường gặp gỡ và tìm hiểu nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư;
- Giải đáp các vấn đề nhà đầu tư quan tâm

Là cổ phiếu bluechip niêm yết trên sàn HoSE, BVH luôn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trọng yếu về công bố thông tin và thực thi các chính sách quan hệ cổ đông hiệu quả, kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định, dẫn đầu thị trường bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam. Tập đoàn Bảo Việt được bình chọn trong TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2024 (Forbes), Giải Top 10 báo cáo thường niên (nhóm tài chính), Giải Báo cáo phát triển bền vững trình bày ấn tượng nhất (VLCA 2024).



BỘ PHẬN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Số 8 Phố Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

Email: thongtin@baoviet.com.vn

Điện thoại: 02439289999

Thông tin cổ phiếu

Tính đến ngày 31/12/2024:



Cơ cấu sở hữu

Tỷ lệ cổ đông sở hữu

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước (*)	504.664.200	67.98%	2	2	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (**)	482.509.800	65,00%	1	1	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% CP trở lên) (***)	646.455.221	87.09%	2	2	0
4	Công đoàn Công ty	231.556	0.03%	1	1	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0.00%	0	0	0
6	Cổ đông khác	73.481.587	9,90%	11.308	136	11.172
	Tổng cộng	**742.322.764**	**100%**	**11.312**	**140**	**11.172**
	Trong đó: - Trong nước	*544.536.850*	*73,36%*	*10.605*	68	10.537
	- Nước ngoài	*197.785.914*	*26,64%*	*707*	72	635

Ghi chú: (*): bao gồm Bộ Tài chính, SCIC | (**): bao gồm Bộ Tài chính | (***): bao gồm Bộ Tài chính và Sumitomo Life

Công bố tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài của Tập đoàn Bảo Việt: không quá 49% cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lương Thị Bích Ngọc	Người nội bộ	87,800	0.0120%	86,800	0.0120%	Bán
2	Mai Thị Kim Chung	Vợ của Người nội bộ	5,280	0.0000%	-	0.0000%	Giao dịch mua, bán

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với người có liên quan và cổ đông lớn của Tập đoàn Bảo Việt

Trong năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành giao dịch với các bên liên quan bao gồm các công ty con của Tập đoàn Bảo Việt thông qua hoạt động đầu tư, và cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ. Thông tin về các giao dịch được trình bày cụ thể tại bảng sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số tiền giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
1	Bộ Tài chính	Cổ đông lớn		Số 28 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	484.295.086.260	Cổ tức năm 2023
2	SCIC	Cổ đông lớn			22.236.371.280	Cổ tức năm 2023
3	Sumitomo Life Insurance	Cổ đông lớn		Số 8 Lê Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	488.160.000	Doanh thu cho thuê VP
					164.552.019.057	Cổ tức năm 2023
4	Công ty TNHH Đầu tư Bảo Việt (BVI)	Công ty con		71 Ngô Sỹ Liên, Q. Đống Đa, Hà Nội	5.645.000.000	Lợi nhuận chuyển về TĐ
					209.281.983	Doanh thu dịch vụ CNTT
					74.508.396.104	Doanh thu cho thuê văn phòng và khai thác bãi xe
					(6.951.817.742)	CP quản lý tòa nhà và chi phí tư vấn tiếp thị
					(1.584.441.906)	Chi phí năng lượng
					(2.862.048.436)	Chi phí sửa chữa tài sản và dịch vụ khác
5	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BVGI)	Công ty con	45/GPĐC15/ KDBH cấp ngày 29/3/2019 bởi Bộ Tài chính	07 Lý Thường Kiệt, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	170.933.000.000	Lợi nhuận chuyển về TĐ
					82.080.776.242	Doanh thu dịch vụ CNTT
					2.070.491.600	Doanh thu cho thuê VP
					168.500.000	Doanh thu dịch vụ Đào tạo
					(4.537.872.062)	Phí mua bảo hiểm

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số tiền giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
6	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVL)	Công ty con	46/GPDC9/KDBH cấp ngày 13/04/2021 tại Hà Nội bởi Bộ Tài chính	Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, P. Phạm Hùng, Q. Từ Liêm, Hà Nội	837.768.000.000	Lợi nhuận chuyển về TĐ
					167.317.399.767	Doanh thu dịch vụ CNTT
					2.025.353.274	Doanh thu dịch vụ Đào tạo
					5.251.336.000	Doanh thu cho thuê văn phòng
					(7.027.445.200)	Phí mua bảo hiểm
7	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF)	Công ty con	08/GPĐC-UBCK cấp ngày 17/01/2022 tại Hà Nội bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Số 8, Lê Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	66.695.000.000	Lợi nhuận chuyển về TĐ
					1.424.623.522	Doanh thu dịch vụ CNTT
					4.062.576.000	Doanh thu cho thuê văn phòng
8	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)	Công ty con	03/GPĐC-UBCK cấp ngày 10/01/2022 cấp bởi UBCKNN	Số 8, Lê Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	53.916.833	Doanh thu dịch vụ CNTT
					10.171.046.400	Doanh thu cho thuê văn phòng
					34.624.954.400	Cổ tức được nhận
					(702.865.042)	Các chi phí tư vấn, lưu ký CK
9	Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)	Công ty con			35.700.000.000	Cổ tức được nhận
10	Công ty TNHH Bảo Việt Âu Lạc (BVAL)	Công ty con			0	Không phát sinh giao dịch
11	Tokio Marine Việt Nam	Công ty liên doanh, liên kết			47.169.248.381	Cổ tức được nhận
12	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Công ty liên doanh, liên kết			1.278.889.566	Doanh thu dịch vụ CNTT
					23.458.832.089	Doanh thu lãi tiền gửi
					-	Doanh thu lãi trái phiếu
					4.572.432.000	Doanh thu cho thuê văn phòng và phí giữ xe

Ghi chú: Số liệu tại Bảng nêu trên được tổng hợp để phục vụ mục đích lập và công bố Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 tại thời điểm 31/12/2024.



CHUYỂN ĐỔI KÉP

Với niềm tin vững chắc, Bảo Việt luôn tận tâm mang những giá trị tốt đẹp, bền vững cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng

CHUYỂN ĐỔI KÉP



Với niềm tin vững chắc, Bảo Việt luôn tận tâm mang những giá trị tốt đẹp, bền vững cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng

Là doanh nghiệp luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Bảo Việt đã và đang có những hành động mạnh mẽ trong thực hiện chuyển đổi kép.

- Cam kết đóng góp vào mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 của quốc gia
- Tuân thủ 3 yếu tố "Môi trường", "Xã hội" và "Quản trị" (ESG) trong quản trị doanh nghiệp
- Áp dụng Bộ chỉ số Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam (CSI) trong quản trị phát triển bền vững
- Gắn kết 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs) trong hoạt động doanh nghiệp
- Áp dụng Bộ chỉ số GRI Standards trong triển khai Báo cáo Phát triển bền vững
- Tổng hợp chỉ số phát triển bền vững thường niên theo chuẩn S&P Global CSA

Trong hành trình phát triển bền vững, Bảo Việt tiên phong với chiến lược Chuyển đổi kép, kết hợp Chuyển đổi số và Chuyển đổi xanh để nâng cao hiệu quả hoạt động, gia tăng giá trị tài chính đồng thời thể hiện cam kết đầu tư bền vững hướng tới nền kinh tế trung hòa carbon.



Phát triển bền vững *Chuyển đổi kép*

Chuyển đổi số *Chuyển đổi xanh*

Sự cộng hưởng giữa công nghệ và phát triển bền vững không chỉ mang lại giá trị lâu dài cho nhà đầu tư mà còn tạo dựng niềm tin, sự an tâm cho khách hàng, điều kiện làm việc tốt hơn cho người lao động và một tương lai xanh cho cộng đồng.

Bằng sự vững vàng và tận tâm, Bảo Việt tiếp tục kiên định trên hành trình "Chuyển đổi kép" hướng tới những giá trị bền vững và một tương lai thịnh vượng.

Nền kinh tế trung hòa carbon

Niềm tin *An tâm* *Vững vàng*

Tận tâm *Thịnh vượng*

Tổng quan hoạt động phát triển bền vững tại Bảo Việt

Thông qua quá trình trao đổi, tiếp xúc với các bên liên quan, phân tích các tác động của Bảo Việt, ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững, từ đó Bảo Việt đã hoàn thiện mô hình phát triển bền vững với tầm nhìn đến năm 2025.

Bảo Việt luôn gắn liền **Tăng trưởng kinh tế** với **Bảo vệ môi trường** và **Trách nhiệm xã hội** - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Trong đó, Bảo Việt cho rằng mục tiêu kinh tế là mục tiêu trọng yếu và là điều kiện cần để có thể thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường. Việc thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế đề ra sẽ giúp Bảo Việt chủ động đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan và việc thực hiện các hoạt động thuộc chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt trong hiện tại và tương lai.

Hoạt động phát triển bền vững được Bảo Việt chia sẻ tích cực và chủ động với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này tiếp tục được chúng tôi đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong Báo cáo Phát triển bền vững 2023 độc lập theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững - GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI).



TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI BẢO VIỆT

Báo cáo phát triển bền vững 2024

Báo cáo phát triển bền vững 2024 của Bảo Việt ghi lại những hoạt động quan trọng của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên của Bảo Việt liên quan đến các vấn đề về phát triển bền vững trong năm 2024. Cách tiếp cận với các vấn đề phát triển bền vững của Bảo Việt xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của doanh nghiệp kết hợp với các mục tiêu phát triển con người, xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.



Báo cáo thường niên 2024

Báo cáo thường niên 2024 của Bảo Việt tích hợp việc trình bày các nội dung về phát triển bền vững xuyên suốt từ định hướng chiến lược và tầm nhìn 2020 - 2025 đến các hoạt động kinh doanh hàng ngày tại Bảo Việt và các đơn vị thành viên. Nội dung Phát triển bền vững tại Chương 05 Báo cáo thường niên tập trung vào các hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, tổ chức nhân sự và các chỉ tiêu đã thông qua rà soát và đảm bảo bởi Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt được ưu tiên triển khai trong năm.



TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI BẢO VIỆT

Báo cáo Phát triển bền vững 2024

Các thông tin về phát triển bền vững của Bảo Việt được thể hiện chi tiết và đầy đủ trong **Báo cáo Phát triển bền vững năm 2024**



Truy cập vào website:
baoviet.com.vn/BVH_SR2024_VN

hoặc Quét mã QR để xem báo cáo

Chúng tôi mong muốn lắng nghe ý kiến từ các Quý vị để nâng cao chất lượng nội dung báo cáo. Vui lòng liên hệ Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư

E/ thongtin@baoviet.com.vn
T/ (+84) 24 3928 9999

- **Integrated Reporting** Báo cáo tích hợp theo chuẩn mực IIRC quốc tế
- **Ứng dụng Power Bi** Giải pháp phân tích kinh doanh cho phép trực quan hóa dữ liệu
- **Tích hợp ESG** trong Chiến lược, Quản trị, điều hành hướng đến phát triển bền vững
- **Gắn kết 17 mục tiêu Phát triển bền vững** của Thế giới vào Hoạt độngcủa Bảo Việt
- **CSI** - Bộ tiêu chuẩn đánh giá, xếp hạng Doanh nghiệp bền vững Việt Nam
- **QR Code** Nâng cao trải nghiệm người đọc trên ứng dụng đa nền tảng
- **Được đảm bảo bởi Kiểm toán nội bộ** Với các chỉ tiêu Phi tài chính
- **GRI STANDARDS** - Bộ chỉ tiêu lập Báo cáo Phát triển bền vững của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI)



Bảo Việt - Doanh nghiệp việt 3 năm liên tiếp được xếp hạng Doanh nghiệp bền vững



Dow Jones Sustainability Indexes (DJSI)

Bảo Việt là doanh nghiệp Việt đầu tiên 3 năm liên tiếp được công nhận và xếp hạng Doanh nghiệp bền vững trong nhóm Chỉ số Dow Jones Sustainability Indexes (DJSI)và tiếp tục được công nhận trong bảng xếp hạng tính bền vững của doanh nghiệp toàn cầu (Corporate Sustainability Assessment - CSA) của S&P Global.

Bảo Việt cũng là doanh nghiệp bảo hiểm duy nhất của Việt Nam được công nhận trong bộ chỉ số này.

Tính chung cuộc, các nỗ lực cải thiện tính bền vững năm 2024 đã giúp Bảo Việt cải thiện 3 bậc trong bảng điểm đánh giá so với năm 2023 và đạt điểm cao hơn 67% các doanh nghiệp khác trong nhóm ngành bảo hiểm (gồm 234 doanh nghiệp toàn cầu đủ điều kiện tham gia).

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

CAM KẾT VÀ ĐỊNH HƯỚNG TỪ BAN LÃNH ĐẠO

Nhằm đảm bảo thực hiện định hướng chiến lược về phát triển bền vững của Bảo Việt, trong năm 2024, Ban điều hành đã tiếp tục bám sát theo chỉ đạo và định hướng của Hội đồng Quản trị, tích cực triển khai các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường và an sinh xã hội nhằm tối đa hóa giá trị mang lại cho con người và môi trường tại các địa phương nơi Bảo Việt đang đẩy mạnh phát triển kinh doanh.

Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng ta từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này. Và để làm được, Bảo Việt cũng cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm bù đắp lại những thiếu hụt về nguồn lực tài nguyên mà con người đã khai thác quá mức trong quá khứ và trong hiện tại.



Tác động đối với Kinh tế

1. Đóng góp cho nền kinh tế chung
2. Hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương
3. Tiên phong triển khai chủ trương của Nhà nước



Tác động đối với Xã hội

1. Cải thiện chất lượng cuộc sống người dân địa phương
2. Phát triển sản phẩm vì lợi ích cộng đồng
3. Chung tay hỗ trợ phát triển cộng đồng



Tác động đối với Môi trường

1. Giảm thiểu tác động từ phát thải khí nhà kính
2. Xanh hóa hoạt động kinh doanh
3. Lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường

Bảo Việt luôn chú trọng thực hiện mục tiêu phát triển cộng đồng vì một cộng đồng phát triển lành mạnh, an toàn và giàu có là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính như Bảo Việt có thể phát triển và phục vụ lâu dài.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI





1.

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NỀN

KINH TẾ

Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung

Hoạt động trong lĩnh vực Bảo hiểm - Đầu tư - Tài chính - Ngân hàng, sự tăng trưởng của Bảo Việt có đóng góp quan trọng cho ngành tài chính - bảo hiểm nói riêng và nền kinh tế đất nước nói chung.

Góp phần phát triển kinh tế địa phương

Với 220.000 lao động, trên 180 chi nhánh và hơn 1.000 phòng giao dịch của bảo hiểm trên 63 tỉnh thành, Bảo Việt cung cấp sản phẩm cho người dân cả nước, góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp cho sự tăng trưởng của các nhà cung cấp địa phương và đóng góp cho ngân sách địa phương.

Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước

Bảo Việt luôn đi đầu trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước, thực hiện các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm khai thác thủy sản, bảo hiểm rủi ro thiên tai.

63
Tỉnh thành

180
Chi nhánh

1.000+
Phòng giao dịch

220.000
Lao động

2. TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG



Giảm thiểu tác động từ xả thải và tiêu thụ năng lượng

Là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm - đầu tư - tài chính - ngân hàng cũng như 90% danh mục đầu tư cổ phần, vốn góp của Bảo Việt tập trung vào các ngành như trên - những ngành nghề thân thiện với môi trường, do vậy, các tác động từ hoạt động kinh doanh đến môi trường của Bảo Việt chủ yếu thông qua hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại các tòa nhà trụ sở, chi nhánh và phòng giao dịch, v.v... Theo đó, Bảo Việt đã tiến hành lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý tại tòa nhà văn phòng làm việc của Bảo Việt nhằm theo dõi mức độ xả thải, đồng thời triển khai các giải pháp tiết kiệm điện trong tòa nhà, giải pháp hệ thống giúp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải, các biện pháp xử lý rác thải và khí thải phát sinh xung quanh tòa nhà.

Xanh hóa hoạt động kinh doanh

Nhận thức được tác động từ biến đổi khí hậu và hoạt động của con người đối với môi trường, từ năm 2022, Bảo Việt đã triển khai các dự án xây dựng hệ thống và số hóa các quy trình thủ tục nội bộ hướng tới một Bảo Việt không giấy tờ (paperless). Cho tới nay, Bảo Việt đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng hệ thống nội bộ Baoviet Office tích hợp trình ký, kế toán điện tử, văn thư, chấm công, quản lý lịch họp online, kết hợp cùng quy định sử dụng hai mặt giấy in, số hóa toàn bộ tài liệu nội bộ trừ chứng từ kế toán đã giúp lượng giấy lưu trữ và sử dụng tại văn phòng giảm thiểu rõ rệt. Năm 2024, các vấn đề Quản trị - Xã hội và Môi trường được Bảo Việt tiếp tục được chú trọng lồng ghép trong hoạt động đánh giá chuỗi cung ứng, rủi ro hoạt động và gắn kết các ràng buộc trách nhiệm trong các dự án đầu tư, các quy trình quản lý đầu tư dự án và quy trình đầu tư góp vốn cổ phần.

Lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường

Nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, Bảo Việt đã đẩy mạnh truyền thông trong toàn hệ thống thông qua các kênh thông tin: poster, bản tin điện tử, bản tin nội bộ. Đồng thời, tổ chức các hoạt động vì môi trường có sự tham gia của cán bộ nhân viên.



Cường độ phát thải khí nhà kính tại Bảo Việt

(Tấn CO_2/1 tỷ đồng doanh thu)

0,025	0,020	0,015	0,018
Năm 2021	⇩11% năm 2022	⇩22% năm 2023	⇩15% năm 2024



3.

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI XÃ HỘI



495,5 TỶ ĐỒNG

Bảo Việt đầu tư cho các hoạt động an sinh xã hội

Cải thiện chất lượng cuộc sống người dân địa phương

Với hoạt động rộng khắp cả nước, Bảo Việt góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Đồng thời, với các chương trình đào tạo được triển khai một cách chuyên nghiệp với bộ phận đào tạo chuyên trách sẽ góp phần giúp mặt bằng chất lượng nhân lực địa phương được nâng cao và tăng tính cạnh tranh hơn trên thị trường lao động địa phương nói riêng và toàn quốc nói chung.

Phát triển sản phẩm vì lợi ích cộng đồng

Với cơ sở 18 triệu khách hàng, Bảo Việt cung cấp các sản phẩm bảo hiểm - tài chính đa dạng, đem lại sự an tâm cho khách hàng trước những rủi ro trong cuộc sống cũng như tích lũy tài chính phục vụ kế hoạch hưu trí tương lai. Bên cạnh đó, các sản phẩm bảo hiểm vi mô – nhóm sản phẩm phi lợi nhuận như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm học sinh, bảo hiểm xe cơ giới, v.v... vẫn được Bảo Việt triển khai hàng năm nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp ở các khu vực kinh tế chưa phát triển có thể tiếp cận các lợi ích từ bảo hiểm phục vụ cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp, từ đó hỗ trợ giảm bớt áp lực về ngân sách bảo hiểm xã hội cho Nhà nước.

Chung tay hỗ trợ phát triển cộng đồng

Tính từ năm 2009 đến nay, Bảo Việt đầu tư hơn 495,5 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội theo Nghị quyết 30A/2008/NQ-CP, tập trung cho công tác xóa đói giảm nghèo cho đồng bào tại địa bàn khó khăn; đầu tư xây dựng trường học, các chương trình học bổng dành cho trẻ em nghèo hiếu học. Với hành động thiết thực, Bảo Việt mong muốn chung tay cùng cộng đồng doanh nghiệp, các bộ, ngành triển khai tích cực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, hoàn thành các chỉ tiêu đã được Quốc hội giao.

Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, các tác động trực tiếp đến môi trường trong quá trình vận hành của Bảo Việt là không đáng kể. Tuy nhiên, chúng tôi hiểu rằng việc giám sát quá trình sử dụng nguồn năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, ứng dụng công nghệ giảm thiểu tác động đến môi trường và triển khai các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu là những hành động nhỏ nhưng vô cùng cần thiết giúp xanh hóa hoạt động kinh doanh, bảo vệ môi trường chung của cộng đồng, vì một tương lai xanh, phát triển bền vững.

Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại thế kỷ 21. Theo các chuyên gia, cộng đồng doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong ứng phó biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, nhận thức về biến đổi khí hậu của các doanh nghiệp còn hạn chế, chưa đồng đều gây ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng xanh. Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ tài chính nên Bảo Việt tác động không đáng kể đến môi trường, tuy nhiên chúng tôi luôn chú trọng giám sát việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính và các tác động đến môi trường và cộng đồng.

Trong quá trình hoạt động, Bảo Việt hiểu rằng khi doanh nghiệp thay đổi, cân đối các nguồn năng lượng do doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp tiêu thụ có thể giúp giảm thiểu tác động môi trường.

Chúng tôi tin rằng, mục tiêu môi trường của Bảo Việt sẽ trở nên dễ dàng hơn khi các bên liên quan, đặc biệt là các bên nằm trong chuỗi giá trị của Bảo Việt cùng tham gia thực hiện gắn kết mục tiêu môi trường trong các hoạt động kinh doanh. Từ đó giảm thiểu sử dụng các nguồn năng lượng, tài nguyên, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, góp phần bảo vệ môi trường.



Giải pháp giám sát và kiểm soát tiêu thụ năng lượng

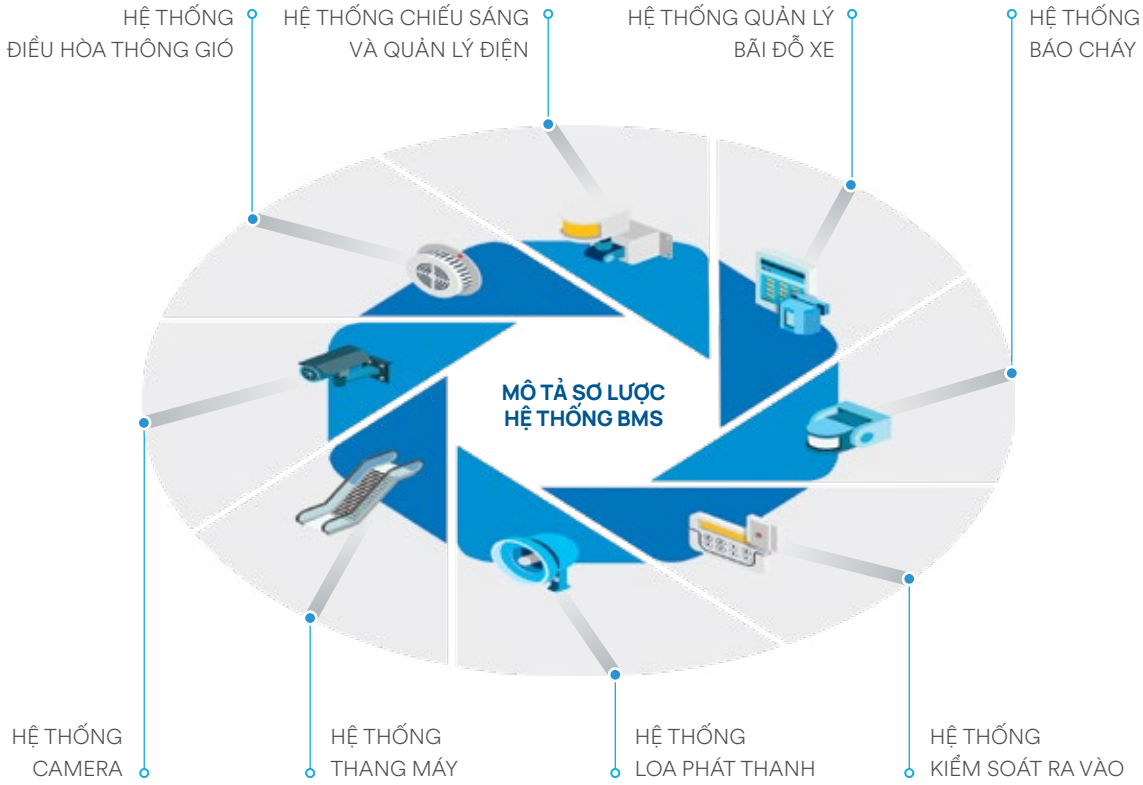
Nhận thức được những tác động từ biến đổi khí hậu và hoạt động của con người đối với môi trường, Bảo Việt đã tăng cường truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ nhân viên thông qua việc tiết kiệm năng lượng tiêu thụ tại trụ sở chính và các chi nhánh trong toàn hệ thống. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm số hóa các giao dịch hoạt động, giảm lượng giấy thải ra môi trường và để thích ứng với tình hình kinh tế và các hình thức kinh doanh mới.

Tại các Tòa nhà Bảo Việt hiện đang áp dụng và phát huy hiệu năng của hệ thống BMS (Building Management System) - một hệ thống đồng bộ cho phép điều khiển và quản lý mọi hệ thống kỹ thuật trong toà nhà như hệ thống điện, hệ thống cung cấp nước sinh hoạt, điều hoà thông gió, cảnh báo môi trường, an ninh, báo cháy - chữa cháy v.v..., đảm bảo cho việc vận hành các thiết bị trong tòa nhà được chính xác, kịp thời.

Về không gian làm việc, các phòng làm việc tại Bảo Việt đều có khả năng mở cửa sổ kính hợp lý kết hợp các hình thức che nắng để vừa được thông thoáng, chiếu sáng tự nhiên và hạn chế nóng khi cần, hạn chế được ảnh hưởng của bức xạ mặt trời, vừa chống mất nhiệt khi có điều hòa không khí. Khi tiến hành cải tạo các khu vực văn phòng, Bảo Việt đều yêu cầu đơn vị thi công cung cấp giải pháp hạn chế tăng nhiệt độ trong nhà do hiệu ứng nhà kính gây ra khi có mảng kính lớn, hoặc kết cấu bao che chủ yếu bằng kính.

Nhận thức rằng nhiều khu vực trong văn phòng làm việc khi không có người ở hay không sử dụng nếu vẫn dùng thiết bị điện cho tất cả các khu vực này sẽ làm tăng tổng chi phí, vì vậy lắp cảm biến sẽ khắc phục được tình trạng này. Vì vậy Bảo Việt đã lắp đặt cảm biến cho một số khu vực tại hành lang, khu vệ sinh...tại văn phòng trụ sở chính. Cảm biến phòng và khu vực có thể đảm nhận cả việc ngắt điện, tắt nước khi không cần thiết.

Trong các toà nhà, thành phần tiêu thụ điện năng chủ yếu gồm hệ thống điều hoà không khí và các thiết bị phụ trợ (bơm nước, quạt gió), hệ thống chiếu sáng, hệ thống thiết bị văn phòng, hệ thống thang máy và các thiết bị văn phòng. Theo đó, tiềm năng tiết kiệm năng lượng trong các tòa nhà đến từ các thiết bị sẽ tạo ra tính tối ưu trong sử dụng năng lượng, chi phí vận hành, dự kiến khoảng 10 - 40% chi phí.

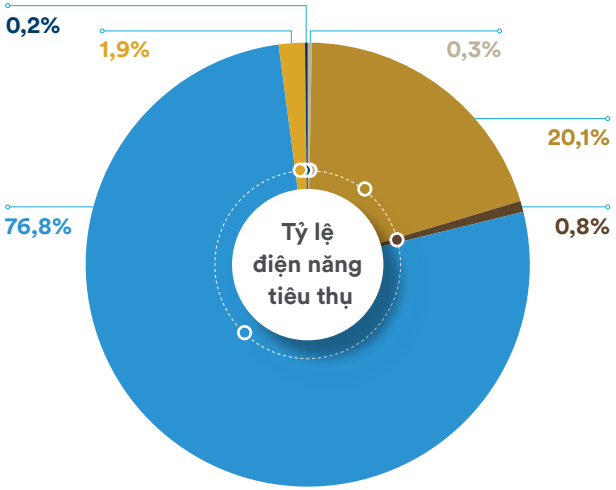


Giải pháp TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG
trong quá trình vận hành tòa nhà



- Tổ chức quản lý, vận hành, bảo trì hợp lý theo nhu cầu sử dụng
- Giảm mức tiêu thụ điện năng của hệ thống điều hoà bằng cách thay thế máy điều hoà cục bộ công suất thấp bằng máy điều hoà hiện đại, dùng công nghệ biến tần, lắp đặt rèm che, tấm dán kính hoặc dùng kính cách nhiệt
- Kiểm soát phụ tải ổ cắm, lắp cảm biến cho các căn phòng/khu vực
- Định kỳ làm vệ sinh các dàn trao đổi nhiệt, đặc biệt các giàn nóng giải nhiệt gió không để bám bụi bẩn làm giảm khả năng trao đổi nhiệt của giàn
- Đảm bảo chất lượng nước mềm cho các hệ thống máy lạnh giải nhiệt nước (water chiller)
- Duy tu, sửa chữa các hỏng hóc kịp thời để tránh tổn thất năng lượng cho hệ thống
- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp để quản lý và vận hành một cách đúng đắn, khoa học hệ thống điều hòa không khí và thông gió trong các công trình, mang lại hiệu quả cao về tiết kiệm năng lượng

GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG



Giải pháp tiết kiệm năng lượng trong quá trình sử dụng tòa nhà

Theo số liệu Báo cáo tóm tắt về sử dụng năng lượng hợp lý tại các tòa nhà của Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững thế giới, tại hầu hết các nước, các tòa nhà tiêu thụ ít nhất 40% nguồn năng lượng, góp phần gia tăng cường độ phát thải khí nhà kính. Chính vì vậy, Bảo Việt đã đẩy mạnh việc tiết kiệm điện năng tại các tòa nhà văn phòng của Bảo Việt trên hệ thống.

Hệ thống điều hoà không khí
(76,8% điện năng)

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27°C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hoà, bố trí các phòng lạnh tiếp xúc trực tiếp với các bức xạ mặt trời...
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h30.

Hệ thống chiếu sáng
(0,2% điện năng)

- Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ...) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử...).
- Điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sang của môi trường...).

Hệ thống thang máy
(0,8% điện năng)

- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 20h.
- Bố trí lễ tân điều phối thang máy.

Hệ thống an ninh
(20,1% điện năng)

- Bố trí lực lượng bảo vệ 24h để tăng cường an ninh và sử dụng hệ thống hiệu quả.
- Bảo trì theo quý và thường niên.
- Thay thế các dòng thiết bị mới tiết kiệm năng lượng và hiện đại 5 năm/lần.

Hệ thống máy làm lạnh
(1,9% điện năng)

- Bố trí tủ lạnh và tủ cấp đông tại các tầng để phục vụ công tác chuẩn bị cơm trưa, lưu trữ đồ ăn trưa cho cán bộ
- Bảo trì và vệ sinh thường niên.

Hệ thống bơm và đun nước
(0,3% điện năng)

- Thay thế việc sử dụng các bình đun nước nóng cục bộ bằng việc sử dụng các trung tâm cấp nước nóng sử dụng dầu D.O cấp nước nóng cho toàn bộ toà nhà.
- Tắt hệ thống đun nước nóng và máy bơm tăng áp sau 17h30 để tiết kiệm và đảm bảo an toàn cháy nổ.

Theo dõi và kiểm soát lượng khí thải nhà kính

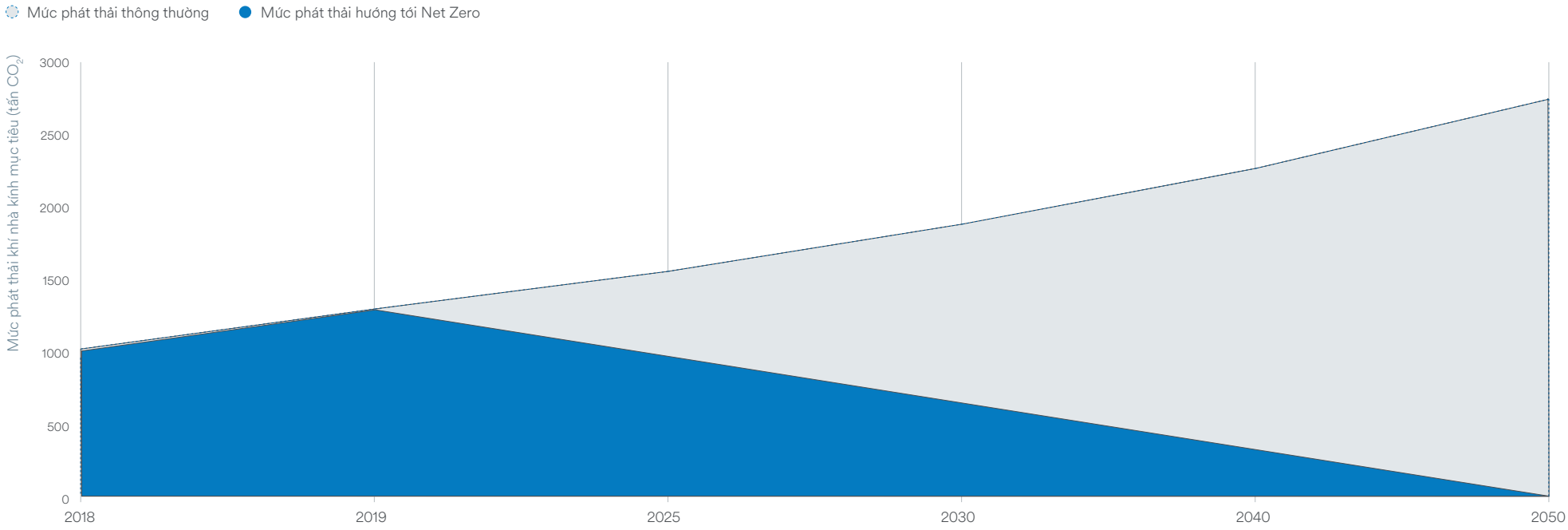
Là doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính, hoạt động kinh doanh Bảo Việt không sản sinh nhiều lượng khí thải nhà kính cũng như gây ra các tác động đáng kể đến môi trường. Tuy nhiên với các trụ sở làm việc, các Tòa nhà do Bảo Việt quản lý và sử dụng, việc kiểm soát lượng khí thải, chất thải, nước thải từ các Tòa nhà Bảo Việt là biện pháp bảo vệ môi trường tiếp theo sẽ được Bảo Việt triển khai. Hiện tại, Bảo Việt cũng đang xây dựng quy chế quản lý các nguồn phát thải khí nhà kính căn cứ theo Giao thức báo cáo Khí nhà kính (GHG Protocol).

Lộ trình hướng tới mục tiêu Netzero

Trong quá trình phát triển, Bảo Việt nhận thức rằng khi quy mô và hoạt động doanh nghiệp ngày càng được mở rộng, đồng nghĩa với việc phát thải ra môi trường sẽ có xu hướng gia tăng. Hiểu rõ điều này, Bảo Việt đã đặt ra lộ trình hướng tới tới Net Zero vào năm 2025 dựa trên mức phát thải cơ sở năm 2018. Với lộ trình cụ thể đến năm 2050, Bảo Việt sẽ tập trung giảm thiểu phát thải từ trụ sở, phương tiện và tiêu thụ năng lượng, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và môi trường, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài.

Dựa trên dữ liệu lượng phát thải GHG (khí nhà kính) từ năm 2018 đến 2023, Bảo Việt đặt ra lộ trình hướng tới mục tiêu đạt Net Zero vào năm 2050, với các cột mốc được tính toán và cân nhắc phù hợp cho một doanh nghiệp trong lĩnh vực Dịch vụ Tài chính - Bảo hiểm, nơi lượng phát thải CO_2 của doanh nghiệp chủ yếu đến từ hoạt động của các tòa nhà trụ sở:

Lộ trình hướng tới mục tiêu Net Zero vào năm 2050



GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Giai đoạn tới 2025:

Giảm

-20%

lượng phát thải CO_2

Mục tiêu

Giảm 20% lượng phát thải từ các hoạt động vận hành vào năm 2025

Biện pháp

- Triển khai các hệ thống quản lý năng lượng thông minh nhằm tối ưu hóa hiệu suất.
- Sử dụng thiết bị điện, đèn LED tiết kiệm năng lượng và cải tiến hệ thống điều hòa không khí để giảm mức tiêu thụ năng lượng.
- Khuyến khích nhân viên sử dụng xe đạp, xe điện hoặc phương tiện giao thông công cộng.
- Lắp đặt hệ thống lưu trữ năng lượng tại các tòa nhà để tối ưu hóa việc sử dụng điện từ các nguồn tái tạo.
- Giảm sử dụng giấy in, thúc đẩy tài liệu điện tử, thu gom và tái chế rác thải giấy.
- Triển khai chương trình trồng cây xanh tại các khu vực xung quanh trụ sở.

Giai đoạn tới 2025-2030:

Giảm

-50%

lượng phát thải CO_2

Mục tiêu

Giảm 50% lượng phát thải thông qua việc tối ưu hóa sử dụng năng lượng và phương tiện di chuyển vào năm 2030.

Biện pháp

- Sử dụng xe điện cho mọi hoạt động giao thông nội bộ và dịch vụ.
- Đầu tư vào các giải pháp kiến trúc xanh và cải tiến hệ thống cách nhiệt để giảm tiêu thụ năng lượng.
- Lắp đặt hệ thống tái chế rác thải hoặc tái sử dụng nhằm giảm tác động lên môi trường.
- 50% tòa nhà lắp đặt hệ thống năng lượng tái tạo và giảm thiểu sử dụng năng lượng không tái tạo.
- Khuyến khích sử dụng văn phòng phẩm làm từ vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường
- Tạo không gian xanh tại các văn phòng và trồng cây xanh.

Giai đoạn tới 2030-2040:

Giảm

-70%

lượng phát thải CO_2

Mục tiêu

Giảm 70% lượng phát thải, tập trung vào việc loại bỏ hoàn toàn các nguồn phát thải từ năng lượng hóa thạch vào năm 2040.

Biện pháp

- 100% hệ thống và thiết bị vận hành chạy hoàn toàn bằng năng lượng tái tạo hoặc điện sạch.
- Triển khai các dự án trồng rừng và dự án môi trường để bù đắp lượng carbon không thể tránh khỏi.
- Sử dụng các công nghệ tiên tiến để thu hồi và xử lý lượng CO_2 phát sinh từ hoạt động vận hành.
- Chỉ hợp tác với các nhà cung cấp và đối tác có cam kết bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- Loại bỏ hoàn toàn nhiên liệu hóa thạch trong vận hành.

Giai đoạn tới 2040-2050:

Đạt NET ZERO

Mục tiêu

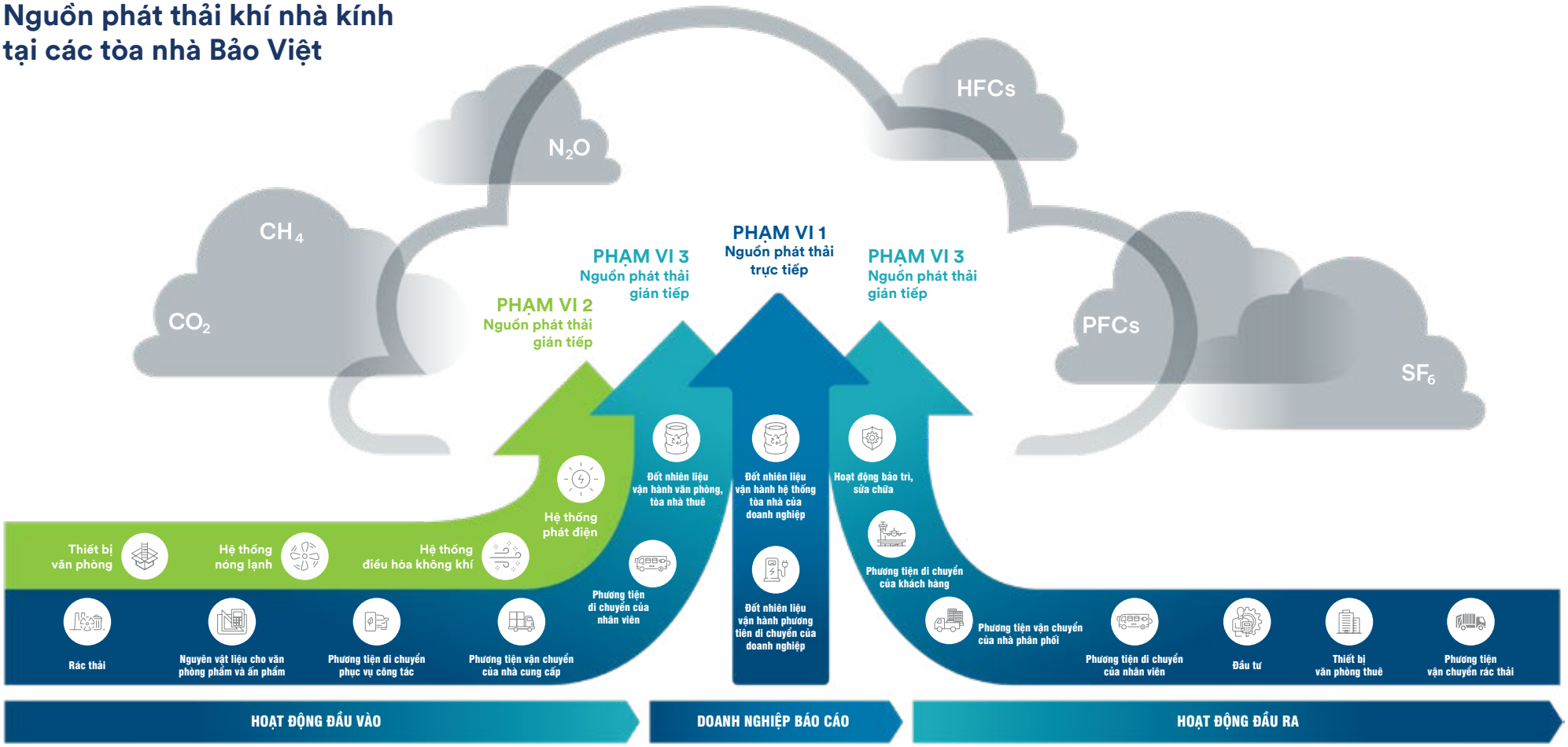
Loại bỏ hoàn toàn lượng phát thải CO_2 và đạt Net Zero vào năm 2050.

Biện pháp

- Sử dụng 100% năng lượng tái tạo.
- Tham gia vào thị trường mua bán tín chỉ Carbon để lượng carbon không thể tránh khỏi.

GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Nguồn phát thải khí nhà kính tại các tòa nhà Bảo Việt



Giao thức báo cáo Khí nhà kính (GHG Protocol) là công cụ kiểm đếm được sử dụng rộng rãi trên thế giới để định lượng, nắm bắt và quản lý phát thải Khí nhà kính do Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp thế giới về phát triển bền vững (WBCSD) xây dựng. Báo cáo Khí nhà kính phân biệt 3 "phạm vi" (Scope) phát thải mà hiện nay được các hệ thống trên thế giới sử dụng, bao gồm:

- **Phạm vi 1:** Phát thải trực tiếp - là các phát thải từ các nguồn tại cơ sở thuộc sở hữu hoặc kiểm soát bởi công ty.
- **Phạm vi 2:** Phát thải gián tiếp - là các phát thải từ nguồn phát điện mua bên ngoài được tiêu dùng tại cơ sở sản xuất thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của công ty.
- **Phạm vi 3:** Phát thải gián tiếp khác của công ty, phát thải từ các nguồn không thuộc sở hữu hoặc kiểm soát bởi công ty.

GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Báo cáo Khí thải nhà kính (GHG Protocol) tại các tòa nhà Bảo Việt

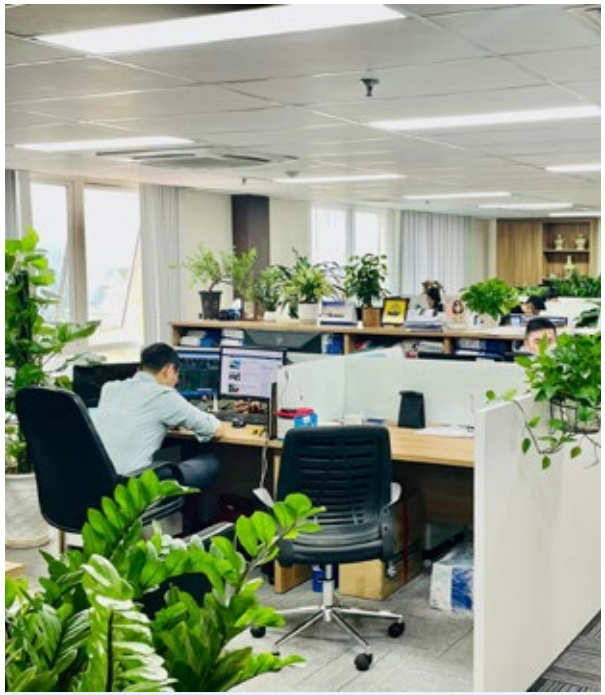
Phạm vi	Hoạt động	2020	2021	2022	2023	2024
Phạm vi 1	Đốt nhiên liệu vận hành hệ thống	19,23	16,16	21,17	22,09	22,36 ⇔
	Đốt nhiên liệu vận hành phương tiện di chuyển của doanh nghiệp	41,71	41,13	98,56	86,27	88,17 ⇧
	Phát thải từ điều hòa không khí	206,83	198,18	480,23	480,23	475,90 ⇩
	Phạm vi 1 – Tổng	**267,77**	**255,47**	**599,96**	**588,59**	**586,42** ⇩
Phạm vi 2	Điện tiêu thụ cho hệ thống phát điện, điều hòa không khí, thiết bị văn phòng	962,26	947,36	409,88	179,48	298,54 ⇧
	Điện tiêu thụ cho hệ thống nước nóng lạnh	10,20	10,20	10,69	10,69	10,69 ⇔
	Phạm vi 2 – Tổng	**972,45**	**957,56**	**420,57**	**190,17**	**309,24** ⇧
Phạm vi 3	Sử dụng phương tiện di chuyển phục vụ công tác	0,09	0,07	0,02	0,02	0,02 ⇔
	Xử lý chất thải, khí thải, nước thải trong tòa nhà	25,65	21,45	47,56	39,52	47,64 ⇧
	Sử dụng phương tiện di chuyển phục vụ vận chuyển sản phẩm	13,53	12,85	30,34	34,17	42,31 ⇧
	Sử dụng phương tiện di chuyển phục vụ đưa đón nhân viên	0,16	0,00	11,46	0,16	0,21 ⇔
	Phạm vi 3 – Tổng	**39,43**	**34,36**	**89,38**	**73,88**	**90,17** ⇧
Tổng		**1279,66**	**1247,39**	**1109,91**	**863,33**	**996,52** ⇧



Lượng khí thải nhà kính tại các tòa nhà Bảo Việt
(ĐVT: tấn CO_2)



GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG



Chuyển đổi số tối ưu hóa vận hành đồng thời giảm tiêu thụ giấy in và phát thải CO_2, Bảo Việt triển khai Baoviet Office – hệ thống văn phòng điện tử tích hợp nhiều tính năng trong một như trình ký điện tử, kế toán điện tử, quản lý văn thư, chấm công, nghỉ phép và lịch họp online. Cùng với chủ trương số hóa 8/16 loại tài liệu nội bộ, quy định in hai mặt giấy và loại bỏ dần hồ sơ giấy không cần thiết, Bảo Việt đã thành công giảm đáng kể lượng giấy in văn phòng, từ đó hỗ trợ giảm tải phát thải từ các khâu sản xuất và xử lý rác thải giấy.



Mở rộng không gian xanh gia tăng chuyển đổi khí CO_2 thành khí O_2 trong các văn phòng làm việc. Điển hình như 50m² cây xanh tại Trung tâm Công nghệ thông tin tại 71 Ngô Sỹ Liên, 140m² tại Tòa nhà Bảo Việt số 8 Lê Thái Tổ và hơn 300m² mảng xanh tại Tòa nhà Trung tâm tài chính Bảo Việt 233 Đồng Khởi. Không gian xanh không chỉ tạo môi trường làm việc trong lành mà còn đóng vai trò như hệ thống lọc khí tự nhiên, kết hợp không gian mở tối đa ánh sáng, khuyến khích sáng tạo và nâng cao hiệu suất làm việc.



Thúc đẩy hoạt động phát triển kinh doanh bền vững cùng với việc giảm thiểu các chương trình công tác bên ngoài, tăng cường hoạt động kinh doanh online trong năm 2024 và ưu tiên sử dụng phương tiện di chuyển công tác bằng các loại xe thân thiện với môi trường cũng đã giúp tiết kiệm chi phí nhiên liệu, đồng thời giảm đáng kể phát thải khí CO_2 ra môi trường từ các phương tiện di chuyển.

GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Thúc đẩy chuyển đổi xanh và giảm phát thải khí nhà kính thông qua hợp tác chiến lược với VinFast

Hướng tới thực hiện các cam kết quốc gia về phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 và thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, ngày 12/11/2024, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) và Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinFast đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác chiến lược, đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc hiện thực hóa chiến lược chuyển đổi xanh của cả hai bên.

Thỏa thuận hợp tác hướng đến thúc đẩy việc sử dụng phương tiện giao thông không phát thải, qua đó góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong Phạm vi 3 (Scope 3) – một trong những lĩnh vực khó kiểm soát nhất trong hệ thống chuỗi giá trị của doanh nghiệp. Việc ưu tiên sử dụng xe điện trong việc di chuyển công tác nội bộ, triển khai hạ tầng sạc xe điện và truyền thông nội bộ về chính sách ưu đãi khi sử dụng xe điện sẽ từng bước giảm dần sự phụ thuộc vào phương tiện truyền thống sử dụng nhiên liệu hóa thạch, giảm thiểu lượng khí carbon (CO_2) phát sinh trong quá trình di chuyển và hoạt động kinh doanh nội bộ.

Một số hoạt động cụ thể đã và đang được Bảo Việt triển khai bao gồm:

- Truyền thông rộng rãi trong toàn hệ thống về chính sách ưu đãi khi mua và sử dụng xe điện VinFast, đồng hành cùng mục tiêu Net Zero của Chính phủ.
- Mở rộng sử dụng thẻ taxi Xanh SM cho mục đích công tác, giảm dần phương tiện sử dụng động cơ đốt trong.
- Nghiên cứu thuê xe điện VinFast cho các công ty thành viên có nhu cầu sử dụng xe thứ hai trở lên.
- Đánh giá khả năng hợp tác lắp đặt trạm sạc xe điện tại các tòa nhà trụ sở đơn vị thành viên, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái giao thông xanh.

Trước đó, trong năm 2024, Bảo Việt Nhân thọ cũng đã ký kết hợp tác với Công ty Cổ phần Di chuyển Xanh và Thông minh (GSM) – đơn vị cung cấp phương tiện giao thông xanh đa nền tảng Xanh SM, trong việc cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Bảo Việt Nhân thọ.

Việc hợp tác giữa Bảo Việt và VinFast hay Xanh SM không chỉ là bước đi chiến lược trong quản trị ESG mà còn là minh chứng rõ nét cho nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính trong toàn bộ chuỗi giá trị, hướng tới mô hình doanh nghiệp phát triển bền vững toàn diện. Khẳng định cam kết của Bảo Việt trong việc song hành giữa tăng trưởng kinh doanh và trách nhiệm môi trường – xã hội.



GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2024, trung bình cứ 01 tỷ đồng doanh thu Tập đoàn Bảo Việt thu được sẽ cần triển khai các hoạt động hỗ trợ kinh doanh liên quan và thải ra 0,018 tấn CO_2 ra môi trường. Mặc dù đây là năm Tập đoàn Bảo Việt tập trung mở rộng kinh doanh và gia tăng hợp tác đầu tư khiến cho cường độ phát thải khí nhà kính tại Bảo Việt năm 2024 tăng 15% so với năm 2023. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của cán bộ nhân viên của toàn hệ thống cùng các chính sách tiết kiệm và bền vững, mức phát thải trên vẫn nằm trong giới hạn mức phát thải mục tiêu của năm 2025 và bằng 48% cường độ phát thải khí nhà kính trung bình trên 01 tỷ đồng GDP Việt Nam.



Cường độ phát thải khí nhà kính tại Bảo Việt

0,018 ⇧18%

Tấn CO_2/1 tỷ đồng doanh thu năm 2024

0,015 ⇩22%

Tấn CO_2/1 tỷ đồng doanh thu năm 2023

0,020 ⇩11%

Tấn CO_2/1 tỷ đồng doanh thu năm 2022

0,025

Tấn CO_2/1 tỷ đồng doanh thu năm 2021

Cường độ phát thải khí nhà kính trung bình Việt Nam

0,035

Tấn CO_2/1 tỷ đồng GDP

Cường độ phát thải khí nhà kính trung bình của mỗi người

4,88

Tấn CO_2/người dân Việt Nam

6,76

Tấn CO_2/người dân thế giới

Với chiến lược chuyển đổi kép – kết hợp chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, Bảo Việt sẽ không ngừng cải tiến để xây dựng một hệ sinh thái bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường.

GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Biện pháp xử lý các nguồn chất thải tại nơi làm việc

Để xử lý các nguồn chất thải, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện các giải pháp tại tòa nhà trụ sở chính:

- Vệ sinh bể chứa nước sạch để đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp cho các tòa nhà
- Bổ sung hệ thống khử trùng nước thải sau xử lý cho hệ thống cũng như nuôi cấy vi sinh cho các bể hiếu khí để nâng cao quá trình xử lý hiếu khí
- Lắp đặt hệ thống đo đếm lượng nước xả thải ở tòa nhà 71 Ngô Sỹ Liên và 8 Lê Thái Tổ, Hà Nội để kiểm soát lưu lượng nước thải ra môi trường
- Khử trùng nước bằng clorin trước khi thải ra môi trường
- Thực hiện phân tích lượng nước thải định kỳ hàng quý tại các tòa nhà để có biện pháp xử lý kịp thời nếu phát hiện có chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn quy định.



Thu gom và xử lý pin thải – hành động nhỏ, tác động lớn

Nhận thức rõ tác hại của rác thải nguy hại đối với môi trường, tại các tòa nhà trụ sở, tập thể cán bộ Bảo Việt đã tuyên truyền và tự giác triển khai hoạt động thu gom và phân loại pin đã qua sử dụng tại các văn phòng làm việc. Thay vì vứt bỏ cùng rác thải thông thường, pin sẽ được tập trung tại các điểm thu gom để đưa đến đơn vị xử lý chuyên biệt, đảm bảo an toàn cho môi trường và sức khỏe con người.

Pin thải chứa kim loại nặng như chì, thủy ngân, cadmium... nếu chôn lấp không đúng cách có thể gây ô nhiễm nguồn nước và đất trong hàng chục năm. Với mỗi viên pin, lượng thủy ngân rò rỉ có thể làm ô nhiễm tới 500 lít nước hoặc 1 mét khối đất trong 50 năm.

Bằng những hành động thiết thực, Bảo Việt không ngừng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong nội bộ doanh nghiệp, góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững và lan tỏa trách nhiệm tới cộng đồng.

Đề án bảo vệ môi trường của Bảo Việt được tiếp tục triển khai tại các tòa nhà, bao gồm việc sử dụng điện tiết kiệm, sử dụng nước hợp lý, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thông qua việc bổ sung các chế phẩm vi sinh, vệ sinh hệ thống cống thoát nước, xử lý rác thải hàng ngày, vệ sinh hệ thống thông gió đảm bảo thông thoáng, kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải, rác thải.

GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường

Trong năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt, bao gồm các công ty thành viên không ghi nhận các biên bản/thông báo nào liên quan đến việc vi phạm các điều Luật và Quy định về môi trường. Việc xác nhận không có trường hợp vi phạm cũng được Bảo Việt căn cứ dựa trên các thông tin dữ liệu từ kết quả kiểm toán (không ghi nhận số tiền phạt), các thông tin ghi nhận từ hệ thống giám sát tuân thủ, pháp chế và kết quả từ các cuộc quan trắc môi trường.



Hằng năm, báo cáo quan trắc môi trường của các tòa nhà trụ sở chính Bảo Việt cũng đã được được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ về một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Thông tư số 10/2021/TT/BTNMT quy định kỹ thuật quan trắc môi trường.
- Đơn vị tham gia quan trắc và phát hành chứng nhận kết quả có giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường VIMCERTS 006 và Chứng chỉ công nhận Vilas số hiệu Vilas 372.

Đánh giá kết quả quan trắc và kiến nghị của đoàn kiểm tra

Môi trường không khí

CÁC KHÍ ĐỘC: Giá trị nồng độ các khí độc tại các vị trí kiểm tra trong khu vực làm việc và xung quanh đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo TC 3733-2002/BYT-QĐ, QCVN 05:2013/BTNMT.

NỒNG ĐỘ BỤI: Giá trị nồng độ bụi tại các vị trí kiểm tra trong khu vực làm việc và xung quanh đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo TC 3733-2002/BYT-QĐ và QCVN 05:2013/BTNMT.

Môi trường nước

Giá trị hàm lượng các chỉ tiêu đã phân tích trong mẫu nước thải tại đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT.

Môi trường tiếng ồn

Giá trị nồng độ ồn tại các vị trí kiểm tra trong khu vực làm việc và xung quanh đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT.

Các kiến nghị

Kiến nghị tiếp tục duy trì hệ thống kiểm soát, giảm thiểu tác động để đảm bảo chất lượng môi trường theo các quy định.

Cùng với các hoạt động gìn giữ và bảo vệ môi trường thực hiện bởi cá nhân doanh nghiệp, Bảo Việt còn phối hợp với các nhà cung cấp để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường một cách có hệ thống và chuyên nghiệp hơn. Trong năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt vẫn tiếp tục duy trì đầu tư hơn 4,4 tỷ đồng ký kết các hợp đồng quan trắc, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và các hợp đồng bảo trì hệ thống đảm bảo an toàn lao động và sử dụng hiệu quả nguồn điện năng tại các tòa nhà trụ sở. Các hợp đồng với nhà cung cấp môi trường đã được Bảo Việt thực hiện hằng năm và sẽ được tiếp tục mở rộng trong các năm tiếp theo.

Gắn kết cán bộ trong các hoạt động XANH HÓA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Triển khai chương trình 5S nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tác động tới môi trường

Ý thức bảo vệ môi trường cần xuất phát từ việc xây dựng môi trường sạch sẽ, không gian thông thoáng tại nơi làm việc. Do đó, Bảo Việt đã phối hợp với Trung tâm Năng suất Việt Nam trong việc đào tạo, hướng dẫn và tiến hành kiểm tra định kì công tác lưu trữ, sắp xếp, giữ gìn không gian làm việc tại các Tòa nhà trên hệ thống.



SÀNG LỌC

Là xem xét, phân loại,chọn và loại bỏ những thứ không cần thiết tại nơi làm việc

SẮP XẾP

Tổ chức, sắp xếp lại các vật dụng theo tiêu chí dễ tìm, dễ thấy, dễ lấy, dễ trả lại. Mọi thứ cần được đặt đúng chỗ để tiện lợi khi cần sử dụng

SẠCH SẼ

Thường xuyên vệ sinh, lau chùi, dọn dẹp mọi thứ gây bẩn tại nơi làm việc

SĂN SÓC

Là tiếp tục duy trì các tiêu chuẩn 3s ở trên và thực hiện chúng một cách liên tục

SẴN SÀNG

Rèn luyện, tạo ra thói quen tự giác, duy trì nề nếp, tác phong. 5s còn cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại nơi làm việc

Dự án **"Thực hành tốt 5S"** được tổ chức nhằm bảo đảm hệ thống hồ sơ, tài liệu được **"Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ – Săn sóc – Sẵn sàng"**, lưu trữ một cách khoa học giúp giảm thiểu tối đa thời gian tìm kiếm, góp phần nâng cao hiệu quả công việc đồng thời cũng tránh được những lãng phí không cần thiết về giấy tờ, vật phẩm văn phòng tiêu thụ, ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường.

Việc triển khai 5S tại Bảo Việt đã giúp tạo ra một môi trường làm việc khoa học, an toàn, sạch sẽ, thuận lợi cho công việc và quan trọng hơn là giúp thay đổi cách suy nghĩ, hình thành thói quen làm việc cũng như ý thức kỷ luật, khơi nguồn sáng tạo của mỗi cá nhân trong doanh nghiệp.

GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Hệ thống biển hiệu tuyên truyền và hướng dẫn tại tòa nhà

Trong năm 2023, bên cạnh các hoạt động đã triển khai theo Đề án Bảo vệ môi trường, Tập đoàn Bảo Việt cũng đã thực hiện một số giải pháp bổ sung tại các tòa nhà trụ sở chính, bao gồm:

- Bổ sung lịch vệ sinh bể chứa nước sạch để đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp cho Tòa nhà.
- Lắp đặt hệ thống đo đếm lượng nước xả thải ở hai Tòa nhà 71 Ngô Sỹ Liên và 8 Lê Thái Tổ, Hà Nội để kiểm soát lưu lượng nước thải ra môi trường từ các Tòa nhà.
- Cải tạo hệ thống xử lý nước thải tòa nhà 233 Đồng Khởi theo kế hoạch cải tạo sửa chữa lớn do tòa nhà đã đi vào vận hành được 10 năm.
- Phát động phong trào sử dụng nước tiết kiệm tại các văn phòng trên toàn hệ thống.
- Bổ sung kịch bản rủi ro về xả thải, đào tạo và diễn tập ứng phó khi xảy ra sự cố xả thải tại Tòa nhà.



Hệ thống biển hiệu tuyên truyền và hướng dẫn tại khu vệ sinh tòa nhà



GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Lan tỏa lối sống xanh với các hoạt động trồng cây

Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ "Trồng 1 tỷ cây xanh cho Việt Nam", từ năm 2022, Bảo Việt đã khởi động 02 chiến dịch "Hành trình Việt Nam xanh" và "Bảo Việt vì một Việt Nam xanh" do Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt tổ chức thường niên nhằm lan tỏa lối sống xanh và hành động bảo vệ môi trường trong hệ thống Bảo Việt và cộng đồng địa phương. Chiến dịch này thu hút hơn 1.000 cán bộ nhân viên, tư vấn viên của Bảo Việt từ khắp 63 tỉnh, thành trên cả nước trực tiếp tham gia.

Tính đến nay, hơn 4.000 cây bao gồm 2.500 cây gỗ bản địa đầu tiên trên 5ha đất tại Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền, Thừa Thiên Huế và hơn 1.500 cây xanh đã được trồng tại các địa điểm tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.



200 CÂY ĐƯỢC TRỒNG TẠI TRƯỜNG THCS LONG BÌNH VÀ CHÙA BỬU LONG, TP. THỦ ĐỨC

Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt - Ban nữ công Công đoàn Tập đoàn cùng đại diện các Công đoàn đơn vị khu vực TP. Hồ Chí Minh đã tổ chức thành công chương trình Bảo Việt – Vì một Việt Nam xanh tại Trường THCS Long Bình và chùa Bửu Long, TP. Thủ Đức. Hàng trăm cây xanh đã được trồng cùng các phần quà ý nghĩa đã được trao tặng học sinh có hoàn cảnh khó khăn của trường.

110 CÂY ĐƯỢC TRỒNG TẠI KHU LƯU NIỆM NHÀ MẠC, HẢI PHÒNG

Trong khuôn khổ chuỗi sự kiện trồng cây, 110 cây xanh của Bảo Việt cũng đã được trồng tại Khu lưu niệm Nhà Mạc, Hải Phòng, mang đến cảnh quan tươi mát cho khuôn viên di tích.



GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Lan tỏa phong trào thi đua

VĂN PHÒNG XANH – SẠCH

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao chất lượng môi trường làm việc, Công đoàn Cơ quan Tập đoàn Bảo Việt đã phát động cuộc thi nội bộ "Văn phòng Xanh – Sạch". Chương trình khuyến khích cán bộ nhân viên thực hiện dọn dẹp, sắp xếp không gian làm việc một cách gọn gàng, khoa học và xây dựng thói quen tốt, tạo dựng môi trường làm việc xanh, sạch, chuyên nghiệp.

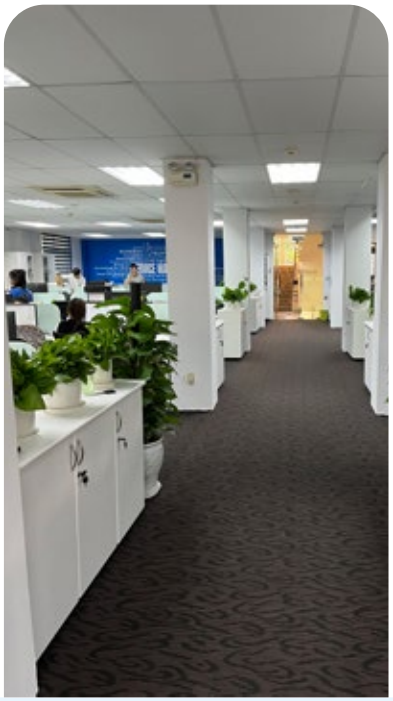
Cuộc thi diễn ra từ ngày 31/05/2024 đến 07/06/2024, thu hút sự tham gia tích cực của các Tổ công đoàn và Công đoàn viên trên toàn hệ thống. Ban tổ chức đã trao 02 giải tập thể (1.000.000 đồng/giải) và 04 giải cá nhân (500.000 đồng/giải) cho những cá nhân và tập thể có không gian làm việc ngăn nắp, khoa học và thân thiện với môi trường nhất.

Thông qua hoạt động này, Bảo Việt không chỉ nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong nội bộ mà còn lan tỏa giá trị của phát triển bền vững, khẳng định cam kết xây dựng môi trường làm việc hiện đại, xanh và bền vững theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Những hoạt động trên thể hiện khát vọng và cam kết đóng góp dài lâu của Bảo Việt cho những hoạt động phát triển bền vững, là lời kêu gọi mạnh mẽ đến cộng đồng, cùng lan tỏa lối sống xanh, bảo vệ môi trường sống, vì một tương lai trong lành và khỏe mạnh cho các thế hệ mai sau.











3.830	38,3	28,34
CÂY XANH ĐƯỢC TRỒNG	Sẽ hấp thụ TẤN CO_2/NĂM	Tái tạo TẤN O_2/NĂM

GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Tích cực tuyên truyền sử dụng năng lượng hiệu quả

Nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, Bảo Việt đã đẩy mạnh truyền thông trong toàn hệ thống thông qua các kênh thông tin: poster, bản tin điện tử, bản tin nội bộ.



Với thông điệp **"Tạo thói quen nhỏ, cho hiệu quả lớn"** nhằm thay đổi nhận thức và thói quen của cán bộ trong việc sử dụng các nguồn năng lượng hợp lý.

"Tắt đèn bật tương lai"

Là thông điệp được Bảo Việt sử dụng để truyền thông trong hệ thống nhằm hưởng ứng Chương trình giờ Trái Đất bởi chúng tôi hiểu rằng, bảo vệ môi trường cần sự chung tay của cả cộng đồng và phát triển bền vững là trách nhiệm của toàn xã hội chứ không của riêng một cá nhân hay tổ chức nào. Cán bộ Bảo Việt tham gia chương trình cùng nhau cam kết:

- Không săn bắt, nuôi nhốt, sử dụng các sản phẩm được sản xuất từ động vật hoang dã bất hợp pháp
- Hạn chế sử dụng nhựa 1 lần
- Tắt các thiết bị điện từ 20h30 – 21h30

Hiện nay, Bảo Việt đã dừng phát hành bản tin, tạp chí nội bộ bản giấy; thay vào đó là ấn bản điện tử workplace, từ đó giảm 100% số lượng bản tin và tạp chí giấy để góp phần bảo vệ môi trường.



Sự kiện và hoạt động thuộc trọng tâm phát triển bền vững của Bảo Việt

Đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng

GRI 413-1

Chỉ tiêu cộng đồng địa phương được đảm bảo bởi kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

Năm 2024, Bảo Việt đóng góp **32,4** TỶ ĐỒNG ⇧**21,2%** so với năm 2023
cho sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương thông qua việc ưu tiên đầu tư cho các dự án thuộc phạm vi:









16,6 TỶ ĐỒNG
Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ
Chiếm tỷ trọng 51,3%

3,3 TỶ ĐỒNG
Xóa đói giảm nghèo và hỗ trợ y tế
Chiếm tỷ trọng 10,2%

11,6 TỶ ĐỒNG
Khắc phục hậu quả thiên tai và môi trường
Chiếm tỷ trọng 35,9%

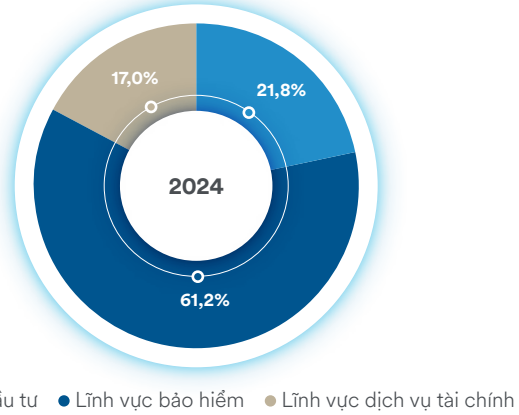
860 TRIỆU ĐỒNG
Tri ân anh hùng, gia đình liệt sỹ có công với đất nước
Chiếm tỷ trọng 2,7%

Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng năm 2024

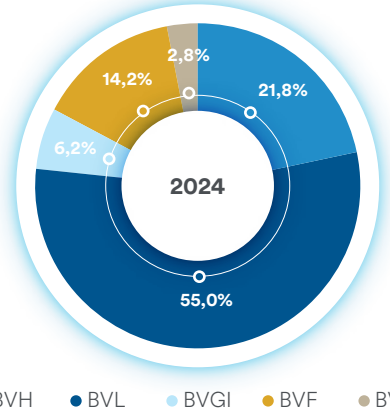
Trong cơ cấu lợi nhuận, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm luôn duy trì tỷ trọng đầu tư đóng góp cho cộng đồng lớn nhất do lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ có sự tăng trưởng bứt phá trong những năm gần đây. Theo đó, trong tổng ngân sách đầu tư cho hoạt động cộng đồng năm 2024, nhóm đơn vị thành viên thuộc lĩnh vực bảo hiểm chiếm tỷ trọng 61,2%; lĩnh vực đầu tư chiếm 21,8% và dịch vụ tài chính đóng góp 17,0%..

Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng theo đơn vị (bao gồm toàn bộ nguồn chi phí kinh doanh và lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ TĐBV phân bổ cho các Công ty con 100% vốn và nguồn phí kinh doanh và lợi nhuận sau thuế của các Công ty con 100% vốn) được trình bày tại bảng sau:

Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng của Bảo Việt theo lĩnh vực kinh doanh



Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng của Bảo Việt theo đơn vị

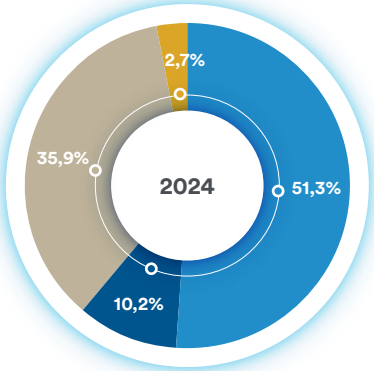


Đơn vị: Đồng	Nguồn chung của BVH			Nguồn riêng của các Đơn vị			Tổng cộng	Tỷ trọng
	Nguồn chi phí	Nguồn LNST	Nguồn khác (*)	Nguồn chi phí	Nguồn LNST	Nguồn khác (*)		
Lĩnh vực đầu tư	**980.000.000**	**1.824.000.000**	**4.253.000.000**	**-**	**-**	**-**	**7.057.000.000**	**21,8%**
BVH	980.000.000	1.824.000.000	4.253.000.000	-	-	-	7.057.000.000	21,8%
Lĩnh vực bảo hiểm	**-**	**-**	**-**	**17.627.178.107**	**849.235.533**	**1.349.821.088**	**19.826.234.728**	**61,2%**
BVL	-	-	-	16.341.346.387	849.235.533	635.321.088	17.825.903.008	55,0%
BVGI	-	-	-	1.285.831.720	-	714.500.000	2.000.331.720	6,2%
Lĩnh vực dịch vụ tài chính	**3.920.000.000**	**-**	**-**	**649.390.500**	**-**	**943.738.940**	**5.513.129.440**	**17,0%**
BVF	3.920.000.000	-	-	649.390.500	-	45.000.000	4.614.390.500	14,2%
BVSC	-	-	-	-	-	898.738.940	898.738.940	2,8%
TỔNG	**4.900.000.000**	**1.824.000.000**	**4.253.000.000**	**18.276.568.607**	**849.235.533**	**2.293.560.028**	**32.396.364.168**	**100,0%**

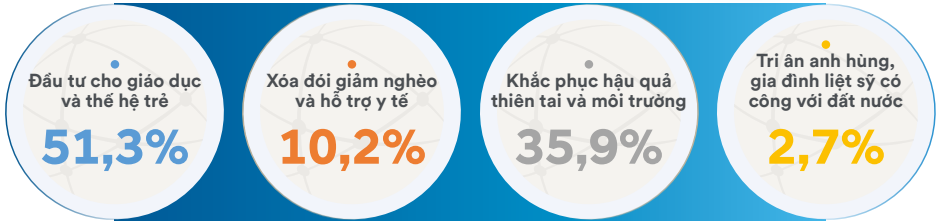
(*) Nguồn khác: Nguồn từ quỹ phúc lợi, quỹ công đoàn và quyên góp từ người lao động

SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng năm 2024
(tổng ngân sách của toàn hệ thống)

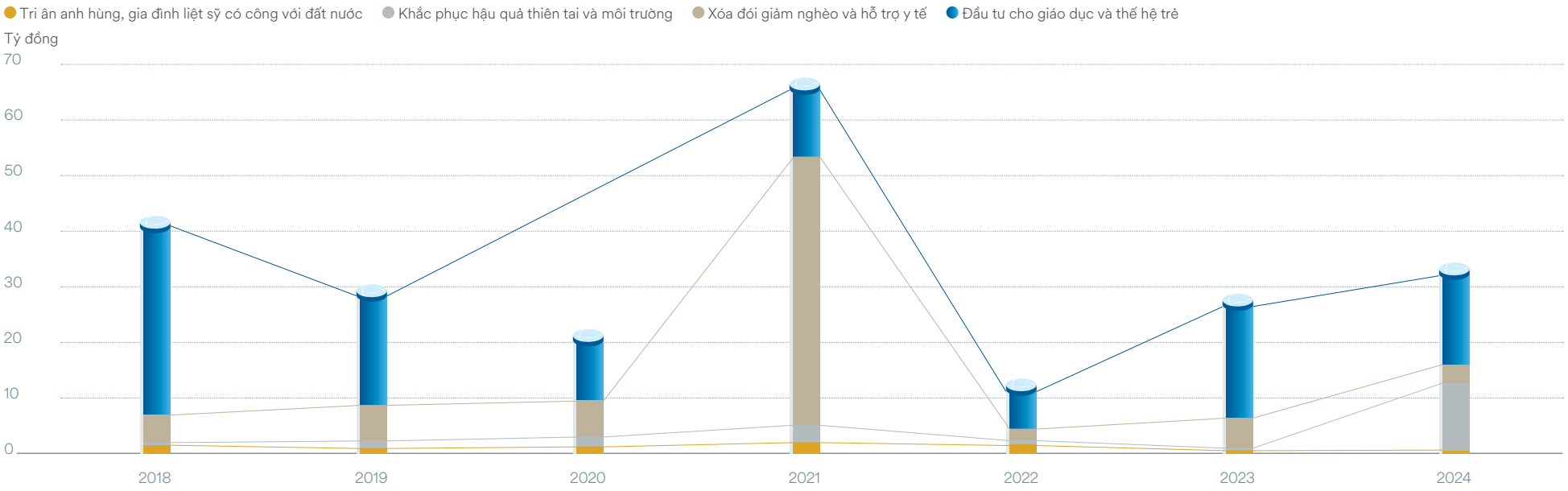


Bên cạnh việc xác định trọng tâm và tập trung ưu tiên vào các lĩnh vực cụ thể, Bảo Việt còn khuyến khích sự tham gia của cán bộ nhân viên trong hệ thống trong quá trình hiện thực hóa các mục tiêu đầu tư phát triển cộng đồng. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, nữ công của Tập đoàn và các đơn vị thành viên hàng năm đều triển khai thực hiện rất tốt hàng trăm chương trình an sinh xã hội với số tiền hàng tỷ đồng như chăm sóc Mẹ Việt Nam Anh hùng, thăm và tặng quà gia đình chính sách, xây dựng nhà tình nghĩa, mái ấm biên cương, nhà đại đoàn kết...



Trong 60 năm qua, Tập đoàn Bảo Việt đã đồng hành cùng người dân trên cả nước chia sẻ gánh nặng tài chính trong cuộc sống và thực hiện đúng cam kết, chia sẻ và gánh vác trách nhiệm với cộng đồng để cùng chung tay "Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng."

Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng năm 2018 - 2024 (Tỷ đồng)
(tổng ngân sách của toàn hệ thống)



Đầu tư cho Giáo dục VÀ THẾ HỆ TRẺ











Trẻ em là tương lai của gia đình và xã hội, là thế hệ xây dựng và bảo vệ đất nước mai sau. Nhận thức được điều đó, Bảo Việt xác định việc đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho tương lai và là đầu tư mang tính nền tảng. Trong những năm qua, Bảo Việt luôn dành ưu tiên ngân sách cho các hoạt động quan tâm, chăm sóc và giáo dục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho "mầm xanh" tương lai của đất nước, góp phần tạo nên tương lai tươi sáng và trường tồn cho quốc gia.

SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

Tài trợ 47 tỷ đồng
trao tặng xe đạp và cặp sách cho trẻ em nghèo hiếu học trên khắp các tỉnh thành trong gần 20 năm qua







Trao tặng 8.000 cặp sách "Quà vui tới trường" cho các em học sinh nghèo hiếu học nhân dịp năm học mới

Năm học 2024-2025, cả nước ước tính có khoảng 23 triệu học sinh bước vào năm học mới. Bên cạnh niềm vui tựu trường, tại các vùng miền vẫn còn đó nhiều gia đình với khó khăn mưu sinh khiến việc chuẩn bị dụng cụ học tập cho con là một áp lực không nhỏ. Tiếp nối chuỗi hoạt động an sinh giáo dục được triển khai thường niên, Bảo Việt Nhân thọ triển khai chương trình "Ngày hội đến trường cùng Bảo Việt Nhân thọ". Bảo Việt Nhân thọ trao hơn 8.000 cặp sách "Quà vui tới trường" cho các em học sinh trước thềm năm học mới với tổng kinh phí hơn 5,4 tỷ đồng, khích lệ và động viên các em tiếp tục nỗ lực học tập, hướng đến tương lai tươi sáng.

Trao tặng 3.000 xe đạp học bổng "Quỹ xe đạp chở ước mơ" cho trẻ em nghèo hiếu học tại 63 tỉnh thành

Trong năm 2024, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục thực hiện chuỗi các sự kiện trao học bổng "Quỹ xe đạp chở ước mơ" trao tặng gần 3.000 xe đạp với tổng kinh phí hơn 10 tỷ đồng trên toàn quốc.

Gần 20 năm qua, cùng với sự đồng hành và chung tay của các quý khách hàng, các cơ quan ban ngành Trung ương và địa phương trên cả nước, Bảo Việt Nhân thọ đã dành tặng 41.000 suất học bổng xe đạp và cặp sách với tổng giá trị hơn 47 tỷ đồng tới các em học sinh khá giỏi có hoàn cảnh khó khăn trên khắp 63 tỉnh thành. Học bổng đã trở thành điểm tựa tinh thần, giúp các em An tâm trên hành trình đi tìm con chữ, mở ra cánh cửa tri thức, hướng đến tương lai tươi sáng.

Bảo Việt Nhân thọ tin rằng, mỗi tấm lòng trao đi, một ước mơ sẽ thành hiện thực. Hãy đồng hành cùng chúng tôi trên hành trình sẻ chia yêu thương tới hàng triệu em nhỏ cần được giúp đỡ, để đường tới trường thêm gần và những ước mơ được bay xa. Qua đó, cùng góp phần xây dựng một cộng đồng an bình, đất nước phồn vinh.

SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT





Tài trợ 650 triệu đồng cho Quỹ học bổng "Bảo Việt - Niềm tin thắp sáng tương lai" cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Nhằm khuyến khích tinh thần hiếu học và hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, nhân dịp khai giảng năm học 2024-2025, Tập đoàn Bảo Việt đã trao tặng 650 triệu đồng cho Quỹ học bổng "Bảo Việt - Niềm tin thắp sáng tương lai" tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Chương trình học bổng này là một trong những hoạt động an sinh giáo dục tiêu biểu của Bảo Việt, được duy trì suốt 10 năm qua với tổng số tiền tài trợ gần 10 tỷ đồng, trong đó hơn 6 tỷ đồng dành riêng cho sinh viên của trường. Năm nay, học bổng ưu tiên hỗ trợ sinh viên từ các tỉnh phía Bắc chịu ảnh hưởng nặng nề của Bão số 3 (Yagi), giúp các em vượt qua khó khăn, tiếp tục con đường học vấn. Bảo Việt cam kết đồng hành cùng thế hệ trẻ, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kinh tế, tài chính và bảo hiểm.

Trao tặng 700 suất học bổng "Thắp sáng tài năng trẻ" cho các em học sinh giỏi trên khắp các tỉnh thành

Trong năm 2024, Bảo Việt Nhân thọ đã trao tặng 700 suất học bổng "Thắp sáng tài năng trẻ" tới các em học sinh xuất sắc cấp tỉnh và quốc gia tại nhiều tỉnh thành trên cả nước. Chương trình được tổ chức trang trọng với sự đồng hành của các cơ quan ban ngành, Sở Giáo dục và Đào tạo địa phương và các trường THPT, nhằm ghi nhận và khích lệ nỗ lực học tập của thế hệ trẻ. Thông qua hoạt động ý nghĩa này, Bảo Việt Nhân thọ mong muốn lan tỏa niềm tin, tạo động lực giúp các em học sinh chinh phục tri thức và hiện thực hóa ước mơ. Đây không chỉ là món quà thiết thực về vật chất mà còn thể hiện cam kết của doanh nghiệp trong việc đầu tư cho giáo dục, phát triển nguồn nhân lực và đóng góp bền vững cho tương lai cộng đồng.

SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT



Tài trợ sửa chữa điểm trường và trao tặng 100 suất quà Chương trình "Sẻ chia tri thức, xây dựng tương lai" tới các em học sinh xã Đông Yên, Kiên Giang

Nhằm góp phần cải thiện môi trường học tập và nâng cao chất lượng giáo dục tại các địa phương còn nhiều khó khăn, Ban Chấp hành Công đoàn Chứng khoán Bảo Việt cùng tập thể cán bộ nhân viên Chi nhánh Hồ Chí Minh đã triển khai chương trình "Sẻ chia tri thức, xây dựng tương lai" mùa thứ 6 tại Trường Tiểu học Đông Yên 2 (xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang). Trong khuôn khổ chương trình, đoàn đã tài trợ 50 triệu đồng để xây dựng và cải tạo nhà vệ sinh của trường, góp phần nâng cao điều kiện sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh và sức khỏe cho học sinh. Bên cạnh đó, 100 suất quà gồm tập vở, đồ dùng học tập và sữa cũng được trao tặng, mang đến niềm vui và động lực để các em tiếp tục vững bước trên con đường học tập.





Tài trợ 350 triệu đồng triển khai hàng loạt hoạt động ý nghĩa trong Chương trình "Mang hơi ấm đến vùng cao" tại huyện Trùng Khánh, Cao Bằng

Năm 2024, chương trình thiện nguyện "Mang hơi ấm đến vùng cao" do Công ty Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) tổ chức đã đến với xã Xuân Nội, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng – vùng đất biên giới còn nhiều khó khăn. Đồng hành cùng Đồn Biên phòng Trà Lĩnh, chương trình mang đến nhiều hoạt động thiết thực nhằm cải thiện điều kiện sống, sinh kế và học tập cho người dân địa phương.

Mang hơi ấm tới vùng cao năm 2024 được triển khai với sự đồng hành của Đồn biên phòng Trà Lĩnh, Cao Bằng bao gồm các hoạt động cụ thể:

- Trao tặng sân khấu, thiết bị trường học cho Trường mầm non xã Xuân Nội.
- Tặng tặng 53 suất quà khuyến học cho các em học sinh tại Trường mầm non xã Xuân Nội.
- Xây dựng 02 nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo đặc biệt khó khăn tại xã Xuân Nội và thị trấn Trà Lĩnh.
- Trao tặng 20 cột đèn điện năng lượng mặt trời trong Chương trình "Thắp sáng vùng biên" tại xã Quang Hán.
- Hỗ trợ 3 hộ nghèo xây dựng chuồng trại tại xã Xuân Nội cải thiện điều kiện chăn nuôi và vệ sinh môi trường.
- Tài trợ xây dựng Công trình kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam cho Đồn Biên phòng Cửa khẩu Trà Lĩnh.
- Hỗ trợ 01 quân nhân có hoàn cảnh khó khăn đang công tác tại Đồn Biên phòng Cửa khẩu Trà Lĩnh.

Sau hơn một thập kỷ duy trì, hành trình "Mang hơi ấm đến vùng cao" đã để lại dấu ấn tại nhiều địa phương như Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Nghệ An, Quảng Bình..., lan tỏa tinh thần sẻ chia và trách nhiệm xã hội của BVSC đến các vùng biên giới xa xôi của Tổ quốc.

SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT



Trao tặng 400 áo ấm, ủng và quà khuyến học đến với các em học sinh vùng cao xã Xuân Lao, Điện Biên

Nhằm chia sẻ khó khăn với học sinh vùng cao trong mùa đông khắc nghiệt, Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt phối hợp với Công đoàn Bộ Tài chính tổ chức chương trình "Khăn áo ấm mùa đông" tại huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trong chương trình, gần 400 áo ấm và 380 đôi ủng đã được trao tận tay các em nhỏ, giúp các em thêm ấm áp và vững bước tới trường. Đồng thời, 10 suất học bổng cũng được trao tặng nhằm động viên tinh thần, tiếp thêm nghị lực để các em tiếp tục học tập và phấn đấu vì một tương lai tươi sáng hơn.



Trao tặng gần 350 suất quà, thiết bị học tập và hệ thống lọc nước cho các trường học tỉnh Tuyên Quang

Với tinh thần sẻ chia và trách nhiệm xã hội, các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt đã phối hợp triển khai nhiều chương trình thiện nguyện tại tỉnh Tuyên Quang trong năm 2024, mang lại những hỗ trợ thiết thực cho học sinh và cộng đồng.

Tại huyện Yên Sơn, Công ty Bảo Việt Hà Nội tổ chức chương trình "Bảo Việt Hà Nội cùng em đến trường", trao tặng 220 áo ấm, 220 cặp sách, chăn ấm và thiết bị giảng dạy, sinh hoạt như tivi, máy lọc nước, tủ lạnh, bếp ga... với tổng trị giá gần 100 triệu đồng.

Tại Trường Tiểu học Lương Thiện, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt phối hợp cùng Bảo Việt Tuyên Quang trao tặng bàn hội đồng và tivi hỗ trợ học tập, góp phần nâng cao điều kiện dạy và học.

Tại huyện Chiêm Hóa, Đoàn Thanh niên Tập đoàn và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tặng 3 máy lọc nước trị giá 15 triệu đồng, 20 suất quà khuyến học và thăm hỏi 2 gia đình học sinh bị ảnh hưởng bởi bão số 3 (Yagi).

Hoạt động thể hiện cam kết đồng hành của Bảo Việt với sự phát triển cộng đồng, lan tỏa tinh thần sẻ chia đến trẻ em vùng cao, góp phần tiếp thêm động lực cho các em vượt qua khó khăn trên hành trình chinh phục tri thức.

SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT



Tài trợ xây dựng đường dân sinh và trao tặng xe đạp, quà khuyến học tại Hậu Giang

Hưởng ứng Chiến dịch tình nguyện Hè năm 2024, Đoàn Thanh niên Tập đoàn Bảo Việt phối hợp với Khối Hoạt động Tài chính - Ngân hàng đã triển khai nhiều hoạt động ý nghĩa tại tỉnh Hậu Giang với tổng kinh phí 200 triệu đồng. Trong đó, Bảo Việt tài trợ Công trình Thanh niên "Thắp sáng đường quê" tại thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, trị giá 150 triệu đồng nhằm góp phần cải thiện hạ tầng, nâng cao chất lượng đời sống cho người dân địa phương. Cùng với đó, 20 xe đạp trị giá 30 triệu đồng đã được trao cho các em học sinh nghèo vượt khó, và 20 phần quà trị giá 20 triệu đồng gửi tới các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Chương trình thể hiện tinh thần xung kích vì cộng đồng của tuổi trẻ Bảo Việt, lan tỏa trách nhiệm xã hội và đóng góp thiết thực cho sự phát triển bền vững tại địa phương.





Trao tặng hơn 400 suất quà tri ân và khuyến học tại Bình Dương

Hưởng ứng chuỗi hoạt động kỷ niệm 60 năm thành lập Bảo Việt, tại Bình Dương, Tập đoàn Bảo Việt đã trao tặng hơn 270 suất quà, bao gồm: 60 phần quà tri ân dành cho các gia đình chính sách, 150 suất quà khuyến học nhân dịp năm học mới và 60 phần quà trung thu cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Chương trình có sự tham dự của các đại diện từ Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo, các lãnh đạo tỉnh Bình Dương cùng đại diện các đơn vị Bảo Việt tại khu vực. Các hoạt động trao tặng sẽ tiếp tục được triển khai tại Đà Nẵng và Hà Nội, thể hiện cam kết của Bảo Việt trong việc đồng hành cùng cộng đồng và lan tỏa giá trị nhân văn.



Tri ân anh hùng liệt sỹ
GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI ĐẤT NƯỚC





Thăm hỏi, tặng quà tri ân Mẹ Việt Nam anh hùng và các gia đình chính sách

Phát huy truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà tri ân Mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Chính tại Hà Nam. Đồng thời, đoàn cũng tổ chức các buổi gặp mặt và tặng quà tri ân tới 270 gia đình chính sách là thân nhân của các cán bộ Bảo Việt. Chương trình thể hiện sự quan tâm, động viên và trách nhiệm của Bảo Việt đối với những gia đình có nhiều hy sinh vì độc lập, tự do của dân tộc.

Cũng trong khuôn khổ chương trình, Công đoàn Tập đoàn phối hợp với Bảo Việt Quảng Trị và Công đoàn Bộ Tài chính đã tới thăm hỏi, tặng quà Mẹ Việt Nam Anh hùng Tạ Thị Phún tại huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị, đồng thời trao tặng quà cho 20 gia đình chính sách tại địa phương. Đoàn cũng tổ chức dâng hương tại Nghĩa trang xã Hải Phú và Di tích Chi khu Mai Lĩnh (K10) – công trình tri ân do Tập đoàn Bảo Việt tài trợ xây dựng.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công đoàn Tập đoàn cũng đã phối hợp tổ chức chương trình thăm hỏi, tặng quà hơn 60 gia đình chính sách, hoàn cảnh khó khăn, trao tặng tiền mặt và hiện vật, lan tỏa tinh thần sẻ chia trong cộng đồng.

Thăm hỏi và tặng quà tri ân các thương, bệnh binh đang điều trị tại các trung tâm y tế

Nhân dịp kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7, thể hiện sự tri ân đối với những cống hiến, hy sinh của các thương, bệnh binh, Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức các hoạt động thăm hỏi và trao tặng quà tại nhiều trung tâm y tế:

- Thăm hỏi, tặng quà cho 55 thương binh nặng tại Trung tâm Thương binh nặng Hà Nam.
- Thăm hỏi, trao tặng 70 suất quà cho các thương binh đang điều trị tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.
- Trao tặng các suất quà và hỗ trợ 10 triệu đồng tới Trung tâm Thương binh Tâm thần kinh Nghệ An.

Những phần quà tuy nhỏ nhưng chứa đựng tấm lòng tri ân sâu sắc, thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự quan tâm của Bảo Việt đối với những người đã cống hiến vì đất nước.

SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT



Thắp nến tri ân và dâng hương tưởng niệm gần 2.500 anh hùng liệt sĩ tại Điện Biên và Quảng Trị

Nhân dịp kỷ niệm 77 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/2024), Đoàn Thanh niên và Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt đã phối hợp tổ chức chuỗi hoạt động tri ân tại các địa danh lịch sử. Tại Nghĩa trang liệt sĩ Độc Lập (Điện Biên), đoàn đại biểu đã thắp hương, dâng hoa và đặt nến tri ân tại 2.432 phần mộ liệt sĩ, thể hiện lòng biết ơn sâu sắc với những người đã hy sinh vì Tổ quốc. Cùng ngày tại Quảng Trị, Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt cùng đại diện hơn 4.800 công đoàn viên tổ chức lễ dâng hương tại Nghĩa trang xã Hải Phú và Di tích Chi khu Mai Lĩnh – công trình tri ân do Bảo Việt xây dựng. Hoạt động góp phần lan tỏa tinh thần "Uống nước nhớ nguồn", khẳng định trách nhiệm thế hệ hôm nay trong việc gìn giữ, phát huy giá trị lịch sử và xây dựng đất nước phồn vinh.



Xây dựng 6 căn nhà tình nghĩa cho các gia đình chính sách tại 4 tỉnh thành trên cả nước

Trong năm 2024, Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt đã phối hợp cùng các đơn vị thành viên tại Quảng Trị, Đăk Lăk, Quảng Nam triển khai trao tặng 6 căn nhà "Mái ấm công đoàn" nhằm hỗ trợ đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn ổn định nơi ở và vững bước trong cuộc sống. Cụ thể, ngày 13/7/2024, một mái ấm trị giá 70 triệu đồng đã được trao tặng tại Vĩnh Linh, Quảng Trị. Ngày 4/4/2024, một căn nhà đã được khánh thành tại Đăk Lăk dành cho đoàn viên Đỗ Đức Thiện – công nhân Công ty TNHH Dak Man Việt Nam. Ngày 14/7/2024, thêm 2 căn nhà được bàn giao tại Quảng Nam. Trước đó, vào ngày 5/1/2024, Bảo Việt Quảng Nam cũng đã phối hợp trao 2 căn nhà trị giá 100 triệu đồng và quà Tết trị giá 30 triệu đồng cho các hội viên phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn. Những hỗ trợ thiết thực này góp phần lan tỏa tinh thần sẻ chia và trách nhiệm xã hội của Bảo Việt đối với cộng đồng.

Đầu tư cho xóa đói giảm nghèo VÀ HỖ TRỢ Y TẾ



Tài trợ 5,5 tỷ đồng xây dựng 110 căn nhà đại đoàn kết tại Bắc Kạn và Hòa Bình

Hướng tới kỷ niệm 60 năm thành lập (1965–2025), Tập đoàn Bảo Việt đã tài trợ tổng cộng 5,5 tỷ đồng đóng góp vào phong trào thi đua "Xóa nhà tạm, nhà dột nát" tại hai tỉnh Bắc Kạn và Hòa Bình. Cụ thể, Bảo Việt đã đóng góp 5 tỷ đồng để xây dựng 100 căn nhà đại đoàn kết tại tỉnh Bắc Kạn và 500 triệu đồng hỗ trợ xây dựng 10 căn nhà tại huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Đây là hoạt động trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt, thể hiện tinh thần sẻ chia và trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng nghèo còn nhiều khó khăn về nhà ở. Đồng hành cùng phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, Bảo Việt mong muốn góp phần hiện thực hóa mục tiêu quốc gia xóa bỏ hoàn toàn nhà tạm, nhà dột nát vào cuối năm 2025.



Tài trợ đêm nhạc thiện nguyện "Từ vùng cao đến trời cao" gây quỹ xây dựng 50 căn nhà đại đoàn kết tại tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang

Hưởng ứng phong trào "Xóa nhà tạm, nhà dột nát" do Chính phủ phát động, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đồng hành cùng chương trình đêm nhạc thiện nguyện "Từ vùng cao đến trời cao" diễn ra ngày 30/11/2024 tại Điện Kính Thiên, Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội). Chương trình do Skylink Group tổ chức, nhằm tôn vinh tinh thần vượt khó vươn lên của đồng bào vùng cao và kêu gọi cộng đồng chung tay hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn.

Tổng số tiền quyên góp được qua chương trình đạt trên 3 tỷ đồng, góp phần xây dựng 50 căn nhà đại đoàn kết. Cụ thể, Hội Chữ thập đỏ tỉnh Tuyên Quang tiếp nhận 15 căn, Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang 30 căn và Đồn Biên phòng Thàng Tín 05 căn Nhà nhân ái (trị giá 60 triệu đồng/căn). Đây là minh chứng sinh động cho sức mạnh cộng đồng và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững và nhân văn.

SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT



Trao tặng 500 phần quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đang điều trị tại các cơ sở y tế

Hướng tới lan tỏa tinh thần sẻ chia và trách nhiệm xã hội, Bảo Việt đã phối hợp cùng các đơn vị thành viên triển khai chuỗi chương trình an sinh cho trẻ em khó khăn tại nhiều địa phương trong năm 2024. Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt phối hợp cùng Skylink Group và Học viện hàng không Raymond đã trích từ số tiền gây quỹ thông qua đêm nhạc thiện nguyện "Từ vùng cao đến trời cao" trao tặng 200 phần quà trị giá 100 triệu đồng cho bệnh nhi tại Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương. Các phần quà gồm áo ấm, sữa và tiền mặt, góp phần tiếp thêm động lực cho các em và gia đình.

Cùng tinh thần đó, Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt cũng đã thăm hỏi, tặng 100 suất quà cho bệnh nhi tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh và 200 suất quà cho trẻ em tại điểm trường, bệnh viện Nhi đồng Cần Thơ. Đây là minh chứng cho cam kết của Bảo Việt trong việc đồng hành, nâng đỡ và lan tỏa yêu thương tới cộng đồng.

Huy động hiến 626 đơn vị máu trong Chương trình hiến máu tình nguyện "Bảo Việt - Vì những niềm tin của bạn"

"Bảo Việt – Vì những niềm tin của bạn" là chương trình hiến máu thường niên của Bảo Việt, được tổ chức từ năm 2013 với sứ mệnh lan tỏa tinh thần nhân ái và sẻ chia vì cộng đồng. Trong suốt một thập kỷ qua, chương trình đã trở thành hoạt động ý nghĩa, thu hút sự tham gia tích cực của cán bộ, nhân viên và tư vấn viên Bảo Việt.



Trong năm 2024, tại Hà Nội và Hồ Chí Minh, Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt phối hợp cùng Đoàn thanh niên Tập đoàn Bảo Việt và Công đoàn đơn vị thành viên đã tổ chức hiến máu và tiếp nhận tổng cộng 626 đơn vị máu, góp phần bổ sung nguồn máu dự trữ cho ngành y tế. Tính đến nay, chương trình đã huy động được 3.400 đơn vị máu, trở thành một trong những hoạt động thiện nguyện có sức lan tỏa mạnh mẽ của Bảo Việt, tiếp thêm niềm tin và cơ hội sống cho hàng nghìn bệnh nhân trên cả nước.

Tài trợ chuyến xe đưa 2.000 học sinh, sinh viên và người lao động khó khăn về quê đón Tết trong chương trình "Chuyến xe mùa xuân 2025"



Nhằm lan tỏa yêu thương và tinh thần tương thân tương ái dịp Tết đến Xuân về, Công ty Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đã đồng hành cùng chương trình "Chuyến xe mùa xuân 2025" – hoạt động thường niên do Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Hỗ trợ Học sinh, Sinh viên TP. Hồ Chí Minh tổ chức. Chương trình đã hỗ trợ hơn 2.000 học sinh, sinh viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn được trở về sum họp cùng gia đình nhân dịp Tết Nguyên đán.

Tham gia chương trình với vai trò là đơn vị tài trợ, BVSC thể hiện cam kết lâu dài trong chiến lược phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng nhân ái. "Chuyến xe mùa xuân" không chỉ là hành trình về nhà, mà còn mang theo những thông điệp ấm áp về sự sẻ chia và hy vọng cho một năm mới trọn vẹn hơn.

SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT



Tài trợ kinh phí phát thuốc Chương trình "Tết đồng bào 2024" tại Hòa Bình và Sơn La

Năm 2024, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục chuyến hành trình kết nối trái tim, mang yêu thương đến bản làng vùng cao khi tham gia đồng hành cùng chương trình "Tết đồng bào 2024" tại bản Puôi, xã Huy Tân, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Chương trình được Bảo hiểm Bảo Việt tài trợ toàn bộ kinh phí phát thuốc cũng như trực tiếp hỗ trợ các Cán bộ Y tế Bệnh viện Hữu nghị Việt Xô khám, phát thuốc đồng bào để có thể phần nào mang chia sẻ những khó khăn trong việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân nơi đây. Trong khuôn khổ chương trình, 500 phần quà Tết cùng 1.000 phần quà hội chợ 0 đồng đã được trao tặng đồng bào, hỗ trợ 05 gia đình chính sách cùng nhiều hoạt động thiện nguyện khác được tổ chức. Đây là năm thứ tư liên tiếp Bảo hiểm Bảo Việt đồng hành cùng các chương trình khám chữa bệnh miễn phí và trao quà Tết cho đồng bào vùng sâu, vùng xa, thể hiện cam kết gắn kết cộng đồng và lan tỏa tinh thần nhân ái.

Khám sức khỏe miễn phí cho hơn 4.000 khách hàng và người thân trong Chương trình "Cảm ơn Niềm tin Việt"

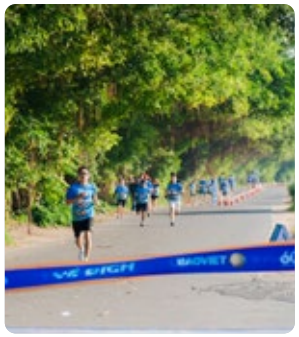
Trong năm 2024, Bảo Việt Nhân thọ đã tổ chức hoạt động khám sức khoẻ miễn phí tri ân các khách hàng trên khắp các tỉnh thành cùng với chuỗi chương trình Hội nghị sức khỏe: "Cảm ơn Niềm tin Việt" trên khắp các tỉnh thành. Chương trình nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình và phản hồi tích cực đến từ khách hàng tại các địa phương tham dự. Các hạng mục khám tại chương trình bao gồm: Chụp X Quang, Nội soi tai mũi họng, Siêu âm tổng thể, tầm soát chỉ số đường máu, huyết áp và các hạng mục khám cơ bản khác được các khách hàng tham gia và đánh giá cao.



SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT









Đóng góp gần 1,2 tỷ đồng vào Quỹ An sinh Xã hội thông qua Giải chạy trực tuyến "Baoviet Run - Hành Trình Xanh 2024"

Nằm trong khuôn khổ chuỗi hoạt động chào mừng 60 năm thành lập Bảo Việt, giải chạy trực tuyến kéo dài 60 ngày đã được tổ chức với slogan "Tự hào truyền thống - Vững bước thành công". Không chỉ là một sân chơi thể thao ý nghĩa dành cho cán bộ, tư vấn viên và người thân, chương trình còn hướng đến mục tiêu gây quỹ cho các hoạt động An sinh Xã hội. Với mỗi 1 km chạy/đi bộ, người tham gia đã đóng góp 1.000 đồng vào Quỹ An sinh Xã hội của Tập đoàn Bảo Việt. Số tiền này sẽ được sử dụng để triển khai các hoạt động như: xoá đói giảm nghèo, xây dựng trường học, trạm y tế, nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, cũng như tri ân các anh hùng liệt sĩ và hỗ trợ các gia đình chính sách trong năm 2024. Kết thúc giải, tổng số tiền đóng góp vào Quỹ lên đến 1,166 tỷ đồng.

Giải chạy đã thu hút 6.027 vận động viên tham gia trên khắp cả nước, trong đó 3.042 người đã xuất sắc hoàn thành thử thách tối thiểu 60 km. Tổng quãng đường ghi nhận qua hệ thống lên đến 645.665,4 km, tương đương 16,11 vòng quanh Trái Đất. Các vận động viên không chỉ rèn luyện sức khỏe mà còn góp phần lan tỏa tinh thần thể thao, kết nối cộng đồng và quảng bá hình ảnh đẹp của quê hương khi lựa chọn cung đường chạy qua các di tích, danh thắng tại 63 tỉnh, thành phố.

Giải chạy Baoviet Run - Hành trình Xanh 2024 đã khẳng định tinh thần đoàn kết, trách nhiệm xã hội của cán bộ, tư vấn viên Bảo Việt, tiếp tục lan tỏa những giá trị bền vững trên hành trình phát triển của Tập đoàn.

Khắc phục hậu quả thiên tai VÀ MÔI TRƯỜNG







Ủng hộ gần 10 tỷ đồng hỗ trợ đồng bào bị ảnh hưởng bởi Bão số 3 (Yagi)

Trích 5 tỷ đồng từ Quỹ an sinh xã hội Bảo Việt ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do Bão số 3 (Yagi)

Nhằm kịp thời chung tay cùng đồng bào các tỉnh miền Bắc bị thiệt hại do bão số 3 (Yagi) gây ra, Bảo Việt đã trích quỹ an sinh xã hội của Tập đoàn và các đơn vị thành viên để ủng hộ 5 tỷ đồng cho các tỉnh bị ảnh hưởng cơn bão số 3 thông qua Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Trong hai ngày 6 và 7/9/2024, cơn bão số 3 đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng với sức gió giật mạnh và thời gian lưu bão kéo dài gây hư hại lớn về tài sản và cơ sở hạ tầng, làm nhiều cây xanh bật gốc, cột điện và biển quảng cáo đổ sập. Các tỉnh/thành phố Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Nguyên... là những khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề dẫn tới hoạt động kinh doanh bị gián đoạn, gây thiệt hại nghiêm trọng cho người dân và doanh nghiệp về tài sản, phương tiện, cơ sở sản xuất kinh doanh cũng như nhà cửa.

Tập đoàn Bảo Việt vận động các đơn vị có sự hỗ trợ thiết thực cho đồng bào bị thiệt hại, đồng thời tổ chức đoàn công tác tới các địa phương bị thiệt hại để góp phần giúp đồng bào các địa phương nhanh chóng khắc phục hậu quả thiên tai, sớm ổn định sản xuất và đời sống.



Quyên góp 3,6 tỷ đồng hỗ trợ đồng bào 4 tỉnh miền núi phía Bắc bị ảnh hưởng bởi Bão số 3 (Yagi)

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tập đoàn Bảo Việt đã phát động chương trình quyên góp nội bộ nhằm hỗ trợ đồng bào các tỉnh miền núi phía Bắc khắc phục hậu quả do bão số 3 (Yagi). Chương trình được triển khai đồng loạt từ trung ương đến địa phương, thu hút sự tham gia của toàn thể cán bộ, công đoàn viên trong hệ thống, với tổng số tiền quyên góp được là 3 tỷ 654 triệu đồng.

Toàn bộ số tiền và nhu yếu phẩm đã được Bảo Việt chuyển trực tiếp tới người dân tại bốn tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên và Tuyên Quang thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các tỉnh và các đoàn công tác tại địa phương. Đây là hành động thiết thực thể hiện tinh thần tương thân tương ái và cam kết đồng hành vì cộng đồng mà Bảo Việt kiên định thực hiện trong hành trình phát triển bền vững.

SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT



Tài trợ 200 triệu đồng xây cầu dân sinh hỗ trợ người dân vùng lũ tại Điện Biên

Nhằm hỗ trợ nhân dân xã Mường Pồn, huyện Điện Biên khắc phục hậu quả lũ quét, sạt lở đất, Đoàn Thanh niên Tập đoàn Bảo Việt phối hợp cùng Đoàn Thanh niên Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đã chung tay tài trợ xây dựng một cây cầu dân sinh trị giá 200 triệu đồng. Công trình không chỉ giúp người dân đi lại an toàn hơn mà còn góp phần ổn định cuộc sống sau thiên tai. Dưới sự chỉ đạo và tạo điều kiện của Đảng ủy, Lãnh đạo Tập đoàn, tuổi trẻ Bảo Việt tiếp tục phát huy vai trò tiên phong trong các hoạt động an sinh xã hội, lan tỏa giá trị nhân văn đến những vùng khó khăn.









Trồng 310 cây xanh trong Chương trình "Bảo Việt – Vì một Việt Nam xanh" tại Hải Phòng và Thành phố Thủ Đức

Với phương châm hướng tới một môi trường Xanh - Sạch - Đẹp và xã hội phát triển bền vững và hưởng ứng Tết trồng cây và mục tiêu trồng 1 tỷ cây xanh do Thủ tướng Chính phủ phát động, Công đoàn Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức chuỗi hoạt động trồng cây "Bảo Việt - Vì một Việt Nam xanh" với sự tham gia của các lãnh đạo, cán bộ nhân viên và tư vấn viên Bảo Việt. Chương trình được tổ chức tại Khu di tích Vương Triều Nhà Mạc, Hải Phòng và tại Trường THCS Long Bình, TP Thủ Đức đã phủ xanh khuôn viên với hơn 3.300 cây (Bưởi, Vàng Anh, Long Não) bởi bàn tay và long nhiệt thành của các cán bộ tư vấn viên Bảo Việt. Bảo Việt hi vọng rằng những hành động nhỏ như trên có thể lan tỏa trong cộng đồng nâng cao ý thức của mọi người về việc giữ gìn và cùng chung sức bảo vệ môi trường.

SỰ KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG THUỘC TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

"Sứ mệnh của Bảo Việt là bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng".

Do đó, song song với nhiệm vụ phát triển kinh doanh, Bảo Việt còn chú trọng đến những lợi ích lâu dài của cộng đồng thông qua các hoạt động trách nhiệm xã hội nhằm hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt.



Sản phẩm
Vì cộng đồng



Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính nên vấn đề an toàn và sức khỏe của cộng đồng cũng như khách hàng được Bảo Việt quan tâm hàng đầu và lồng ghép ngay từ khâu nghiên cứu, thiết kế sản phẩm nhằm mang đến cho cộng đồng những giải pháp bảo vệ toàn diện nhất.

Sự ra đời liên tục của các sản phẩm bảo hiểm với mức phí đóng thấp đáp ứng nhu cầu của nhóm đối tượng phổ thông và được ưu tiên trong xã hội như học sinh, sinh viên, người già, người tàn tật, kém may mắn, người nông dân có năng lực tài chính thấp, v.v... là cách để Bảo Việt hỗ trợ cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương, đồng thời đây cũng là cách Bảo Việt chia sẻ sức ép về ngân sách với quỹ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế của Nhà nước.



Các sản phẩm, dịch vụ của Bảo Việt và các công ty con của Bảo Việt được thiết kế nhằm đem lại một lợi ích xã hội cụ thể, đáp ứng nhu cầu của nhóm đối tượng được ưu tiên trong xã hội như học sinh, sinh viên, người già, người tàn tật, kém may mắn, người nông dân có năng lực tài chính thấp...

Một số loại sản phẩm và dịch vụ đem lại lợi ích cho xã hội và các đối tượng ưu tiên trong xã hội của Bảo Việt gồm:

- **Sản phẩm, dịch vụ dành cho học sinh, sinh viên;**
- **Sản phẩm, dịch vụ dành cho đối tượng được ưu tiên trong xã hội** (nông dân, nông dân có nguồn tài chính thấp, người lao động có thu nhập thấp, trẻ em, người già, v.v...).

Duy trì sản phẩm bảo hiểm vi mô cho người lao động phổ thông

Bảo hiểm vi mô là các chương trình bảo hiểm được thiết kế và triển khai cho đối tượng người nghèo, người có thu nhập thấp với các đặc điểm như: phí bảo hiểm thấp, số tiền bảo hiểm nhỏ, sản phẩm đơn giản dễ hiểu. Kênh phân phối phổ biến của Bảo hiểm vi mô gồm: các đại lý mạng viễn thông, các điểm bán hàng tạp hóa nhỏ, hệ thống các tổ chức Tài chính vi mô, ngân hàng...

Bảo hiểm vi mô mới manh nha phát triển ở Việt Nam, tỷ lệ nhận thức về tầm quan trọng của bảo hiểm cũng như tỷ lệ người dân Việt Nam có bảo hiểm vẫn còn rất thấp. Đối thị trường nói chung, việc phân phối bảo hiểm vi mô yêu cầu đơn vị bảo hiểm phải đầu tư mạng lưới phân phối quy mô lớn để có thể tiếp cận được nhiều nhất các đối tượng bảo hiểm được ưu tiên, bên cạnh đó, với giá trị kinh tế đem lại cho các nhà bảo hiểm không lớn nên hiện tại kênh bảo hiểm vi mô chưa có sản phẩm thiết kế đặc thù tại thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Một số sản phẩm Bảo hiểm vi mô mà Bảo Việt đang nghiên cứu và thí điểm triển khai bao gồm:

BẢO HIỂM VI MÔ

- Bảo hiểm tai nạn, kết hợp con người
- Bảo hiểm An tâm viện phí
- Bảo hiểm tích hợp khoản vay
- Bảo hiểm An Bình Yên Vui
- Bảo hiểm An Sinh Hạnh Phúc
- Bảo hiểm nông nghiệp
- Bảo hiểm xe cơ giới

SẢN PHẨM VÌ CỘNG ĐỒNG



Bảo hiểm học sinh

Hỗ trợ công tác khuyến học vì tương lai đất nước

Có thể thấy rằng, khi triển khai thực hiện các sản phẩm bảo hiểm cho trẻ nhỏ và trẻ vị thành niên, các doanh nghiệp bảo hiểm có xu hướng chịu tỷ lệ bồi thường cao hơn so với tổng thu phí bảo hiểm do các em học sinh đang ở độ tuổi khá hiếu động và thích khám phá; từ đó gia tăng những rủi ro liên quan đến tai nạn học đường của các em học sinh. Tuy nhiên Bảo Việt vẫn tích cực đẩy mạnh sản phẩm bảo hiểm học sinh tại các trường học trên cả nước với mục đích nhân văn và hỗ trợ cho công tác khuyến học, khuyến tài tại địa phương.

Trong năm học vừa qua, Bảo Việt đã giải quyết, chi trả bồi thường cho 176.784 vụ tai nạn của học sinh, giáo viên với số tiền bồi thường gần 170 tỷ đồng. Ngoài ra, Bảo Việt còn thực hiện bảo hiểm miễn phí cho toàn bộ học sinh, sinh viên là con em đối tượng chính sách, thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ; giảm 50% phí bảo hiểm cho học sinh tàn tật, mồ côi, không nơi nương tựa và học sinh nghèo. Bảo Việt coi việc áp dụng miễn, giảm phí như một chính sách xã hội mà doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển sự nghiệp giáo dục, khuyến khích phát huy tiềm năng đến từ các mầm non tương lai của đất nước.



Bảo hiểm xe cơ giới

Giảm thiểu rủi ro, giúp người tham gia giao thông "an tâm trên mọi nẻo đường"

Thực tế cho thấy, số vụ tai nạn giao thông tại Việt Nam đang ngày một gia tăng với mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn. Bình quân, tai nạn giao thông cướp đi sinh mạng 14 người/ngày và 17 người bị thương. Hệ quả của các vụ tai nạn giao thông đã khiến cho GDP toàn quốc năm giảm 2,9% (tương đương 400 tỷ đồng mỗi ngày) cùng với thiệt hại về tài chính và giảm thiểu chất lượng cuộc sống của rất nhiều gia đình khi có người thân gặp tai nạn giao thông.

Chính vì những điều đó, việc nâng cao ý thức của người tham gia giao thông và giảm thiểu những thiệt hại vật chất khi tai nạn xảy ra là vấn đề được Bảo Việt quan tâm và gửi gắm khi cung cấp sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới. Chỉ trong năm 2024, Bảo Việt đã thực hiện bảo hiểm cho 480 nghìn xe ôtô và 1,9 triệu xe máy trên toàn quốc với phạm vi bảo hiểm liên quan tới cháy nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe và bảo hiểm tai nạn người ngồi trên xe với tổng chi phí bồi thường là 1.138 tỷ đồng. Ngoài ra, Bảo Việt cũng tích cực truyền thông nâng cao ý thức của người tham gia giao thông dưới nhiều hình thức khác nhau như: Truyền thông trên bảng biển ngoài trời, trên các trục đường chính, các tuyến đường trọng yếu; Lắp đặt các gương phản chiếu trên đoạn đường cua nguy hiểm, đặc biệt là tại các địa hình đồi núi hiểm trở...



Bảo hiểm nông nghiệp

Giải pháp bảo vệ ngành nông nghiệp nước nhà

Là một nước nông nghiệp, nhưng hằng năm thiên tai, dịch bệnh đã cướp đi của nông dân Việt Nam khối tài sản ước tính 1,5% GDP (giá trị tương đương khoảng 10 tỉ đô la), do đó người dân cần một sự bảo đảm cho thành quả và công sức lao động của họ. Bảo hiểm nông nghiệp chính là tia hy vọng và là nguồn hỗ trợ tốt nhất cho người nông dân thông qua thực hiện bồi thường kịp thời khi xảy ra tổn thất do rủi ro thiên tai, dịch bệnh, góp phần giúp hộ dân ổn định đời sống và có điều kiện tiếp tục sản xuất kinh doanh.

Trước bối cảnh đó, Bảo hiểm Bảo Việt đã tiên phong dẫn dắt thị trường, đưa ra sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp với các sản phẩm đặc trưng: bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng, bảo hiểm nông nghiệp công nghệ cao, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ nuôi chó...Các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp của Bảo Việt vừa có ý nghĩa bảo vệ tài chính vừa có ý nghĩa an sinh xã hội, giúp người nông dân yên tâm sản xuất, gia tăng năng suất lao động. Ngoài ra, đón bắt xu thế phát triển công nghệ, Bảo hiểm Bảo Việt cũng bước đầu triển khai bảo hiểm nông nghiệp công nghệ cao, đưa ra sự bảo vệ toàn diện cho các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0 trong lĩnh vực nông nghiệp.

SẢN PHẨM VÌ CỘNG ĐỒNG

Phát triển sản phẩm tích hợp và chuyên biệt, mang đến giải pháp tài chính toàn diện cho cộng đồng



Bảo hiểm vi mô đầu tiên tại Việt Nam "An Bình Yên Vui" và "An Sinh Hạnh Phúc"

Là doanh nghiệp bảo hiểm trong nước đầu tiên triển khai loại hình bảo hiểm này, Bảo hiểm Bảo Việt kỳ vọng sẽ mang lại sự bảo vệ chắc chắn cả về tài chính lẫn sức khỏe tới phân khúc khách hàng có thu nhập thấp – những người hứng chịu tác động mạnh mẽ trước những rủi ro do không thể tiếp cận với các sản phẩm bảo hiểm phù hợp với khả năng tài chính của mình.

Bảo hiểm "An Bình Yên Vui" và "An Sinh Hạnh Phúc" - hai sản phẩm bảo hiểm vi mô mới ra mắt của Bảo hiểm Bảo Việt được thiết kế đơn giản, dễ tiếp cận với phạm vi bảo hiểm mở rộng bao gồm bảo hiểm cho các rủi ro ốm bệnh, ung thư, tai nạn, hỗ trợ giáo dục và tài chính chỉ với từ 44.000 đồng phí/năm áp dụng cho khách hàng từ 15 ngày tuổi đến 70 tuổi (An bình yên vui) hoặc đến 60 tuổi, tái tục đến 65 tuổi (An sinh hạnh phúc).

Trước những trở ngại về sức khỏe, bảo hiểm vi mô "An bình yên vui" và "An sinh hạnh phúc" thực sự là nguồn hỗ trợ kịp thời để người dân an tâm chữa bệnh, giảm nhẹ gánh nặng tài chính cho gia đình.

Phát triển bảo hiểm vi mô, hướng đến các chủ thể trong xã hội, chú trọng đến người nghèo, người có thu nhập thấp và những người yếu thế trong xã hội được xem là một trong những mục tiêu phát triển bền vững của Bảo Việt khi triển khai hai sản phẩm bảo hiểm vi mô An bình yên vui và An sinh hạnh phúc.

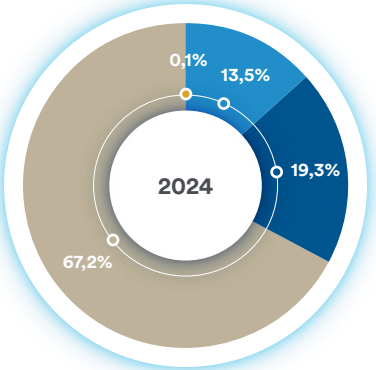
1. Phí cố định, không phân biệt giới tính, độ tuổi
2. Quyền lợi bảo hiểm tối đa lên đến 78 triệu đồng
3. Phạm vi bảo hiểm rộng gồm ốm bệnh, ung thư, tai nạn, hỗ trợ giáo dục và thu nhập
4. Trẻ em được tham gia độc lập
5. Miễn thời gian chờ với rủi ro tai nạn
6. Bồi thường khoán, chi trả độc lập
7. Thủ tục đơn giản, không yêu cầu kiểm tra sức khỏe
8. Phương thức thanh toán linh hoạt
9. Cấp đơn dễ dàng trong vòng 5 phút qua Zalo mini app
10. Ưu đãi giảm phí 10% khi tham gia cả 2 chương trình

SẢN PHẨM VÌ CỘNG ĐỒNG

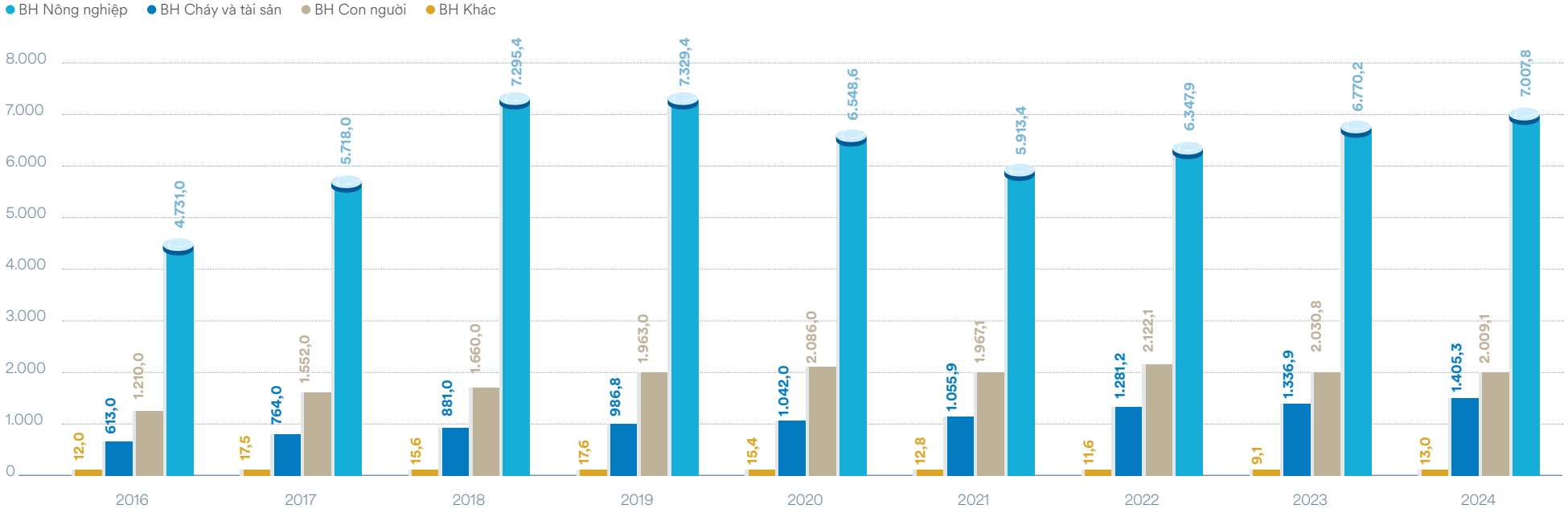
Các sản phẩm, dịch vụ đem lại lợi ích xã hội thuộc lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) là công ty con 100% vốn góp của Tập đoàn Bảo Việt trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ. BHBV là đơn vị dẫn đầu trên thị trường Việt Nam trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ với nhiều sản phẩm đa dạng và vượt trội cho nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội, đem lại lợi ích thiết thực dài hạn, nâng cao đời sống xã hội như sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm con người, bảo hiểm bảo vệ tài sản. Giá trị và tỷ trọng của các sản phẩm đó trong doanh thu lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ cụ thể như sau:

Cơ cấu sản phẩm phi nhân thọ



Doanh thu bảo hiểm gốc lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ theo sản phẩm (tỷ đồng)



SẢN PHẨM VÌ CỘNG ĐỒNG

Một số sản phẩm đặc trưng mang lại giá trị cho lợi ích cộng đồng, cho những đối tượng trên bình diện rộng của xã hội và có thu nhập hạn chế, cụ thể như sau:

Bảo hiểm Nông nghiệp



Là một nước nông nghiệp, nhưng hàng năm thiên tai, dịch bệnh đã cướp trắng của nông dân Việt Nam khối tài sản ước tính 1,5% GDP (giá trị tương đương khoảng 10 tỉ đô la Mỹ). Người dân cần một sự bảo đảm cho thành quả và công sức lao động của họ, bảo hiểm nông nghiệp chính là tia hi vọng và là nguồn hỗ trợ tốt nhất cho người nông dân trong trường hợp có rủi ro xảy ra.

Được thiết kế để bảo hiểm cho quá trình sản xuất nông nghiệp tránh khỏi các rủi ro thiên tai và dịch bệnh, đảm bảo cho người nông dân và doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp có nguồn vốn để tái sản xuất khi chẳng may gặp phải những rủi ro không ngờ tới. Bảo hiểm Bảo Việt chính là doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực này.

Giá trị bằng tiền của nhóm sản phẩm

13 TỶ ĐỒNG

Năm 2024, doanh thu từ sản phẩm nông nghiệp chiếm 0,1% cơ cấu tổng doanh thu

Sản phẩm tiêu biểu

- Bảo hiểm cây lúa: Người được bảo hiểm sẽ được bồi thường khi sụt giảm năng suất lúa gây ra bởi các rủi ro thiên tai và/hoặc sâu bệnh, bệnh/dịch bệnh trong thời hạn bảo hiểm. Sản phẩm áp dụng tại: Bình Thuận, Đồng Tháp, Nghệ An, Thái Bình.
- Bảo hiểm vật nuôi: Người được bảo hiểm sẽ được bồi thường khi vật nuôi bị chết do các nguyên nhân trực tiếp gây ra bởi thiên tai, dịch bệnh, tiêu hủy dịch bệnh theo quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sản phẩm áp dụng tại các tỉnh/thành phố: Bắc Ninh, Đồng Nai, Hà Nội, Nghệ An, Vĩnh Phúc.
- Bảo hiểm cây công nghiệp: Người được bảo hiểm sẽ được bồi thường khi cây công nghiệp thiệt hại do thiên tai, cháy, sét đánh, v.v... Sản phẩm đã áp dụng với một số khu vực sản xuất lớn ở Bình Phước, Tây Nguyên
- Bảo hiểm nông nghiệp (theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước): Bảo hiểm triển khai theo Nghị định số 58/2018 NĐ-CP ngày 18.4.2018 của Chính phủ, trong đó người được bảo hiểm sẽ được bồi thường khi sảy ra các rủi ro phát sinh trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn, bao gồm những rủi ro gắn liền với: cây trồng, vật nuôi, vật tư, hàng hóa, nguyên liệu nhà xưởng. Tuy rằng chương trình này đang trong quá trình thí điểm, Bảo Việt vẫn tiếp tục duy trì nhằm tạo điểm tựa vững chắc cho sự phát triển chung của nền nông nghiệp Việt Nam trong thời kỳ mới.

SẢN PHẨM VÌ CỘNG ĐỒNG

Bảo hiểm Con người



Bảo hiểm con người phi nhân thọ là chương trình bảo hiểm được thiết kế nhằm bảo hiểm cho sức khỏe, tính mạng cũng như khả năng lao động của con người. Khi mua loại hình bảo hiểm này, người được bảo hiểm được hưởng rất nhiều quyền lợi bảo hiểm và trợ cấp khoản tiền tương ứng với giá trị bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Những trường hợp được bảo hiểm là những trường hợp ốm đau, bệnh tật, tai nạn ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe của người được bảo hiểm. Các sản phẩm bảo hiểm con người phi nhân thọ thường có tỷ lệ phí thấp, thời hạn bảo hiểm ngắn và thường trong thời gian 1 năm và hết 1 năm thì khách hàng có thể tái tục hợp đồng bảo hiểm nếu có nhu cầu.

Giá trị bằng tiền của nhóm sản phẩm

Doanh thu từ sản phẩm con người chiếm **19,3%** **cơ cấu tổng doanh thu, đạt** **2.009** TỶ ĐỒNG **năm 2024**

Sản phẩm tiêu biểu

- Bảo hiểm Kết hợp con người: được sử dụng để bảo hiểm cho các cá nhân hoặc tập thể có nhu cầu bảo vệ các rủi ro xảy ra cho bản thân như tai nạn, ốm đau, bệnh tật, thai sản. Ưu điểm là giá rẻ, phục vụ cho nhiều đối tượng, đặc biệt những người có mức tài chính thấp. Đối tượng bảo hiểm là mọi công dân Việt Nam, người nước ngoài đang công tác học tập tại Việt nam từ 16 đến 65 tuổi, tối đa đến 70 tuổi nếu tham gia liên tục từ năm 65 tuổi.
- Bảo hiểm Tai nạn: Cuộc sống luôn có những điều bất trắc, những tai nạn không lường trước được. Sản phẩm Bảo hiểm tai nạn con người nhằm mục đích bảo vệ khách hàng trước những tai nạn rủi ro không may xảy ra trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Đối tượng áp dụng từ trẻ em 15 ngày tuổi đến người lớn 70 tuổi. Phạm vi bảo hiểm cho mọi rủi ro từ tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tai nạn sinh hoạt. Một sản phẩm có mức bao phủ diện rộng cho nhiều độ tuổi và phù hợp với rất nhiều đối tượng khách hàng, từ khách hàng cá nhân đến khách hàng tổ chức.
- Bảo hiểm Toàn diện học sinh, sinh viên: Chi trả trong trường hợp người được bảo hiểm bị ốm đau, bệnh tật, tai nạn dẫn tới thương tật, phải nằm viện, phẫu thuật hoặc tử vong. Đối tượng bảo hiểm là học sinh – sinh viên đang theo học các trường: nhà trẻ, mẫu giáo, tiểu học, phổ thông cơ sở, phổ thông trung học, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, học sinh học nghề. Mức độ bao phủ diện rộng, có nhiều lợi ích cho xã hội khi đối tượng là trẻ em và người còn phụ thuộc, là các đối tượng thuộc diện ưu tiên trong cộng đồng.

SẢN PHẨM VÌ CỘNG ĐỒNG

Bảo hiểm Tài sản







Bảo hiểm Tài sản giúp doanh nghiệp có thể yên tâm thực hiện các chiến lược phát triển kinh doanh bởi những tài sản của mình. Đặc biệt trong thời gian qua, các rủi ro liên quan đến cháy nổ xảy ra với mức độ khốc liệt. Xu hướng thị trường bất động sản tăng mạnh bằng các tòa nhà chung cư cao tầng, khu nhà thu nhập thấp mật độ cao, nên rủi ro cháy nổ tiềm ẩn nhiều rủi ro. Các sản phẩm bảo vệ cháy nổ sẽ đặc biệt có lợi ích đối với những khu dân cư thu nhập thấp, xác suất xảy ra rủi ro cao.

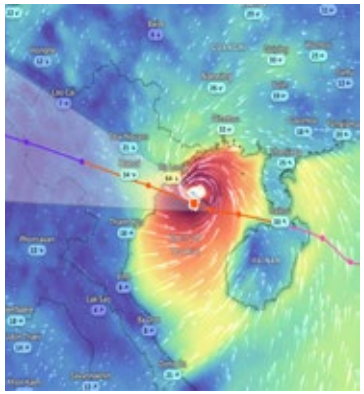
Giá trị bằng tiền của nhóm sản phẩm

Năm 2024, Bảo hiểm Tài sản chiếm **13,5%** tỷ trọng doanh thu, đạt **1.405** TỶ ĐỒNG doanh thu

Sản phẩm tiêu biểu

- Các sản phẩm tiêu biểu như: bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (theo Nghị định 67/2023/NĐ-CP), bảo hiểm mọi rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt, bảo hiểm Nhà tư nhân..., Nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị, vật tư hàng hóa, nguyên vật liệu, kho hàng, trụ sở, văn phòng làm việc đã được bảo vệ toàn diện và tối ưu trước những rủi ro cháy, nổ, rủi ro thiên tai và các rủi ro được bảo hiểm khác.

Bảo hiểm Bảo Việt chi trả gần 300 tỷ đồng hỗ trợ khách hàng sau Bão số 3 (Yagi)



Bão số 3 (Yagi) hình thành trên Tây Thái Bình Dương và đổ bộ vào miền Bắc Việt Nam trong tháng 8/2024, gây mưa lớn, lũ quét và sạt lở nghiêm trọng. Nhiều địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt là các tỉnh ven biển và khu vực trung du, khiến hàng nghìn ngôi nhà, công trình bị hư hại, giao thông gián đoạn, ảnh hưởng lớn đến đời sống và hoạt động kinh doanh. Thiệt hại kinh tế do bão Yagi được coi là lớn nhất từ trước đến nay, gấp 4 lần trung bình thiệt hại do thiên tai trong 10 năm gần đây.

Trước tình hình này, Bảo hiểm Bảo Việt đã nhanh chóng triển khai giám định, chi trả gần 300 tỷ đồng bảo hiểm, hỗ trợ khách hàng khắc phục thiệt hại, khôi phục sản xuất kinh doanh. Trong đó, Dự án kho khí hóa lỏng lớn nhất miền Bắc là một trong những đơn vị chịu thiệt hại nặng nề nhất. Bảo hiểm Bảo Việt đã tạm ứng 30 tỷ đồng để giúp chủ đầu tư và nhà thầu khắc phục hậu quả. Đồng thời, Công ty cổ phần Cảng Mipec cũng được chi trả 58 tỷ đồng để sửa chữa và phục hồi hoạt động.

Theo Cục Quản lý và Giám sát bảo hiểm, trong năm 2024, các doanh nghiệp bảo hiểm đã tạm ứng gần 598 tỷ đồng cho khách hàng, trong đó Bảo hiểm Bảo Việt chiếm tỷ trọng lớn nhất. Khoản bồi thường này bao gồm bảo hiểm công trình, nhà xưởng, máy móc thiết bị, xe cơ giới, nhà tư nhân, bảo hiểm sức khỏe, thân tàu, hàng hóa và nông nghiệp.

Truy cập
baovietonline.com.vn
đăng ký bảo hiểm
ngay hôm nay!

1800 1188
024.35730505

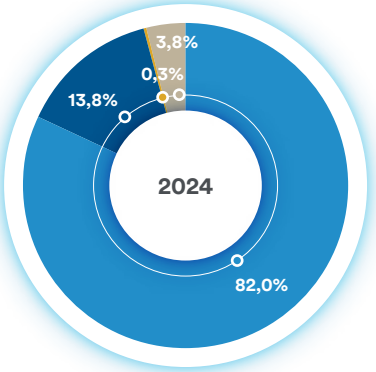


SẢN PHẨM VÌ CỘNG ĐỒNG

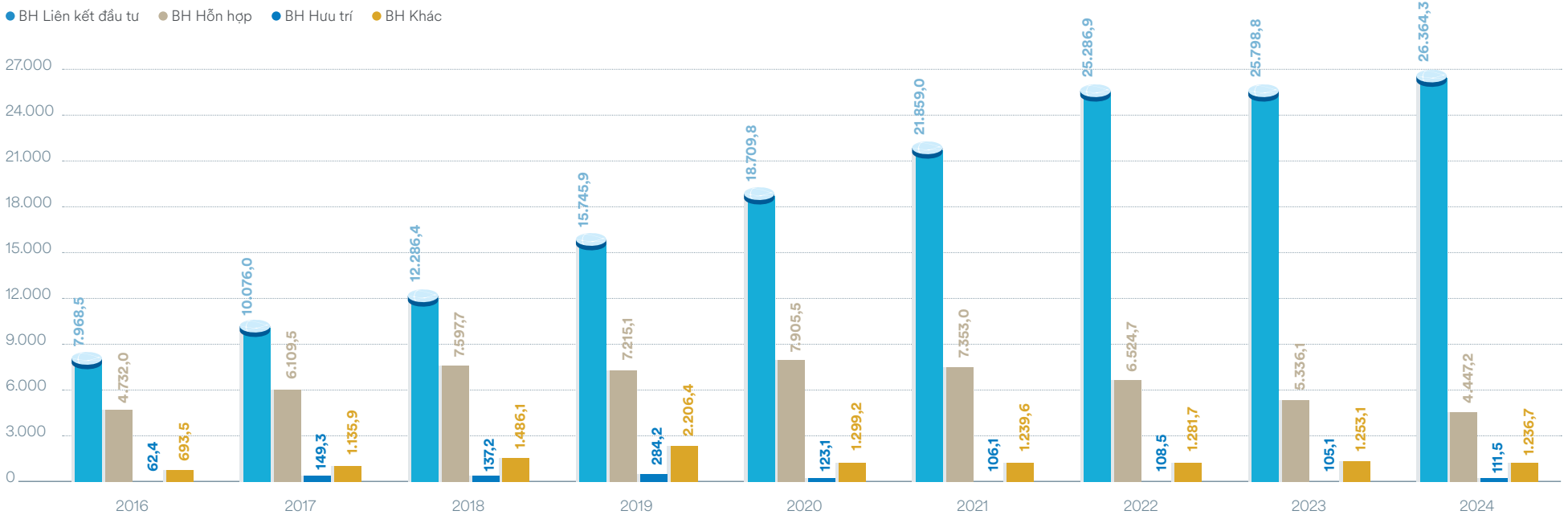
Các sản phẩm, dịch vụ đem lại lợi ích xã hội thuộc lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) là công ty con 100% vốn góp của Tập đoàn Bảo Việt trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ. Là doanh nghiệp đứng đầu trong ngành bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, BVNT thực hiện sứ mệnh Bảo vệ Gia đình Việt - Bảo vệ giá trị Việt, mang đến những giải pháp tài chính đảm bảo, sự bảo vệ chắc chắn và cuộc sống khỏe mạnh, an bình thịnh vượng đến các gia đình Việt Nam. BVNT không ngừng phát triển những sản phẩm ưu việt, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ cuộc sống đa dạng của mọi phân khúc khách hàng. Giá trị và tỷ trọng của các sản phẩm đó trong doanh thu lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ cụ thể như sau:

Cơ cấu sản phẩm nhân thọ



Doanh thu bảo hiểm gốc lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ theo sản phẩm (tỷ đồng)



SẢN PHẨM VÌ CỘNG ĐỒNG

Một số nhóm sản phẩm và sản phẩm đem lại lợi ích cụ thể cho xã hội (chủ yếu đối tượng là trẻ em và người già) gồm: bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm hưu trí với giá trị và tỷ trọng trong doanh thu lĩnh vực BHNT cụ thể như sau:

Bảo hiểm Hỗn hợp

Được thiết kế với các quyền lợi đặc trưng kết hợp giữa yếu tố "bảo hiểm" và yếu tố "tiết kiệm tích lũy tài chính", các sản phẩm hỗn hợp của Bảo Việt Nhân Thọ đem đến cho các gia đình và trẻ em sự bảo vệ toàn diện trước các rủi ro, giúp các gia đình ổn định cuộc sống và hoạch định kế hoạch tài chính hiệu quả cho tương lai.

Sản phẩm tiêu biểu





Bảo hiểm An Khoa Trạng nguyên: Sản phẩm dành cho đối tượng là trẻ em từ 0-15 tuổi, đồng hành cùng cha mẹ vun vén cho tương lai con trẻ ngay từ khi con chào đời. Sản phẩm có lựa chọn thời hạn đóng phí ngắn 5 năm, nhưng vẫn được bảo vệ tối đa 18 năm, là giải pháp tài chính ưu việt, giúp cha mẹ hiện thực hóa các kế hoạch cho con đường học tập và sự nghiệp tương lai của con trẻ, bảo vệ trước các rủi ro, bệnh tật của cuộc sống, bao gồm cả các dịch bệnh...

Bảo hiểm An Bình Thịnh Vượng: Sản phẩm bảo hiểm ưu việt bảo vệ khách hàng trước 46 loại bệnh lý nghiêm trọng đồng thời cũng là giải pháp giúp khách hàng tích lũy tài chính một cách có kỷ luật để chuẩn bị cho những dự định tài chính trong tương lai.

Giá trị bằng tiền của nhóm sản phẩm

Doanh thu dòng sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp năm 2024 đạt 4.447 TỶ ĐỒNG chiếm 13,8% tỷ trọng doanh thu

Bảo hiểm Hưu trí tự nguyện

Sản phẩm hưu trí tự nguyện được thiết kế nhằm bổ sung phúc lợi cho các cá nhân từ độ tuổi nghỉ hưu, chủ động nguồn tài chính khi về già, đặc biệt trong giai đoạn chính sách lương hưu, bảo hiểm xã hội có tiềm ẩn nhiều thay đổi khi việc cân đối thu chi luôn là áp lực của nhà nước. Sản phẩm cung cấp quyền lợi bảo hiểm trước các rủi ro trong cuộc sống kết hợp với lương hưu định kỳ, từ đó bổ sung cho bảo hiểm hưu trí bắt buộc, tạo nên một hệ thống an sinh xã hội tương đối toàn diện, đầy đủ, đa dạng, đáp ứng cơ bản nhu cầu bảo hiểm hưu trí của người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế.

Sản phẩm tiêu biểu



Bảo hiểm Hưu Trí Vững Nghiệp (dành cho khách hàng nhóm): là chương trình bảo hiểm giúp gia tăng phúc lợi cho người lao động và giúp Doanh nghiệp thu hút, giữ chân người lao động.

- Người lao động được đảm bảo cuộc sống hưu trí an nhàn, độc lập về tài chính do có thêm thu nhập bổ sung định kỳ từ Quỹ hưu trí
- Người lao động được bảo hiểm trước rủi ro trong thời gian làm việc tại Doanh nghiệp; yên tâm gắn bó làm việc lâu dài
- Là giải pháp phúc lợi được khuyến khích, ưu đãi thuế cho cả Doanh nghiệp và người lao động

Bảo hiểm Hưu Trí An Khang (dành cho khách hàng cá nhân): là chương trình bảo hiểm giúp các cá nhân chủ động lên kế hoạch cho tuổi hưu an nhàn, thảnh thơi với mức lương hưu mong muốn:

- Người lao động được tự chọn mức lương hưu như mong muốn
- Tích lũy đầu tư cùng Quỹ hưu trí an toàn, minh bạch và hiệu quả
- Được bảo vệ và đảm bảo tài chính trước rủi ro trong cuộc sống
- Được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân



Giá trị bằng tiền của nhóm sản phẩm

Doanh thu dòng sản phẩm bảo hiểm hưu trí năm 2024 đạt 111 TỶ ĐỒNG chiếm 0,3% tỷ trọng doanh thu

Bảo hiểm Liên kết đầu tư

Được thiết kế với các quyền lợi kết hợp giữa yếu tố "bảo hiểm", "tiết kiệm" và "đầu tư", các sản phẩm liên kết đầu tư của Bảo Việt Nhân thọ đem đến cho các khách hàng một giải pháp tài chính toàn diện vừa bảo hiểm, vừa thực hiện các kế hoạch quan trọng trong cuộc sống như quỹ học vấn – khởi nghiệp cho con, mua sắm tài sản giá trị, du lịch, quỹ tài chính cho tuổi hưu, di sản thừa kế, ... Đặc biệt dòng sản phẩm này còn có ưu điểm vượt trội ở sự linh hoạt trong đóng phí, hạn mức Số tiền bảo hiểm cao, sự minh bạch trong các khoản phí khấu trừ, quyền lợi đa dạng, thời hạn bảo vệ có thể tới trọn đời, do đó đã trở thành lựa chọn hàng đầu của các Khách hàng khi tham gia bảo hiểm nhân thọ nhiều năm qua.

Sản phẩm tiêu biểu





Bảo hiểm An Phát Cát Tường 2020: dành cho thời hạn bảo hiểm trung hạn (10/15/20 năm)

- Thời hạn đóng phí đa dạng bao gồm: đóng phí bằng thời hạn hợp đồng, đóng phí ngắn 5 năm hoặc đóng phí một lần.
- Sản phẩm cung cấp giải pháp đầu tư an toàn, hiệu quả với quyền lợi hưởng lãi suất cam kết tối thiểu và quyền lợi thưởng gia tăng đầu tư. Ngoài ra còn có thêm các quyền lợi đầu tư tích lũy hấp dẫn khác như quyền lợi đáo hạn, quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng, quyền lợi thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản.
- Quyền lợi bảo vệ toàn diện bao gồm: quyền lợi tử vong, thương tật nghiêm trọng do tai nạn, quyền lợi bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối cùng nhiều quyền lợi nâng cao hấp dẫn cho khách hàng lựa chọn như quyền lợi tử vong do tai nạn mở rộng, quyền lợi chăm sóc y tế, quyền lợi Bệnh ung thư, quyền lợi bệnh đột quỵ.

Bảo hiểm An Khang Hạnh Phúc: dành cho thời hạn bảo hiểm dài hạn (trọn đời)

- Bao gồm 3 chương trình bảo hiểm Cơ bản/Nâng cao/Cao cấp phù hợp với khả năng tài chính khác nhau của Khách hàng.
- Quyền lợi bảo vệ tăng dần theo từng Chương trình bảo hiểm, đặc biệt cung cấp "Lá chắn siêu bảo vệ" trước ung thư các giai đoạn, đột quỵ, nhồi máu cơ tim cùng ngân quỹ Chăm sóc y tế - chi trả viện phí và phẫu thuật, cấp cứu, đồng thời giúp cho Khách hàng tích lũy tài chính vượt trội với nhiều quyền lợi thưởng và tích luỹ đầu tư có cam kết.

Giá trị bằng tiền của nhóm sản phẩm

Doanh thu dòng sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư năm 2024 đạt 26.364 TỶ ĐỒNG chiếm 82% tỷ trọng doanh thu



MINH BẠCH

Niềm tin của đối tác, nhà đầu tư, khách hàng trong suốt chặng hành trình 60 năm qua được dựng xây từ sự minh bạch trong công bố thông tin.

MINH BẠCH



Niềm tin của đối tác, nhà đầu tư, khách hàng trong suốt chặng hành trình 60 năm qua được dựng xây từ sự minh bạch trong công bố thông tin. Báo cáo tài chính của Bảo Việt luôn đặt yếu tố "công khai, minh bạch" lên hàng đầu, không chỉ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) mà còn tiên phong lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS).

7.423.227.64 ĐỒNG
Vốn điều lệ

56.875 TỶ ĐỒNG
Tổng doanh thu hợp nhất
vượt 1,4% so với kế hoạch năm

2.194 TỶ ĐỒNG
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất
tăng trưởng 16,6%

251.286 TỶ ĐỒNG
Tổng tài sản hợp nhất tăng trưởng 13,6%

>31.000 TỶ ĐỒNG
Đóng góp vào ngân sách Nhà nước kể từ khi cổ phần hóa (năm 2007) đến nay, trong đó tổng số tiền chi trả cổ tức cho cổ đông của BVH từ khi cổ phần hóa đến nay lên tới hơn 13.100 tỷ đồng.

Bảo Việt tích cực tham gia tạo lập thị trường bảo hiểm và thị trường vốn trên thị trường tài chính Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



THÔNG TIN CHUNG

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tập đoàn đã được đăng ký thay đổi 15 lần với lần thứ 15 được thực hiện vào ngày 12 tháng 7 năm 2022 (*).

Toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ của Tập đoàn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Một số thông tin về Tập đoàn theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 8, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; dịch vụ hỗ trợ giáo dục và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh
Vốn điều lệ:	7.423.227.640.000 VND
Số cổ phần đã đăng ký:	742.322.764 cổ phần

(*) Tập đoàn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Diệu Hằng	Thành viên	Từ ngày 27 tháng 6 năm 2018
	Quyền Chủ tịch	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2024
Ông Nguyễn Đình An	Thành viên	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2020
	Phó Chủ tịch	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2024
Ông Nguyễn Xuân Việt	Thành viên	Từ ngày 27 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Quang Phi	Thành viên	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
Ông Nguyễn Thừa Nhật	Thành viên	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
Ông Inami Ryota	Thành viên	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2022
Ông Igarashi Takafumi	Thành viên	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên độc lập	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
Ông Dương Trí Thành	Thành viên độc lập	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
Ông Trịnh Hồng Quang	Thành viên độc lập	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
Bà Thân Hiển Anh	Thành viên	Từ ngày 23 tháng 12 năm 2014 đến ngày 05 tháng 01 năm 2024
Ông Arai Kazuhiko	Thành viên	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2021 đến ngày 26 tháng 12 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các kiểm soát viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Thanh Hải	Kiểm soát viên	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2019
	Trưởng Ban Kiểm soát	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
Ông Đinh Hoài Linh	Kiểm soát viên	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2021
Bà Dương Thị Thu Thủy	Kiểm soát viên	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2024
Ông Ông Tiến Hùng	Kiểm soát viên	Từ ngày 29 tháng 11 năm 2012 đến ngày 26 tháng 12 năm 2024
	Trưởng Ban Kiểm soát	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2019 đến ngày 26 tháng 12 năm 2024

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Việt	Quyền Tổng Giám đốc	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2024
Ông Nguyễn Đình An	Quyền Tổng Giám đốc	Từ ngày 24 tháng 8 năm 2022 đến ngày 27 tháng 11 năm 2024
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Kế toán Trưởng	Từ ngày 13 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 27 tháng 11 năm 2024 là Ông Nguyễn Đình An – Quyền Tổng Giám đốc.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, Hội đồng Quản trị ban hành Quyết định số 1498/2024/QĐ-HĐQT về việc giao quyền Tổng Giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn Bảo Việt đối với ông Nguyễn Xuân Việt, thành viên Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt ("Ban Điều hành") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu (nếu có) so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn, và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

M.S.D.N: 0100111761 - CTCP
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Ông Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 355 đến trang 412, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2023-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3847-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**121.226.741.291.519**	**122.453.291.791.848**
110	***I.***	***Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***1.464.088.127.113***	***4.783.513.586.776***
111	1.	Tiền		1.274.088.127.113	1.057.513.586.776
112	2.	Các khoản tương đương tiền		190.000.000.000	3.726.000.000.000
120	***II.***	***Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***103.898.039.030.526***	***101.565.789.666.732***
121	1.	Chứng khoán kinh doanh	14.1	3.660.368.511.864	3.266.850.541.874
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(202.979.291.840)	(206.056.858.118)
123	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	100.440.649.810.502	98.504.995.982.976
130	***III.***	***Các khoản phải thu ngắn hạn***	***6.1***	***11.535.416.562.019***	***12.322.332.798.571***
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		7.892.192.217.650	8.958.476.785.592
131.1	*1.1*	*Phải thu về hoạt động bảo hiểm*		*1.265.479.668.075*	*1.450.731.220.899*
131.2	*1.2*	*Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính*		*6.626.712.549.575*	*7.507.745.564.693*
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn		32.063.030.043	48.615.471.980
135	3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn		3.547.995.002.349	3.251.775.353.702
136	4.	Phải thu ngắn hạn khác		310.909.954.613	320.663.891.109
137	5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(247.913.748.321)	(257.368.809.497)
139	6.	Tài sản thiếu chờ xử lý		170.105.685	170.105.685
140	***IV.***	***Hàng tồn kho***	***7***	***100.479.759.917***	***113.348.313.433***
150	***V.***	***Tài sản ngắn hạn khác***		***670.583.415.267***	***659.125.494.341***
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		660.538.154.184	624.977.869.009
151.1	*1.1*	*Chi phí hoa hồng chưa phân bổ*	*8*	*581.867.688.103*	*558.667.299.433*
151.2	*1.2*	*Chi phí trả trước ngắn hạn khác*	*9*	*78.670.466.081*	*66.310.569.576*
152	2.	Thuế GTGT được khấu trừ		36.415.365	24.105.394.693
153	3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	4.809.122.226	4.806.068.715
155	4.	Tài sản ngắn hạn khác		5.199.723.492	5.236.161.924
190	***VI.***	***Tài sản tái bảo hiểm***		***3.558.134.396.677***	***3.009.181.931.995***
191	1.	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	24	1.686.897.782.968	1.718.075.470.524
192	2.	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	24	1.871.236.613.709	1.291.106.461.471

Đơn vị: VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**130.059.585.546.605**	**98.706.531.275.348**
210	***I.***	***Các khoản phải thu dài hạn***	***6.2***	***66.916.382.934***	***84.370.325.019***
216	1.	Phải thu dài hạn		66.916.382.934	84.370.325.019
220	***II.***	***Tài sản cố định***		***1.890.638.249.670***	***1.817.156.062.732***
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	10	872.417.228.022	958.065.170.765
222		*Nguyên giá*		*2.726.029.379.554*	*2.772.451.655.289*
223		*Giá trị khấu hao luỹ kế*		*(1.853.612.151.532)*	*(1.814.386.484.524)*
227	2.	Tài sản cố định vô hình	11	1.018.221.021.648	859.090.891.967
228		*Nguyên giá*		*1.840.590.207.970*	*1.580.876.596.107*
229		*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(822.369.186.322)*	*(721.785.704.140)*
230	***III.***	***Bất động sản đầu tư***	***12***	***109.961.268.939***	***45.388.992.000***
231		*Nguyên giá*		*191.327.232.874*	*45.388.992.000*
232		*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(81.365.963.935)*	-
240	***IV.***	***Tài sản dở dang dài hạn***		***131.645.367.989***	***373.926.722.368***
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	131.645.367.989	373.926.722.368
250	***V.***	***Đầu tư tài chính dài hạn***		***127.645.423.169.640***	***96.200.740.149.933***
252	1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.3.1	2.884.915.841.223	2.844.300.042.626
253	2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3.2	1.279.365.243.151	1.140.403.742.807
254	3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(62.506.533.483)	(91.181.033.263)
255	4.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	123.543.648.618.749	92.307.217.397.763
260	***VI.***	***Tài sản dài hạn khác***		***215.001.107.433***	***184.949.023.296***
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	9	181.047.015.237	151.622.999.625
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16.2.1	7.855.743.207	11.405.871.268
268	3.	Tài sản dài hạn khác		26.098.348.989	21.920.152.403
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**251.286.326.838.124**	**221.159.823.067.196**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**227.720.439.778.201**	**198.879.486.209.991**
310	***I.***	***Nợ ngắn hạn***		***40.840.468.409.215***	***30.851.015.394.785***
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.433.962.486.735	2.537.005.726.449
311.1	*1.1*	*Phải trả hoạt động bảo hiểm*		*2.370.393.614.148*	*2.494.304.753.080*
311.3	*1.2*	*Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ*		*63.568.872.587*	*42.700.973.369*
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		21.186.000.000	19.782.000.000
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	211.453.081.628	184.598.301.422
314	4.	Phải trả người lao động		1.702.090.155.645	1.475.199.866.293
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn		141.601.337.253	112.108.227.025
318	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	258.502.574.731	166.273.002.651
318.1	7.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	18.1	382.055.501.051	320.410.877.616
319	8.	Phải trả ngắn hạn khác	19	395.628.174.229	471.019.625.675
320	9.	Vay ngắn hạn	20	2.910.226.356.811	3.372.603.852.643
322	10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	260.153.881.426	252.093.239.921
324	11.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu	22	32.123.608.859.706	21.939.920.675.090
330	***II.***	***Nợ dài hạn***		***186.879.971.368.986***	***168.028.470.815.206***
337	1.	Phải trả dài hạn khác	23	303.139.567.653	291.800.451.044
338	2.	Vay dài hạn	20	-	1.386.080.000
341	3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16.2.2	2.731.324.749	1.805.789.963
344	4.	Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	24	186.574.100.476.584	167.733.478.494.199
344.1	*4.1*	*Dự phòng toán học*		*157.148.585.024.401*	*142.699.299.755.806*
344.2	*4.2*	*Dự phòng phí chưa được hưởng*		*5.451.808.363.226*	*5.312.142.840.742*
344.3	*4.3*	*Dự phòng bồi thường*		*3.111.784.684.450*	*2.630.884.522.777*
344.4	*4.4*	*Dự phòng chia lãi*		*3.521.002.598.958*	*2.993.884.034.680*
344.5	*4.5*	*Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu*		*16.741.736.693.139*	*13.659.830.062.518*
344.6	*4.6*	*Dự phòng đảm bảo cân đối*		*412.275.456.267*	*301.855.099.060*
344.7	*4.7*	*Dự phòng dao động lớn*		*186.907.656.143*	*135.582.178.616*

Đơn vị: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**23.565.887.059.923**	**22.280.336.857.205**
410	***I.***	***Vốn chủ sở hữu***	***25***	***23.565.887.059.923***	***22.280.336.857.205***
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
411a	-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*7.423.227.640.000*	*7.423.227.640.000*
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		7.310.458.742.807	7.310.458.742.807
417	3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		15.445.192.000	15.445.192.000
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính		2.933.853.033.569	2.233.517.394.474
420	5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		103.568.802.818	103.568.802.818
421	6.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối		4.007.066.089.089	3.565.845.500.585
421a	-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*1.999.865.659.159*	*1.845.135.778.484*
421b	-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*2.007.200.429.930*	*1.720.709.722.101*
423	7.	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm		797.932.384.636	709.311.077.785
429	8.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		974.335.175.004	918.962.506.736
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**251.286.326.838.124**	**221.159.823.067.196**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Giám đốc Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
01	**Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 02 + 03 + 04)**		**42.669.681.559.583**	**42.667.139.949.845**
02	Phí bảo hiểm gốc	26.1	42.591.775.979.851	42.652.315.232.484
03	Phí nhận tái bảo hiểm	26.2	217.571.102.216	217.348.175.159
04	Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	24	(139.665.522.484)	(202.523.457.798)
05	**Phí nhượng tái bảo hiểm (05 = 06 + 07)**		**(3.543.497.880.539)**	**(3.319.163.250.559)**
06	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	27	(3.512.320.192.983)	(3.473.949.456.607)
07	(Giảm)/Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	24	(31.177.687.556)	154.786.206.048
08	**Doanh thu phí bảo hiểm thuần (08 = 01 + 05)**		**39.126.183.679.044**	**39.347.976.699.286**
09	**Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**696.992.004.604**	**737.502.493.890**
15	**Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (15 = 08 + 09)**		**39.823.175.683.648**	**40.085.479.193.176**
16	**Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn**	**28.1**	**(19.714.375.555.448)**	**(19.601.269.750.808)**
17	**Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm**	**28.2**	**(66.271.004.339)**	**(81.416.894.451)**
18	**Các khoản giảm trừ chi phí (18 = 19 + 20)**		**2.211.813.306**	**1.246.830.940**
19	Thu đòi người thứ ba		969.976.944	783.286.743
20	Thu xử lý hàng bồi thường 100%		1.241.836.362	463.544.197
21	**Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**28.3**	**1.185.989.939.621**	**1.273.429.764.859**
22	**Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc (22 = 23 + 24 + 25 + 26)**	**24**	**(18.168.730.820.701)**	**(20.007.939.925.509)**
23	Tăng dự phòng toán học		(14.449.285.268.595)	(13.448.587.876.848)
24	Tăng dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu		(3.081.906.630.621)	(6.134.070.235.859)
25	Tăng dự phòng chia lãi		(527.118.564.278)	(424.280.498.445)
26	Tăng dự phòng đảm bảo cân đối		(110.420.357.207)	(1.001.314.357)
27	**(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm**	**24**	**(480.900.161.673)**	**82.826.611.625**
28	**Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm**	**24**	**580.130.152.238**	**(95.434.868.945)**
29	**Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (29 = 16 + 17 + 18 + 21 + 22 + 27 + 28)**		**(36.661.945.636.996)**	**(38.428.558.232.289)**
30	**Tăng dự phòng dao động lớn**	**24**	**(51.325.477.527)**	**(109.239.898.504)**
31	**Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc (31 = 32 + 33)**		**(4.079.017.436.980)**	**(4.080.000.169.549)**
32	Chi hoa hồng		(2.489.113.008.960)	(2.517.235.531.765)
33	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	29	(1.589.904.428.020)	(1.562.764.637.784)
41	**Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 29 + 30 + 31)**		**(40.792.288.551.503)**	**(42.617.798.300.342)**
42	**Lỗ gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42 = 15 + 41)**		**(969.112.867.855)**	**(2.532.319.107.166)**

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
43.1	Doanh thu hoạt động khác		555.874.347.470	602.343.898.969
43.2	Chi phí hoạt động khác		(545.882.462.285)	(611.364.632.985)
43	**Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ các hoạt động khác (43 = 43.1 + 43.2)**	**30**	**9.991.885.185**	**(9.020.734.016)**
44.1	Doanh thu hoạt động tài chính	31.1	12.689.327.095.724	13.543.366.344.269
44.2	Chi phí hoạt động tài chính	31.2	(2.115.731.389.939)	(2.826.898.758.974)
44	**Lợi nhuận hoạt động tài chính (44 = 44.1 + 44.2)**		**10.573.595.705.785**	**10.716.467.585.295**
45	**Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát**	**14.3.1**	**94.085.046.978**	**102.048.945.174**
46	**Chi phí bán hàng**	**32**	**(1.346.798.811.485)**	**(1.094.026.078.899)**
47	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**33**	**(5.724.600.399.115)**	**(4.955.068.509.491)**
48.1	Thu nhập khác		29.836.692.724	39.586.150.146
48.2	Chi phí khác		(3.825.774.921)	(4.236.725.398)
48	**Lợi nhuận khác (48 = 48.1 + 48.2)**	**34**	**26.010.917.803**	**35.349.424.748**
50	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (50 = 42 + 43 + 44 + 45 + 46 + 47 + 48)**		**2.663.171.477.296**	**2.263.431.525.645**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	**16.1**	**(464.527.211.119)**	**(378.792.911.930)**
52	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	**16.2**	**(4.475.662.847)**	**(3.335.621.421)**
60	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (60 = 50 + 51 + 52)**		**2.194.168.603.330**	**1.881.302.992.294**
61	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CHỦ SỞ HỮU TẬP ĐOÀN**		**2.110.496.926.600**	**1.805.317.054.880**
62	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**83.671.676.730**	**75.985.937.414**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**36**	**2.843**	**2.432**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	**Ông Ông Tiến Hùng**	**Ông Nguyễn Xuân Hòa**	**Ông Nguyễn Xuân Việt**
Người lập	Giám đốc Khối Quản lý Tài chính	Kế toán Trưởng	Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
	I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
01	1.	Lợi nhuận trước thuế		2.663.171.477.296	2.263.431.525.645
	2.	Điều chỉnh cho các khoản		7.449.502.465.690	8.374.388.318.375
02	-	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11	361.656.740.622	203.894.515.970
03	-	Các khoản dự phòng		18.799.414.855.151	20.001.619.028.532
04	-	Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.928.156.147	16.099.743.627
05	-	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.757.295.260.799)	(13.624.967.435.230)
06	-	Chi phí repo, lãi vay		1.031.797.974.569	1.777.742.465.476
08	**3.**	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**10.112.673.942.986**	**10.637.819.844.020**
09	-	Giảm các khoản phải thu		1.160.577.325.759	1.670.460.461.963
10	-	Giảm hàng tồn kho		12.868.553.516	17.308.986.190
11	-	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.222.998.762.851)	(1.155.003.441.621)
12	-	Tăng chi phí trả trước (bao gồm tài sản tái bảo hiểm)		(33.806.613.231)	(145.163.553.070)
13	-	Tăng chứng khoán kinh doanh		(393.517.969.990)	(341.545.152.874)
14	-	Tiền lãi vay đã trả		(670.960.934.650)	(1.787.160.299.314)
15	-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(432.410.464.622)	(360.202.939.230)
17	-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(113.228.870.839)	(59.665.233.670)
20		**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**8.419.196.206.078**	**8.476.848.672.394**
	II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
21	1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(135.267.945.349)	(179.223.609.626)
22	2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		750.785.454	1.056.681.274
23	3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(178.867.829.679.580)	(163.901.811.301.317)
24	4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		143.899.182.195.987	147.964.399.043.822
25	5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(245.308.499)	(559.065.379)
27	6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia và lãi bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		13.470.307.039.965	11.552.755.197.497
30		**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(21.633.102.912.022)**	**(4.563.383.053.729)**
	III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
33	1.	Tiền thu từ đi vay (bao gồm hoạt động repo)		68.026.767.032.069	78.332.986.284.987
34	2.	Tiền trả nợ gốc vay (bao gồm hoạt động repo)		(57.365.924.452.500)	(78.936.505.707.509)
36	3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(767.081.435.567)	(734.102.404.994)
40		**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**9.893.761.144.002**	**(1.337.621.827.516)**
50		**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(3.320.145.561.942)**	**2.575.843.791.149**
60		**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**4.783.513.586.776**	**2.206.497.560.116**
61		Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		720.102.279	1.172.235.511
70		**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**1.464.088.127.113**	**4.783.513.586.776**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Giám đốc Khối Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Tập đoàn đã được đăng ký thay đổi 15 lần với lần thứ 15 được thực hiện vào ngày 12 tháng 7 năm 2022 (*).

Toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ của Tập đoàn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Một số thông tin về Tập đoàn theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 8, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; dịch vụ hỗ trợ giáo dục và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh
Vốn điều lệ:	7.423.227.640.000 VND
Số cổ phần đã đăng ký:	742.322.764 cổ phần

(*) Tập đoàn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn trong năm và tại ngày lập báo cáo như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
- Bộ Tài chính	482.509.800	65,00
- Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo ("Sumitomo Life")	163.945.421	22,09
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC")	22.154.400	2,98
- Các cổ đông khác	73.713.143	9,93
TỔNG CỘNG	**742.322.764**	**100,00**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có sáu (06) công ty con, một (01) quỹ đầu tư, sáu (06) công ty liên doanh, liên kết (do công ty mẹ nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con/quỹ đầu tư) và hai (02) đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi tiết như sau:

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn	Quyền biểu quyết của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	7 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm và giám định tổn thất	100%	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	Tầng 37 Keangnam Hà Nội Landmark Tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và kinh doanh tái bảo hiểm	100%	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	Tầng 5, Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng và cung cấp máy móc thiết bị	100%	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%	60%

- Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập ngày 21 tháng 6 năm 2004 theo Quyết định số 1296/QĐ/BTC của Bộ Tài chính và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 01/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp cùng ngày. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/GPKDBH và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 45/GPDC16/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 09 tháng 02 năm 2022. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt là 2.900 tỷ VND.

- Bảo Việt Nhân thọ được thành lập ngày 04 tháng 12 năm 2003 theo Quyết định số 3668/QĐ/BTC của Bộ Tài chính. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Bảo Việt Nhân thọ dưới hình thức chuyển đổi từ Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 46/GP/KDBH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Bảo Việt Nhân thọ là 6.000 tỷ VND theo Giấy phép điều chỉnh số 46/GPDC11/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con (tiếp theo)

- BVF được thành lập vào ngày 22 tháng 8 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HDQT-BV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 08 tháng 11 năm 2005 và theo điều chỉnh gần nhất Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111761-129 vào ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của BVF là 100 tỷ VND.

- BVSC được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09/GPĐC-UBCK ngày 01 tháng 3 năm 2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của BVSC là 722.339.370.000 VND.

- Bảo Việt - Âu Lạc được thành lập vào ngày 18 tháng 02 năm 2009 theo Quyết định số 2300373648 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Bảo Việt - Âu Lạc là 60.660.000.000 VND.

- BVInvest được thành lập vào ngày 09 tháng 01 năm 2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034168 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103193730 điều chỉnh gần nhất lần thứ 10 ngày 13 tháng 02 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã góp của BVInvest là 200 tỷ VND.

  BVInvest có 01 công ty con là Công ty TNHH MTV Xây dựng Bảo Việt ("BVC") hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, trụ sở chính tại 71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội. BVC được thành lập ngày 10 tháng 01 năm 2017 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0107699334 của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty này là 5 tỷ VND, do BVInvest góp vốn 100%.

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt ("BVIF") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ thành viên đóng theo giấy phép số 223/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015. Thời gian hoạt động ban đầu của quỹ là tám (08) năm kể từ ngày được cấp giấy phép. Ngày 11 tháng 9 năm 2023, UBCKNN cấp giấy chứng nhận điều chỉnh số 273/GCN-UBCK theo đó thời gian hoạt động của Quỹ là 13 năm (từ ngày 20 tháng 10 năm 2015 đến ngày 20 tháng 10 năm 2028).

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng lưu ký của Quỹ BVIF là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVIF như sau:

	Số vốn góp VND	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
Đầu tư trực tiếp của Tập đoàn Bảo Việt	420.000.000.000	42%
Đầu tư gián tiếp qua các công ty con		
- *Bảo Việt Nhân thọ*	*350.000.000.000*	*35%*
- *Bảo hiểm Bảo Việt*	*150.000.000.000*	*15%*
- *BVSC*	*80.000.000.000*	*8%*
TỔNG CỘNG	**1.000.000.000.000**	**100%**

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ đào tạo
Chi nhánh Trung tâm Công nghệ Thông tin Tập đoàn Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, bán buôn phần mềm và phần cứng
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Bảo Việt ("PMU") (*)	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Xây dựng và quản lý dự án

(*) Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục giải thể PMU theo quyết định số 468/2024/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt.

Các công ty liên doanh, liên kết

Công ty được đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu			Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn
			Nắm giữ bởi công ty mẹ	Thông qua công ty con/ quỹ	Tổng	
		VND	%	%	%	%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Việt ("Long Việt")	Xây dựng	65.043.200.000	-	45,00	45,00	45,00
Công ty Cổ phần Đầu tư SCIC - Bảo Việt ("Bảo Việt SCIC")	Kinh doanh bất động sản	140.000.000.000	-	50,00	50,00	50,00
Ngân hàng TMCP Bảo Việt ("Bảo Việt Bank")	Dịch vụ ngân hàng	3.150.000.000.000	49,52	-	49,52	49,52
Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc ("Trung Nam Phú Quốc")	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	220.000.000.000	49,00	-	49,00	49,00
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin PLT ("PLT")	Dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông	90.000.000.000	-	35,00	35,00	35,00
Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam ("Tokio Marine Việt Nam")	Bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính	300.000.000.000	49,00	-	49,00	49,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các Công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty mẹ Tập đoàn là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính và lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Tuy nhiên, do các công ty con chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập dựa trên Thông tư 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") và có tham khảo đến các nội dung của Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm ("Thông tư 199") và Thông tư số 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ("Thông tư 232").

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ, các công ty con và BVIF (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tập đoàn cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3, cho giai đoạn tài chính ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6, cho giai đoạn tài chính ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi thanh toán tại ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi một khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và Tập đoàn thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh (nếu có) giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc khoản nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng Tập đoàn thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết; hoặc khoản nợ đã được Tập đoàn yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Tập đoàn khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án, mức trích lập dự phòng được ước tính trên cơ sở dự kiến tổn thất có thể xảy ra.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Tập đoàn áp dụng mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Tập đoàn chủ yếu bao gồm ấn chỉ của các công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm và hàng hóa bất động sản của BVInvest được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ kế toán với giá trị được xác định như sau:

Hàng tồn kho	*Phương pháp xác định giá trị*
Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa thiết bị xây dựng	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v...) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng hóa bất động sản của BVInvest

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của BVInvest, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu tính cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

4.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

4.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 *Tài sản cố định (tiếp theo)*

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn hoặc lâu dài được ghi nhận là tài sản cố định vô hình căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Quyền sử dụng đất đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty mẹ, được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện.

4.6 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao, hao mòn tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Phần mềm tin học	03 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình khác	02 - 20 năm

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn theo quy định tại Thông tư số 45.

4.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

4.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.10 *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể mà không phải dưới hình thức công ty con hay công ty liên doanh. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận như sau:

- Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh gộp trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

- Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết được mua trong năm, Tập đoàn sử dụng giá mua (giá gốc) là giá trị tạm thời để hạch toán ghi nhận ban đầu đối với khoản đầu tư này. Giá trị của khoản đầu tư sẽ được điều chỉnh theo giá trị hợp lý trong vòng mười hai tháng kể từ ngày mua. Chênh lệch (nếu có) giữa giá trị hợp lý và giá gốc của khoản đầu tư sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của dữ liệu tương ứng trên cơ sở hồi tố vào thời điểm xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư đó.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Danh sách các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 14.3.1

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức được nhận/lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Tùy theo mục đích nắm giữ, các khoản đầu tư chứng khoán được phân loại thành các nhóm: chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

- Chứng khoán kinh doanh: bao gồm chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và các loại chứng khoán, công cụ tài chính khác nắm giữ cho mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Doanh nghiệp, các khoản tiền gửi kỳ hạn, cho vay kỳ hạn và các khoản đầu tư khác được nắm giữ tới ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá gốc và sau đó được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: bao gồm các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu được trình bày như dưới đây:

- Chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Tập đoàn đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh và được trích lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị;

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Tập đoàn sẽ đánh giá khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này và trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được;

- Các khoản đầu tư mà Tập đoàn nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh); đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất của bên được đầu tư được lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính của Tập đoàn (dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 *Tạm ứng từ giá trị hoàn lại*

Chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm vay khi hợp đồng bảo hiểm đáp ứng các điều kiện sau:

- Hợp đồng đã có giá trị giải ước;
- Hợp đồng có hiệu lực từ đủ 24 tháng trở lên (với các hợp đồng không phải là hợp đồng liên kết chung, liên kết đơn vị);
- Hợp đồng không có khoản tạm ứng quyền lợi bảo hiểm; và
- Tạm ứng từ giá trị hoàn lại không áp dụng với sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư, sản phẩm hưu trí từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Tạm ứng từ giá trị hoàn lại được ghi nhận theo giá gốc và được trình bày trong mục "Đầu tư dài hạn" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Bảo Việt Nhân thọ thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại này được hạch toán vào khoản mục "Doanh thu hoạt động tài chính" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.13 *Chứng khoán bán và mua lại theo hợp đồng có kỳ hạn ("hợp đồng repo và hợp đồng bán kết hợp mua lại")*

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) hoặc các hợp đồng bán kết hợp mua lại không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

4.14 *Các khoản phải trả và trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.15 *Lợi ích nhân viên*

Các khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội

Căn cứ Luật Bảo hiểm Xã hội 2014 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, hàng tháng Tập đoàn đã thực hiện việc đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 14% trên quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động. Tập đoàn cũng trích nộp 3% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động để đóng vào quỹ ốm đau và thai sản; 0,5% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động để đóng vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Ngoài ra, từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Tập đoàn đã triển khai thực hiện mua sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho cán bộ, nhân viên. Theo đó, khi cán bộ, nhân viên nghỉ hưu trí sẽ được thêm quyền lợi từ giá trị Hợp đồng hưu trí theo số năm tham gia và mức đóng của cá nhân.

Trợ cấp bảo hiểm y tế

Căn cứ Luật Bảo hiểm Y tế 2014 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, hàng tháng Tập đoàn đã thực hiện việc đóng vào quỹ bảo hiểm y tế cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 3% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động.

Trợ cấp thôi việc và trợ cấp mất việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, đối với người lao động đã làm việc thường xuyên cho Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên:

- Khi hợp đồng lao động chấm dứt, Tập đoàn có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc;
- Khi người lao động bị mất việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ, vì lý do kinh tế hoặc sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Lao động, Tập đoàn có trách nhiệm chi trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng tiền lương.

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công hàng tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4.16 *Các quỹ dự phòng nghiệp vụ*

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được trích lập theo các phương pháp đã được Bộ Tài chính phê duyệt. Theo đó, các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tập đoàn bao gồm:

Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ	*Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ*
Dự phòng toán học/Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung và Dự phòng rủi ro bảo hiểm	Dự phòng toán học
Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng	Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng bồi thường	Dự phòng bồi thường
Dự phòng chia lãi	Dự phòng dao động lớn
Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết	Dự phòng bảo đảm cân đối
Dự phòng bảo đảm cân đối	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 *Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)*

4.16.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ

a) Dự phòng nghiệp vụ cho sản phẩm truyền thống và sản phẩm bảo hiểm sức khỏe được trích lập theo các Phương pháp đã được Bộ Tài chính phê duyệt. Trong đó:

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống bao gồm: dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường, dự phòng chia lãi:

- *Dự phòng toán học* của Bảo Việt Nhân thọ được tính toán dựa trên một trong các phương pháp sau: phương pháp dự phòng phí bảo hiểm toàn phần, phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần hoặc phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần điều chỉnh theo hệ số Zillmer. Phương pháp, cơ sở và giả định trích lập dự phòng được phê chuẩn bởi Bộ Tài chính khi trình sản phẩm hoặc trong các lần trình tiếp theo. Dự phòng nghiệp vụ công bố là giá trị lớn hơn giữa dự phòng trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ và dự phòng tối thiểu theo luật định.

- *Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng* là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm (01) trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

- *Dự phòng bồi thường* bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.

  - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết (RBNA): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm dự kiến phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được giải quyết.

  - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.

- *Dự phòng chia lãi* bao gồm dự phòng cho phần lãi tích luỹ chưa trả, bảo tức và dự phòng cho phần lãi chưa công bố đối với các hợp đồng bảo hiểm có tham gia chia lãi.

Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe bao gồm: dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường.

- *Dự phòng toán học* trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ là giá trị lớn hơn giữa dự phòng phí bảo hiểm thuần và dự phòng phí chưa được hưởng theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8.

- *Dự phòng bồi thường* bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến thời điểm trích lập dự phòng chưa được giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.

  - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (RBNA): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm dự kiến phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được giải quyết.

  - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): bằng 3% phí bảo hiểm thu được trong kỳ kế toán với hợp đồng đóng phí định kỳ hoặc 3% của phí bảo hiểm một lần chia cho thời hạn bảo hiểm của hợp đồng với hợp đồng đóng một lần, hoặc bằng số lớn hơn giữa 3% phí bảo hiểm đã sử dụng từ đầu năm hợp đồng và 3% của phí bảo hiểm thu được trong kỳ kế toán, tùy theo sản phẩm.

b) Dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm liên kết chung như sau:

- *Dự phòng nghiệp vụ* đối với phần liên kết chung là tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng liên kết chung, dự phòng cho quyền lợi duy trì hợp đồng và một số quyền lợi khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm được giữ lại trong quỹ liên kết chung.

- *Dự phòng rủi ro bảo hiểm* là số lớn nhất trong: (i) dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc (ii) dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền gộp để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng hoặc (iii) dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền thuần để đáp ứng được tất cả chi phí chi trả quyền lợi rủi ro bảo hiểm trong tương lai trong suốt thời hạn hợp đồng.

- *Dự phòng bồi thường* được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường từ doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được giải quyết.

- *Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết* là dự phòng được trích lập trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Bảo Việt Nhân thọ đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

c) Dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí như sau:

- *Dự phòng nghiệp vụ* đối với tài khoản bảo hiểm hưu trí là tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng hưu trí tại thời điểm trích lập. Thêm vào đó, phần dự phòng cho Quyền lợi duy trì hợp đồng cũng được trích lập và quản lý đối với giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí.

- *Dự phòng rủi ro bảo hiểm* là số lớn nhất trong: (i) dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc (ii) dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền gộp để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng hoặc (iii) dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền thuần để đáp ứng được tất cả chi phí chi trả quyền lợi rủi ro bảo hiểm trong tương lai trong suốt thời hạn hợp đồng.

- *Dự phòng bồi thường* được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được giải quyết.

- *Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết* là dự phòng được trích lập trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Bảo Việt Nhân thọ đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trên mức độ tổng danh mục, cũng theo quy định hiện hành, Bảo Việt Nhân thọ còn phải trích lập *Dự phòng bảo đảm cân đối* bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm của Bảo Việt Nhân thọ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 *Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)*

4.16.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo phương pháp đã được Bộ Tài Chính phê duyệt. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa có thời hạn từ 01 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% tổng phí bảo hiểm.
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác và các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm của nghiệp vụ hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của doanh nghiệp bảo hiểm phân bổ đều giữa các tháng trong quý, hay nói một cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng = Phí bảo hiểm X Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

- Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.
- Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất ("Dự phòng dao động lớn") được trích hàng năm, tối đa từ 1% đến 3% phí bảo hiểm giữ lại của từng nghiệp vụ bảo hiểm, cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong kỳ kế toán.

Dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả.

Bảo hiểm Bảo Việt trích lập dự phòng dao động lớn với tỷ lệ trích lập hiện tại là 2% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 01 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng trích lập theo phương pháp 1/8.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng bảo đảm cân đối

Mức trích lập hằng năm là 2% phí bảo hiểm giữ lại và được hạch toán vào tài khoản dự phòng bảo đảm cân đối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.17 *Quỹ dự trữ bắt buộc*

Các quỹ dự trữ bắt buộc dưới đây được trích lập phù hợp với các quy định hiện hành mà Tập đoàn và các Công ty con đang hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể:

Hoạt động bảo hiểm

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế mỗi đơn vị Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ mỗi kỳ kế toán và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ mỗi đơn vị.

Hoạt động chứng khoán, quản lý quỹ

BVSC và BVF là Công ty con của Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và quản lý quỹ.

Căn cứ Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, BVSC và BVF không tiếp tục trích lập các Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ. Số dư Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định; số dư Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng Thành viên theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm được hạch toán tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh. Các khoản phí đến hạn sau ngày lập báo cáo nhưng đã nhận được trước ngày kết thúc giai đoạn tài chính sẽ được ghi nhận là "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trừ trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản thanh toán phí tối thiểu, doanh thu từ hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được Bảo Việt Nhân thọ ghi nhận khi thu được phí bảo hiểm. Giá trị quỹ liên kết chung được các Chuyên gia định phí của Bảo Việt Nhân thọ tính toán và được ghi nhận thông qua "Dự phòng nghiệp vụ" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Bảo hiểm phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi: (1) hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (3) khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, Bảo hiểm Bảo Việt có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (khi đó, hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm); (4) khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm (khi đó, hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm).

Những khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm gốc là các khoản giảm trừ doanh thu và được theo dõi riêng, cuối kỳ kết chuyển vào tài khoản doanh thu phí bảo hiểm gốc để tính doanh thu thuần.

Các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước ngày Luật kinh doanh bảo hiểm 2022 có hiệu lực và còn thời hạn hợp đồng thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để phù hợp với Luật kinh doanh bảo hiểm 2022 và để áp dụng quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm 2022.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Đối với trái phiếu, doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của trái phiếu khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, doanh nghiệp phải phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí lưu ký, phí thưởng hoạt động, phí môi giới, bảo lãnh phát hành, v.v... được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện được một phần và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Theo quy định tại Thông tư 200, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức được trả bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên như quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác", ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

4.19 Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường và chi trả đáo hạn

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi bồi thường và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán đối với chủ hợp đồng theo điều khoản hợp đồng được xác lập.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Ghi nhận chi phí (tiếp theo)

Chi hoa hồng

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính và chi trả theo từng quyết định phê chuẩn sản phẩm của Bộ Tài chính và phù hợp với quy định tại Thông tư 67.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt tính toán hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phù hợp với các tỷ lệ quy định hiện hành và chỉ ghi nhận vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong năm theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các kỳ tiếp theo. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, chi khen thưởng đại lý và chi hỗ trợ đại lý không vượt quá 100% hoa hồng bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe đã khai thác trong năm theo quy định tại Thông tư 89/2020/TT-BTC ("Thông tư 89") ngày 11 tháng 11 năm 2020.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm tương ứng với hoa hồng hoạt động bảo hiểm gốc chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Giá vốn đất đã chuyển nhượng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất hoặc các chi phí có thể phân bổ/ước tính trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Toàn bộ các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí bắt buộc, không thu hồi được khác phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản liên quan đến các hoạt động phát triển đất hiện tại và trong tương lai của dự án.

Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.20 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm được hạch toán cùng kỳ với kỳ kế toán ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm gốc hoặc phí nhận tái bảo hiểm tương ứng. Chi phí từ hoạt động nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đúng theo quy định hiện hành đảm bảo có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh.

Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động nhận tái bảo hiểm được hạch toán theo bản thanh toán về tái bảo hiểm được xác nhận. Chi phí từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận đúng theo quy định hiện hành đảm bảo có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh.

Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu nhận tái chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

4.21 Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên các hóa đơn đã phát hành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản mục "Các khoản phải thu/phải trả" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 *Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.23 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ Đầu tư và Phát triển: được trích lập cho mục đích tăng vốn điều lệ và đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư chiều sâu của Tập đoàn;

- Quỹ Khen thưởng Phúc lợi cho người lao động và Quỹ Khen thưởng cho người quản lý: được trích lập cho mục đích khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho người lao động và người quản lý, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.24 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.25 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế có thể phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.26 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm, đầu tư, tài chính và hoạt động khác. Ban Điều hành xác định bộ phận theo hoạt động kinh doanh của từng đơn vị của Tập đoàn theo đặc điểm của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp.

4.27 *Các khoản mục ngoại bảng*

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực.

Ngoài ra, Tập đoàn hoạt động trên các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ,... do vậy một số thông tin liên quan đến các khoản mục như chứng khoán lưu ký và chưa lưu ký, cam kết ngoại bảng, danh mục ủy thác đầu tư,... cũng được trình bày trên khoản mục ngoại bảng của báo cáo tài chính hợp nhất theo các yêu cầu luật định áp dụng cho các hoạt động này.

4.28 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền mặt tại quỹ	30.898.136.500	38.911.209.169
Tiền gửi ngân hàng	1.096.787.350.174	629.356.056.550
Tiền đang chuyển	146.402.640.439	389.246.321.057
Các khoản tương đương tiền (*)	190.000.000.000	3.726.000.000.000
TỔNG CỘNG	**1.464.088.127.113**	**4.783.513.586.776**

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tài chính có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng và được hưởng lãi suất từ 4,50%/năm đến 4,60%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

6.1 *Các khoản phải thu ngắn hạn*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm		
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	438.768.633.188	541.604.667.436
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	74.240.702.879	93.933.130.886
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	437.834.878.182	497.291.043.736
Phải thu khác nhượng tái bảo hiểm	11.735.525.602	79.457.707.495
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	298.390.942.918	227.057.754.206
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	4.508.985.306	11.386.917.140
	1.265.479.668.075	**1.450.731.220.899**
Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính		
Phải thu cổ tức	7.891.407.300	19.843.062.565
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	3.450.806.584.888	4.670.150.030.878
Phải thu lãi trái phiếu	2.575.888.468.511	2.313.936.138.641
Phải thu liên quan đến tạm ứng từ giá trị hoàn lại	569.092.743.881	497.955.798.141
Phải thu đầu tư khác	23.033.344.995	5.860.534.468
	6.626.712.549.575	**7.507.745.564.693**
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**32.063.030.043**	**48.615.471.980**
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Phải thu từ hoạt động margin và ứng trước	3.544.777.548.703	3.248.557.900.056
Phải thu từ cho vay ủy thác	3.217.453.646	3.217.453.646
	3.547.995.002.349	**3.251.775.353.702**
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	21.885.853.923	22.344.252.602
Phải thu phí quản lý quỹ	1.751.750.919	4.114.935.945
Phải thu từ hoạt động xây lắp, quản lý tòa nhà, và cho thuê văn phòng	29.461.297.648	34.482.781.019
Tạm ứng khác	24.641.341.342	22.164.978.942
Phải thu ngắn hạn khác	233.169.710.781	237.556.942.601
	310.909.954.613	**320.663.891.109**
Tài sản thiếu chờ xử lý	**170.105.685**	**170.105.685**
Tổng cộng các khoản phải thu	**11.783.330.310.340**	**12.579.701.608.068**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(247.913.748.321)	(257.368.809.497)
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	**11.535.416.562.019**	**12.322.332.798.571**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

6.2 *Các khoản phải thu dài hạn*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Ký quỹ		
- Hoạt động bảo hiểm nhân thọ	30.000.000.000	30.000.000.000
- Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	8.000.000.000	8.000.000.000
- Hoạt động kinh doanh chứng khoán	21.210.510.115	20.990.280.531
	59.210.510.115	**58.990.280.531**
Phải thu dài hạn khác		
- Phải thu dài hạn khác	7.705.872.819	25.380.044.488
	7.705.872.819	**25.380.044.488**
TỔNG CỘNG	**66.916.382.934**	**84.370.325.019**

7. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Ấn chỉ	29.308.055.418	34.922.549.999
Vật liệu, văn phòng phẩm	53.167.045.798	28.000.590.408
Thiết bị, dụng cụ	7.007.782.215	6.869.184.516
Hàng tồn kho tại BVInvest (*)	10.996.876.486	43.555.988.510
Tổng cộng hàng tồn kho	**100.479.759.917**	**113.348.313.433**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	**100.479.759.917**	**113.348.313.433**

(*) Bao gồm trong khoản mục này là các chi phí mua sắm và chi phí xây dựng dở dang của các bất động sản đầu tư của BVInvest. Các khoản này đang được ghi nhận là hàng tồn kho cho đến khi được bán và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỔ

	Bảo hiểm nhân thọ VND	Bảo hiểm phi nhân thọ VND	Tổng cộng VND
Ngày 31/12/2023 *(trình bày lại)*	**-**	**558.667.299.433**	**558.667.299.433**
Phát sinh trong năm	1.428.094.820.338	1.084.218.577.292	2.512.313.397.630
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.428.094.820.338)	(1.061.018.188.622)	(2.489.113.008.960)
Ngày 31/12/2024	**-**	**581.867.688.103**	**581.867.688.103**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng	36.878.047.581	27.943.697.364
Chi phí công cụ, dụng cụ, bảo hành	23.103.570.188	19.516.591.898
Chi phí khác	18.688.848.312	18.850.280.314
	78.670.466.081	**66.310.569.576**
Chi phí trả trước dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng	28.323.886.644	31.903.104.829
Cải tạo thiết bị nội thất	42.654.855.045	20.198.980.338
Chi phí công cụ, dụng cụ, bảo hành	47.316.825.983	44.808.718.569
Chi phí khác	62.751.447.565	54.712.195.889
	181.047.015.237	**151.622.999.625**
TỔNG CỘNG	**259.717.481.318**	**217.933.569.201**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiệnvận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Công cụ, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Vào ngày 31/12/2023	1.460.453.213.008	272.260.750.107	618.005.326.481	419.011.459.568	2.720.906.125	2.772.451.655.289
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(145.938.240.874)	-	-	-	-	(145.938.240.874)
- Tăng trong năm	67.260.000	4.642.181.204	19.807.182.647	37.068.890.810	313.358.760	61.898.873.421
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	47.511.483.344	743.942.425	2.377.892.779	4.651.575.391	32.090.727	55.316.984.666
- Thanh lý, nhượng bán	(364.742.198)	-	(3.489.163.335)	(10.496.400.019)	(107.360.000)	(14.457.665.552)
- (Giảm)/Tăng khác	(4.033.439.771)	38.005.000	1.105.612.000	(352.404.625)	-	(3.242.227.396)
Vào ngày 31/12/2024	**1.357.695.533.509**	**277.684.878.736**	**637.806.850.572**	**449.883.121.125**	**2.958.995.612**	**2.726.029.379.554**
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31/12/2023 *(trình bày lại)*	719.371.991.000	226.435.019.536	520.524.414.016	345.461.850.477	2.593.209.495	1.814.386.484.524
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(75.528.434.308)	-	-	-	-	(75.528.434.308)
- Khấu hao trong năm	49.168.637.990	13.041.121.007	27.249.779.565	38.293.464.034	80.994.603	127.833.997.199
- Thanh lý, nhượng bán	(21.884.532)	-	(3.489.163.335)	(10.496.400.019)	(107.360.000)	(14.114.807.886)
- Tăng/(Giảm) khác	-	-	1.105.612.000	(70.699.997)	-	1.034.912.003
Vào ngày 31/12/2024	**692.990.310.150**	**239.476.140.543**	**545.390.642.246**	**373.188.214.495**	**2.566.844.098**	**1.853.612.151.532**
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31/12/2023 *(trình bày lại)*	741.081.222.008	45.825.730.571	97.480.912.465	73.549.609.091	127.696.630	958.065.170.765
Vào ngày 31/12/2024	**664.705.223.359**	**38.208.738.193**	**92.416.208.326**	**76.694.906.630**	**392.151.514**	**872.417.228.022**

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Vào ngày 31/12/2023 *(trình bày lại)*	758.468.058.334	817.254.691.034	5.153.846.739	1.580.876.596.107
- Mua sắm	-	19.760.105.000	230.000.000	19.990.105.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(30.000.000)	-	(30.000.000)
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	239.753.506.863	-	-	239.753.506.863
Vào ngày 31/12/2024	**998.221.565.197**	**836.984.796.034**	**5.383.846.739**	**1.840.590.207.970**
Giá trị hao mòn luỹ kế:				
Vào ngày 31/12/2023 *(trình bày lại)*	124.406.010.242	592.757.615.535	4.622.078.363	721.785.704.140
- Hao mòn trong năm	39.143.360.457	61.081.172.487	388.949.238	100.613.482.182
- Thanh lý, nhượng bán	-	(30.000.000)	-	(30.000.000)
Vào ngày 31/12/2024	**163.549.370.699**	**653.808.788.022**	**5.011.027.601**	**822.369.186.322**
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31/12/2023 *(trình bày lại)*	634.062.048.092	224.497.075.499	531.768.376	859.090.891.967
Vào ngày 31/12/2024	**834.672.194.498**	**183.176.008.012**	**372.819.138**	**1.018.221.021.648**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Bất động sản đầu tư chờ tăng giá (*)	45.388.992.000	45.388.992.000
Bất động sản đầu tư cho thuê (**)	64.572.276.939	-
TỔNG CỘNG	**109.961.268.939**	**45.388.992.000**

(*) Là khoản đầu tư vào Dự án khu biệt thự nhà vườn Quang Minh tại khu vực Đồng Đìa, Cửa Cuống, Mả Vàng thuộc thôn Gia Tân, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các dự án này vẫn đang được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc bán dự án.

(**) Là tòa nhà Bảo Việt tại 233 Đồng Khởi, thành phố Hồ Chí Minh cho thuê làm văn phòng.

	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	-
- Chuyển từ tài sản cố định	145.938.240.874	145.938.240.874
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	145.938.240.874	145.938.240.874
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	-
- Chuyển từ tài sản cố định	75.528.434.308	75.528.434.308
- Hao mòn trong năm	5.837.529.627	5.837.529.627
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	81.365.963.935	81.365.963.935
Giá trị còn lại:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	64.572.276.939	64.572.276.939

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, do chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Mua sắm (*)	1.423.973.232	246.460.891.301
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	101.514.445.904	99.423.339.516
Sửa chữa lớn (**)	28.706.948.853	28.042.491.551
TỔNG CỘNG	**131.645.367.989**	**373.926.722.368**

(*) Chi tiết các tài sản mua sắm và các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Tòa nhà hợp khối	400.000.000	242.242.223.019
Tòa nhà Thanh Trì	38.180.300.243	38.180.300.243
Trụ sở Bảo Việt Hà Đông	25.588.694.226	25.588.694.226
Trụ sở Bảo Việt, số 7 Lý Thường Kiệt, Hà Nội	6.057.726.000	1.145.695.036
Các tài sản và công trình khác	32.711.698.667	38.727.318.293
TỔNG CỘNG	**102.938.419.136**	**345.884.230.817**

(**) Sửa chữa lớn tài sản cố định gồm việc cải tạo, nâng cấp các tòa nhà, văn phòng hiện hữu.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Chứng khoán kinh doanh	**14.1**		
Cổ phiếu niêm yết		3.207.279.295.300	2.461.009.928.154
Cổ phiếu chưa niêm yết		80.044.359.555	78.889.952.616
Chứng chỉ quỹ		291.879.903.606	284.364.612.640
Trái phiếu		81.164.953.403	442.586.048.464
		3.660.368.511.864	**3.266.850.541.874**
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		**(202.979.291.840)**	**(206.056.858.118)**
		3.457.389.220.024	3.060.793.683.756
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**14.2**		
Ngắn hạn		100.440.649.810.502	98.504.995.982.976
- *Tiền gửi*		*96.311.405.314.136*	*94.682.196.419.640*
- *Tạm ứng từ giá trị hoàn lại*		*4.129.244.496.366*	*3.822.799.563.336*
Dài hạn		123.543.648.618.749	92.307.217.397.763
- *Tiền gửi*		*28.255.853.641.765*	*13.269.018.409.164*
- *Trái phiếu*		*95.287.794.976.984*	*79.038.198.988.599*
		223.984.298.429.251	190.812.213.380.739
Đầu tư tài chính dài hạn khác	**14.3**		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.3.1	2.884.915.841.223	2.844.300.042.626
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3.2	1.279.365.243.151	1.140.403.742.807
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn khác		(62.506.533.483)	(91.181.033.263)
		4.101.774.550.891	**3.893.522.752.170**
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính		**231.543.462.200.166**	**197.766.529.816.665**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.1 *Chứng khoán kinh doanh*

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ (sau khi trích lập dự phòng)	Giá gốc	Giá trị ghi sổ (sau khi trích lập dự phòng)
Cổ phiếu niêm yết				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	810.611.525.339	810.611.525.339	195.205.948.900	195.205.948.900
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	387.723.702.616	387.723.702.616	385.553.148.914	375.383.021.926
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	416.101.571.597	318.775.453.600	415.458.222.493	339.448.019.227
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	265.979.803.260	265.979.803.260	265.979.803.260	265.979.803.260
Cổ phiếu niêm yết khác	1.326.862.692.488	1.296.473.293.938	1.198.812.804.587	1.125.552.378.441
	3.207.279.295.300	**3.079.563.778.753**	**2.461.009.928.154**	**2.301.569.171.754**
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Tổng Công ty MBLand	28.800.000.000	8.016.000.000	28.800.000.000	8.016.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	24.000.000.000	18.059.925.000	24.000.000.000	15.398.175.000
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	27.244.359.555	9.772.659.262	26.089.952.616	9.335.322.847
	80.044.359.555	**35.848.584.262**	**78.889.952.616**	**32.749.497.847**
Chứng chỉ quỹ				
BVPF	77.000.000.000	77.000.000.000	77.000.000.000	77.000.000.000
BVBF	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
BVFED	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
E1VFVN30	43.387.220.470	43.387.220.470	36.070.642.840	36.070.642.840
Khác	56.492.683.136	56.492.683.136	56.293.969.800	55.818.322.851
	291.879.903.606	**291.879.903.606**	**284.364.612.640**	**283.888.965.691**
Trái phiếu				
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	-	-	63.322.561.630	63.322.561.630
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	-	-	199.999.994.934	199.999.994.934
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	-	-	50.983.100.000	50.983.100.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	-	-	50.325.953.400	50.325.953.400
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	50.096.953.403	50.096.953.403	-	-
Khác	31.068.000.000	-	77.954.438.500	77.954.438.500
	81.164.953.403	**50.096.953.403**	**442.586.048.464**	**442.586.048.464**
TỔNG CỘNG	**3.660.368.511.864**	**3.457.389.220.024**	**3.266.850.541.874**	**3.060.793.683.756**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.2 *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi (i)	96.754.005.314.136	96.311.405.314.136	95.124.796.419.640	94.682.196.419.640
Trái phiếu	1.024.752.316.500	-	1.024.752.316.500	-
- *Trái phiếu doanh nghiệp*	*1.024.752.316.500*	-	*1.024.752.316.500*	-
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại (iv)	4.129.244.496.366	4.129.244.496.366	3.822.799.563.336	3.822.799.563.336
	101.908.002.127.002	**100.440.649.810.502**	**99.972.348.299.476**	**98.504.995.982.976**
Dài hạn				
Tiền gửi (ii)	28.255.853.641.765	28.255.853.641.765	13.269.018.409.164	13.269.018.409.164
Trái phiếu (iii)	95.287.794.976.984	95.287.794.976.984	79.038.198.988.599	79.038.198.988.599
- *Trái phiếu doanh nghiệp*	*26.291.302.944.892*	*26.291.302.944.892*	*16.958.992.986.301*	*16.958.992.986.301*
- *Trái phiếu Chính phủ*	*68.996.492.032.092*	*68.996.492.032.092*	*62.079.206.002.298*	*62.079.206.002.298*
	123.543.648.618.749	**123.543.648.618.749**	**92.307.217.397.763**	**92.307.217.397.763**
TỔNG CỘNG	**225.451.650.745.751**	**223.984.298.429.251**	**192.279.565.697.239**	**190.812.213.380.739**

(i) Ngoài các hợp đồng tiền gửi tại ALCII, VFC đã quá hạn, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời hạn gốc trên ba (03) tháng và thời gian đáo hạn không quá một (01) năm và có mức lãi suất đến 10,4%/năm.

(ii) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn trên một (01) năm và được hưởng lãi suất từ 4,8% đến 9,0%/năm.

(iii) Các trái phiếu Chính phủ mà Tập đoàn đầu tư có kỳ hạn từ mười (10) đến ba mươi (30) năm, trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ bảy (07) đến mười (10) năm; các trái phiếu có mức lãi suất đến 8,9%/năm.

(iv) Bao gồm khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc. Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị hoàn lại có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

14.3 *Đầu tư tài chính dài hạn khác*

14.3.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

Đơn vị: VND

Đơn vị được đầu tư	Vốn góp của Tập đoàn	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Long Việt	29.269.440.000	27.245.370.339	27.310.933.325
Tokio Marine Việt Nam	147.000.000.000	312.127.796.919	302.251.205.134
Bảo Việt SCIC	70.000.000.000	72.754.474.182	72.767.163.574
Bảo Việt Bank	1.560.000.000.000	1.913.353.066.497	1.883.054.701.466
Trung Nam Phú Quốc	431.200.000.000	431.178.134.253	431.179.677.638
PLT	97.650.000.000	128.256.999.033	127.736.361.489
TỔNG CỘNG	**2.335.119.440.000**	**2.884.915.841.223**	**2.844.300.042.626**

	Năm nay	Năm trước
Tại ngày 01 tháng 01	**2.844.300.042.626**	**2.797.034.026.188**
Cổ tức được chia trong năm	(53.469.248.381)	(54.782.928.736)
Lãi trong năm thuộc về Tập đoàn	94.085.046.978	102.048.945.174
Tại ngày 31 tháng 12	**2.884.915.841.223**	**2.844.300.042.626**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14.3 *Đầu tư tài chính dài hạn khác (tiếp theo)*

14.3.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ (sau khi trích lập dự phòng)	Giá gốc	Giá trị ghi sổ (sau khi trích lập dự phòng)
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	225.000.000.000	225.000.000.000	225.000.000.000	225.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	144.000.000.000	144.000.000.000	144.000.000.000	144.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	125.000.000.000	125.000.000.000	125.000.000.000	125.000.000.000
Dự án Tháp Tài chính Quốc tế ("IFT")	169.976.934.325	169.976.934.325	169.568.086.825	169.568.086.825
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	293.124.483.483	293.124.483.483	139.286.072.835	111.218.167.989
Khác	322.263.825.343	259.757.291.860	337.549.583.147	274.436.454.730
TỔNG CỘNG	**1.279.365.243.151**	**1.216.858.709.668**	**1.140.403.742.807**	**1.049.222.709.544**

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Phải trả hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	***974.913.411.790***	***885.994.161.469***
Phải trả bồi thường và trả tiền bảo hiểm	252.145.529.679	249.864.098.535
Phải trả thu nhập đại lý	721.168.125.426	633.210.329.179
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ	1.599.756.685	2.919.733.755
Bảo hiểm phi nhân thọ	***1.395.480.202.358***	***1.608.310.591.611***
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	92.969.799.495	108.838.374.776
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc phi nhân thọ	294.889.736.666	188.801.919.795
Phải trả nhận tái bảo hiểm phi nhân thọ	54.675.260.308	64.671.990.152
Phải trả nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	835.529.842.757	1.072.427.750.914
Phải trả đồng bảo hiểm	117.415.563.132	173.570.555.974
	2.370.393.614.148	**2.494.304.753.080**
Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ		
Phải trả người bán, nhà cung cấp	62.789.515.760	42.042.844.095
Phải trả khác	779.356.827	658.129.274
	63.568.872.587	**42.700.973.369**
TỔNG CỘNG	**2.433.962.486.735**	**2.537.005.726.449**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Thuế phải thu Nhà nước *(trình bày lại)*				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.788.139.706)	-	-	(4.788.139.706)
Thuế GTGT	-	(9.928.370)	-	(9.928.370)
Thuế khác	(17.929.009)	12.138.335.640	(12.131.460.781)	(11.054.150)
	(4.806.068.715)	**12.128.407.270**	**(12.131.460.781)**	**(4.809.122.226)**
Thuế phải nộp Nhà nước *(trình bày lại)*				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	33.353.390.431	456.458.991.187	(459.016.733.988)	30.795.647.630
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.449.738.985	464.559.361.643	(432.410.464.622)	143.598.636.006
Thuế thu nhập cá nhân	38.283.060.965	600.771.906.961	(602.769.113.916)	36.285.854.010
Tiền thuế đất	(219.637.945)	15.280.012.748	(14.987.490.454)	72.884.349
Các loại thuế khác	1.731.748.986	34.990.358.722	(36.022.048.075)	700.059.633
TỔNG CỘNG	**184.598.301.422**	**1.572.060.631.261**	**(1.545.205.851.055)**	**211.453.081.628**

Trong năm 2024, mức thuế suất áp dụng đối với các đơn vị trong Tập đoàn như sau:

Đơn vị	*Thuế suất áp dụng*
Bảo Việt - Âu Lạc	10%
Quỹ BVIF	Không thuộc đối tượng chịu thuế
Công ty mẹ và các công ty con khác	20%

Các báo cáo thuế của Công ty mẹ Tập đoàn và các Công ty con chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	464.527.211.119	378.792.911.930
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.475.662.847	3.335.621.421
TỔNG CỘNG	**469.002.873.966**	**382.128.533.351**

16.1 *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**2.663.171.477.296**	**2.263.431.525.645**
Các điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng		
- *Hoa hồng dự trả ước tính năm nay*	*22.147.159.880*	*39.897.800.187*
- *Hoàn nhập lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá năm trước*	*9.028.949.820*	*24.203.041.102*
- *Chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế*	*44.479.556.669*	*33.296.818.535*
Các khoản điều chỉnh giảm		
- *Thu nhập không chịu thuế từ cổ tức, lợi nhuận được chia*	*(281.376.783.279)*	*(169.375.310.172)*
- *Hoàn nhập hoa hồng dự trả ước tính năm trước*	*(39.897.800.187)*	*(39.637.427.790)*
- *Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm*	*(13.667.368.458)*	*(9.034.546.020)*
- *Các khoản chi phí/(hoàn nhập) dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ*	*326.028.508*	*(1.548.894.530)*
- *Hoàn nhập chi phí chưa được khấu trừ năm trước*	*(2.526.955.889)*	*(49.998.376.736)*
Các khoản không chịu thuế phát sinh từ các bút toán điều chỉnh hợp nhất	74.410.013.187	(3.686.549.392)
Các khoản không chịu thuế	(152.081.840.891)	(193.041.582.889)
Tổng điều chỉnh đối với lợi nhuận trước thuế	**(339.159.040.640)**	**(368.925.027.705)**
Thu nhập chịu thuế ("TNCT") ước tính	**2.324.012.436.656**	**1.894.506.497.940**
- *TNCT chịu thuế suất 10%*	*2.752.762.115*	*1.083.876.574*
- *TNCT chịu thuế suất 20%*	*2.321.259.674.541*	*1.893.422.621.366*
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	**464.527.211.119**	**378.792.911.930**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	106.661.599.279	88.021.340.898
Điều chỉnh số thuế phải nộp của các năm trước theo quyết định của cơ quan thuế	32.150.524	50.285.681
Thuế TNDN đã trả trong năm	(432.410.464.622)	(360.202.939.230)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**138.810.496.300**	**106.661.599.279**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

16.2 *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.855.743.207	11.405.871.268	(3.550.128.061)	(6.370.439.678)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.731.324.749)	(1.805.789.963)	(925.534.786)	3.034.818.257
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			**(4.475.662.847)**	**(3.335.621.421)**

16.2.1 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	39.278.716.034	57.029.356.341
Trong đó:		
- *Hoa hồng phải trả trên phí bảo hiểm phải thu*	*22.147.159.879*	*39.897.800.186*
- *Khác*	*17.131.556.155*	*17.131.556.155*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**7.855.743.207**	**11.405.871.268**

16.2.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	13.656.623.743	9.028.949.816
Trong đó:		
- *Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm*	*13.656.623.743*	*9.028.949.816*
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**2.731.324.749**	**1.805.789.963**

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	51.713.756.038	27.714.580.396
Bảo hiểm phi nhân thọ	186.368.368.939	118.532.716.001
	238.082.124.977	**146.247.296.397**
Hoạt động khác		
Hoạt động quản lý bất động sản	20.420.449.754	20.025.706.254
	20.420.449.754	**20.025.706.254**
TỔNG CỘNG	**258.502.574.731**	**166.273.002.651**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THU HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Bảo hiểm phi nhân thọ	18.1	679.647.517.367	702.914.810.505
Bảo hiểm nhân thọ		3.711.688.916	291.184.583
TỔNG CỘNG		**683.359.206.283**	**703.205.995.088**

18.1 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

	Bảo hiểm phi nhân thọ (trình bày lại) VND
Số đầu năm	**320.410.877.616**
Phát sinh trong năm	741.292.140.802
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Phân bổ vào doanh thu trong năm	(679.647.517.367)
Số cuối năm	**382.055.501.051**

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Tài sản thừa chờ xử lý	2.854.403	2.854.403
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	6.757.709.777	6.674.400.807
Phải trả các nghiệp vụ chứng khoán (i)	27.074.229.746	86.523.675.123
Kinh phí cho các chương trình An sinh xã hội chờ giải ngân (ii)	9.356.224.244	8.067.096.440
Phải trả đối tác theo cam kết góp vốn vào Trung Nam Phú Quốc (iii)	34.320.000.000	34.320.000.000
Phải trả khác (iv)	318.117.156.059	335.431.598.902
TỔNG CỘNG	**395.628.174.229**	**471.019.625.675**

(i) Bao gồm các khoản phải trả liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh của Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt.

(ii) Chi phí chương trình 30A của Chính phủ và các chương trình An sinh xã hội đang chờ giải ngân theo tiến độ các công trình tài trợ.

(iii) Căn cứ theo các điều khoản của Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần, Tập đoàn sẽ thực hiện chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Thăng Long theo tiến độ và điều kiện cam kết để hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc.

(iv) Chủ yếu bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp nhằm phục vụ nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm của các đơn vị thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023				Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (*)	2.552.243.031.500	2.552.243.031.500	10.413.506.080.000	(10.781.651.124.500)	2.184.097.987.000	2.184.097.987.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	*1.101.293.031.500*	*1.101.293.031.500*	*769.086.080.000*	*(1.570.701.124.500)*	*299.677.987.000*	*299.677.987.000*
- Ngân hàng TMCP Hàng hải	*300.000.000.000*	*300.000.000.000*	*1.764.000.000.000*	*(1.769.000.000.000)*	*295.000.000.000*	*295.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	*600.000.000.000*	*(300.000.000.000)*	*300.000.000.000*	*300.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	*200.000.000.000*	*200.000.000.000*	*584.000.000.000*	*(400.000.000.000)*	*384.000.000.000*	*384.000.000.000*
- Các ngân hàng khác	*950.950.000.000*	*950.950.000.000*	*6.696.420.000.000*	*(6.741.950.000.000)*	*905.420.000.000*	*905.420.000.000*
Vay các đối tượng khác	820.360.821.143	820.360.821.143	3.606.576.741.063	(3.700.809.192.395)	726.128.369.811	726.128.369.811
	3.372.603.852.643	**3.372.603.852.643**	**14.020.082.821.063**	**(14.482.460.316.895)**	**2.910.226.356.811**	**2.910.226.356.811**
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (**)	1.386.080.000	1.386.080.000	-	(1.386.080.000)	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	*1.386.080.000*	*1.386.080.000*	-	*(1.386.080.000)*	-	-
	1.386.080.000	**1.386.080.000**	**-**	**(1.386.080.000)**	**-**	**-**
TỔNG CỘNG	**3.373.989.932.643**	**3.373.989.932.643**	**14.020.082.821.063**	**(14.483.846.396.895)**	**2.910.226.356.811**	**2.910.226.356.811**

(*) Bao gồm các khoản vay ngắn hạn đến hạn trả và các khoản vay ngắn hạn với mục đích bổ sung vốn lưu động, kinh doanh chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ và có tài sản đảm bảo tín chấp, hợp đồng tiền gửi và chịu lãi suất từ 3,00%/năm đến 6,50%/năm.

(**) Đây là khoản vay dài hạn cho mục đích đầu tư dự án CNTT với lãi suất 5,35% - 5,55%/năm, được đảm bảo bởi hợp đồng tiền gửi.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	**252.093.239.921**
Tăng trong năm	121.289.512.344
Sử dụng trong năm	(113.228.870.839)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	**260.153.881.426**

22. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU

Hợp đồng repo (*)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Bán trong năm VND	Mua lại trong năm VND	Chi phí repo đã phân bổ trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Giá trị ghi sổ trái phiếu repo VND
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	10.085.320.125.765	30.339.439.380.000	(22.575.908.228.000)	452.289.950.387	18.301.141.228.152	15.829.493.401.320
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	5.831.065.672.314	-	(5.874.928.430.000)	43.862.757.686	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	6.023.534.877.011	27.275.346.740.000	(19.876.698.120.000)	400.284.134.543	13.822.467.631.554	10.928.093.237.700
TỔNG CỘNG	**21.939.920.675.090**	**57.614.786.120.000**	**(48.327.534.778.000)**	**896.436.842.616**	**32.123.608.859.706**	**26.757.586.639.020**

(*) Bao gồm khoản phải trả hợp đồng repo đối với các trái phiếu Chính phủ mà Tập đoàn đã bán và cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Ký quỹ đại lý bảo hiểm	274.635.437.022	271.504.437.409
Phải trả khác	28.504.130.631	20.296.013.635
TỔNG CỘNG	**303.139.567.653**	**291.800.451.044**

24. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

	Dự phòng toán học VND	Dự phòng phí chưa được hưởng VND	Dự phòng bồi thường VND	Dự phòng chia lãi VND	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu VND	Dự phòng đảm bảo cân đối VND	Dự phòng dao động lớn VND	Tổng cộng VND
Bảo hiểm nhân thọ								
Ngày 31/12/2023 *(trình bày lại)*	142.699.299.755.806	230.063.954.293	97.212.291.288	2.993.884.034.680	13.659.830.062.518	143.550.405.350	-	159.823.840.503.935
Thay đổi trong năm	14.449.285.268.595	12.467.198.562	(28.594.633.534)	527.118.564.278	3.081.906.630.621	18.698.867.118	-	18.060.881.895.640
Ngày 31/12/2024	157.148.585.024.401	242.531.152.855	68.617.657.754	3.521.002.598.958	16.741.736.693.139	162.249.272.468	-	177.884.722.399.575
Bảo hiểm phi nhân thọ								
Ngày 31/12/2023 *(trình bày lại)*	-	5.082.078.886.449	2.533.672.231.489	-	-	158.304.693.710	135.582.178.616	7.909.637.990.264
Thay đổi trong năm	-	127.198.323.922	509.494.795.207	-	-	91.721.490.089	51.325.477.527	779.740.086.745
Ngày 31/12/2024	-	5.209.277.210.371	3.043.167.026.696	-	-	250.026.183.799	186.907.656.143	8.689.378.077.009
Ngày 31/12/2023 *(trình bày lại)*	142.699.299.755.806	5.312.142.840.742	2.630.884.522.777	2.993.884.034.680	13.659.830.062.518	301.855.099.060	135.582.178.616	167.733.478.494.199
Thay đổi trong năm	14.449.285.268.595	139.665.522.484	480.900.161.673	527.118.564.278	3.081.906.630.621	110.420.357.207	51.325.477.527	18.840.621.982.385
Ngày 31/12/2024	**157.148.585.024.401**	**5.451.808.363.226**	**3.111.784.684.450**	**3.521.002.598.958**	**16.741.736.693.139**	**412.275.456.267**	**186.907.656.143**	**186.574.100.476.584**

Chi tiết thay đổi dự phòng nghiệp vụ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ trong năm như sau:

	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái VND	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (tài sản tái bảo hiểm) VND	Dự phòng bảo hiểm thuần VND
Ngày 31/12/2023 *(trình bày lại)*			
Dự phòng phí chưa được hưởng	5.082.078.886.449	(1.718.075.470.524)	3.364.003.415.925
Dự phòng bồi thường	2.533.672.231.489	(1.291.106.461.471)	1.242.565.770.018
Dự phòng dao động lớn	135.582.178.616	-	135.582.178.616
Dự phòng đảm bảo cân đối	158.304.693.710	-	158.304.693.710
TỔNG CỘNG	**7.909.637.990.264**	**(3.009.181.931.995)**	**4.900.456.058.269**
Ngày 31/12/2024			
Dự phòng phí chưa được hưởng	5.209.277.210.371	(1.686.897.782.968)	3.522.379.427.403
Dự phòng bồi thường	3.043.167.026.696	(1.871.236.613.709)	1.171.930.412.987
Dự phòng dao động lớn	186.907.656.143	-	186.907.656.143
Dự phòng đảm bảo cân đối	250.026.183.799	-	250.026.183.799
TỔNG CỘNG	**8.689.378.077.009**	**(3.558.134.396.677)**	**5.131.243.680.332**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024 *(trình bày lại)*	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**2.233.517.394.474**	**103.568.802.818**	**3.565.845.500.585**	**709.311.077.785**	**918.962.506.736**	**22.280.336.857.205**
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(745.069.356.247)	-	-	(745.069.356.247)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(118.130.315.034)	-	(3.159.197.310)	(121.289.512.344)
Của công ty mẹ (***)	-	-	-	-	-	*(36.187.556.080)*	-	-	*(36.187.556.080)*
Của các công ty con	-	-	-	-	-	*(81.942.758.954)*	-	*(3.159.197.310)*	*(85.101.956.264)*
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	700.335.639.095	-	(700.335.639.095)	-	-	-
Của công ty mẹ (***)	-	-	-	*334.829.549.816*	-	*(334.829.549.816)*	-	-	-
Của các công ty con	-	-	-	*365.506.089.279*	-	*(365.506.089.279)*	-	-	-
Chi thù lao Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của các Công ty con	-	-	-		-	(944.531.050)	-	(631.839.462)	(1.576.370.512)
Chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-		-	-	-	(25.860.731.704)	(25.860.731.704)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	2.110.496.926.600	-	83.671.676.730	2.194.168.603.330
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-		-	(88.621.306.851)	88.621.306.851	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(16.175.189.819)	-	1.352.760.014	(14.822.429.805)
Tại ngày 31/12/2024	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**2.933.853.033.569**	**103.568.802.818**	**4.007.066.089.089**	**797.932.384.636**	**974.335.175.004**	**23.565.887.059.923**

(*) Quỹ chênh lệch tỷ giá thể hiện chênh lệch do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Tokio Marine Việt Nam từ USD sang VND từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

(**) Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu thể hiện phần lợi ích còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của BVSC phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn trích 334.829.549.816 VND, bằng 30% lợi nhuận sau thuế 2023 cho Quỹ Đầu tư phát triển và 36.187.556.080 VND, bằng 3,24% lợi nhuận sau thuế 2023 cho các Quỹ Khen thưởng Phúc lợi và Quỹ thưởng cho Người quản lý của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)*

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**1.592.882.068.422**	**103.568.802.818**	**3.306.180.965.907**	**638.658.717.043**	**880.535.475.965**	**21.270.957.604.962**
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(708.175.916.856)	-	-	(708.175.916.856)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(112.233.944.515)	-	(4.282.571.952)	(116.516.516.467)
Của Công ty mẹ	-	-	-	-	-	*(37.748.127.469)*	-	-	*(37.748.127.469)*
Của các công ty con	-	-	-	-	-	*(74.485.817.046)*	-	*(4.282.571.952)*	*(78.768.388.998)*
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	650.635.326.052	-	(650.635.326.052)	-	-	-
Của công ty mẹ	-	-	-	*319.677.901.150*	-	*(319.677.901.150)*	-	-	-
Của các công ty con	-	-	-	*330.957.424.902*	-	*(330.957.424.902)*	-	-	-
Chi thù lao Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của các Công ty con	-	-	-	-	-	(2.780.395.552)	-	(856.514.390)	(3.636.909.942)
Chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(32.125.505.064)	(32.125.505.064)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.805.317.054.880	-	75.985.937.414	1.881.302.992.294
(Giảm)/Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-	(10.000.000.000)	-	(60.652.360.742)	70.652.360.742	-	-
Giảm khác	-	-	-		-	(11.174.576.485)	-	(294.315.237)	(11.468.891.722)
Tại ngày 31/12/2023 *(trình bày lại)*	**7.423.227.640.000**	**7.310.458.742.807**	**15.445.192.000**	**2.233.517.394.474**	**103.568.802.818**	**3.565.845.500.585**	**709.311.077.785**	**918.962.506.736**	**22.280.336.857.205**

25.2 *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Cổ phiếu thường VND	Tổng số VND	Cổ phiếu thường VND	Tổng số VND
Số vốn góp của cổ đông	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807
TỔNG CỘNG	**14.733.686.382.807**	**14.733.686.382.807**	**14.733.686.382.807**	**14.733.686.382.807**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận*

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Ngày 01 tháng 01	**7.423.227.640.000**	**7.423.227.640.000**
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Ngày 31 tháng 12	**7.423.227.640.000**	**7.423.227.640.000**
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**745.069.356.247**	**708.175.916.856**

25.4 *Cổ tức*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	745.069.356.247	708.175.916.856
- *Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông (cổ tức cho năm 2023: 1.003,7 VND/cổ phiếu, cổ tức cho năm 2022: 954 VND/cổ phiếu)*	*745.069.356.247*	*708.175.916.856*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn Bảo Việt chi trả cổ tức cho năm tài chính 2023 là 10,037% (1.003,7 VND/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 7.423.227.640.000 VND, tương đương với số tiền thực tế chi trả là 745.069.356.247 VND. Việc chi trả cổ tức đã được thực hiện vào tháng 12 năm 2024.

25.5 *Cổ phiếu*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Số lượng VND	Giá trị VND	Số lượng VND	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**
Cổ phiếu phổ thông	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*
Cổ phiếu đang lưu hành	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**	**742.322.764**	**7.423.227.640.000**
Cổ phiếu phổ thông	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*	*742.322.764*	*7.423.227.640.000*

26. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

26.1 *Phí bảo hiểm gốc*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	4.447.125.987.350	5.336.068.623.604
Bảo hiểm liên kết chung	26.364.324.867.197	25.798.820.021.658
Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ khác	1.348.250.162.301	1.358.228.018.336
Tổng doanh thu bảo hiểm nhân thọ	**32.159.701.016.848**	**32.493.116.663.598**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	1.198.710.725.609	1.146.713.487.550
Bảo hiểm tài sản	4.220.186.829.463	4.332.272.935.092
Bảo hiểm con người	5.013.177.407.931	4.680.212.146.244
Tổng doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ	**10.432.074.963.003**	**10.159.198.568.886**
Tổng doanh thu bảo hiểm	**42.591.775.979.851**	**42.652.315.232.484**

26.2 *Phí nhận tái bảo hiểm*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Bảo hiểm trách nhiệm	26.741.954.158	32.569.736.436
Bảo hiểm tài sản	182.650.386.867	183.985.890.839
Bảo hiểm con người	8.178.761.191	792.547.884
TỔNG CỘNG	**217.571.102.216**	**217.348.175.159**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	183.070.177	230.111.074
Bảo hiểm liên kết chung	8.602.484.232	9.186.990.864
Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ khác	3.175.237.656	2.556.098.501
	11.960.792.065	**11.973.200.439**
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	633.168.212.666	550.776.737.775
Bảo hiểm tài sản	2.431.909.523.610	2.587.995.317.211
Bảo hiểm con người	435.281.664.642	323.204.201.182
	3.500.359.400.918	**3.461.976.256.168**
TỔNG CỘNG	**3.512.320.192.983**	**3.473.949.456.607**

28. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

28.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Chi trả đáo hạn	2.980.154.932.934	2.208.586.722.051
Chi giá trị hoàn lại	9.182.388.726.257	9.742.224.406.762
Chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro và chi trả khác theo hợp đồng bảo hiểm	2.901.953.612.989	2.753.118.427.044
	15.064.497.272.180	**14.703.929.555.857**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	436.901.141.829	292.763.418.482
Bảo hiểm tài sản	1.447.548.392.202	1.784.542.798.297
Bảo hiểm con người	2.765.428.749.237	2.820.033.978.172
	4.649.878.283.268	**4.897.340.194.951**
TỔNG CỘNG	**19.714.375.555.448**	**19.601.269.750.808**

28.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	9.945.940.920	10.790.577.408
Bảo hiểm tài sản	53.987.225.418	68.617.827.260
Bảo hiểm con người	2.337.838.001	2.008.489.783
TỔNG CỘNG	**66.271.004.339**	**81.416.894.451**

28.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Thu từ nhượng tái bảo hiểm	2.994.549.410	6.805.754.694
	2.994.549.410	**6.805.754.694**
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm trách nhiệm	279.129.039.302	125.979.827.133
Bảo hiểm tài sản	683.054.279.018	915.506.566.653
Bảo hiểm con người	220.812.071.891	225.137.616.379
	1.182.995.390.211	**1.266.624.010.165**
TỔNG CỘNG	**1.185.989.939.621**	**1.273.429.764.859**

29. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Chi để phòng hạn chế tổn thất	36.581.377.309	47.345.736.119
Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác	159.228.649.654	155.253.902.754
Chi nhận tái bảo hiểm khác	139.206.501	512.495.877
Chi đại lý bảo hiểm và các khoản chi khác	409.539.083.632	333.378.910.535
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm phân bổ từ chi quản lý và các khoản chi khác	984.416.110.924	1.026.273.592.499
TỔNG CỘNG	**1.589.904.428.020**	**1.562.764.637.784**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THU NHẬP THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Thu nhập từ các hoạt động khác		
Hoạt động môi giới chứng khoán và bảo lãnh phát hành	318.547.246.719	307.753.807.713
Dịch vụ tư vấn đầu tư	3.746.340.908	2.202.550.000
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	6.624.132.914	6.994.538.629
Quản lý danh mục đầu tư	5.674.984.364	5.543.630.492
Cho thuê và quản lý bất động sản (*)	62.798.802.736	65.230.774.352
Hoạt động xây dựng và kinh doanh thương mại	52.775.725.638	150.198.666.336
Các dịch vụ khác	105.707.114.191	64.419.931.447
	555.874.347.470	**602.343.898.969**
Chi phí từ các hoạt động khác		
Hoạt động môi giới chứng khoán và bảo lãnh phát hành	(258.126.664.530)	(293.120.089.806)
Dịch vụ tư vấn đầu tư	(8.346.488.737)	(10.227.459.864)
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	(19.282.636.289)	(18.076.216.835)
Quản lý danh mục đầu tư	(1.476.434.257)	(1.677.026.615)
Quản lý bất động sản (*)	(74.661.760.629)	(79.219.663.625)
Hoạt động xây dựng và kinh doanh thương mại	(71.523.203.867)	(149.039.959.159)
Các dịch vụ khác	(112.465.273.976)	(60.004.217.081)
	(545.882.462.285)	**(611.364.632.985)**
TỔNG CỘNG	**9.991.885.185**	**(9.020.734.016)**

(*) Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	47.996.086.166
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	(25.777.893.979)

31. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

31.1 *Doanh thu hoạt động tài chính*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	6.644.208.109.215	8.641.747.883.694
Lãi đầu tư trái phiếu	4.813.425.109.263	3.941.112.151.728
Thu nhập từ tạm ứng giá trị hoàn lại	427.805.638.871	371.676.303.235
Cổ tức được chia	266.376.783.279	169.375.310.172
Lãi chênh lệch tỷ giá	26.930.658.427	21.115.984.424
Lãi đầu tư, kinh doanh chứng khoán	94.670.749.731	50.244.753.336
Doanh thu hoạt động tài chính khác	415.910.046.938	348.093.957.680
TỔNG CỘNG	**12.689.327.095.724**	**13.543.366.344.269**

31.2 *Chi phí hoạt động tài chính*

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	40.858.814.574	37.215.728.051
Chi phí repo và lãi vay	1.031.797.974.569	1.777.742.465.476
Trả lãi cho chủ hợp đồng	368.928.956.327	350.060.365.200
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	85.929.246.886	58.368.273.667
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(32.465.079.757)	41.549.887.260
Chi phí hoạt động tài chính khác	620.681.477.340	561.962.039.320
TỔNG CỘNG	**2.115.731.389.939**	**2.826.898.758.974**

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Chi khen thưởng và hỗ trợ đại lý	1.223.563.721.196	1.035.913.430.655
Chi đào tạo đại lý	68.490.328.204	46.725.064.676
Chi phí tuyển dụng	54.744.762.085	11.387.583.568
TỔNG CỘNG	**1.346.798.811.485**	**1.094.026.078.899**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		
Chi phí nhân công	2.823.435.850.594	2.356.123.095.746
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	167.267.068.173	152.155.838.659
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	67.703.094.468	60.143.442.651
Thuế và chi phí lệ phí	31.236.578.461	29.801.639.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.420.615.734.085	1.065.470.283.951
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	13.036.320.760	(50.973.409.387)
Chi phí khác	493.405.974.713	670.391.120.655
	5.016.700.621.254	**4.283.112.011.884**
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		
Chi phí nhân công	285.003.464.273	300.521.156.376
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	145.141.181.476	119.663.421.069
Thuế và chi phí lệ phí	23.582.216.229	23.519.226.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.153.586.750	134.164.723.167
Chi phí dự phòng	2.160.348.096	4.620.454.367
Chi phí khác	100.858.981.037	89.467.516.115
	707.899.777.861	**671.956.497.607**
TỔNG CỘNG	**5.724.600.399.115**	**4.955.068.509.491**

34. LỢI NHUẬN KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	907.243.953	738.728.919
Thu nhập khác	28.929.448.771	38.847.421.227
	29.836.692.724	**39.586.150.146**
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	(93.467.429)	(70.598.708)
Chi phí khác	(3.732.307.492)	(4.166.126.690)
	(3.825.774.921)	**(4.236.725.398)**
Lợi nhuận khác	**26.010.917.803**	**35.349.424.748**

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bao gồm:

Các bên liên quan	*Quan hệ*
Bộ Tài chính	Cổ đông sáng lập
SCIC	Cổ đông sáng lập
Sumitomo Life	Cổ đông chiến lược
Tokio Marine Việt Nam	Công ty liên doanh
Bảo Việt Bank	Công ty liên kết
Bảo Việt SCIC	Công ty liên kết
Long Việt	Công ty liên kết
Trung Nam Phú Quốc	Công ty liên kết
PLT	Công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 gồm:

Các bên liên quan	Giao dịch	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Cổ đông sáng lập			
Bộ Tài chính	Cổ tức đã trả	(484.295.086.260)	(460.314.349.200)
SCIC	Cổ tức đã trả	(22.236.371.280)	(21.135.297.600)
Cổ đông chiến lược			
Sumitomo Life	Doanh thu cho thuê văn phòng	488.160.000	488.160.000
	Cổ tức đã trả	(164.552.019.057)	(156.403.931.634)
Công ty liên doanh, liên kết			
Bảo Việt Bank	Doanh thu dịch vụ CNTT	1.278.889.566	1.184.356.288
	Doanh thu lãi tiền gửi	638.913.241.406	697.466.426.521
	Doanh thu cho thuê trụ sở làm việc, phí quản lý tòa nhà, phí giữ xe	31.027.866.817	29.362.768.133
	Chi phí repo và lãi vay	(454.986.196.962)	(470.450.115.770)
Tokio Marine Việt Nam	Doanh thu phí quản lý quỹ	340.905.553	1.088.078.948
	Cổ tức được nhận	47.169.248.381	45.332.928.736

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Phải thu/(Phải trả)	
		Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Công ty liên doanh, liên kết			
Bảo Việt Bank	Số dư tiền gửi thanh toán, ký quỹ	731.735.267.484	190.436.549.395
	Tiền thu hộ (tiền đang chuyển)	123.150.211.276	387.780.374.985
	Số dư tiền gửi có kỳ hạn và lãi dự thu	14.563.053.715.336	8.673.259.003.195
	Số dư các khoản vay và lãi dự chi	-	170.000.000.000
	Số dư trái phiếu	-	50.325.953.400
	Số dư phải trả các hợp đồng mua bán lại TPCP	(18.301.141.228.152)	(10.085.427.714.806)
	Phải thu dịch vụ cho thuê nhà, quản lý tòa nhà	159.236.740	-
	Phải thu phí CNTT, dịch vụ đào tạo	323.959.327	299.655.766
	Phải trả tiền đặt cọc thuê văn phòng	(419.139.600)	(419.139.600)
Cổ đông chiến lược			
Sumitomo Life	Phải trả tiền đặt cọc thuê văn phòng	(44.748.000)	(44.748.000)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương sau thuế thu nhập cá nhân của Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác của Tập đoàn, tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, như sau:

	Năm 2024 VND
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	
Bà Trần Thị Diệu Hằng(*)	217.333.333
Bà Thân Hiền Anh	2.580.645
Ông Nguyễn Xuân Việt	240.000.000
Ông Nguyễn Đình An(**)	217.333.333
Ông Nguyễn Quang Phi	3.870.968
Ông Nguyễn Thừa Nhật	3.870.968
Ông Arai Kazuhiko	236.129.032
Ông Inami Ryota	240.000.000
Ông Igarashi Takafumi	3.870.968
Bà Ngô Thị Thu Trang	3.870.968
Ông Dương Trí Thành	3.870.968
Ông Trịnh Hồng Quang	3.870.968
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	**830.903.354**
Tiền lương của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác	
Bà Trần Thị Diệu Hằng(*)	92.635.891
Ông Nguyễn Đình An(**)	595.744.843
Ông Nguyễn Xuân Việt(***)	83.721.512
Ông Nguyễn Xuân Hòa	956.489.888

(*): Bà Trần Thị Diệu Hằng nhận lương người quản lý chuyên trách (chức danh quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị) từ ngày 27/11/2024.

(**): Ông Nguyễn Đình An nhận lương người quản lý chuyên trách (chức danh quyền Tổng Giám đốc) đến ngày 27/11/2024; nhận lương người quản lý chuyên trách (chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị) từ ngày 27/11/2024.

(***): Ông Nguyễn Xuân Việt nhận lương người quản lý chuyên trách (chức danh quyền Tổng Giám đốc) từ ngày 27/11/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**2.110.496.926.600**	**1.805.317.054.880**
Điều chỉnh giảm do:		
- *Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng cho người quản lý (*)*	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.110.496.926.600**	**1.805.317.054.880**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	742.322.764	742.322.764
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.843**	**2.432**

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ để phản ánh số liệu điều chỉnh theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước. Bên cạnh đó theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng cho người quản lý là 36.187.556.080 VND, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính 2023 được điều chỉnh tương ứng là 2.383 VND.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Ban Điều hành theo dõi kết quả hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho quá trình ra quyết định về việc phân bổ nguồn lực và đánh giá hoạt động.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì phạm vi hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lời.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm mục đích quản trị, Tập đoàn được tổ chức theo từng đơn vị kinh doanh dựa trên sản phẩm và dịch vụ mà các đơn vị này cung cấp. Tập đoàn thực hiện báo cáo theo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

- Dịch vụ bảo hiểm (nhân thọ và phi nhân thọ), cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm trọn đời; bảo hiểm sinh kỳ; bảo hiểm tử kỳ; bảo hiểm hỗn hợp; bảo hiểm liên kết ngân hàng; bảo hiểm trả tiền định kỳ; bảo hiểm liên kết chung; bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm hàng không; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm nông nghiệp; các loại hình bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ.

- Dịch vụ tài chính bao gồm các dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư, môi giới và kinh doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, v.v... BVF cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho chủ hợp đồng bảo hiểm. BVSC cung cấp các dịch vụ môi giới, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và kinh doanh chứng khoán.

- Các hoạt động về bất động sản và các hoạt động khác bao gồm các dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan đối với các tòa nhà Bảo Việt. Ngoài ra, Tập đoàn đang tiến hành xây dựng các dự án bất động sản như xây dựng tòa nhà Bảo hiểm Bảo Việt ở Hà Nội, dự án ở thành phố Hồ Chí Minh và các dự án bất động sản khác trong nước.

Giá cả giao dịch giữa các bộ phận kinh doanh được quyết định dựa trên giá thị trường tương tự như giao dịch với bên thứ ba khác. Doanh thu bộ phận, chi phí bộ phận và kết quả kinh doanh bộ phận bao gồm doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động chuyển giao giữa các bộ phận với nhau được loại bỏ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các bảng biểu sau trình bày thông tin về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, doanh thu và lợi nhuận liên quan đến các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Hoạt động bảo hiểm	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
Doanh thu phí bảo hiểm	42.672.744	-	-	(3.062)	42.669.682
Phí nhượng tái bảo hiểm	(3.543.498)	-	-	-	(3.543.498)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	700.755	-	-	(3.763)	696.992
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**39.830.001**	**-**	**-**	**(6.825)**	**39.823.176**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(19.714.376)	-	-	-	(19.714.376)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	(66.271)	-	-	-	(66.271)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	2.212	-	-	-	2.212
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.185.990	-	-	-	1.185.990
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(18.168.731)	-	-	-	(18.168.731)
Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(480.900)	-	-	-	(480.900)
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	580.130	-	-	-	580.130
Trích dự phòng dao động lớn	(51.325)	-	-	-	(51.325)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.137.785)	-	-	58.768	(4.079.017)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(40.851.056)**	**-**	**-**	**58.768**	**(40.792.288)**
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	533.831	24.309	(548.149)	9.991
Chi phí bán hàng	(1.346.799)	-	-	-	(1.346.799)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(5.336.082)	(742.468)	(18.126)	372.076	(5.724.600)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	9.867.901	1.992.749	8.644	(1.295.699)	10.573.595
Lợi nhuận khác	50.430	438	(660)	(24.197)	26.011
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	94.085	94.085
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**2.214.395**	**1.784.550**	**14.167**	**(1.349.941)**	**2.663.171**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 *(trình bày lại)*	Hoạt động bảo hiểm	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
Doanh thu phí bảo hiểm	42.670.109	-	-	(2.969)	42.667.140
Phí nhượng tái bảo hiểm	(3.319.163)	-	-	-	(3.319.163)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	745.458	-	-	(7.956)	737.502
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**40.096.404**	**-**	**-**	**(10.925)**	**40.085.479**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(19.601.270)	-	-	-	(19.601.270)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	(81.417)	-	-	-	(81.417)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	1.247	-	-	-	1.247
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.273.430	-	-	-	1.273.430
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(20.007.940)	-	-	-	(20.007.940)
Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	82.827	-	-	-	82.827
Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(95.435)	-	-	-	(95.435)
Tăng dự phòng dao động lớn	(109.240)	-	-	-	(109.240)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.155.559)	-	-	75.559	(4.080.000)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(42.693.357)**	**-**	**-**	**75.559**	**(42.617.798)**
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	473.743	25.482	(508.246)	(9.021)
Chi phí bán hàng	(1.094.026)	-	-	-	(1.094.026)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(4.591.419)	(677.553)	(19.725)	333.628	(4.955.069)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	9.961.923	1.902.414	7.964	(1.155.833)	10.716.468
Lợi nhuận khác	61.687	(124)	(182)	(26.032)	35.349
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	102.049	102.049
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.741.212**	**1.698.480**	**13.539**	**(1.189.800)**	**2.263.431**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Đơn vị: triệu đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Hoạt động bảo hiểm	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
TÀI SẢN					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.012.489	439.919	9.860	1.820	1.464.088
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	512.076	-	-	-	512.076
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	753.404	-	-	-	753.404
Tài sản tái bảo hiểm	3.558.134	-	-	-	3.558.134
Các khoản phải thu khác	6.786.787	1.878.886	45.262	(1.922.077)	6.788.858
Đầu tư tài chính	223.042.276	19.202.888	161.814	(10.863.516)	231.543.462
Phải thu về cho vay	-	3.531.654	-	15.230	3.546.884
Tài sản cố định hữu hình	628.805	128.724	50.584	64.304	872.417
Tài sản cố định vô hình	585.728	417.351	15.142	-	1.018.221
Các tài sản khác	1.023.685	214.137	72.572	(81.612)	1.228.782
TỔNG TÀI SẢN	**237.903.384**	**25.813.559**	**355.234**	**(12.785.851)**	**251.286.326**
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ ngắn hạn	37.870.097	3.430.788	51.140	(511.557)	40.840.468
Nợ dài hạn	186.853.423	34.306	27.046	(34.804)	186.879.971
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**224.723.520**	**3.465.094**	**78.186**	**(546.361)**	**227.720.439**
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**13.179.864**	**22.348.465**	**277.048**	**(12.239.490)**	**23.565.887**
TỔNG NGUỒN VỐN	**237.903.384**	**25.813.559**	**355.234**	**(12.785.851)**	**251.286.326**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Đơn vị: triệu đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 *(trình bày lại)*	Hoạt động bảo hiểm	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh hợp nhất	Tổng
TÀI SẢN					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.000.200	2.757.907	23.254	1.002.153	4.783.514
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	591.224	-	-	-	591.224
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	859.507	-	-	-	859.507
Tài sản tái bảo hiểm	3.009.182	-	-	-	3.009.182
Các khoản phải thu khác	7.709.066	1.362.096	54.830	(1.421.795)	7.704.197
Đầu tư tài chính	191.907.655	17.472.790	97.300	(11.711.215)	197.766.530
Phải thu về cho vay	-	3.234.935	-	15.729	3.250.664
Tài sản cố định hữu hình	634.198	249.046	51.109	23.712	958.065
Tài sản cố định vô hình	593.365	251.086	14.640	-	859.091
Các tài sản khác	974.926	346.664	103.366	(47.107)	1.377.849
TỔNG TÀI SẢN	**207.279.323**	**25.674.524**	**344.499**	**(12.138.523)**	**221.159.823**
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ ngắn hạn	27.049.251	3.995.711	49.366	(243.313)	30.851.015
Nợ dài hạn	168.008.909	30.463	18.657	(29.558)	168.028.471
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**195.058.160**	**4.026.174**	**68.023**	**(272.871)**	**198.879.486**
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**12.221.163**	**21.648.350**	**276.476**	**(11.865.652)**	**22.280.337**
TỔNG NGUỒN VỐN	**207.279.323**	**25.674.524**	**344.499**	**(12.138.523)**	**221.159.823**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC TÀI SẢN TIỀM TÀNG

38.1 *Cam kết cho thuê hoạt động*

Tập đoàn hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
- Từ 1 năm trở xuống	23.984.427.262
- Từ trên 1 năm đến 5 năm	35.116.899.087
TỔNG CỘNG	**59.101.326.349**

38.2 *Tài sản thuê ngoài*

Tập đoàn có các mảnh đất thuê trả tiền hàng năm. Hàng năm, Tập đoàn vẫn trả tiền thuê đất theo thông báo của các Chi cục Thuế địa phương.

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động khác bao gồm các tài sản là văn phòng, trụ sở làm việc không hủy ngang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
- Từ 1 năm trở xuống	126.190.560.625	112.148.072.468
- Từ trên 1 năm đến 5 năm	168.694.292.214	203.732.409.251
- Trên 5 năm	100.523.198.671	76.309.235.840
	395.408.051.510	**392.189.717.559**

38.3 *Tài sản tiềm tàng*

Trong các năm từ 2007 đến 2009, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con đã ký các hợp đồng tiền gửi với Công ty Cho thuê tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ALCII"). Bắt đầu từ năm 2009, do tình hình tài chính khó khăn, ALCII đã không thực hiện việc chi trả gốc và lãi của một số hợp đồng tiền gửi cho Tập đoàn. Do đó, năm 2016, Tập đoàn đã thực hiện khởi kiện ALCII theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc không thực hiện các nghĩa vụ quy định trong các hợp đồng tiền gửi đã giao kết. Theo quyết định của Bản án số 1009/2016/KDTM-PT ngày 05 tháng 9 năm 2016 và Bản án số 1158/2016/HDTM-PT ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tòa phúc thẩm - Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ALCII có trách nhiệm phải thanh toán cho Tập đoàn khoản tiền còn nợ Tập đoàn tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2016, bao gồm 326.600.000.000 VND nợ gốc tiền gửi chưa thanh toán, 52.990.388.887 VND nợ lãi trong hạn chưa thanh toán, 421.212.752.500 VND nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn chưa thanh toán và 69.068.967.356 VND nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ lãi trong hạn chưa thanh toán và tiền lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 6 năm 2016 cho đến khi trả hết nợ tính trên số dư nợ gốc và nợ lãi trong hạn còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tiền gửi đã ký. Ngày 31 tháng 7 năm 2018, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định 1009/2018/QĐ-TBPS về việc tuyên bố phá sản đối với ALCII. Tập đoàn hiện vẫn đang tiếp tục phối hợp với các bên liên quan thực hiện công tác thu hồi công nợ của ALCII.

Trong các năm từ 2007 đến năm 2010, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con đã ký các hợp đồng tiền gửi với Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy (VFC) và mua các trái phiếu của Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (VNS). Từ năm 2009 và 2010, do tình hình khó khăn, VFC đã không thực hiện chi trả gốc của các hợp đồng tiền gửi đến hạn, VNS không chi trả lãi hàng kỳ của các trái phiếu. Năm 2021, Tập đoàn và các công ty con đã thực hiện khởi kiện VFC, VNS lên Tòa án nhân dân quận, nơi VFC và VNS đặt trụ sở. Đối với các vụ kiện VFC, Tòa án nhân dân các cấp đã ra phán quyết chấp thuận yêu cầu khởi kiện của Tập đoàn và chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của các công ty con; theo đó Tập đoàn và các công ty con đã tiếp tục có Đơn yêu cầu thi hành án gửi Chi cục Thi hành án nơi VFC đặt trụ sở và các Chi cục Thi hành án đã ra Quyết định thi hành án. Đối với các vụ kiện VNS, Tòa án nhân dân các cấp đã ra phán quyết chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con; Tập đoàn và các công ty con cũng đã có Đơn yêu cầu thi hành án gửi Chi cục Thi hành án nơi VNS và VFC đặt trụ sở. Ngày 18 tháng 10 năm 2023, Chi cục Thi hành án quận Ba Đình đã ra Quyết định thi hành án, buộc VNS phải thực hiện thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn và lãi chậm trả theo các trái phiếu cho Tập đoàn. Ngày 11 tháng 12 năm 2023, Chi cục Thi hành án quận Hoàn Kiếm đã ra quyết định thi hành án, buộc VFC phải thực hiện thanh toán nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn theo các hợp đồng tiền gửi cho Tập đoàn. Tập đoàn hiện vẫn đang tiếp tục phối hợp với các bên liên quan thực hiện công tác thu hồi công nợ của VFC và VNS.

39. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
1.	Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	572.671.146.383	176.359.858.073
2.	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	154.126.739.670	132.178.081.950
3.	Ngoại tệ (USD)	1.182.193	1.365.625
4.	Chứng khoán lưu ký (VND)	31.484.227.312.000	26.873.541.429.900
5.	Chứng khoán chưa lưu ký (VND)	1.153.171.522.900	1.237.613.480.000
6.	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (VND)	939.332.428.229	1.093.321.737.987
7.	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (VND)	254.898.389.400	237.172.629.700
8.	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác (VND)	6.951.543.152	12.429.557.534
9.	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác (VND)	(938.883.595.003)	(1.095.623.908.837)
10.	Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu, cho vay ủy thác (VND)	2.519.762.264.225	2.391.605.068.491

40. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

Hoạt động Quản lý rủi ro ("QLRR") tại Tập đoàn và các Công ty con nhằm phòng ngừa, giảm thiểu những rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra để góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; góp phần tạo ra môi trường quản lý minh bạch; bảo vệ tài sản và uy tín của Tập đoàn và các Công ty con.

Hoạt động QLRR được thực hiện thống nhất từ Ban Lãnh đạo Tập đoàn đến từng bộ phận chức năng, cán bộ tại Tập đoàn và các Công ty con theo một nguyên tắc chung nhằm chủ động phát hiện, đánh giá và kiểm soát tác động của các loại rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị Tập đoàn ("HĐQT") chịu trách nhiệm quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản lý rủi ro Tập đoàn; ban hành quy chế, chiến lược quản lý rủi ro Tập đoàn và thực hiện giám sát hoạt động QLRR toàn Tập đoàn.

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt ban hành chính sách, các văn bản quy định, hướng dẫn quản lý rủi ro nội bộ, tổ chức thực hiện, quy chế, chiến lược, quản lý rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Các chính sách và quy định QLRR được rà soát định kỳ nhằm quản lý rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các công ty con.

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn ("HĐQLRR") là cơ quan giúp việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro. Các cuộc họp của HĐQLRR được tổ chức định kỳ hàng quý nhằm nhận dạng, đánh giá mức độ rủi ro của toàn Tập đoàn, nhận dạng, đánh giá các rủi ro mới và biện pháp phòng ngừa; phê duyệt mô hình, công cụ đo lường, hạn mức các loại rủi ro; giám sát việc thực hiện các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.

Tại thuyết minh này, Tập đoàn trình bày cách thức cơ bản về hoạt động QLRR nói chung và các mục tiêu, chính sách, quy trình, phương pháp quản lý, đo lường các loại rủi ro cụ thể liên quan tới việc sử dụng các công cụ tài chính nói riêng.

Quản lý vốn

Mục tiêu ưu tiên của Tập đoàn và các Công ty con trong việc quản lý vốn là tuân thủ pháp luật và luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh và bù đắp các rủi ro cố hữu. Ngoài ra, việc quản lý vốn tuân theo các yêu cầu về biên khả năng thanh toán theo luật định và các yêu cầu chiến lược của Tập đoàn.

Tập đoàn và các công ty con nhận thức được những tác động của mức độ vốn đã góp đối với lợi nhuận của cổ đông. Các Công ty con quản lý vốn của mình để phát triển hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu luật định đồng thời phù hợp với kế hoạch vốn của Tập đoàn.

Các cơ quan quản lý luôn quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của chủ hợp đồng bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả vì lợi ích của các chủ hợp đồng này. Các cơ quan quản lý đồng thời cũng yêu cầu công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đảm bảo thanh toán cho những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ:

	Biên khả năng thanh toán (triệu VND)	Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VND)	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán (%)
Bảo hiểm Bảo Việt			
Tại ngày 31/12/2024	2.592.334	1.788.087	145
Tại ngày 31/12/2023 *(trình bày lại)*	2.500.045	1.729.385	145
Bảo Việt Nhân thọ			
Tại ngày 31/12/2024	8.879.831	8.554.813	104
Tại ngày 31/12/2023 *(trình bày lại)*	8.172.292	7.859.684	104

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của các công ty con kinh doanh bảo hiểm được tính toán dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

- Rủi ro bảo hiểm;
- Rủi ro tài chính, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu trong các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Ban Điều hành Tập đoàn liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa thiệt hại do rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm là các rủi ro phát sinh do biến động các yếu tố kỹ thuật sử dụng trong tính phí bảo hiểm và tính toán dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm. Rủi ro bảo hiểm bao gồm các rủi ro trong quá trình tính phí bảo hiểm, tính toán dự phòng nghiệp vụ và rủi ro thảm hoạ. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện bởi hai công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ.

41.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu quản lý rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt là kiểm soát phạm vi và mức độ trách nhiệm bảo hiểm theo hợp đồng phát sinh nhằm đảm bảo phạm vi và mức độ này nằm trong giới hạn chấp nhận rủi ro đã thiết lập.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ

Bảo Việt Nhân thọ ban hành Chính sách quản lý rủi ro quy định cơ chế quản lý đối với các rủi ro chính, trong đó có rủi ro bảo hiểm. Khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ quy định giới hạn, ngưỡng cảnh báo để kiểm soát các rủi ro chủ yếu. Trong đó, rủi ro bảo hiểm được xem xét trên một số khía cạnh rủi ro liên quan đến tính phí bảo hiểm và rủi ro liên quan đến thảm họa. Rủi ro bảo hiểm được nhận diện, đánh giá định kỳ hàng quý để kịp thời đưa ra các giải pháp ứng phó phù hợp, đảm bảo luôn nằm trong giới hạn cho phép.

Bảo Việt Nhân thọ áp dụng đầy đủ các biện pháp quản lý rủi ro trong thiết kế sản phẩm bảo hiểm mới/điều chỉnh thiết kế sản phẩm hiện tại, bán hàng và chấp nhận bảo hiểm, xây dựng các quy định sản phẩm, theo dõi kinh nghiệm, giám định và trả tiền hoặc bồi thường bảo hiểm nhằm đảm bảo thanh toán trách nhiệm theo hợp đồng bảo hiểm và đạt được kết quả kinh doanh bảo hiểm theo dự kiến. Bảo Việt Nhân thọ thường xuyên rà soát các giả định quan trọng (như bảng tỷ lệ tử vong, lãi suất kỹ thuật, chi phí, các thông số về tổn thất, mức chia lãi/bảo tức), rà soát các rủi ro nhận bảo hiểm và đối tượng bảo hiểm một cách hợp lý; đảm bảo việc áp dụng đầy đủ các nguyên tắc trong bán hàng và chấp nhận bảo hiểm, giám định, trả tiền hoặc bồi thường bảo hiểm; chú trọng rà soát và quản lý các rủi ro có khả năng xảy ra cao, nguy cơ trục lợi bảo hiểm; thường xuyên đánh giá các rủi ro tích tụ, bảo đảm trích lập đầy đủ các khoản dự phòng nghiệp vụ và thu xếp tái bảo hiểm.

Công tác quản lý rủi ro bảo hiểm luôn được chú trọng trong tất cả các khâu liên quan của quá trình hoạt động kinh doanh. Trước hết, rủi ro bảo hiểm được giám sát chặt chẽ thông qua việc xây dựng những giả định phù hợp về tổn thất dự kiến liên quan đến đối tượng được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm. Bảo Việt Nhân thọ có thể chịu rủi ro về các khoản bồi thường chưa xác định rõ thời điểm, tần suất và mức độ bồi thường liên quan đến những tổn thất do tai nạn, sức khỏe, trục lợi hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm. Do vậy, Bảo Việt Nhân thọ đã đưa ra và thực hiện quy định, quy trình chặt chẽ về: thiết kế và quản lý sản phẩm; theo dõi kinh nghiệm triển khai; định kỳ đánh giá doanh số, lợi nhuận sản phẩm; phân tích kịch bản; kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thực tế khác với giả định nhất là khi thực tế bất lợi so với giả định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 *Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)*

41.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ (tiếp theo)

Bảo Việt Nhân thọ quản lý rủi ro bảo hiểm bằng hạn mức chấp nhận bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến hợp đồng mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro nhận bảo hiểm, đưa ra nguyên tắc định phí/định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và quản lý rủi ro bảo hiểm. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp kiểm tra sức chịu đựng (stress testing). Các lý thuyết xác suất thống kê và toán học được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp. Với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, rủi ro bảo hiểm chủ yếu là tần suất xảy ra tổn thất bảo hiểm lớn hơn dự kiến. Theo bản chất, các tổn thất bảo hiểm xảy ra mang tính ngẫu nhiên và các con số thực tế của các sự kiện bảo hiểm có thể diễn ra trong thời gian một năm bất kỳ có thể khác nhiều so với con số ước tính bằng các phương pháp thống kê thông dụng.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo bằng việc áp dụng giả định tương đối thận trọng để tránh các biến động bất lợi trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả xảy ra trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

Bảo Việt Nhân thọ thực hiện tính toán và trích lập các Quỹ dự phòng nghiệp vụ cho các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ theo nguyên tắc như được trình bày tại Thuyết minh 4.16 – các Quỹ dự phòng nghiệp vụ.

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn bao gồm:

(i) Bảng tỷ lệ tử vong

Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảo Việt Nhân thọ đang sử dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980. Riêng với các sản phẩm niên kim nhân thọ, bảng tỷ lệ riêng biệt được sử dụng nhằm đảm bảo trích lập dự phòng thận trọng và đầy đủ.

(ii) Bảng phân loại bệnh tật, thương tật, nằm viện

Tỷ lệ xảy ra bệnh tật, thương tật, nằm viện trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật, thương tật chủ yếu bao gồm các bệnh và thương tật được tính toán từ thống kê về thanh toán quyền lợi được chi trả và phí bảo hiểm bình quân năm.

Thêm vào đó, với những hợp đồng người được bảo hiểm có rủi ro lớn hơn mức tiêu chuẩn (tức có phí bảo hiểm phụ trội), dự phòng bổ sung được trích lập tương ứng với rủi ro tăng thêm.

(iii) Lãi suất

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng các lãi suất kỹ thuật khác nhau cho các nhóm sản phẩm bảo hiểm truyền thống khác nhau thuộc quỹ chủ hợp đồng truyền thống chia lãi và quỹ chủ hợp đồng truyền thống không chia lãi. Đồng thời, để đảm bảo tuân thủ quy định của luật về dự phòng tối thiểu, kết quả tính toán dự phòng theo phương pháp và cơ sở dự phòng công bố sẽ được so sánh với dự phòng tối thiểu theo luật định (được tính theo phương pháp và cơ sở dự phòng tối thiểu theo luật định) nhằm đảm bảo dự phòng công bố không thấp hơn dự phòng tối thiểu theo luật định. Cụ thể, nếu kết quả tính toán theo phương pháp và cơ sở dự phòng công bố thấp hơn dự phòng tối thiểu theo luật định thì dự phòng tối thiểu theo luật định sẽ được sử dụng để xác định dự phòng công bố.

Bảo Việt Nhân thọ đã đưa ra các quy định chặt chẽ, đặc biệt là trong hoạt động thiết kế sản phẩm, định phí và các quy định loại trừ nhằm hạn chế tối đa rủi ro trục lợi bảo hiểm và lựa chọn đối nghịch. Đồng thời, Bảo Việt Nhân thọ đưa ra các quy định về triển khai sản phẩm như quy định đối tượng được chấp nhận bảo hiểm, đánh giá rủi ro và chấp nhận bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối đa/tối thiểu, sản phẩm được chấp nhận, bệnh viện được chấp nhận thanh toán quyền lợi bảo hiểm...; thực hiện định phí bảo hiểm đầy đủ, đảm bảo lợi nhuận hợp lý và khả năng thanh toán trong tình huống trả tiền bảo hiểm/bồi thường thực tế khác với giả định trong một giới hạn nhất định. Các phương pháp, công cụ được Bảo Việt Nhân thọ sử dụng để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm như mô hình đo lường rủi ro, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phân tích kịch bản. Các phương pháp actuary tiên tiến được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các sản phẩm bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm có thể cung cấp.

Công tác đánh giá rủi ro, chấp nhận bảo hiểm, giám định và giải quyết quyền lợi bảo hiểm đã được tăng cường thông qua việc hoàn thiện các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể, đào tạo cán bộ và xây dựng mối quan hệ hợp tác hiệu quả với đối tác liên quan... Đặc biệt, các công việc này đã được thực hiện tập trung và được quản lý thống nhất trong toàn hệ thống.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt

Bảo hiểm Bảo Việt đã thường xuyên đánh giá thực trạng, phân tích tác động để đưa ra các quyết định điều chỉnh như: điều chỉnh phí và phạm vi bảo hiểm, mức khấu trừ của sản phẩm; điều chỉnh chính sách phân cấp khai thác, bồi thường;.. định phí bảo hiểm theo mức độ tổn thất của rủi ro/nhóm rủi ro được bảo hiểm; các chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt là hướng tới mục tiêu có lợi nhuận bảo hiểm ở phạm vi toàn Tổng Công ty và tối đa tại từng địa bàn, chi nhánh, từng nghiệp vụ, từng kênh bán hàng, từng phân khúc khách hàng, từng sản phẩm.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động mở rộng loại hình rủi ro chấp nhận bảo hiểm hướng về khách hàng cá nhân và qua kênh bán lẻ (bao gồm kênh bán chéo qua đại lý của Bảo Việt Nhân Thọ), Bảo hiểm Bảo Việt đồng thời áp dụng các tiêu chí lựa chọn rủi ro để không chấp nhận bảo hiểm đối với các rủi ro/ nhóm rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm với tần suất cao hay mức độ tổn thất vượt ngưỡng chấp nhận hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao. Bảo hiểm Bảo Việt cũng tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ và ngày càng chi tiết hơn các quy định về chấp nhận bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ, từng khu vực địa lý, từng nhóm khách hàng để tránh tích tụ rủi ro ở cấp độ toàn Bảo hiểm Bảo Việt.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt đã duy trì chính sách định kỳ đánh giá lại tỉ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên kinh nghiệm tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật. Từ đó, đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Bảo hiểm Bảo Việt chỉ chấp nhận tái tục bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm, tăng mức khấu trừ tương ứng. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, gia tăng dòng tiền vào để sinh lợi ở hoạt động đầu tư tài chính.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực, nếu phát sinh thêm rủi ro tín dụng, tức người tham gia bảo hiểm mất khả năng nộp phí bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ chủ động chấm dứt hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm để chấm dứt nghĩa vụ phát sinh về phí tái bảo hiểm, thuế, hay về bồi thường nếu xảy ra tổn thất.

Bảo hiểm Bảo Việt cũng áp dụng triệt để các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như đồng bảo hiểm, áp dụng khấu trừ, miễn thường, đối với các nghiệp vụ bảo hiểm không trực tiếp mua tái bảo hiểm. Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm còn lại, Bảo hiểm Bảo Việt yêu cầu thu xếp tái bảo hiểm trước khi cấp đơn bảo hiểm gốc cũng như mua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ.

Ngoài các địa bàn, các nghiệp vụ đã được Bảo hiểm Bảo Việt tập trung công tác giám định, bồi thường, việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường vẫn tiếp tục được Bảo hiểm Bảo Việt tổ chức thực hiện theo 2 cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại các bộ phận giám định bồi thường của Bảo hiểm Bảo Việt. Những vụ tổn thất nhỏ mà các đơn vị thành viên đã có kinh nghiệm tiếp nhận và giải quyết được xử lý tại các công ty thành viên. Bảo hiểm Bảo Việt cũng chủ trương đẩy nhanh tốc độ xử lý khiếu nại và giải quyết bồi thường để tránh các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giám định và bồi thường như rủi ro tỉ giá tăng, lạm phát, tổn thất gia tăng, các rủi ro đạo đức,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 *Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)*

41.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt (tiếp theo)

Bảo hiểm Bảo Việt đã xây dựng và đưa vào phục vụ kinh doanh thành công Trung tâm dịch vụ khách hàng để hoàn thiện thêm một bước quy trình khai thác bảo hiểm và đặc biệt là quy trình tiếp nhận thông báo tai nạn, giám định tổn thất và giải quyết bồi thường bằng cách tăng cường ứng dụng công nghệ và gia tăng tự động hóa. Bảo hiểm Bảo Việt cũng đã triển khai nhiều ứng dụng phần mềm và hoàn thiện mô hình Trung tâm cấp đơn, Trung tâm giám định bồi thường để đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường tập trung tới cấp Công ty thành viên. Phần mềm cũng cho phép ghi nhận thông tin khách hàng, thông tin hợp đồng bảo hiểm, thông tin tổn thất một cách chính xác và kịp thời nhất, phục vụ phân tích, đánh giá và ra quyết định quản lý rủi ro.

41.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ là đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và dựa trên một danh mục đủ lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm bảo hiểm chính của Bảo Việt Nhân thọ và cách thức Bảo Việt Nhân thọ quản lý các rủi ro liên quan:

Các đặc tính sản phẩm - Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo xác định từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực. Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi đáo hạn, quyền lợi nhận giá trị hoàn lại, số tiền bảo hiểm giảm khi dừng đóng phí bảo hiểm và quyền lợi định kỳ (đối với một số sản phẩm). Đối với một số sản phẩm (như sản phẩm dành cho trẻ em), bên mua bảo hiểm sẽ được hưởng quyền lợi miễn nộp phí bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm chết, trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn, hoặc khi người được bảo hiểm trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn cũng được chi trả trong trường hợp người được bảo hiểm thương tật toàn bộ vĩnh viễn đối với sản phẩm dành cho trẻ em và các sản phẩm khác. Bên cạnh đó, trong một số sản phẩm quyền lợi bảo hiểm thương tật nghiêm trọng do tai nạn hoặc quyền lợi bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng được cung cấp trong trường hợp sự kiện bảo hiểm tương ứng xảy ra với người được bảo hiểm.

Các sản phẩm nhân thọ truyền thống với cấu phần không đảm bảo cho phép bên mua bảo hiểm được tham gia chia lãi trên cơ sở quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ chia lãi của các sản phẩm này hoặc bảo tức. Các quỹ này đưa ra mức lãi chia hàng năm dưới dạng lãi chia bằng tiền mặt tích lũy vào cuối năm tài chính và phải trả các chủ hợp đồng bảo hiểm tại ngày kỷ niệm hợp đồng cho mỗi giai đoạn năm (05) năm. Với sản phẩm chia lãi dưới hình thức bảo tức, lãi chia cho bên mua bảo hiểm gồm: bảo tức hàng năm và lãi chia cuối hợp đồng.

Các nguyên tắc phân chia lợi nhuận giữa các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ:

(i) Phản ánh tình hình tài chính của quỹ chủ hợp đồng chia lãi tương ứng của Bảo Việt Nhân thọ;

(ii) Xem xét kỳ vọng thích đáng của các chủ hợp đồng bảo hiểm;

(iii) Cân bằng lợi ích giữa chủ hợp đồng bảo hiểm và chủ sở hữu; và

(iv) Tuân thủ các quy định liên quan.

Quản trị rủi ro - Bảo Việt Nhân thọ được toàn quyền quyết định mức lãi chia, bảo tức công bố theo hợp đồng trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ quy định hiện hành. Trên thực tế, Bảo Việt Nhân thọ sẽ xem xét các kỳ vọng thích đáng của khách hàng khi xác đinh ra mức lãi chia/bảo tức. Mục đích của Bảo Việt Nhân Thọ là duy trì tỷ lệ lãi chia/bảo tức ổn định và hợp lý dựa trên tỷ suất lợi nhuận dài hạn của sản phẩm. Công việc soát xét hàng năm sẽ được thực hiện để đảm bảo tỷ lệ lãi chia/bảo tức là hợp lý khi xem xét kinh nghiệm tổng thể về các khoản đầu tư, bồi thường, chi phí hoạt động và hủy hợp đồng.

Rủi ro đầu tư được quản lý thông qua việc cân đối giữa tài sản và các khoản nợ. Các chiến lược đầu tư được xây dựng nhằm đáp ứng hợp lý mức lợi suất đầu tư kỳ vọng của các chủ hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành. Rủi ro tử vong, thương tật, bệnh tật được quản lý thông qua việc thực hiện đúng quy trình bán hàng, phát hành hợp đồng bảo hiểm, giám định xác minh và bồi thường bảo hiểm, theo dõi kinh nghiệm.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các đặc tính sản phẩm - Bảo Việt Nhân thọ hiện đang cung cấp các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung với cả hai yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung bao gồm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung hỗn hợp có thời hạn bảo hiểm mười lăm (15), hai mươi (20) hoặc hai mươi lăm (25) năm, sản phẩm bảo hiểm liên kết chung dành cho trẻ em và sản phẩm bảo hiểm liên kết chung trọn đời.

Bên mua bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung có thể lựa chọn quyền lợi bảo hiểm rủi ro (tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn) là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm gia tăng hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm gia tăng và quyền lợi đáo hạn là giá trị tài khoản của bên mua bảo hiểm. Thêm vào đó, bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn mức Quyền lợi hỗ trợ tài chính tại thời điểm tham gia hợp đồng (với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung dành cho trẻ em) hoặc các quyền lợi nâng cao như chăm sóc y tế, ung thư, đột quỵ, bệnh hiểm nghèo (với sản phẩm An Phát Cát Tường, An Khang Hạnh Phúc).

Hợp đồng liên kết chung cung cấp lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu theo cơ chế cam kết "mềm" (đó là, lãi suất đầu tư tối thiểu được cam kết trong trường hợp xảy ra tử vong, hủy hợp đồng và khi hợp đồng đáo hạn) hoặc theo cơ chế cam kết "cứng" (đó là, lãi suất đầu tư tối thiểu được cam kết theo từng năm hợp đồng hoặc từng nhóm năm hợp đồng).

Sản phẩm liên kết chung còn cung cấp quyền lợi Duy trì hợp đồng, quyền lợi gia tăng giá trị tài khoản và quyền lợi Thưởng đặc biệt nhằm gia tăng giá trị cho những hợp đồng có giá trị tài khoản lớn và/hoặc đóng phí bảo hiểm đều đặn.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi phí ban đầu. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản hợp đồng, phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi xác định kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung.

Các sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện

Các đặc tính sản phẩm - Bảo Việt Nhân thọ triển khai 02 sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bao gồm sản phẩm hưu trí nhóm và sản phẩm hưu trí cá nhân cung cấp kế hoạch tài chính cho tuổi nghỉ hưu bên cạnh yếu tố bảo vệ cho các đối tượng khách hàng khác nhau. Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn tuổi nghỉ hưu cho Người được bảo hiểm và lựa chọn hình thức đóng góp (một lần hoặc định kỳ đến tuổi nghỉ hưu). Đối với sản phẩm hưu trí nhóm, khoản đóng góp có thể đến từ cả hai đối tượng Bên mua bảo hiểm và Thành viên được bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 *Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)*

41.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện (tiếp theo)

Các quyền lợi chính của các sản phẩm bao gồm quyền lợi hưu trí, quyền lợi bảo hiểm tử vong, quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn, quyền lợi trợ cấp mai táng, quyền lợi rút tài khoản, quyền lợi duy trì tài khoản. Khi Người được bảo hiểm đạt tuổi nghỉ hưu, quyền lợi hưu trí sẽ được trích ra từ Giá trị tài khoản hưu trí để chi trả định kỳ trong một khoảng thời gian xác định hoặc đến khi Người được bảo hiểm tử vong, tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm. Quyền lợi tử vong và quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn có thể được lựa chọn là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm. Quyền lợi trợ cấp mai táng được chi trả ngay lập tức khi Người được bảo hiểm tử vong theo mọi nguyên nhân, và sẽ được đối trừ khi chi trả quyền lợi tử vong hoặc bất kỳ khoản chi trả nào sau đó. Tùy theo điều khoản của từng sản phẩm, Người được bảo hiểm rút tài khoản hoặc chuyển giao tài khoản trong một số trường hợp. Các sản phẩm hưu trí còn cung cấp quyền lợi duy trì tài khoản nhằm gia tăng giá trị cho những tài khoản hưu trí lớn và/hoặc có đóng góp đều đặn.

Lãi suất đầu tư tối thiểu đối với sản phẩm hưu trí tự nguyện được cam kết cho từng năm tài khoản bảo hiểm hưu trí (cam kết "cứng").

Khoản đóng góp thu được sẽ được chuyển vào Quỹ hưu trí tự nguyện của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi Phí ban đầu. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý tài khoản bảo hiểm hưu trí sẽ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản hưu trí, phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi xác định kết quả đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện. Đối với sản phẩm hưu trí nhóm, các loại phí có thể được áp dụng khác nhau tùy theo đặc điểm của từng nhóm.

Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe

Các đặc tính sản phẩm - Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đều được đảm bảo quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện rủi ro được bảo hiểm nhưng không có quyền lợi đáo hạn và giá trị hoàn lại. Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe không tham gia chia lãi.

Về thời hạn bảo hiểm, Bảo Việt Nhân thọ đang cung cấp hai loại thời hạn đối với sản phẩm bảo hiểm sức khỏe: tái tục hàng năm (thời hạn bảo hiểm bằng 01 năm) và dài hạn (thời hạn bảo hiểm trên 01 năm).

Quản trị rủi ro - Rủi ro thương tật, bệnh tật, điều trị nội trú, ngoại trú và nha khoa... được quản lý thông qua việc thiết kế sản phẩm, định phí, quy định về triển khai sản phẩm (như độ tuổi được bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối đa), thực hiện đúng quy trình bán hàng, phát hành hợp đồng bảo hiểm, giám định xác minh và bồi thường, theo dõi kinh nghiệm.

Các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

Bảo hiểm Bảo Việt tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ Tài chính về nợ phí bảo hiểm và xử lý nợ phí bảo hiểm, thực hiện các chính sách quản trị để hạn chế việc bị chiếm dụng dòng tiền.

Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục duy trì chính sách quản lý dòng tiền, đảm bảo duy trì được thanh khoản, đáp ứng nhu cầu chi bồi thường và tận dụng tối đa nguồn tiền nhàn rỗi để sinh lợi.

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm

Các yếu tố tác động đến lợi nhuận báo cáo và vốn chủ sở hữu

Hoạt động bảo hiểm, cùng với hoạt động đầu tư là hai hoạt động sinh lợi chính của Bảo hiểm Bảo Việt, trong đó hoạt động bảo hiểm tuy chỉ đóng góp một phần nhỏ vào tổng lợi nhuận chung của Bảo hiểm Bảo Việt nhưng nguồn tiền từ hoạt động bảo hiểm chính là nguồn vốn chính tạo ra lợi nhuận hoạt động đầu tư.

Đối với Bảo Việt Nhân thọ, lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm phụ thuộc rất lớn vào các yếu tố như lãi suất chiết khấu, tỷ lệ tử vong, chi phí hoạt động. Bảo Việt Nhân thọ đã thực hiện thử nghiệm các mô hình định giá/định phí dựa trên các giả định khác nhau. Việc phân tích độ nhạy với từng tình huống cho thấy cái nhìn rõ hơn với các rủi ro chính mà Bảo Việt Nhân thọ có thể gặp phải.

Tích tụ rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm hầu hết các loại rủi ro bảo hiểm phi nhân thọ như rủi ro bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, rủi ro bảo hiểm tàu thủy, rủi ro bảo hiểm hàng không, rủi ro bảo hiểm dầu khí, rủi ro bảo hiểm tài sản, rủi ro bảo hiểm con người, rủi ro bảo hiểm kỹ thuật,... Do vậy ngoài rủi ro tích tụ cùng nhóm rủi ro, Bảo hiểm Bảo Việt còn đối mặt với rủi ro tích tụ các nhóm rủi ro liên quan, chẳng hạn như bảo hiểm đồng thời tàu và hàng, bảo hiểm đồng thời tài sản và con người,... Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện các chính sách, quy trình khai thác để quản lý rủi ro tích tụ và duy trì các các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện rủi ro tích tụ hoặc thảm họa.

Những rủi ro chính đối với Bảo Việt Nhân thọ như rủi ro tử vong, rủi ro bệnh tật, rủi ro tuổi thọ, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro chi phí, rủi ro từ việc ra quyết định của người được bảo hiểm không có khác biệt lớn giữa các vùng miền, theo loại hình được bảo hiểm hay theo ngành.

Chiến lược bán hàng của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đảm bảo rằng những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và mức độ của các quyền lợi bảo hiểm. Điều này phần lớn đạt được thông qua việc khai thác bảo hiểm trên tất cả ngành, vùng lãnh thổ địa lý, sử dụng các đánh giá y tế để đảm bảo rằng việc định giá sản phẩm đã tính đến các điều kiện sức khỏe hiện tại và tiền sử sức khỏe của gia đình, đặc thù nghề nghiệp những người làm việc trong từng ngành, rà soát thường xuyên các vụ bồi thường thực tế và quy trình định phí các sản phẩm cũng như quy trình giải quyết bồi thường. Các hạn mức khai thác được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp.

Ví dụ, Bảo Việt Nhân thọ có quyền không tái tục các hợp đồng riêng lẻ, có thể áp dụng các mức khấu trừ và có quyền từ chối thanh toán các khiếu nại gian lận. Hợp đồng bảo hiểm cũng cho phép Bảo Việt Nhân thọ có quyền thu đòi các bên thứ ba một phần hoặc toàn bộ các chi phí. Bảo Việt Nhân thọ củng cố chính sách chủ động quản lý và thu đòi bồi thường để giảm các rủi ro không dự đoán trước được trong tương lai có thể ảnh hưởng không tốt trực tiếp đến Bảo Việt Nhân thọ.

Tái bảo hiểm

Tái bảo hiểm là một công cụ quản lý rủi ro quan trọng và hữu hiệu tại Bảo hiểm Bảo Việt. Chương trình tái bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm các hợp đồng tái bảo hiểm cố định được thực hiện với thời hạn 1 năm và tái bảo hiểm tạm thời được thực hiện theo từng dịch vụ. Các đối tác tái bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt đều là các công ty bảo hiểm lớn trên thế giới có xếp hạng tín nhiệm cao và đã có quan hệ hợp tác lâu dài với Bảo hiểm Bảo Việt như Munich Re, Swiss Re,... Chương trình tái bảo hiểm đã được xây dựng đã tăng khả năng bảo hiểm cho Bảo hiểm Bảo Việt, bảo vệ Bảo hiểm Bảo Việt trước các rủi ro và tổn thất lớn, đồng thời hỗ trợ tích cực cho Bảo hiểm Bảo Việt trong việc đảm bảo biên khả năng thanh toán.

Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện giảm thiểu rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính, mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, kinh nghiệm của Bảo Việt Nhân thọ. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm hoặc theo thỏa thuận, bên nhận tái bảo hiểm đồng ý chi trả số tiền tương ứng đã nhận tái bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, Bảo Việt Nhân thọ phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với chủ hợp đồng kể cả khi bên nhận tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ. Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro đối tác/tín dụng, để giảm thiểu rủi ro, Bảo Việt Nhân thọ chỉ thiết lập thỏa thuận tái bảo hiểm với những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 *Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)*

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ước tính quyền lợi bảo hiểm

Trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước nói chung và thị trường bảo hiểm nói riêng còn nhiều biến động phức tạp, hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là rủi ro bảo hiểm. Bảo Việt Nhân thọ luôn chú trọng theo dõi chặt chẽ biến động tỷ lệ rủi ro, theo dõi kinh nghiệm để rà soát, đánh giá, cân nhắc điều chỉnh các giả định tính phí phù hợp, kết hợp với điều chỉnh linh hoạt các quy định về đánh giá rủi ro. Trên cơ sở các giải pháp đã được triển khai, rủi ro bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ được kiểm soát trong mức độ chấp nhận rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.

Ước tính bồi thường

Để quản lý hiệu quả rủi ro bảo hiểm, quy trình tiếp nhận thông tin tổn thất, ước tính, thống kê và quản lý dữ liệu bồi thường là một công tác được Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng.

Năm 2024, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện quy trình thống kê và quản lý bồi thường để ước tính và trích vào chi phí đúng kỳ các khoản chi trả bồi thường có thể phát sinh. Đồng thời, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục áp dụng quản lý tập trung hoạt động giám định và bồi thường bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm chi phí y tế trên địa bàn trọng điểm tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh nhằm kiểm soát và nâng cao chất lượng giám định, bồi thường. Bảo hiểm Bảo Việt cũng đã ứng dụng công nghệ để tự động hoá một số khâu trong quy trình tiếp nhận khiếu nại, giải quyết bồi thường trong mảng nghiệp vụ Bảo hiểm Sức khoẻ.

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm hoặc cuối kỳ báo cáo chưa được giải quyết; dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh, thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường. Thông tin tổn thất sẽ được cập nhật vào hệ thống quản lý nghiệp vụ khi Bảo hiểm Bảo Việt nhận được thông báo từ phía khách hàng. Số tiền bồi thường ước tính thường không chênh lệch lớn hoặc chênh lệch hợp lý so với chi bồi thường thực trả do tổn thất được ước tính và cập nhật dựa trên thông tin tổn thất, thông tin giám định tổn thất.

Năm 2024, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam bị tác động bởi nền kinh tế thế giới, đặc biệt sau bão Yagi, Bảo hiểm Bảo Việt luôn chủ động nhận diện, đánh giá các yếu tố kinh tế vĩ mô, rủi ro tác động đến lợi nhuận nghiệp vụ bảo hiểm, thực hiện trích lập dự phòng đối với các rủi ro, thảm họa, thiên tai theo quy định.

41.2 *Quản lý rủi ro tài chính*

Các giao dịch công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Tập đoàn và các công ty con. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Điều hành Tập đoàn xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

41.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là nguy cơ xảy ra tổn thất do khách hàng hoặc đối tác không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ tài chính đến hạn theo cam kết với Tập đoàn và các công ty con.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn và các công ty con có thể phát sinh từ hoạt động tín dụng bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác) và hoạt động kinh doanh khác. Ban Điều hành đã ban hành khung quản lý rủi ro tín dụng để quản lý chất lượng tín dụng và rủi ro tập trung.

Tín dụng bảo hiểm

Rủi ro tín dụng bảo hiểm là nguy cơ người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm theo các điều kiện và điều khoản được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Rủi ro này phát sinh chủ yếu tại Bảo hiểm Bảo Việt, khi Bảo hiểm Bảo Việt chưa thu được phí bảo hiểm nhưng do hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh hiệu lực nên vẫn phải nộp thuế GTGT, phát sinh chi phí phát hành và quản lý hợp đồng, chuyển phí nhượng tái bảo hiểm và nếu tổn thất phát sinh Bảo hiểm Bảo Việt vẫn phải thanh toán bồi thường.

Để làm giảm thiểu rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành các quy định và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về nợ phí bảo hiểm.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm đối với tổn thất cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng khi các nhà nhận tái bảo hiểm này không thanh toán được phần trách nhiệm của họ cho Công ty. Tập đoàn và các Công ty con chú trọng việc kiểm soát rủi ro này bằng việc tập trung nhượng tái bảo hiểm cho các công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh xếp hạng tín nhiệm cao theo chuẩn quốc tế theo quy định hiện hành của Việt Nam, đồng thời định kỳ đánh giá năng lực và xếp hạng hàng năm đối với công ty nhận tái bảo hiểm.

Các khoản đầu tư tiền gửi

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xảy ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị xuống hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

Tập đoàn đã ban hành Quy định về việc chấm điểm, phân loại và xác định hạn mức đầu tư tiền gửi đối với ngân hàng thương mại và công ty tài chính kèm theo Quyết định số 960/2022/QĐ-TĐBV ngày 18 tháng 08 năm 2022, Quy định này được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và khẩu vị rủi ro của Tập đoàn và các công ty con để chuẩn hóa mô hình phân tích tín dụng nội bộ áp dụng tại Tập đoàn và các công ty con. Tập đoàn và các công ty con ban hành hạn mức tín dụng tại các ngân hàng mà Tập đoàn được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Hội đồng QLRR Tập đoàn và các công ty con rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

Đầu tư trái phiếu

Rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư trái phiếu là nguy cơ không thu hồi được mệnh giá trái phiếu và lãi trái phiếu của bên phát hành trái phiếu khi đến hạn thanh toán. Để quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu, Tập đoàn xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản; ban hành Quy định của Tập đoàn về quản lý rủi ro trong đầu tư trái phiếu doanh nghiệp kèm theo Quyết định số 1129/2020/QĐ-TĐBV ngày 27 tháng 8 năm 2020 nhằm quản lý các rủi ro phát sinh liên quan đến trái phiếu, tài sản đảm bảo và tổ chức phát hành.

Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con sẽ tiến hành thành lập Hội đồng xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi và tiến hành xử lý tài sản đảm bảo (nếu có).

Trái phiếu Chính phủ có mức rủi ro thấp và đang chiếm phần lớn trong danh mục đầu tư trái phiếu nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Rủi ro tín dụng trong hoạt động giao dịch ký quỹ xảy ra khi khách hàng không thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của khoản vay ký quỹ dù đã bán hết chứng khoán là tài sản đảm bảo. BVSC tiếp tục duy trì các chính sách quản trị mà tính hiệu quả đã được kiểm chứng:

(i) Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát nhóm các khách hàng có rủi ro tích tụ, tuân thủ theo hạn mức rủi ro BVSC đã ban hành;

(ii) Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch chứng khoán. Thường xuyên cập nhật thông tin cổ phiếu trên thị trường để sớm nhận diện và đưa ra cảnh báo sớm các mã có dấu hiệu mất thanh khoản, giảm giá kéo dài;

(iii) Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, thực hiện công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và tiến hành công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho BVSC trong quá trình cho vay ký quỹ.

Rủi ro tín dụng đối với hoạt động giao dịch ký quỹ được đánh giá ở mức trung bình.

Phải thu khách hàng khác

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn đánh giá rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định. Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng dựa trên tổn thất ước tính khi có bằng chứng các khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ	Bị giảm giá trị riêng lẻ (*)	Tổng
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.464.088	-	-	1.464.088
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	595.007	46.839	11.159	653.005
Phải thu tái bảo hiểm	467.159	39.300	946	507.405
Tài sản tái bảo hiểm	3.558.134	-	-	3.558.134
Các khoản phải thu khác	76.180	-	-	76.180
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	*68.289*	-	-	*68.289*
- *Phải thu cổ tức*	*7.891*	-	-	*7.891*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	225.861.139	-	-	225.861.139
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	*128.016.619*	-	-	*128.016.619*
- *Trái phiếu*	*97.844.520*	-	-	*97.844.520*
Chứng khoán kinh doanh	50.097	-	-	50.097
- *Trái phiếu*	*50.097*	-	-	*50.097*
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	8.234.461	-	-	8.234.461
Các tài sản khác	(412.826)	-	392.964	(19.862)
TỔNG CỘNG	**239.893.439**	**86.139**	**405.069**	**240.384.647**

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 *Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 *(trình bày lại)*	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ	Bị giảm giá trị riêng lẻ (*)	Tổng
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.783.514	-	-	4.783.514
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	666.681	64.716	13.043	744.440
Phải thu tái bảo hiểm	561.585	17.304	2.591	581.480
Tài sản tái bảo hiểm	3.009.182	-	-	3.009.182
Các khoản phải thu khác	107.736	-	-	107.736
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	*87.893*	-	-	*87.893*
- *Phải thu cổ tức*	*19.843*	-	-	*19.843*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	193.968.169	-	-	193.968.169
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	*112.616.034*	-	-	*112.616.034*
- *Trái phiếu*	*81.352.135*	-	-	*81.352.135*
Chứng khoán kinh doanh	442.586	-	-	442.586
- *Trái phiếu*	*442.586*	-	-	*442.586*
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	7.576.707	-	-	7.576.707
Các tài sản khác	(517.170)	-	486.043	(31.127)
TỔNG CỘNG	**210.598.990**	**82.020**	**501.677**	**211.182.687**

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập.

Các tài sản của Tập đoàn chưa quá hạn và không giảm giá trị bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác chưa quá hạn và không giảm giá trị.

Trong đó:

- ***Chưa quá hạn và không giảm giá trị:*** các tài sản hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- ***Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ:*** các tài sản với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Tập đoàn tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.
- ***Bị giảm giá trị riêng lẻ:*** các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Tập đoàn cho rằng không thể thu hồi đầy đủ lãi và nợ gốc theo các điều khoản của hợp đồng.

Tập đoàn trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản phải thu. Trong tổng tài sản quá hạn, Tập đoàn đang làm thủ tục xóa nợ đối với những khoản nợ đã đủ cơ sở xóa nợ nhưng không thu được. Đối với những khoản nợ không thu được nhưng chưa đủ cơ sở xóa nợ, Tập đoàn đang làm các thủ tục khởi kiện. Đối với những khoản nợ mà bên nợ vẫn có khả năng trả nợ, Tập đoàn đã làm các thủ tục xác nhận nợ và xúc tiến việc thu nợ.

41.2.2 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính đến hạn do mất cân đối giữa tài sản và nợ phải trả trong ngắn hạn hoặc có khả năng thực hiện các cam kết tài chính đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện nghĩa vụ cam kết đó.

Mục tiêu của Tập đoàn là đảm bảo cân đối các luồng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn tiếp tục tiến hành phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính và thông tin về luồng tiền ước tính. Phân tích các nhu cầu thanh khoản trong quá khứ để thấy những biến động về nhu cầu này và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có ("ALCO"). Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp. Thanh khoản toàn Tập đoàn được đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 *Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*

41.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	1.464.088	-	-	1.464.088
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	57.998	-	595.007	-	-	653.005
Phải thu tái bảo hiểm	40.246	-	467.158	-	-	507.404
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	3.558.134	-	-	3.558.134
Các khoản phải thu khác	-	-	76.180	-	-	76.180
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	-	-	*68.289*	-	-	*68.289*
- *Phải thu cổ tức*	-	-	*7.891*	-	-	*7.891*
Đầu tư tài chính	-	4.454.172	104.730.732	46.592.868	111.297.358	267.075.130
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	104.730.732	46.592.868	111.297.358	262.620.958
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	-	-	*101.310.207*	*31.041.686*	-	*132.351.893*
- *Trái phiếu*	-	-	*3.420.525*	*15.551.182*	*111.297.358*	*130.269.065*
Chứng khoán kinh doanh	-	3.407.291	-	-	-	3.407.291
- *Cổ phiếu niêm yết*	-	*3.079.563*	-	-	-	*3.079.563*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	-	*35.848*	-	-	-	*35.848*
- *Chứng chỉ quỹ*	-	*291.880*	-	-	-	*291.880*
- *Trái phiếu*	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	-	1.046.881	-	-	-	1.046.881
Cho vay và tạm ứng khách hàng	-	-	8.234.461	-	-	8.234.461
Các tài sản khác	392.964	-	(412.826)	-	-	(19.862)
TỔNG CỘNG	**491.208**	**4.454.172**	**118.712.934**	**46.592.868**	**111.297.358**	**281.548.540**

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	26	-	(4.781.166)	(953.771)	17.958.803	12.223.892
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	1.478.589	-	-	1.478.589
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	891.805	-	-	891.805
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	35.544.696	-	-	35.544.696
- *Nhận ký quỹ*	-	-	*294.056*	-	-	*294.056*
- *Khác*	-	-	*35.250.640*	-	-	*35.250.640*
TỔNG CỘNG	**26**	**-**	**33.133.924**	**(953.771)**	**17.958.803**	**50.138.982**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 *Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*

41.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 *(trình bày lại)*	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	4.783.514	-	-	4.783.514
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	77.759	-	666.681	-	-	744.440
Phải thu tái bảo hiểm	19.894	-	561.584	-	-	581.478
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	3.009.182	-	-	3.009.182
Các khoản phải thu khác	-	-	107.736	-	-	107.736
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	-	-	*87.893*	-	-	*87.893*
- *Phải thu cổ tức*	-	-	*19.843*	-	-	*19.843*
Đầu tư tài chính	-	3.497.863	105.842.788	30.030.326	109.639.383	249.010.360
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	105.400.163	30.030.326	109.639.383	245.069.872
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	-	-	*101.897.968*	*14.636.531*	-	*116.534.499*
- *Trái phiếu*	-	-	*3.502.195*	*15.393.795*	*109.639.383*	*128.535.373*
Chứng khoán kinh doanh	-	2.618.208	442.625	-	-	3.060.833
- *Cổ phiếu niêm yết*	-	*2.301.569*	-	-	-	*2.301.569*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	-	*32.750*	-	-	-	*32.750*
- *Chứng chỉ quỹ*	-	*283.889*	-	-	-	*283.889*
- *Trái phiếu*	-	-	*442.625*	-	-	*442.625*
Đầu tư tài chính khác	-	879.655	-	-	-	879.655
Cho vay và tạm ứng khách hàng	-	-	7.576.707	-	-	7.576.707
Các tài sản khác	486.043	-	(517.170)	-	-	(31.127)
TỔNG CỘNG	**583.696**	**3.497.863**	**122.031.022**	**30.030.326**	**109.639.383**	**265.782.290**

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 *(trình bày lại)*	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	9.463	-	(8.110.342)	(8.579.192)	10.943.378	(5.736.693)
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	1.354.285	-	-	1.354.285
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	1.140.019	-	-	1.140.019
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	25.772.616	-	-	25.772.616
- *Nhận ký quỹ*	-	-	*289.859*	-	-	*289.859*
- *Khác*	-	-	*25.482.757*	-	-	*25.482.757*
TỔNG CỘNG	**9.463**	**-**	**20.156.578**	**(8.579.192)**	**10.943.378**	**22.530.227**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 *Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*

41.2.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái hay giá cả hàng hóa.

Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với chiến lược đầu tư của Tập đoàn.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Đơn vị: triệu VND

Biến động	*Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế*
Năm nay	
+10%	(22.019.856.181)
- 10%	22.019.856.181
Năm trước	
+10%	12.707.188.925
- 10%	(12.707.188.925)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai. Lãi suất tiền gửi bình quân của danh mục toàn Tập đoàn ổn định ở mức thấp, làm ảnh hưởng đến doanh thu tái đầu tư của danh mục lãi suất cố định. Tập đoàn thực hiện cân đối dòng tiền, danh mục đầu tư, thực hiện đầu tư với kỳ hạn phù hợp để đảm bảo hiệu quả đầu tư.

Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là nguy cơ giảm giá trị danh mục cổ phiếu đầu tư do giá cổ phiếu niêm yết, giá cổ phiếu chưa niêm yết biến động mạnh trên thị trường chứng khoán. Rủi ro giá cổ phiếu có nguy cơ khi đầu tư quá nhiều vào một ngành, một công ty hoặc một nhóm công ty có chung chủ sở hữu. Tập đoàn quản lý rủi ro này bằng việc xây dựng quy định hạn mức vào một ngành, một công ty hoặc nhóm công ty; phân tích rủi ro hệ thống đến danh mục khi có biến động lớn của thị trường.

Năm 2024, thị trường chứng khoán tiếp tục biến động. Tập đoàn thực hiện chiến lược thận trọng trong đầu tư cổ phiếu và duy trì tỷ trọng ở mức tương đối hợp lý trong toàn danh mục đầu tư.

Tập đoàn sử dụng công cụ Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro giá cổ phiếu niêm yết. VaR là phương pháp ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động của thị trường và giá trong khoảng thời gian nhất định, với mức độ tin cậy cho trước.

Đơn vị: triệu VND

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2024	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	3.139.477	372.639	3.512.116
Giá trị thị trường	5.890.368	768.290	6.658.658
VaR (95%, 01 ngày)	(99.673)	(15.408)	(115.081)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	48.214	2.660	50.874
VaR (95%, 01 tuần)	(222.876)	(34.454)	(257.330)
VaR (95%, 01 tháng)	(467.509)	(72.271)	(539.780)
VaR (95%, 01 năm)	(1.582.263)	(244.600)	(1.826.863)
Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2023			
Giá trị sổ sách	2.393.912	379.706	2.773.618
Giá trị thị trường	3.784.565	741.771	4.526.336
VaR (95%, 01 ngày)	(89.229)	(25.378)	(114.607)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	37.515	3.258	40.773
VaR (95%, 01 tuần)	(199.522)	(56.748)	(256.270)
VaR (95%, 01 tháng)	(418.521)	(119.035)	(537.556)
VaR (95%, 01 năm)	(1.416.467)	(402.868)	(1.819.335)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 01 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 115,081 tỷ đồng, nghĩa là với xác suất 95%, mức tổn thất tối đa của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là 115,081 tỷ đồng.

VaR (95%, 01 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cao hơn VaR (95%, 01 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023; tỷ lệ phần trăm của VaR (95%, 01 ngày) so với giá thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1,73%) thấp hơn tỷ lệ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (2,53%).

Tập đoàn còn sử dụng phương pháp phân tích kịch bản "stress testing" để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy, khi có sự biến động của chỉ số thị trường (chỉ số VN-Index hoặc HNX-Index), các yếu tố còn lại không đổi, lợi nhuận trước thuế sẽ bị ảnh hưởng. Mối tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 *Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*

41.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu (tiếp theo)

Đơn vị: triệu VND

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của danh mục cổ phiếu niêm yết (*)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
Kịch bản 1	+10%	43.082
Kịch bản 2	-10%	(61.760)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
Kịch bản 1	+10%	46.674
Kịch bản 2	-10%	(120.731)

(*) Số liệu được tính toán áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định tại Thông tư 48 do đó ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của việc biến động giá cổ phiếu chỉ tính tới các cổ phiếu niêm yết mà giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính giảm xuống dưới giá gốc.

Rủi ro giá chứng chỉ quỹ

Biến động giá trị tài sản ròng (NAV) chứng chỉ quỹ mà Tập đoàn và các công ty con đầu tư và quản lý cũng được Tập đoàn và BVF xem xét, rà soát và đánh giá thường xuyên. NAV trên mỗi chứng chỉ quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào Giá trị Tài sản và những khoản thanh toán của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động của Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại chứng khoán như trái phiếu, cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà Quỹ đầu tư, khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến giá bán của chứng chỉ quỹ nếu thực hiện thanh toán hoặc có thể phải trích lập dự phòng/dự phòng bổ sung khi duy trì nắm giữ trong danh mục.

Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện thông qua quá trình nghiên cứu thẩm định theo tiêu chí hoạt động của quỹ nhằm lựa chọn cơ hội đầu tư hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro phù hợp. Bên cạnh đó, BVF theo dõi chặt chẽ về những biến động và xu hướng của nền kinh tế cũng như cập nhật thường xuyên về kết quả kinh doanh và đánh giá triển vọng trong tương lai để có những chiến lược đầu tư hợp lý.

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Tập đoàn vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các công cụ kỳ hạn cố định, công cụ vốn niêm yết và không niêm yết, các khoản cho vay và phải thu khách hàng, và các khoản phải thu tài chính khác. Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

(i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;

(ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

(iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- ***Các khoản cho vay và phải thu:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính *(tiếp theo)*

- ***Các khoản cho vay và phải thu:*** *(tiếp theo)*

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- ***Tài sản sẵn sàng để bán:***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc

c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay. Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

(i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;

(ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

(iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ			
	Nguyên giá	Dự phòng giảm giá trị	Giá trị thuần	Giá trị hợp lý
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	227.347.655	(1.467.352)	225.880.303	245.652.700
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	*128.459.219*	*(442.600)*	*128.016.619*	*128.818.521*
- *Trái phiếu*	*98.888.436*	*(1.024.752)*	*97.863.684*	*116.834.179*
Chứng khoán kinh doanh	3.660.368	(202.980)	3.457.388	6.298.027
- *Cổ phiếu niêm yết*	*3.207.279*	*(127.716)*	*3.079.563*	*5.612.608*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	*80.044*	*(44.196)*	*35.848*	*37.464*
- *Chứng chỉ quỹ*	*291.880*	-	*291.880*	*597.858*
- *Trái phiếu*	*81.165*	*(31.068)*	*50.097*	*50.097*
Đầu tư tài chính khác	1.109.388	(62.507)	1.046.881	1.895.585
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	8.246.332	(68.575)	8.177.757	8.177.757
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	753.404	(100.398)	653.006	663.768
Phải thu tái bảo hiểm	512.076	(4.672)	507.404	507.403
Tài sản tái bảo hiểm	3.558.134	-	3.558.134	3.558.134
Phải thu khác	130.585	(74.268)	56.317	56.317
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	*68.289*	-	*68.289*	*68.289*
- *Phải thu cổ tức*	*7.891*	-	*7.891*	*7.891*
- *Khác*	*54.405*	*(74.268)*	*(19.863)*	*(19.863)*
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.464.088	-	1.464.088	1.464.088
TỔNG CỘNG	**246.782.030**	**(1.980.752)**	**244.801.278**	**268.273.779**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Đơn vị: triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 *(trình bày lại)*	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý
	Nguyên giá	Dự phòng giảm giá trị	Giá trị thuần	
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	195.435.521	(1.467.352)	193.968.169	213.468.645
- *Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn*	*113.058.634*	*(442.600)*	*112.616.034*	*116.534.499*
- *Trái phiếu*	*82.376.887*	*(1.024.752)*	*81.352.135*	*96.934.146*
Chứng khoán kinh doanh	3.266.851	(206.057)	3.060.794	4.694.653
- *Cổ phiếu niêm yết*	*2.461.010*	*(159.441)*	*2.301.569*	*3.714.044*
- *Cổ phiếu chưa niêm yết*	*78.890*	*(46.140)*	*32.750*	*32.980*
- *Chứng chỉ quỹ*	*284.365*	*(476)*	*283.889*	*505.004*
- *Trái phiếu*	*442.586*	-	*442.586*	*442.625*
Đầu tư tài chính khác	970.836	(91.181)	879.655	1.462.206
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	7.572.530	(66.604)	7.505.926	7.505.926
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	859.507	(115.066)	744.441	752.284
Phải thu tái bảo hiểm	591.224	(9.746)	581.478	581.478
Tài sản tái bảo hiểm	3.009.182	-	3.009.182	3.009.182
Phải thu khác	142.560	(65.953)	76.607	76.607
- *Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược*	*87.893*	-	*87.893*	*87.893*
- *Phải thu cổ tức*	*19.843*	-	*19.843*	*19.843*
- *Khác*	*34.824*	*(65.953)*	*(31.129)*	*(31.129)*
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.783.514	-	4.783.514	4.783.514
TỔNG CỘNG	**216.631.725**	**(2.021.959)**	**214.609.766**	**236.334.495**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

Đơn vị: triệu VND

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	180.710.017	180.710.017
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	1.478.589	1.478.589
Phải trả tái bảo hiểm	891.805	891.805
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	35.544.696	35.544.696
- *Nhận ký quỹ*	*294.056*	*294.056*
- *Khác*	*35.250.640*	*35.250.640*
Tổng cộng	**218.625.107**	**218.625.107**
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 *(trình bày lại)*		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	162.119.481	162.119.481
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	1.354.285	1.354.285
Phải trả tái bảo hiểm	1.140.019	1.140.019
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	25.772.616	25.772.616
- **Nhận ký quỹ**	**289.859**	**289.859**
- **Khác**	**25.482.757**	**25.482.757**
Tổng cộng	**190.386.401**	**190.386.401**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hay thả nổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, độ rủi ro của dự án được tài trợ và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Tập đoàn ước tính giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá công bố, nếu có, tại ngày lập báo cáo.

- Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp. Các phương pháp này bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, giá trị tài sản ròng và các mô hình định giá liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản tài chính riêng biệt trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ đó là đáng kể, hoặc đánh giá chung các tài sản tài chính trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ không đáng kể.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý (tiếp theo):

- Đối với các tài sản bị suy giảm giá trị riêng lẻ, lỗ do suy giảm giá trị được xác định là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thực tế ban đầu.

- Đối với đánh giá suy giảm giá trị chung, các tài sản được phân nhóm dựa trên đặc tính rủi ro tín dụng. Lỗ do giảm giá trị được đánh giá tổng thể dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính tương tự.

- Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

43. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm 2024, Kiểm toán Nhà nước ("KTNN") đã thực hiện kiểm toán tại Tập đoàn Bảo Việt. Thực hiện Báo cáo Kiểm toán đính kèm Công văn số 03/KTNN-TH ngày 10 tháng 01 năm 2025, Tập đoàn trình bày lại một số liệu dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Chi tiết điều chỉnh như sau:

Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**122.398.176.223.278**	**55.115.568.570**	**122.453.291.791.848**
130	***Các khoản phải thu ngắn hạn***	***[1]***	***12.278.031.992.798***	***44.300.805.773***	***12.322.332.798.571***
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		8.941.596.696.542	16.880.089.050	8.958.476.785.592
131.1	*Phải thu về hoạt động bảo hiểm*		*1.433.851.131.849*	*16.880.089.050*	*1.450.731.220.899*
136	Phải thu ngắn hạn khác		302.165.041.513	18.498.849.596	320.663.891.109
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(266.290.676.624)	8.921.867.127	(257.368.809.497)
140	***Hàng tồn kho***		***113.315.013.433***	***33.300.000***	***113.348.313.433***
150	***Tài sản ngắn hạn khác***	***[2]***	***655.668.035.987***	***3.457.458.354***	***659.125.494.341***
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		621.328.053.868	3.649.815.141	624.977.869.009
151.1	*Chi phí hoa hồng chưa phân bổ*		*557.740.609.732*	*926.689.701*	*558.667.299.433*
151.2	*Chi phí trả trước ngắn hạn khác*		*63.587.444.136*	*2.723.125.440*	*66.310.569.576*
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		4.998.425.502	(192.356.787)	4.806.068.715
190	***Tài sản tái bảo hiểm***	***[3]***	***3.001.857.927.552***	***7.324.004.443***	***3.009.181.931.995***
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		1.710.351.585.766	7.723.884.758	1.718.075.470.524
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		1.291.506.341.786	(399.880.315)	1.291.106.461.471
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**98.703.426.370.373**	**3.104.904.975**	**98.706.531.275.348**
220	***Tài sản cố định***		***1.815.502.401.731***	***1.653.661.001***	***1.817.156.062.732***
221	*Tài sản cố định hữu hình*	*[4]*	*956.525.029.065*	*1.540.141.700*	*958.065.170.765*
222	*Nguyên giá*		*2.770.273.675.187*	*2.177.980.102*	*2.772.451.655.289*
223	*Giá trị khấu hao luỹ kế*		*(1.813.748.646.122)*	*(637.838.402)*	*(1.814.386.484.524)*
227	*Tài sản cố định vô hình*	*[5]*	*858.977.372.666*	*113.519.301*	*859.090.891.967*
228	*Nguyên giá*		*1.580.705.169.207*	*171.426.900*	*1.580.876.596.107*
229	*Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(721.727.796.541)*	*(57.907.599)*	*(721.785.704.140)*
240	***Tài sản dở dang dài hạn***		***374.587.590.582***	***(660.868.214)***	***373.926.722.368***
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		374.587.590.582	(660.868.214)	373.926.722.368
260	***Tài sản dài hạn khác***		***182.836.911.108***	***2.112.112.188***	***184.949.023.296***
261	Chi phí trả trước dài hạn		149.510.887.437	2.112.112.188	151.622.999.625
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**221.101.602.593.651**	**58.220.473.545**	**221.159.823.067.196**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**198.842.579.484.569**	**36.906.725.422**	**198.879.486.209.991**
310	***Nợ ngắn hạn***	***[6]***	***30.823.017.939.929***	***27.997.454.856***	***30.851.015.394.785***
311	Phải trả người bán ngắn hạn		2.528.828.344.760	8.177.381.689	2.537.005.726.449
311.1	*Phải trả hoạt động bảo hiểm*		*2.486.127.371.391*	*8.177.381.689*	*2.494.304.753.080*
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		19.647.000.000	135.000.000	19.782.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		178.701.940.806	5.896.360.616	184.598.301.422
314	Phải trả người lao động		1.461.593.286.260	13.606.580.033	1.475.199.866.293
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		112.103.676.602	4.550.423	112.108.227.025
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		166.389.887.740	(116.885.089)	166.273.002.651
318.1	*Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng*		*318.828.518.386*	*1.582.359.230*	*320.410.877.616*
319	Phải trả ngắn hạn khác		472.307.517.721	(1.287.892.046)	471.019.625.675
330	***Nợ dài hạn***		***168.019.561.544.640***	***8.909.270.566***	***168.028.470.815.206***
344	Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	[7]	167.724.569.223.633	8.909.270.566	167.733.478.494.199
344.2	*Dự phòng phí chưa được hưởng*		*5.301.751.557.861*	*10.391.282.881*	*5.312.142.840.742*
344.3	*Dự phòng bồi thường*		*2.632.507.011.339*	*(1.622.488.562)*	*2.630.884.522.777*
344.7	*Dự phòng dao động lớn*		*135.441.702.369*	*140.476.247*	*135.582.178.616*
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**22.259.023.109.082**	**21.313.748.123**	**22.280.336.857.205**
410	***Vốn chủ sở hữu***	***[8]***	***22.259.023.109.082***	***21.313.748.123***	***22.280.336.857.205***
421	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối		3.546.088.681.888	19.756.818.697	3.565.845.500.585
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*1.700.952.903.404*	*19.756.818.697*	*1.720.709.722.101*
423	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm		708.611.883.009	699.194.776	709.311.077.785
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		918.104.772.086	857.734.650	918.962.506.736
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**221.101.602.593.651**	**58.220.473.545**	**221.159.823.067.196**

Các điều chỉnh trọng yếu được diễn giải dưới đây:

[1] Các khoản phải thu ngắn hạn tăng do:	***VND***
- Tăng Phải thu ngắn hạn của khách hàng	16.880.089.050
- Tăng Phải thu ngắn hạn khác	18.498.849.596
- Giảm Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8.921.867.127
	44.300.805.773
[2] Tài sản ngắn hạn khác tăng do:	
- Tăng Chi phí trả trước ngắn hạn	3.649.815.141
- Giảm Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(192.356.787)
	3.457.458.354
[3] Tài sản tái bảo hiểm tăng do:	
- Tăng Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	7.723.884.758
- Giảm Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(399.880.315)
	7.324.004.443
[4] Tài sản cố định hữu hình tăng do:	
- Tăng Nguyên giá	2.177.980.102
- Tăng Giá trị khấu hao lũy kế	(637.838.402)
	1.540.141.700
[5] Tài sản cố định vô hình tăng do	
- Tăng Nguyên giá	171.426.900
- Tăng Giá trị hao mòn lũy kế	(57.907.599)
	113.519.301
[6] Nợ ngắn hạn tăng do:	
- Tăng Phải trả người bán ngắn hạn	8.177.381.689
- Tăng Người mua trả tiền trước ngắn hạn	135.000.000
- Tăng Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.896.360.616
- Tăng Phải trả người lao động	13.606.580.033
- Tăng Chi phí phải trả ngắn hạn	4.550.423
- Giảm Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	(116.885.089)
- Tăng Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	1.582.359.230
- Giảm Phải trả ngắn hạn khác	(1.287.892.046)
	27.997.454.856
[7] Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tăng do:	
- Tăng Dự phòng phí chưa được hưởng	10.391.282.881
- Giảm Dự phòng bồi thường	(1.622.488.562)
- Tăng Dự phòng dao động lớn	140.476.247
	8.909.270.566
[8] Vốn chủ sở hữu tăng do:	
- Tăng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo điều chỉnh tại Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	19.756.818.697
- Tăng Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm	699.194.776
- Tăng Lợi ích cổ đông không kiểm soát	857.734.650
	21.313.748.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
01	**Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 02 + 03 + 04)**		**42.659.877.832.211**	**7.262.117.634**	**42.667.139.949.845**
02	Phí bảo hiểm gốc		42.637.147.155.713	15.168.076.771	42.652.315.232.484
03	Phí nhận tái bảo hiểm		214.862.851.415	2.485.323.744	217.348.175.159
04	Giảm dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(192.132.174.917)	(10.391.282.881)	(202.523.457.798)
05	**Phí nhượng tái bảo hiểm**		**(3.316.257.547.166)**	**(2.905.703.393)**	**(3.319.163.250.559)**
06	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(3.463.319.868.456)	(10.629.588.151)	(3.473.949.456.607)
07	Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		147.062.321.290	7.723.884.758	154.786.206.048
08	**Doanh thu phí bảo hiểm thuần**	**[9]**	**39.343.620.285.045**	**4.356.414.241**	**39.347.976.699.286**
09	**Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**736.859.900.508**	**642.593.382**	**737.502.493.890**
15	**Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm**	**[10]**	**40.080.480.185.553**	**4.999.007.623**	**40.085.479.193.176**
16	**Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn**		**(19.601.479.750.808)**	**210.000.000**	**(19.601.269.750.808)**
27	**Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm**		**81.204.123.063**	**1.622.488.562**	**82.826.611.625**
28	**Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm**		**(95.034.988.630)**	**(399.880.315)**	**(95.434.868.945)**
29	**Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm**	**[11]**	**(38.429.990.840.536)**	**1.432.608.247**	**(38.428.558.232.289)**
30	**Tăng dự phòng dao động lớn**		**(109.099.422.257)**	**(140.476.247)**	**(109.239.898.504)**
31	**Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc**	**[12]**	**(4.080.408.489.759)**	**408.320.210**	**(4.080.000.169.549)**
32	Chi hoa hồng		(2.517.413.586.588)	178.054.823	(2.517.235.531.765)
33	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.562.994.903.171)	230.265.387	(1.562.764.637.784)
41	**Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm**	**[13]**	**(42.619.498.752.552)**	**1.700.452.210**	**(42.617.798.300.342)**
42	**Lỗ gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm**		**(2.539.018.566.999)**	**6.699.459.833**	**(2.532.319.107.166)**
43.2	Chi phí hoạt động khác		(613.279.348.072)	1.914.715.087	(611.364.632.985)
43	**Lãi từ các hoạt động khác (43 = 43.1 + 43.2)**	**[14]**	**(10.935.449.103)**	**1.914.715.087**	**(9.020.734.016)**
44.2	Chi phí hoạt động tài chính		(2.826.923.433.974)	24.675.000	(2.826.898.758.974)
44	**Lợi nhuận hoạt động tài chính (44 = 44.1 + 44.2)**	**[15]**	**10.716.442.910.295**	**24.675.000**	**10.716.467.585.295**
47	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**		**(4.968.385.574.451)**	**13.317.064.960**	**(4.955.068.509.491)**
48.1	Thu nhập khác		34.409.239.555	5.176.910.591	39.586.150.146
48	**Lợi nhuận khác**	**[16]**	**30.172.514.157**	**5.176.910.591**	**35.349.424.748**
50	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**2.236.298.700.174**	**27.132.825.471**	**2.263.431.525.645**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	**[17]**	**(372.973.834.582)**	**(5.819.077.348)**	**(378.792.911.930)**
60	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**		**1.859.989.244.171**	**21.313.748.123**	**1.881.302.992.294**
61	**LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CHỦ SỞ HỮU TẬP ĐOÀN**		**1.784.861.041.407**	**20.456.013.473**	**1.805.317.054.880**
62	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**75.128.202.764**	**857.734.650**	**75.985.937.414**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**		**2.404**	**28**	**2.432**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Các điều chỉnh trọng yếu được diễn giải dưới đây:

[9] Doanh thu phí bảo hiểm thuần tăng do:	***VND***
- Tăng Phí bảo hiểm gốc	15.168.076.771
- Tăng Phí nhận tái bảo hiểm	2.485.323.744
- Tăng Dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(10.391.282.881)
- Tăng Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	(10.629.588.151)
- Tăng Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	7.723.884.758
	4.356.414.241
[10] Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng do:	
- Tăng Doanh thu phí bảo hiểm thuần	4.356.414.241
- Tăng Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	642.593.382
	4.999.007.623
[11] Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm giảm do:	
- Giảm Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	210.000.000
- Giảm Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	1.622.488.562
- Giảm Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(399.880.315)
	1.432.608.247
[12] Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc giảm do:	
- Giảm Chi hoa hồng	178.054.823
- Giảm Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	230.265.387
	408.320.210
[13] Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm giảm do:	
- Giảm Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	1.432.608.247
- Tăng Dự phòng dao động lớn	(140.476.247)
- Giảm Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc	408.320.210
	1.700.452.210
[14] Lỗ từ các hoạt động khác giảm do:	
- Giảm Chi phí hoạt động khác	1.914.715.087
	1.914.715.087
[15] Lợi nhuận hoạt động tài chính tăng do:	
- Giảm Chi phí hoạt động tài chính	24.675.000
	24.675.000
[16] Lợi nhuận khác tăng do:	
- Tăng Thu nhập khác	5.176.910.591
	5.176.910.591
[17] Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng do:	
- Tăng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp do điều chỉnh của KTNN	(5.819.077.348)
	(5.819.077.348)

Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**	**2.236.298.700.174**	**27.132.825.471**	**2.263.431.525.645**
	Điều chỉnh cho các khoản	**8.373.897.139.075**	**491.179.300**	**8.374.388.318.375**
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	203.390.740.109	503.775.861	203.894.515.970
03	Các khoản dự phòng	20.001.631.625.093	(12.596.561)	20.001.619.028.532
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**10.610.195.839.249**	**27.624.004.771**	**10.637.819.844.020**
09	Giảm các khoản phải thu	1.705.439.520.294	(34.979.058.331)	1.670.460.461.963
10	Giảm hàng tồn kho	17.342.286.190	(33.300.000)	17.308.986.190
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(1.175.877.607.268)	20.874.165.647	(1.155.003.441.621)
12	Tăng chi phí trả trước (bao gồm tài sản tái bảo hiểm)	(131.677.740.983)	(13.485.812.087)	(145.163.553.070)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trình bày lại theo các điều chỉnh tương ứng tại Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

44. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài những sự kiện đã thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	**Ông Ông Tiến Hùng**	**Ông Nguyễn Xuân Hòa**	**Ông Nguyễn Xuân Việt**
Người lập	Giám đốc Khối Quản lý Tài chính	Kế toán Trưởng	Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 414 đến trang 417, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tóm tắt, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính riêng tóm tắt được trích từ báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đầy đủ nói trên tại báo cáo kiểm toán lập ngày 31 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính riêng đầy đủ này và báo cáo tài chính riêng tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính riêng tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính riêng đầy đủ đã được kiểm toán của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt của Tập đoàn, cho mục đích công bố thông tin và lập báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng tóm tắt - được trích từ báo cáo tài chính riêng đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn đã được kiểm toán - đã được phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán, phù hợp với quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2023-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3847-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

Mã số		TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**4.622.673.138.468**	**4.142.089.901.102**
110	***I.***	***Tiền và các khoản tương đương tiền***	***121.632.333.139***	***2.755.478.660.198***
111	1.	Tiền	71.632.333.139	32.478.660.198
112	2.	Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	2.723.000.000.000
120	***II.***	***Đầu tư tài chính ngắn hạn***	***2.665.063.124.199***	***62.063.124.199***
121	1.	Chứng khoán kinh doanh	62.063.124.199	62.063.124.199
123	2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.603.000.000.000	-
130	***III.***	***Các khoản phải thu ngắn hạn***	***1.809.087.200.543***	***1.277.253.892.637***
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.794.993.852.490	1.271.454.211.831
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.090.746.559	667.940.000
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	5.002.601.494	5.131.740.806
150	***IV.***	***Tài sản ngắn hạn khác***	***26.890.480.587***	***47.294.224.068***
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	22.040.189.531	18.436.466.372
152	2.	Thuế GTGT được khấu trừ	-	24.051.688.981
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	4.799.193.856	4.806.068.715
155	4.	Tài sản ngắn hạn khác	51.097.200	-
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**13.643.015.884.836**	**13.729.543.835.377**
220	***I.***	***Tài sản cố định***	***524.915.242.838***	***479.205.638.858***
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	115.858.732.963	233.576.363.265
222		*Nguyên giá*	*679.523.453.628*	*883.566.549.497*
223		*Giá trị khấu hao lũy kế*	*(563.664.720.665)*	*(649.990.186.232)*
227	2.	Tài sản cố định vô hình	409.056.509.875	245.629.275.593
228		*Nguyên giá*	*823.882.924.394*	*569.606.387.531*
229		*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(414.826.414.519)*	*(323.977.111.938)*
230	***II.***	***Bất động sản đầu tư***	***105.715.275.663***	***-***
231	1.	Nguyên giá	238.924.536.904	-
232	2.	Giá trị hao mòn lũy kế	(133.209.261.241)	-
240	***III.***	***Tài sản dở dang dài hạn***	***25.988.694.226***	***267.863.654.445***
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	25.988.694.226	267.863.654.445
250	***IV.***	***Đầu tư tài chính dài hạn***	***12.975.695.039.458***	***12.971.165.872.235***
251	1.	Đầu tư vào công ty con và BVIF	10.352.286.148.720	10.352.286.148.720
252	2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.138.200.000.000	2.138.200.000.000
253	3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	521.335.637.261	521.335.637.261
254	4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(36.126.746.523)	(40.655.913.746)
260	***V.***	***Tài sản dài hạn khác***	***10.701.632.651***	***11.308.669.839***
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	10.701.632.651	11.308.669.839
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**18.265.689.023.304**	**17.871.633.736.479**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

Mã số		NGUỒN VỐN	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**	**194.428.398.593**	**199.299.013.811**
310	***I.***	***Nợ ngắn hạn***	***194.428.398.593***	***197.912.933.811***
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	18.988.014.958	10.561.393.464
313	2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.613.348.278	5.969.018.774
314	3.	Phải trả người lao động	70.508.318.036	71.983.379.969
315	4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.878.721.945	1.465.725.433
319	5.	Phải trả ngắn hạn khác	73.369.181.111	72.794.432.240
320	6.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.677.987.000	13.393.031.500
322	7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20.392.827.265	21.745.952.431
330	***II.***	***Nợ dài hạn***	***-***	***1.386.080.000***
338	1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	1.386.080.000
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**18.071.260.624.711**	**17.672.334.722.668**
410	***I.***	***Vốn chủ sở hữu***	***18.071.260.624.711***	***17.672.334.722.668***
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
411a	-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*7.423.227.640.000*	*7.423.227.640.000*
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần	7.310.458.742.807	7.310.458.742.807
418	3.	Quỹ đầu tư phát triển	2.157.304.870.704	1.822.475.320.888
421	4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.180.269.371.200	1.116.173.018.973
421a	-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*86.556.830*	*42.026.374*
421b	-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*	*1.180.182.814.370*	*1.116.130.992.599*
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**18.265.689.023.304**	**17.871.633.736.479**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Giám đốc Khối
Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
01	1.	Doanh thu hoạt động kinh doanh	1.691.959.465.878	1.573.914.036.937
11	2.	Chi phí hoạt động kinh doanh	(326.492.727.319)	(316.205.300.628)
20	**3.**	**Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh**	**1.365.466.738.559**	**1.257.708.736.309**
26	4.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(185.830.435.327)	(136.461.003.723)
30	**5.**	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**1.179.636.303.232**	**1.121.247.732.586**
31	6.	Thu nhập khác	690.307.089	152.114.957
32	7.	Chi phí khác	(143.795.951)	(91.532.571)
40	**8.**	**Lợi nhuận khác**	**546.511.138**	**60.582.386**
50	**9.**	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**1.180.182.814.370**	**1.121.308.314.972**
51	**10.**	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**-**	**(5.177.322.373)**
60	**11.**	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**1.180.182.814.370**	**1.116.130.992.599**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Giám đốc Khối
Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

Mã số		CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**		
01	1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.200.263.202.574	1.496.050.617.414
	-	*Thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, thu từ bán chứng khoán kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*	*812.453.539.015*	*1.077.141.416.498*
	-	*Tiền thu từ cung cấp dịch vụ khác*	*387.809.663.559*	*418.909.200.916*
02	2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	(172.037.024.903)	(153.656.471.393)
03	3.	Tiền chi trả cho người lao động	(157.358.963.658)	(146.967.117.476)
04	4.	Tiền lãi vay đã trả	(659.175.312)	(4.707.267.662)
05	5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(14.300.000.000)
06	6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	13.051.908.006	18.217.262.600
07	7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(134.230.592.143)	(131.492.331.967)
20		**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**749.029.354.564**	**1.063.144.691.516**
	II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		
21	1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(21.715.945.616)	(16.847.396.313)
23	3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(4.148.000.000.000)	-
24	4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.545.000.000.000	1.163.000.000.000
30		**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư**	**(2.624.715.945.616)**	**1.146.152.603.687**
	III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		
34	1.	Tiền trả nợ gốc vay	(13.101.124.500)	(75.967.041.238)
36	2.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(745.069.356.247)	(706.374.484.724)
40		**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**	**(758.170.480.747)**	**(782.341.525.962)**
50		**Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)**	**(2.633.857.071.799)**	**1.426.955.769.241**
60		**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**2.755.478.660.198**	**1.328.517.294.738**
61		Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	10.744.740	5.596.219
70		**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**121.632.333.139**	**2.755.478.660.198**

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Giám đốc Khối
Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm 2024, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện kiểm toán tại Tập đoàn Bảo Việt. Thực hiện kết luận kiểm toán tại Báo cáo Kiểm toán số 03/KTNN-TH ngày 10 tháng 01 năm 2025, Tập đoàn trình bày lại một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Chi tiết như sau:

Trích từ Bảng cân đối kế toán riêng

Đơn vị tính: VND

Mã số		TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**4.142.057.407.889**	**32.493.213**	**4.142.089.901.102**
130	***III.***	***Các khoản phải thu ngắn hạn***	***1.277.029.042.637***	***224.850.000***	***1.277.253.892.637***
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	4.906.890.806	224.850.000	5.131.740.806
150	***IV.***	***Tài sản ngắn hạn khác***	***47.486.580.855***	***(192.356.787)***	***47.294.224.068***
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	4.998.425.502	(192.356.787)	4.806.068.715
270		**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**17.871.601.243.266**	**32.493.213**	**17.871.633.736.479**

Mã số		NGUỒN VỐN	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**17.672.302.229.455**	**32.493.213**	**17.672.334.722.668**
410	***I.***	***Vốn chủ sở hữu***	***17.672.302.229.455***	***32.493.213***	***17.672.334.722.668***
421	4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.116.140.525.760	32.493.213	1.116.173.018.973
421b		*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*	*1.116.098.499.386*	*32.493.213*	*1.116.130.992.599*
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**17.871.601.243.266**	**32.493.213**	**17.871.633.736.479**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Trích từ Báo cáo kết quả kinh doanh riêng

Mã số		CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
26	4.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(136.685.853.723)	224.850.000	(136.461.003.723)
30	**5.**	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**1.121.022.882.586**	**224.850.000**	**1.121.247.732.586**
50	**9.**	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**1.121.083.464.972**	**224.850.000**	**1.121.308.314.972**
51	**10.**	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**(4.984.965.586)**	**(192.356.787)**	**(5.177.322.373)**
60	**11.**	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**1.116.098.499.386**	**32.493.213**	**1.116.130.992.599**



Bà Nguyễn Thị Thanh Vân
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Giám đốc Khối
Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ - IFRS

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (Tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	2024 VND	2023 (trình bày lại) VND
Thu phí bảo hiểm	42.809.347.082.067	42.869.663.407.643
Phí nhượng tái bảo hiểm	(3.512.320.192.983)	(3.473.949.456.607)
Thu ròng về phí bảo hiểm	**39.297.026.889.084**	**39.395.713.951.036**
Thay đổi quỹ dự phòng phí chưa được hưởng	(170.843.210.040)	(47.737.251.751)
Phí bảo hiểm ròng được hưởng	**39.126.183.679.044**	**39.347.976.699.285**
Hoa hồng từ hoạt động nhượng tái	**683.359.206.283**	**703.205.995.088**
Thu nhập khác từ hoạt động bảo hiểm	**13.632.798.321**	**34.296.498.802**
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**39.823.175.683.648**	**40.085.479.193.175**
Doanh thu lãi	12.151.918.136.966	12.607.734.235.733
(Lỗ)/Lãi ròng từ tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL	(51.658.442.888)	10.904.653.308
Lãi ròng phát sinh từ việc ngừng ghi nhận các tài sản tài chính AFS	128.747.279.694	19.836.305.360
Lỗ ròng phát sinh từ việc ngừng ghi nhận các tài sản tài chính được xác định theo giá gốc phân bổ	-	(107.693.526.036)
Doanh thu tài chính khác	703.196.860.455	562.595.096.067
Lỗ suy giảm các tài sản tài chính	(30.630.192.590)	(125.741.731.857)
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	(13.928.156.147)	(16.099.743.626)
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	**12.887.645.485.490**	**12.951.535.288.949**
Thu nhập hoạt động khác	585.711.040.194	641.930.049.115
Tổng doanh thu khác	**13.473.356.525.684**	**13.593.465.338.064**
TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG	**53.296.532.209.332**	**53.678.944.531.239**
Chi bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm	(20.147.363.702.808)	(20.031.500.179.519)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.185.989.939.621	1.273.429.764.859
Thay đổi gộp về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(18.844.198.367.675)	(21.435.444.753.549)
Thay đổi gộp về nghĩa vụ hoãn lại cho chủ hợp đồng	(405.944.029.232)	257.476.699.974
Thay đổi về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm đã nhượng cho công ty tái bảo hiểm	397.550.272.777	1.742.423.392.921

	2024 VND	2023 (trình bày lại) VND
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	**(37.813.965.887.317)**	**(38.193.615.075.314)**
Chi hoa hồng và chi phí khai thác hoạt động bảo hiểm	(2.684.923.035.923)	(2.719.835.170.638)
Chi nhận/nhượng tái bảo hiểm khác	(3.790.988.048)	(2.493.534.052)
Chi phí bán hàng	(1.346.798.811.485)	(1.094.026.078.899)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(7.094.169.952.250)	(6.266.955.649.736)
Chi phí tài chính	(1.485.095.246.499)	(2.221.475.702.979)
Chi phí hoạt động khác	(549.708.237.206)	(615.601.358.383)
Tổng hoa hồng và chi phí	**(13.164.486.271.411)**	**(12.920.387.494.687)**
TỔNG CHI TRẢ ĐÁO HẠN, CHI BỒI THƯỜNG VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC	**(50.978.452.158.728)**	**(51.114.002.570.001)**
LỢI NHUẬN TRƯỚC PHẦN LỢI NHUẬN Ở CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH	**2.318.080.050.604**	**2.564.941.961.238**
Phần lãi/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh thuộc về Tập đoàn	38.052.760.921	(347.814.038.664)
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	**2.356.132.811.525**	**2.217.127.922.574**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(395.561.609.061)	(389.433.909.325)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	**1.960.571.202.464**	**1.827.694.013.249**
Lợi nhuận sau thuế thuộc về:		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	1.870.494.803.171	1.746.575.538.871
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	90.076.399.293	81.118.474.378
LÃI TRÊN CỔ PHIẾU		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.520	2.304
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.520	2.304

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Giám đốc Khối
Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 4 năm 2025

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (Tiếp theo)

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN HỢP NHẤT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	2024 VND	2023 (trình bày lại) VND
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	**1.960.571.202.464**	**1.827.694.013.249**
Thu nhập toàn diện khác trong năm		
Phần thu nhập toàn diện khác sẽ được phân loại sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong những năm tiếp theo		
Thay đổi ròng của quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.535.338.453.991	3.571.394.789.273
Thuế thu nhập liên quan đến các khoản thu nhập toàn diện khác	(281.918.831.274)	(674.895.829.597)
	1.253.419.622.717	**2.896.498.959.676**
Phần thu nhập toàn diện khác không được phân loại sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong những năm tiếp theo		
Chênh lệch đánh giá lại Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	5.038.432.802	4.022.038.351
Thuế thu nhập liên quan đến các khoản thu nhập tổng hợp khác	(1.007.686.561)	(804.407.670)
	4.030.746.241	**3.217.630.681**
Thu nhập toàn diện khác trong năm sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**1.257.450.368.958**	**2.899.716.590.357**
Tổng thu nhập toàn diện trong năm sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**3.218.021.571.422**	**4.727.410.603.606**
Tổng thu nhập toàn diện trong năm thuộc về:		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	3.123.189.519.105	4.635.555.713.373
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	94.832.052.317	91.854.890.233

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Giám đốc Khối
Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 4 năm 2025

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (Tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Tài sản		
Tài sản cố định hữu hình	946.249.856.731	1.229.839.236.806
Bất động sản đầu tư	106.665.907.136	85.193.714.179
Tài sản cố định vô hình	629.216.719.783	671.909.130.305
Quyền sử dụng tài sản	665.743.696.451	513.548.457.305
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	581.867.688.103	558.667.299.433
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.250.074.127.029	1.265.490.614.487
Các khoản đầu tư có kỳ hạn cố định		
Sẵn sàng để bán	*89.294.930.140.123*	*78.879.707.293.135*
Phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	*50.096.953.403*	*442.624.777.464*
Cho vay và phải thu	*158.279.376.251.956*	*132.931.943.434.545*
Chứng khoán vốn		
Sẵn sàng để bán	*7.901.019.864.682*	*5.392.722.857.175*
Phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	*367.383.007.578*	*321.510.815.504*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	535.042.484.668	501.925.164.180
Phải thu về hoạt động bảo hiểm	1.161.954.822.737	1.334.223.692.665
Tài sản tái bảo hiểm	6.834.961.063.512	6.468.588.478.291
Các khoản trả trước và tài sản khác	5.477.025.449.955	5.156.619.306.322
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	4.809.122.226	4.806.068.715
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.464.088.127.113	4.783.513.586.776
TỔNG TÀI SẢN	**275.550.505.283.186**	**240.542.833.927.287**
Vốn chủ sở hữu		
Vốn điều lệ	7.423.227.640.000	7.423.227.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	8.764.403.107.607	8.764.403.107.607
Lợi nhuận chưa phân phối	(358.410.458.268)	(563.631.071.245)
Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	5.387.831.276.658	4.139.138.708.626
Quỹ chênh lệch tỷ giá	15.445.192.000	15.445.192.000
Quỹ đầu tư phát triển	2.933.853.033.569	2.233.517.394.474
Quỹ dự trữ bắt buộc	797.932.384.636	709.311.077.785
Quỹ khác	103.568.802.818	103.568.802.818
Tổng vốn chủ sở hữu	**25.067.850.979.020**	**22.824.980.852.065**
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	**1.023.369.752.703**	**956.836.708.848**
TỔNG VỐN	**26.091.220.731.723**	**23.781.817.560.913**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Nợ phải trả		
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	191.563.890.891.442	172.580.027.001.283
Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	15.404.120.828.403	11.882.932.585.471
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	38.675.721.638	43.216.140.017
Doanh thu hoãn lại	382.055.501.051	320.410.877.616
Vay thấu chi	-	98.000.000.000
Phải trả theo các hợp đồng Repo và phải trả tài chính khác	35.053.408.081.191	25.236.946.110.836
Người mua trả tiền trước	21.186.000.000	19.782.000.000
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	211.453.081.628	184.598.301.422
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.046.858.559.381	799.780.323.116
Phải trả hoạt động bảo hiểm	2.370.393.614.148	2.494.304.753.080
Phải trả thuê hoạt động	262.130.573.096	294.958.976.343
Phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	3.105.111.699.485	2.806.059.297.190
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**249.459.284.551.463**	**216.761.016.366.374**
TỔNG VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ	**275.550.505.283.186**	**240.542.833.927.287**

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Giám đốc Khối
Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 4 năm 2025

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (Tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Vốn điều lệ đã góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán VND	Quỹ chênh lệch tỷ giá (*) VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Quỹ khác (**) VND	Tổng cộng VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 *(trình bày lại)*	**7.423.227.640.000**	**8.764.403.107.607**	**(563.631.071.245)**	**4.139.138.708.626**	**15.445.192.000**	**2.233.517.394.474**	**709.311.077.785**	**103.568.802.818**	**22.824.980.852.065**	**956.836.708.848**	**23.781.817.560.913**
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	(745.069.356.247)	-	-	-	-	-	(745.069.356.247)	-	(745.069.356.247)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(118.130.315.034)	-	-	-	-	-	(118.130.315.034)	(3.159.197.310)	(121.289.512.344)
Của Công ty mẹ (***)	-	-	*(36.187.556.080)*	-	-	-	-	-	*(36.187.556.080)*	-	*(36.187.556.080)*
Của các công ty con	-	-	*(81.942.758.954)*	-	-	-	-	-	*(81.942.758.954)*	*(3.159.197.310)*	*(85.101.956.264)*
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	(700.335.639.095)	-	-	700.335.639.095	-	-	-	-	-
Của Công ty mẹ (***)	-	-	*(334.829.549.816)*	-	-	*334.829.549.816*	-	-	-	-	-
Của các công ty con	-	-	*(365.506.089.279)*	-	-	*365.506.089.279*	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.870.494.803.171	-	-	-	-	-	1.870.494.803.171	90.076.399.293	1.960.571.202.464
Chi trả thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát Tập đoàn	-	-	(944.531.050)	-	-	-	-	-	(944.531.050)	(631.839.462)	(1.576.370.512)
Thu nhập toàn diện khác	-	-	4.002.147.902	1.248.692.568.032	-	-	-	-	1.252.694.715.934	4.755.653.024	1.257.450.368.958
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	(88.621.306.851)	-	-		88.621.306.851	-	-	-	-
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(25.860.731.704)	(25.860.731.704)
Tăng khác	-	-	(16.175.189.819)	-	-	-	-	-	(16.175.189.819)	1.352.760.014	(14.822.429.805)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**7.423.227.640.000**	**8.764.403.107.607**	**(358.410.458.268)**	**5.387.831.276.658**	**15.445.192.000**	**2.933.853.033.569**	**797.932.384.636**	**103.568.802.818**	**25.067.850.979.020**	**1.023.369.752.703**	**26.091.220.731.723**

(*) Quỹ chênh lệch tỷ giá thể hiện chênh lệch do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine từ USD sang VND từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

(**) Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu thể hiện phần lợi ích còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của BVSC phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 26 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn trích 334.829.549.816 VND, bằng 30% lợi nhuận sau thuế 2023 cho Quỹ Đầu tư phát triển và 36.187.556.080 VND, bằng 3,24% lợi nhuận sau thuế 2023 cho các Quỹ Khen thưởng Phúc lợi và Quỹ thưởng cho Người quản lý của Tập đoàn.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (Tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Vốn điều lệ đã góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán VND	Quỹ chênh lệch tỷ giá (*) VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Quỹ khác (**) VND	Tổng cộng VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	**7.423.227.640.000**	**8.764.403.107.607**	**(767.779.109.208)**	**1.253.383.553.418**	**15.445.192.000**	**1.592.882.068.422**	**638.658.717.043**	**103.568.802.818**	**19.023.789.972.100**	**902.540.725.258**	**19.926.330.697.358**
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	(708.175.916.856)	-	-	-	-	-	(708.175.916.856)		(708.175.916.856)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(112.233.944.515)	-	-	-	-	-	(112.233.944.515)	(4.282.571.952)	(116.516.516.467)
Của Công ty mẹ	-	-	*(37.748.127.469)*	-	-	-	-	-	*(37.748.127.469)*	-	*(37.748.127.469)*
Của các công ty con	-	-	*(74.485.817.046)*	-	-	-	-	-	*(74.485.817.046)*	*(4.282.571.952)*	*(78.768.388.998)*
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.746.575.538.871	-	-	-	-	-	1.746.575.538.871	81.118.474.378	1.827.694.013.249
Chi trả thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát Tập đoàn	-	-	(2.780.395.553)	-	-	-	-	-	(2.780.395.553)	(856.514.390)	(3.636.909.943)
Thu nhập toàn diện khác	-	-	3.225.019.294	2.885.755.155.208	-	-	-	-	2.888.980.174.502	10.736.415.855	2.899.716.590.357
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	(711.287.686.794)	-	-	640.635.326.052	70.652.360.742	-	-	-	-
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(32.125.505.064)	(32.125.505.064)
Giảm khác	-	-	(11.174.576.484)	-	-	-	-	-	(11.174.576.484)	(294.315.237)	(11.468.891.721)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 *(trình bày lại)*	**7.423.227.640.000**	**8.764.403.107.607**	**(563.631.071.245)**	**4.139.138.708.626**	**15.445.192.000**	**2.233.517.394.474**	**709.311.077.785**	**103.568.802.818**	**22.824.980.852.065**	**956.836.708.848**	**23.781.817.560.913**

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Giám đốc Khối
Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 4 năm 2025

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (Tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Tiền thu phí bảo hiểm và thu lãi	42.509.826.975.539	42.294.427.479.660
Tiền trả cho người bán, người cung cấp dịch vụ	(29.019.191.132.185)	(28.929.951.021.955)
Tiền chi trả cho người lao động	(2.753.821.139.435)	(2.517.833.914.867)
Tiền chi trả lãi vay	(670.960.934.650)	(1.787.160.299.314)
Tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(432.410.464.622)	(360.202.939.230)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	39.298.357.003.187	32.853.870.705.156
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(40.395.609.862.861)	(32.961.652.338.843)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**8.536.190.444.973**	**8.591.497.670.607**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và các tài sản dài hạn khác	(135.267.945.349)	(179.223.609.626)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và các tài sản dài hạn khác	750.785.454	1.056.681.274
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(178.867.829.679.580)	(163.901.811.301.317)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	143.899.182.195.987	147.964.399.043.822
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(245.308.499)	(559.065.379)
Cổ tức nhận được	331.797.686.925	211.360.593.743
Tiền lãi nhận được	13.138.509.353.040	11.341.394.603.754
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	**(21.633.102.912.022)**	**(4.563.383.053.729)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu từ đi vay (bao gồm hoạt động repo)	66.387.767.032.069	69.386.602.815.598
Tiền trả nợ gốc vay (bao gồm hoạt động repo)	(55.628.924.452.500)	(70.038.122.238.127)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(767.081.435.567)	(734.102.404.994)
Tiền trả nợ thuê tài sản	(116.994.238.895)	(114.648.998.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính	**9.874.766.905.107**	**(1.500.270.825.729)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**(3.222.145.561.942)**	**2.527.843.791.149**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4.685.513.586.776	2.156.497.560.116
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá	720.102.279	1.172.235.511
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**1.464.088.127.113**	**4.685.513.586.776**

Bà Lê Thanh Thủy
Người lập

Ông Ông Tiến Hùng
Giám đốc Khối
Quản lý Tài chính

Ông Nguyễn Xuân Hòa
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Xuân Việt
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 4 năm 2025

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt không bao gồm đầy đủ các thông tin và thuyết minh được yêu cầu như trong báo cáo tài chính hợp nhất thường niên, và nên được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Lập báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt

Báo cáo hợp nhất tóm lược giữa niên cho mục đích đặc biệt được lập theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 2. Những chính sách kế toán này chủ yếu dựa trên Các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế (IFRS) được ban hành bởi Ủy ban Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 ngoại trừ việc Tập đoàn không áp dụng IFRS 9 – Các công cụ tài chính (2018) và IFRS 17 – Hợp đồng bảo hiểm (2024). Tập đoàn tiếp tục áp dụng IAS 39 – Công cụ tài chính: Ghi nhận và Đo lường (2020) và IFRS 4 – Hợp đồng bảo hiểm (2024), hai chuẩn mực IFRS đã được thay thế cho các kỳ kế toán năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Bên cạnh đó, Tập đoàn áp dụng IFRS 7 – Công cụ tài chính – Thuyết minh (2010), bản này đã được thay thế bằng bản cập nhật sửa đổi bao gồm các thay đổi liên quan đến việc áp dụng IFRS 9 và IFRS 17. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt này không được lập nhằm mục đích tuân thủ toàn bộ yêu cầu của IFRS.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt được lập để phục vụ Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt trong việc quản trị nội bộ và Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo – ("Cổ đông chiến lược") trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Cổ đông chiến lược này. Vì thế, báo cáo tài chính hợp nhất tóm lược giữa niên độ cho mục đích đặc biệt này có thể không phù hợp cho mục đích khác.

1.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt bao gồm báo cáo tài chính của Tập đoàn và các công ty con tại ngày lập báo cáo này. Một đơn vị đầu tư được coi là công ty con khi Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát đối với đơn vị đó. Quyền kiểm soát được thiết lập khi Tập đoàn có quyền hoặc được cho là có quyền nhận lợi ích từ việc đầu tư và có khả năng chi phối hoạt động của đơn vị để thu được các lợi ích này. Cụ thể, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với một đơn vị đầu tư khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền kiểm soát với đơn vị này (ví dụ như quyền đưa ra các quyết định về hoạt động của đơn vị);
- Có quyền nhận lợi ích từ việc đầu tư vào đơn vị; và
- Có khả năng chi phối đơn vị để thu lợi ích.

Thông thường, việc nắm quyền biểu quyết đa số được coi là có quyền kiểm soát. Để thỏa mãn giả định này và khi Tập đoàn nắm ít hơn quyền biểu quyết đa số hoặc các quyền tương tự tại đơn vị được đầu tư, Tập đoàn cân nhắc các dữ kiện và các tình huống liên quan để xác định liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát với đơn vị được đầu tư, bao gồm:

- Các thỏa thuận bằng hợp đồng với các bên có quyền biểu quyết của đơn vị được đầu tư;
- Các quyền phát sinh từ các thỏa thuận hợp đồng khác; và
- Quyền biểu quyết của Tập đoàn và quyền biểu quyết tiềm tàng của Tập đoàn.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (Tiếp theo)

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

1.2 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Trong trường hợp các dữ kiện và tình huống thực tế cho thấy có thay đổi đối với một hoặc hơn trong ba yếu tố cấu thành quyền kiểm soát, Tập đoàn đánh giá lại liệu quyền kiểm soát đối với đơn vị có còn hiệu lực hay không. Việc hợp nhất công ty con bắt đầu từ ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát và chấm dứt tại ngày Tập đoàn mất quyền kiểm soát với công ty con. Tài sản, nợ phải trả, thu nhập và chi phí của một công ty con được mua hoặc bán trong năm được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt kể từ ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Lãi lỗ và từng thành phần của thu nhập toàn diện khác thuộc về cổ đông của Tập đoàn và lợi ích cổ đông không kiểm soát, ngay cả khi điều này dẫn đến việc lợi ích cổ đông không kiểm soát có số dư âm. Các điều chỉnh thích hợp được ghi nhận trên báo cáo tài chính của công ty con nhằm đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết. Tất cả tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ nội bộ liên quan đến giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán là giao dịch vốn chủ sở hữu. Khi Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với công ty con, Tập đoàn sẽ loại bỏ các tài sản tương ứng (bao gồm lợi thế thương mại), công nợ, lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần khác của vốn chủ sở hữu và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất nhất cho mục đích đặc biệt. Khoản đầu tư còn lại tại công ty con được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

1.3 Các chuẩn mực, diễn giải mới và sửa đổi được Tập đoàn áp dụng

Các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt thống nhất với các chính sách kế toán được sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất thường niên của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, như đã trình bày ở Thuyết minh số 2, ngoại trừ việc áp dụng các tiêu chuẩn mới có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Tập đoàn không áp dụng sớm bất kỳ chuẩn mực, diễn giải và sửa đổi được ban hành nhưng chưa có hiệu lực nào khác.

Một số sửa đổi được áp dụng lần đầu vào năm 2024 nhưng không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt của Tập đoàn.

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Phân loại sản phẩm

Các hợp đồng bảo hiểm là các hợp đồng mà các Công ty con của Tập đoàn chấp nhận những rủi ro bảo hiểm trọng yếu từ khách hàng ("Chủ hợp đồng bảo hiểm") bằng các thỏa thuận bồi thường cho chủ hợp đồng bảo hiểm nếu một sự kiện xác định không chắc chắn xảy ra trong tương lai ("sự kiện được bảo hiểm") gây tổn thất đến chủ hợp đồng bảo hiểm. Một quy tắc chung là các công ty con kinh doanh bảo hiểm sẽ xem xét việc có rủi ro bảo hiểm trọng yếu hay không bằng cách so sánh lợi ích bảo hiểm đã chi trả sau khi xảy ra các sự kiện được bảo hiểm và lợi ích bảo hiểm phải trả trong trường hợp sự kiện được bảo hiểm không xảy ra. Hợp đồng bảo hiểm cũng có thể chuyển giao một số rủi ro về tài chính.

Hợp đồng đầu tư là các hợp đồng chuyển giao các rủi ro tài chính trọng yếu nhưng không chuyển giao rủi ro bảo hiểm trọng yếu. Rủi ro tài chính là rủi ro xảy ra khi có sự thay đổi của một hoặc nhiều hơn một của các biến số sau: lãi suất, giá của công cụ tài chính, giá cả hàng hóa, tỉ giá hối đoái, chỉ số giá cả hoặc tỷ suất, xếp hạng tín dụng và chỉ số tín dụng hoặc biến số phi tài chính khi biến số này không gắn liền với một đối tượng nào của hợp đồng.

Khi một hợp đồng được phân loại là hợp đồng bảo hiểm, việc phân loại được giữ nguyên cho đến khi hợp đồng hết hạn, ngay cả khi rủi ro về bảo hiểm không còn trọng yếu, trừ khi tất cả các quyền và nghĩa vụ gắn liền với hợp đồng bảo hiểm bị xóa bỏ hay hết hạn. Các hợp đồng đầu tư, ngược lại, có thể được phân loại lại thành hợp đồng bảo hiểm sau đó nếu rủi ro bảo hiểm trở nên trọng yếu.

Hợp đồng có cấu phần không đảm bảo ("DPF")

Hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng đầu tư được phân loại dựa trên đặc điểm có hay không có cấu phần không đảm bảo. Cấu phần không đảm bảo là quyền lợi tăng thêm được nhận ngoài quyền lợi đảm bảo và thỏa mãn các điều kiện sau:

- Là một phần đáng kể trong tổng quyền lợi theo hợp đồng
- Giá trị và thời điểm của cấu phần không đảm bảo phụ thuộc vào bên phát hành
- Được ràng buộc theo hợp đồng dựa trên:
  - Việc thực hiện một nhóm hợp đồng cụ thể hoặc theo loại hợp đồng cụ thể
  - Tiền lãi đầu tư đã thực hiện và/hoặc chưa thực hiện trên một nhóm tài sản cụ thể do tổ chức phát hành nắm giữ
  - Lợi nhuận của Bảo Việt Nhân thọ, quỹ hay các đơn vị khác phát hành hợp đồng

Công cụ phái sinh thuộc hợp đồng bảo hiểm hoặc hợp đồng đầu tư có cấu phần không đảm bảo được tách riêng và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ trừ trường hợp công cụ phái sinh ấy cũng là một hợp đồng bảo hiểm hoặc hợp đồng đầu tư có cấu phần không đảm bảo. Công cụ phái sinh không được trình bày riêng biệt nếu hợp đồng bảo hiểm gốc hoặc hợp đồng đầu tư gốc có cấu phần không đảm bảo được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

2.2 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh sử dụng phương pháp mua lại. Chi phí của việc mua lại được tính toán bằng tổng của các khoản lợi ích chuyển giao. Tổng các khoản lợi ích chuyển giao được xác định theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào ngày mua và bất kỳ khoản Lợi ích cổ đông không kiểm soát nào của bên mua. Đối với mỗi vụ hợp nhất kinh doanh, Tập đoàn được lựa chọn việc đánh giá Lợi ích cổ đông không kiểm soát của bên mua theo giá trị hợp lí hay theo tỷ lệ giá trị tài sản ròng có thể xác định được của bên mua. Chi phí liên quan đến việc mua lại được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi phát sinh.

Khi thực hiện mua lại một doanh nghiệp, Tập đoàn đánh giá tài sản mua lại và nợ phải trả tài chính thu được để phù hợp với phân loại theo các điều khoản hợp đồng, các điều kiện kinh tế và các điều khoản thích hợp khác tại ngày mua. Việc đánh giá lại bao gồm việc tách bạch các giá trị phái sinh tiềm ẩn trong hợp đồng với bên mua.

Bất kỳ khoản lợi ích chuyển giao tiềm tàng nào từ bên mua sẽ được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Lợi ích chuyển giao tiềm tàng được phân loại là vốn chủ sở hữu không được đánh giá lại. Việc thanh toán các khoản lợi ích chuyển giao tiềm tàng được phân loại là vốn chủ sở hữu được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu. Những khoản lợi ích chuyển giao tiềm tàng được phân loại là tài sản hoặc nợ phải trả như các công cụ tài chính theo IAS 39 (Các công cụ tài chính: Ghi nhận và đo lường) được đo lường theo giá trị hợp lí, thay đổi trong giá trị hợp lí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo IAS 39. Các khoản lợi ích chuyển giao tiềm tàng khác không thuộc phạm vi của IAS 39 được xác định bằng giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, và những thay đổi trong giá trị hợp lý được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)*

Lợi thế thương mại được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (là phần chênh lệch giữa tổng các khoản lợi ích chuyển giao cộng với các khoản lợi ích cổ đông không kiểm soát và giá trị tài sản ròng mua lại có thể xác định được, và nợ phải trả nhận được). Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuần mua lại vượt quá tổng các khoản lợi ích chuyển giao, Tập đoàn thực hiện đánh giá lại xem đã xác định đúng tất cả các tài sản mua lại, tất cả các khoản nợ phải trả nhận được và đánh giá các phương pháp được sử dụng để tính các khoản được ghi nhận vào ngày mua. Nếu việc đánh giá lại vẫn có kết quả là giá trị hợp lý của tài sản thuần mua lại vượt quá tổng các khoản lợi ích chuyển giao thì phần lợi nhuận chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được đo lường theo giá gốc trừ đi các khoản suy giảm giá trị lũy kế. Nhằm mục đích cho việc đánh giá sự suy giảm giá trị, lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh tính từ ngày mua lại được phân bổ cho từng đơn vị tạo dòng tiền ("CGU") của Tập đoàn mà từng đơn vị tạo dòng tiền này được xác định là có nhận được lợi ích từ hợp nhất kinh doanh, không phân biệt tài sản hoặc nợ phải trả khác của bên được mua lại được phân bổ cho từng đơn vị tạo dòng tiền.

Trường hợp lợi thế thương mại được phân bổ cho từng đơn vị tạo dòng tiền (CGU) và một phần hoạt động trong đơn vị tạo dòng tiền dừng lại thì lợi thế thương mại liên quan đến việc dừng hoạt động được bao gồm trong giá trị còn lại của hoạt động khi xác định lãi lỗ của việc dừng hoạt động. Lợi thế thương mại từ việc dừng hoạt động trong những trường hợp này được tính dựa trên các giá trị tương đối của hoạt động dừng lại và tỉ lệ của từng đơn vị tiền tệ tạo dòng tiền được giữ lại.

2.3 *Tài sản vô hình*

Tài sản vô hình mua riêng lẻ được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của tài sản vô hình là nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và các khoản lỗ lũy kế do suy giảm giá trị. Các tài sản vô hình tự xây dựng, ngoại trừ các khoản chi phí phát triển đã được vốn hóa, đều không được vốn hóa và ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt khi phát sinh.

Thời gian sử dụng của tài sản vô hình được đánh giá là hữu hạn hoặc vô hạn.

Tài sản vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được trích hao mòn trong suốt thời gian sử dụng và được đánh giá suy giảm giá trị nếu có bằng chứng rằng tài sản vô hình đó bị giảm giá trị. Thời gian và phương pháp hao mòn của tài sản cố định vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được xem xét lại định kỳ ít nhất mỗi năm tài chính. Những thay đổi trong thời gian hữu dụng hay việc tiêu dùng các lợi ích kinh tế trong tương lai của các tài sản được xác định bằng cách thay đổi thời gian hay phương pháp hao mòn, nếu cần thiết, và được ghi nhận là thay đổi ước tính kế toán. Chi phí hao mòn của tài sản vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	03 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình khác	02 - 20 năm

Chi phí quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn không được trích hao mòn. Tài sản cố định vô hình với thời gian sử dụng vô thời hạn được đánh giá suy giảm giá trị riêng rẽ hoặc theo đơn vị tạo dòng tiền ít nhất 01 năm 01 lần. Những tài sản đó sẽ không được trích hao mòn. Việc đánh giá thời gian sử dụng vô thời hạn của tài sản cố định vô hình với thời gian sử dụng vô thời hạn được xem xét hàng năm để xác định liệu việc thời gian sử dụng vô thời hạn còn hợp lý hay không. Nếu không còn hợp lý, thời gian sử dụng hữu ích của quyền sử dụng đất sẽ được thay đổi từ vô thời hạn sang có thời hạn và các điều chỉnh có liên quan sẽ được thực hiện phi hồi tố. Các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc ngừng ghi nhận quyền sử dụng đất vô thời hạn được xác định dựa trên phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ của tài sản và được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị được thực hiện khi có dấu hiệu cho thấy giá trị ghi sổ có thể vượt quá giá trị có thể thu hồi. Các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt như một khoản chi phí.

2.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi khấu khao lũy kế và dự phòng giảm giá (nếu có). Các chi phí sửa chữa thay thế lớn, chi phí kiểm định và các chi phí lãi vay từ các dự án xây dựng dài hạn sẽ được ghi tăng nguyên giá nếu những chi phí này đáp ứng điều kiện ghi nhận. Nếu chi phí thay thế một phần của tài sản cố định hữu hình lớn, Tập đoàn sẽ ghi nhận như một tài sản riêng biệt với thời gian hữu dụng và tiến hành khấu hao tương ứng. Tất cả các chi phí bảo trì, sửa chữa khác được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt khi phát sinh.

Giá trị hiện tại của chi phí dự tính cho việc thanh lý tài sản đó sau khi sử dụng được bao gồm trong nguyên giá của tài sản đó nếu đủ điều kiện hạch toán trích lập dự phòng.

Tài sản sẽ được ngừng ghi nhận sau khi thanh lý hoặc khi tài sản đó không còn mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Các khoản lãi lỗ phát sinh khi ngừng ghi nhận tài sản (tính toán trên cơ sở chênh lệch giữa thu hồi thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 30 năm
Trang thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25 năm

Giá trị còn lại, thời gian hữu dụng và phương pháp tính khấu hao và hao mòn của tài sản được đánh giá lại vào cuối mỗi năm tài chính và được điều chỉnh cho phù hợp nếu cần thiết. Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị được thực hiện khi có dấu hiệu cho thấy giá trị ghi sổ có thể vượt quá giá trị có thể thu hồi. Các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt như một khoản chi phí.

2.5 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan. Giá trị ghi sổ bao gồm chi phí thay thế một phần của một bất động sản đầu tư hiện hữu tại thời điểm chi phí phát sinh nếu các tiêu chuẩn ghi nhận được thỏa mãn và không bao gồm các chi phí dịch vụ thường xuyên gắn liền với tài sản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, bất động sản đầu tư vẫn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và suy giảm giá trị.

Bất động sản đầu tư sẽ được ngừng ghi nhận sau khi đã thanh lý hoặc sau khi bất động sản đầu tư không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch số tiền thu hồi từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt trong năm thanh lý.

Việc phân loại sang bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang các khoản mục khác chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Trường hợp chuyển đổi từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng, giá trị ghi nhận sau đó là giá trị ghi sổ tại ngày thay đổi mục đích sử dụng. Khi bất động sản chủ sở hữu sử dụng được phân loại sang bất động sản đầu tư, Tập Đoàn sẽ hạch toán những bất động sản đó theo các chính sách kế toán về tài sản cố định hữu hình tại ngày chuyển đổi mục đích sử dụng.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 50 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Tài sản cố định vô hình khác	05 - 10 năm

Chi phí quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn không được trích khấu hao.

2.6 Suy giảm giá trị các tài sản phi tài chính

Tập đoàn tiến hành xem xét tại thời điểm báo cáo các dấu hiệu về việc một tài sản có thể bị giảm giá. Nếu có bất kì dấu hiệu nào hoặc khi bắt buộc phải tiến hành đánh giá sự giảm giá hàng năm của một tài sản, Tập đoàn sẽ ước tính giá trị thu hồi của tài sản đó. Giá trị thu hồi của một tài sản là giá trị lớn hơn giữa: (i) giá trị hợp lý của tài sản hoặc giá trị hợp lý của đơn vị tạo dòng tiền trừ đi chi phí thanh lý; và (ii) giá trị sử dụng của tài sản đó. Giá trị thu hồi được tính toán cho từng tài sản riêng lẻ, trừ trường hợp dòng tiền tạo ra từ tài sản đó phụ thuộc rất lớn vào các tài sản khác hay nhóm các tài sản khác. Khi giá trị sổ sách của một tài sản hay một đơn vị tạo dòng tiền vượt quá giá trị thu hồi của nó, tài sản được coi là bị giảm giá và sẽ được ghi giảm về giá trị thu hồi.

Khi đánh giá giá trị sử dụng của tài sản, giá trị ước lượng của dòng tiền tạo ra trong tương lai được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng lãi suất chiết khấu trước thuế phản ánh những đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và các rủi ro gắn liền với tài sản đó. Các giao dịch trên thị trường gần đây, nếu có, sẽ được xem xét khi xác định giá trị hợp lý trừ chi phí nhượng bán. Trong trường hợp không có những giao dịch gần đây, Tập đoàn sẽ lựa chọn một phương pháp định giá thích hợp. Tính hợp lý của các phương pháp tính toán trên sẽ được kiểm định bởi các hệ số định giá, giá trị niêm yết của các cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên thị trường hay các thông số liên quan đến giá trị hợp lý có sẵn.

Tập đoàn tính toán suy giảm giá trị cho từng đơn vị tạo dòng tiền để phân bổ cho các tài sản riêng biệt dựa trên các dự báo và ngân sách chi tiết. Các dự báo và ngân sách chi tiết này thường được lập cho giai đoạn năm (05) năm. Cho giai đoạn kinh doanh dài hơn, tỉ lệ tăng trưởng dài hạn sẽ được tính toán và áp dụng để dự báo dòng tiền phát sinh cho giai đoạn sau năm thứ 05 trở đi.

Lỗ từ việc giảm giá trị của các tài sản phi tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Ngoại trừ lợi thế thương mại và tài sản vô hình có thời gian sử dụng vô hạn, các tài sản sẽ được đánh giá định kỳ tại thời điểm báo cáo để xem liệu có hay không các dấu hiệu về việc tài sản không còn bị suy giảm giá trị nữa hoặc suy giảm với giá trị ít hơn khoản lỗ đã ghi nhận trước đó. Nếu có dấu hiệu này, Tập đoàn sẽ ước tính giá trị thu hồi của tài sản hay của đơn vị tạo dòng tiền có sử dụng tài sản đó. Khoản lỗ giảm giá trị đã được ghi nhận trước đó chỉ được hoàn nhập nếu có sự thay đổi về các ước tính sử dụng để đánh giá giá trị thu hồi của tài sản đó kể từ lần cuối cùng phần lỗ giảm giá trị được ghi nhận.

Trong trường hợp đó, giá trị sổ sách của tài sản sẽ được ghi tăng lên theo giá trị thu hồi, nhưng không được vượt quá giá trị ghi sổ trừ đi khấu hao/hao mòn trong trường hợp không có khoản lỗ giảm giá trị nào được ghi nhận trong những năm trước. Hoàn nhập giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt trừ khi tài sản đó được ghi nhận theo giá trị định giá, trong trường hợp đó khoản tăng lên được ghi nhận là khoản tăng do định giá lại.

2.7 Đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết

Công ty liên doanh là một hình thức liên doanh trong đó các bên liên doanh góp vốn có quyền đồng kiểm soát đối với Công ty liên doanh và có lợi ích đối với tài sản thuần của Công ty liên doanh. Đồng kiểm soát là quyền cùng chi phối của các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với một hoạt động kinh tế trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia của nhà đầu tư vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách đó.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết của Tập đoàn được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào các công ty liên doanh hoặc công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc cộng với các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản ròng của công ty liên doanh, liên kết sau ngày đầu tư.

Phần chênh lệch giữa giá vốn của khoản đầu tư và giá trị hợp lý của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản ròng của công ty liên doanh/liên kết tại ngày mua được ghi nhận như sau:

- Lợi thế thương mại phát sinh từ đầu tư vào công ty liên doanh/liên kết được ghi nhận gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Lợi thế thương mại này sẽ không được ghi nhận hao mòn cũng như đánh giá suy giảm giá trị riêng biệt hàng năm.
- Phần chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên doanh/liên kết so với giá vốn của khoản đầu tư được ghi nhận là thu nhập trong kỳ mua khoản đầu tư.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết. Bất cứ thay đổi nào của thu nhập toàn diện khác của các đơn vị được đầu tư này sẽ được ghi nhận như là thu nhập toàn diện khác của Tập đoàn. Ngoài ra, khi có thay đổi ảnh hưởng trực tiếp vào vốn sở hữu của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết, Tập đoàn sẽ ghi nhận và trình bày phần thay đổi đó theo tỉ lệ sở hữu trong báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho mục đích đặc biệt nếu thích hợp. Phần lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn và công ty liên kết sẽ bị loại bỏ trong phần lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên doanh, liên kết đó.

Việc phân chia lợi ích từ các công ty liên doanh, liên kết được thể hiện trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Đây là phần lợi nhuận được chia cho các cổ đông của công ty liên doanh, liên kết và vì vậy chính là lợi nhuận còn lại sau khi trừ thuế và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong công ty con của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Sau khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, Tập đoàn sẽ quyết định việc ghi nhận phần lỗ giảm giá trị của các khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết có cần thiết hay không. Tập đoàn sẽ xem xét tại từng thời điểm báo cáo các bằng chứng khách quan về việc khoản đầu tư bị giảm giá trị. Trong trường hợp đó, Tập đoàn sẽ tính toán phần giảm giá trị là chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi và giá trị sổ sách của khoản đầu tư vào công ty liên kết và ghi nhận chênh lệch này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Khi mất quyền ảnh hưởng đáng kể ở một công ty liên kết, hoặc quyền đồng quyền soát tại một công ty liên doanh, Tập đoàn sẽ tính toán và ghi nhận phần đầu tư còn lại tại giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị sổ sách của một công ty liên kết khi mất quyền ảnh hưởng đáng kể và công ty liên doanh khi mất quyền đồng kiểm soát và giá trị hợp lý phần đầu tư còn lại và tiền thu hồi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 *Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của BVInvest, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu theo giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng tồn kho	*Phương pháp xác định giá trị*
Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa thiết bị xây dựng	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh

Dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản

Dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá bất động sản tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản tồn kho được hạch toán vào chi phí kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2.9 *Tài sản tài chính*

2.9.1 *Ghi nhận và đo lường ban đầu*

Các tài sản tài chính trong phạm vi quy định của Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 ("IAS 39") được phân loại thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư không thuộc nhóm tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý cộng với các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp.

Việc phân loại phụ thuộc vào mục đích của khoản đầu tư khi mua hoặc đầu tư ban đầu. Các tài sản tài chính được ghi nhận theo FVTPL khi Tập đoàn có văn bản ghi nhận chiến lược đầu tư là quản lý tài sản trên cơ sở giá trị hợp lý, bởi các nghĩa vụ liên quan cũng được quản lý dựa trên cơ sở này. Việc phân loại vào tài sản tài chính sẵn sàng để bán và giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi các nghĩa vụ liên quan (bao gồm các quỹ của cổ đông) được quản lý một cách bị động và/hoặc ghi nhận theo giá trị phân bổ.

Việc mua hoặc bán các tài sản tài chính có yêu cầu giao tài sản trong một khung thời gian quy định bởi luật pháp hoặc tập quán của thị trường (giao dịch thương mại thông thường) được ghi nhận tại ngày giao dịch, là ngày Tập đoàn cam kết mua hoặc bán tài sản.

Các tài sản tài chính bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác, cho vay và các khoản phải thu, công cụ tài chính niêm yết và chưa niêm yết.

2.9.2 *Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu*

Việc ghi nhận giá trị tiếp theo của tài sản tài chính phụ thuộc vào phân loại tài sản như sau:

a. Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL bao gồm các tài sản nắm giữ với mục đích kinh doanh và tài sản tài chính được chỉ định tại ngày ghi nhận ban đầu theo FVTPL.

Để các khoản đầu tư được chỉ định ban đầu là FVTPL, các điều kiện sau cần được đáp ứng:

- Việc chỉ định loại bỏ hoặc giảm thiểu đáng kể sự không đồng nhất trong cách hạch toán có thể xảy ra nếu ghi nhận tài sản hoặc công nợ hoặc lãi lỗ trên một cơ sở khác; hoặc
- Các tài sản và công nợ là một phần trong nhóm các tài sản hoặc nợ tài chính hoặc cả hai, mà các nhóm này được quản lý và xác định giá trị trên cơ sở giá trị hợp lý tuân thủ theo chiến lược quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính theo FVTPL được đo lường theo giá trị hợp lý. Bất kỳ thay đổi nào của giá trị hợp lý này được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tiền lãi được dự thu và được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư", sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR"). Cổ tức được ghi nhận vào thu nhập hoạt động đầu tư khi quyền được nhận cổ tức được xác lập.

b. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán bao gồm chứng khoán vốn và chứng khoán nợ. Chứng khoán vốn phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán không được phân loại thành chứng khoán kinh doanh hoặc chứng khoán ghi nhận theo FVTPL. Các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán là các chứng khoán được nắm giữ với thời hạn không xác định và có thể bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc do thay đổi điều kiện thị trường.

Sau ghi nhận giá trị ban đầu, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán sẽ được định giá lại theo giá trị hợp lý với lãi/lỗ chưa thực hiện được ghi nhận là thu nhập toàn diện khác trên tài khoản dự phòng đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán (trên vốn chủ sở hữu). Khi Tập đoàn mua một chứng khoán nhiều lần, các khoản đầu tư này khi thanh lý sẽ được hạch toán theo phương pháp bình quân gia quyền đối với các khoản đầu tư vốn và phương pháp nhập trước xuất trước đối với các khoản đầu tư vào công cụ nợ. Lãi phát sinh khi nắm giữ các khoản đầu tư AFS được ghi nhận là thu nhập từ hoạt động đầu tư, tính toán theo phương pháp lãi suất thực. Cổ tức, trái tức từ việc nắm giữ các khoản đầu tư AFS được ghi nhận là thu nhập đầu tư khi quyền thanh toán đã được thiết lập. Khi tài sản bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, lãi hoặc lỗ dồn tích sẽ được chuyển từ quỹ dự phòng đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

2.9.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

b. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (tiếp theo)

Tập đoàn đánh giá khả năng cũng như ý định bán tài sản AFS trong tương lai gần là phù hợp hay không. Trong một số trường hợp hi hữu, khi Tập đoàn không có khả năng bán các tài sản tài chính này do thiếu thị trường năng động, Tập đoàn có thể phân loại lại các tài sản tài chính này nếu Ban Điều hành Tập đoàn có khả năng và có ý định nắm giữ các tài sản này trong một khoảng thời gian cụ thể hoặc đến ngày đáo hạn. Việc phân loại lại thành cho vay và phải thu được cho phép khi tài sản tài chính đáp ứng các định nghĩa về cho vay và phải thu và Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ các tài sản này trong một thời gian cụ thể hoặc đến ngày đáo hạn. Việc phân loại lại thành nắm giữ đến ngày đáo hạn được cho phép chỉ khi doanh nghiệp có khả năng và mục đích nắm giữ tài sản đến ngày đáo hạn.

Khi một tài sản tài chính được đưa ra khỏi danh mục sẵn sàng để bán, giá trị hợp lý tại ngày loại khỏi danh mục sẽ là giá trị phân bổ và bất kỳ lãi hoặc lỗ trước đó của tài sản được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt theo thời gian còn lại của khoản đầu tư, sử dụng lãi suất thực. Chênh lệch nếu có giữa giá trị phân bổ và giá trị đến ngày đáo hạn cũng sẽ được phân bổ theo thời gian còn lại của tài sản, sử dụng lãi suất thực. Nếu tài sản sau đó bị xác định là giảm giá trị thì giá trị ghi nhận trong vốn chủ sở hữu được chuyển sang hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

c. Cho vay và phải thu

Cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với thu nhập cố định hoặc có thể xác định được mà không được niêm yết trên thị trường năng động.

Sau khi ghi nhận giá trị ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được phản ánh theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, trừ đi suy giảm giá trị. Giá trị phân bổ được tính toán trên cơ sở tính đến tất cả các khoản chiết khấu và phụ trội khi mua, các khoản phí hoặc chi phí là những cấu phần không tách rời liên quan đến việc xác định lãi suất thực. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Lãi và lỗ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt khi khoản đầu tư bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, cũng như trong quá trình phân bổ.

d. Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các tài sản tài chính phi phái sinh với thu nhập cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ hạn cố định được phân loại là tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ, sử dụng lãi suất thực, trừ đi phần suy giảm giá trị. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận vào "Thu nhập từ hoạt động đầu tư" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Lãi và lỗ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt khi khoản đầu tư bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, cũng như trong quá trình phân bổ.

2.9.3 Dừng ghi nhận tài sản tài chính

Một tài sản tài chính (hoặc, trong các trường hợp thích hợp, một phần của tài sản tài chính hoặc một phần của một nhóm các tài sản tài chính giống nhau) được dừng ghi nhận khi:

- Quyền được nhận luồng tiền từ tài sản đã hết hiệu lực;
- Tập đoàn đã chuyển nhượng quyền được nhận luồng tiền từ tài sản hoặc có nghĩa vụ trả lại toàn bộ các luồng tiền nhận được mà không có sự trì hoãn đáng kể cho bên thứ ba dưới dạng hợp đồng "chuyển qua"; và hoặc (a) Tập đoàn đã chuyển nhượng hầu hết các rủi ro cũng như lợi ích đi kèm với tài sản, hoặc (b) Tập đoàn không chuyển giao hay giữ lại hầu hết các rủi ro và lợi ích đi kèm với tài sản, nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản đó.

Khi Tập đoàn chuyển quyền nhận các luồng tiền từ tài sản hoặc tham gia vào một hợp đồng "chuyển qua" nhưng chưa chuyển giao đáng kể và cũng không giữ lại tất cả rủi ro và lợi ích của tài sản và chưa chuyển quyền kiểm soát tài sản, tài sản đó được ghi nhận ở mức tiếp tục tham gia vào tài sản của Tập đoàn. Trong trường hợp đó, Tập đoàn cũng ghi nhận các nghĩa vụ liên quan. Phần tài sản đã được chuyển giao và nghĩa vụ liên quan được xác định căn cứ trên quyền và nghĩa vụ còn lại mà Tập đoàn nắm giữ.

Phần tham gia của Tập đoàn dưới hình thức bảo đảm với tài sản đã được chuyển giao được ghi nhận ở mức thấp hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và mức tối đa mà Tập đoàn phải trả.

2.9.4 Giảm giá trị của các tài sản tài chính

Tại các thời điểm lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem có bằng chứng khách quan nào cho thấy từng tài sản tài chính hoặc từng nhóm các tài sản tài chính bị suy giảm giá trị. Một tài sản tài chính hoặc một nhóm tài sản tài chính được xem là giảm giá trị nếu, và chỉ nếu, có bằng chứng khách quan về sự suy giảm, là hệ quả của một hoặc nhiều sự kiện đã xảy ra sau ghi nhận ban đầu của tài sản (một "sự kiện tổn thất" đã xảy ra) và ảnh hưởng của sự kiện tổn thất lên luồng tiền tương lai dự kiến của tài sản tài chính hoặc nhóm các tài sản tài chính có thể ước tính một cách đáng tin cậy.

Bằng chứng của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm các dấu hiệu cho thấy bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính, và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy các luồng tiền dự kiến trong tương lai có sự suy giảm có thể lượng hóa được, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ.

a. Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị phân bổ

Đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ, Tập đoàn trước tiên đánh giá riêng lẻ xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị đáng kể của từng tài sản tài chính trọng yếu hoặc đánh giá chung cho các tài sản tài chính không trọng yếu. Nếu Tập đoàn xác định rằng không có bằng chứng về sự giảm giá trị của một tài sản tài chính riêng lẻ, dù đáng kể hay không, Tập đoàn sẽ đưa tài sản đó vào nhóm các tài sản tài chính có cùng đặc tính rủi ro tín dụng và đánh giá chung suy giảm giá trị của nhóm tài sản. Các tài sản được đánh giá suy giảm giá trị riêng biệt và có lỗ suy giảm giá trị đang/sẽ được ghi nhận không được đưa vào đánh giá suy giảm giá trị chung.

Lỗ suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính thu hồi được trong tương lai (không tính đến các tổn thất tín dụng dự kiến trong tương lai chưa phát sinh). Giá trị hiện tại của các dòng tiền trong tương lai được chiết khấu theo lãi suất thực ban đầu.

Giá trị ghi sổ của tài sản được ghi giảm thông qua việc sử dụng tài khoản dự phòng và lỗ giảm giá trị được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Thu nhập lãi (được ghi nhận vào thu nhập đầu tư trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất) tiếp tục được dự thu trên giá trị ghi sổ đã được ghi giảm, sử dụng lãi suất dùng để chiết khấu dòng tiền trong tương lai cho mục đích xác định tổn thất.

Các khoản cho vay cùng với dự phòng tổn thất tín dụng có liên quan được xóa bỏ nếu không có khả năng thu hồi trong tương lai và tất cả các tài sản đảm bảo đã được xử lý hoặc được chuyển lại cho Tập đoàn. Nếu trong năm tiếp theo, khoản dự phòng tổn thất ước tính tăng hay giảm do một sự kiện xảy ra sau khi tổn thất được ghi nhận, các khoản tổn thất đã ghi nhận trước đó được ghi tăng tương ứng bằng việc điều chỉnh tài khoản dự phòng. Nếu khoản vay đã xóa sổ sau đó được thu hồi, phần thu hồi sẽ được ghi giảm chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

2.9.4 Giảm giá trị của các tài sản tài chính (tiếp theo)

a. Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị phân bổ (tiếp theo)

Để phục vụ mục đích đánh giá suy giảm giá trị chung, các tài sản tài chính được nhóm lại trên cơ sở xếp hạng tín dụng nội bộ, xem xét các đặc tính rủi ro tín dụng như loại tài sản, ngành nghề, vị trí địa lý, loại tài sản đảm bảo, tình trạng quá hạn và các yếu tố liên quan. Việc ước tính suy giảm các luồng tiền trong tương lai từ các nhóm các tài sản tài chính được đánh giá tổng thể trên cơ sở kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính rủi ro tín dụng tương tự. Các kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ được điều chỉnh trên cơ sở dữ liệu có thể quan sát được nhằm phản ánh ảnh hưởng của các điều kiện hiện tại cũng như loại bỏ các ảnh hưởng của điều kiện trong quá khứ không còn hiện hữu tại thời điểm hiện tại. Ước tính thay đổi luồng tiền tương lai phản ánh và đồng nhất với các thay đổi về dữ liệu có thể quan sát được từ năm này sang năm khác (ví dụ như sự thay đổi về tỷ lệ thất nghiệp, giá bất động sản, giá cả hàng hóa tiêu dùng, tình trạng trả nợ, hoặc các yếu tố khác là dấu hiệu cho việc xảy ra tổn thất trong nhóm và quy mô của nó). Phương pháp và giả định được sử dụng để ước tính luồng tiền trong tương lai được xem xét thường xuyên để giảm thiểu sự khác biệt giữa tổn thất ước tính và tổn thất thực tế.

b. Khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán

Với các khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán, Tập đoàn đánh giá tại các thời điểm lập báo cáo liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng khoản đầu tư hoặc nhóm các khoản đầu tư bị suy giảm giá trị.

Trong trường hợp các khoản đầu tư vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, lỗ dồn tích - được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý hiện tại, trừ các khoản lỗ đã được ghi nhận trước đó vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt - được loại ra khỏi thu nhập toàn diện khác và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Khoản lỗ suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vốn sau không được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất mà được ghi nhận trực tiếp vào thu nhập toàn diện khác.

Việc xác định "đáng kể" và "kéo dài" đòi hỏi các xét đoán chủ quan. Khi đưa ra các xét đoán này, Tập đoàn cần đánh giá, có cân nhắc các yếu tố khác, khoảng thời gian và mức độ mà giá trị hợp lý của một khoản đầu tư thấp hơn giá gốc.

Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị phân bổ. Tuy nhiên, giá trị suy giảm là tổng lỗ dồn tích xác định bằng chênh lệch giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý, trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị của các khoản đầu tư đã được ghi nhận trước đó vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Thu nhập lãi trong tương lai tiếp tục được dự thu trên giá trị ghi sổ đã ghi giảm, sử dụng lãi suất dùng để chiết khấu dòng tiền trong tương lai cho mục đích xác định các khoản lỗ suy giảm giá trị. Thu nhập lãi được ghi nhận là doanh thu tài chính. Nếu trong năm tiếp sau, giá trị hợp lý của công cụ nợ tăng và giá trị tăng liên quan khách quan đến sự kiện xảy ra sau khi các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt, khoản lỗ được hoàn nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2.10 Các khoản nợ tài chính

2.10.1 Ghi nhận và đo lường ban đầu

Các khoản nợ tài chính được phân loại tại thời điểm ghi nhận ban đầu vào các nhóm thích hợp: nợ tài chính phản ánh theo FVTPL, vay và nợ phải trả hoặc các công cụ tài chính phái sinh được xếp vào nhóm công cụ phòng ngừa hiệu quả.

Tất cả các khoản nợ tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý, riêng đối với các khoản vay và nợ phải trả thì giá trị ghi nhận ban đầu bằng giá trị hợp lý trừ đi các chi phí giao dịch trực tiếp.

Các khoản nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm phải trả thương mại và các khoản phải trả khác, thấu chi, vay và nợ phải trả.

2.10.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản nợ tài chính, tùy theo nhóm được phân loại, được xác định giá trị như sau:

a. Các khoản nợ tài chính tại FVTPL

Các khoản nợ tài chính phản ánh theo FVTPL bao gồm các khoản nợ tài chính kinh doanh và các khoản nợ tài chính tại thời điểm ban đầu được xếp vào nhóm phản ánh theo FVTPL.

Nợ tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu được mua với mục đích bán lại trong ngắn hạn.

Lãi hoặc lỗ của các khoản nợ nắm giữ để kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

b. Vay và nợ phải trả

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản vay và phải trả chịu lãi suất được ghi nhận theo giá trị phân bổ, sử dụng phương pháp lãi suất thực. Lãi hoặc lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt khi nợ phải trả được ngừng ghi nhận cũng như thông qua việc phân bổ giá trị theo phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ được tính toán trên cơ sở tính đến tất cả các khoản chiết khấu và phụ trội khi phát sinh, và phí hoặc chi phí là các khoản mục không thể tách rời liên quan đến việc xác định lãi suất thực. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2.10.3 Dừng ghi nhận

Một khoản nợ tài chính sẽ được dừng ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được hoàn thành hoặc hủy bỏ hoặc hết hạn. Khi một khoản nợ tài chính được thay thế bằng một khoản nợ khác từ cùng một bên cho vay nhưng các điều khoản cơ bản đã thay đổi hoặc các điều khoản của nghĩa vụ nợ hiện tại đã được sửa đổi cơ bản, thì việc thay đổi hoặc chỉnh sửa đó được coi là dừng ghi nhận khoản nợ tài chính ban đầu và ghi nhận một khoản nợ tài chính khác. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ mới và khoản nợ cũ được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Bù trừ các công cụ tài chính

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ các khoản đã được ghi nhận và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

2.12 Vốn góp của chủ sở hữu

Các cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí sau thuế phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu mới hoặc quyền chọn mua cổ phiếu được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu như một khoản giảm trừ.

2.13 Xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị có thể nhận được từ việc bán một tài sản hoặc trả cho việc chuyển giao một khoản nợ phải trả trong một giao dịch ngang giá giữa các bên tại ngày đánh giá. Giá trị hợp lý được xác định dựa trên giả định giá giao dịch bán tài sản hoặc chuyển giao nợ phải trả diễn ra tại:

- Thị trường chủ chốt đối với tài sản hoặc khoản nợ phải trả; hoặc
- Khi không có thị trường chủ chốt thì sử dụng thị trường tối ưu đối với tài sản hoặc nợ phải trả.

Để xác định được giá trị hợp lý, Tập đoàn phải có khả năng tiếp cận tới thị trường chủ chốt hoặc thị trường tối ưu.

Giá trị hợp lý của tài sản hoặc nợ phải trả được đánh giá dựa vào giả định các bên tham gia thị trường sẽ sử dụng giá trị này khi định giá tài sản hoặc nợ phải trả nhằm đạt được lợi ích tốt nhất cho mình.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp định giá phù hợp với từng trường hợp mà các thông tin cần thiết là sẵn có để xác định giá trị hợp lý, sử dụng tối đa các dữ liệu liên quan có thể quan sát được và giảm thiểu việc sử dụng các dữ liệu không thể quan sát được.

Tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý hoặc có giá trị hợp lý được thuyết minh trong báo cáo tài chính được phân loại vào ba cấp trong hệ thống bậc giá trị hợp lý như được mô tả dưới đây, dựa trên các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý:

- Cấp 1 - Giá niêm yết (không điều chỉnh) trên các thị trường năng động của các tài sản và nợ phải trả tương tự;
- Cấp 2 - Sử dụng kỹ thuật định giá mà các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý có thể quan sát được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp;
- Cấp 3 - Sử dụng kỹ thuật định giá mà các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý không thể quan sát được.

Đối với các tài sản và nợ phải trả ghi nhận theo giá trị hợp lý định kỳ trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt, Tập đoàn xác định liệu có việc chuyển cấp trong hệ thống phân cấp thông qua việc đánh giá lại cách phân loại vào các cấp (dựa trên các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý trên phương diện tổng thể) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá chào mua niêm yết cho tài sản và giá chào bán cho nợ phải trả, tại cuối ngày báo cáo, không trừ chi phí giao dịch.

Với các công cụ tài chính không có thị trường năng động, giá trị hợp lý được xác định sử dụng các phương pháp định giá phù hợp. Phương pháp định giá bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, mô hình định giá quyền chọn, mô hình tín dụng và các mô hình định giá liên quan. Một số công cụ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý xác định bằng phương pháp định giá do không có giao dịch thị trường hoặc không có dữ liệu thị trường quan sát được. Giá trị hợp lý được xác định sử dụng các mô hình định giá đã được kiểm chứng với giá hoặc thông số đầu vào của giao dịch thực tế trên thị trường và sử dụng ước tính tốt nhất của Tập đoàn về các giả định phù hợp cho mô hình. Các mô hình được điều chỉnh cho chênh lệch giữa giá chào mua và chào bán để phản ánh chi phí phát sinh khi tất toán tài sản hoặc nợ phải trả, hệ số tín nhiệm của đối tác và chênh lệch thanh khoản cũng như hạn chế của mô hình. Thêm vào đó, lãi hoặc lỗ được tính toán tại ngày công cụ tài chính được ghi nhận (lãi hoặc lỗ ngày mua) được hoãn lại và được ghi nhận chỉ khi các thông số đầu vào có thể quan sát được hoặc khi dừng ghi nhận công cụ tài chính.

Với phương pháp chiết khấu luồng tiền, các luồng tiền tương lai dự kiến dựa trên ước tính tốt nhất của Ban Điều hành và lãi suất chiết khấu sử dụng là lãi suất thị trường cho các công cụ tương tự. Việc sử dụng các mô hình định giá và giả định khác nhau có thể tạo ra sự khác biệt đáng kể trong ước tính giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi lãi suất thả nổi và lãi suất qua đêm với các tổ chức tín dụng là giá trị ghi sổ. Giá trị ghi sổ là chi phí ban đầu cộng với lãi dồn tích. Giá trị hợp lý của tiền gửi lãi suất cố định được ước tính sử dụng phương pháp chiết khấu luồng tiền. Luồng tiền ước tính được chiết khấu sử dụng lãi suất thị trường hiện tại cho công cụ tương tự tại ngày báo cáo.

Nếu giá trị hợp lý không thể được xác định một cách tin cậy, các công cụ tài chính được ghi theo giá gốc, được xem là giá trị hợp lý trả cho khoản đầu tư hoặc giá trị nhận được khi phát hành nợ tài chính. Tất cả chi phí giao dịch liên quan trực tiếp tới việc mua tài sản được tính vào giá gốc của khoản đầu tư.

Giá trị hợp lý của tài sản phi tài chính được đánh giá dựa vào khả năng tạo ra lợi ích kinh tế của các bên tham gia thị trường từ việc sử dụng tối đa tài sản vào mục đích có lợi nhất hoặc bán tài sản đó cho một bên khác mà bên đó sẽ sử dụng tối đa tài sản vào mục đích có lợi nhất.

2.14 Tạm ứng từ giá trị hoàn lại

Chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm vay khi hợp đồng bảo hiểm đáp ứng các điều kiện sau:

- Hợp đồng đã có giá trị giải ước;
- Hợp đồng có hiệu lực từ đủ 24 tháng trở lên (với các hợp đồng không phải là hợp đồng liên kết chung, liên kết đơn vị); và
- Hợp đồng không có khoản tạm ứng quyền lợi bảo hiểm.

Tạm ứng từ giá trị hoàn lại được ghi nhận theo giá trị phân bổ. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Bảo Việt Nhân thọ thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại này được hạch toán vào thu nhập từ hoạt động đầu tư trong năm.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 *Các khoản phải thu bảo hiểm*

Các khoản phải thu bảo hiểm được ghi nhận khi đến hạn với giá trị ban đầu bằng giá trị hợp lý của khoản phải thu. Sau ghi nhận ban đầu, khoản phải thu bảo hiểm được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Giá trị ghi sổ của khoản phải thu bảo hiểm được đánh giá giảm giá trị khi có sự kiện cho thấy giá trị ghi sổ có thể không thu hồi được. Khoản lỗ giảm giá được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Khoản phải thu bảo hiểm được dừng ghi nhận nếu thỏa mãn các điều kiện ngừng ghi nhận tài sản tài chính được mô tả tại thuyết minh số 2.9.3.

2.16 *Phí bảo hiểm nhượng tái cho nhà tái bảo hiểm*

Hai công ty con của Tập đoàn, gồm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, nhượng tái rủi ro bảo hiểm cho một số dòng sản phẩm nhất định. Tài sản tái bảo hiểm là khoản phải thu từ các công ty tái bảo hiểm. Số tiền thu được từ các công ty tái bảo hiểm được ước tính nhất quán với dự phòng tổn thất đang giải quyết hoặc tổn thất đã giải quyết phù hợp với các chính sách tái bảo hiểm và phù hợp với hợp đồng tái bảo hiểm với công ty tái bảo hiểm liên quan.

Tài sản tái bảo hiểm được đánh giá giảm giá định kỳ hoặc ngay khi có dấu hiệu giảm giá. Dấu hiệu giảm giá trị xuất hiện khi có bằng chứng khách quan xuất phát từ sự kiện phát sinh sau khi tài sản tái bảo hiểm được ghi nhận ban đầu cho thấy Tập đoàn có thể không nhận được đầy đủ các khoản phải thu theo như điều khoản của hợp đồng và ảnh hưởng của sự kiện đó tới số tiền mà Bảo hiểm Bảo Việt sẽ nhận được từ các công ty tái bảo hiểm có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Lỗ dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Lãi hoặc lỗ khi mua tái bảo hiểm được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt vào ngày mua và không được phân bổ.

Việc nhượng tái bảo hiểm không giúp Tập đoàn từ bỏ nghĩa vụ đối với chủ hợp đồng.

2.17 *Phí bảo hiểm nhận tái*

Tập đoàn cũng nhận tái các rủi ro bảo hiểm trong hoạt động thông thường của bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ khi phù hợp. Phí và bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận là doanh thu và chi phí tương tự như đối với hợp đồng bảo hiểm gốc cho từng loại hình bảo hiểm. Các khoản phải trả tái bảo hiểm là số dư phải trả cho các công ty bảo hiểm khác. Các khoản phải trả này được ước tính phù hợp với các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan.

Phí và bồi thường được trình bày trên cơ sở tách biệt giữa nhượng tái và nhận tái bảo hiểm. Tài sản và nợ phải trả tái bảo hiểm được dừng ghi nhận khi các quyền lợi theo hợp đồng bị hủy hoặc hết hạn hoặc khi hợp đồng được chuyển giao cho bên khác.

Hợp đồng tái bảo hiểm không chuyển giao phần lớn rủi ro bảo hiểm được ghi nhận trực tiếp trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt, là các khoản tài sản đặt cọc hoặc nợ phải trả tài chính được ghi nhận bằng khoản phí đã trả hoặc đã nhận trừ đi các khoản phí được xác định hoặc phí giữ lại bởi bên tái bảo hiểm. Thu nhập từ hoạt động đầu tư của những hợp đồng này được ghi nhận theo phương pháp lãi suất thực khi phát sinh.

2.18 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho mục đích đặc biệt, tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư ngắn hạn như trình bày ở trên trừ đi số dư các khoản vay thấu chi vì những khoản này được coi là một phần không thể tách rời của hoạt động quản lý dòng tiền của Tập đoàn.

2.19 *Thuê tài sản*

Tập đoàn đánh giá nội dung các hợp đồng để kiểm tra các hợp đồng thuê tài sản. Trong đó, hợp đồng có quy định trao đổi nguồn lực với quyền sử dụng tài sản trong một khoảng thời gian xác định.

Tập đoàn là bên đi thuê

Tập đoàn áp dụng phương pháp ghi nhận và định giá một lần cho mọi khoản thuê tài sản, ngoại trừ các hợp đồng mang ngắn hạn hoặc tài sản có giá trị thấp. Tập đoàn ghi nhận phải trả thuê hoạt động để thực hiện chi trả và quyền sử dụng tài sản cho các tài sản cơ sở.

Quyền sử dụng tài sản

Tập đoàn ghi nhận quyền sử dụng tài sản tại ngày bắt đầu hợp đồng thuê (tức là ngày tài sản cơ sở sẵn sàng để sử dụng). Quyền sử dụng tài sản được xác định theo giá gốc, trừ đi khấu hao lũy kế và tổn thất suy giảm giá trị, và được điều chỉnh cho bất cứ khoản đánh giá lại của các khoản thuê phải trả. Giá gốc của quyền sử dụng tài sản bao gồm khoản thuê phải trả được ghi nhận, chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh, và các khoản thanh toán cho thuê được thực hiện vào (hoặc trước) ngày bắt đầu thuê trừ đi bất kỳ ưu đãi thuê nào nhận được. Trừ khi Tập đoàn chắc chắn một cách hợp lý có được quyền sở hữu tài sản đi thuê khi thời hạn thuê kết thúc, quyền sở hữu tài sản được khấu hao theo cơ sở đường thẳng trong khoảng thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích của tài sản và thời hạn thuê.

Nếu quyền sử hữu chuyển giao cho Tập đoàn vào cuối thời hạn thuê hoặc giá gốc phản ánh việc thực hiện quyền chọn mua, giá trị khấu hao được tính theo thời hạn hữu ích ước tính của tài sản. Quyền sử dụng tài sản có thể bị suy giảm giá trị. Tham chiếu các chính sách kế toán trong Thuyết minh 2.6 – Suy giảm giá trị các tài sản phi tài chính.

Phải trả thuê tài sản

Tại ngày bắt đầu hợp đồng thuê, Tập đoàn ghi nhận các khoản phải trả thuê tài sản xác định tại theo giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê được thực hiện trong suốt thời gian thuê. Các khoản thanh toán tiền thuê bao gồm khoản thanh toán cố định (bao gồm cả những khoản bản chất là thanh toán cố định) trừ đi bất kỳ ưu đãi thuê phải thu nào, các khoản thanh toán biến đổi mà phụ thuộc vào chỉ số hoặc một tỷ lệ nào đó nhất định, và giá trị còn lại của tài sản được nhận theo cam kếtcác khoản được cho là phải trả theo bảo lãnh giá trị còn lại. Các khoản thanh toán tiền thuê cũng bao gồm giá thực hiện của quyền chọn mua chắc chắn một cách hợp lý sẽ được thực hiện bởi Tập đoàn và các khoản thanh toán tiền phạt do chấm dứt hợp đồng, nếu thời hạn thuê phản ánh việc Tập đoàn thực hiện quyền chọn chấm dứt hợp đồng. Các khoản thanh toán biến đổi mà không phụ thuộc vào một chỉ số hay tỷ lệ nào đó nhất định sẽ được ghi nhận là chi phí phí trong kỳ xảy ra các sự kiện và điều kiện làm phát sinh các khoản thanh toán.

Khi tính toán giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê, Tập đoàn sử dụng lãi suất biên đi vay tại ngày bắt đầu nếu lãi suất ngầm định trong hợp đồng chưa thể xác định được. Sau ngày bắt đầu, khoản đi thuê phải trả tăng lên để phản ánh khoản lãi tích lũy và giảm do việc thực hiện thanh toán tiền thuê. Thêm vào đó, giá trị ghi sổ của khoản phải trả thuê tài sản được xác định lại nếu có sự sửa đổi, thay đổi thời hạn thuê, thay đổi khoản thanh toán bản chất là cố định hay thay đổi trong việc đánh giá để mua tài sản cơ sở.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 *Thuê tài sản (tiếp theo)*

Thuê ngắn hạn và thuê tài sản giá trị thấp

Tập đoàn áp dụng miễn ghi nhận thuê ngắn hạn đối với thuê máy móc và trang thiết bị ngắn hạn (những hợp đồng này có thời gian thuê là 12 tháng hoặc ít hơn từ ngày ghi nhận ban đầu và không bao gồm quyền chọn mua). Tập đoàn cũng áp dụng miễn ghi nhận thuê tài sản giá trị thấp đối với thuê thiết bị văn phòng mà được cho là có giá trị thấp. Các khoản thanh toán thuê ngắn hạn và thuê tài sản giá trị thấp được ghi nhận là chi phí theo trên cơ sở đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Sử dụng xét đoán khi quyết định thời hạn thuê của hợp đồng có quyền chọn gia hạn

Tập đoàn quyết định thời hạn thuê là thời hạn không thể hủy bỏ của hợp đồng thuê, cùng với bất kỳ thời hạn nào được nêu trong quyền chọn gia hạn hợp đồng nếu quyền chọn chắc chắn một cách hợp lý được thực hiện. Tập đoàn xem xét việc đánh giá liệu quyền chọn gia hạn có chắc chắn một cách hợp lý được thực hiện. Có nghĩa là Tập đoàn xem xét tất cả yếu tố liên quan mà tạo động lực kinh tế để thực hiện gia hạn. Sau ngày bắt đầu, Tập đoàn đánh giá lại thời hạn thuê nếu có sự kiện quan trọng hay sự thay đổi hoàn cảnh nằm trong kiểm soát của Tập đoàn và ảnh hưởng khả năng Tập đoàn thực hiện (hoặc không thực hiện) quyền chọn gia hạn (ví dụ: thay đổi chiến lược kinh doanh).

Tập đoàn xem thời gian gia hạn như là một phần của thời hạn thuê đối với hợp đồng thuê nhà cửa và máy móc do tầm quan trọng của những tài sản này đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Những hợp đồng này có thời gian không thể hủy bỏ ngắn (nghĩa là từ 03 đến 05 năm) và sẽ có tác động tiêu cực đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh nếu không có sẵn sản phẩm thay thế. Các quyền chọn gia hạn đối với hợp đồng thuê xe cơ giới không được bao gồm trong thời hạn thuê vì Tập đoàn có chính sách thuê xe cơ giới không quá năm năm và do đó, không thực hiện bất kỳ quyền chọn gia hạn nào.

2.20 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam, đồng thời là đồng tiền hạch toán của công ty Mẹ. Mỗi công ty thành viên trong tập đoàn lựa chọn đồng tiền hạch toán của mình và sử dụng đồng tiền này để trình bày các khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá kế toán áp dụng tại đơn vị vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỉ giá hối đoái giao ngay tại thời điểm lập báo cáo. Tất cả các khoản chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt trừ các khoản mục tiền tệ được dùng làm biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho các khoản đầu tư nước ngoài. Các khoản mục này được ghi nhận trên báo cáo thu nhập toàn diện khác cho đến khi khoản đầu tư này được thanh lý và được chuyển sang ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Các khoản thuế và phí liên quan đến chênh lệch tỉ giá của các khoản mục này cũng được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác.

Các khoản mục phi tiền tệ có nguyên giá bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá vào ngày ghi nhận ban đầu. Các khoản mục phi tiền tệ ghi nhận theo giá trị hợp lý bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá vào ngày xác định giá trị hợp lý. Các khoản lãi/lỗ phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục phi tiền tệ (đo lường theo giá trị hợp lý) được ghi nhận tương tự như việc ghi nhận lãi/lỗ phát sinh do thay đổi giá trị hợp lý của khoản mục đó.

2.21 *Thuế*

2.21.1 *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản hoặc công nợ thuế thu nhập hiện hành cho kỳ hiện hành hoặc kỳ trước đó được xác định trên giá trị dự kiến được hoàn lại hoặc phải nộp cho cơ quan thuế. Thuế suất và luật thuế sử dụng để tính giá trị trên là các luật được thực thi hoặc phần lớn được thực thi tại thời điểm báo cáo.

Thuế thu nhập hiện hành liên quan đến các khoản mục ghi nhận trực tiếp vào vốn hoặc thu nhập toàn diện khác được ghi nhận vào vốn hoặc thu nhập toàn diện khác và không thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Ban Điều hành định kỳ đánh giá lại liệu Tập đoàn có được hoàn thuế hay không dựa trên các tình huống mà luật thuế được áp dụng và trích lập dự phòng nếu cần thiết.

2.21.2 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch thuế phải trả tạm thời, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của lợi thế thương mại hoặc tài sản/nợ phải trả từ một giao dịch không phải là hợp nhất kinh doanh và, tại thời điểm giao dịch, giao dịch này không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận hoặc lỗ tính thuế thu nhập.

- Chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và liên doanh, nếu thời gian hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời có thể được kiểm soát và có khả năng các chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai xác định.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch không phải là hợp nhất kinh doanh và tại thời điểm giao dịch, không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận hoặc lỗ tính thuế.

- Chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn các chênh lệch tạm thời có khả năng được hoàn nhập trong tương lai xác định và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Thuế (tiếp theo)

2.21.2 Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản mục ghi nhận ngoài lãi hoặc lỗ không được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt, mà được ghi tương ứng theo các khoản mục đó trên thu nhập toàn diện khác hoặc trực tiếp vào vốn.

Tài sản và nghĩa vụ thuế thu nhập hoãn lại chỉ được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến cùng pháp nhân chịu thuế và cùng cơ quan quản lý thuế.

2.22 Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm

a. Các nghĩa vụ bảo hiểm nhân thọ

Dự phòng nghiệp vụ cho những sản phẩm truyền thống bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường và dự phòng chia lãi được trích lập theo Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ("Nghị định 46") do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2023 và Thông tư số 67/2023/TT-BTC ("Thông tư 67") do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023 hướng dẫn cho Nghị định 46. Trong đó:

- Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống bao gồm: dự phòng toán học, dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường và dự phòng chia lãi.
- Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe: dự phòng toán học, dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường.

Với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống:

- Dự phòng toán học trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ được tính toán dựa trên một trong các phương pháp sau: phương pháp dự phòng phí bảo hiểm toàn phần, phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần hoặc phương pháp dự phòng phí bảo hiểm thuần điều chỉnh theo hệ số Zillmer. Phương pháp, cơ sở và giả định trích lập dự phòng được phê chuẩn bởi Bộ Tài chính khi trình sản phẩm hoặc trong các lần trình tiếp theo. Dự phòng nghiệp vụ công bố là giá trị lớn hơn giữa dự phòng trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ và dự phòng tối thiểu theo luật định.
- Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm (01) trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.
- Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.
    - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết (RBNA): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm có thể phải trả cho từng hồ sơ đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường nhưng chưa được giải quyết tại ngày trích lập dự phòng kỹ thuật.
    - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm (01) trở xuống.
- Dự phòng chia lãi bao gồm dự phòng cho phần lãi tích luỹ chưa trả, lãi chia và dự phòng thặng dư chưa phân phối đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi.

Với các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe:

- Dự phòng toán học trích lập theo phương pháp của Bảo Việt Nhân thọ là giá trị lớn hơn giữa dự phòng phí bảo hiểm thuần và dự phòng phí chưa được hưởng theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8.
- Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.
    - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (RBNA): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm dự kiến phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
    - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): bằng 3% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính với hợp đồng đóng phí định kỳ hoặc 3% của phí bảo hiểm một lần chia cho thời hạn bảo hiểm của hợp đồng với hợp đồng đóng một lần, hoặc bằng số lớn hơn giữa 3% phí bảo hiểm đã sử dụng từ đầu năm hợp đồng và 3% của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính, tùy theo sản phẩm.

Dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm liên kết chung như sau:

- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng liên kết chung, dự phòng cho quyền lợi duy trì hợp đồng được giữ lại trong quỹ liên kết chung và một số quyền lợi khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.
- Dự phòng bồi thường được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường từ doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được giải quyết.
- Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu là dự phòng được trích lập trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Bảo Việt Nhân thọ đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê chuẩn, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí như sau:

- Dự phòng nghiệp vụ đối với tài khoản bảo hiểm hưu trí là tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng hưu trí tại thời điểm trích lập. Thêm vào đó, phần dự phòng cho Quyền lợi duy trì hợp đồng cũng được trích lập và quản lý đối với giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm (tiếp theo)

a. Các nghĩa vụ bảo hiểm nhân thọ (tiếp theo)

- Dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng và dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.

- Dự phòng bồi thường được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa được giải quyết.

- Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết là dự phòng được trích lập trong trường hợp thị trường đầu tư có biến động hoặc kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm thấp hơn lãi suất cam kết, được tính trên mức chênh lệch giữa kết quả đầu tư từ nguồn phí bảo hiểm và lãi suất cam kết của Bảo Việt Nhân thọ đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Khoản phải trả quyền lợi bổ sung miễn phí bảo hiểm trong báo cáo tài chính là khoản phải trả nhằm ghi nhận nghĩa vụ của Bảo Việt Nhân thọ đối với các trường hợp đã phát sinh bồi thường có liên quan đến quyền lợi này. Khoản phải trả này được tính bằng hiện giá của các kỳ phí bảo hiểm được miễn trong tương lai. Khoản tiền phải trả này đảm bảo Bảo Việt Nhân thọ có đầy đủ nguồn vốn để trang trải các nghĩa vụ nợ trong tương lai và tác động của những thay đổi tỷ lệ tử vong đã được thể hiện trong tỷ suất chiết khấu dùng để tính toán hiện giá của khoản phải trả này như đã đề cập trên đây.

b. Quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe

Bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỉ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm cho các loại hình bảo hiểm khác nhau:

- Đối với bảo hiểm hàng hóa có thời hạn từ một (01) năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được tính bằng 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại;

- Đối với các loại hình bảo hiểm khác và bảo hiểm hàng hóa có thời hạn trên 1 năm: dự phòng phí chưa được hưởng cho các đơn bảo hiểm được tính theo phương pháp 1/8.

Bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp 1/8 đối với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên một (01) năm, trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Đối với trường hợp bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp tính theo số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng.

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8 đối với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ một (01) năm trở xuống.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại. Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường, tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm. Dự phòng cũng được lập cho chi phí ước tính để xử lý khiếu nại đã phát sinh nhưng chưa giải quyết cũng như các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại tại thời điểm lập báo cáo.

Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại được ước tính dựa trên phương pháp tỷ lệ bồi thường kỳ vọng với điều chỉnh cho các năm tổn thất gần đây. Những mô hình này được sử dụng để đưa ra những ước tính chính xác nhất về các rủi ro đã phát sinh nhưng chưa thông báo cho năm xảy ra tai nạn và dùng để tính toán dự phòng cho các rủi ro chưa thanh toán, các rủi ro thuần và các rủi ro gộp. Các khoản bồi thường cho tất cả các loại hình bảo hiểm không được chiết khấu.

c. Kiểm tra tính đầy đủ của các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn sẽ thực hiện kiểm tra tính đầy đủ của việc ghi nhận các khoản dự phòng bảo hiểm. Việc tính toán này sử dụng các ước tính hiện tại của các dòng tiền tương lai theo hợp đồng bảo hiểm, bao gồm các chi phí xử lý khiếu nại bồi thường. Nếu những ước tính này chỉ ra rằng giá trị ghi sổ của các khoản dự phòng bảo hiểm này là chưa đầy đủ, thì khoản thiếu hụt sẽ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt bằng việc trích lập một khoản dự phòng tương ứng.

2.23 Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm

Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng là các khoản dự phòng bảo hiểm liên quan đến các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ liên kết chung và hợp đồng bảo hiểm với cấu phần không đảm bảo thể hiện phần lãi, lỗ chưa thực hiện của tài sản tài chính sẵn sàng để bán và tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ thuộc về chủ hợp đồng.

2.24 Hoạt động bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ liên kết chung của Tập đoàn có các rủi ro bảo hiểm đáng kể và được phân loại là các hợp đồng bảo hiểm. Các hợp đồng này bao gồm cả cấu phần bảo hiểm và cấu phần tiết kiệm.

Phí bảo hiểm thu được được ghi nhận là doanh thu và sau đó ghi nhận một khoản chi phí tương ứng với giá trị quỹ chủ hợp đồng và trình bày là nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm. Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm được đo lường ban đầu theo giá trị hợp lý và sau đó theo giá trị hợp lý áp dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền. Hoa hồng, sau khi trừ đi phí thu được ban đầu để bù đắp chi phí, được ghi nhận là chi phí giao dịch nằm trong giá trị ban đầu của khoản nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm.

Thay đổi về giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán liên quan đến danh mục bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận vào thu nhập tổng hợp khác sau khi trừ đi phần chia cho chủ hợp đồng được ghi nhận vào nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm.

2.25 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

2.25.1 Phí bảo hiểm

Tổng phí bảo hiểm định kỳ trên sản phẩm bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận là doanh thu khi đến hạn thanh toán từ chủ hợp đồng bảo hiểm. Đối với các hợp đồng phí riêng lẻ, doanh thu được ghi nhận tại ngày hợp đồng hiệu lực.

Phí bảo hiểm gộp cho hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm tổng phí bảo hiểm phải thu cho thời gian hiệu lực của các hợp đồng phát sinh trong kỳ kế toán và được ghi nhận vào ngày hợp đồng bảo hiểm phát sinh trách nhiệm. Phí bảo hiểm bao gồm bất kì điều chỉnh nào phát sinh trong kỳ kế toán đối với các khoản phí bảo hiểm phải thu cho các hợp đồng khai thác vào các kỳ kế toán trước đó.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.25 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

2.25.1 Phí bảo hiểm (tiếp theo)

Tổng phí nhượng tái bảo hiểm bao gồm tổng phí nhượng tái bảo hiểm phải trả cho thời gian hiệu lực của các hợp đồng phát sinh trong kỳ kế toán và được ghi nhận vào ngày hợp đồng bảo hiểm phát sinh trách nhiệm. Phí nhượng tái bảo hiểm bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến hợp đồng tái bảo hiểm ký kết trong các kỳ kế toán trước đó.

Phí bảo hiểm chưa được hưởng là phần phí bảo hiểm đã khai thác liên quan đến các kỳ rủi ro sau ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt. Phí bảo hiểm chưa được hưởng được tính toán và ghi nhận hoãn lại như một khoản dự phòng cho các kỳ tiếp sau như trình bày tại Thuyết minh 2.22.

Phí bảo hiểm được nhận, hoa hồng và tiền bồi thường đã trả hoặc phải trả trên hợp đồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi có thông báo từ công ty nhượng tái hoặc đại lý liên quan.

2.25.2 Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích theo lãi suất thực. Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính. Thu nhập lãi được bao gồm trong thu nhập tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt.

2.25.3 Lợi nhuận từ giao dịch chứng khoán

Lợi nhuận từ giao dịch chứng khoán là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn trung bình của chứng khoán bán.

2.25.4 Doanh thu cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

2.25.5 Phí và hoa hồng

Tập đoàn thu phí và hoa hồng từ các dịch vụ tài chính cho khách hàng. Doanh thu được ghi nhận theo số tiền mà Tập đoàn dự kiến nhận được từ việc cung cấp dịch vụ đó.

Nghĩa vụ và thời gian thực hiện hợp đồng được xác định và thống nhất tại thời điểm ký kết hợp đồng.

Khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, Tập đoàn phát hành hóa đơn và yêu cầu thanh toán (i) ngay sau khi dịch vụ được hoàn thành đối với các dịch vụ được cung cấp tại một thời điểm; hoặc (ii) cuối thời hạn thực hiện hợp đồng đối với dịch vụ được cung cấp trong một khoảng thời gian.

Nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện qua một thời kỳ

Các nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện qua một thời kỳ bao gồm: quản lý tài sản, môi giới, phát hành, lưu ký chứng khoán, hoa hồng từ hoạt động nhượng tái và các dịch vụ khác, khi mà khách hàng nhận được và sử dụng lợi ích đồng thời với quá trình Tập đoàn thực hiện cung cấp các lợi ích đó.

Phí quản lý tài sản

Phí quản lý tài sản bao gồm các khoản thu về được từ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ thường được cung cấp trong thời hạn dưới một năm. Dịch vụ quản lý tài sản thể hiện một nghĩa vụ hợp đồng riêng lẻ bao gồm nhiều dịch vụ khác nhau nhưng có bản chất tương tự được thực hiện liên tục trong thời gian hiệu lực của hợp đồng. Phí quản lý tài sản bao gồm phí quản lý và phí thưởng được phân loại là các khoản lợi ích biến đổi theo IFRS 15.

Phí quản lý: được ghi nhận hàng tháng dựa trên kỳ cung cấp dịch vụ và được xác định dựa trên tỷ lệ phần trăm cố định của giá trị tài sản ròng của quỹ được quản lý tại thời điểm cuối mỗi tháng. Phí quản lý của Tập đoàn là loại phí không bị truy đòi.

Phí thưởng: được xác định hàng năm dựa trên phần kết quả kinh doanh vượt kế hoạch so với mức quy định của hợp đồng. Phí thưởng được thanh toán vào thời điểm cuối cùng của thời gian thực hiện dịch vụ quy định trong hợp đồng. Tập đoàn ghi nhận doanh thu từ phí thưởng trên cơ sở dồn tích trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng khi Tập đoàn có cơ sở chắc chắn rằng khoản phí đó sẽ không bị thu hồi trong các kỳ kế toán kế tiếp.

Phí lưu ký

Phí lưu ký là loại phí thường niên, theo tỷ lệ cố định, phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ lưu ký cho khách hàng, theo đó, Tập đoàn thay mặt khách hàng thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến các chứng khoán nằm trong danh mục, bao gồm: bảo quản và thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận các khoản cổ tức và lãi liên quan. Tất cả các dịch vụ này được coi là một nghĩa vụ hợp đồng riêng lẻ, trong đó bao gồm nhiều dịch vụ được thực hiện hàng ngày, có bản chất và cách thức thực hiện tương tự. Phí lưu ký được hạch toán vào "*Thu nhập hoạt động khác*" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt trên cơ sở dồn tích trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện tại một thời điểm

Phí môi giới

Là khoản hoa hồng cố định Tập đoàn nhận được cho mỗi giao dịch mua và bán chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng. Nghĩa vụ hợp đồng của Tập đoàn trong trường hợp này là việc thực hiện giao dịch mua/bán theo yêu cầu của khách hàng và doanh thu được ghi nhận khi giao dịch được thực hiện (ví dụ: tại ngày giao dịch).

Đối với một số loại hợp đồng môi giới, Tập đoàn cũng thực hiện trả chi phí hoa hồng môi giới cho các đại lý cho mỗi hợp đồng mà đại lý mang về. Tập đoàn sẽ lựa chọn hạch toán các khoản hoa hồng môi giới này một lần vào chi phí trong kỳ phát sinh do thời gian thực hiện của các hợp đồng môi giới thường ngắn, từ một (01) năm trở xuống.

Kinh doanh bất động sản

Doanh thu từ kinh doanh bất động sản được ghi nhận tại thời điểm quyền kiểm soát bất động sản đó được chuyển giao cho khách hàng.

Tập đoàn xem xét các cam kết khác trong hợp đồng mà có thể được coi là một nghĩa vụ hợp đồng riêng biệt, và do đó, giá trị hợp đồng cũng cần được phân bổ tương ứng. Để xác định giá giao dịch trong giao dịch kinh doanh bất động sản, Tập đoàn xem xét các ảnh hưởng của khoản nhận về biến đổi, các khoản chiếm dụng vốn lớn, các khoản thanh toán không bằng tiền, và các khoản dự kiến phải trả cho khách hàng (nếu có).

2.25.6 Các số dư theo hợp đồng

Phải thu phí và hoa hồng được hạch toán trên Phải thu khác, thể hiện quyền (không có điều kiện kèm theo) được nhận các khoản thanh toán khi chuyển giao hàng hóa dịch vụ cho khách hàng.

Doanh thu phí và hoa hồng chưa thực hiện: được hạch toán trên phải trả khác và thể hiện nghĩa vụ chuyển giao hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng khi Tập đoàn đã nhận được tiền (hoặc khoản thanh toán đến hạn) từ khách hàng. Khoản phải trả sẽ được ghi nhận tại thời điểm thanh toán hoặc đến hạn thanh toán (tùy trường hợp nào đến sớm hơn) và được phân bổ vào doanh thu khi Tập đoàn thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng.

2.25.7 Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê phát sinh từ hợp đồng cho thuê hoạt động với bất động sản đầu tư được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê và được trình bày trong khoản mục doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt dựa vào bản chất hoạt động.

2. TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.26 *Chi phí lãi vay*

Tất cả chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ phát sinh. Chi phí lãi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến khoản vay.

2.27 *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được tính bằng tỷ lệ của chi phí phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành so với tổng chi phí hợp đồng, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là chi phí trong năm phát sinh.

2.28 *Ghi nhận chi trả đáo hạn, chi phí bồi thường và các chi phí khác*

a. Chi bồi thường bảo hiểm gốc và các quyền lợi bảo hiểm

Tổng lợi ích và các khoản bồi thường của các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có cấu phần không đảm bảo (DPF) bao gồm chi phí của tất cả các khoản bồi thường phát sinh trong năm như các chi phí nội bộ và bên ngoài liên quan đến xử lý khiếu nại bồi thường và những phần lợi tức chia thêm cho người mua bảo hiểm đã được nêu rõ trên hợp đồng DPF, cũng như những thay đổi trên tổng giá trị của hợp đồng bảo hiểm và những nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có DPF. Các yêu cầu bồi thường tử vong và giá trị hoàn lại được xử lý trên cơ sở nhận được thông báo chứng nhận. Những khoản thanh toán hàng năm hoặc khi đến hạn được ghi nhận khi phát sinh.

Các khoản bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm y tế bao gồm tất cả các khoản khiếu kiện xảy ra trong năm, bất kể đã được thông báo hay chưa, các chi phí nội bộ và bên ngoài liên quan đến xử lý khiếu nại bồi thường, trừ giá trị thu hồi và thu đòi, cùng với bất kỳ những điều chỉnh cho những khoản bồi thường còn lại từ năm trước.

b. Các khoản bồi thường tái bảo hiểm

Các khoản bồi thường tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với tổng giá trị bồi thường bảo hiểm liên quan được ghi nhận theo kỳ của hợp đồng liên quan.

c. Chi phí tài chính

Lãi phải trả được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho mục đích đặc biệt trên cơ sở dồn tích theo phương pháp lãi suất thực. Lãi dự chi được bao gồm trong giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính.

2.29 *Quỹ dự trữ*

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của các công ty con của Tập đoàn là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm trên báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS") cho đến khi đạt mức tối đa là 10% vốn điều lệ.

3. ĐỐI CHIẾU SỰ KHÁC BIỆT VỀ LỢI NHUẬN RÒNG VÀ VỐN GIỮA HAI HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Các khác biệt đáng kể giữa các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS") và chuẩn mực kế toán quốc tế ("IFRS") trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và đối chiếu giữa Lợi nhuận sau thuế và vốn hợp nhất của Tập đoàn như sau:

(i) Lợi nhuận sau thuế hợp nhất

	2024 VND	2023 (trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế theo VAS	**2.194.168.603.330**	**1.881.302.992.294**
Điều chỉnh cho:		
Đánh giá danh mục đầu tư có kỳ hạn cố định	491.909.782.426	(151.579.223.396)
Đánh giá danh mục đầu tư chứng khoán vốn	10.999.493.411	(142.116.430.895)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(56.032.286.057)	(449.862.983.838)
Ảnh hưởng của ghi giảm hàng tồn kho	(19.723.858.508)	9.545.242.418
Dự phòng giảm giá trị các khoản phải thu phí bảo hiểm và tái bảo hiểm	(11.892.375.961)	9.565.755.509
Phân bổ chi phí trả trước	19.492.643.349	(6.889.087.142)
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(487.567.621.969)	326.525.507.843
Loại bỏ dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	161.745.834.734	110.241.212.861
Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	(405.944.029.232)	257.476.699.974
Thuế thu nhập hoãn lại	73.441.264.905	(7.305.375.974)
Dự phòng trợ cấp mất việc	(498.014.423)	(1.817.981.170)
Bút toán điều chỉnh liên quan đến thuê tài sản	(9.528.233.541)	(7.392.315.235)
Lợi nhuận sau thuế theo IFRS	**1.960.571.202.464**	**1.827.694.013.249**

(ii) Vốn hợp nhất của Tập đoàn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại) VND
Vốn hợp nhất theo VAS	**23.565.887.059.923**	**22.280.336.857.205**
Điều chỉnh cho:		
Đánh giá danh mục đầu tư có kỳ hạn cố định	4.328.606.995.965	3.417.667.374.732
Đánh giá danh mục đầu tư chứng khoán vốn	2.722.778.589.581	1.595.470.480.982
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(1.634.841.714.198)	(1.578.809.428.141)
Ảnh hưởng của ghi giảm hàng tồn kho	(89.482.883.431)	(69.759.024.923)
Dự phòng cho các khoản phải thu phí bảo hiểm và tái bảo hiểm	232.997.170	12.125.373.131
Phân bổ chi phí trả trước	(72.618.796.385)	(92.111.439.734)
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(2.312.146.860.433)	(1.824.579.238.464)
Loại bỏ dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	599.183.112.410	437.437.277.676
Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	(431.929.971.581)	(25.985.942.338)
Thuế thu nhập hoãn lại	(516.940.493.171)	(307.455.240.241)
Giảm giá trị tài sản cố định	(8.395.941.223)	(8.395.941.223)
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	(38.675.721.638)	(43.216.140.017)
Bút toán điều chỉnh liên quan đến thuê tài sản	(20.435.641.266)	(10.907.407.732)
Vốn hợp nhất theo IFRS	**26.091.220.731.723**	**23.781.817.560.913**

4. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm 2024, Kiểm toán Nhà nước ("KTNN") đã thực hiện kiểm toán tại Tập đoàn Bảo Việt. Thực hiện Báo cáo Kiểm toán đính kèm Công văn số 03/KTNN-TH ngày 10 tháng 01 năm 2025, Tập đoàn trình bày lại một số liệu dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Chi tiết điều chỉnh như sau:

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
Thu phí bảo hiểm		42.852.010.007.128	17.653.400.515	42.869.663.407.643
Phí nhượng tái bảo hiểm		(3.463.319.868.456)	(10.629.588.151)	(3.473.949.456.607)
Thu ròng về phí bảo hiểm		**39.388.690.138.672**	**7.023.812.364**	**39.395.713.951.036**
Thay đổi quỹ dự phòng phí chưa được hưởng		(45.069.853.628)	(2.667.398.123)	(47.737.251.751)
Phí bảo hiểm ròng được hưởng	**[1]**	**39.343.620.285.044**	**4.356.414.241**	**39.347.976.699.285**
Hoa hồng từ hoạt động nhượng tái		**702.563.401.706**	**642.593.382**	**703.205.995.088**
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**[2]**	**40.080.480.185.552**	**4.999.007.623**	**40.085.479.193.175**
Thu nhập hoạt động khác		636.753.138.524	5.176.910.591	641.930.049.115
Tổng doanh thu khác	**[3]**	**13.588.288.427.473**	**5.176.910.591**	**13.593.465.338.064**
TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		**53.668.768.613.025**	**10.175.918.214**	**53.678.944.531.239**
Chi bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm		(20.031.710.179.519)	210.000.000	(20.031.500.179.519)
Thay đổi gộp về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm		(21.433.938.573.298)	(1.506.180.251)	(21.435.444.753.549)
Thay đổi về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm đã nhượng cho công ty tái bảo hiểm		1.743.549.781.152	(1.126.388.231)	1.742.423.392.921
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	**[4]**	**(38.191.192.506.832)**	**(2.422.568.482)**	**(38.193.615.075.314)**
Chi hoa hồng và chi phí khai thác hoạt động bảo hiểm		(2.720.013.225.461)	178.054.823	(2.719.835.170.638)
Chi phí quản lý doanh nghiệp		(6.271.581.112.955)	4.625.463.219	(6.266.955.649.736)
Chi phí tài chính		(2.221.500.377.979)	24.675.000	(2.221.475.702.979)
Chi phí hoạt động khác		(617.516.073.470)	1.914.715.087	(615.601.358.383)
Tổng hoa hồng và chi phí	**[5]**	**(12.927.130.402.816)**	**6.742.908.129**	**(12.920.387.494.687)**
TỔNG CHI TRẢ ĐÁO HẠN, CHI BỒI THƯỜNG VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC		**(51.118.322.909.648)**	**4.320.339.647**	**(51.114.002.570.001)**
LỢI NHUẬN TRƯỚC PHẦN LỢI NHUẬN Ở CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH		**2.550.445.703.377**	**14.496.257.861**	**2.564.941.961.238**
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		**2.202.631.664.713**	**14.496.257.861**	**2.217.127.922.574**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	[6]	(386.142.145.499)	(3.291.763.826)	(389.433.909.325)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		**1.816.489.519.214**	**11.204.494.035**	**1.827.694.013.249**
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt		1.736.228.779.486	10.346.759.385	1.746.575.538.871
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		80.260.739.728	857.734.650	81.118.474.378
		1.816.489.519.214	**11.204.494.035**	**1.827.694.013.249**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		2.339	(35)	2.304
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)		2.339	(35)	2.304

(*) Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày lại cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính toán lại theo (1) lợi nhuận sau thuế sau điều chỉnh như đã trình bày tại thuyết minh này; và (2) khoản điều chỉnh giảm do thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng cho người quản lý theo Nghị quyết tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 26 tháng 6 năm 2024.

4. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ Báo cáo thu nhập toàn diện hợp nhất:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		**1.816.489.519.214**	**11.204.494.035**	**1.827.694.013.249**
Tổng thu nhập toàn diện trong năm sau thuế thu nhập doanh nghiệp		**4.716.206.109.571**	**11.204.494.035**	**4.727.410.603.606**
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt		4.625.208.953.988	10.346.759.385	4.635.555.713.373
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		90.997.155.583	857.734.650	91.854.890.233

Các điều chỉnh trọng yếu được diễn giải dưới đây:

[1] Phí bảo hiểm ròng được hưởng tăng do:	*VND*
- Tăng Thu phí bảo hiểm	17.653.400.515
- Tăng Phí nhượng tái bảo hiểm	(10.629.588.151)
- Tăng Thay đổi quỹ dự phòng phí chưa được hưởng	(2.667.398.123)
	4.356.414.241
[2] Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng do:	
- Tăng Phí bảo hiểm ròng được hưởng	4.356.414.241
- Tăng Hoa hồng từ hoạt động nhượng tái	642.593.382
	4.999.007.623
[3] Tổng doanh thu khác tăng do:	
- Tăng Thu nhập hoạt động khác	5.176.910.591
	5.176.910.591
[4] Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại tăng do:	
- Giảm Chi bồi thường và các quyền lợi bảo hiểm	210.000.000
- Tăng Thay đổi gộp về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(1.506.180.251)
- Giảm Thay đổi về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm đã nhượng cho công ty tái bảo hiểm	(1.126.388.231)
	(2.422.568.482)
[5] Tổng hoa hồng và chi phí giảm do:	*VND*
- Giảm Chi hoa hồng và chi phí khai thác hoạt động bảo hiểm	178.054.823
- Giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.625.463.219
- Giảm Chi phí tài chính	24.675.000
- Giảm Chi phí hoạt động khác	1.914.715.087
	6.742.908.129
[6] Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng do:	
- Tăng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp do điều chỉnh của KTNN	(3.291.763.826)

Trích từ Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất:

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
Tài sản cố định hữu hình		1.228.959.963.320	879.273.486	1.229.839.236.806
Quyền sử dụng tài sản		513.434.938.004	113.519.301	513.548.457.305
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		557.740.609.732	926.689.701	558.667.299.433
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		499.397.850.658	2.527.313.522	501.925.164.180
Phải thu về hoạt động bảo hiểm		1.317.343.603.615	16.880.089.050	1.334.223.692.665
Tài sản tái bảo hiểm		6.461.990.981.764	6.597.496.527	6.468.588.478.291
Các khoản trả trước và tài sản khác		5.133.251.919.099	23.367.387.223	5.156.619.306.322
Thuế và các khoản phải thu nhà nước		4.998.425.502	(192.356.787)	4.806.068.715
TỔNG TÀI SẢN		**240.491.734.515.264**	**51.099.412.023**	**240.542.833.927.287**

NGUỒN VỐN	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (trình bày lại)
Lợi nhuận chưa phân phối		(573.278.635.854)	9.647.564.609	(563.631.071.245)
Quỹ dự trữ bắt buộc		708.611.883.009	699.194.776	709.311.077.785
Tổng vốn chủ sở hữu		**22.814.634.092.680**	**10.346.759.385**	**22.824.980.852.065**
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		**955.978.974.198**	**857.734.650**	**956.836.708.848**
TỔNG VỐN	**[7]**	**23.770.613.066.878**	**11.204.494.035**	**23.781.817.560.913**
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm		172.568.129.538.151	11.897.463.132	172.580.027.001.283
Doanh thu hoãn lại		318.828.518.386	1.582.359.230	320.410.877.616
Người mua trả tiền trước		19.647.000.000	135.000.000	19.782.000.000
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước		178.701.940.806	5.896.360.616	184.598.301.422
Phải trả hoạt động bảo hiểm		2.486.127.371.391	8.177.381.689	2.494.304.753.080
Phải trả thương mại và các khoản phải trả khác		2.793.852.943.869	12.206.353.321	2.806.059.297.190
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**[8]**	**216.721.121.448.386**	**39.894.917.988**	**216.761.016.366.374**
TỔNG VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ		**240.491.734.515.264**	**51.099.412.023**	**240.542.833.927.287**

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (Tiếp theo)

4. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Các điều chỉnh trọng yếu được diễn giải dưới đây:

[7] Tổng vốn tăng do:		*VND*
-	Tăng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo điều chỉnh tại Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	9.647.564.609
-	Tăng Quỹ dự trữ bắt buộc	699.194.776
-	Tăng Lợi ích cổ đông không kiểm soát	857.734.650
		11.204.494.035
[8] Tổng nợ phải trả tăng do:		
-	Tăng Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	11.897.463.132
-	Tăng Doanh thu hoãn lại	1.582.359.230
-	Tăng Người mua trả tiền trước	135.000.000
-	Tăng Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	5.896.360.616
-	Tăng Phải trả hoạt động bảo hiểm	8.177.381.689
-	Tăng Phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	12.206.353.321
		39.894.917.988

5. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS

Khoản mục	VAS	IFRS
Tài sản tài chính	Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo nguyên giá. Các khoản đầu tư ngắn hạn là các chứng khoán niêm yết và các chứng khoán thanh khoản khác luôn sẵn sàng để bán và dự định nắm giữ ít hơn một năm. Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết ("OTC"), trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay và cho vay ủy thác, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, tất cả đều được dự định nắm giữ hơn một năm. Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như giá mua vượt quá giá thị trường tại thời điểm báo cáo.	Tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư không thuộc nhóm tài sản tài sản tài chính được ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý cộng với các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp. Ghi nhận giá trị tiếp theo của tài sản tài chính phụ thuộc vào phân loại tài sản, cụ thể như sau: i) Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL bao gồm các tài sản nắm giữ với mục đích kinh doanh và tài sản tài chính được chỉ định tại ngày ghi nhận ban đầu theo FVTPL. ii) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán: là các chứng khoán có mục đích nắm giữ vô thời hạn và có thể bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc do thay đổi điều kiện thị trường. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị hợp lý được xác định lại tại cuối mỗi năm tài chính, các khoản tăng/giảm được ghi nhận vào Thu nhập tổng hợp khác và lãi, lỗ lũy kế được trình bày riêng rẽ trong quỹ đánh giá lại giá trị hợp lý thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi khoản đầu tư được bán hoặc bị giảm giá trị. Khi các khoản đầu tư sẵn sàng để bán được bán, lãi/lỗ lũy kế đã ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trước đây được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. iii) Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản phải trả cố định và không được niêm yết trên thị trường tích cực. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được ghi nhận theo giá trị phân bổ, sử dụng phương pháp lãi suất thực. Lãi/lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các khoản đầu tư bị giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, cũng như thông qua việc phân bổ giá trị. (iv) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các tài sản phi phái sinh với các khoản lãi và thời gian đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị phân bổ tương tự như các khoản cho vay và phải thu.

5. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS (tiếp theo)

Khoản mục	VAS	IFRS
Suy giảm giá trị	Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như giá gốc vượt quá giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng đối với cho vay và phải thu được ghi nhận khi các khoản này đã quá hạn trên 6 tháng hoặc chưa đến hạn nhưng có dấu hiệu tổn thất. Chưa có quy định về dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhưng doanh nghiệp có thể áp dụng Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 ("Thông tư 48") và Thông tư 24/2022/TT/BTC ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 ("Thông tư 24) để trích lập cho phù hợp.	Dự phòng được ghi nhận đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Trong trường hợp giá trị hợp lý của tài sản sẵn sàng để bán tăng lên: - Lỗ dự phòng trước đây của các công cụ nợ sẵn sàng để bán (tài sản tiền tệ) được ghi hoàn nhập vào thu nhập. - Đối với các công cụ vốn sẵn sàng để bán (các tài sản phi tiền tệ), các lỗ dự phòng trước đây được ghi hoàn nhập vào vốn chủ sở hữu.
Công ty liên doanh, liên kết	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu và không đánh giá suy giảm giá trị trên báo cáo tài chính hợp nhất.	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất và được đánh giá tổn thất nếu có bằng chứng về suy giảm giá trị.
Các khoản phải thu	Các khoản phải thu phản ánh theo giá trị phải thu đến hạn từ khách hàng và các bên nợ khác, trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ theo Thông tư 48 và Thông tư 24.	Các khoản phải thu được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Giá trị ghi nhận này sẽ bị ghi giảm khi có bằng chứng về tổn thất.
Tài sản cố định hữu hình	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Định giá lại hoặc ghi giảm khi có tổn thất là không được phép, trừ phi có quyết định riêng từ Bộ Tài chính.	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá nào.
Các tài sản vô hình	Các tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Việc đánh giá lại hoặc ghi giảm do tổn thất là không được phép.	Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất cứ tổn thất lũy kế nào. Nếu tài sản vô hình có thời hạn sử dụng vô thời hạn thì IAS 38 yêu cầu không tiến hành trích khấu hao cho tài sản.
Dự phòng bảo hiểm nhân thọ	Dự phòng đảm bảo cân đối được trích dựa trên lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.	IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng đảm bảo cân đối).
Dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ	Quỹ dự phòng tổn thất đã phát sinh nhưng chưa báo cáo tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được tính theo công thức mà Bộ Tài Chính ban hành. Dự phòng dao động lớn được trích dựa trên phí giữ lại và kinh nghiệm của lãnh đạo công ty.	Toàn bộ dự phòng được trích cho các ước tính về tổn thất đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết tại ngày khóa sổ và các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại. IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng dao động lớn).
Ghi nhận thuê tài sản	Hợp đồng thuê tài sản được phân loại tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản là hợp đồng thuê tài chính hoặc thuê hoạt động. Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm bắt đầu hợp đồng thuê. Tài sản hoạt động không được ghi nhận là tài sản và các khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.	IFRS 16 hướng dẫn các nguyên tắc cho việc ghi nhận, đo lường, trình bày và thuyết minh về thuê tài sản và yêu cầu bên đi thuê ghi nhận tất cả các khoản thuê tài sản trên báo cáo tình hình tài chính theo phương pháp tương tự như hướng dẫn của IAS 17 đối với thuê tài chính. Tại thời điểm hiệu lực của hợp đồng thuê, bên đi thuê sẽ ghi nhận một khoản phải trả cho các khoản tiền thuê (ví dụ: phải trả tiền thuê) và một tài sản thể hiện quyền sử dụng tài sản đi thuê trong thời hạn thuê (ví dụ: quyền sử dụng tài sản). Bên đi thuê phải ghi nhận riêng biệt chi phí lãi phát sinh từ khoản phải trả tiền thuê và chi phí khấu hao đối với quyền sử dụng tài sản. Chuẩn mực bao gồm hai ngoại lệ đối với việc ghi nhận của bên đi thuê – thuê tài sản có giá trị thấp (ví dụ: máy tính cá nhân) và thuê ngắn hạn (ví dụ: thuê với thời hạn không quá 12 tháng)
Thuế thu nhập	VAS 17 không quy định về các chênh lệch tạm thời và việc ghi nhận thuế hoãn lại liên quan đến hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại, các tài sản ghi nhận theo giá trị hợp lý và các khoản hỗ trợ từ chính phủ.	Các tài sản và nghĩa vụ thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch được khấu trừ hoặc chịu thuế là các chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nghĩa vụ cho mục đích báo cáo tài chính và mục đích tính thuế. Các tài sản thuế hoãn lại cũng phát sinh từ các các khoản lỗ thuế chưa sử dụng hoặc các khoản khấu trừ chưa sử dụng của thuế, nếu có. Giá trị của khoản thuế hoãn lại được ghi nhận dựa trên dự kiến về cách thức thực hiện hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ, sử dụng các mức thuế đã ban hành hoặc có hiệu lực ban hành vào thời điểm khóa sổ.

SCAN ĐỂ XEM
PHIÊN BẢN TRỰC TUYẾN

BAOVIET

| Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
| (+84 24) 3928 9999 / 3928 9898
| (+84 24) 3928 9609 / 3928 9610
| www.baoviet.com.vn

Designed by Value+ 0909 974 479